

HUỶNH ÁI TÔNG

VĂN HỌC MIỀN NAM
1954-1975

TẬP III

Hiên PHẬT HỌC

HUỶNH ÁI TÔNG

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

MỤC LỤC TẬP III

Chương thứ ba: Văn học thời Đệ nhất Cộng Hòa (1954-1963)

Lời đầu sách	7
Tiết sáu: Những văn, thi, họa sĩ cộng tác với Sáng Tạo	9
1) Quách Thoại (1930-1957)	10
2) Nguyễn Văn Trung (1930-)	25
3) Trần Lê Nguyễn (1924-1999)	36
4) Trần Văn Hiến Minh (1918-2003)	42
5) Tạ Tỵ (1921-2004)	45

HUYỀN ÁI TÔNG

6) Huy Quang (1931-2005)	65
7) Lý Hoàng Phong (1924-)	84
8) Nguyễn Phụng (1927-2005)	86
9) Cung Trầm Tưởng (1932-)	88
10) Vĩnh Lộc (1928-)	97
11) Cung Tiến (1938-)	100
12) Lê Cao Phan (1923-)	108
13) Kiên Minh (1929-1985)	112
14) Ngý Cao Uyên (? -)	114
15) Vương Tân (1930-)	116
16) Lôi Tam (1938-)	134
17) Thảo Trường (1936-2010)	152
18) Phạm Nguyên Vũ (-)	156
19) Lữ Hồ (1928-1990)	158
20) Nguyễn Đình Hòa (1924-2010)	170
21) Nguyễn Trung (1940-)	176
22) Võ Phiến (1925-)	183
23) Hoàng Bảo Việt (1934-)	213
24) Nguyễn Duy Diễm (1920-1965)	222
25) Ngọc Dũng (1931-2000)	228
26) Nguyễn Thiện Lâu (1916-1957)	235
27) Mai Trung Tĩnh (1937-2002)	237
28) Phan Văn Dật (1907-1987)	242
29) Lê Huy Oanh (1923-)	259
30) Huy Trâm (1936-)	276
31) Duy Năng (1936-2002)	283
32) Trần Dạ Từ (1940-)	291
33) Hoàng Anh Tuấn (1932-2006)	302
34) Dương Nghiễm Mậu (1936-)	314
35) Diên Nghị (1933-)	322

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

36) Song Linh (1942-1969)	334
37) Sao Trên Rừng (1937-)	335
38) Viên Linh (1938-)	362
39) Nhã Ca (1939-)	384
Tiết bảy: Tổng kết về tạp chí Sáng Tạo	421
Tiết tám: Những tạp chí khác	424
1. Tạp chí Nhân Loại	425
1) Ngọc Linh (1931-2002)	427
2) Vương Hồng Sển (1902-1996)	431
3) Năm Châu (1907-1978)	442
4) Trần Văn Khê (1921-)	453
5) Ngọc Sơn (? -)	468
6) Khổng Nghi (1920-)	490
7) Phan Du (1915-1983)	498
8) Nguyễn Ngu Í (1924-1979)	501
9) Lưu Nghi (1924-1985)	514
10) Quốc Ân (1922-1987)	528
11) Viễn Phương (1928-2005)	541
12) Lê Vĩnh Hòa (1933-1967)	547
13) Trang Thế Hy (1924-)	561
2. Mùa Lúa Mới	592
1) Võ Thu Tịnh (1920-2010)	593
2) Đỗ Tôn (1923-1973)	638
3) Nguyễn Văn Xuân (1921-2007)	658

HUỶNH ÁI TÔNG



Lời Đầu Sách

Tiếp theo tập II, tập này viết về các nhà văn đã cộng tác với Sáng Tạo, đó là những nhà văn không nằm trong số đầu tiên và trong Ban Biên Tập được công bố trong Bộ sau, họ đã được nói đến ở tập II

Tập III này, chúng tôi lần lượt giới thiệu những nhà văn, thứ tự trước sau không theo tuổi tác, chỉ căn cứ vào bài viết của họ xuất hiện trên Sáng Tạo, theo thứ tự thời gian, lần lượt đi từ số 1 cho đến 31, rồi số 1 bộ sau cho đến số 7 là chấm dứt, nên khởi đầu là nhà văn Quách Thoại và cuối cùng là nhà văn Trần Thy Nhã Ca.

Nhờ vào bài viết của nhà văn Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyên và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo*, ông ghi đầy đủ 38 số báo Sáng Tạo và Mục lục của mỗi số báo, nhờ vậy chúng ta được biết những ai đã cộng tác với Sáng Tạo, nhưng tiểu sử mỗi tác giả, bài viết của họ có khi Dương Nghiễm Mậu có ghi vài nét đơn sơ và trích vài đoạn ngắn, đôi khi cũng giúp ích, nhưng thường thì nhiều tác giả không thấy có, do vậy phải tìm nguồn tài liệu khác.

Nhờ Trang mạng Wikipedia (vi.wikipedia.org), nhiều tác giả, nhiều truyện ngắn, thơ được giới thiệu, cũng là một nguồn tài liệu dồi dào, thêm vào đó những trang Mạng Thư viện Việt Nam (tvvn.org), Sách Xưa Net (sachxua.net)... đã giúp ích rất nhiều cho việc biên soạn tài liệu này.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nguồn tài liệu nhiều khi trái ngược nhau, việc chọn lựa, so sánh đánh giá, để chấp nhận đưa vào tập sách này sẽ không tránh khỏi chủ quan, sai lầm, mong được quý độc giả cao minh chỉ dạy cho.

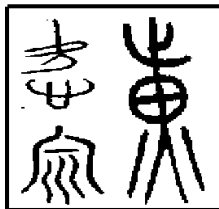
Cũng như đã trình bày trước đây, nhiều tác giả không được đề cập tới trong tập Từ Điển Văn Học Bộ Mới của Nhà xuất bản Thế Giới năm 2004 hay Từ Điển Tác gia Việt Nam của Nguyễn Q. Thắng do Nhà xuất bản Văn Hóa ấn hành năm 1999 vì lý do chánh trị, tập sách này hoàn toàn tự do về chánh trị, tôn giáo ... bất cứ tác giả nào bị thiếu sót, đó là do chúng tôi thiếu tài liệu hoặc do thiếu hiểu biết.

Chúng tôi hy vọng tập sách này sẽ giúp ích các bạn trẻ hiểu được Văn học Miền Nam qua 20 năm hiện hữu, hàng chục tác giả, hàng trăm tác phẩm, nhiều khuynh hướng khác nhau đều nhằm phục vụ, hướng dẫn độc giả, lại cũng nhằm thay đổi bộ mặt mới, để tiến kịp trào lưu văn chương, học thuật thế giới.

Trăm vẽ, muôn màu, chúng tôi chỉ mong mang lại được một phần nhỏ để hiểu đúng Văn Học Miền Nam với những tác giả và tác phẩm của họ.

Cuối Hè 2012

Soạn giả.





Chương thứ ba: Văn học thời Đệ nhất Cộng Hòa (1954-1963)

Tiết sáu: Những văn, thi, họa sĩ cộng tác với Sáng Tạo

Qua 138 số Sáng Tạo, có rất nhiều văn nhân, thi sĩ, họa sĩ, kịch tác gia, nhạc sĩ cộng tác với Sáng Tạo, chúng tôi giới thiệu lần lượt những nhân vật này theo thứ tự thời gian bài viết của họ đã đăng trong Sáng tạo.

Quách Thoại tài hoa nhưng mệnh yếu, ông bắt đầu cộng tác từ số 2, phát hành tháng 12 năm 1956. Sau khi ông mất, số 5, Sáng Tạo dành bài viết Kỷ niệm Quách Thoại với 7 tác giả đã tham gia. Trong tập sách Bốn Cuộc Thảo Luận của Nhà xuất bản Sáng Tạo in năm 1965 do Nguyễn Sỹ Tế viết Tựa, có dành trang đầu ghi:

Tưởng niệm Quách Thoại người đáng lẽ phải có mặt trong cuộc thảo luận

Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà Quách Thoại được giới thiệu đầu tiên.

1) Quách Thoại



Quách Thoại (1930-1957)

Thi sĩ Quách Thoại tên thật là Đoàn Thoại, sinh năm 1930 ở Huế, là em ruột của nhà văn Lý Hoàng Phong

Năm 1948, Thi sĩ vào Nam cộng tác với các báo: Đoàn Kết, Làm Dân . . . rồi làm Tổng thư ký tuần báo Nguồn Sống.

Năm 1955, Quách Thoại viết cho các báo Việt Chính, Người Việt và Sáng Tạo.

Thơ của ông thường đăng rải rác trong các báo trên đây và gom lại thành ba tập: *Giữa lòng cuộc đời*, *Những bài thơ tình đầu tiên* và *Cờ dân chủ* chưa xuất bản.

Năm 1957, Thi sĩ định cho một trong ba tập này ra mắt độc giả. Nhưng phải đình trệ vì cuộc sống hàng ngày quá lao khổ, phần vì bệnh hoạn, phần vì việc làm không được thỏa mãn phần nào theo ý định. Kế đó, Quách Thoại lại bị lao, khi bệnh trở nặng,

phải vào nằm nhà thương Hồng Bàng, rồi tạ thế ở đó ngày 7 tháng 11 năm 1957, hưởng dương mới có 27 tuổi.

Sau khi Quách Thoại mất, tạp chí Sáng Tạo bộ mới số 5. có bảy tác giả KỶ NIỆM QUÁCH THOẠI một thi sĩ tài hoa văn số, là Thanh Tâm Tuyền – Trần Thanh Hiệp - Duy Thanh – Hồ Man – Ngọc Dũng - Lý Hoàng Phong – Mai Thảo.

“THANH TÂM TUYỀN: Thoại có một giọng đọc thơ đặc biệt trước kia tôi ưa nghe, hôm nay tôi quên hẳn không thể nào lập lại được nữa. Tôi đồng ý với Thoại: Những người chết đi là chết đi, rồi một ngày nào chúng tôi, những người còn sống, dần dần quên lãng những kỷ niệm riêng tư về Thoại cũng là tự nhiên. Nhưng lúc ấy, theo ý tôi, người chết chính thực được giải thoát khỏi mọi cùm xích của bè bạn thân thuộc, một mình hoàn toàn tự do và cô đơn đến với những kẻ xa lạ chỉ bằng tác phẩm. Đó là giờ phút ước ao, ở đây hình ảnh thi sĩ chỉ còn tìm thấy được trong tác phẩm của người.

TRẦN THANH HIỆP: Thoại đã chết. Nhưng đời sống vẫn còn đó, đêm vẫn còn đó. Thoại đã làm cho tôi càng cảm thấy đêm thật là cần thiết cho sự ngó nhìn sự sống. Vì cái ánh sáng đặc biệt của nó có thể cho nhìn thấy nhiều sự thật mà ánh sáng của ban ngày che phủ rất kín. Như sự sống của thể xác che đậy cái chết của linh hồn.

DUY THANH: Nghĩ lại đã ba năm Quách Thoại mất đi lúc thì thấy gần, lúc thì thấy xa. Có điều chắc chắn là sự hiện diện tinh thần của chàng thấy gần lắm. Thành thử đó cũng là cách để đôi khi tưởng tượng là Thoại không chết. Có một cái gì tồn tại ít ra cũng trong lòng của mình một cách rất lạ. Không biết cảm giác ấy với những người quen khác của Thoại thì có giống tôi chăng.

HUỲNH ÁI TÔNG

MAI THẢO: Tiếng thơ ấy, tôi muốn ví như một cái cây, kẻ làm chủ nó đã lấy xương tủy máu huyết mình làm phân bón, khi đã lớn mạnh vững chắc thì kẻ đó cũng chết. (...) Kỷ niệm năm thứ ba ngày năm xuống của Quách Thoại, tôi muốn gửi về cho Quách Thoại một tin vui: Thơ hôm nay của chúng ta đã lớn lắm. Những nhà thơ của chúng ta đã lớn lắm. Trong ý thức. Trong thái độ. Trước đời sống... Trên cái khuôn mặt rục rờ đang rửa sạch những phần son xưa cũ, tôi thấy có Quách Thoại. Có thơ Quách Thoại. Nó không phải là cái đỉnh, cái ngọn. Nhưng nó là cái gốc cái nền...”

Cho đến năm 1963, nhà văn Lý Hoàng Phong mới cho in tác phẩm Giữa dòng cuộc đời do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành.



Tác phẩm:

- Giữa lòng cuộc đời (Văn Nghệ, 1963)
- Những bài thơ tình đầu tiên (chưa xuất bản)
- Cờ dân chủ (chưa xuất bản)

Trích thơ:

Tôi khóc

*Ôi! con người thế kỷ ở trong tôi
Đã cất xong ngôi mộ ở cạnh đời
Mà thiên đàng hiển hiện ngự trên ngôi
Cho nên tôi khóc, tôi khóc hoài không thôi.*

Chiều Tận thế

*Sao ta bỗng giật mình lo ngại quá
Hồn ta rên la than khóc hôm nay
Ta muốn ôm, ôm lấy mặt trời ngày
Xoay trái đất cho giáp vòng ánh sang
Ôi! Bình minh một trời xuân chói rạng
Là cuộc đời ta những ước mong thay
Loài người ơi! ta chấp cả hai tay
Đầu cúi lạy, ta nguyện cầu nhấn nhỏ
Vì khổ đau ta phải cần xin xỏ
Chút tình thương buộc chặt giữa người người
Và hoa tươi và trời hồi hoa tươi
Trái tốt đẹp của muôn đời vũ trụ
Có lẽ đâu thời xuân xanh đi ngủ
Thế giới chìm trong ác lạnh hoàng hôn
Người làm chi ta nghe dạ bồn chồn
Trong tiến bộ đã có mầm tiêu diệt
Xin lỗi người, nào tôi đâu có biết
Một chuyến xe vừa mới rớt trên đèo
Những khách hàng đã phải chết rơi theo
Và Mẹ đời hình cưa thân mổ xẻ
Ôi! đau đớn là những đường chia rẽ
Tìm đâu ra những lối đến đại đồng
Có lẽ đâu trời sẽ nổi cơn giông
Rồi sấm chớp xô lâu đài thế hệ
Đau thương, đau thương dường vô kể
Liệu loài người sẽ quyết định chi đây*

HUYỀN ÁI TÔNG

Vấn mình rồi nguy hiểm nắm trong tay
Tưởng hy vọng ngờ đâu thành tuyệt vọng
Không! Không! tôi vẫn hãy còn trông ngóng
Chúa Trời! - Chúa Trời! - Chúa Trời! - Chúa Trời!
Cả cuộc đời không lẽ chỉ trò chơi
Ôi! ma quỷ và Thánh Thần lẫn lộn
Sáng hôm nay chiều hoang sơ hốt độn
Đã gặp nhau cùng trong một buổi ngày
Người ra đời bèn bị chặt hai tay
Không om kịp lấy đầu hay trí óc
Kể vào đâu những lời than tiếng khóc
Một quả bom chỉ vài quả bom thôi
Ôi thôi rồi chủ nghĩa với xa xôi
Chỉ mình chứng một lời kinh Thánh nói
Chiều tận thế tưởng chừng như réo gọi
Rùng mình thay cho thảm cảnh cuối cùng
Rùng mình thay cho cái phút lâm chung
Ôi! mệnh hệ ai ngờ đâu mệnh hệ
Loài người nay trần trùng không Thượng Đế
Dắt nhau đi trong tiến bộ diệu kỳ
Ngày tàn rồi bóng tối đến lâm ly
Đêm u khổ vào cuộc đời tội lỗi
Đêm đã đến chiều nhân gian hấp hối
Ánh sáng ơi! khao khát đến vô cùng.

Trăng Thiều Phụ

Đã mấy đêm trường tôi không ngủ
Nằm thao thức nhớ mảnh trăng thu
Đã biết bao lần tôi tự nhủ
Rằng cho tôi chết giữa âm u

Cớ sao trăng sáng ngoài kia nhi
Làm động tình tôi giữa buổi đêm

Tôi nhắm mắt nằm không dám nghĩ
Sợ nhìn trăng lạnh rớt bên thêm.
Tôi muốn phòng tôi luôn mãi tối
Xin trăng đừng chiếu lớt qua song
Tôi muốn hôn tôi chìm lạc lối
Cho tàn chết hết cả hoài mong

Cơ khổ cho tôi còn nuôi mộng
Làm đau chấn gối giữa đêm thu
Chỉ tội hôn tôi thêm náo động
Mà thương mà sợ mảnh trăng lu

Tôi sợ ngày mai trời sẽ sáng
Trăng thu mơ mộng sẽ không còn
Tôi gặp mặt người người đã bán
Cả mùa xuân đẹp thưở sắc son.

Chao ơi trăng hỡi thu đẹp
Trăng của lòng tôi hay của ai
Tôi mở hồn thơ - thôi khó khép
Gửi cả lên trăng tiếng thở dài

Và cho tôi ngủ cho tôi ngủ
Thao thức làm chi mãi thế này ?
Trăng tội tình chi mà ấp ủ
Mảnh lòng thi sĩ quá thơ ngây

Bởi đâu lệ nhỏ lã trên gối
Tôi thấy cô đơn lạnh lấm rồi
Tôi biết đời tôi e hấp hối

HUYỀN ÁI TÔNG

Mà trắng thì sáng tận trên đời

Không người thiếu phụ đứng bên tôi

hợp tấu

*đừng hoi hóp nữa
đừng than khóc nữa
hỡi linh hồn ta
chập chờn xao xuyên lửa
bởi hôm nay
ta vừa gặp ta
ánh sáng nằm nghiêng ngã giữa
màu sắc dựa thành muôn cánh cửa
đêm và trưa
âm dương hòa đôi lứa
cảm giác tìm nhau tắm rửa
không gian với thời gian lần lựa
gặp nhau vừa khi đứng giữa
trong một giờ thiêng chung đựng
ấm cúng vô cùng
và sâu thẳm mông lung ...
ta thấy trong ta
ái tình giao tay làm khối lượng
nghệ thuật nằm trong kiến trúc
phảng phất lời lẽ một làn hương
tâm linh bỗng nhiên thành vũ trụ vô lường
thực tại bao trùm bởi ảo tưởng
đâu biết màu xanh hay chính ấy âm thanh
ta nghe bản hợp tấu đang thành
ai hát chi mà rạo rức*

dưới đáy linh hồn ta vắng lạnh
bài ca kỳ diệu vút trời xanh
sự vật hiện về trên phim ảnh
nhân loại đi về trong chốn ta
mắt mắt gì đâu nơi vô cùng chân ngã
ta nghe kết thành
âm thanh bao nhiêu thế giới kỳ lạ
giữa sâu xa ...

(GIỮA LÒNG CUỘC ĐỜI)

Ta Úp Mặt

Ta úp mặt mình ta khóc nước nở
Xuân đời lên một mùa hoa mới nở
Thiên Lương cười trên môi nụ còn tươi
Vũ trụ xanh bùng đỏ giữa tim người
Lòng hứa hẹn ước mơ thương đời vô hạn
Tối trần gian khát vô cùng ánh sang
Trăng đã về mâu nhiệm chiếu không gian
Chuông vừa ngân thỏn thức nhạc Niết Bàn. . .

.....
Ta úp mặt mình ta khóc nước nở
Cả loài người đang gục đầu than thở
Mộng cũ tình xuân còn đâu ước mơ
Đèn văn minh đốt cháy rụi bàn thờ
Tàu hiện tại bánh xoay về hoang dại
Đò sông ơi! đã gãy rồi bánh lái
Cuồng phong! cuồng phong! sóng dậy buồm chìm.
Lạc loài kêu xơ xác một đàn chim
Ai hoi hóp đang vùng vằng giữa bể
Hát ca chi lạc làm rồi thế hệ
Ta kêu lên: thiên hạ hãy đi về

HUYỀN ÁI TÔNG

*Trời xanh kia còn say đắm si mê
Yêu tất cả một tình yêu bất diệt
Thương tất cả một tình thương tha thiết
Sáng soi thay là ánh sáng mặt trời
Rõ ràng thay là tiếng nói không lời
Trong đau khổ người nghe chẳng diệu lý
Trong tiến bộ người thấy chưa vô lý
Trăng sao cười chân lý sáng hư vô
Ta cúi xin thế giới thoát mơ hồ*

.....
*Ta úp mặt, mình ta khóc nước nỡ
Vì thương yêu ta xót xa than thở
Tình thi nhân, lòng thủ thi . . . lệ mờ. . .
Cảm hồn đau ta viết vội thành thơ:
“Ta úp mặt mình ta khóc nước nỡ”. . .*

(GIỮA LÒNG CUỘC ĐỜI)

Tôi khóc

*Ôi! Con người thế kỷ ở trong tôi
Đã cất xong ngôi một ở hòn đồi
Mà thiên đàng hiển hiện ngự trên ngôi
Cho nên tôi khóc
Tôi khóc hoài không thôi.
Liêu vãng
Ta nằm giữa cỏ cây
Dưới cành hoa lá phủ
Lặng nhìn trời trôi mây
Lặng nghe đất buồn ngủ*

*Tiếng ai đi trên đời
Ta dường không nghe thấy
Kìa một giọt sương rơi*

Cành cỏ non động đậy

*Ta bò dọc bờ hoa
Say hương ngà ngậy ngát
Ta ôm ấp hôn hoa
Ngủ buổi chiều trợn giác*

*Bình minh tiếng chim hót
Ta tỉnh dậy đêm trường
Mơ màng như trong mộng
Trời đất mờ mờ sương.*

*Đến thăm hoa hướng dương
Người tình nhân buổi sáng
Ta cùng xem mặt trời
Cho đến khi tỏ rạng
Mai qua rồi chiều lại
Ngơ ngẩn lúc hoàng hôn
Nhìn hoa hường ngậy dại
Ta cúi đầu nhẹ hôn*

*Đêm về chị nguyệt tỏ
Ta buồn không nói năng
Ta đến khóc lệ nhỏ
Trên lòng hoa mặt trắng*

*Ta thức một đêm trắng
Tỏ tình với trăng hoa
Ta chết nằm liêu vãng
Không bóng người đi qua.*

HUYỀN ÁI TÔNG

Phạm Văn Thông

*Anh có thấy không
Hai chân nó trôi lên mặt đất kìa
Giữa khoảng đồng không
Anh có nhớ không
Lúc người ta bắt nó ngoài đồng
Thì nó vẫn còn sống
Đến khi nhận đầu nó xuống
Thì nó vẫn còn sống
Anh có nhớ không
Khi người ta lấp đất rồi
Thì nó vẫn còn sống
Anh có hiểu không
Khi người ta chôn nó rồi
Thì nó vẫn còn sống*

*Nó vùng nó vằng
Nó nghe nó ngửi
Nó nhai nó nuốt
Toàn đất là đất
Kìa nó cử động
Ngo ngoe hai chân không
Tôi tưởng còn nghe nó rống
Giữa khoảng ruộng đất im lìm đồng không*

*- Tôi tên Phạm Văn Thông
Tôi không.
Tôi không.
Tôi không.*

- "Mặc kệ nó cứ nhận đầu chôn sống"

- "Không!"

- "Không!"

- "Kệ xác nó cứ nhận đầu chôn sống!"

Đồ lũ bay Việt gian cả giống

Cứ nhận đầu chôn sống!"

Thì nó vẫn còn sống:

Phạm văn Thông.

Sáng Tạo

Tôi đổ lệ khóc đêm nay

Nào các anh có biết

Khi tôi đọc những bài văn anh,

bài thơ anh thấm thiết:

Những mối tình yêu đời bất diệt

của lòng anh, của hồn anh trinh khiết

hiện nguyên hình trên chữ mực vừa in.

*Từ tưởng -- giọng câu -- chứa đựng vạn niềm
tin*

Bao tâm huyết đổ dồn trên ý nghĩ

Thơm tho thay những ý tình tế nhị

Nói không cùng những cảm động ẩn trong lời

Tôi biết các anh những kẻ đã khóc cười

Là những kẻ còn tin yêu vững sống

Còn sáng tạo các anh hãy còn sáng tạo

Mặt trời mọc !

Mặt trời mọc !

Rừng rưng mùa hoa gạo

Lỡ một mai tôi chết trần truồng không com áo

HUỖNH ÁI TÔNG

*Thì hồn tôi xin phảng phất chốn trăng sao
Để nhìn các anh như vừa gặp buổi hôm nào
Và trong câu chuyện tôi sẽ cười nhắc bảo:
Còn sáng tạo ta hãy còn sáng tạo*

Nhà thơ Thanh Tâm Tuyên tưởng niệm Quách Thoại:

"Gửi Quách Thoại

Mặt trời mọc

Mặt trời mọc

Rung rung mùa hoa gạo ...

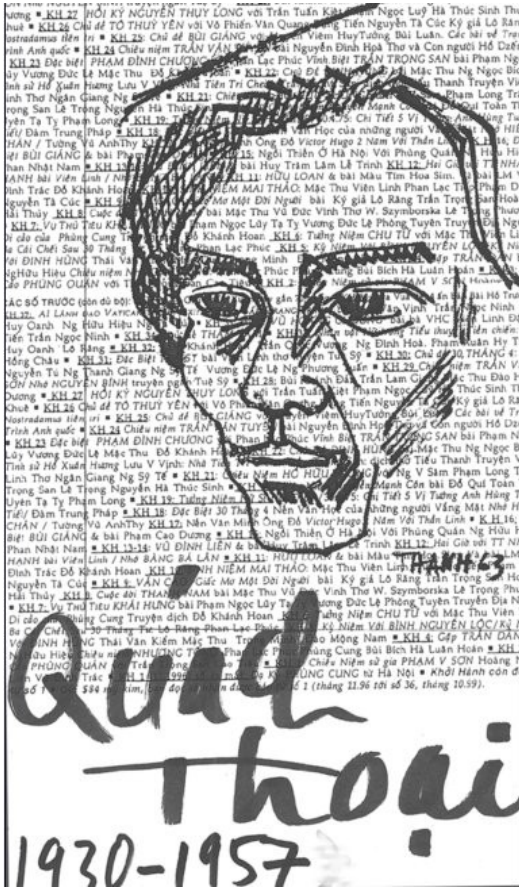
*Mây đục đậu bên bờ cửa sổ
người nằm ôm chăn mỏng nhớ đời
bệnh viện thành công viên khuất nẻo
người ngủ một mình đợi chúng tôi
trời cao trời cao xin xanh biếc
hơi thở rất tròn quanh vành môi
không trách chúng tôi nhiều quên lãng
cửa ngoài chưa thỏa vút tiếng cười
còn thương những kẻ đau rõ máu
những chuyện hôm qua chuyện núi đồi
mai kia thân thể hoang từng mảnh
năm đây rồi cũng rồi mây trời
Thoại ơi Thoại ơi không biết khóc
nhưng giòng nước mắt ướp mặn môi
không chết trần truồng không thể được
chúng tôi đập vỡ những hình hài
cuộc sống phải thừa như không khí
cuộc sống phải thừa như sớm mai*

*Đường hanh bệnh viện dòm tiếng bước
chúng tôi vào giữa lúc Thoại ngồi
xin trao thi sĩ vòng hoa tặng
chúng ta đã thắng giữa cuộc đời."*

Nhà thơ Trần Tuấn Kiệt nhận định như sau: “*Những năm Tạp chí Sáng Tạo xuất hiện [10.1956], đến các Tạp chí Thế Kỷ Hai Mươi [7.1960] và Tạp chí Văn Nghệ [1960], những số báo trình bày có nghệ thuật, tiến bộ, bài vở giá trị xứng đáng có ích cho người đọc, nhất là giới sinh viên học sinh. Qui tụ trên những tờ báo này, vẫn theo Trần Tuấn Kiệt, là “những người trí thức thực sự, không là những vang bóng trường giả kiểu cách như nhiều tuần báo công kích họ. Những nhà văn tiến bộ này đã làm mới nghệ thuật, tư tưởng, sắc bén ngòi bút, trong đó Quách Thoại là một nhà thơ tân tiến muốn làm mới thi ngữ, với một bản chất thơ lạ thường. Người đó có một đời sống nhiều say đắm, và bi thảm đến cùng cực, tâm hồn thơ mộng và cũng không kém ý chí phấn đấu gian khổ, tất cả tạo thành một bản sắc riêng. Thơ ông có một số bài thật hay, biểu tượng sâu xa.”*

Với nhận định của riêng tôi, Quách Thoại là người thơ trẻ duy nhất của thời thế lúc đó xứng đáng là thi sĩ của thời đại: anh nói đến cảnh sống quanh anh, đến xã hội quanh anh, đến chính biến quanh anh - nhiều hơn là nói đến mình và tình cảm riêng tư của mình, một thanh niên vừa qua tuổi hai mươi - và trở thành một thi sĩ chứng nhân của thời đại. Đời sau đọc thơ Quách Thoại sẽ hiểu được thời đại anh như thế nào, về nhiều mặt quan trọng. Và thơ anh lại là thơ rất nghệ thuật, rất sáng tạo, rất có tâm hồn.

HUYỀN ÁI TÔNG



Chân dung nhà thơ Quách Thoại do Duy Thanh vẽ.

Tài liệu tham khảo:

- Quách Thoại Web: sachxua.net
- Quách Thoại Phạm Văn Thông Web: vnthuquan.net
- Viên Linh Quách Thoại nhà thơ thời dựng nước Cộng Hòa Web: nguoi viet.com

2) Nguyễn Văn Trung



Hoàng Thái Linh Nguyễn Văn Trung (1930-)

Tên thật Nguyễn Văn Trung, giáo sư đại học, sinh năm 1930, tại Hà Nam Bắc Việt.

Từ năm 1950 đến năm 1955 du học tại Pháp và Bỉ, có bằng Tiến sĩ Triết học. Luận án tiến sĩ của Nguyễn Văn Trung bảo vệ tại Institut Supérieur de Philosophie, Đại học Louvain là *La Conception Bouddhique du Devenir*.

Ông về nước năm 1955, trước tiên làm giáo sư ở Đại học Huế, giữ chức Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Huế rồi sau đó chuyển về làm giáo sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn cho đến năm 1975.

Ông Nguyễn Văn Trung ngoài việc giảng dạy còn sinh hoạt văn hóa như cộng tác với tạp chí Sáng Tạo với bút hiệu là Hoàng Thái Linh, cũng cộng tác với các báo Tin Sáng, Dân

HUỶNH ÁI TÔNG

Chủ Mối, Hoà Bình... Chủ trương tạp chí Đại Học, Đất Nước, Hành Trình.

Từ tháng 4-1975 đến 1994 sống tại Sài Gòn.

Từ 1994 đến định cư tại thành phố Montréal Canada, ông vẫn tiếp tục viết.

Tác phẩm đã xuất bản:

Phương Pháp Làm Luận Triết Học (chương trình đệ I)

Biện Pháp Giải Thoát Trong Phật Giáo (1958)

Nhận định (6 tập)

Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp ở Việt Nam: Thực Chất Và Huyền Thoại (1963)

Lược Khảo Văn Học tập I, II, III, (từ 1963-1968)

Nhà Văn Người Là Ai, Với Ai, (1965)

Ca Tụng Thân Xác (1967)

Ngôn Ngữ Và Thân Xác (1968)

Hành Trình Trí Thức Của Karl Marx (1966)

Góp Phần Phê Phán Giáo Dục đại Học

Trích văn:

Nhìn lại tư trào hiện sinh tại Miền Nam

“... Tôi cố gắng viết lại những gì tôi đã đọc đã thấy, để một ngày nào đó, thế hệ hôm nay và mai sau, dĩ nhiên chấp nhận hiện tại, và có những lựa chọn từ hiện tại, nhưng cũng buộc phải nghĩ lại quá khứ để có được những lựa chọn xác đáng...”

Sau 1975, một cơ quan văn hoá tư tưởng ở trung ương Hà Nội đề nghị tôi viết về hiện sinh, cấu trúc, tâm phân học. Họ nhấn mạnh vào yêu cầu là tôi viết theo quan điểm của tôi. Lâu lâu lại nhấn nhắc nhờ yêu cầu kể trên. Tôi nhận viết nhưng thắc mắc mãi về yêu cầu “viết theo quan điểm của tôi”. Ở Hà Nội có chuyên gia kể như phát ngôn viên chính thức về hiện sinh đấy, tại sao không yêu cầu ông ta viết? Ngoài ra có ông Trần Đức Thảo là chuyên gia thứ thiệt đấy, tại sao không nhờ? Tôi tìm hiểu thì được biết trước đây Hà Nội có gửi người sang Đông Đức gặp các chuyên gia để tìm hiểu hiện sinh, hiện tượng luận, và được trả lời ở Hà Nội có ông Trần Đức Thảo mà chúng tôi coi là bậc thầy về vấn đề này, tại sao không hỏi ông! Tôi hỏi các bạn quen biết, nhất là các sinh viên cũ của ông Thảo mới hiểu trong chỗ riêng tư thân tình ông Thảo vẫn sáng suốt, nhưng đụng đến nhà nước và đảng, ông tỏ rất “chính thống”, vẫn tự ý gửi thư cho lãnh đạo bày tỏ lập trường chính thức, hơn nữa còn tố cáo người nọ người kia (chẳng hạn như Tố Hữu là tay sai của phòng nhì của Pháp). Tóm lại, người ta cho là ông không bình thường. Về sau ông vào Sài Gòn, có đến thăm tôi, mượn tài liệu để diễn thuyết viết bài, ông cũng nói sẽ theo đường lối chính thức; nhưng nói chuyện riêng tôi thấy ông thật sáng suốt khi phân tách thời cuộc.

Nếu chỉ tìm hiểu hiện sinh về mặt triết học, ở Sài Gòn có Trần Thái Đĩnh cũng là chuyên gia thứ thiệt đã viết sách về hiện sinh trước 75, nhưng yêu cầu viết về đề tài này còn xuất phát từ ý muốn tìm hiểu về mặt văn học nghệ thuật. Về mặt này dù ông Thảo có tinh táo cũng không thể làm được, còn ông Đĩnh thì ít lưu tâm. Vậy chỉ có tôi đáp ứng được yêu cầu.

Tôi để một thời gian viết xong một bản thảo mang tên: “Jean Paul Sartre trong khuôn khổ chủ nghĩa Marx, phong trào cách mạng thế giới và ở Việt Nam”, gồm ba chương:

Chương I: Ảnh hưởng của Sartre ở Pháp các nước công nghiệp phương Tây, các nước chậm tiến và các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa.

Chương II: Sartre trong khuôn khổ chủ nghĩa Marx. Tôi tạm gác các vấn đề lý luận văn học rất khó hiểu ngay cả với những người chuyên về triết học, nên có thể cũng khó hiểu đối với những người lãnh đạo văn hoá tư tưởng Hà Nội. Nhưng nói về những cách áp dụng lý luận Marx xít vào biên khảo sáng tác văn học nghệ thuật sẽ đáp ứng đúng đề nghị. Hơn nữa nội dung những phát biểu về vấn đề này nằm trong khuôn khổ những toạ đàm trao đổi giữa Sartre và những người Marx xít ở Liên Xô Đông Âu hay thuộc đảng Cộng Sản Pháp nên những vị đứng đầu ngành văn hoá tư tưởng Hà Nội có lẽ dễ đón nhận hơn.

Tôi giới thiệu chương II trình bày lối nhìn của Sartre chấp nhận nhiều luận điểm của Marx như những cái khung, khái niệm tổng quát cho những tìm hiểu phân tách thực tại lịch sử hay thực tế trước mắt. Nhưng thật đáng tiếc, theo Sartre, những người tự nhận là đồ đệ của Marx đã chỉ biết nhắc lại những khẳng định lý thuyết có tính cách tổng quát và trừu tượng khi tìm hiểu một thời kỳ lịch sử, một tác giả hay một tác phẩm; nghĩa là chỉ cho người đọc biết những điều họ đã biết trước khi đọc.

Sau khi Sartre qua đời (1980) từ *Le Monde* ở Pháp ra số đặc biệt, trong đó kê khai những tác phẩm của Sartre kể cả kịch,

được dịch trình diễn ở Liên Xô các nước Đông Âu làm cho tôi ngạc nhiên, vì ở Miền Nam trước 1975 Sartre cũng không được dịch nhiều như thế.

Chương III: Về hiện sinh ở Việt Nam. Ở Miền Nam tôi chứng minh cho thấy đế quốc Mỹ không ăn nhằm gì tới việc du nhập hay phổ biến hiện sinh, vì Miền Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hoá Pháp, và vì tư tưởng văn hoá Mỹ không có triết học hiện sinh ngay tại Hoa Kỳ; nhưng lý do chính là vì Hoa Kỳ sử dụng những đường lối khác để truyền bá lối sống Mỹ cho cả thế giới. Không riêng gì Việt Nam, dựa vào một thứ văn hoá đại chúng không mang tính chất đòi trụ, sa đọa. Còn ở Miền Bắc tôi thực sự kinh ngạc không tìm thấy một cuốn sách hay một bài viết ngắn nào của Sartre được dịch giới thiệu một cách nghiêm chỉnh, vì những người viết về hiện sinh đã bị mất bị tai không đọc không nghe, và khi phát ngôn lại toàn nói những điều tầm bậy, tố cáo kết án Sartre, mặc dầu những người lãnh đạo chính trị như Thủ Tướng Phạm Văn Đồng đã chân thành cảm tạ Sartre về thái độ bệnh vực Việt Nam của ông.

Ngoài ra tôi cũng được yêu cầu phát biểu về vụ lời qua tiếng lại giữa Chế Lan Viên và Hoàng Ngọc Hiến liên quan đến hiện sinh. Đó là những gì tôi viết vào 1980-1981. Mười năm sau các ông Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng chủ trương *Địa chí văn hoá TP H.C.M.* đề nghị tôi viết bài về hiện sinh ở Miền Nam trước 75 và bài về Văn hoá Ki Tô giáo vùng Sài Gòn, Gia Định. Bài về hiện sinh do ban chủ biên đánh máy đã trả tiền nhuận bút nhưng không đăng.

Tháng chạp 1995 tờ *Tin Nhà* ở Paris tung ra phụ bản *Bên lề cuộc đối thoại dân chủ: Lữ Phương, Nguyễn Kiến Giang,*

Nguyễn Văn Trung. Phần A: “Cảnh giác?” đăng lại bài: “Người truyền bá hiện sinh nói về chủ nghĩa hiện sinh” của Thái Kế Toại trong cuốn: *Hãy Tỉnh Táo*, tập II, nhà xuất bản Thanh Niên 1991”. Tôi ở Việt Nam mãi cuối 1993 mới đi Canada, nhưng không hề hay biết gì về bài của Thái Kế Toại. Tuy vậy, cuốn sách kể trên có lẽ không gây chú ý nào ở trong nước, không ai lưu tâm đến loại sách này và mất thời giờ tìm hiểu này nọ, vì ai cũng biết đây là loại sách viết theo luận điệu chính thức mà người chủ trương cũng như tác giả đều không tin. Chắc chắn ông Thái Kế Toại đã mượn đọc bài tôi viết cho địa chí văn hoá đem xào nấu lại, thêm bớt cho đúng yêu cầu phục vụ đường lối giai đoạn; và để tăng sức thuyết phục, ông cho biết đây là “bản thu hoạch tự phê trong thời gian học tập chính sách sau 30-4-75” ! Lề lối viết lách kiểu này rất phổ biến. Bài tôi viết về ông Trần Đức Thảo cũng rơi vào tình cảnh tương tự: một người nào đó cắt bỏ những chỗ tôi phê phán, làm cho bài của tôi trở thành một bài ca tụng ông Thảo đúng theo đường lối lúc đó về ông Thảo. Tôi biết tạp chí *Đổi Thoại* ở hải ngoại có đăng lại bài đã bị sửa chữa cắt xén thì bài viết về Trần Đức Thảo cũng tương tự bài về hiện sinh của ông Thái Kế Toại. Tôi không phiền trách ông Thái Kế Toại, vì xét theo một mặt ông cũng có ý tốt bảo vệ tôi nếu tôi sống ở trong nước; còn nếu tôi ra nước ngoài bị nghi ngờ tố cáo này nọ thì đành vậy. Tôi chỉ nói điều này thôi: Những người chống Cộng một mặt luôn luôn tố cáo Cộng Sản nói dối lường gạt, nhưng mặt khác họ vẫn tin lời nói dối lường gạt và xử sự hành động theo sự tin tưởng đó.

Như vậy phải chăng họ biện minh cho đường lối tiếp tục bịa đặt lường gạt; vì chỉ khi nào không còn ai tin nghe những lời

nói bịa đặt lường gạt, thậm chí không nhắc tới nữa, nhất là không bao giờ sử dụng những luận điểm chính thức khen chê cho những mục đích khen chê của mình và vô tình trở thành công cụ khách quan phục vụ đường lối của những người mà họ thù ghét, chỉ lúc đó mới thực sự có đường lối chính thức thấy cần thiết nói sự thật.

Sau cùng tôi giới thiệu bài phỏng vấn về hiện sinh trước 75 cho thấy về căn bản không khác gì lối nhìn của tôi sau 75. (.....)

Giáo sư Nguyễn Văn Trung viết rất nhiều bài về văn học, phê bình văn chương, triết học, những bài viết của ông có khi được phân bác, chẳng hạn như thư ngỏ của Linh Mục Trần Thái Đĩnh sau đây:

Thư ngỏ gửi GS. Nguyễn Văn Trung

Anh Trung,

Cách đây chừng hai tháng, tôi được một người bạn gửi cho bài “Người truyền bá chủ nghĩa hiện sinh nói về chủ nghĩa hiện sinh”, do anh ấy cắt ở tập tài liệu “Hãy Tỉnh Táo”. Tôi bận quá, nay mới viết trả lời anh được, vì tôi coi đây là một món nợ tinh thần đối với sự thật, cũng như đối với bạn bè, trong đó có người đã chết như anh Lê Tôn Nghiêm, có người nay sống xa thành phố chúng ta như LM Thân Văn Tường.

Anh nói anh Lê Tôn Nghiêm, LM Tường và tôi nắm trong âm mưu của đế quốc Mỹ muốn dùng chủ nghĩa hiện sinh để lũng đoạn xã hội miền Nam trước 75. Theo bài kể lại, thì anh đã nói: “Để truyền bá chủ nghĩa hiện sinh có chất lượng, Mỹ đã sử dụng những giáo sư có khả năng, uy tín vào mục đích này...Đợt đầu hầu hết là những giáo sư du học ở nước ngoài

tham gia truyền bá chủ nghĩa hiện sinh như Lê Tôn Nghiêm, Trần Thái Đình, Nguyễn Văn Trung, Lê Thành Trị, Thân Văn Tường...” (tr. 72). Tôi rất lấy làm lạ sao [2] anh lại lôi chúng tôi vào câu chuyện của anh! Mà nói Mỹ dùng chủ nghĩa hiện sinh làm vũ khí phá hoại cũng là điều không đúng sự thật, vì:

a) Mỹ làm gì có chủ nghĩa hiện sinh mà mang vào VN? (Chủ nghĩa hiện sinh là riêng của Pháp mà Mỹ không bao giờ ưa Pháp, cũng như Pháp không bao giờ chịu Mỹ). Tôi đó ai có thể kể tên một triết gia hiện sinh người Mỹ. Ngay bên Anh quốc, triết hiện sinh cũng hoàn toàn vắng bóng: năm 1956, tôi nghỉ hè 4 tháng bên Anh, ở chung một trại hè với một giáo sư triết người Anh trong vòng 1 tuần. Ông này rất thông thạo về các trào lưu tư tưởng triết học cổ kim, nhưng về triết hiện sinh, ông chỉ đọc Heidegger và Jaspers, và ít đọc Sartre. Ông bảo Sartre chỉ là văn chương, và “văn chương bản thiêu” (ông nhắc tới cuốn “La Nausée” và cuốn “l’Âge de Raison” của Sartre). Ông cho tôi coi tuyển tập triết Tây Phương bằng tiếng Anh, trong đó người ta dành cho Sartre một bài duy nhất hai trang, dịch sang Anh ngữ: The Hole (le trou, cái lỗ) Phải chăng anh Trung đã cảm hứng trang sách này của Sartre để viết rằng ... người đàn bà là “cái lỗ thịt”?

Vậy như mọi người đều biết chủ nghĩa [3] hiện sinh là một phong trào chỉ có tại Pháp, do ảnh hưởng lớn lao của Sartre về văn chương và văn nghệ (tiểu thuyết, kịch nghệ, điện ảnh, “các động hiện sinh” của giới trẻ), nhưng giới hiểu biết, nhất là giới đại học và giới cầm bút, đều biết 4 cái triết cùng được gom lại trong phong trào hiện sinh chẳng có gì giống nhau hết. Cho nên những vị giáo sư triết được mọi người khâm phục như J. Walls, P. Ricoeur... đều đồng ý gọi triết của K. Jaspers là philosophie de l’existence (triết hiện sinh), triết của Heidegger là philosophie de l’être (triết hiện hữu), triết của Marcel la Néo-Socratism (Tân Socrate, hoặc triết học hiện hữu: “Être et Avoir” là một trong những tác phẩm nòng cốt của ông). Vậy

chỉ còn Sartre là được dành cho danh xưng existentialisme (chủ nghĩa hiện sinh). Triết của Heidegger rất sâu xa và khó hiểu, vì ông muốn cái làm cho mỗi sự vật là nó. Triết của Jaspers là một sự vươn lên không ngừng, vươn tới chân tướng của con người và vươn lên tới siêu việt. Triết của Gabriel Marcel là một sự tra vấn về bản chất con người, bản chất xã hội. Chỉ có triết của Sartre là một thứ buông thả và ông dùng quá nhiều chất liệu dục tính trong các phân tích về con người. Chính Sartre cũng là triết gia duy nhất trong nhóm hiện sinh đã sống hết sức buông thả, có thể nói là vô luân. Suốt 30 năm trời, [4] ông đã sống như đôi vợ chồng với Simone de Beauvoir, mà không phải là vợ chồng. Rồi về cuối đời, cả khi ông đã ngoài cái tuổi thất thập cổ lai hy, lại có thêm hai người phụ nữ nữa, cùng với Simone, phục vụ sinh lý cho ông: đó là Arlette, “người con nuôi” của Sartre trên danh nghĩa pháp lý, và một người đàn bà nữa mà tôi không nhớ tên, và không có tài liệu trong tay. (Xin xem Document Paris-Match, bài của Bernard-Henry Lévy, quãng năm 1991)

Tôi thấy cần nhắc lại những điều này có vẻ thừa quá, nhưng vẫn phải nhắc lại, vì bài thuyết trình của anh có những chỗ nhập nhằng. Chẳng hạn anh nói anh Lê Tôn Nghiêm, LM Tường và tôi giảng dạy chủ nghĩa hiện sinh ở Đại Học, có thể bản thân anh đã làm việc này, chớ chúng tôi thì tuyệt đối không: hãy soát lại các giáo trình của anh Nghiêm và của tôi ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và Đại Học Văn Khoa Huế, có bao giờ chúng tôi dạy chủ nghĩa hiện sinh đâu? LM Thân Văn Tường có dạy Đại Học bao giờ đâu? Ông chỉ dạy Đại Chúng Viện Sài Gòn. Không lẽ ông giảng dạy chủ nghĩa hiện sinh cho các chủng sinh? Thực ra ông chỉ viết mấy bài về triết Gabriel Marcel trong tạp chí Bách Khoa thôi, mà triết của Marcel đâu có phải là thứ triết [5] buông thả và sa đọa?

b) Bài thuyết trình của anh làm cho người ta có cảm tưởng như đế quốc Mỹ đã chi phối và khuynh đảo việc giảng dạy Đại Học

HUỲNH ÁI TÔNG

ở Sài Gòn trước 75 đã có phần nào tự trị Đại Học, không có Mỹ nào, đảng chính trị nào, dù là Đảng Cần Lao của Nhu-Diệm, ở trên hoặc cạnh Hội Đồng Khoa. Trừ một trường hợp dưới chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm: Giám Mục Ngô Đình Thục đã ép chính quyền, cụ thể là Viện Đại Học Huế, không cho anh dạy ở Huế nữa, và chuyển anh về Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Cũng Giám Mục Thục lấy giáo quyền cấm tôi không được dạy triết Ấn Độ và tư tưởng Phật giáo ở Đại Học Văn Khoa Huế nữa. Thật ra đây là vấn đề cá nhân. GM Thục cấm tôi dạy về Phật Giáo, nhưng ông không có quyền cấm dạy môn tư tưởng Ấn Độ và Phật Giáo, vì giữa lúc đó Thượng Tọa Thích Thiện Ân vừa đậu Ph.D. ở Nhật về tới Huế, và Thượng Tọa tiếp tục giảng dạy môn mà tôi đã phụ trách từ ba năm trước đó. [6]

Trở lại nền tự trị đại học, anh còn biết rõ hơn tôi rằng các giáo sư phụ trách các bộ môn đều toàn quyền và chịu trách nhiệm soạn thảo giáo trình, giảng dạy, ra đề thi, chấm thi, cho đậu hoặc đánh trượt về môn mình phụ trách.

Đàng khác, cho tới tháng 4/1975, nền đại học miền Nam và cụ thể là Đại Học Văn Khoa Sài Gòn vẫn nằm gọn trong tay các giáo sư du học ở Pháp hay ở Bỉ về. Mấy anh em du học ở Mỹ về đều chịu cảnh “ăn cơm nguội, nằm nhà ngoài”, khó được trọng dụng, và nếu được thu dụng thì bị xếp lương thấp. Vấn đề văn bằng M.A. chỉ được xếp lương ngang với Cử Nhân, và việc các đương sự đã tranh đấu để được xếp ngang hàng với Cao Học, là một cuộc kèn cựa dai dẳng ai cũng biết.

Tóm lại, nếu chỉ có triết của Sartre là chủ nghĩa hiện sinh, thì rõ ràng chỉ có anh Trung và mấy đệ tử của anh, cộng thêm vài nhà thơ, là những người đã truyền bá chủ nghĩa hiện sinh bùng nổ trước năm 75. Anh Lê Tôn Nghiêm có viết về triết hiện sinh của K. Jaspers, nhận việc xuất bản bản dịch cuốn “Triết Học Nhập Môn” [7] của Jaspers, mà anh đã thực hiện.

LM Thân Văn Tường viết mấy bài sâu sắc về triết Gabriel Marcel. Còn tôi, chiều theo ước muốn chánh đáng của một số anh em trí thức và sinh viên muốn hiểu nguồn ngọn của triết hiện sinh, tôi đã bỏ công nghiên cứu các tác phẩm của Kierkegaard, của Nietzsche, của Husserl và của 4 triết gia hiện sinh, từ 4 triết gia trong cái phong trào mệnh danh là hiện sinh. Tôi đã nghiêm khắc phê phán triết học của Sartre, đồng thời đề cao những nét hướng thượng và cao đẹp của triết Jaspers và triết Marcel. Đó là điều người ta không thấy nơi anh Trung. Anh say sưa phổ biến tư tưởng của Sartre. Sartre viết 5 hay 6 cuốn “Situations”, thì anh Trung cũng viết theo 4 hay 5 cuốn “Nhận Định”, và cuốn “Ca Tụng Thân Xác” của anh Trung hao hao như cuốn “La Nausée” và cuốn “L’Âge de Raison”. Anh Trung nói một số anh em Giáo Sư Đại Học nằm trong “âm mưu của đế quốc Mỹ” sử dụng anh em để tha hóa và làm sa đọa xã hội miền Nam trước 75. Nếu chỉ có triết của Sartre và chủ nghĩa hiện sinh của Sartre là dơ nhớp và tha hóa con người, nhưng đúng là chỉ có anh Trung và mấy đệ tử của anh là những người đã gây ảnh hưởng xấu trong giới trẻ miền Nam trước 75, trong cái gọi là phong trào chủ nghĩa hiện sinh. [8]

Bạn bè đều thấy anh Lê Tôn Nghiêm và tôi là những người không có tham vọng chánh trị, không tham gia nhóm nào hết. Không phải chúng tôi nhát dảm, nhưng bản chất con người chúng tôi là những nhà giáo thuần thành, chỉ lo nghiên cứu và giảng dạy. Còn anh Trung, ngoài việc viết văn, anh còn đi vào hoạt động chánh trị với tờ “Hành Trình” và tờ “Đất Nước” mà anh là người sang lập và chủ biên. Anh lại còn giao dịch với các chánh khách, ta có, Mỹ có, trong số này có thượng nghị sĩ Mc Govern đã có lần vận động để được ra tranh cử chức Tổng Thống Mỹ sau đó, nếu tôi không nhớ lầm. Có lẽ vì tất cả những chuyện phức tạp này mà sau năm 1975, anh Trung đã được chánh quyền cách mạng mời đi tĩnh tâm dưỡng trí mấy tháng tại Chí Hòa

HUYỀN ÁI TÔNG

Res clamat domino, của chủ nào thì thuộc về chủ đó, không nên gắp bỏ cho người. Ngay thẳng là cái đức của con người trí thức!

Bình Thạnh 6/2/1996
Đã ký Trần Thái Đĩnh

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Trung Web: gio.o.com/NguyenVanTrung.html
- *Thư* của Cha *Trần Thái Đĩnh* gửi *Nguyễn Văn Trung* Web: chuyenluan.net

3) Trần Lê Nguyễn



Trần Lê Nguyễn - Nguyễn Trọng Tạo (1924-1999)

Trần Lê Nguyễn tên thật là Nguyễn Huy Tạo, sinh ngày 4 tháng 8 năm 1924 tại Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. Trước năm 1954 ông đi kháng chiến.

Ông vào Nam trước năm 1954. Ông là người đã thuyết phục nhà văn Thanh Nam vào Sài Gòn sinh sống vào những năm đầu thập niên 1950.

Năm 1955 ông cộng tác với Nguyễn Văn Xuân làm tờ Văn Nghệ Mới xuất bản tại Huế, và cho in kịch dài *Bão thời đại* trên tạp chí này, mãi tới năm 1968 vở kịch này mới được nhà xuất bản Sáng Tạo in thành sách. Trong mấy chục năm lúc nào Trần Lê Nguyễn cũng có những dự án sân khấu, nhưng tất cả chỉ là dự án. Ngoài *Bão thời đại* ông còn viết *Ngôi Nhà Trên Đồi Thông* và nhiều kịch bản khác từng được in trên các tạp chí, nhưng tất cả chưa bao giờ được dựng trên sân khấu.

Trần Lê Nguyễn cộng tác với Sáng Tạo rất sớm, ông viết phê bình kịch, điện ảnh. Trần Lê Nguyễn còn cho in nhật ký và thơ. Ông là một kịch tác gia nhưng không thấy có kịch in trên Sáng Tạo. Những sáng tác của Trần Lê Nguyễn in trên Sáng Tạo gồm:

- *Các em đi vào mai sau* (5)
- *Ngày tháng rời của cuộc đời* (17)
- *Giao duyên* (17)
- *Phương 2* (23)
- *Anh* (24)
- *Nguyện ước* (25)
- *Đôi mắt* (31)
- *Nhật ký* (31)
- *Màu đen* (6 bộ mới)

Ông mất tại Sài Gòn ngày 7 tháng 7 năm 1999, thọ 75 tuổi.

Tác phẩm:

- *Bảo Thời Đại* (kịch - Sáng Tạo, 1968)

Anh

*Tôi gọi là Anh
Vì Anh đã chết
Như mới hôm qua
Anh chết yên lành tại nhà thương thí
nơi hằng mong ước của nhiều cuộc đời
Chúng ta đều chết ở nhiều nơi mang chung ý nghĩa
Một nhà thương thí
Tôi không muốn nghĩ tới bệnh lao
Vải liệm bát cơm quả trứng
Phút cuối không người ruột thịt
Chẳng đối dăng
kẻ vuốt mắt là ai xa lạ
Sẽ không xứng đáng với Anh
Anh đón chờ những thứ ấy như người tín đồ Công giáo
câu nguyện Chúa
như nhà sư niệm Phật
Anh mãi nguyện qua đời
Như kẻ độc hành vượt xong sa mạc
Trước đây Anh đã chết dần mòn
nôn mửa vào tháng ngày trong ba mươi năm
thờ đủ thứ vi trùng
trần truồng đến có ăn cắp cũng không còn tội
Chúng nó ăn cướp của Anh
cơm áo
tự do
đến cả khí trời cũng không vừa ngực
Anh chết như Vũ Trọng Phụng người anh đi trước
viết tác phẩm cuối cùng trả nợ cho đời
với ước mong nhỏ mọn
sống được ăn cơm
Anh chết như một người bạn trẻ nào đang hấp hối*

*(đĩ nhiên cũng trong nhà thương thí
và một căn bệnh như Anh)
khi mới rời tập bản thảo đầu tay
yêu năm bảy người con gái mà chưa có ai là tình nhân
tự nguyện làm con thiêu thân
khi chưa đầy hai mươi tuổi
Anh chết tác phẩm không hề in
Mong được đăng từng bài thơ
Trên trang báo của người quen biết
Anh chết túi không 1\$
khi lũ bạn có tiền
trong số có tôi
và như vậy rất humain
Tôi chỉ nghĩ đến Anh khi bắt đầu ho đêm nay
tôi không mắc bệnh lao
|nhưng Saigon đã mùa mưa
gian nhà trống áo không đủ ấm
Tôi nghĩ đến Anh
khi người ta chết vì nhiều thứ ở trên đời
Anh đã được là Anh
nên Anh không hiểu chúng tôi những người đang sống*

(Tập chí Sáng Tạo số 24)

Phuong

*Anh yêu em không ngủ đêm nay
Từ có em
người đàn bà một đêm yêu trở nên vô nghĩa
Hành động của yêu
qua không gian tiếp nối thời gian
như hơi thở có ngưng không bao giờ dứt
phút sống ngập đầy*

HUYỀN ÁI TÔNG

ý nghĩa lừa dối tìm thấy
khi em không còn trong tay
Anh đã yêu cùng cực
đến không còn em
sống với màu xanh quá khứ
sương sớm nắng chiều
bông hoa nở giữa hai ngành héo buổi em đi
hơi thở nghẹn ngào
mi khép ứa giòng nước mắt
Anh ôm thật chặt khoảng trống căn nhà hoang
như thấy em cả đời trọn vẹn
nửa đêm nào thức giấc.

Anh chẳng bao giờ có em
chỉ có bốn mắt nhìn nhau một chiều súng đạn
Em có nhớ ra anh
Anh có nhớ ra em
Đường nắng không một bóng dừa
một ngã ba hoang vắng
Anh chẳng bao giờ có em
chỉ có một đêm chớm lạnh
mưa trên sông
nghe tiếng thở dài của kẻ chung đôi
cùng tiếng thở dài của kẻ cô độc
Anh chẳng có em nụ cười
chỉ có em nước mắt
Anh muốn giết em để đừng thấy lệ em rơi
để đừng bao giờ em bỏ đi
đừng bao giờ em tìm tới

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Tiếng em kêu thút thanh đêm nào
Anh nghe chính lời anh hấp hối
Tại sao anh yêu em
Tại sao em yêu anh
Tình yêu rất hiếm một con đường xanh
rất nhiều những con đường lộn
Em có nhớ những chiều ngoại ô
buổi sáng ngồi xe thổ mộ
tiệm nước bên dây quan tài
hàng cây trong nghĩa địa
Anh nhớ em gục vào vai anh ướt
nước mắt mặn của môi
chua chua miếng thơm em đem qua nhà giữa trưa rất nắng

Có một hôm anh khen em đẹp
người ta sung sướng nép đầu vào ngực tôi
Em ơi em ơi em ơi em ơi
Anh yêu em không thể nào ngủ được.

1957

(Tập chí Sáng Tạo số 23)

Về thơ Trần Lê Nguyễn, Thanh Tâm Tuyền đã viết:

“Mỗi bài thơ của Nguyễn là một nỗi đầy cô đơn. Nếu tôi nói
hắn sống rất vui trong cô đơn, anh sẽ cười tôi. Bởi anh đã khổ
vì cô đơn.

Thực ra tôi phải nói là hắn bằng lòng trong cô đơn, vì nơi đó
hắn được sống với anh, trong cái thế giới lạnh lẽo đáng sợ, hắn

HUYỀN ÁI TÔNG

được chia sẻ với nhiều người, những người không được gặp nhau. Như hấn và người yêu của hấn:

*Anh đã yêu cùng cực
đến không còn em*

.....

*Anh ôm thật chặt khoảng trống căn nhà hoang
như thấy em cả đời trọn vẹn
nửa đêm nào thức giấc*

Như hấn và một người bạn nào:

*Và những đêm nhìn trăng sao
dưới mái hiên nhà dây thép tôi nói với anh
về trời đất về ước vọng hai đứa mình ở đời.”*

Tài liệu tham khảo:

- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyên và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo* Web: hopluu.net

4) Trần Văn Hiến Minh



Đức Ông Gioan Maria Trần Văn Hiến Minh (1918–2003)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Ông Trần Văn Hiến Minh sinh ngày 19-6-1918 tại Sa Châu, Bù Chu, tỉnh Nam Định Bắc Việt

Từ năm 1932-1938, ông nhập Tiểu Chủng viện Ninh Cường, Bù Chu

Từ năm 1938-1946, du học ở Rôma, Ý. Ngày 19-3-1944 thụ phong linh mục tại Roma

Năm 1945-1946, đỗ bằng Tiến sĩ triết học và tiến sĩ thần học tại Rôma

Năm 1946-1950, sang Paris, theo học và đỗ bằng Cử nhân xã hội học tại Paris. Giữ chức vụ Tuyên úy Liên đoàn Công giáo Việt Nam tại Pháp, lập giáo xứ Việt Nam tại Paris

Về nước năm 1950, từ đó cho đến năm 1960, là Giáo sư, giám đốc Đại Chủng viện thánh Tôma, Bù Chu. Di cư vào Nam năm 1954.

Từ năm 1957-1999, là Linh mục Đại diện Bù Chu tại miền Nam

Từ năm 1960-1967, Giáo sư triết học tại Đại Chủng viện thánh Giuse, Sài Gòn. Linh mục Bề trên 2 trường trung học Nguyễn Bá Tòng, Sài Gòn và Gia Định cho đến năm 1975

Từ năm 1960, Giáo sư triết học dạy tại các trường: Nguyễn Bá Tòng, Trần Hưng Đạo, Chu Văn An, Trưng Vương và Trường Sơn, sau đó là Giáo sư Đại học Văn Khoa, Sài Gòn, Giáo sư triết học và thần học tại Đại Chủng viện thánh Giuse Sài Gòn, Giáo Hoàng Học viện Piô X, Đà Lạt

Giám đốc nhà in Nguyễn Bá Tòng

HUỖNH ÁI TÔNG

Từ năm 1963-1975, Đại diện Đức Tổng Giám mục Sài Gòn tại Hội đồng Liên tôn,

Năm 1993, Toà Thánh ban tặng tước Đức Ông nhân dịp kim khánh linh mục

Năm 1999, nghỉ hưu

Ngày 21 tháng 10 năm 2003, ông từ trần tại trụ sở Bùi Chu, 1B Tôn Thất Tùng, TP.HCM, thọ

Tác phẩm:

- *La conception confucéenne de l'homme* (1957)
- *Đạo đức học*
- *Tâm lý học*
- *Luận lý học* (viết chung Trần Đức Huỳnh, nxb Nguyễn Bá Tông, 1962)
- *Từ-điển và danh-từ triết-học* (Ra Khởi, 1966)
- *Tam giáo Đại cương Triết học Đông Phương* (viết chung với Vũ Đình Trác)

Trích văn:

Ngay từ năm 1952, xuất bản tại Hà Nội cuốn Danh từ Triết Học do một nhóm Giáo sư dạy Triết Học trong một số trường công tư.. Mục đích của những người biên soạn ra nó là muốn đáp lại nhu cầu Việt hóa môn Triết Học, một môn quan trọng trong chương trình tú tài phần hai Việt Nam lúc đó vừa mới manh nha. Năm 1956, tại Sài Gòn, nhóm họp Hội nghị thống nhất ngôn ngữ từ 5-9 tới 10-9. Trong Hội Nghị này được thiết lập một ban từ ngữ chuyên môn mà chúng tôi hân hạnh được bầu

làm Trưởng Ban. Riêng chúng tôi giữ Tiểu Ban danh từ Triết Học và đã cố gắng độc giả một số danh từ làm mẫu in trong Đặc san về Hội nghị thống nhất ngôn ngữ tháng 11-1956 của Văn Hoá nguyệt san, số đặc biệt 16..Năm 1959, một nhóm Giáo sư Đại Học Huế với sự hợp tác của nhiều nhân sĩ đã cho xuất bản cuốn Danh từ Triết Học mới để thay thế cuốn Danh Từ Triết Học 1952 đã không còn bán trên thị trường. Từ đó tới nay đã hơn 6 năm, sau bao nhiêu chờ đợi và lưỡng lự, chúng tôi đánh bạo xuất bản cuốn Từ Điển và Danh từ Triết học này, nhằm tiếp tục và bổ xung cho các cuốn trước..

(Trích Lời mở đầu Từ điển và Danh từ Triết-Học)

Tài liệu tham khảo:

Trần Văn Hiến Minh Web: liendoanconggiao.net

5) Tạ Ty

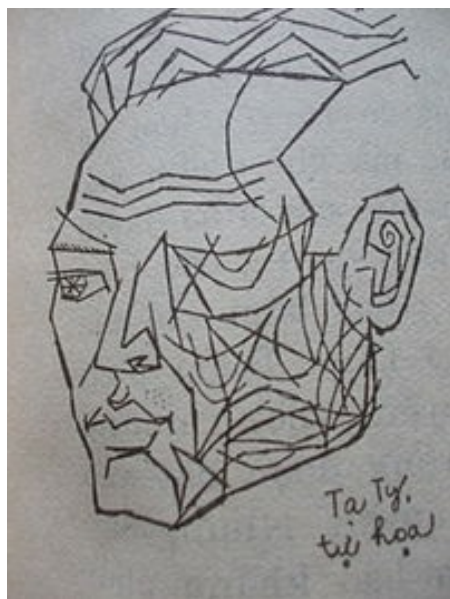


Tạ Ty - Tạ Thành Ty (1921-2004)

HUỶNH ÁI TÔNG

Tạ Ty tên thật là Tạ Văn Ty, sinh ngày 3 tháng 5 năm 1921 tại Hà Nội. Trong giấy khai sinh của ông ghi ngày 24 tháng 9 năm 1922, vì khai muộn mất một năm.

Từ khi còn là một sinh viên, Tạ Ty đã thành danh khá sớm. Năm 1941, nhờ nhận một giải thưởng tranh, ông được đến thăm kinh đô Huế.



Nhập học năm 1938, năm 1943, ông tốt nghiệp đồ đầu tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương tại Hà Nội. Tác phẩm đầu tay về hội họa với nhan đề **Mùa Hạ** đã được giải thưởng tại phòng triển lãm Salon Unique tại Hà Nội vào năm 1941, do chính phủ Pháp tặng.

Từ năm 1940-41-42, đã có những tác phẩm được tuyển lựa để gửi đi dự thi những cuộc Triển Lãm Quốc Tế như Nhật Bản và Hoa Kỳ v.v...

Từ năm 1943, là người đầu tiên đưa nền Hội Họa Việt Nam vào con đường tiên tiến của nền Hội Họa Âu Châu.

Năm 1946, tác phẩm **Hoa Đăng** trưng bày tại phòng Triển Lãm Mùa Thu, trước ngày kháng chiến đã được Hiệp Hội Báo Chí Việt Nam tặng giải thưởng.

Chiến tranh Việt Pháp nổ ra, Tạ Ty cùng với nhiều họa sĩ Việt Nam khác, đã tham gia mặt trận Việt Minh chống Pháp và ông là người thầy dạy mỹ thuật đầu tiên trong Liên khu 3. Tác phẩm "Nhớ Hà Nội" năm 1947 được Tạ Ty vẽ trong giai đoạn này.

Vào năm 1948, đã thực hiện một phòng triển lãm trong kháng chiến (tại Liên Khu 3) cùng với Văn Cao và Bùi Xuân Phái

Tháng 5 năm 1950, Tạ Ty rời khỏi vùng kháng chiến để trở về Hà Nội. Ông viết cho một người bạn rằng "Cách suy nghĩ của tôi không hợp với kháng chiến sau mấy năm chung sống với họ".

Năm 1952, ông triển lãm 55 họa phẩm tại Hà Nội, trong lần triển lãm này có thể bức tranh *Đàn Bà* của ông đã có dự, và bức tranh *Có Đơn* được sáng tác trong thời gian này, được nhà Sotheby bán đấu giá vào tháng 4 năm 2000, được 19,550 Singapore dollars. Trong Catalogue của Sotheby ghi chú về bức tranh này: *Đây là một trong những tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ Lập Thể của Tạ Ty. Tác giả sử dụng tài tình những màu sắc mạnh mẽ, đặt nhân vật ngay vào ngay trung tâm bức tranh, những hình thể kỹ hà, chẳng hạn như việc xử lý mái tóc không tuân theo luật đăng đối, đường nét mạnh bạo của chiếc cổ và sự sắp xếp của khăn quàng thành những mặt cắt của một hình kim cương... tất cả bố cục này tạo thành một bức tranh Lập Thể độc đáo.*

HUỲNH ÁI TÔNG



Tranh *Đàn bà*

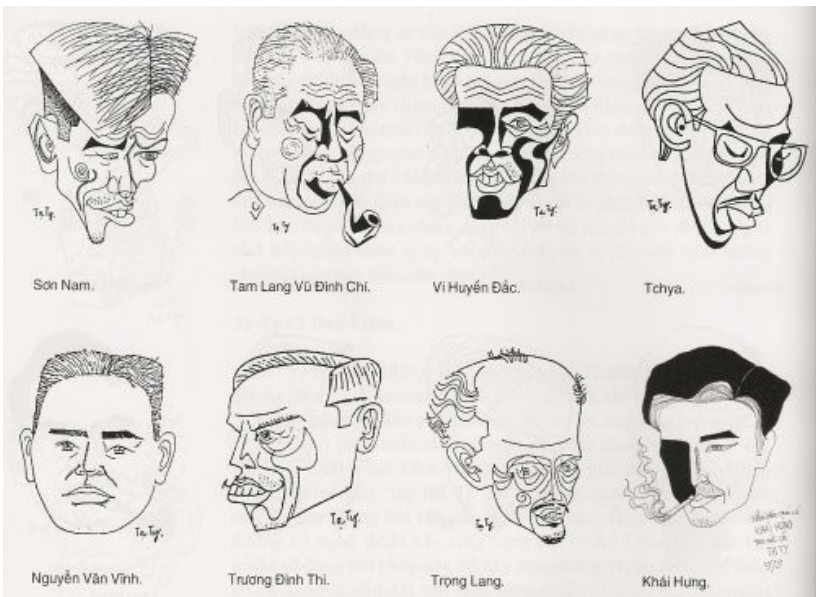
Năm 1953, Tạ Tỵ bị động viên nhập học khóa 3 Trường Bộ Binh Thủ Đức, phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa với cấp bậc sau cùng khi giải ngũ năm 1972 là Trung Tá.

Năm 1956, lần đầu tiên ông triển lãm 57 họa phẩm lập thể và trừu tượng tại Sài Gòn. Đến năm 1961, ông triển lãm lần thứ hai tại Sài Gòn 60 họa phẩm trừu tượng.

Ông dự định sẽ trưng bày 100 họa phẩm: 50 tranh trừu tượng và 50 khuôn mặt văn nghệ sĩ hiện đại vào cuối năm 1975. Số tranh trưng bày vẽ đã gần đủ, nhưng chẳng may miền Nam bị Cộng Sản chiếm vào ngày 30-4-75, nên dự định bị hủy bỏ vĩnh viễn.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Tạ Tỵ vẽ 50 khuôn mặt các nhân vật văn nghệ miền Nam Việt Nam. Đây là loạt tranh chân dung đầu tiên thể hiện những cá nhân độc đáo, trong một phong cách đặc biệt. Sự phối hợp truyền thần và phong cách Lập thể, những mảng màu tương phản gắt gao cắt nhau, nhằm bộc lộ cá tính và nghề nghiệp của nhân vật. Những bức chân dung các nghệ sĩ như Nguyễn Văn Vĩnh, Vũ Hoàng Chương, Lãng Nhân, Nguyên Sa... có thể tìm thấy nhiều trên sách báo miền Nam Việt Nam trước 1975 và được giới nghệ sĩ đánh giá cao.

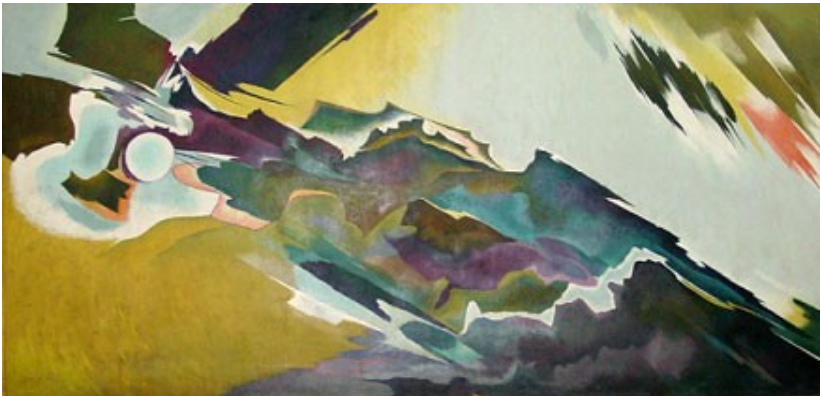


Như bức tranh *Chân dung Vi Huyền Đắc* là một ví dụ. Vi Huyền Đắc vừa là nhà ngôn ngữ học, tự vị học và nhà viết kịch. Nhưng nơi con người có nhiều khả năng này, Tạ Tỵ đã chọn “nhà viết kịch” để thể hiện Vi Huyền Đắc: *chân dung được trình bày bên cạnh bức màn sân khấu đỏ rực, cứ như Vi Huyền Đắc đang ở bên cánh gà.*

HUỶNH ÁI TÔNG



Bức *Mùa hè đỏ lửa* (1972, 350x170 cm), khi Tạ Ty trở về Việt Nam, bức tranh được đổi tên *Cát Cánh*, vẽ theo phong cách *trừu tượng*, được treo ở Bảo Tàng Mỹ Thuật thành phố HCM từ năm 1998. Đây là bức tranh sơn dầu lớn nhất trong bộ sưu tập của nhà bảo tàng này.



VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Sau 30 tháng 4 năm 1975, bị học tập cải tạo 6 năm từ các trại trong Nam cho đến ngoài Bắc, Năm 1982, ông cùng vợ con vượt biển đến Malaysia và đến định cư tại Hoa Kỳ.

Trong thời gian sống tại nước ngoài, Tạ Ty lại tiếp tục vẽ tranh và viết văn, trong số đó có bức tranh Những Mảnh Đời Ty Nạn. Năm 2003 sau khi vợ ông qua đời tại Mỹ, ông quyết định trở về Việt Nam với ước vọng sống những ngày cuối cùng ở quê hương mình.



Tác phẩm của ông được trưng bày tại nhiều bảo tàng viện nghệ thuật quốc tế ở Tokyo, San Francisco, New York, Paris.

HUỶNH ÁI TÔNG

Vào 10 giờ sáng ngày 24 tháng 8 năm 2004, Tạ Ty đã từ trần tại nhà riêng số 18/8 đường Phan Văn Trị, Quận 5, thành phố HCM, sau một cơn bệnh kéo dài do tuổi già, hưởng thọ 83 tuổi.

Tạ Ty là một nghệ sĩ đa tài. Ban đầu ông có vẽ sơn mài, cùng thời kỳ với những họa sĩ như Nguyễn Gia Trí, Lê Phổ, Nguyễn Tư Nghiêm ... Nhưng ông được biết đến nhiều hơn cả khi đi theo trường phái tranh lập thể. Theo họa sĩ Trịnh Cung, Tạ Ty là người găn bó và đi đầu trong phong cách hội họa lập thể ở Việt Nam từ thập niên 1940 đến 1960; sang thập niên 1970, ông chuyển sang phong cách trừu tượng.

Ngoài hội họa, ông còn nổi tiếng trên nhiều lĩnh vực sáng tác: truyện, thơ, kịch bản, bút ký... Trong hơn nửa thế kỷ sáng tác, Tạ Ty đã để lại nhiều tác phẩm với các thể loại khác nhau.

Đề tựa cho tuyển tập truyện ngắn *Những Viên Sỏi* của Tạ Ty xuất bản lần đầu tiên, Nhà văn Nguyễn Hoạt viết: "Tôi nhận thấy trong con người Tạ Ty cũng như trong tác phẩm văn chương của anh, cái đáng yêu nhất, đáng quý nhất vẫn là 'Tình Thương' chân thành, một 'Tình Thương' do sự kích động qua xúc cảm mà bật ra, chứ không phải là một thứ văn chương hời hợt, giả tạo."

Đã xuất bản:

- *Những Viên Sỏi* (tập truyện, Nam Chi Tùng Thư, 1962)
- *Yêu Và Thù* (tập truyện, Phạm Quang Khai, 1970)
- *Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ* (nhận định văn học, Nam Chi Tùng Thư, 1970)
- *Phạm Duy Còn Đó Nỗi Buồn* (Văn Sử Học, 1971)
- *Cho Cuộc Đời* (thơ, Khai Phóng, 1971)
- *Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay* (Nhận định văn học, Lá Bối, 1972)
- *Bao Giờ* (tập truyện, Gìn Vàng Gởi Ngọc, 1972)

- Ý Nghĩ (tạp văn, Khai Phóng, 1974)
- Đáy Địa Ngục (hồi ký, Thăng Mỗ, 1985)
- Những Khuôn Mặt Văn Nghệ - Đã Đi Qua Đời Tôi (hồi ký, Thăng Mỗ, 1990)
- Xóm Nhà Tôi (tập truyện, Xuân Thu, 1992)
- Mây Bay (tập thơ, Miền Nam, 1996)
- Cuộc Đời Và Hội Hoa (Hồi ký, chưa xuất bản)
- Văn Nghệ Là Gì? (Tiểu luận, chưa xuất bản).

Trích thơ:

Thương về năm cửa Ô xưa

*Tôi đứng bên này vĩ tuyến
Thương về năm cửa Ô xưa
Quan Chưởng đêm tàn dẫn lối
Đê cao hun hút chợ Dừa
Cầu Rền mưa dầm lây lội
Gió về đã buốt lòng chưa?
Yên Phụ đôi bờ sóng vỗ
Nhị Hà lấp lánh sao thưa
Cầu Giấy đường hoa phượng vĩ
Nhớ nhung biết mấy cho vừa...
Cửa Ô ơi, cửa Ô
Năm ngã đường đất nước
Trôi từ vạn nẻo sông hồ
Nắng mưa bốn hướng đổ vào lòng Hà Nội
Gục đầu nhớ tiếng vông đưa!...
Có biết chẳng ai, mái tóc bông bênh chày xuôi ý đẹp
Có nhớ chẳng ai, lệ nào ướt đẫm tình người
Tê tái tiếng cười
Từng cánh hoa đời khép lại
Thương về năm cửa Ô xưa!...*

Câu chuyện ngày xưa

(Trích)

*...Một buổi em đi mười chín
Lấy chồng Kinh Bắc xa xôi.
Đồi núi chập chùng mở hội,
Gió về se lạnh lòng tôi.
Gác nhỏ già từ tưởng vọng
Mưa về quần quai tiếc thương
Đâu giấc mơ tình dằng dặc?
Nhìn qua ô cửa mười phương...
...Em lại trở về buồng cũ
Bên chồng ôm ấp con thơ.
Tôi lại trở về gác nhỏ,
Nhìn em như chẳng bao giờ.
Nhưng thôi còn đâu buổi ấy
Tôi ngồi dần bút lòng đau.
Gác cũ trơ vơ gạch ngói,
Kinh thành tang tóc lên màu.
Phố nhỏ nằm trơ nắng rã
Bóng nghiêng cây đổ đường dài.
Lớp lớp nhà xiêu bụi trắng,
Mùa thu tím sắc lòng ai?
Em có về đây một buổi
Tôi chờ đã héo mẫu hoa.
Năm tháng phai xanh tàn tạ,
Hờ ơi, thuở ấy đâu mà ?...
(Hà Nội, 1952)*

Văn:

Họa Sĩ Và Người Mẫu

Tặng Bùi Xuân Phái, người bạn đẹp của tôi

Tạ Ty



(Bùi Xuân Phái trong xưởng vẽ, ảnh chụp năm 1952)

Hắn dơ thẳng búa đập mạnh nhất cuối cùng vào chiếc đinh thước thợ. Vón cẩn thận, hắn đưa tay lên lay mạnh xem nó đã chịu nổi nặng chưa. Hắn thở phào khoan khoái, không ngờ rằng hôm nay mình dò đúng mạch với một cách dễ dàng. Soay người, hắn nhìn vòng quanh gian phòng mà chu vi không rộng quá 10 thước vuông, treo la liệt tác phẩm. Ánh sáng đèn đục của chiều cuối năm dội thoi thóp vào màu sơn tươi mát. Chiếc tủ thuốc lá, mang hình thù quái đản của chiếc đầu lâu sần sùi đề chừa hắn một bên môi hắn làm thành nụ cười nửa miệng. Đưa tay vuốt lại mái tóc thưa sòa trên vầng trán cao rộng, hắn mở to đôi mắt hung nâu nhìn đắm đuối vào bức tranh mới hoàn thành, thuốc sơn còn lóang ướn.

Hắn không già, chỉ độ ngoài ba mươi mà thường khi có người

nhằm gọi là "cụ". Toàn diện hấn gầy gò, cần cỗi, thất thủ, kèm theo bộ râu quai nón đỏ hoe mọc vô tổ chức trên màu xanh bột của nét mặt suy tưởng. Tính nét xuyềnh xòang, hình như hấn không cần sống với cái gì đang có mặt. Tâm hồn hấn dung dị đến độ coi nhẹ cả bản thân và việc đời chẳng bao giờ quan trọng, trừ Nghệ Thuật.

Cô lấy hết gân của đôi tay khăng khiu, hấn nhắc bổng bức tranh nặng hơn người - gài vào chiếc đinh mới đóng. Khi buông tay, hấn thấy hai đầu gối run run, gân cốt bải hoại vì phải dùng quá sức. Ngồi phịch xuống tám phần kê thấp lè tè xát mặt đất. Hấn thở hồn hển. Mắt lim dim, chiếc tẩu thuốc tắt từ lâu mà vẫn không rời đôi môi hồng hồng như ứa máu. Với bao diêm trên mặt bàn, hấn châm nôi môi thuốc. Mùi thuốc lá khen khét, nồng nồng đưa vào mũi làm hấn đê mê. Làn khói trắng đục bay vẩn vơ trước mặt quyện theo hình ảnh người mẫu, lung linh huyền ảo dưới nét bút già dặn trườn mình trong tác phẩm.

- Hai rưỡi rồi, có lẽ Hoài sắp đến.

Hấn nói rồi liếc mắt nhìn âu yếm chiếc đồng hồ báo thức cũ kĩ, hấn mua rẻ được ở chợ giời phố Sinh Từ hồi năm ngoái. Ấy thế mà nó tốt ra phết, từ khi mua chả chết bận nào, tuy rằng mỗi ngày nó chỉ nhanh chậm theo thời tiết, độ mười, mười tám phút là cùng. Những buổi sáng rét mướt hấn ngại dậy, định trùm chăn kín để mơ nốt giấc "mơ tình" thì nó, chính nó đã réo vào lá nhĩ hấn tiếng kêu rè rè khó chịu, gọi thể xác hấn hồi sinh để sửa soạn đi vào một ngày sống mới, từ hôm nhận được "com măng" của ông "nhà giàu" nhất, nhì ở thành phố Hà-nội này - do sự giới thiệu của người bạn - chiếc đồng hồ cà khỗ trở nên bất khả xâm phạm đối với hấn. Hấn nhớ mãi, mà có lẽ nhớ đến chết, câu căn dặn đầu tiên của ông "nhà giàu" khi ngõ ý thuê hấn vẽ bức tranh để treo ở phòng

khách vào dịp Tết này:

- Ông nhớ cho, căn nhà tôi mới làm xong, cao 4 tầng, tất cả có 18 buồng, mà buồng nào cũng ngoài 30 thước vuông cả. Riêng có phòng khách thì gần 50 thước thôi. Tôi cũng chưa được vừa ý lắm, vì nó hãy còn nhỏ và thiếu buồng...

Nói đến đây, ông "nhà giàu" chột nhìn thẳng vào ngực hẳn.

-Này, ông họa sĩ ạ! Tôi chỉ thích vẽ một người con gái, nàng có mái tóc huyền, mắt nàng to, môi nàng hình trái tim. Nàng đứng bên gốc liễu, nhìn về phía xa xăm có đôi chim nhận bay, ờ, mà bay gần nhau đấy nhé, vì nếu vẽ một con tôi sợ nó "sái"!

Hắn trở mắt nhìn ông ta, từ đầu đến chân. Người ông "nhà giàu" chỉ cao độ thước hai, tóc ông đã hoa dâm, trán ngắn, mắt hấp háy ẩn hiện dưới đôi mục kính trắng, gọng đôi môi to và dày như hai chiếc đũa cả cặp lấy khuôn mặt đầy mỡ. Mỗi khi ông nhà giàu thích trí tùm tùm cười thì bộ râu cá trê lại ngoe nguẩy trên cặp môi dầu ra giống hệt mồm lợn.

-Thế nào, ông họa sĩ? Ý kiến của tôi hay đấy chứ? Tôi đặt trước một số tiền ông làm cảm cấp tốc cho, đúng sang 30 tết tôi lại lấy nhé! "Hắn chỉ ừ ào, và dĩ nhiên, hẳn khổ sở lắm.

Thật tình hẳn thấy ngượng ngượng, khi nhận số tiền đặt trước mà đáng lý ra, hẳn phải từ chối vì đề tài của bức tranh không thích hợp với một nghệ sĩ chân chính, hiểu biết lẽ tiến lui của Nghệ Thuật Hội Họa . Trong những giây phút bút rút, hẳn định trao trả số tiền đặt, thì đột nhiên hình ảnh ông chủ nhà hợp lực với mục chủ quán Cầu Gỗ ở đâu sừng sững bước vào. Cả hai, mặt đờng đờng sát khí, nhìn gờm gờm như muốn cướp sống số tiền còn nóng hổi trên gan bàn tay lạnh buốt của hẳn. Trận giao tranh giữa thần tài và thần lương trí kéo dài bất

phân thẳng phụ cho tới khi hấn tiển chân bạn và ông “nhà giàu” xuống tận bậc thang cuối.

Quay trở lên, hấn choáng váng nằm vật xuống tấm phản, và tự si và mình thiếu lương tâm nhà nghề. Nhưng đến phút này thần lương trí chịu thua chạy trốn vào tiềm thức, để mặc cho thần tài tung hoành phá phách tâm hồn hấn. Sức yếu, hấn không thể chịu được bèn bị với cuộc sung đột bên trong, hấn ngủ lúc nào không biết. Số tiền nằm tênh hênh trên đồng bụt vẽ dính đầy màu sơn tằm tối.

Hôm sau, tỉnh dậy nhìn thấy tiền, hấn mới chợt nhớ đến bốn phen, cùng lời hứa. Hấn đi đóng khung, mua thuốc vẽ mua vải cùng bao thuốc lá thơm hạng trung bình hút để lấy hứng làm việc. Hấn tính toán để đủ số tiền thuê người mẫu, còn lại bao nhiêu hấn trang trải nợ com áo, tiền nhà, tuy còn thiếu nhiều, nhưng còn hơn không có. Tất cả mọi thứ hấn lo liệu coi như tạm đủ, duy có người mẫu tìm đâu ra bây giờ? Ở cái đất nước này thật khổ cho nghệ sĩ nào quen dùng người mẫu. Hấn thèm khát không khí ở chân trời xa lạ mà Nghệ Thuật được nuông chiều. Các cô gái đi làm người mẫu đẹp như tiên nhan nhân trong xưởng vẽ của họa sĩ. Hấn lo lắng vì tiền đã tiêu rồi mà người mẫu thì sao? Giờ quyền lịch treo trong xó tường hấn tính xem còn bao nhiêu ngày để làm việc. Hấn giật mình khi thấy thời gian ngắn quá, chả còn mấy hôm nữa đã đến tết rồi. Đầu cúi xuống đất, hấn đi đi, lại lại quanh gian phòng chật hẹp đầy khung tranh, thuốc vẽ, giấy má, như con thú dữ mắc bẫy.

Sau hai ngày đi rạc cảng để “ngoại giao người mẫu” và nhờ có sự trợ lực của ông bạn “ăn chơi”, hấn được toại nguyện. Hoài, một cô gái nhậy đã vui long nhận lời với điều kiện không được vẽ khỏa thân, và cấm ngặt không được mang bầy ở phòng Triển Lãm. Hấn gạt đầu, gạt tuốt miễn rằng được việc

trong lúc này.

Căn phòng của hấn từ hôm có Hoài trở nên vui vẻ lạ thường. Cứ gần 3 giờ chiều, là hấn thấy sốt ruột, mong ngóng, luôn luôn mắt dán vào chiếc kim đồng hồ, và lắng nghe tiếng giầy nhè nhẹ đi lên cầu thang ọp ẹp. Thường thường Hoài hẹn đúng giờ lắm, đúng 3 giờ, chiều nào cũng vậy, Hoài đã có mặt tại phòng vẽ của hấn, cũng vì thế mà chiếc đồng hồ trở nên thiêng liêng theo với hương phấn của Hoài. Trong khi hấn vẽ, Hoài ngoan ngỗng chiều theo ý muốn của hấn, không kêu ca hoặc than phiền mệt mỏi. Những phút nghỉ, Hoài lấy khăn lau chùi bụi trên bàn, thu dọn sách vở và có đôi khi vá cả áo sơ-mi cho hấn nữa.



Trước những cử chỉ thân mật ấy, hấn đắm sớ bức tranh xong

sớm quá, làm mất đi cái êm dịu, mà có lẽ từ xưa hẳn chưa được hưởng. Hẳn vẽ rồi lại xóa, những lời dặn dò của ông “nhà giàu” giờ này đối với hẳn không còn hiệu lực gì nữa, kể cả số tiền hẳn đã nhận trước. Khi làm việc, trước mặt hẳn chỉ còn lại cái gì là Nghệ Thuật, là ĐẸP mà thôi. Hẳn vẽ say mê như kẻ nghiện rượu gặp vò rượu quý. Nhất là thứ rượu quý đó chứa đựng trong đôi mắt đen sâu của Hoài, đôi mắt thức đêm quá nhiều, lẳng chìm bao ảo ảnh xót thương. Những nét bút đập mạnh vào màu da mai mải, hẳn lùì xa, tiều gầy, nheo nheo cặp mắt. Hẳn cố tả cái sự trảng của Hoài in trên dáng người thanh mảnh. Hẳn quên hết, hẳn chỉ nghĩ đến nhịp nhàng của màu sắc và cân đối của hình thể, hơn nữa hẳn chỉ nghĩ đến con người đang ngồi trước mặt đẹp như Đức Phật.

Người thiếu nữ tóc huyền, mắt to, môi trái tim cùng đôi chim nhận tung bay không thấy ghi trên mặt vải. Bức tranh thành hình hoàn toàn theo ý hẳn : một cô gái – nói là Hoài mới đúng - ngồi bên song cửa, tay tì vào má, mắt hướng về chân trời có nắng vàng chói lọi. Màu tím chìm xuống bên trong khung cửa, những đường cong tuyệt mỹ của hình thể lả lướt, chạy theo dáng ngồi mềm mại, một cánh hoa hồng rơi trên vệt áo màu xim đẹp như giọt máu. Tất cả đã làm hẳn yêu mê đến điên rồ, hẳn chất màu lên, hẳn cạo đi, hẳn dần bút xuống nghiền màu, hẳn gắt gông khi chưa diễn tả nổi ý muốn. Còn Hoài, lúc nào cũng thân nhiên, dịu hiền trước những cử chỉ thô kệch nhưng đáng yêu của nghệ sĩ quý nghề. Sự thực, thì Hoài không có ý niệm quý trọng Nghệ Thuật, trước khi nhận lời giúp hẳn. Nhưng có lẽ cái ĐẸP đã quyến rũ người và làm cho người trở nên đẹp khi hiểu nó.

Chiều nào cũng vậy, sau mấy giờ làm việc mệt nhọc, hẳn thấy sung sướng, tâm hồn đỡ ray rứt. Hẳn ngồi yên lặng hàng giờ trước tác phẩm để suy nghĩ . Còn Hoài thì vui vẻ kể hẳn nghe những mẩu chuyện vụn vặt về cuộc đời làm vũ nữ. Hẳn cảm

thương một tâm hồn sa đọa, đã có giây phút nào bốc đồng hẳn muốn kéo Hoài trở về cuộc đời lành mạnh. Nhưng hẳn tự kiềm chế được ngay, vì lý do thực tế quá tàn nhẫn. Số tiền kiếm được cũng không đủ nuôi nổi mình hẳn, còn nói chi đến câu chuyện đèo bồng.

Đến hôm nay, bức tranh có thể coi là gần xong, chỉ phải sửa qua loa một vài chi tiết nhỏ. Hẳn lồng nó vào chiếc khung sơn màu trắng làm nổi bật những màu sắc chói lọi. Gian phòng như ấm áp thêm lên, một vệt sáng mong manh lọt vào, mang niềm vui của mùa xuân sắp tới.

“Lạ quá, gần 4 giờ rồi, sao Hoài chưa đến?” Hẳn thấy bồn chồn, nóng ruột, mặt quay về phía cửa tay nắm chiếc tủ, lửa bén đến chỗ thuốc ẩm cháy rèo rèo. Trong khi chờ đợi bước chân Hoài thì bóng dáng quê mùa của ông “nhà giàu” lại hiện ra làm khổ hẳn. Hẳn chắc rằng ông ta không bằng lòng lấy bức tranh này, vì hẳn đã không chịu chiều theo ý thích của kẻ có tiền. Còn về bốn phận hẳn, lẽ dĩ nhiên, phải trả lại số tiền đặt trước cho khách hàng. Khó xử quá, tiền thì hết, mà tranh lại vẽ theo ý mình, hẳn đành đánh bài liều: đến đâu hay đến đó. Ngày mai, ông “nhà giàu” có đến, hẳn sẽ phân trần, nếu không xong hẳn tìm “giải pháp” khác, tội gì nghĩ lăm cho khổ. Muốn làm tan u uất, hẳn ngâm to mấy câu thơ quen thuộc...

Thời gian đi rất nhanh và nhiều khi rất chậm với kẻ đợi chờ, 4 giờ rồi 5 giờ, hẳn chưa nghe thấy tiếng giày nhẹ nhẹ. Đứng dậy, hẳn nhìn qua ô cửa kính. Những đợt mây màu chì nặng nề hạ thấp xuống mái nhà Hà Nội trông giống như thường thấy ở những bức tranh vẽ phố cổ của hẳn, âm u với nổi sần da diết. Tiếng rửa bát đĩa, tiếng dĩa giò, tiếng gọi, tiếng cười, tiếng hò hẹn nhau sẽ làm gì trong ba ngày Tết, từ nhà dưới vọng lên làm hẳn mủi lòng. Bóng tối buông từ từ theo ánh đèn thấp thoáng. Quay vào hẳn reo mình trên đồng chăn rách toi như tô

HUỲNH ÁI TÔNG

đĩa. Hấn vừa nằm xuống, thì chợt nghe có tiếng giấy lên gác. Hấn đoán không phải tiếng chân Hoài, vì Hoài đi nhẹ cơ mà, lại ông bạn phải gió nào đến ám. Nghĩ thế, hấn chòai người ra phía trước, đưa tay mở khóa. Cánh cửa vừa mở, mùi hương phấn quen thuộc theo gió bay vào. Hấn ngạc nhiên nhếch miệng cười - chiếc tủ thuốc rung rung như muốn rời khỏi làn môi yếu đuối – Khi nhìn Hoài hai tay ôm khế nệ, nào hoa, nào bánh chưng, mứt kẹo, rượu.

“ Chắc anh mong lắm phải không ? Em xin lỗi nhé ! Em bận đi mua mấy thứ này biếu họa sĩ ăn Tết “

“Ồ, Hoài vẽ vời quá, Hoài đã có công với tác phẩm của tôi, nay Hoài lại...”.

Hấn chưa nói hết, Hoài đã cướp lời “ Công với cái gì, trước kia em chưa được biết thế nào là Nghệ Thuật, nên em ngại ngại, chứ bây giờ thì...”

Tạ Ty
1952

Vì Sao Tôi Viết?

Tôi sinh ra đời, hình như định mệnh đã an bài, bởi vậy tất cả những gì tôi làm ra đều có bàn tay của định mệnh dính vào.

Lúc còn trẻ tôi yêu tất cả những thứ gì thuộc về văn chương nghệ thuật, nhưng tôi mê kéo vĩ cầm hơn cả. Vào năm 1936-37 gì đó, tôi được nghe tiếng đàn của nhạc sĩ Nguyễn Văn Giệp tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Anh chơi bản *Dance Macabre* với tiếng dương cầm phụ họa của nhạc sĩ Nguyễn Văn Hiếu. Tất cả nhà hát đều yên lặng để thưởng thức tiếng đàn tuyệt vời của hai nhạc sĩ trứ danh nhất của đất Thăng Long thời đó. Tôi

về nhà xin Mẹ tiền mua cây đàn và quyển *Mazas*, là cuốn sách học kéo violon vĩ lòng. Tôi học kéo đàn song song với học vẽ ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương. Vì mê học nhạc nên tôi quen với cổ nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt. Sau mấy năm học thấy không có tiến bộ, tôi bỏ đàn, chuyên về vẽ.

Rồi dần dà định mệnh cứ đẩy tôi từ ngã này qua ngã khác. Ngoài giờ học ở trường, tôi thường ra thư viện đọc những sách về Mỹ Thuật. Tôi đọc tờ báo *Illustration* có in nhiều tranh của các nhà danh học bên Pháp như Gaugin, Matisse, Van Gogh, Utrillo v.v... nhờ đó tôi mới có ý tưởng vẽ theo lối mới vì nhà trường chỉ dạy những thứ tầm thường, cóp nhặt mà không có sáng tạo.

Sau nhiều năm cầm cọ, đùa vui cùng màu sắc, dù rằng người ta đã tôn vinh hội họa là thứ ngôn ngữ quốc tế (langage Universal). Tuy nói thế, nhưng thứ ngôn ngữ này hạn hẹp quá, chỉ có các nhà chuyên môn mới đoán ra được. Từ ngày tôi chuyển hẳn sang vẽ tranh trừu tượng (từ năm 1960), tôi cảm thấy cô đơn vì luôn luôn là kẻ độc hành trong lãnh vực nghệ thuật tạo hình. Hơn nữa, tầm hoạt động của hội họa bị hạn chế bởi không gian cũng như thời gian, nên chỉ có một số người ở các thành phố lớn mới được thưởng thức, trong một khoảng thời gian nhất định nào đó thôi.

Còn một trở ngại to lớn nữa là người họa sĩ chỉ vẽ tầm tranh duy nhất, nếu bán đi, người họa sĩ không còn gì ngoài tấm ảnh chụp giữ làm kỷ niệm.. Vì nhìn thấy cái thế "yếu" của hội họa, vả lại, cuộc sống trong chiến tranh có rất nhiều sự việc tác động mạnh và sâu đậm trong tâm cảm mà hội họa bắt lực, không thể nói bằng màu sắc được. Do đó, tôi phải nhờ tới văn chương cũng như thi ca để bày tỏ lập trường, cùng thái độ sống trước tập thể, trước xã hội.

Biết bao nhiêu đở vỡ, tang thương do chiến tranh gây ra. Biết bao nhiêu tuổi trẻ đã lên đường và cũng có bao nhiêu vòng khăn tang đã quấn ngang đầu, bao nhiêu tiếng khóc than vật vã, với đôi tay bé nhỏ xanh xao của người góa phụ, ôm lấy chiếc quan tài phủ lá quốc kỳ với vòng hoa cườm có hàng chữ "*Tổ Quốc Ghi Ôn*", nhưng tôi được biết, trong chiếc quan tài đó chỉ có chiếc bọc nylon ôm gọn thân người chiến sĩ đã nát bầy vì pháo địch, chỉ còn lại một đồng thịt xương bầy nhầy với chiếc thẻ bài lẫn lộn trong vũng máu đông đặc vì được cất kỹ trong ô kéo của căn phòng chứa xác cực lạnh. Ngay cạnh đó, một đứa nhỏ chừng ba tuổi gầy ốm đứng nhìn ngơ ngác!

Còn biết bao nhiêu cuộc tình tan tác như những chiếc bong bóng thổi bằng bọt xà bông. Đại lộ kinh hoàng còn đó. Xác những chiếc xe tăng của Trung Cộng, của Liên Xô, của Mỹ còn nằm rải rác dọc theo đường số 1 như những con quái vật thời tiền sử và còn nhiều, nhiều nữa những dấu ấn của chiến tranh cần phải nói ra, nhưng hội họa quả tình bất lực trước vấn đề này. Chỉ có văn chương mới đủ sức khai quật những oan khuất chìm ở đáy sâu tâm cảm.

Thú thực, tôi làm văn nghệ không cầu mong nổi tiếng, vì tôi làm cho cuộc đời và cũng cho tôi. Tôi cộng tác viết bài cho nhiều tạp chí văn học, nhưng cho đến nay, tôi vẫn không ở nhóm nào. Tôi vốn không thích bè phái. Có bè phái là có bao che, để đưa nhau lên và cũng để dim đối tượng xuống bùn đen một khi không ưng ý. Điều đó chúng ta phải nhận là có trong sinh hoạt văn nghệ Việt Nam. Theo ý riêng tôi, làm văn nghệ phải vô tư, độc lập, trong suy nghĩ cũng như hành động, vì thế, tôi thường nghi ngờ sự khen chê của người này đối với người khác.

Không hiểu sao, tôi rất sợ đám đông, nên ít khi có mặt tại những nơi tổ chức có đông đảo người tham dự. Tôi thích cô

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

đơn. Sự cô đơn làm tôi thấy tâm hồn mình thư thái hơn, khỏe mạnh hơn, vì: *"có cứng mới đứng đầu gió"*. Ngựa hay mới chạy được đường dài.

Tôi thả những cánh hoa nghệ thuật bay theo chiều gió, chẳng biết có cánh nào rơi vào bàn tay thân ái của kẻ sĩ?

Tạ Ty
(Hợp Lưu số 32, Xuân Đinh Sửu 1997, trang 216)

Tài liệu tham khảo:

- Tạ Ty Web: vi.wikipedia.org
- Tạ Ty Web: hocxa.com/Hoa/TaTy/TaTy_TieuSu.php

6) Huy Quang



Huy Quang Vũ Đức Vinh (1931-2005)

Nhà văn Huy Quang tên thật là Vũ Đức Vinh sinh năm 1931. Ông theo học trường Chu Văn An từ năm 1948 và đậu bằng Thành Chung năm 1950.

HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1951, ông nhập ngũ Khóa 1 Sĩ quan Trừ bị Nam Định. Sau mãn khóa, ông được gửi đi tác chiến một thời gian ngắn trước khi chuyển về Hà Nội làm Phó tá Quân vụ Thị trấn Đệ III Quân khu.

Sau Hiệp định Geneve chia đôi đất nước, ông cùng đơn vị di chuyển vào Nam và lập tức được đề bạt làm Trưởng Ban Biên tập Đài Tiếng nói Quân đội. Sau đó vào năm 1958, ông chuyển qua Binh chủng Không Quân và làm Chánh Văn phòng cho Tư lệnh Không Quân. Ít lâu sau ông làm Trưởng phòng Tâm lý chiến tại Bộ Tư lệnh Không Quân.

Khi Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ đảm nhận chức vụ Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương (Thủ tướng) năm 1965, Thiếu tá Vũ Đức Vinh được cử làm Tổng Giám đốc Vô tuyến Truyền thanh. Ông được thăng cấp lên Trung tá trước khi miền Nam rơi vào tay quân Cộng sản ngày 30-4-1975.

Nhà văn Huy Quang Vũ Đức Vinh, khi còn ở Trung học, đã có nhiều Truyện ngắn đăng rải rác trên các báo ở Hà Nội, như giai phẩm mùa hè *Lửa Lửa*. Tác phẩm đầu tay của ông là truyện dài *Hai Mái Tóc Xanh*, tập truyện dài thứ hai của ông mang tên *Đôi Ngả*, cả hai đều xuất bản ở miền Bắc, trước 1954.

Trong suốt 20 năm sinh hoạt Văn nghệ ở miền Nam, độc giả không còn được đọc tác phẩm nào in thành sách của Huy Quang, mặc dù truyện ngắn của ông vẫn rải rác đây đó. Nhưng các thính giả yêu Văn thơ của Đài Phát thanh Sài Gòn không thể nào quên được những đóng góp của ông trong Chương trình Thơ Tao Đàn với Nhà Thơ Đinh Hùng.

Thành tích Văn nghệ duy nhất mà Huy Quang Vũ Đức Vinh đã để lại ở Hoa Kỳ là tờ báo Đất Mới do ông và Nhà văn

Thanh Nam chủ trương, một ban biên tập khá hùng hậu như Túy Hồng, Mặc Đỗ, Hà Huyền Chi, Linh Vang, Trần Văn Minh, Nhật Tuấn ... một trong những cơ quan ngôn luận dành cho người Việt có mặt sớm nhất ở Hoa Kỳ.

Ông tạ thế tại thành phố Seattle, Tiểu bang Washington, sáng ngày 9 tháng 12 năm 2005, thọ 75 tuổi, ông mất sau một thời gian lâm trọng bệnh, để lại nhiều thương tiếc cho Gia đình và Bạn bè trong Quân ngũ cũng như các Bạn văn của ông.

Tác phẩm:

- *Hai mái tóc xanh* (Cộng Lực)
- *Đôi ngã*

Trích văn:

Ngày mùng Một Tết Mậu Thân nhằm ngày 31 tháng Giêng năm 1968 tại Sài-gòn là một ngày ngập nắng vàng tươi, màu nắng điển hình trên bầu trời xanh trong của quê hương miền Nam mỗi độ xuân về. Người dân Sài-gòn năm đó đón Tết trong tâm trạng quảng gánh lo đi để vui hưởng cái hương vị yên bình của ngày đầu năm. Ít ra trên nguyên tắc, cuộc chiến cũng đã tạm thời ngưng lại qua thỏa hiệp hưu chiến được loan báo từ ngày hôm trước.

Nhưng riêng tôi từ sáng sớm ngày Một Tết đã cảm thấy có điều không ổn. Nhân viên trực phòng Thâu Tin của đài Sài-gòn điện thoại cho tôi biết đài Qui-Nhon đã bị đột nhập đêm Giao thừa. Sau đó tài xế trực của đài mang một bản tin thâu được hồi đêm đến nhà cho tôi đọc. Thường ngày các bản tin được phòng Thâu Tin ghi thành hai bản, một bản dành cho phòng Tin Tức Thời Sự để khai thác làm tin, còn một bản dành cho Tổng Giám Đốc để theo dõi. Bản tin này gồm đủ các

HUỶNH ÁI TÔNG

loại tin của các hãng thông tấn quốc tế như AP, AFP, UPI, Reuters, và các đài phát thanh như BBC (Anh), VOA (Mỹ), NHK (Nhật), Hà-nội, Bắc-kinh, v.v... Bản tin tôi nhận được cho biết trong đêm Cộng quân đã có nhiều hoạt động vi phạm ngưng chiến; chẳng những ở Qui-Nhon mà còn ở các tỉnh khác, như Pleiku, Khánh-Hòa, Darlak, và Quảng-Trị. Tôi tự hỏi liệu sẽ còn những vi phạm nào nữa trong chiều tối nay không?

Tôi không có dữ kiện nào khác để lượng định mức độ khẩn trương của chiến sự ngoài các bản tin. Mối lo của tôi sau khi đọc tin thật ra chỉ là mối lo thông thường của người có trách nhiệm về những cơ sở nằm trong mục tiêu xung kích của địch mà thôi. Hệ thống truyền thanh quốc gia là một trong những mục tiêu chọn lựa của địch, gồm có 7 đài phát thanh địa phương, 5 đài tỉnh và đài trung ương nằm tại số 3 đường Phan Đình Phùng (1) Sài-gòn, được kêu là đài Sài-gòn. Mặc dù đã được các giới chức quân sự bảo đảm tăng cường hệ thống phòng thủ các trụ sở phát thanh trên toàn quốc, tôi không thể yên tâm sau khi đài Qui-Nhon bị tấn công.

Cơ sở bị tấn công là điều đáng lo, nhưng còn lo hơn là nếu chẳng may làn sóng phát thanh bị đối phương sử dụng để đẩy động quân chúng thì hậu quả hẳn khó lường. Tôi liên lạc với đài Qui-nhon không được, đường điện thoại tại đó đã bị cắt

Đến trưa, như chương trình đã định trước, tôi tới nhà riêng của Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ trong căn cứ Tân Sơn Nhất để dự cuộc tiếp tân do ông khoản đãi.

Tướng Kỳ là Phó Tổng Thống, từ mấy năm trước cứ vào ngày đầu năm ông mở tiếp tân tại tư gia để họp mặt với bạn bè cùng các người cộng sự. Đây là một sinh hoạt đã trở thành thông lệ của ông. Tại đây tôi gặp một số tướng lãnh như các tướng

Nguyễn Ngọc Loan, Lê Nguyên Khang, Trần Văn Minh cùng một số giới chức quân sự cao cấp.

Tôi được biết thêm một số tin tức về tình hình chiến sự trong đêm, và theo nhận định chung của các sĩ quan có thẩm quyền thì không có dấu hiệu gì khiến phải lo ngại quá đáng. Không khí buổi họp mặt đầu năm vui tươi thích hợp với ngày Tết. Pháo đốt liên tiếp phủ đỏ khoảng sân rộng trước nhà tướng Kỳ.

Nhưng những điều đọc được qua bản tin hồi sáng còn ám ảnh tâm trí tôi. Nấn ná một lúc, tôi rời nhà tướng Kỳ lên đài Sài-gòn để từ đó điện thoại liên lạc với các đài địa phương. Tôi vẫn không kêu được đài Qui-Nhon nhưng liên lạc được với Ty Thông Tin gần đó để dò hỏi tin tức. Được biết không có thiệt hại nhân mạng nào bên đài phát thanh, tôi tạm yên tâm. Sau đó tôi lần lượt liên lạc với các đài khác. Hầu hết các ông quản đốc đài đều có mặt, như ông Nguyễn Cửu Tú đài Huế, ông Nguyễn Hân đài Ban Mê Thuột, ông Hoàng Anh Tuấn đài Đà-lạt, ông Vương Đức Lệ đài Long An. Chúng tôi trao đổi tin tức và kiểm điểm lại phương thức liên lạc khi cần thiết. Lúc đó, ngay tại đài Sài-gòn cũng có mặt các ông Võ Hồng Chí phụ trách Sở Tin Tức Thời Sự, ông Trần Ngọc Vân phụ trách Phòng Bình Luận, ông Lê Thái Tuế và một số biên tập viên, và ông Phạm Thái Thủy bên Sở Chương Trình. Tuy là ngày lễ nhưng tùy theo công việc mỗi người chúng tôi vẫn có mặt khi tự thấy là cần thiết. Tôi họp với các người có mặt lúc đó, nói về trường hợp Đài Qui Nhon và bàn về những bất trắc có thể xảy ra, nhất là làm sao duy trì liên lạc và có tin tức trong mọi trường hợp bất thường.

Vào thời gian đó điện thoại tại tư gia còn hạn chế; chỉ các công chức cấp chánh sở xấp lên và các sĩ quan cao cấp mới có điện thoại gắn tại nhà. Không phóng viên Vô Tuyến Truyền

HUỶNH ÁI TÔNG

Thanh nào có điện thoại riêng, nhưng ông Võ Hồng Chí cho biết các phóng viên của ông đã sắp xếp để khi cần có thể tới kêu nhờ điện thoại của một nhà buôn cùng khu phố, hoặc của một thân nhân là sĩ quan hay công chức cao cấp.

Thường ngày sinh hoạt tại đài Sài-gòn rất tấp nập. Ngoài số nhân viên đông đảo còn các ban nhạc, ban kịch thay phiên ra vào theo giờ thủ thành dành cho từng ban. Nhưng vào chiều mùng Một Tết này, chỉ có một số nhân viên biên tập, xướng ngôn và hòa âm có mặt mà thôi. Chiếc cổng sắt được kéo lại còn vừa lối ra vào cho một người đi lọt, và tại đó có vài ba người cảnh sát công an túc trực. Trên phía vỉa hè ngoài cổng sắt rào cản kềm gai kéo dài ra tới vọng gác nằm trên ngã ba đường Phan Đình Phùng (1) và Phan Kế Bính, tại đó có một quân nhân thuộc đơn vị phòng thủ đứng gác. Quán phở trước cổng đài luôn đông đảo khách ra vào ngày thường, hôm nay đóng cửa im lìm. Khung cảnh trước cổng đài chiều nay phẳng phất cái không khí heo hút của một tiền đồn nơi chiến tuyến.

Khoảng 5 giờ tôi ra về, nhưng trước khi rời khỏi đài tôi dạo một vòng lên khu sân thượng và khu sân sau là nơi các quân nhân thuộc đơn vị phòng thủ thường trải chiếu hoặc pông-sô để ngủ tối. Tôi nhận thấy số người quá ít so với quân số một trung đội. Hỏi một quân nhân tôi được biết số còn lại sẽ tới vào buổi tối.

Tôi rời khỏi đài mà lòng không yên. Con đường Phan Đình Phùng khúc gần đài có nhiều cây cao dọc hai bên, tỏa bóng che mát mặt đường. Trong cái không khí êm ả, tĩnh mịch của khu phố thỉnh thoảng vẫn ròn rã vọng về từng loạt pháo đón xuân từ các khu phố xa.

Tôi về nhà dự phần giỗ tết trong gia đình xong thì trời đã tối hẳn. Điện thoại lên đài Sài-gòn nói chuyện với một nhân viên

trực, tôi được biết anh em quân nhân thuộc đơn vị phòng thủ vẫn chưa tới đủ. Điều này khiến tôi thật không yên tâm. Tôi lái xe lên đài.

Nhà tôi ở đường Tô Hiến Thành, phía Ngã Bảy, cách đài khoảng 20 phút lái xe. Khúc đường Phan Đình Phùng gần đài tôi hơn các khúc đường khác, nhưng nhân viên đài đã báo cho lính canh vọng gác phía ngoài biết. Người lính gác kéo rào cản kềm gai cho xe tôi vào thẳng cổng đài. Lúc đó ông Trần Công Thân, Giám Đốc Kỹ Thuật đã có mặt trong đài. Ông đã liên lạc với tôi từ lúc trưa và chia xẻ nỗi lo âu của tôi sau khi được biết đài Qui Nhơn đã bị tấn công đêm Giao thừa. Ông Thân đến Đài để kiểm soát lại hệ thống liên lạc từ đài với các trung tâm phát tuyến Phú Thọ và Quán Tre. Hai trung tâm này nằm cách Đài Sài-gòn khoảng 10 và 16 cây số về hướng tây bắc, có trang bị các máy phát thanh có công suất cao từ 10, 50 đến 100 kilowatts

Ông Thân cho tôi biết đã liên lạc với ông Đào Văn Nam, Quản Đốc Trung Tâm Quán Tre, và ông Hồ Văn Huệ, Quản Đốc Trung Tâm Phú Thọ và được xác nhận có đầy đủ nhân viên túc trực. Tôi cảm thấy yên tâm, nhưng còn việc canh phòng ngay tại đài trung ương này! Tôi đi vòng ra khoảng sân phía sau đài. Có một vài binh sĩ mặc đồ trận đang ngon giấc trên những tấm bạt nhà binh trải trên nền xi-măng. Hẳn những anh em này ngủ trước để rồi lo các phiên gác vào đêm

Tôi cũng lên sân thượng của đài và thấy khoảng trên 10 binh sĩ đang tụ tập đánh bài. Trở lại văn phòng ở tầng dưới, tôi nhờ một nhân viên an ninh kêu sĩ quan chỉ huy trung đội phòng thủ tới gặp. Sĩ quan này là một trung úy ở tuổi ngoài hai mươi. Tôi lưu ý ông về tính cách quan trọng của trụ sở phát thanh, và cho ông biết mối lo ngại của tôi, về những vụ cộng sản vi phạm hưu chiến trong đêm Giao thừa. Ông trung úy đoan chắc

HUYỀN ÁI TÔNG

với tôi là các trạm canh được trấn gác cẩn mật và hứa sẽ cho các binh sĩ đi ngủ sớm.

Mặc dầu vậy, tôi vẫn kêu điện thoại nói chuyện với một sĩ quan cao cấp bên Cục An Ninh Quân Đội có thẩm quyền giám sát việc phòng thủ khu vực quanh Cục An Ninh Quân Đội và đài Sài-gòn. Hai cơ quan này nằm trong vị trí cách nhau có một con đường. Vị này cho tôi biết chẳng nên lo ngại quá đáng. Ông còn nói trung đội phòng thủ đài phát thanh mới từ mặt trận về, “nhân ngày Tết cũng nên cho đàn em nó được xả hơi một chút!”

Lúc đó đã hơn 11 giờ khuya, nhưng tôi còn nán nà chờ đọc bản tin mới nhất mà Phòng Thâu Tin đang thâu.

Khoảng 11G30, vợ tôi từ nhà kêu điện thoại nhắc tôi ngày mùng Một Tết nên về nhà mà ngủ. Nhà tôi đã quen lối làm việc bất kể giờ giấc của tôi, và thông cảm với sự bẽ bộn công việc do tôi đảm trách, nhưng vẫn không thể bỏ qua chuyện dị đoan cho rằng ngày đầu năm mà không ngủ nhà là sẽ đông cả năm, không tốt. Liên sau cú điện thoại tôi ra về. Qua khung cửa kính của phòng vi âm nhỏ bên cầu thang đi xuống tầng dưới tôi thấy xương ngôn viên Minh Diệu đang giới thiệu một chương trình nào đó. Bà Minh Diệu là vợ của nhạc sĩ Mạnh Phát thường làm việc trong các phiên chiều tối.

Sinh hoạt chính của ngành phát thanh như đọc tin, đọc bình luận hội luận, thoại kịch, ngâm thơ, ca hát, trình diễn cải lương đều thực hiện trong các phòng vi âm, cách âm với bên ngoài. Vì vậy không khí làm việc trong đài phát thanh thường yên tĩnh. Lúc này gần nửa đêm càng yên tĩnh hơn.

Từ cổng đài tôi lái xe về phía trái ra ngã ba Phan Đình Phùng và Phan Kế Bính. Người lính gác từ trong vọng gác bước ra

phụ giúp nhân viên an ninh kéo rào cản cho xe tôi ra. Đường khuya vắng, nhưng tiếng pháo từ các khu phố xa vẫn lác đác vọng tới nghe rất rõ.

Tôi về nhà, sắp lên giường thì chuông điện thoại reo. Bên kia đầu dây là tiếng nói quen thuộc của nhân viên trực điện thoại đài Sài-gòn: “Thưa ông, Việt Cộng đã lên lầu hai”. Cùng với lời báo cáo khẩn cấp này, qua đường dây tôi nghe rõ những tiếng nổ chát chúa. Liên đó tiếng điện thoại tắt ngay.

Phản ứng đầu tiên của tôi là ra phòng ngoài dùng chiếc máy truyền tin siêu tần số FM5 mà phòng kỹ thuật của đài đã trang bị cho tôi. Tôi liên lạc được ngay với ông Trần Công Thân và ông Đào Văn Nam. Tôi được hai ông đoan chắc là nhân viên kỹ thuật đã cắt hệ thống chuyên âm từ trụ sở đài tới trung tâm phát tuyến, nghĩa là địch sẽ không sử dụng được làn sóng. “Chúng không làm gì được!” ông Thân cho tôi biết. Liên đó tôi yêu cầu ông Nam cho chạy ít đĩa nhạc trong khi chờ đợi bản tin. Tiếp theo, giới chức cao cấp đầu tiên trong chính phủ mà tôi liên lạc là ông Đoàn Bá Cang, Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng. Vì Cục Vô Tuyến Truyền Thanh bao gồm đài Sài-gòn mang quy chế tự trị nên chúng tôi nằm trong sự thống thuộc của Phủ Thủ Tướng và ông Cang là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Theo hệ thống làm việc tôi điện thoại cho ông Cang trước và trình bày tóm gọn với ông sự kiện đặc công cộng sản đã đột nhập đài Sài-gòn, giao tranh đang diễn ra ngay trong đài. Tôi cũng cho ông biết đài vẫn bảo vệ được làn sóng, và chúng tôi xin chỉ thị của Thủ Tướng. Ông Cang là một người trong ngành ngoại giao lâu năm nên nói năng lúc nào cũng trịnh trọng. Ông nói:

- Việc này liên quan đến tình hình quân sự, ông Tổng giám đốc cứ trình thẳng Thủ Tướng.

Tiếng súng lúc đó đã nghe rõ từ nhiều nơi trong thành phố, kể cả tiếng pháo kích từ ven đô dội vào. Tôi quay số điện thoại của Thủ Tướng Nguyễn Văn Lộc. Nghe tôi trình bày xong, Thủ Tướng nói:

- Việc quân sự quan trọng tôi không nắm vững. Ông Vinh có thể trình thẳng Tổng Thống.

Tôi điện thoại cho Đại Tá Võ Văn Cầm, Chánh Văn Phòng của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Ông Cầm nói sẽ trình Tổng Thống rồi kêu lại tôi ngay.

Trong khi chờ đợi, tôi được điện thoại của ông Võ Hồng Chí cho biết ông đã thu thập được một số tin tức từ quanh chỗ ông cư ngụ trong vùng Phú Nhuận, và ghi nhận có tiếng súng lớn từ miệt Gò Vấp. Chúng tôi trao đổi tin tức, rồi sau đó ông Chí tìm cách liên lạc với các phóng viên trực thuộc ông.

Nóng lòng chờ tin phủ Tổng Thống tôi lại điện thoại cho Đại Tá Cầm. Ông Cầm nói vẫn đang chờ lệnh Tổng Thống và đoán chắc sẽ có chỉ thị của Tổng Thống trong vài phút nữa. Chiếc máy truyền tin siêu tần số FM5 và máy điện thoại của tôi đặt trên chiếc bàn viết trông ra khoảng vườn nhỏ trước sân nhà trong khu cư xá Phú Thọ trên đường Tô Hiến Thành. Con đường này lúc đó không một xe qua lại.

Từ giây phút đầu biến cố tôi vẫn đứng bên bàn viết. Vợ tôi đang ngồi bên phòng khách theo dõi lo lắng. Bốn đứa con trên dưới 10 tuổi của chúng tôi vẫn ở trong phòng ngủ của chúng. Nhà tôi đã cấm chúng không được ra khỏi phòng ngủ, và chắc chúng đã ngủ trở lại. Tôi chợt nhớ và tự hỏi nếu hồi nãy cứ nần ná ở trên đài lâu hơn, liệu có thể tôi đã bị kẹt lại trong đài không.

Từ chiếc máy thu thanh hiệu Zenith bên phòng khách vẫn réo rất tiếng nhạc êm dịu. Đó là những bản nhạc được phát ra từ trung tâm phát tuyến Quán Tre. Tôi nhìn chiếc đồng hồ trên bàn viết. Từng phút qua đi, dài đằng đẵng Không thể chờ lâu hơn, tôi lại kêu Đại Tá Cẩm, nhưng lần này chuông reo rất lâu mà không có trả lời. Tôi nghĩ chắc phải có chuyện bất thường.

Sau đó tôi điện thoại vào tư gia của Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Phó Tổng Thống. Người nhắc ông nói là Đại úy Hồ Đăng Trí, tùy viên Tướng Kỳ. Ông Trí cho tôi hay là Tân Sơn Nhất đang bị pháo kích dữ dội, gia đình ông tướng đang chờ trực thăng tới bốc di tản, và ông tướng không thể nói chuyện với tôi.

Không thể nói chuyện với Tướng Kỳ nhưng tôi đã biết thêm một điều qua ông Trí là Tân Sơn Nhất đang bị pháo dữ dội. Dữ kiện này cho thấy tình hình thêm nghiêm trọng. Tới lúc đó đã 10 phút trôi qua. Tôi thấy tiếng nhạc phát ra từ chiếc máy thu thanh bên phòng khách thật lảng nhách. Tôi muốn sớm có ngay một bản tin.

Tôi không sao liên lạc được với Tướng Nguyễn Ngọc Loan, Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia và Cục Trưởng Cục An Ninh Quân Đội. Người Phụ Tá của ông cho biết ông đang ở ngoài đường điều động các lực lượng cảnh sát. Tôi kêu tới tư thất của Tướng Lê Nguyên Khang, Tổng Trấn Sài-gòn. Chính tướng Khang trả lời điện thoại. Tôi trình bày với ông là Cộng quân đã xâm nhập đài Sài-gòn. Tôi nói chưa hết câu thì ông ngắt:

- Toa (toi) nói sao? Đài của toa vẫn đang phát nhạc đấy thôi.

Hậu trường có tiếng nhạc. Hẳn lúc đó Tướng Khang đang nghe đài Sài-gòn, và không ngờ đài đã bị đặc công đột nhập.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi tường thuật vắn tắt sự việc cho Tướng Khang rõ. Tướng Khang nói tôi thử kêu Biệt Khu Thủ Đô xem sao. Tôi liền kêu Đại Tá Nguyễn Văn Giám bên đó. Ông Giám cho biết có nhiều tiếng súng trong thành phố, nhưng ông chưa nhận được báo cáo nào.

Đến lúc đó tôi thấy không thể chờ đợi lâu hơn. Tôi quyết định cho loan tin căn cứ trên những tin chúng tôi đã thu thập được qua các cuộc điện đàm dù rất ít.

Đúng lúc đó, ông Chí đài Sài-gòn kêu lại cung cấp thêm một số tin mà ông đã được các phóng viên của ông chuyển về. Theo tin của một phóng viên cư ngụ trong quận Nhất thì có nhiều tiếng nổ ở phía cuối đường Thống Nhất, tức nơi tọa lạc tòa đại sứ Hoa Kỳ. Tôi liền soạn ngay bản tin ngắn đại ý loan báo khoảng 20 phút trước, và thời gian nửa đêm Cộng quân đã tấn công vào thủ đô, pháo kích căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất, công phá một số cơ sở thuộc trung tâm thành phố, và xâm nhập đài phát thanh Sài-gòn, nhưng tại mọi nơi mưu toan của chúng đã bị chặn đứng. Bản tin viết tiếp là các đơn vị thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hòa vẫn giữ vững vị trí và đồng thời khuyến cáo đồng bào không nên đốt pháo.

Tôi chuyển ngay bản tin cho ông Nam tại Trung Tâm Quán Tre để loan đọc. Liền đó từ chiếc máy Zenith của tôi tiếng nhạc ngưng lại, nhường làn sóng cho bản tin.

Tôi lắng nghe từng lời và cảm thấy nhẹ nhõm khi bản tin chấm dứt. Đài Sài-gòn đã có tin nhanh nhất cho thánh giả. Tôi yêu cầu ông Nam cho đọc bản tin nhiều lần, cách quãng chừng một hai phút. Ông Chí vẫn giữ liên lạc với tôi, cho biết thêm tin có một vài phóng viên của đài ra khỏi nhà là bị lính gác từ đầu phố đuổi về. Tôi yêu cầu ông Chí liên lạc với ông Nam để cho thêm chi tiết đó vào bản tin, để người nghe thấy có sự

hiện diện của quân đội và lực lượng an ninh ngoài đường phố, đồng thời cũng để cảnh giác đồng bào không nên ra khỏi nhà. Tôi cũng kêu lại Đại Tá Chăm và vẫn không thấy trả lời.

Sau khi bản tin đọc trên đài vài ba lần, tôi nhận được điện thoại của Tướng Kỳ. Ông nói với tôi:

- Bản tin trên đài như vậy là được lắm; nhưng anh cho loan thêm là tôi thừa lệnh Tổng Thống vắng mặt khỏi thủ đô ra lệnh cho các đơn vị ta nằm trong khu vực xung kích của địch phải giữ vững vị trí và phân công. Tôi cũng kêu gọi đồng bào trên toàn quốc tin tưởng vào sự bảo vệ của quân đội

Tôi ghi ngay những điều ông Kỳ nói, đồng thời cũng tin ông biết là tôi đã liên lạc với Đại Tá Chăm và ông Chăm cho biết sẽ có chỉ thị của Tổng Thống. Tôi cũng nêu thắc mắc nếu không nói lý do Tổng Thống vắng mặt có thể khiến dân chúng hoang mang. Tướng Kỳ cao giọng:

- Ông Tổng Thống về quê vợ ở Mỹ Tho ăn Tết rồi. Nếu tôi không thừa ủy nhiệm mà lên tiếng thì chẳng những dân mà quân cũng hoang mang luôn, còn mệt nữa. Anh cứ cho loan như vậy đi .

Trước khi đặt máy, tôi hỏi thăm Tướng Kỳ về tình hình pháo kích trong Tân Sơn Nhất, ông cho hay: “Khu trục lên, chúng nó cầm rồi”. Ông cũng cho biết gia đình ông không phải di tản.

Tôi thi hành chỉ thị của ông. Bản tin đài Sài-gòn liền đó có thêm lời hiệu triệu của Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ. Tôi cũng cho loan thêm tin máy bay khu trục của Không Quân đã truy kích các ổ súng pháo kích, và pháo kích từ ven đô đã

ngưng lại.

Sau này tôi được biết nhiều tướng lĩnh và chỉ huy trưởng các đại đơn vị từ nhiều nơi trên khắp bốn vùng chiến thuật đã liên lạc với Tướng Kỳ ngay sau khi nghe lời hiệu triệu của ông trên đài Sài-gòn; và Tướng Kỳ cho hay, “nhờ vậy đã tránh được tình trạng hoang mang trong quân đội để từ đó việc phối trí phản công được mau chóng hơn.”

Cứ thế, mỗi khi có thêm tin, chúng tôi lại cập nhật hóa bản tin. Các phóng viên đài Sài-gòn tuy không thể đi xa khỏi khu phố nhà họ, nhưng vẫn nghe ngóng thu thập tin và liên lạc chuyển tin về ông Chí hoặc ông Nam. Bản tin mỗi lúc một phong phú hơn.

Khi gần sáng chúng tôi liên lạc và nhận được những tin tức từ các sĩ quan trực bên Bộ Quốc Phòng, Tổng Nha Cảnh Sát, Tòa Tổng Trấn và Biệt Khu Thủ Đô. Tôi cũng được tin một đơn vị Nhảy Dù đã được phái đến để lấy lại đài Sài-gòn.

Cho đến lúc đó tôi vẫn giữ liên lạc điện thoại với hai ông Thân, Chí. Tôi ngó ý định lên đài để theo dõi tại chỗ cuộc phản công của đơn vị Dù. Ông Thân và ông Chí đều hưởng ứng. Ông Chí từ Phú Nhuận sẽ lên thẳng đài; còn ông Thân từ Chợ-lớn sẽ ghé nhà tôi để cùng đi. Tôi phải chờ khá lâu mới thấy ông Thân đi bộ tới. Thì ra ông đã bị lính Mỹ chặn xe tại chợ Trần Quốc Toản, và ông phải bỏ xe tại đó đi bộ một cây số đường vào nhà tôi.

Khi ra khỏi khu phố nhà tôi, trời đã sáng rõ mặt người, toán lính Mỹ chặn ông Thân tại khu chợ cá Trần Quốc Toản hồi nãy đã rút đi. Tôi lái xe qua Ngã Bảy, theo đường Hồng Thập Tự, và quẹo vào đường Nguyễn Bình Khiêm dừng lại trước cổng trụ sở Cục An Ninh Quân Đội. Nơi này cách cổng sau

đài Sài-gòn khoảng 100 thước.

Ra khỏi xe, nhìn về phía đài, tôi thấy một vài quân nhân Nhảy Dù hoặc đứng nép sau thân cây bên đường, hoặc nằm úp trên mặt đường, miệng súng chĩa vào phía trong đài. Tất cả đang ở trong vị thế sửa soạn tấn công, trong khi tiếng loa từ phía chòi canh trên cao bên An Ninh Quân Đội đang hướng qua đài phát thanh kêu gọi các đặc công cộng-sản buông súng. Tại ngã tư, bên lề đường Phan Đình Phùng, tôi nhìn thấy ông Chí, các phóng viên Lê Phú Nhuận, Nguyễn Thiên Ân, Vũ Ánh, Nguyễn Mạnh Tiên; một số giới chức thuộc đài như các ông Lã Huy Quý, Trần Ngọc Vân, Uyên Thao, Thái Thủy, cùng một số anh chị em biên tập phụ trách ca sáng. Đài chưa được giải tỏa nhưng quý vị này đã sẵn sàng làm việc lại

Tôi tiến đến gần cổng đài, và nhận ra Tướng Nguyễn Ngọc Loan đang ngồi trên chiếc ghế kê sát cạnh tường phía bên kia cổng với khẩu súng tiêu liên trên đùi. Ông mặc bộ đồ dã chiến có áo giáp quanh ngực, nét mặt so với lúc thường không thay đổi, vẫn cái nhìn linh động tự tin, vẫn nụ cười hóm hỉnh. Ông vẫy tôi qua. Tôi và ông Thân băng nhanh qua cổng. Một binh sĩ Nhảy Dù theo bên gót chúng tôi đã bị đạn trúng chân do một đặc công từ cầu thang trong sân đài bắn ra. Anh chiến sĩ bị thương được đưa đi cấp cứu tức thì. Súng tiếp tục nổ nhưng Tướng Loan cho biết bên trong chỉ còn một hoặc hai tên đặc công mà thôi.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau thì đơn vị tăng cường tái chiếm đài phát thanh đã thanh toán xong tên đặc công cuối.

Tôi cùng Tướng Loan vào Đài và đi thẳng lên lầu hai là nơi trang bị các tiện nghi hạ tầng. Trong một phòng hòa âm nhỏ chúng tôi thấy trên bàn một cuốn băng lớn mà băng được kéo gỡ ra khá dài và rối tung. Cuốn băng này khác với loại băng

HUỶNH ÁI TÔNG

thường được sử dụng tại đài. Người hòa âm của đài bị kẹt đêm hôm trước cho hay đó là cuốn băng mà máy đặc công định cho chạy nhưng không được. Tướng Loan bảo một tùy viên lấy cuốn băng đó mang về Tổng Nha Cảnh Sát. Ít ngày sau tôi được Tướng Loan cho biết cuốn băng mang lời kêu gọi quân dân Miền Nam “vùng dậy lật đổ chế độ Thiệu Kỳ.”

Kiểm kê tại chỗ những tổn thất của cộng-sản, đơn vị tái chiếm đài cho biết đêm được 6 hay 7 (đến nay tôi không còn nhớ rõ) tử thi đặc công. Tôi cũng được biết có vài ba quân nhân thuộc lực lượng phòng thủ đã hy sinh. Riêng đài Sài-gòn có một mất mát là anh Hùng, người tài xế trẻ tuổi đã mang bản tin đến nhà tôi hôm trước. Các nhân viên khác làm việc trong ca đêm hôm đó như biên tập viên, hòa âm viên, phụ trách thu tin, điện thoại, và bà xướng ngôn Minh Diệu đã tìm cách ẩn nấp an toàn giữa các lần đạn giao tranh. Họ đã trải qua một đêm hãi hùng. Về thiệt hại vật chất, các phòng vi âm và máy móc kỹ thuật trên lầu hai bị hư hại nặng không còn sử dụng được.

Khi Tướng Loan ra về thì nhân viên đài cũng đã tề tựu đông đủ. Chúng tôi họp các giới chức điều khiển đài bàn cách thích ứng với các điều kiện làm việc mới thiếu thốn tiện nghi máy móc. Vì cần thời gian chấn chỉnh kỹ thuật tại trụ sở hạ tầng, chúng tôi quyết định tạm thời phát thanh trực tiếp từ trung tâm phát tuyến Quán Tre, và tôi liên lạc với Bộ Tư Lệnh Không Quân xin cho trực thăng chuyên chở phóng viên, biên tập viên cùng chuyên viên kỹ thuật xuống làm việc tại trung tâm ngay buổi sáng hôm đó. Sở dĩ cần phương tiện chuyên chở của Không Quân vì cho tới lúc đó giao tranh còn tiếp diễn làm tắc nghẽn trục giao thông đường bộ Sài-gòn – Quán Tre.

Quãng gần trưa tôi được điện thoại của phòng Báo Chí Phủ Tổng Thống yêu cầu tới Bộ Tổng Tham Mưu để thu băng lời

hiệu triệu của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Tôi lên xe cùng ông Trần Công Thân và một nhân viên kỹ thuật phụ trách thả băng vào Bộ Tổng Tham Mưu.

Tại đại sảnh kế cận bên văn phòng Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên, tôi thấy rất đông các giới chức lãnh đạo chính phủ gồm Tổng Thống Thiệu, Phó Tổng Thống Kỳ, Thủ Tướng Lộc, Đại Tướng Viên, các bộ trưởng, một số tướng lãnh như Nguyễn Bảo Trị, Đặng Văn Quang, Nguyễn Đức Thắng, Lê Nguyên Khang. Chắc quý vị này mới họp xong.

Tôi trao đổi đôi câu chào hỏi với một vài vị đứng ngay phía ngoài, rồi do sự hướng dẫn của một sĩ quan tùy viên, chúng tôi đi thẳng vào một phòng họp nhỏ ở phía trong.

Khi nhân viên kỹ thuật của chúng tôi đặt máy ghi âm trên một chiếc bàn lớn kê giữa phòng, ông Thân nhắc tôi trình Tổng Thống diễn tiến về việc liên lạc với Đại Tá Cầm đêm hôm trước. Lời nhắc ấy khiến tôi nhớ lại đoạn viết về sự vắng mặt của Tổng Thống khỏi thủ đô mà Phó Tổng Thống Kỳ yêu cầu tôi ghi vào bản tin. Tôi gạt đầu hiểu ý.

Khi máy đặt xong, sĩ quan tùy viên bước ra mời Tổng Thống, và ông Thân cũng ra theo. Trong phòng chỉ còn lại tôi và nhân viên kỹ thuật. Một phút sau Tổng Thống Thiệu bước vào. Ông mặc bộ đồ kaki, áo ngắn tay, khoe nhìn có phần dăm chiêu. Theo sau là Trung Tá Trần Văn Lâm, Tổng Giám Đốc Việt Tấn Xã và cũng là Giám Đốc Báo Chí Phủ Tổng Thống.

Là quân nhân biệt phái tôi thường mặc y phục dân sự, nhưng hôm đó tôi mặc quân phục. Tôi chào Tổng Thống theo quân

cách, và ông giơ tay bắt tay tôi.

Tôi đã có dịp diện kiến Tổng Thống vài ba lần trong những năm trước, kể cả lần ông mở tiếp tân khánh thành Dinh Độc Lập tái thiết. Lần nào cái siết tay ông dành cho tôi cũng chặt chẽ, chưa bao giờ lỏng lẻo hờ hững như lần này. Tôi nhớ ngay đến bản tin đêm trước và lời nhắc của ông Thân. Hẳn rằng bản tin đã làm Tổng Thống không vui vì loan tin ông không có mặt tại thủ đô vào lúc mà sự có mặt của ông rất cần thiết. Nhưng tôi vẫn muốn nghĩ ông không vui vì đã thức trắng đêm, rồi lại họp suốt buổi sáng nên tâm thần mệt mỏi không còn như lúc thường.

Tôi không đề cập gì đến bản tin đêm trước, và cũng không giải thích gì cả. Tôi mời Tổng Thống vào bàn thâu băng. Trung Tá Lâm đi lên trước đặt bên chiếc máy vi âm một bài viết soạn sẵn.

Bài hiệu triệu lâu khoảng mười phút. Khi Tổng Thống đọc xong, người chuyên viên quay lại đoạn băng để ông nghe. Ông gật đầu hài lòng rồi đứng dậy hướng ra phía cửa. Lúc đó tôi đã di chuyển về góc bàn ở phía trong đứng bên ông Lâm. Từ vị trí đó tôi giơ tay ngang tầm trán chào Tổng Thống khi ông bước ra cửa. Nét mặt ông bình thản, khó đoán ông đang nghĩ gì. Đó cũng là lần chót tôi gặp Tổng Thống Thiệu. Lời hiệu triệu của Tổng Thống đã được phát thanh ngay sau đó trên các làn sóng phát thanh của đài Sài-gòn và đài Quân Đội.

Sau này, đôi khi nhớ lại nét mặt và thái độ của Tổng Thống Thiệu trong cuộc gặp gỡ này tôi thấy rõ ràng hơn cái khó khăn của những người phục vụ trong ngành truyền thông báo chí dù ở bất cứ cương vị nào. Khó mà chiều hết được áp lực từ mọi phía. (2)

Trên đường về đài Sai-gon, tôi cho ông Thân hay tôi đã không nói gì với Tổng Thống cả. Tôi nghĩ hãy cứ làm việc hết mình và phục vụ ngay thẳng chứ giải thích mà làm gì. Rồi chúng tôi vùi đầu vào công việc. Lời hiệu triệu của ông Thiệu được phát thanh liền ngay xế trưa hôm đó trên các làn sóng quốc gia và quân đội. Tôi cũng chẳng có việc gì để kêu lại ông Cầm.

Nhưng gần 20 năm sau, tình cờ tôi gặp lại ông trong tiệc cưới, con của một người bạn tại thành phố Portland thuộc tiểu bang Oregon, Hoa Kỳ. Thoạt nhìn chúng tôi nhận ra nhau ngay, có già đi nhưng chẳng thay đổi bao nhiêu. Không hiểu nghĩ sao, trong cái bắt tay chặt chẽ, câu nói đầu tiên của ông Cầm với tôi là: “Đất nước như vậy làm sao hơn được!”. Tôi không rõ cái ý đích thực của ông trong câu nói nhưng tôi cũng chẳng muốn khơi lại chuyện cũ. Khách dự tiệc nổi tiếp tới và chúng tôi được mời vào bàn. Trong cái không khí ồn ào vui tươi của tiệc cưới, chúng tôi nói đủ chuyện, nhưng thấy đều là chuyện về nước Mỹ, kể cả những chuyện thời tiết ngộ nghĩnh về thành phố sương mù San Francisco nơi ông Cầm cư ngụ, và thành phố Seattle với biểu tượng cây dù che mưa nơi tôi sinh sống.

Chú Thích:

(1) Từ sau tháng 4/1975, đường Phan Đình Phùng đổi thành đường Nguyễn Đình Chiểu.

(2) Luôn luôn tôi tôn trọng hệ thống chỉ huy và trong tinh thần không bè phái. Ngay khi có biến tôi đã liên lạc trực tiếp với ông Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng, rồi mới đến Thủ Tướng, rồi văn phòng Tổng Thống (chứ không qua văn phòng Phó Tổng Thống). Sau chính văn phòng PTT liên lạc với tôi, và tôi chỉ nhận chỉ thị của PTT khi biết TT vắng thủ đô. Trình bày như vậy để người đọc hiểu thêm cho rằng tôi không phải là người thích đi tắt hay bè phái. Có lẽ vì vậy khi tôi nạp đơn từ chức

HUỶNH ÁI TÔNG

vào tháng 8 năm 1968, thì Bộ Trưởng Thông Tin Tôn Thất Thiện cũng như Thủ Tướng Hương đã có nhã ý giữ tôi lại (nhưng tôi không thể đồng ý nên vẫn từ chức như đã dự liệu).

Tài liệu Tham Khảo

- Tưởng Niệm nhà văn Huy Quang Web: voatiengviet.com
- Nhà Văn Vũ Đức Vinh ra đi Web: vietbao.com
- Huy Quang Web: vietlove.com
- Huy Quang Nguyễn Đức Vinh Web: muoisau.wordpress.com/2010/09/10/756/

7) Lý Hoàng Phong



Lý Hoàng Phong, Đoàn Tường (1924-)

Nhà văn Lý Hoàng Phong, tên thật là Đoàn Tường sinh năm 1924 tại Huế. Ông vào Nam làm báo, khởi nghiệp văn với truyện *Sau Con Mưa* đăng trên nhật báo Dân Chủ của Vũ Ngọc Các. Ông là anh ruột của nhà thơ Quách Thoại. Cả hai anh em ông đều cộng tác với Sáng Tạo.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Quách Thoại có bài thơ *Xanh* đăng vào số 2 ..., còn Lý Hoàng Phong có truyện ngắn *Cái Nhìn* đăng vào số 6, truyện ngắn *Con Sông* số 8 ... *Những giờ cuối cùng của Thoại* đăng trên Sáng Tạo số 18...

Lý Hoàng Phong là chủ nhiệm tạp chí Văn Nghệ, biên tập viên bình luận Đài Phát Thanh Sài Gòn, chủ nhiệm nguyệt san Quê Hương, tuần báo Thế Kỷ 20, Hiện Đại. Tác giả tập truyện ngắn *Người giết người*, truyện dài *Sau cơn Mưa*. Ông nổi tiếng ở thời gian trước năm 1975. Sau năm 1975 ông gát bút như nhiều văn nghệ sĩ chuyên nghiệp khác ở miền Nam.

Tác phẩm:

- *Sau Cơn Mưa* (1963)
- *Người Giết Người* (1967)

Trích văn:

(Chưa có)

Tài liệu tham khảo:

- Tiểu sử Lý Hoàng Phong web: tvvn.org
- Nguyễn Thụy Long *Giữa Đêm Trường* Web: vnthuquan.net

8) Nguyễn Phụng



Nguyễn Phụng (1924-2005)

Nguyễn Phụng còn có tên là Michel Nguyễn Phụng, ông sinh năm 1924, thuộc gia đình Philippe Nguyễn Phụng ở tại thị xã Bến Tre.

Sinh trong gia đình giàu có, nên ông được du học ở Pháp, tốt nghiệp môn Điều khiển dàn nhạc tại Nhạc viện Cao Đẳng Quốc Gia Paris.

Ông về nước, năm 1956 điều khiển Dàn Nhạc Đại Hợp Tấu Việt nam, sau đó được bổ nhiệm Giám Đốc đầu tiên của trường Quốc Gia Âm Nhạc tại số 2 Phạm Đăng Hưng, sau dời về đường Nguyễn Du đổi tên là Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ.

Ông kết duyên với bà Claire Nguyễn-Phụng, sanh năm 1939 tại Sài Gòn và mất năm 2008, tại Reims nước Pháp, thọ 69 tuổi.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Nguyễn Phụng mất ở Pháp năm 2005, thọ 81 tuổi.

Bài viết:

- *Giáo dục âm nhạc*. Số 7 tháng 4 năm 1957
- *Dân ca, một yếu tố nhân loại của việc giáo dục*. Số 9 tháng 6 năm 1957



Tài liệu tham khảo:

- Cung Tiến *Wolfgang Amadeus Mozart: Cuộc đời, Sự nghiệp, Tác Phẩm* Web: hocxa.com
- Madame Claire Nguyen-Phung Web: enaos.net

9) Cung Trầm Tưởng



Cung Trầm Tưởng Cung Thúc Cẩn (1932-)

Cung Trầm Tưởng tên thật là Cung Thúc Cẩn sinh ngày 28 tháng 2 năm 1932 tại Hà Nội. Năm 1947, tuổi 15 ông bắt đầu làm thơ, và có tập thơ đầu tay tên là *Sóng đầu dòng* (chưa in).

Năm 1949, ông vào Sài Gòn, học tiếp trung học tại trường Chasseloup Laubat (nay là Trường Phổ Thông Trung học Lê Quý Đôn)

Năm 1952, sau một năm học đại học, ông sang Pháp du học tại Trường Kỹ sư không quân ở Salon-de-Provence..

Năm 1957, ông tốt nghiệp trở về nước làm trong ngành không quân của Việt Nam Cộng Hòa. Trong năm này, hai bài thơ của

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

ông là *Mùa thu Pari* và *Vô đề* (thơ trường thiên) xuất hiện trong tuyển tập Đất đứng của nhóm *Quan Điểm* đã làm người đọc chú ý.

Năm 1958, ông đứng ra chủ trương tờ *Văn nghệ mới* và cộng tác thường xuyên cho các tạp chí *Sáng tạo*, *Hiện đại*, *Nghệ thuật*, *Văn*, *Khởi hành*...



Cung Trầm Trường, Phạm Duy, Ngy Cao Uyên

Trong khoảng thời gian này, nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ nhạc một số bài thơ của ông, đó là bài *Mùa thu Paris*, *Chưa bao giờ buồn thế* (Phạm Duy đổi tên thành *Tiền em*), *Bên ni bên nó*, *Khoác kín* (Phạm Duy đổi tên thành *Chiều đông*), *Kiếp sau*,

HUỶNH ÁI TÔNG

Về đây...

Năm 1962, ông sang Hoa Kỳ học về khí tượng, đậu Tiến sĩ khí tượng học tại Đại học Saint Louis. Sau đó, ông trở về Sài Gòn tiếp tục phục vụ trong ngành không quân và sáng tác thơ

Sau 30 tháng 4 năm 1975, với cấp bậc cuối cùng là Trung Tá, ông bị đi học tập cải tạo 10 năm, trong trại học tập ở đất Bắc, ông vẫn tiếp tục làm thơ.

Năm 1993, ông sang Hoa Kỳ định cư tại thành phố Saint Paul, Minnesota.

Tác phẩm :

- *Tình ca* (Công đàn, 1959)
- *Lục bát Cung Trầm Tưởng* (Con đuông, 1970)
- *Lời viết hai tay* (Imn, Bonn, 1994)
- *Bài ca níu quan tài* (tự xuất bản, Hoa Kỳ, 2001)

Trích thơ:

Mùa Thu Paris

(Thơ Cung Trầm Tưởng - Phạm Duy phổ nhạc)

Mùa thu Paris
Trời buốt ra đi
Hẹn em quán nhỏ
Rung rung rượu đổ tràn ly

Mùa thu đêm mưa
Phố cũ hè xưa

*Công trường lá đổ
Ngóng em kiên khổ phút, giờ*

*Mùa thu âm thầm
Bên vườn Lục-Xâm
Ngồi quen ghé đá
Không em buốt giá từ tâm*

*Mùa thu nơi đâu ?
Người em mắt nâu
Tóc vàng sợi nhỏ
Mong em chín đỏ trái sầu*

*Mùa thu Paris
Trần dăng đôi mi
Người em gác trọ
Sang anh, gót nhỏ thăm thì*

*Mùa thu không lời
Son nhạt đôi môi
Em buồn trở lại
Hòn quên, hối cải cuộc đời*

*Mùa thu! mùa thu
Mây trời âm u
Yêu người độ lượng
Trông em tâm tưởng, giam tù*

Mùa thu !... Trời ơi ! Tình thu !

Chưa Bao Giờ Buồn Thế
(Thơ Cung Trầm Tưởng - Phạm Duy phổ nhạc Tiền Em)

lên xe tiễn em đi

HUYỀN ÁI TÔNG

*chưa bao giờ buồn thế
trời mùa đông Paris
suốt đời làm chia ly
tiễn em về xứ mẹ
anh nói bằng tiếng hôn
không còn gì lâu hơn
một trăm ngày xa cách*

*ga Lyon đèn vàng
tuyết rơi buồn mệnh mang
cầm tay em muốn khóc
nói chi cũng muộn màng*

*hôn nhau phút này rồi
chia tay nhau tức khắc
khóc đi em. khóc đi em
hỡi người yêu xóm học
để sương thấm bờ đêm
đường anh đi tràn ngập lệ buồn em...*

*ôi đêm nay
chưa bao giờ buồn thế
trời mùa đông Paris
suốt đời làm chia ly*

*tàu em đi tuyết phủ
toa anh lạnh gió đầy
làm sao anh không rét
cho ấm mộng đêm nay
và mơ ngon trên khắp nẻo đường rầy !*

*trời em mơ có sao
mình anh đêm ở lại
trời mùa đông Paris*

*không bao giờ có sao
trời mùa đông Paris
chưa bao giờ buồn thế !
(Tinh Ca)*

Khoác Kín

(Theo thơ Cung Trầm Tưởng - Phạm Duy phổ nhạc
Chiều Đông)

*Mùa đông tuyết xứ hoang vu
Bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn
Nhớ ngày tàu cũng đi luôn
Ga thôn trơ nổi băng nguồn héo hon
Phương xa nhịp sắt bon bon
Tàu đi dưới tỉnh núi còn vọng âm
Sân ga mái giọt âm thầm
Máu đi có nhờ hội tâm đêm nào
Mình tôi với tuyết non cao
Với cồn phố tỉnh buốt vào xương da
Với mây trên nhạt ánh tà
Với đèn xóm hạ cũng là tịch liên
Tôi về bước bước đẫm chiều
Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm.*

Vô Vàn

tặng vợ

*em là nàng Mạnh Quan thời Hán
mặc quần vải bố, cài gai trâm
đương lúc anh mong rầu rĩ ruột
lòng em đứt đoạn lệ tuôn thấm*

*đừng thế làm cha nuôi con dại
để nhà có nóc lúc chồng xa*

HUYỀN ÁI TÔNG

*em đứng thay nam tròn chữ hiếu
thờ cha phải đạo, dưỡng mẹ già*

*chái gió dầm mưa chưa hết hạ
vai chồng em thử áo giữa đông
cẩn chỉ luôn kim may gấp gấp
vuông khăn còn ấm lệ đưa chồng*

*khoảng cách Sâm Thương bao ánh sáng
tình em chẳng ngại nước sông dài
em điểm màu lê lên rêu ám
của đời nhạt mặn, rửa đào phai*

*mỗi chữ thư em gầy nét liễu
anh ôm trên núi, áp trong khe
em là lửa ấm đêm đông rét
trận gió đem mưa đến hạn hè*

*là nắng thu hanh, mây lững thững
thông reo trầm vút đỉnh trời cao
em giăng mộc thảo xanh triền núi
ly cách lòng anh khói lữ trào*

*biển động thuyền lay, em vững lái
anh thương hạt gạo xẻ làm đôi
tình nghĩa em như sau bão thổi
bãi yên bề lặng, cát về bồi*

Vạn Vạn Lý

(Tưởng nhớ những tù hùng tuần tử)

*Ngồi trùm lân bóng tối
Nhìn mây đi lang thang
Mây giăng xám hàng hàng*

Trời vào đông ảm đạm

*Chấn song đàn u ám
Sần sùi nhóp nhúa đen
Ran ran nhạc đế mèn
Nhớn như cười chầu chuộc*

*Vỗ vỗ rơi tàn thuốc
Phà khói vào hơi sương
Xa xưa trống lên đường
Tiếng quân hô hào sáng*

*Nẻo còn vàng bãi trắng
Sa trường hễ sa trường
Tiết tháo quốc đao thương
Chinh nhân ngàn dặm ruồi*

*Gió lên như địch thổi
Đưa ai qua trường giang
Nay cô liêu bạt ngàn
Tiễn ta vào bất tử*

*Đau thương là vinh dự
Chân đi hát hồng trần
Anh hùng phải gian truân
Hy sinh là tất yếu
Ngựa phi dòn nước kiệu...*

*Mưa về gióng lê thê
Nai kêu nguồn đầu đò
Xưa nay tù ngục đò
Mấy ai đã trở về*

Vỗ vỗ rơi tàn thuốc

HUYỀN ÁI TÔNG

*Phà khói vào mông lung
Hư vô đẹp nẻo nùng
Nụ hôn đời khóc liệt*

*Cõi sâu ta tinh khiết
Thép quắc vàng trán cao
Phong sương dệt chiến bào
Vội máu xe làm chỉ*

*Đã đi trăm hừng vĩ
Xông pha lăm đoạn trường
Về làm đá hoa cương
Gửi đời sau tạc tượng*

*Uống uống nguyên hàm lượng
Sương trong cát đầy vò
Sầu này thước nào đo
Khi đao rơi kiếm gãy*

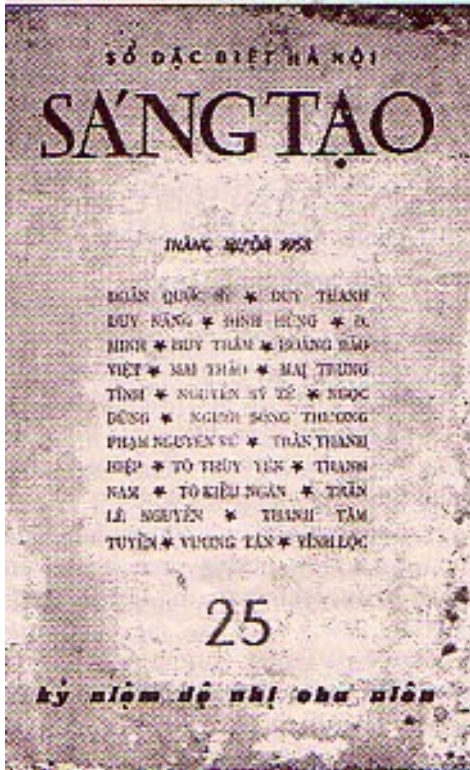
*Gió về lay lau dậy
Sơn khô khói mịt mù
Ngà ngà nhấp thiên thu
Bay...bay...vạn vạn lý
Tráng sĩ hề tráng sĩ!*

Cung Trầm Tường
Hoàng Liên Sơn, 1977

Tài liệu tham khảo:

Cung Trầm Tường Web: vi.wikipedia.org
Cung Trầm Tường Web: hoiquanphidung.com
Cung Trầm Tường Web: tamgiao.com

10) Vĩnh Lộc



Vĩnh Lộc Lê Vĩnh Lộc (1928-)

Vĩnh Lộc tên thật là Lê Vĩnh Lộc, sinh năm 1928 tại Hà Nội, đã sống và lớn lên ở Hải Phòng. Đã viết cho Tiểu Thuyết Thứ Bảy. Tác phẩm đầu tay *Hùng nấng* do nhà Tân Dân (Hà Nội) xuất bản năm 1949.

Vào Sài gòn năm 1950, viết cho các báo Nhân Loại, Thẩm Mỹ, Đời Mới, Sáng Tạo, Văn Nghệ,...

Sau năm 1975 Vĩnh Lộc định cư tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Niềm tin* (Văn Nghệ, 1963).
- *Đôi cánh gầy của thiên thần* (Sáng Tạo, 1965)

Có 9 truyện ngắn đăng trên Sáng Tạo:

- *Mái nhà* (8)
- *Mùa thu lá vàng* (10)
- *Ánh trăng trên sông* (17)
- *Giấc ngủ buổi chiều* (18)
- *Mưa lúc hoàng hôn* (25)
- *Những chiều mưa* (27)
- *Khoảng lộ trình cũ* (5 bộ mới)
- *Trang 4* (6 bộ mới)
- *Chập tối* (7 bộ mới)

Trích văn:

CHẬP TỐI

(...)

Một buổi sớm kia dân hẻm thức giấc dưới một bầu trời xám và thấp. Những hạt mưa nhỏ như bụi rắc cái lạnh gây gây lên mấy túp lều trống trải. Người ta không thấy ông Tư đâu cả. Ông ngã bệnh và nằm co quắp trong cái mùng rách màu cháo lòng, đầu ông gối lên gối quân áo là cơ nghiệp độc nhất của ông. Chị Năm thoạt đầu không để ý đến sự vắng mặt của ông lão. Nhưng một lát sau thì chị Tám vác cái bụng lặc lè ra ngồi ăn cơm và nói:

- Bữa nay mình hồng có nhứt trình rồi...

Chị Năm vừa bới cơm vừa bảo:

- Trở trời như vậy dễ bệnh lắm.

Giọng chị thoáng vẻ ái ngại. Chủ thợ máy mọi ngày rất tương đắc với ông Tư và khoái nghe những mẩu chuyện dí dỏm của

lão, bữa nay bỗng thấy trống vắng trong lòng:

- Già rồi mà có một thân, không vợ con sẵn sóc nghĩ cũng tội...

Chẳng biết có phải câu nói đó đã làm chị Tám mùi lòng không nhưng buổi trưa hôm đó người ta thấy chị ngồi lui hui cạo gió cho ông. Những vệt tím bầm kéo ngang kéo dọc quanh chiếc cổ khẳng khiu. Ông phải ngồi vịn tay vào tường và mỗi lần chị Tám kéo bàn tay từ vai xuống tới sống lưng thì chị lại nghe ông thở dốc và rên rầm. Hơi thở ông yếu ớt như tiếng rên của một con vật già hấp hối. Một lúc sau ông Tư nằm xuống. Ông mở mắt lơ lơ ngó cái bụng lặc lè của chị Tám mà hỏi, giọng thật ôn tồn và dịu dàng:

- Hai vợ chồng lóng này “lành nhau” rồi chứ?

Ông nói giọng Nam một cách vụng về nhưng cũng làm chị Tám xúc động. Chị bẽn lễn bỏ đi.

Xế trưa thì cô Chín nhỏ mon men đến. Ông Tư thức giấc sau một cơn sốt và ngửi thoảng mùi thơm của một tô cháo nóng. Đưa con gái đặt bát cháo còn bốc khói xuống đầu cây kèo gỗ và nói nhanh như lúc cô bị người ta giễu oan khi đã nghe lỏm một mẩu chuyện tiểu lâm:

- Má tôi biểu đem cho ông ăn... kéo đói.

Tự nhiên ông Tư muốn kêu cô gái lại mà bảo: Đáng lẽ ta không nên “nói xấu” mẹ con cháu... Nhưng cô Chín đã bỏ đi, để lại bát cháo nóng và ông Tư với một chút hối hận vừa chớm lên đầy vò.

Buổi chiều tạnh mưa nhưng về tối trời càng lạnh hơn. Chị Năm đến thăm ông Tư vào lúc ông đang rên rầm và nằm co quắp như một xác chết. Chị gọi con lấy tấm mền cũ đem lại. Nghe ấm áp, ông Tư mở mắt. Lần thứ nhất, ông bỗng trở nên bối rối. Ông mở miệng vừa định lắp bắp nói thì chị Năm đã bảo:

- Ông chịu khó ăn cháo đi. Hồng có lại về xứ Bắc kỳ thì khổ...Chị nói và cười khàn khạch, không phải tiếng cười chanh chua mọi ngày. Tiếng cười mang một vẻ bồn chột, dịu

HUỖNH ÁI TÔNG

hiền. Ông Tư chống tay gương ngời dậy, bung bát cháo nóng, hơi khói bốc lên khuôn mặt xương xẩu khiến chị Năm không biết được là ông lão vừa khóc. Ông Tư nằm bệnh hết ba ngày, rồi một hôm trời nắng rất trong, người láng giềng gần nhất là anh Tám bỗng nghe tiếng ông hùng hăng ho:

- Mấy bữa rày trời lạnh, tụi tôi cứ lo ông bệnh nặng...

Ông Tư cười, hai má hóp lại và chậm chạp bảo:

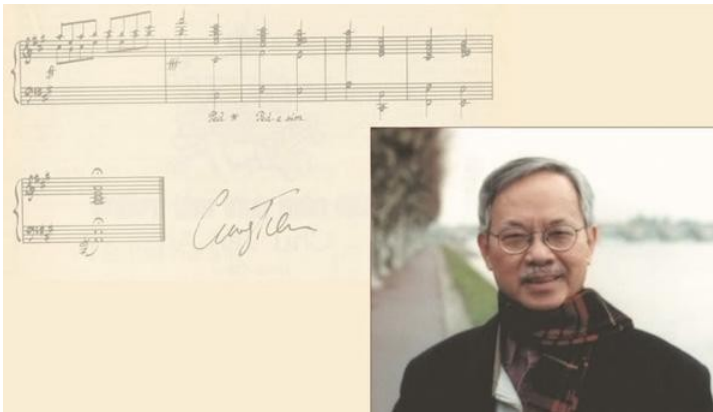
- Ấy cũng nhờ bữa trước chị Tám cạo gió và chị Năm nấu bát cháo cho ăn... Không có thì cũng “đi về cái xứ Bắc” với ông bà rồi... (...)

(trích truyện ngắn *Chấp tối* in trong *Sáng Tạo* số 7 bộ mới)

Tài liệu tham khảo:

- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyên và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo* Web: hopluu.net

11) Cung Tiến



Thạch Chương - Cung Tiến Cung Thúc Tiến (1938 –)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Thạch Chương là nhạc sĩ Cung Tiến tên thật là Cung Thúc Tiến, còn có bút hiệu là Thạch Chương, Đăng Hoàng, ông sinh ngày 27 tháng 11 năm 1938 tại Hà Nội. Thời kỳ trung học, Cung Tiến học xướng âm và ký âm với hai nhạc sĩ nổi tiếng Chung Quân và Thẩm Oánh.

Năm 1952, mới có 14 tuổi, Cung Tiến đã sáng tác bản Hương xưa, ông được xem như nhạc sĩ trẻ nhất có sáng tác được phổ biến rộng. Mặc dù ông chỉ xem âm nhạc như một thú tiêu khiển nhưng ông đã để lại những nhạc phẩm rất giá trị như *Hương xưa*, *Hoài cảm*, *Thu vàng*.

Trong khoảng thời gian 1957 đến 1963, Cung Tiến du học ở Australia ngành kinh tế và ông có theo tham dự các khóa về dương cầm, hòa âm, đối điểm, và phối cụ tại Âm nhạc viện Sydney.

Trong những năm 1970 đến 1973, với một học bổng cao học của Hội đồng Anh (British Council) để nghiên cứu kinh tế học phát triển tại Cambridge, Anh, Cung Tiến đã dự các lớp nhạc sử, nhạc học, và nhạc lý hiện đại tại đó.

Nhà văn Thạch Chương hay nhạc sĩ Cung Tiến trong vai trò của một chuyên viên kinh tế có tham chính và là một thành viên của nội các đệ nhị Việt Nam Cộng hòa trước năm 1975. Ông là thứ trưởng kiêm Tổng Giám đốc Kế Hoạch cho ông Tổng trưởng Kế Hoạch Nguyễn Tiến Hưng trong nội các của Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn năm 1975.

Sau năm 1975 ông là chuyên viên kinh tế của nghiên cứu và phân tích của Department of Economic Security của tiểu bang Minnesota.

HUỶNH ÁI TÔNG

Về ca khúc, Cung Tiến sáng tác rất ít và phần lớn các tác phẩm của ông đều sau 1954, trừ bài “Thu vàng”, “Hoài cảm” được ông viết năm 1953 khi mới 14-15 tuổi, nhưng chúng thường được xếp vào dòng nhạc tiền chiến bởi cùng phong cách trữ tình lãng mạn. Tự nhận mình là một kẻ amateur trong âm nhạc, viết nhạc như một thú tiêu khiển, Cung Tiến không chú ý tác quyền và lãng xê tên tuổi mình trong lĩnh vực âm nhạc. Các nhạc phẩm “Hoài cảm”, “Hương xưa” của ông được xếp vào những ca khúc bất hủ của tân nhạc Việt Nam.

Ra hải ngoại Cung Tiến viết nhạc tấu khúc Chinh phụ ngâm năm 1987, soạn cho 21 nhạc khí, được trình diễn lần đầu vào ngày 27 tháng 3, 1988 tại San Jose, California với dàn nhạc thính phòng San Jose, và đã được giải thưởng Văn Học nghệ thuật quốc khánh 1988.

Năm 1992, Cung Tiến hoàn thành tập *Ta Về*, thơ Tô Thùy Yên, cho giọng hát, dẫn đọc, ngâm thơ và một đội nhạc cụ thính phòng.

Năm 1993, với tài trợ của The Saint Paul Companies để nghiên cứu nhạc quan họ Bắc Ninh và các thể loại dân ca Việt Nam khác, ông đã soạn *Tổ khúc Bắc Ninh* cho dàn nhạc giao hưởng.

Năm 1997, ca đoàn Dale Warland Singers, đã đặt ông một bản hợp ca nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập ca đoàn nổi tiếng quốc tế này.

Năm 2003, Cung Tiến đã trình làng một sáng tác nhạc đương đại *Lơ thơ tơ liễu buông mảnh* dựa trên một điệu dân ca Quan họ. Ông là hội viên của hội nhạc sĩ sáng tác ở Minneapolis, Minnesota, Hoa Kỳ.

Ngoài sáng tác, Cung Tiến còn đóng góp nhiều khảo luận và nhận định về nhạc dân gian Việt Nam cũng như nhạc Hiện đại Tây phương. Trong lãnh vực văn học, những thập niên 1950 và 1960, với bút hiệu Thạch Chương, Cung Tiến cũng đã từng đóng góp những sáng tác, nhận định và phê bình văn học, cũng như dịch thuật, cho các tạp chí Sáng Tạo, Quan điểm, và Văn. Hai trong số các truyện ngắn ông dịch và xuất bản ở Việt Nam là cuốn *Hồi ký viết dưới hầm* của Dostoievsky và cuốn *Một ngày trong đời Ivan Denisovitch* của Solzhenitsyn. Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, ông có viết cho một số báo với bút danh Đăng Hoàng.

Tác phẩm:

Nhạc:

- *Hương xuân*
- *Hoài cảm*
- *Thu vàng*
- *Tổ khúc Bắc Ninh*
- *Nhạc tấu khúc Chinh phụ ngâm*
- *Ta Về*
- *Lơ thơ tơ liễu buông màn*
- *Tổ khúc Bắc Ninh*
- *Đêm (thơ Thanh Tâm Tuyền)*
- *Đêm hoa đăng*
- *Đôi bờ (thơ Quang Dũng)*
- *Hoàng hạc lâu (thơ Thôi Hiệu – Vũ Hoàng Chương dịch)*
- *Hương xưa (viết tặng Duy Trác)*
- *Kẻ ở (Mai chị về) (thơ Nguyễn Đình Tiên, thường bị nhầm là của Quang Dũng)*
- *Lệ đá xanh (thơ Thanh Tâm Tuyền, viết tặng Phạm Đình Chương)*
- *Mùa hoa nở*

HUỖNH ÁI TÔNG

- *Nguyệt cầm (ý thơ Xuân Diệu)*
- *Thuở làm thơ yêu em (lời Trần Dạ Từ)*
- *Vết chim bay (thơ Phạm Thiên Thư)*

Truyện dịch:

- *Một ngày trong đời Ivan Denisovitch* - Alexander Solzhenitsyn
- *Hồi Ký viết dưới hầm* - Fyodor Dostoyevsky.

Qua bút hiệu Thạch Chương, ông đã viết đề giới thiệu Albert Camus đăng trong Sáng Tạo bộ mới số 3 phát hành vào tháng 9 năm 1960:

Giữa hoàn cảnh xã hội lạc loài của nước Pháp hậu chiến, giữa khí hậu trí thức bi quan mà phải hiện sinh ngự trị, giữa những tiếng đẽ dũa phá hủy của trường siêu thực, và trong viễn ảnh một mùa đông tăm tối của Đệ Tam Quốc tế: Albert Camus, một hình bóng lơ lửng hiện lên như một tia nắng ấm hy vọng của Âu Châu. Tôi vừa nói: một hình bóng lơ lửng - bởi Camus không đại diện cho một hàng ngũ nào, không Cộng sản, và cũng không hẳn là người Pháp: một kẻ lưu vong với một triều đình đã mất.

Sau cái chết đầy “phi lý” cách đây mấy tháng, Camus đã để lại đằng sau mình hai tập triết luận, mấy tập truyện, một tập đoản văn, dăm vở kịch, một ít tạp luận và một số dịch bản, phóng tác, thời sự: tất cả dựng lên như lời Pierre Simon, một mốc đường cho một chủ nghĩa nhân đạo thực chứng (humanisme positif)...”

(Trích: Trình bày và phê bình hai quan niệm nổi loạn của
Albert Camus)

Về quan niệm phê bình văn nghệ, Cung Tiến viết:

(...) Và cuối cùng, câu hỏi quan trọng hơn cả là đâu là tiêu chuẩn của những tiêu chuẩn đó (và ta sẽ hỏi đến mãi vô cực)!

Đó là những câu hỏi cực kỳ quan trọng... Chỉ khi nào trả lời được, ta mới có quyền đặt bút phê phán giá trị. Cho nên tất cả những công trình đặt định giá trị của mọi nhà phê bình xưa nay Đông Tây, đều theo ý tôi, là những công việc vô lợi, dẫm màu chủ quan, hay là có một thứ khách quan hư ngụy, vô nghĩa. Chúng không cho lòng tin về sự đẹp của ta một lý do vững chắc nào, Chúng giống như những loại mệnh đề tuyên truyền của tôn giáo, những thứ mệnh đề ngầm ẩn những quan niệm tiên thiên, siêu việt toàn phi lý (irrationnel). Đau khổ hơn là nếu những từ ngữ đánh giá (termé evaluateurs) đó có thể chỉ là những tiếng hiệu triệu dấn xúc cảm thì có thực chúng ta đã muôn đời tự lừa dối chúng ta mỗi khi dùng chúng (Mà giây phút nào không đúng). Thế nào là giá trị? Thế nào là chân, là thiện, là mỹ? Đâu là một vài lý do cho lòng tin, một lòng tin nho nhỏ của ta? Câu hỏi ném lên không trung, chỉ sóng gió thâm thì trả lời. Đó là nỗi chán chường trong việc phê bình văn nghệ hôm nay.

(Trích: Sự chán chường trong phê bình văn nghệ đăng trên
Sáng Tạo bộ mới số 1, tháng 7 năm 1960)

Ông viết về trường hợp ông sáng tác bản nhạc Hoàng Hạc lâu,

HUỲNH ÁI TÔNG

từ bản dịch của Vũ Hoàng Chương từ Đường Thi của Thôi Hiệu:

*Xưa hạc vàng bay vút bóng người
Đây lâu Hoàng Hạc chút thom rơi
Vàng tung cánh hạc đi đi mãi
Trắng một màu mây vạn vạn đời
Cây bến Hàm Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi
Gần xa chiều xuống nào quê quán
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi!*

Ông đã ghi lại tấm lòng của ông đối với đất nước, với thi sĩ Vũ Hoàng Chương:

Vì sao tôi lấy tên ca khúc Hoàng Hạc Lâu đặt tên cho Tuyển tập I này? Ấy là để ghi lại biến cố lịch sử 1975 của dân tộc ta, kết thúc cuộc nội chiến Nam Bắc đau thương trên hai mươi năm với những ly tán, thù hận, oán ghét, Năm 1976 lúc tôi mới qua Úc Châu định cư, cố họa sĩ Ngọc Dũng (1930-2000) từ Hoa Kỳ gửi cho tôi bài thơ tên ấy của Vũ Hoàng Chương (1916-1976) dịch thơ Thôi Hiệu (670-727). Xúc động vì lời thơ và nhớ tới thi sĩ (lúc ấy đang bị giam cầm tại khám Chí Hòa) tôi đã phổ nhạc bài này với ý định sẽ gửi về Sài Gòn để Thái Thanh hát cho nhà thơ nghe. Không dè “Thi Vương” họ Vũ (như Vũ Hoàng Chương tự xưng trong bài thơ Nét Đầu Mặt Chữ) đã mất khoảng một hay hai tháng trước khi tôi có dịp gửi về Việt Nam. Trong sáng tác này để gọi không khí Đông Phương của Đường thi tôi đã dùng tự do thang âm ngũ cung để soạn giai điệu và hòa âm và đây cũng là lần đầu tiên

tôi sử dụng một cách có ý thức chất liệu quý báu này của âm nhạc dân tộc ta.

Truyện ngắn **Tinh Cầu** của Thạch Chương

(...) Và bây giờ mười ngón chân nàng là nguồn suối máu nhỏ, đôi mắt là hai nguồn suối máu lớn đồng thời Thoa thấy Thoa đã chạy chậm lại và gần hơn.

Và gần hơn nữa, còn độ mười bước, trời ơi tượng đồng Hy Lạp là anh Thoa chỉ thiếu một ngọn đuốc là đủ biến anh thành một lực sĩ hay một Prométhé có phải thế không nhỉ anh Thoa ngọn lửa của em. Năm bước bốn bước ba bước một. Và đây rồi.

Thoa của Thoa đứng dừng lại mệt lả. Chàng giơ hai tay lên trời như hai cánh bướm và loạng choạng ngã úp xuống mặt cát. Thoa hoàn toàn kiệt sức. Nàng chậm chạp bước lại và ngã quỵ xuống ôm choàng lấy thân thể Thoa. Hai thể xác nằm úp lên nhau lạnh lùng. Tóc Thoa xõa rũ rượi.

Sương mù bỗng tan đi hết. Trăng sáng vàng vạc như thủy tinh. Sóng dạt dào và đồ sộ. Hai thể xác nằm úp lên nhau lạnh lùng trong một bản hòa tấu rất hùng vĩ rất đồ sộ của đại dương.

Cung Tiến có vết một bài về Mozart, nên đọc để biết.

Tài liệu tham khảo:

- Cung Tiến Web: mekongculture.com
- Cung Tiến Web: phusaonline.free.fr
- Cung Tiến *Wolfgang Amadeus Mozart: Cuộc đời, Sự nghiệp, Tác Phẩm* Web: hocxa.com

12) Lê Cao Phan



Lê Cao Phan (1923-)

Lê Cao Phan sinh ngày 25 tháng 9 năm 1923 tại Ngô Xá Đông, huyện Triệu Phong, tnh Quảng Trị, theo ông cho biết lúc 7 tuổi đã được cho đi học chữ Nho và 10 tuổi đã được học tiếng Pháp. Năm 20 tuổi đã lấy được bằng Diplome. Xuất thân là dân sự phạm, nên được học đủ thứ. Năm 23 tuổi (1946), đã sáng tác bản nhạc đầu tiên: "**Diệt trừ giặc dốt**".

Năm 1948 lên chiến khu.

Là một nhà giáo và là người am hiểu nhiều lĩnh vực nghệ thuật: thơ ca, âm nhạc, điêu khắc, hội họa, ông có thể sử dụng nhiều loại đàn như piano, guitar, khẩu cầm, đàn tranh, đàn nguyệt ở trình độ phổ thông. Ông đã ấn hành hàng chục ca khúc nổi tiếng với nhiều thể loại: thiếu nhi, giải trí, xã hội, Phật giáo; sáng tác và triển lãm nhiều tác phẩm hội họa.

Thời gian 1949-1950, ông bắt đầu đến với đạo Phật, tham gia sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, nguyên Trưởng ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử tỉnh Thừa Thiên (1951-1953).

Là một nhà giáo, cũng là một nhạc sĩ nên ông sáng tác nhiều bản nhạc thiếu nhi như:

Hai Chú Gà Con

*Hai chú gà con đi chơi với nhau
Chú che cái dù, chú đội mũ trên đầu
Đang nói chuyện vui tay trong cánh tay
Ngó hai chú gà ra bạn thân ai tày, nào hay...*

*Đâu thấy đàn gà xa có con giun khá to
Chú quăng cái dù, chú liệng mũ co giò
Tay đã rời tay, mạnh ai nấy xới
Cả hai té nhào lao mình thật vui !*

Tập Tâm Vong

A hỏi

*Tập tâm vong, tay không tay có
Tập tâm vó, tay có tay không
Tay nào có? Tay nào không?
Tay nào có? Tay nào không?*

B đáp

*Tập tâm vong, tay không tay có
Tập tâm vó, tay có tay không*

HUYỀN ÁI TÔNG

A cho biết

Tập tâm vông, tay không tay có

Tập tâm vô, tay có tay không.

Nhi Đồng Múa Ca

Nhi đồng chúng ta vui cùng múa ca.

Nắm tay nhau trong vườn xuân thắm hoa.

Vang lừng hát ca nhịp nhàng múa ca.

Chúng ta vui trong lòng non nước nhà.

Đời nồng thắm sắc hương, đời là gió muôn phương,

đời là hoa đang nở cùng chim trong nắng mới.

Mình còn bé thơ ngây, nhịp nhàng múa ca say.

Nào cùng hoa luôn nở cười cùng chim hát vui.

Đời còn lúc ban mai, đời còn lúc xanh tươi,

trời bình minh lên sáng ngời xuân đang phơi phơi.

Mình còn bé thơ ngây nhịp nhàng múa ca say.

Nguyên đời ta luôn sáng ngời như lòng thắm tươi.

Năm 1951, nhân đại hội Phật giáo toàn quốc, ông đã sáng tác bản nhạc Phật Giáo Việt Nam, sau này được chọn dùng làm bản Phật Ca của Phật Giáo Việt Nam.

Phật Giáo Việt Nam

Phật Giáo Việt Nam thống nhất Bắc Nam Trung từ nay

Một lòng chúng ta tiến lên vì đạo thiêng

Nào cùng vui trong ánh đạo vàng rạng ngời bốn phương

Vang ca đón chào Phật Giáo Việt Nam

*Noi tấm gương Ngài Thích Ca giải thoát chúng sanh
Chúng ta dốc lòng nguyện cùng gieo rắc quanh mình
Bao mối vui lành tràn lan hàng tan đau đớn
Chấp tay ta cùng dưới Đài sen thắm kết đoàn*

*Phật giáo Việt Nam thống nhất Bắc Nam Trung từ nay
Nào cùng nắm tay kết nên một Đài sen
Cùng làm sao cho đóa sen ngời đời đời ngát hương
Muôn phương thắm nhuần Phật Giáo Việt Nam*

Trên tạp chí Sáng Tạo số 10 phát hành tháng 7 năm 1957, Lê Cao Phan có viết bài: Sự tiến triển của ngành âm nhạc thiếu nhi

Vào thập niên 1960, ông chuyển vào Sài Gòn, làm việc ở Bộ Giáo Dục,

Ông là người đã dịch Truyện Kiều (Nguyễn Du) và Úc trai thi tập (Nguyễn Trãi) sang tiếng Anh, tiếng Pháp, được UNESCO tài trợ và đưa vào Bộ Sưu tập tác phẩm tiêu biểu. Gần đây, ông còn dịch thêm Truyện Kiều sang Hán ngữ và quốc tế ngữ Espéranto.

Kể từ năm 60 tuổi, sau khi về hưu, ông không còn khỏe mạnh nên hạn chế việc đi lại. Nhất là sau khi vợ qua đời, ông chỉ thích ở nhà đọc sách và dành quãng thời gian còn lại tập trung vào việc nghiên cứu, phiên dịch Truyện Kiều (Nguyễn Du) và Úc trai thi tập (Nguyễn Trãi) sang tiếng Anh, tiếng Pháp, và gần đây, tiếng Hán và quốc tế ngữ Espéranto.

Vào giữa thập niên 1990, Lê Cao Phan có sang Canada 3 năm, nhưng không thích hợp nên quay về sống ở Bà Rịa một thời

HUYỀN ÁI TÔNG

gian, Cuối cùng về sống chung với gia đình người con trai ở Bình Thạnh, Gia Định, tiếp tục sáng tác thơ, nhạc và dịch sách

Tài liệu tham khảo:

Lê Cao Phan Blog: vannghequangtri.blogspot.com

Lê Cao Phan Web: gdptthuanan.com

13) Kiêm Minh



Kiêm Minh Trần Kiêm Minh (1929 – 1985)

Nhà văn Kim Minh Tên thật Trần Kiêm Minh. Sinh 1929 ở Huế. Tác giả rất nhiều truyện ngắn, tạp bút, đăng trên các báo: Đời Mới, Nguồn Sống Mới, Thẩm Mỹ, Nhân Loại, Cải Tạo loại mới, Sinh Lực...

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Kiêm Minh được nhận vào làm Phòng Bảo tàng, bảo tồn Thành phố HCM, nhưng vì sức khỏe nên sau 3 tháng được nghỉ việc, ra Bru Điện Sài Gòn làm dịch vụ làm đơn, viết thư, nhưng cũng chỉ được một thời gian.

Ông qua đời năm 1985 tại Sài Gòn, thọ 56 tuổi.

Nhà văn Kiêm Minh chỉ thành công ở truyện ngắn, ông không có tác phẩm nào thuộc loại truyện dài cả.

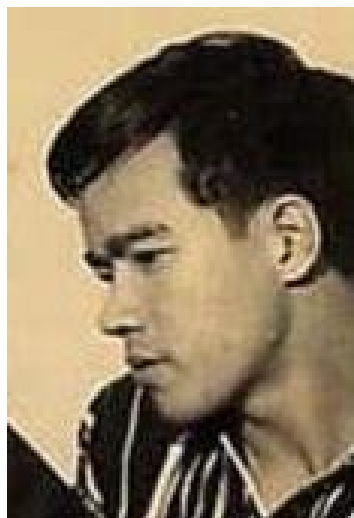
Trên Sáng Tạo số 11 ông viết truyện: Con thuyền giấy, số 17 : Về trường hợp một đôi môi.

Nhà văn Thế Phong viết về Kiêm Minh trong *Lược Sử Văn Nghệ Việt Nam*: Truyện ngắn Kiêm Minh nội dung sâu sắc, tế nhị, phản ánh đời sống thực tế phũ phàng, nhân vật sống với tư tưởng triết lý vụn ý nghĩa. Tất cả đây đó được ông thể hiện qua truyện ngắn: *Nắng Nửa Đêm, Chiến Lợi Phẩm, Sau Lưng Thành Phố, Cắm Yêu...* Số truyện ngắn này có thể lên tới con số hàng trăm. Nếu phong cho nhà văn viết truyện ngắn hay, sâu sắc tiến bộ, tư tưởng cao, văn phong mượt mà, bóng bẩy ở hậu chiến; đề nghị danh sách đứng hàng đầu là nhà văn tài năng Kiêm Minh. Ông qua đời ở Sài Gòn vào những năm tám mươi trong đói nghèo.

Tài liệu tham khảo:

- Kiêm Minh Web: newvietart.com
- Trần Áng Sơn *Chàng tường vi công tử* Web: vanchuongviet.org
- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyền và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo* Web: hopluu.net

14) Ngy Cao Uyên



Ngy Cao Uyên Nguyễn Cao Nguyên (? -)

Ngy Cao Uyên tên thật là Nguyễn Cao Nguyên, ông học ở Pháp cùng với Cung Trầm Tưởng và trở về Việt Nam cũng như Cung Trầm Tưởng, cùng là Sĩ quan, phục vụ trong binh chủng Không quân của Quân đội Việt nam Cộng Hòa

Trên tạp chí Sáng Tạo số 13 tháng 10 năm 1957, có đăng *Tự họa* của ông

Ông cũng là họa sĩ, trình bày tập thơ của đầu tay của Cung Trầm Tưởng *Tình Ca* (Công Đàn, 1959), được nhiều người phê bình là hình thức mới lạ thời bấy giờ.

Ông là Chủ Tịch Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam (nhiệm kỳ 1966-1971), Hội hoạt động từ tháng 11 năm 1966 đến năm 1975.

HOI HOA SI TRE VIET NAM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN CAO NGUYÊN : CHỦ TỊCH
NGUYỄN TRUNG : PHÓ CHỦ TỊCH NỘI VỤ
HIẾU ĐỆ : PHÓ CHỦ TỊCH NGOẠI VỤ
TRỊNH CUNG : TỔNG THỢ KỸ
NGUYỄN KHAI : PHÓ TỔNG THỢ KỸ
HỒ THÀNH ĐỨC : ỦY VIÊN KẾ HOẠCH
NGUYỄN PHƯỚC : ỦY VIÊN TÀI CHÍNH
ĐINH CƯỜNG : ỦY VIÊN KIỂM SOÁT
BS. NGUYỄN TẤN HỒNG : SÁNG LẬP VIÊN
CÔ NGUYỄN : SÁNG LẬP VIÊN
MAI CHỮNG : SÁNG LẬP VIÊN

Sau 1975, ông định cư ở Virginia, Hoa Kỳ

Tài liệu tham khảo:

- Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam Web: litviet.com

15) Vương Tân



Vương Tân Lê Nguyên Ngư (1930-)

Vương Tân tên thật là Lê Nguyên Ngư, ông còn có những bút danh khác như Hồ Nam, Lê Tây Sơn, sinh năm 1930 tại Bắc Ninh.

Khởi sự viết từ năm 1950.

Năm 1952-1954 Chủ bút Tuần Báo Quê Hương của ông Bùi Đức Thịnh, khi ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng, Bùi Đức Thịnh tham chánh nên đình bản tuần báo Quê Hương, trong khi làm báo này thì Vương Tân theo học trường Luật thuộc Đại học Đông Dương Hà Nội.

Năm 1954, di cư vào Nam Vương Tân tham gia vào “Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư”, nên gắn bó với nhóm Lửa Việt, người Việt.

Năm 1955 Biên tập viên Tuần Báo Đời Mới.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Năm 1956 Thư Ký tòa soạn Tuần Báo Việt Chính và chủ trương tù sách Lạc Việt cùng Phan Lạc Tuyên và Mạc Ly Châu.

Năm 1957 Tham gia nhóm Sáng Tạo làm thư ký với bút hiệu Vương Tân.

Năm 1958 Chủ trương Tuần Báo Cái Tiến cùng Giản Chi, Đông Xuyên.

Năm 1961 Phụ trách trang Văn Nghệ của Nhật Báo Mới.

Năm 1964 Phụ trách phần văn nghệ Nhật Báo Quyết Tiến.

Năm 1970 Thư Ký Tòa Sọan Nhật Báo Hòa Bình.

Năm 1975 tù “Cải Tạo” 3 lần cả thầy, sau khi ra tù viết báo “chui” Việt Nam, sống với gia đình ở số 121/3b Lê Thị Hồng Gấm phường 6 Thành Phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang, năm 2011 toàn bộ đất nhà của ông có 200 thước vuông, bị quy hoạch đo đạc kiểm kê để giải tỏa.

Tác phẩm :

- *Tìm Hiểu Thơ Tự Do* (viết chung với Phan Lạc Tuyên, Mạc Ly Châu và Kiêm Đạt 1956).

- *Những Swong Phụ Của Thời Đại* (Truyện dài,- Sống Mới xuất bản)

- *100 Khuôn mặt văn nghệ sĩ* (viết chung với Vũ Uyên Giang (Đất Sống, Cali, 2006)

Trích văn:

TẠP CHÍ SÁNG TẠO

Ngày 20 tháng 7 năm 1954 hiệp định Genève ký kết giữa chính phủ Cộng Hòa Pháp do thủ tướng Mandès France và ngoại trưởng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Phạm Văn Đồng đã chia đôi đất nước VN. Chính phủ Quốc Gia Việt Nam do thủ tướng Ngô đình Diệm đứng đầu đã phản đối việc chia cắt đất nước đã không ký hiệp định Genève khiến cho Việt Nam trở thành hai nước , một nước VN thủ đô là Hà nội và nước Việt Nam thủ đô là Saigon. Thời gian này tôi làm chủ bút văn nghệ tuần báo Quê Hương của ông Bùi Đức Thịnh một nhân vật thân tín của chánh khách Ngô Đình Diệm, khi chánh khách Ngô đình Diệm làm thủ tướng chánh phủ quốc gia Việt Nam dưới sự lãnh đạo của quốc trưởng Bảo Đại thì ông Thịnh đã quyết định tham chánh ngừng xuất bản tuần báo Quê Hương [xem chương hồi ký VT viết về giai đoạn làm chủ bút văn nghệ tuần báo Quê Hương]. Cùng với việc làm báo thời gian này tôi còn đi học luật tại trường đại học luật Đông Dương ở Hà nội, hiệp định Genève ra đời trường này quyết định rời Hà nội vào Saigon, tôi đã theo trường vào Saigon. Vào Saigon tôi ở trong lều bạt của đoàn sinh viên Hà nội và đi viết báo kiếm sống. Tại Saigon tôi gặp Buttinger -một người Mỹ- là chuyên gia nghiên cứu lịch sử VN, nói thạo tiếng Pháp mà tôi quen biết từ hồi còn ở ngoài Hà nội . Buttinger hỏi tôi vẫn còn viết báo chứ, tôi cho Buttinger biết tôi hiện là một nhà báo tự do viết báo ăn tiền bài theo đơn đặt hàng của một vài tờ tạp chí , Buttinger cho tôi biết tổ chức phi chánh phủ của người Mỹ đó là tổ chức IRC [International Recue Committee] mà ông là đại diện ở VN vừa nhận lời giúp đỡ một nhóm văn nghệ sĩ di cư mà trong đó có một người thân với tôi là Như

Phong Lê Văn Tiến xuất bản một tờ nhật báo bằng Việt ngữ giương cao ngọn cờ báo chí tự do vậy Buttinger muốn tôi tham gia tờ báo này. Tôi nói với Buttinger hiện Như Phong Lê Văn Tiến là thư ký riêng của bộ trưởng thông tin Bùi kiến Tín và tôi là người “ky” giao thiệp với các quan chức nhà nước nên từ khi vô Saigon tôi không còn liên lạc với Tiến. Buttinger xin địa chỉ của tôi và nói với tôi Tiến sẽ đến kiếm tôi

Tôi hôm đó lúc tôi vừa về tới lều bạt nơi tôi ngủ đêm đã thấy Như Phong Lê Văn Tiến ngồi ngoài cửa lều chờ tôi. Thấy tôi về Tiến nói ngay ông Buttinger bảo với mình phải mời cậu tham gia tờ Tự Do cậu nhận lời chứ. Với tôi Như Phong Lê Văn Tiến không phải chỗ xa lạ. Tiến là em kết nghĩa của nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, được nhà văn Hoàng Đạo không những bồi dưỡng cho nghề văn ,nghề báo mà còn giới thiệu với bạn văn người Nhật là ông Komatsu một nhà văn Nhật bản có tiểu thuyết được dịch ra tiếng Pháp, từng được nhà thơ Nguyễn Giang con trai nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh, anh nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp chuyển ra tiếng Việt. Như Phong Lê Văn Tiến được nhà văn Komatsu - người mà giới trí thức ở Hà nội đồn rằng ông ta là một đảng viên Đảng Hắc Long thuộc loại vai vế ở Hà nội dạy không những nghề văn còn nghề tình báo nữa. Như Phong Lê Văn Tiến không chỉ là em kết nghĩa của nhà văn Hoàng Đạo mà còn là thư ký riêng của nhà văn này. Năm 1945 chính nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long đã giới thiệu với bác sĩ Luyện chủ nhiệm báo Tin Mới để bác sĩ Luyện dùng Như Phong Lê Văn Tiến làm phóng viên chánh trị của báo Tin Mới. Khi bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ khai sinh ra trường Lục quân Yên Bái của Quốc dân quân nhà văn Hoàng Đạo đã gửi Như Phong Lê Văn Tiến đi học trường

HUỶNH ÁI TÔNG

Lục quân Yên Bái. Như Phong Lê Văn Tiến sau này nổi tiếng là nhà báo người Việt trong làng báo tiếng Anh là người thông thạo nhất về nội tình Đảng Cộng Sản Việt Nam. Như Phong Lê Văn Tiến không chỉ là nhà báo có hạng mà còn là nhà văn kiệt xuất với bút hiệu Lý Thắng Như Phong Lê Văn Tiến đã viết cuốn trường giang tiểu thuyết Khói Sóng đăng trên nhật báo Tự Do nhiều năm. cuốn tiểu thuyết trường giang Khói Sóng này được giới thưởng ngoạn văn chương nhận định là một trong những cuốn tiểu thuyết xuất sắc của văn chương Việt Nam hậu bán thế kỷ hai mươi

Sau khi nhà văn Hoàng Đạo đột tử ở Quảng Châu [Trung Quốc] thì Như Phong Lê Văn Tiến về ở hẳn với gia đình nhà văn Hoàng Đạo và được đưa vào Nha Thông Tin Bắc Việt làm biên tập viên. Tiến thân với nhà văn Mặc Thu Lưu Đức Sinh, kịch tác gia Vũ Khắc Khoan và nhà văn Chu Tử Chu Văn Bình. Do đó khi kịch tác gia Vũ Khắc Khoan làm chánh văn phòng cho tổng trưởng bộ thông tin là bác sĩ Bùi Kiến Tín họ Vũ đã đưa Như Phong Lê Văn Tiến làm thư ký riêng cho tổng trưởng Bùi Kiến Tín. Như Phong Lê Văn Tiến làm tình báo làm chánh trị và từng là cố vấn chuyên môn cho bác sĩ Trần Kim Tuyền ông trùm tình báo của chế độ Ngô Đình Diệm, làm chánh trị Như Phong Lê Văn Tiến từng là ủy viên Ủy ban hành pháp trung ương [tương đương bộ trưởng] và là người vẽ sơ đồ tổ chức cho mấy tay tướng trẻ nắm chánh quyền [giữa năm 1976 thế kỷ hai mươi khi cùng ở chung phòng giam ký hiệu B với tôi tại trại giam sở công an TPHCM nơi mà thiên hạ lúc đó gọi “khách sạn cây mít” Như Phong Lê Văn Tiến trả lời câu hỏi của tôi về chuyện thiên hạ nhiều lời về mối quan hệ giữa cậu em kết nghĩa của chồng và bà chị dâu vừa góa chồng

ở chung nhà với nhau. Như Phong Lê Văn Tiến cười sòa rồi nói rằng Như Phong Lê Văn Tiến nghe rác tai những lời đàm tiếu của thiên hạ về mối quan hệ giữa Tiến và chị Long nhưng thiên hạ quên một điều quan trọng là Tiến ở nhà anh chị Long từ khi Tiến chưa đầy hai mươi tuổi và lúc anh Long lưu vong đã ký thác vợ con cho Tiến chăm sóc thời gian này chị Long đã cẩn thận đón mẹ đến ở cùng. Tiến công nhận chị Long là người đẹp vào loại “quốc sắc thiên hương” và Tiến rất là “thần tượng” chị Long có lẽ vì vậy mà tới khi chị qua đời Tiến vẫn chưa lập gia đình. Đời Tiến có hai mối hận là không kiếm được người bằng nửa thần tượng để cưới làm vợ nhưng vì Tiến đối xử với các con anh Long như con Tiến nên họ lúc nào cũng coi Tiến như cha nuôi, dù gọi Tiến là chú, nỗi ân hận thứ hai là lập kế hoạch và dựng mô hình đưa đám tướng trẻ lên cầm quyền đám này làm ăn quá tệ đến nỗi phe quốc gia tan đàn xẻ nghé như ngày nay

Theo nhà văn Tạ Quang Khôi thì cuối đời Tiến làm cố vấn cho đài Á Châu Tự Do và viết báo Wallstreet nhưng dành nhiều thời gian sang Paris tìm đọc tiểu thuyết Khói Sóng trong thư viện Pháp để sửa chữa và viết tiếp . Tiến đã hoàn thành trường giang tiểu thuyết Khói Sóng trước khi qua đời

Tôi nhận lời Như Phong Lê Văn Tiến về tòa soạn báo Tự Do làm phóng viên chánh trị nhưng nói với Tiến rằng tôi là anh viết văn làm thơ tôi không muốn rời anh em sinh viên Hà nội lúc đó đang làm tờ nguyệt san Lửa Việt. Nhóm sinh viên này không xa lạ gì với Như Phong Lê Văn Tiến đó là những sinh viên như luật sư Trần Thanh Hiệp sinh viên cao học luật, nhà giáo Nguyễn Sỹ Tế sinh viên cao học luật, nhà giáo Đỗ Văn Quốc Sĩ con rể nhà thơ Tú Mỡ sinh viên văn khoa, nhà giáo

Thanh Tâm Tuyền sinh viên luật, nhà giáo Lữ Hồ sinh viên Cao Đẳng sư phạm.

Nhóm Trần Thanh Hiệp Thanh Tâm Tuyền lúc đó cộng tác với Vũ Ngọc Các làm tờ nhật báo Hòa Bình. Trần Thanh Hiệp phụ trách phần chánh trị coi như chủ bút, Thanh Tâm Tuyền coi mảng văn nghệ coi như chủ trương trang văn nghệ cuối tuần. Một bữa Thanh Tâm Tuyền nhận được thư độc giả gửi một truyện ngắn tựa đề Đêm Giã từ Hà nội ký tên tác giả là Mai Thảo một tên lạ hoắc Tuyền định xếp xó nhưng đọc qua dòng đầu tiên của truyện ngắn thì sững sốt văn hay quá cú như thơ vậy. Tuyền đọc xong truyện ngắn thấy phía dưới đề địa chỉ liên lạc với tác giả là Nguyễn Đăng Quý bèn gọi điện thoại cho Nguyễn Sỹ Tế chủ bút nguyệt san Lửa Việt báo tin mình vừa khám phá ra một thiên tài và yêu cầu Nguyễn Sỹ Tế xếp chỗ cho truyện ngắn Đêm Giã Từ Hà nội trên Lửa Việt số sắp ra

Sự ra đời của nhà văn Mai Thảo và tác phẩm Đêm Giã Từ Hà Nội là như thế đó

Sau đó tôi gặp Nguyễn Đăng Quý tôi mới biết Quý là em Nguyễn Đăng Viên và trước khi Quý là nhà văn Mai Thảo , Quý làm thơ ký bút hiệu Nhị Quý là dân Thổ Khối, một xã trong làng Bát Tràng anh em họ với nhà văn hóa Nguyễn Đăng Thục em ruột Nguyễn Đăng Viên mà Viên thì lại chẳng xa lạ gì với tôi . Viên là đệ tử nhà văn Chu Tử. Viên học giỏi và là bạn cùng học với một tên tướng Pháp khi tên này làm tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Việt. Viên đã được tên này đề bạt một lúc làm tỉnh trưởng ba tỉnh Hưng Yên Thái Bình Ninh Bình. Viên từng được cố Đảng trưởng đảng Đại Việt Trương

Tử Anh kết nạp Đảng cùng thời với bác sĩ Đặng Văn Sung, có đảng trưởng Trương Tử Anh rất tin tưởng Viên. Nguyễn Đăng Viên có tài nhưng phải tật tếu táo thích đùa rỡn. Viên từng dùng trung úy Nguyễn Văn Thiệu làm sĩ quan hầu cận. Khi ông Thiệu làm Tổng Thống có mời Viên tham chánh. Viên đã từ chối với lý do làm giám đốc khách sạn Palace của Pháp ở đường Nguyễn Huệ lương to hơn lương bộ trưởng. Có lẽ vì cái tính tếu táo mà có lúc Viên đã bị thủ tướng Ngô Đình Diệm nhốt vào khám Chí Hòa. Lúc Nguyễn Đăng Quý đăng quang cái tên nhà văn Mai Thảo thì Nguyễn Đăng Viên cùng với nhà văn Chu Tử mở trường trung học tư thục Thăng Long ở số 207 Bùi Viện.

Sau ngày 30 tháng tư Nguyễn Đăng Viên bị tù cải tạo tại trại Xuyên Mộc hút thuốc lao sông sọc suốt ngày, ra tù Viên vượt biển dầm tàu sác chôn bụng cá Thái Bình Dương [muốn biết thêm về Nguyễn Đăng Viên đọc hồi ký Vương Tân chương Nguyễn Đăng Viên]

Khi cái tên Mai Thảo được Thanh Tâm Tuyền “đánh bong” thì Nguyễn Đăng Quý nghĩ ngay tới chuyện kinh doanh gom các truyện ngắn đã viết lại thành một tập lấy tên là tập truyện ngắn Đêm Giã Từ Hà nội in thành sách đem bán. Thời đó loại truyện như Đêm Giã Từ Hà nội phát hành tác giả muốn có lời chỉ có hai nơi tiêu thụ ngon lành là Bộ Thông Tin và Phòng Thông Tin Hoa Kỳ. Bộ Thông Tin thì Nguyễn Đăng Quý nhờ sự quen biết của Nguyễn Đăng Viên nên bộ này đã nhận lời mua một nghìn cuốn. Phòng Thông Tin Hoa Kỳ qua Viên Quý gặp Từ Ngọc Bích phó phòng Thông Tin Hoa Kỳ nơi này không những chịu mua cho Mai Thảo tới hai nghìn cuốn Đêm Giã Từ Hà nội mà Bích còn giới thiệu với Mai Thảo một

HUỶNH ÁI TÔNG

người Mỹ gốc Ý tên Tucker lúc đó là trưởng phòng Thông Tin Hoa Kỳ tại Saigon nói thạo tiếng Pháp. Gặp Mai Thảo Tucker gợi ý Mai Thảo nên xuất bản một tạp chí văn chương ra hàng tháng với điều kiện tạp chí này cố võ cho xu hướng văn chương hiện đại và văn chương tự do. Phòng Thông Tin Hoa Kỳ có thể yểm trợ Mai Thảo bằng cách mua cho mỗi kỳ hai ngàn số để Mai Thảo không bị lỗ vốn có thu nhập đủ chi phí cho tòa soạn và trả tiền nhuận bút. Mai Thảo đã nhận lời đề nghị của Tucker. Trong khi đó Đoàn Sinh Viên Hà nội hết nhiệm vụ lịch sử tờ Lửa Việt ngưng xuất bản, nhóm Lửa Việt xuất bản tờ Người Việt đưa nhà văn Đỗãn Quốc Sỹ làm chủ nhiệm nhà văn Nguyễn Sĩ Tế làm chủ bút

Khi Lửa Việt đổi thành Người Việt, họa sĩ Lữ Hồ tốt nghiệp trường Cao Đẳng sư phạm Saigon về Huế lấy vợ rời cây cọ, thành ra Người Việt không có họa sĩ trình bày, tôi đã giới thiệu cho Người Việt họa sĩ Duy Thanh một họa sĩ nổi tiếng từ Hà nội là truyền nhân của họa sĩ Nguyễn Tiên Chung để minh họa và trình bày Người Việt [muốn biết thêm về họa sĩ Duy Thanh đọc hồi ký Vương Tân chương viết về họa sĩ Duy Thanh]

Tuần báo Người Việt ra ít số thì Nguyên Sa Trần Bích Lan [Vương Tân dành một chương hồi ký viết về Nguyên Sa] từ Pháp về tìm tôi nói về nền văn học hiện sinh và đưa tôi bài thơ viết về Nga vợ Nguyên Sa in trên một tấm thiệp báo hi cùng mấy bài thơ. Tôi đã mang tấm thiệp báo hi và mấy bài thơ của Nguyên Sa đưa cho Thanh Tâm Tuyên đọc. Thanh Tâm Tuyên đọc xong mấy bài thơ Nguyên Sa đã bảo tôi đưa Thanh Tâm Tuyên một bài thơ tôi mới sáng tác để Thanh Tâm Tuyên làm một trang thơ bạn giới thiệu thơ tôi và thơ Nguyên Sa như

một hiện tượng thi ca mới xuất hiện trên bầu trời thi ca Việt Nam do Thanh Tâm Tuyền viết lời giới thiệu đăng vào Người Việt số Xuân 1956 [số báo này còn lưu giữ nơi các thư viện ở Saigon Paris Washington]

Báo Người Việt ra được mấy số thì hết tiền đình bản. Nguyên Sa Trần Bích Lan bỏ tiền tục bản với điều kiện cho NGUYỄN Sa phần lựa bài đăng nhưng Người Việt ra hai số với sự lựa bài của Nguyên Sa thì Thanh Tâm Tuyền đã yêu cầu Dãn Quốc Sĩ đòi lại báo vì không thích đường lối văn nghệ hiện sinh và nói Nguyên Sa Trần Bích Lan lấy tiền của bác sĩ Trần KimTuyền [trùm mật vụ của chế độ Ngô Đình Diệm] xuất bản báo Người Việt. Dãn Quốc Sĩ đã làm theo yêu cầu của Thanh Tâm Tuyền

Trong khi Mai Thảo xuất bản tạp chí Sáng Tạo anh em Người Việt không ai tham gia bài vở dù có đi ăn nhậu và khiêu vũ với Mai Thảo vì ai cũng ngại mang tiếng viết tờ báo nhận tài trợ của Phòng Thông Tin Hoa Kỳ

Nhưng Sáng tạo ra mấy số thấy không có mầu mè gì của Mỹ cả vì Mai Thảo được toàn quyền lựa bài vở theo hướng đứng về phía cái mới làm mới văn chương Việt Nam hiện đại hóa văn chương Việt Nam thì anh em Người Việt mới bắt đầu viết cho Sáng Tạo

Tờ Sáng Tạo đã đưa ra được những nhà văn mới như Thảo Trường, Dương Nghiễm Mậu, Lý Hoàng Phong những nhà phê bình hội họa Nguyễn Trung, Thái Tuấn [hai nhân vật này từ phê bình sang sáng tác đã trở thành những danh họa]

Thiên hạ thường ba điều bốn chuyện về chuyện tại sao

HUYỀN ÁI TÔNG

Nguyên Sa là người bên cạnh Mai Thảo từ khi Sáng Tạo sửa soạn ra đời và cũng chính Nguyên Sa đã giới thiệu Nguyên Văn Trung tham gia viết Sáng Tạo ban đầu với bút hiệu Hoàng Thái Linh thế mà chẳng bao lâu Nguyên Sa và Sáng Tạo lại lạnh nhạt với nhau. Có người như Du Tử Lê chẳng hạn quả quyết chuyện Mai Thảo lạnh nhạt với Nguyên Sa là vì một bài phỏng vấn Nguyên Sa của Vương Tân trong bài này Nguyên Sa nói hơi nhiều về luật bằng trắc trong thơ và thơ tự do 'đụng' tới Thanh Tâm Tuyền khiến Thanh Tâm Tuyền áp lực Mai Thảo 'nghe chơi' với Nguyên Sa..Mai Thảo được hỏi về chuyện này thì lại bảo rằng chuyện hơi tế nhị nên Mai Thảo không muốn tiết lộ. Thật ra chuyện tế nhị đó là mối quan hệ của Nguyên Sa với bác sĩ Trần Kim Tuyền trùm mặt vụ của chế độ Ngô đình Diệm, bác sĩ Tuyền muốn nắm tờ Sáng Tạo sau khi đã nắm tờ Tự Do chứng cứ là khi Sáng Tạo ngưng xuất bản bác sĩ Tuyền đã tài trợ cho nhà thơ Nguyên Sa xuất bản tạp chí Hiện Đại với ý đồ trám chỗ tạp chí Sáng Tạo nhưng vì không mời được Mai Thảo cũng như anh em nhóm Người Việt tham gia bộ biên tập nên Hiện Đại không vô được đất đứng của Sáng Tạo nơi bạn đọc

Sáng tạo cả hai thời kỳ xuất bản không nhiều số thời kỳ đầu từ 1956 tới 1960 do Phòng Thông Tin Hoa Kỳ yểm trợ rồi thời kỳ thứ hai năm 1964 do một tổ chức văn hóa Hoa Kỳ yểm trợ qua bác sĩ Lý Trung Dung đã tạo được một vị trí tầm cỡ trong văn học nghệ thuật Việt Nam trong những thập niên 50 và 60. Sáng Tạo nổi đình đám nhờ phát ngôn cò làm mới văn học nghệ thuật VN có sự tham gia của nhóm Người Việt chứng cớ là sau Sáng Tạo Mai Thảo từng chủ trương các tờ Nghệ Thuật rồi Văn nhưng không có sự tham gia đông đảo của nhóm

Người Việt nên các tờ này đâu thay thế được tạp chí Sáng Tạo

Tạp chí Sáng Tạo thời kỳ 1956 -1960 so với thời kỳ 1964 cũng hoàn toàn khác thời kỳ 1956-1960 dấu ấn của nhóm Người Việt đậm hơn thời kỳ 1964

Những đặc sắc của Sáng Tạo là phát ngôn cờ đổi mới văn học nghệ thuật nỗ lực cổ động cho phong trào sáng tác và đọc thơ tự do và mở rộng cửa đón những văn tài mới.

Cái làm nên bản chất của tạp chí Sáng Tạo là nhà văn Mai Thảo cộng với sự hợp tác của nhóm Người Việt. Phải công bằng mà nói một Người Việt không chẳng thể làm nên tạp chí Sáng Tạo, chứng cứ là sau năm 1963 Vũ Khắc Khoan ra tạp chí Vấn Đề đưa Thanh Tâm Tuyền làm thư ký tòa soạn lôi kéo nhóm Người Việt tham gia viết nhưng Vấn Đề vẫn không thay thế được Sáng Tạo trong khuynh hướng thưởng ngoạn văn chương của bạn đọc và Mai Thảo làm báo Nghệ thuật rồi Văn thiếu sự góp mặt của nhóm Người Việt cũng không tạo được vị thế của Sáng Tạo trong giới đọc cũng như giới thưởng ngoạn văn chương.

Sáng Tạo tuy phát ngôn cờ đổi mới văn học nghệ thuật dứt khoát đứng về phía cái mới chủ lực là nhóm Người Việt nhưng là diễn đàn mở có sự tham gia của các nhà thơ tiền chiến Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương và nhà văn nhóm Quan Điểm Mặc Đỗ, nhà văn quân đội Tạ Tỵ nhà văn công chức đài phát thanh Saigon Lý Hoàng Phong nhà thơ thuộc nhóm Đồi Mới Hoàng Bảo Việt

Vị trí của Sáng tạo trong văn học sử Việt Nam như thế nào nay đã rõ vì ngay những nhà nghiên cứu văn học ở miền Bắc

HUYỀN ÁI TÔNG

những người có tầm nhìn khá khắc khe và hạn chế về nền văn học miền Nam trong hai thập niên 50,60, của thế kỷ hai mươi cũng phải thừa nhận rằng sự xuất hiện của tạp chí Sáng Tạo đã đem lại không khí đổi mới cho văn chương Việt Nam, đưa văn chương VN ra khỏi những hạn chế của su hướng văn chương tiền chiến với những Tự Lực Văn Đoàn Tiểu thuyết thư bầy thứ năm hay Xuân thu nhã tập Thanh Nghị.

Thơ:

Ở LẠI

Ghi ngày giỗ đầu Quách Thoại

*Nghe tin anh vừa chết
Buổi chiều đầy hoang liêu
Ngày mai tôi phát vãng
Thương nhớ nhau còn nhiều*

*Anh đi ôi cô độc
Trần gian vắng quá rồi
Buồn đau nên tôi khóc
Mưa rơi và lệ rơi*

*Cùng tham gia lịch sử
Chiều nay thiếu một người
Cùng mơ làm thi sĩ
Mỗi kẻ một phương trời*

*Không nghĩ mình gạch ngói
Tôi thấy buồn xa xôi
Cúi đầu đi đau đớn
Anh ơi thiếu nhiều rồi*

Người lữ hành cô độc

*Là anh hay là tôi
Trùng dương mênh mông song
Ôi cô liêu cuộc đời*

*Đón đau nhiều quá lắm
Đêm tối sắp đến nơi
Tôi khóc và im lặng
Nhớ nhau có thể thôi*

*Gác xưa còn ai nữa
Hai đứa hai phương trời
Chia nhau thay lịch sử
Vắng anh nhiều mây trôi*

BÀI CA THIỀN SƯ

Tặng Đãn Quốc Sỹ

*Thiền sư xuống núi vì thiên hạ
Múa bút cho đời được nở hoa
Thiền sư xuống núi như "tiên đọa"
Lặn độn cho đời vẫn hát ca
Thiền sư mặt pháp mang tâm lành
Thở ra hít vô nhìn quĩ dữ
Cái tâm của "bụt" trái tim xanh
Chuyện đời không tính nhiều ít chữ
Miễn sao cho trời được trong lành
Miễn sao cho đời được yên bình
Miễn sao cho mình được an tịnh*

*Gìn Vàng Giữ Ngọc mãi vẫn chương
Khu Rừng Lau vẽ đẹp hoang đường
Dòng Sông Định Mệnh nào ngơ ngác*

HUYỀN ÁI TÔNG

Có biết bao nhiêu nỗi đoạn trường

*Thiền sư gác bút đi tìm pháp
Cái pháp trong tâm mãi chưa ra
Hít thở mệnh mông trời quĩ dữ
Chỉ thấy đêm khuya bóng trăng tà
Giấc mộng nhân sinh một trận đời
Nghìn năm nước chảy với hoa trôi
Những gì được mất trong thiên hạ
Cũng chỉ nằm trong một lẽ đời
Cát bụi rồi đây hoàn cát bụi
Còn lại hay chẳng một chút long
Nửa đêm tỉnh mộng ngắm trăng sông
Thấy lẽ vô thường trong cuộc sống
Thấy đời tiếp nối đến vô cùng
Ván cờ cuộc thế trò hư ảo
Còn mãi muôn đời "pháp" văn chương*

VƯƠNG TÂN

[2007]

GỬI DUYÊN ANH

*Tao hiểu mày thằng bạn văn nghệ
Ăn nói lung tung ưa chửi sảng
Tao hiểu mày thằng luôn bất mãn
Lúc nào miệng cũng cứ oang oang
Chúng nó giết mày là ngu xuẩn
Mày chỉ chửi đổng và nói ngang

Mày chi thương vay rồi khóc mướn*

*Luôn bao đồng ăn nói lung tung
Đứa có tài thì luôn có tật
Lại sinh vào thời buổi nhỏ nhăng
Nên mày phải bị lãnh nhục hình*

*Tao hiểu mày đời cần bất mãn
Nhất là đứa cầm bút như mình
“Vũ vương nhất nộ an thiên hạ”
Ta với nhà nguoi chẳng thể im*

*Ngươi đã vượt biển đi để viết
Đã viết bao nhiêu trang sách đời
Trời còn giông bão ngươi còn viết
Cho tới hơi tàn ngươi vẫn chơi
Tao hiểu mày như tao hiểu tao
Chúng mình một lũ mê chuyện hão
Lấy chuyện thiên hạ làm chuyện mình
Rồi nổi cơn lên chửi vung vít
Làm cho thiên hạ phải phát điên*

*Bạo lực là “kẻ” của kẻ yếu
Bạo lực muôn năm vẫn cứ thua
Tao mày đứa nào chẳng phải chết
Sống chết với mình như trò đùa*

*Mày chết đi rồi tao vẫn chơi
Cái trò cầm bút chao ôi thảm
Chúng nó “cà nanh” đến buồn cười
Thằng Kếu bị hành đến quên hê
Thằng Long quản quanh với lũ ma
Mình tao coi thương lũ chết tiệt*

*Minh tao một mình dám chơi hêt
Sống chết trò đùa có ngại chi
Một mình đọc ẩm một mình viết*

GIANG HỒ CA 5

*Đêm năm khám lạnh ta nhìn vách
Nhìn rõ đời mình cõi biệt giam
Giang hồ khí phách giang hồ dỏm
Thơ phú lãng nhãng những lỗ làng
Phen này vợ nhiếc tai ù đặc
Cắt hêt thăm nuôi cho bồ ghét
Đêm gặp ma quỷ cho mày chết
Sáng dậy chèo queo có một mình
Hữu thân hữu khổ là như thế
Than thở mà chi cho chúng cười
Trăm năm cuộc thế ai thua được
Còn một mình ta vẫn cứ chơi
Bay nhót ta chung với lũ muỗi
Ta cứ nghênh ngang ta cứ cười
Ta điên hay tỉnh ta nào biết
Chỉ biết một mình ,ta vẫn chơi
Cuộc chơi chữ nghĩa chao ôi mệt
Ngoài kia trăng sáng ta bóng tối
Hỡi ơi cuộc thế sống và chết
Ta vẫn là người của cõi điên
Giang hồ ta chỉ giang hồ tếu
Vỗ bụng mà cười ngất ngưỡng đi
Sự nghiệp văn thơ ta sổ toẹt
Hám gì chữ nghĩa cái lá mít
Ta vượt mãi ta ,ta ngất ngư*

Thân trai thời loạn có ra gì
Hãy quảng đời đi quảng hết đi
Đã sống một ngày ngang thế kỷ
Thì chấp làm chi chuyện vất , tù
Đã chơi thì phải chơi cho đã
Ba ngàn thế giới cũng như không
Ta thắng ta rồi ta cưới ngất
Ta vượt gì nữa thôi quảng hết
Cả rượu cả thơ cả người đẹp
Tán hã cưới ruồi có ích chi
Ta với bóng đêm tâm sự gì
Còn trời còn đất còn đen trắng
Ta còn khôn khổ có ra chi
Trăm năm sống chêt vai còn nặng
Mỗi bước giang hồ một khổ đau
Gió cứ nổi lên ta cứ điên
Hát ngao cho đời bớt ưu phiền
Mai này thiên hạ tha hồ nhieéc
Một kiếp giang hồ mấy kiếp điên
Ta vẫn cưới khà ta là thế
Vung bút làm thơ rồi ngồi thiền
Ta nhìn vách lạnh ta thần tiên
Mắc thây thiên hạ đi tranh đoạt
Ta một mình ta một cõi riêng
Ta lại vượt ta qua sống chêt
Nghìn năm vẫn thế ta thẳng điên
Nghìn năm ta vẫn một tên hã huyền
Cứ mơ cứ mộng cứ huyền thiên

VƯƠNG TÂN

Tài liệu tham khảo:

- Vương Tân Web: vantholacviet.org
- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyên và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo* Web: hopluu.net
- Vương Tân *Tạp Chí Sáng Tạo* Blog: vuontaongovhnt.blogspot.com

16) Lôi Tam



Lôi Tam Lê Đình Lãm (1938-)

Tên thật Lê Đình Lãm. Sinh năm 1938 tại Thừa Thiên, chánh quán Quảng Nam.

Đã viết trên các tạp chí, nhật báo tại Huế và Sài Gòn: Mùa Lúa Mới, Sáng Tạo, Gió Mới, Văn Học..

Truyện ngắn Cách Biệt của ông đăng trên Sáng Tạo số 13 tháng 10 năm 1957

Trước 1975, ông làm Công Chức, có thời gian phục vụ tại tỉnh Phú Yên dưới thời Trung Tá Trần Văn Hai làm Tỉnh trưởng (từ năm 1965 đến 1968).

Hiện định cư tại California, Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Tên Đồi* (Văn Học 1980)
- *Chuyện Về Người* (Nhân Văn 1990)

Trích văn:

Anh Mũ Nâu



Trực thăng đáp xuống phi trường quân sự Chóp Chài vào lúc xâm tối. Trời mưa. Quảng, đầu trần, đứng chờ tôi ở chiếc xe hai ngựa đõ ở cuối phi đạo. Tôi quay lại đỡ chiếc sắc nhỏ từ tay người phụ hoa tiêu. Cánh quạt thổi mưa vào mặt tôi lạnh rất.

- Ê, cẩn thận. Tàu bay nó thổi ông bay mất bây giờ - Viên sĩ quan hoa tiêu cười với tôi.

HUYỀN ÁI TÔNG

- Ở lại "dzui dzê". Tụi này dọt đây!

Tôi cố hét to trong tiếng gầm ầm của động cơ:

- Thôi xin ông. Vào phố kiếm cái gì ăn đã.

- Trễ quá rồi. Coi bộ ông muốn tụi tôi xuống Vũng Rô ngủ với cá hả? Mai một tụi này ra lại mà lo gì!

Tôi chạy nhanh lại chỗ đậu xe. Sau lưng tôi chiếc trực thăng rờ máy từ từ bốc lên cao. Quảng vuốt nước mưa đọng trên mặt, bước vào xe, với tay mở cánh cửa phía bên kia cho tôi.

- Chờ lâu quá. Tưởng ông không xuống được.

Tôi quay lại, mấy bộ mặt lớ nhỏ đằng sau. Thắng, Sanh, Hân. Tôi ngửi được mùi thuốc lá đen mà Thắng thường hút.

- Cho tao một điều coi, thằng tướng cướp!

Thắng với đôi vai hơi gù và cặp lông mày chổi xể, mang hồn danh "tướng cướp" từ những ngày còn đi học, lừng khùng rút bao thuốc là chia ra phía trước:

- Tụi tao ra đây chờ từ lúc 4 giờ chiều. Đã mấy lần định về, vì tưởng mày đâm đầu vào núi rồi. Gọi máy lên Quận, tụi nó trả lời là: "Đại bàng đã cất cánh". Mẹ kiếp, đại bàng cái con cú... Mày mà là đại bàng thì ông đây là khủng long à?

Hân, nguyên là dân học trò trường Tây, đi đâu cũng dất

theo con chó béc-giê nên được gọi là René Hân, lên tiếng:

- Đùng mắng nó tội nghiệp. Nó ở núi lâu ngày, chơi toàn với mọi, nên lâu lâu có những trò "nhà quê" như thế.

-Tụi mày bỏ hết công việc ra đây - Tôi lảng sang chuyện khác - Mai mốt anh mũ nâu lại gọi vào chửi cho cả đám.

"Anh Mũ Nâu" là biệt danh chúng tôi vẫn dùng để gọi Trung Tá Hai, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng, vốn xuất thân là dân Biệt Động Quân. Thằng xì một tiếng:

-Ồi , ăn nhầm gì. Chửi bới là nghề của anh ấy. Không có chuyện cho anh ấy chửi, anh ấy bệnh ngay. Dưới mắt anh ấy, cả nước An Nam Cộng Huê này chỉ có mình anh ấy là khá, kỳ dư còn lại là một lũ ăn hại đái nát. Cách đây hơn một tháng, tụi tao về tỉnh họp. Sau phiên họp, tao và thằng Văn mượn được cái xe, đánh một vòng ra phố. Bất ngờ gặp anh ấy giữa đường, anh ấy chỉ hỏi vồn vện một câu "Các ông còn ở đây à?", rồi hốt cả hai thằng lên xe Jeep của anh ấy, chờ ra đây, gọi Mèo lấy máy bay, đích thân áp giải hai đứa tao về quận, Mẹ, anh ấy ỷ lon to, chơi ép anh em quá!

Sanh, từ nãy vẫn yên lặng, bắt đầu lên tiếng:

- Tụi mày chửi anh ấy cũng tội nghiệp. Phải công nhận là anh ấy có thiện chí. Nước mình mà được vài mươi mạng như anh ấy thì cũng đỡ khổ!

- Đờ quá chứ cũng đờ gì - Quảng "trâu nước" hay Quảng "Quách Tĩnh", Trương Ty Thanh Niên, người vốn rất ít chịu góp ý kiến về những vấn đề đứng đắn - tán đồng:

- Chỉ nguyên việc anh ấy không ăn bản là tao sợ anh ấy

rồi!

Tôi cũng nghĩ như Sanh và Quảng. Ông Hai là người chỉ huy trong sạch duy nhất, mà tôi được biết từ ngày ra trường.

Tôi còn nhớ lần gặp gỡ đầu tiên giữa ông ta và tôi. Dịp đó xảy ra một tuần sau khi ông Hai về nhận chức Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng. Buổi sáng hôm đó, tôi bận điều khiển mấy trung đội Nghĩa Quân và Địa Phương Quân bảo vệ cho nhân viên công chánh ủi rừng, lập khu định cư cho một số đồng bào Thượng từ vùng giáp ranh Phú Bổn lánh nạn về quận lỵ. Đến quá trưa, trong khi tôi và các binh sĩ nhâm nhi nắm cơm vắt, thì viên Quận Trưởng qua máy truyền tin, gọi tôi về để gặp tân Thiếu Tá Tỉnh Trưởng. Lúc ấy ông Hai còn là Thiếu Tá.

Hình ảnh đầu tiên tôi ghi nhận nơi ông Hai là mái tóc cắt ngắn, làn da rám nắng và cái bắt tay thật chặt.

Ông Hai hỏi tôi:

- Sao ông Phó, công việc khai quang ra sao?

Tôi nói sơ lược về công việc. Trong những ngày qua không có việc gì xảy ra. Nhưng có thể trong những ngày về sau, khi đã theo dõi thời biểu làm việc, cộng quân sẽ có kế hoạch quấy phá. Bởi vậy tôi quyết định bắt đầu từ ngày mai, sau bốn giờ chiều, toán nhân viên Công Chánh ngưng làm việc và mang tất cả máy móc, dụng cụ về quận. Các Trung đội Nghĩa quân và Địa Phương quân sẽ luân phiên nằm tại địa điểm qua đêm. Các sĩ quan thuộc Bộ Chỉ Huy Chi Khu cũng

sẽ luân phiên ở lại với binh sĩ.

Ông Hai cau mày:

- Làm vậy liệu công việc có chậm đi không?

Tôi cảm thấy khó chịu. Ông ta là người mới, không thể biết rõ tình hình địa phương hơn tôi. Vùng núi, trời đổ tối rất nhanh. Vào mùa này, sau 5 giờ chiều, mặt trời khuất xuống sau núi, sương khô bốc lên dày đặc và đêm ập đến. "Lại thêm một ông nhà binh cóc biết gì, chỉ hấp tấp làm nhanh để báo cáo, lấy điểm".

- Thưa Thiếu Tá, tôi thấy không có cách nào khác - Tôi hơi gần giọng - Thà mình làm chậm đi vài ngày mà không có gì đáng tiếc xảy ra, còn hơn là có việc người bị chết, xe bị đốt. Nhân viên Công Chánh không phải là Công Binh Chiến Đấu. Xảy ra điều gì họ mất tinh thần, công việc sẽ gián đoạn.

- Mình đang đánh nhau - Ông Hai chặn lời tôi - Mọi người đều phải tự coi mình là lính. Không có chuyện phân biệt quân nhân, công chức. Ai cũng có bổn phận giống nhau.

Tôi lắc đầu:

- Khác nhiều chứ Thiếu Tá. Mỗi loại người được huấn luyện, sinh hoạt trong mỗi hoàn cảnh, môi trường khác nhau, có những phản ứng và thái độ chấp nhận hiểm nguy khác nhau.

Tôi ngừng lại. Ông Hai có vẻ suy nghĩ. Tôi chờ đợi ông nổi nóng. Dưới mắt ông, có lẽ tôi cũng chỉ là một tên công chức ăn hại, khoác chiếc áo nhà binh. Tôi biết ông Hai có thể có những quyết định tệ hại nhất dành cho tôi. Có điều đây là

dịp để tôi nói hết những điều tôi nghĩ. Tôi tiếp:

- Thừa Thiếu Tá, tôi cũng không đồng ý về việc chọn địa điểm định cư của Trung Ương và Quân Đoàn. Trong tương lai, đồng bào sẽ phải làm rẫy, buôn bán để tiến tới tự túc. Liệu lúc đó mình có đủ lực lượng để bảo vệ an ninh cho họ không? Thú thật, tôi không tin là mình làm nổi. Giải quyết vấn đề bằng một giải pháp hấp tấp, vá víu tức là không giải quyết được gì hết mà còn tạo thêm những khó khăn mới.

Ông Hai quay sang hỏi viên Quận Trưởng:

- Tại sao các ông không đưa ý kiến từ trước?

Viên Quận Trưởng bối rối. Tôi đáp:

- Tôi có dự phiên họp ở Quân Đoàn. Tôi được trình bày ý kiến 3 phút. Ba phút. Người ta giải quyết một vấn đề ở chốn đèo heo hút gió này bằng một phiên họp của mấy ông lớn từ Sài Gòn ra và những quan to ở Sư Đoàn, Quân Đoàn. Một phiên họp chỉ kéo dài không đầy ba mươi lăm phút và vài phút bay trực thăng ở cao độ mấy chục nghìn bộ trên khu vực này. Tôi, đại diện cho chính quyền địa phương, giới chức chịu trách nhiệm thi hành kế hoạch, chỉ được nói có ba phút và tôi biết chắc chắn rằng, không một người nào trong phiên họp để ý đến ý kiến của tôi, bởi lẽ tôi là sỹ quan cấp thấp nhất.

Tôi nói một hơi không nghỉ. Nói cho hả giận. Tôi biết ông Hai không tham dự trong quyết định này. Ngày đó ông chưa là Tỉnh Trưởng. Nhưng ông ta đứng đó, trước mặt tôi, tượng trưng cho một bộ máy điều khiển tắc trách và xuẩn ngốc. Tôi muốn húc đổ bức tường chắn bước đó, rồi muốn ra sao thì ra. Nhưng ông Hai không nổi giận. Ông trầm ngâm

một lát rồi bảo tôi:

- Thôi được. Câu chuyện lỡ rồi. Chỉ còn một cách là làm sao để tránh những kết quả tệ hại. Tôi để ông toàn quyền. Cố gắng hoàn tất công việc càng sớm càng tốt. Đừng để đồng bào phải sống lây lất trong các địa điểm tạm trú. Cần gì, cứ liên lạc thẳng với tôi, tôi sẽ ráng chạy đủ phương tiện cho ông.

Tôi thấy viên Quận Trưởng thở phào nhẹ nhõm. Ông Hai từ chối bữa cơm trưa và cùng viên Quận Trưởng đi bằng đường bộ sang quận Phú Đức, một quận địa đầu, nằm cách quận tôi khoảng 6 cây số. Buổi chiều, viên Quận trưởng trở về mặt mày phờ phạc. Thấy tôi, anh ta chỉ thốt được một câu về ông "sếp" mới:

- Thăng cha này khùng quá mạng rồi!

Lần thứ hai, ông Hai đến quận vào lúc tôi đang lên cơn sốt rét nặng. Ông ta đến ngồi cạnh chiếc ghế bố của tôi và cho biết là ông ta hướng dẫn một phái đoàn đến duyệt xét tình hình quân sự. Tôi định gượng dậy. Mấy tuần trước, viên quận trưởng bị thương trong một trận phục kích, tôi được cử xử lý thường vụ Quận trưởng kiêm Chi Khu trưởng. Có một vài sửa đổi về kế hoạch phòng thủ, cần đến sự yểm trợ của Quân Đoàn và Sư Đoàn. Ông Hai cản tôi:

- Ông cứ nằm nghỉ - Máy cha nội này xuống đây chỉ cốt kiếm cao hổ cốt và thịt nai khô. Sáng nay, lúc mới đến tỉnh đã giờ giọng ra rồi. Ông mà xuất hiện, tụi nó lại mè nheo. Nằm đi, bảo thằng Ban 2 và Ban 3 đi theo tôi.

Rồi ông rời phòng tôi. Tiếng người lao xao bên ngoài, tiếng xe rồ máy. Tôi thiếp đi trong giấc ngủ mệt nhọc.

HUYỀN ÁI TÔNG

Ngày hôm qua, ông Hai lên máy gọi tôi về tỉnh và cho biết sẽ có trực thăng đến đón. Ông ta không nói rõ là cần gặp tôi về việc gì. Tôi cũng không hỏi. Được về tỉnh lỵ, được thấy lại ánh đèn điện, được gặp mấy thằng bạn "trời đánh" là thích rồi.

Thấy tôi thân người ra, Thắng hỏi"

- Ê, cù lùn. Sao thộn mặt ra vậy. Ôm tương tư hả?

- Bậy mày! Hân xen vào - Nó đang lo về sòng xì phé tôi nay. Mấy tháng trời nó ở trên núi, ăn toàn hột gà luộc với rau muống. Tiền lương để dành nhờ chết mang theo. Đêm nay nó sợ tụi mình lột nó.

Tôi bật cười. René Hân, tay xì phé mới vào nghề, đánh đầu thua đó, trăm trận trăm thua, được anh em cảm phục phong cho chức "thầy cúng" mà dám lên giọng đòi lột tôi!

Chiếc xe chạy rẽ vào con đường đất dẫn lên đỉnh núi Nhạn Tôi ngạc nhiên:

- Ô hay, tụi mày đi đâu thế này ? Cho tao ghé nhà thằng Đức tắm rửa thay quần áo đã chứ!

- Bày đặt! Có hỏi nào tao thấy mày tắm rửa đâu - Giọng Sanh - Nhà thằng Đức làm gì có đủ nước cho mày tắm.

Quảng quay sang tôi giải thích: - Tụi nó đang chờ ông trên "Tụ Nghĩa Đường", thằng Đức cũng lên trên đó rồi.

"Tụ Nghĩa Đường" là tên chúng tôi dùng để gọi đùa mấy căn nhà gỗ cất trên đỉnh núi Nhạn, nơi đóng quân của đơn vị Pháo Binh tăng phái. Bọn chúng tôi, mừi mấy tên công

chức, sĩ quan chưa vợ, hoặc bỏ vợ con ở nơi khác, chọn địa điểm này làm trụ sở đàn đúm. Một thằng trong bọn, vốn nghiện nặng truyện Tàu, đã gọi nơi này là Tụ Nghĩa Đường của Lương Sơn Bạc. Một thằng khác có máu khôi hài, bỏ công viết bốn chữ "Thế Thiên Hành Đạo" bằng sơn trắng trên tấm vải đen, treo lên giữa căn nhà dành cho sĩ quan. Đồ nghề hành đạo là chiếc bàn gỗ, có lót tấm chăn dạ nhà binh để làm chỗ rút xì - Bộ domino làm bằng vỏ bình điện, hai bàn cờ tướng và mấy chiếc ghế bố mà René Hân đã vui miệng gọi là "a-ba-toa", mỗi khi có thằng trong bọn mang được chút chất tươi lên núi.

- Tôi nay có mục gì không? Tôi hỏi.

- Đương nhiên là phải có - Thằng đáp - Xuân thu nhị kỳ mới được một bữa quần hào đại hội. Những dịp như thế này mà những thằng đang sống sung sướng ở tỉnh lỵ không lo liệu được mục gì ra hồn thì chỉ có nước mang bắn bỏ.

Quảng "trâu nước", vốn là dân tỉnh lỵ, sợ bị mang đi bắn bỏ, vội vã trấn an:

- Từ từ! Đùng nóng. Đâu khắc có đó!

Chiếc xe dừng lại trên khoảng sân nhỏ lầy lội. Ánh đèn pha rọi vào mấy bộ mặt thấp thoáng ở cửa: Văn, Thuyên, Vệ... Vài dáng đàn bà thấp thoáng phía sau. Thằng vỗ mạnh vào vai Quảng:

- Được, được lắm! Thằng này giỏi. Ngày mai tao làm phiếu đề nghị cho mày lên cấp binh nhất.

- Tháng trước mày đã cho tao lên hạ sĩ rồi mà, thằng

tướng cướp!

Đêm ấy, chúng tôi thức trắng đêm. Hai chai rượu Tây và bốn con gà luộc được thanh toán ngay trong đợt đầu - Đức, người thánh thiện nhất trong bọn, chỉ thích chầu rìa anh em trong mọi mục, phải lái xe "hạ sơn" hai lần để mua thêm rượu. Đến gần sáng, thuốc lá hết. Thắng bắt đầu đi nhặt những mẩu thuốc tàn, dùng giấy thường vắn lại thành điếu hút. Khói thuốc tỏa ra khét lẹt. Một thằng trong bọn buột miệng chửi:

- Mẹ kiếp! Thằng này đáng lẽ phải hành nghề phú-lít. Mỗi lần có biểu tình, mày chỉ cần ra đứng đầu gió, thổi thứ khói thuốc khốn nạn này ra là bà con, cô bác tan hàng hết.

Sáng hôm sau, tôi mắt nhắm, mắt mở vào gặp ông Hai. Ông ta nhìn tôi lắc đầu:

- Lần nào có ông về là có loạn. Đêm qua tôi gọi thằng truyền tin thì thằng truyền tin biến mất. Cả mấy thằng bên Thiết Giáp cũng vậy. Mai một về làm việc với tôi mà ông còn tiếp tục kiểu này, tôi nhốt ông.

Sau màn chửi bới, ông Hai cho tôi biết là Quân Đoàn đã cử người thay thế tôi. Ngày hôm sau tôi phải về quận để chuẩn bị thủ tục bàn giao và sau đó được về tỉnh nhận nhiệm vụ mới.

Tôi rời phòng ông Hai. Văn và Thắng chờ tôi ở hành lang. Tôi báo tin. Văn toét miệng ra cười. Thắng phóng mấy

bước dài đến chiếc xe Jeep đỗ ở cạnh bậc thềm:

- Gút, gút - Hấn dờ thứ tiếng Anh giả cây - Lên đây mày, đi triệu tập tụi nó. Đêm nay nhậu nữa.

Tôi về làm việc với Trung Tá Hai gần hai năm. Hai năm với nhiều chuyện vui, buồn. Ông Hai không bao giờ có một lời khen. Ông làm việc cật lực ngày đêm và muốn mọi sĩ quan, nhân viên dưới quyền cũng làm việc như vậy. Ông lại có thành kiến về sự lười biếng của bọn chúng tôi. Trong những phiên họp giải quyết các vấn đề hành chánh hay quân sự, ông Hai thường dành ra khoảng nửa giờ để "lên lớp". Mỗi lần, phiên họp sắp đến lúc kết thúc, chúng tôi tinh nghịch nhìn nhau, chờ đợi ông mở máy hát.

Ông không bao giờ cười. Họa hoằn lắm mới có một cái nhếch mép. Những ông có máu khô hài lạnh. Tôi còn nhớ có lần sau cuộc hành quân Vũng Rô, một phái đoàn quân sự cao cấp, gồm các tướng lãnh Việt-Mỹ, đến Phú Yên để nghe thuyết trình về thành quả. Tháp tùng mấy ông mang sao này là một đám sĩ quan cấp Tá, sổ sách, máy móc lằng xằng.

Trong khi ông Hai đang thuyết trình về tổn thất địch, một ông Đại Tá Mỹ, sau khi lăm lét dò tìm phản ứng trên mặt thượng cấp mình, đứng dậy đặt câu hỏi:

- Xin Trung Tá cho biết, trong tổng số thương vong của địch, bao nhiêu phần trăm thiệt hại vì hỏa lực Bộ Binh?

Trung Tá Hai không trả lời ngay. Ông có vẻ suy nghĩ, một lát sau ông nói:

HUỖNH ÁI TÔNG

- Tôi rất tiếc không thể trả lời câu hỏi của Đại Tá ngay lúc này được.

Mọi người có vẻ ngạc nhiên, viên Đại Tá Mỹ cau mày:

- Tại sao vậy Trung Tá?

Ông Hai hơi nhếch mép. Tôi biết ông cố nén cái cười ngạo mạn.

- Tại vì tôi chưa kịp viết thư cho viên tướng cộng sản ở vùng này. Lẽ ra tôi phải viết thư yêu cầu hãn chỉ thị cho binh sĩ của hãn, khi bị sát hại bằng hỏa lực phi pháo thì phải nằm riêng ra một chỗ, khi bị bộ binh bắn chết thì cũng phải nằm riêng ra một chỗ, để chúng ta dễ đếm và làm thống kê Lần này thì chịu. Theo nhận định của Bộ chỉ huy hỗn hợp thì đây là một cuộc hành quân với sự phối hợp hoàn hảo của Thủy, Lục, Không quân. Thương vong của địch rải rác lẫn lộn. Tình thế cũng không cho phép binh sĩ ta ở lại lâu tại vị trí giao tranh để làm thống kê với nhận xét tỷ mỉ. Vì vậy tôi không trả lời được câu hỏi này của Đại Tá.

Trung Tá Hai nén cười được, nhưng chúng tôi thì không. Mặt người sĩ quan đồng minh xám lại. Sau đó, lúc phái đoàn ra về với vẻ mặt không lấy gì làm vui, tôi "bốc" ông Hai:

- Trung Tá chơi cú này coi được.

Ông Hai lắc đầu chán nản:

- Đánh nhau với cộng sản mà các cha ấy cứ công thức, máy móc như vậy làm sao khá nổi!

Chúng tôi kính phục Trung Tá Hai vì sự trong sạch, thái

độ ngay thẳng và lòng yêu mến dân chúng thật tình của ông. Trong thời gian phục vụ dưới quyền ông, chúng tôi phải làm việc gấp hai, ba lần hơn khi làm việc với các ông tỉnh trưởng khác, nhưng cũng là thời gian mà chúng tôi cảm thấy thích thú nhất.

Trung Tá Hai rời chức vụ Tỉnh trưởng vì một chuyện rất nhỏ. Ngày đó, ông tướng Tư Lệnh Vùng đang say mê một cô ca sĩ. Biết rõ việc này các ông Tỉnh trưởng các tỉnh trong vùng thi nhau làm vui lòng ông tướng. Mỗi lần cô ca sĩ này đến trình diễn tại địa phương, các ông đầu tỉnh thi nhau chiều đón.

Ông Hai không biết điều này và ông cũng không cần tìm biết. Một lần, Ủy Ban Yểm Trợ Chiến Trường địa phương tổ chức một đêm văn nghệ và cử người vào Sài Gòn mời nghệ sĩ. Trong đám nghệ sĩ được mời có cả người tình của ông tướng. Buổi chiều, theo dự trù, đoàn nghệ sĩ đến tỉnh, thì gần quá trưa tôi nhận được công điện hỏa tốc của Quân Đoàn báo tin ông tướng sẽ đến tỉnh, để duyệt xét tình hình bình định, phát triển và có thể sẽ ở lại qua đêm. Tôi cầm công điện đến gặp Trung Tá Hai. Ông ta sửa soạn lên xe đi công tác. Chúng tôi đứng ở bậc thềm trước Tòa Hành Chánh, bàn về những điều cần chuẩn bị cho buổi duyệt xét thì Bác sĩ Giao tới. Giao là Trưởng Ty Y Tế, trước đây là bạn thân của ông tướng, khi ông này theo học khóa huấn luyện kỵ binh ở Pháp.

Giao xuống xe chào ông Hai.

- Trung Tá nhận được công điện rồi chứ?

Ông Hai ngạc nhiên:

- Sao ông biết?

- "Me xừ" L. có điện thoại cho tôi - Giao đáp - Chiều nay có em H. ra đây "lủy" muốn ở lại đây với em.

Mặt ông Hai lộ nét bực bội:

- Rồi sao?

Bác sĩ Giao cười cười đáp:

- Tôi đề nghị Trung Tá cho tụi nó mang chiếc xe đen ra phi trường đón em H. về tư thất để chờ ông tướng.

Chiếc xe đen là chiếc công xa dành riêng để đón thượng khách. Từ ngày về đây, tôi chưa hề thấy Trung Tá Hai sử dụng chiếc xe đó lần nào. Những lần có Tướng, Tá đến thăm, ông Hai cũng chỉ dùng xe Jeep đi đón. Tôi thấy mặt ông Hai tím lại, ông chậm rãi:

- Đâu có thể làm như thế được. Phương tiện công chỉ dùng vào việc công. Và lại - Ông cười nhạt - Tư thất mà tôi hiện sử dụng là dinh Tỉnh Trưởng, chứ có phải là dinh ca sĩ đâu.

Rồi ông lên xe đi, bác sĩ Giao nhìn tôi lắc đầu.

Chiều hôm đó, tôi cùng đi với ông Hai ra phi trường đón phái đoàn của ông tướng. Có lẽ người tình của ông tướng cay cú vì không được ưu đãi hơn các ca sĩ khác, nên đã tìm cách liên lạc và phàn nàn với người yêu. Máy bay đáp xuống, ông tư lệnh cầm gậy chỉ huy xuất hiện ở cửa nhưng không thềm

bước xuống. Ông lớn tiếng khiển trách Trung Tá Hai đủ thứ chuyện, từ chuyện công sản gia tăng áp lực hoạt động, đến chuyện chương trình bình định không đạt chỉ tiêu, chuyện báo cáo chậm trễ.... Ông la hét đến lúc khản tiếng rồi trở vào đóng sập cửa - Chiếc phi cơ cất cánh.

Trung Tá Hai trèo lên tay lái xe Jeep, bảo tôi:

- Lên đây ông, tụi mình về. Duyệt xét xong rồi.

Một tháng sau, ông Hai bị thay thế. Tôi tiễn ông ra chiếc trực thăng chờ ở sân cỏ Tiểu Khu. Ông cầm trên tay chiếc túi vải nhỏ, loại túi các phi công thường dùng mỗi khi đi bay.

- Tôi cảm ơn các ông đã tận tình làm việc với tôi trong thời gian qua - Ông Hai bảo tôi - Có thể người ta cho rằng tụi mình là những đứa đại, chỉ biết làm việc mà không biết đực khoét. Nhưng tôi tin là tụi mình đã làm đúng.

Ông ngừng lại, siết tay tôi, cười - Lần đầu tiên tôi thấy ông cười.

- Ở lại mạnh giỏi. Cố gắng làm việc. Có gì lạ nhớ viết thư cho tôi.

Sau đó tôi được tin ông Hai thăng cấp Đại Tá và được cử giữ chức vụ Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân. Trong một chuyến về Sài Gòn, tôi và vài người bạn có ghé thăm ông. Người chỉ huy cũ của tôi vẫn vậy. Vẫn mái tóc cắt thật ngắn, bộ đồ trện bạc màu, tay áo xắn cao. Ông Hai sống nghèo nàn trong căn cư xá dành cho ông.

Rồi ông Hai được cử giữ nhiệm vụ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia và thăng cấp Chuẩn Tướng, lúc này tôi đã về Saigon

để đi học. Sau ngày được thăng cấp, Ông Hai có đãi tiệc và cho mời Đức và tôi. Chúng tôi đến trễ, khách khứa ra về gần hết. Ông Hai gọi hai chúng tôi vào phòng làm việc của ông. Chúng tôi uống trà và nhắc lại những kỷ niệm cũ - Đức phàn nàn về những bê bối trong ngành Cảnh Sát. Ông Hai tâm ngâm:

- Tôi biết. Nhưng vấn đề không thể giải quyết trong một sớm, một chiều. Phải kiên nhẫn tìm ra những đầu mối, những tương quan thế lực chằng chịt thì mới ngăn chặn được. Từ ngày về đây, tôi đã gặp nhiều khó khăn. Mình như người vác chiếc thang dài đi trong nhà hẹp, bốn bề đụng chạm. Không ai muốn mình làm những điều mà mình thấy phải làm.

Tôi hiểu nỗi khổ tâm của ông, của những người sống trong vũng bùn nhầy nhụa vây phủ, biết mình phải làm gì, nhưng không làm được. Tôi càng hiểu ông hơn, khi tôi được cử giữ một chức vụ tương đối quan trọng. Cảm giác bất lực dày vò thường xuyên - Chỉ riêng việc chống lại sự cám dỗ, giữ cho mình còn chút can đảm đương đầu, không xuôi tay thỏa hiệp đã là điều khó.

Lần chót, tôi ghé thăm ông Hai ở Trung Tâm Huấn Luyện Dục Mỹ. Vùng rừng núi sinh lầy, nơi xuất thân của ông. Lần đó, ông Hai bảo tôi:

- Nghe ông ở chức vụ đó, tôi yên tâm. Công việc hợp với ông. Người như ông làm chỗ đó là phải!

Tôi nói với ông về những khó khăn, trở ngại. Ông Hai cười:

- Tôi biết, tôi biết. Tôi đã đi qua chiếc cầu đó rồi - Ông vỗ vai tôi - Đùng nản. Sớm muộn gì rồi đất nước mình cũng có

ngày sáng sủa hơn.

Sau đó, tôi nhận tin ông Hai được cử đi Tư Lệnh Sư Đoàn và đóng quân ở một tỉnh gần thủ đô. Tôi muốn đến thăm ông nhiều lần, nhưng không có dịp.

Đất nước sập đổ - Ở nước ngoài tôi nghe tin ông tự sát. Tôi không ngạc nhiên. Ông không phải là loại người được sinh ra để trốn chạy hay để đầu hàng - Ông là một Chiến Sĩ - Người Chiến Sĩ khi sa cơ phải biết tự quyết định lấy số phận mình...

Trung Tá! Tôi không muốn gọi Trung Tá bằng những chức vụ, cấp bậc về sau - Đại Tá, Chuẩn Tướng... danh từ nghe lạ. Tôi gọi Trung tá là "Ông Hai mai bạc", "Anh Mũ Nâu", "Cha Mặt Rắn", những biệt danh mà trong những ngày tháng ở Phú Yên, chúng tôi vừa bắt mẫn, vừa kính trọng, đã gán cho Trung Tá - Những danh từ thân thương gợi nhớ đến thời gian chúng mình trần lưng làm việc, thách thức hiểm nguy, khinh thường hết mọi thứ áp lực bản thiu áp xuống từ mọi phía. Sống lây lất ở xứ người, nghĩ về quê hương quàn quại, tôi vẫn vững tin ở điều Trung Tá nói: "Đất nước mình rồi phải có ngày sáng sủa".

Sao Trung Tá không còn với chúng tôi để nhìn thấy ngày mai rạng rỡ đó?!!!

Lôi Tam

Tài liệu tham khảo:

- Lôi Tam Web: xuquang.com/vanhoc/loitam.htm
- Lôi Tam *Anh Mũ Nâu* Web: bietdongquan.com.

17) Thảo Trường



Thảo Trường Trần Duy Hinh (1936-2010)

Nhà văn Thảo Trường tên thật Trần Duy Hinh, sinh năm 1936 - Bính Tý (giấy tờ ghi ngày 25-12-1938) tại làng Quang Sán, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, trong một gia đình đông con, ông là người thứ chín.

Thuở thiếu thời, ông học Trung Học ở Nam Định, thân phụ ông mất sớm, năm 1954 ông di cư vào Nam để lại mẹ và người chị ở quê nhà lo phụng dưỡng ông nội và coi sóc mồ mả tổ tiên. Nhưng sau đó, mẹ ông bị đầu tở, bị tịch thu hết nhà cửa ruộng vườn, phải ra ở ngoài gò đất giữa cánh đồng nước mênh mông.

Sau khi thi rớt Tú Tài, Thảo Trường gia nhập quân đội theo học khóa 6 Trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức. Ra trường, ông thuộc binh chủng Pháo binh được phân bổ ra vùng giới tuyến địa đầu Quảng Trị, Thời gian này ông chính thức cầm bút viết truyện ngắn đầu tiên *Hương Gió Lướt Đi* ký bút hiệu Thao Trường gửi đăng trên Sáng Tạo số 14, tháng 11 năm 1957. Tập

truyện đầu tay *Thử Lửa*, ông cũng sáng tác trong thời gian này, năm 1962 in thành sách.

Nhà văn Thảo Trường tham dự chiến tranh Việt Nam suốt 17 năm. Ngày 30/4/1975 ông là tù binh gần 17 năm, trải qua 18 nơi giam giữ từ Nam ra bắc rồi từ Bắc vào Nam. Sau khi ra tù một năm ông sang Mỹ đoàn tụ với gia đình, ông lại có thời gian 17 năm để viết, ghi lại dưới cái nhìn sâu sắc hơn.

Ông mất ngày 26 tháng 8 năm 2010 tại Huntington Beach, California, Hoa Kỳ, thọ 74 tuổi.

Tác phẩm:

- *Thử Lửa* (1962)
- *Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp* (1966),
- *Vuốt Mắt* (1969),
- *Chung Cuộc* (1969, xuất-bản chung với Du Tử Lê),
- *Th. Trâm* (1969),
- *Bên Trong* (1969),
- *Ngọn Đèn* (1970),
- *Mé Nước* (1971),
- *Cánh Đồng Đã Mất* (1971),
- *Bên Đường Rầy Xe Lửa* (1971),
- *Người Khách Lạ Trên Quê Hương* (1972),
- *Lá Xanh* (1972),
- *Hà-nội, Nơi Giam Giữ Cuối Cùng* (1973)
- *Cát* (1974).
- *Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai* (1995)
- *Đá Mục* (1998),
- *Tâm Xa Cũ Bán Hiệu Quả* (1999),
- *Mây Trôi* (2002)

- *Miếng* (2005).
- *Những miếng vụn của tiểu thuyết* (2008).

Trích văn:

Thảo Trường đã mất nhưng những trần trở, những dư định của ông vẫn còn, chúng ta đọc một đoạn văn của Thảo Trường:

Hồi ở Việt Nam tôi đã viết một truyện dài(Bà Phi) khoảng hơn 2000 trang, biến cố năm 1975 bản thảo bị thất lạc, nay đã sưu tập lại gần đầy đủ nhưng chưa xuất bản.

Mười bảy năm(1975-1992) làm tù binh trong các trại giam của Cộng sản tôi luôn luôn nghiền ngẫm trong lòng một quyển trường thiên tiểu thuyết dự định sẽ viết khi rời khỏi nơi chốn đó.

Nhưng 12 năm qua tôi chỉ viết ra những truyện ngắn nếu gộp lại cũng khoảng 1000 trang in.

Truyện nào tôi cũng muốn nó thật ngắn và chứa được cả cuộc chiến trong đó, mỗi khi xong một cái, tôi lại cảm thấy là chưa đủ, phải làm cái khác, cứ thế , từ cái này sang cái kia. Bây giờ nhìn lại tôi có cảm giác "trường thiên tiểu thuyết" của tôi đã nổ tung ra, giống như tôi đã đánh vỡ pho tượng khổ nạn cung chiều bấy lâu nay của tôi thành nhiều mảnh vụn. Những chất liệu dự tính dùng trong truyện dài đã đem xử dụng vào các truyện ngắn gần hết. Đời tôi đã gặp nhiều thất bại, đây có lẽ là một thất bại lớn.

Tôi lại nghĩ nếu gom những miếng vỡ trong các tập truyện in ở hải ngoại những năm qua , chấp nối, sắp xếp, hàn gắn chúng lại với nhau, thêm bớt vài dấu chấm phết ,đặt tên những nhân

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

vật chưa có tên, tùy theo cách thức của mỗi người đọc may ra biết đâu nó sẽ hóa thành những tiểu thuyết theo ý từng người.

Nhà văn Đặng Tiến trong bài viết *Vĩnh Biệt nhà văn Thảo Trường* trên Web BBC:

(...) Đặc biệt trong phong cách Thảo Trường là lối kể chuyện, ly kỳ, hấp dẫn. Giai đoạn đầu thì hành văn dịu dàng, tình tứ, giai đoạn cuối: ngôn ngữ góc cạnh, chua cay, nhưng luôn luôn điểm nét hóm hỉnh.

Chất uy-mua nâng giọng nói lên một tầm số cao hơn chính luận.

Sáng tác Thảo Trường trải qua đúng nửa thế kỷ và 3 giai đoạn khác nhau, vẫn có sợi chỉ mảnh thông suốt: đó là tấm lòng với con người, đất nước và lẽ phải.

Một tâm hồn nhân hậu và phóng khoáng như thế, mà phải trải qua vòng 17 năm lao lý qua 18 trại giam, sau khi chiến cuộc đã chấm dứt, là điều giới làm văn học không hiểu.

Ngày nào đó, chính trị phải trả lời văn học.

Tài liệu tham khảo:

- Thảo Trường Web: bc.co.uk/.../09/100906_thaotruong.shtml
- Thảo Trường Web: vanchuongviet.org

HUYỀN ÁI TÔNG

18) Phạm Nguyên Vũ

NỘI DUNG SỐ NÀY :	
BẢN LÊN TIẾNG CHUNG CỦA TÂM TÁC GIẢ VIỆT NAM	Trang 1
HỒI ỨC THÁI LINH	2
NGUYỄN SA	9
TỖ THUYẾT YÊN	13
NGUYỄN SA	15
SAO BÀNG	15
THỦY THỦ	16
DUY THẮNG	17
NGƯỜI SỐNG THƯỜNG	18
ĐOÀN QUỐC SỸ	25
THÁI TUẤN	25
LÊ VĂN SIÊU	28
THÀNH NAM	42

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

MẠI THẢO : sách mới : AI CÓ QUẢ CẦU TÂM BƯỚC CỦA ĐOÀN - ĐỒNG - YOUNG (trang 33) — HỮU ANH : YOUNG PHẢI CỦA TRƯỜNG BƯỜNG CỬA CỬA BROW LEXINGTON (trang 33-34) — MẮC ĐỒ : MỤC : SAKI XT 21778 CỦA NAM KIM (trang 34-35) — NGUYỄN HẰNG : CHỖO SẮC XỊT CỦA NGƯỜI SỐNG THƯỜNG (trang 36)

SÁNG TẠO ĐỒNG THÀNH TẬP ĐÃ PHÁT HÀNH

In trên bìa công trình bảy mỹ thuật, giấy 400 trang, giá đặc biệt 30000, tập chỉ văn nghệ Sáng Tạo đồng thành tập IV số 1 đến số 40 phát hành toàn quốc. Các tập chưa mua từ số đầu hoặc chưa có đủ bộ nên tìm mua ngay ở các hiệu sách, vì số in chỉ có hạn.

Phạm Nguyên Vũ (-)

Theo nhà văn Dương Nghiễm Mậu cho biết: Nhà thơ Phạm Nguyên Vũ xuất hiện trên tạp chí Sáng Tạo nhiều kỳ từ số 15 tháng 12 năm 1957 tới số 30 tháng 5 năm 1959, thời điểm cuối của Sáng Tạo bộ cũ. Cùng thời điểm này ông còn cộng tác với nguyệt san Thế Hệ. Sau đó trên văn đàn không còn thấy tên ông.

Phạm Nguyên Vũ từng du học và là chuyên gia ngành kinh tế.

Sau năm 1975 ông sống tại Hoa Kỳ. Phạm Nguyên Vũ chưa xuất bản tác phẩm nào. Sau đây là bài thơ in trên Sáng Tạo số 15 :

Và tiếng nói

*Tôi xin cúi đầu đi hai mươi năm
Theo con đường các anh dẫn dắt
Có thể là bạn bè chúng tôi đã chết
Bởi vì đâu ai biết*

Như một sớm chuyển tàu lên đường
Người đứng ngoài sân ga vẫy tay từ biệt
Chỉ thấy một lần chiếc khăn tay màu trắng
Và khói mù buổi sáng bay lên .
Tôi xin lặng yên theo các anh
Mặc dầu chứa chan đau khổ
Xin hãy ghi tên tôi vào hàng ngũ
Để một hôm nào trên đường xanh
Tôi trông thấy những mái nhà thứ nhất
Để một sớm mai tôi biết
Những bạn bè chúng tôi bị ám sát
Cỏ có xanh mờ ngày hôm đó hay không
Bởi vì đâu ai biết
Người hy sinh không vì tình cờ
Cho những em tôi ngày sau tin tưởng
Tôi xin dự vào đám đông
Tôi xin đi với các anh
Nếu có bao giờ tôi chết
Xin cởi áo tôi trước khi hạ huyệt
Cho tôi nằm ven đường đi
Đầu tỳ lên núi đá
Mà chiều tháng ba có gió
Gió đưa vào hương những bông cúc vàng cuối xuân
Như hơi thở
Khi các em tôi đi qua
Để tôi nằm im theo dõi
Nếu sớm mai có nắng vàng khêu gợi
Cỏ dài chân trời và hoa chồi nụ mới
Các em tôi hơn hờ lên đường
Tôi xin cúi đầu đi không nói năng.

Tài liệu:

- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyền và những người bạn*
trước khi có tạp chí *Sáng Tạo* Web: hopluu.net

19) Lữ Hồ



Lữ Hồ Nguyễn Minh Hiền (1928- ?)

Lữ Hồ tên thật là Nguyễn Minh Hiền, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1928 tại Huế. Trước năm 1954 ông theo học Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương ở Hà Nội.

Sau năm 1954, ông là giáo sư dạy Việt Văn ở các trường trung học công lập và tư thục danh tiếng tại Sài Gòn.

Trên báo Sáng Tạo số 16 tháng 1 năm 1958, ông viết bài: *Thơ tục Hồ Xuân Hương*, vẽ tranh cho các báo tức họa sĩ BỐ, vẽ cho tuần báo Con Ong, tuần báo Người.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông cũng bị bắt vào đề lao Gia Định tức trại Phan Đăng Lưu ở Bình Thạnh một thời gian.

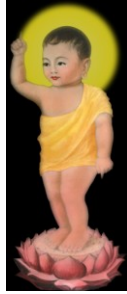
Ông có tham gia sinh hoạt Gia Đình Phật Tử từ thời trẻ cho đến khi qua đời.

Gia đình Lữ Hồ định cư ở Hoa Kỳ, chỉ có ông kẹt lại, và đã mất tại Sài Gòn vào cuối thập niên 1980 hay vào năm 1990.

Tác phẩm:

- *Việt Văn Khảo Luận* (1960)
- *Đây Gia Đình* (1965)

Trích văn:



Ý NGHĨA THỊ HIỆN CỦA PHẬT ĐẢN

Nên hiểu một cách đơn giản: “Phật là giác ngộ” thì ngày Phật đản chính là thời điểm của ánh sáng giác ngộ ra đời. Sự hiện hiện của con người xuất thế tại vườn Lâm-tỳ-ni vào một ngày trăng tròn cách đây 2592 năm (tính theo thời điểm 1968) là hình ảnh của Chân lý viên dung. Ngày Phật đản cho tới nay đã được các nhà bác học, văn nghệ, truyền giáo thuật lại với nhiều vẽ linh động, nhiều dữ kiện huyền bí. Có sách nói Ngài đã từ trong cánh tay vương mẫu bước ra, bước bảy bước trên bảy hoa sen nở tươi dưới gót, miệng nói “thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”. Có người theo khuynh hướng khoa học lại cứ đoán chắc Đức Phật ra đời không khác mọi người trần tục. Những gì là quả đất rung chuyển, hoa Đà mưa xuống, hương thơm sực nức đều là những điều tô điểm của người sau. Chung quy, một đảng coi Đức Phật như một bậc tiên thánh thân thông, một đảng nhìn Ngài dưới lăng kính của giác quan thế tục.

Nhưng điều quan hệ không phải ở đó. Điều chính yếu là Phật với Chân lý, Phật với Giác ngộ là một. Sự đản sanh của Phật là sự xuất hiện của Giác ngộ.

Có người bẻ lại rằng: Nếu thái tử Tất Đạt Đa đã giác ngộ từ phút sơ sinh thì:

– Tại sao Ngài phải du ngoạn bốn cửa thành rồi mới chứng được hệ luận thứ nhất: “Đời là bể khổ” qua thực tế “sinh, lão, bệnh, tử”?

– Tại sao, sau khi cưới vợ, sinh con, rồi đợi một đêm trăng tròn tháng hai, Ngài mới lìa xa cung vàng điện ngọc, đổi thay trang phục vương giả để lấy tấm áo chăn chiên, đi tìm chân lý?

– Tại sao, Ngài phải đi qua con đường khổ hạnh, phải suy tư sáu năm ở Núi tuyết, rồi một sớm ngày trăng tròn tháng chạp mới chứng ngộ được Chân lý Giải thoát?

Xem thế, con đường tâm đạo của Đức Phật, tưởng cũng không khác với con đường khảo nghiệm, phát minh của các triết gia, khoa học.

Suy ra, những vấn nạn trên không vượt ra ngoài ý niệm căn bản: *Đức Phật chỉ là một con người như mọi con người*. Và nói theo luận lý thì những khám phá của Đức Phật, dù thuộc phạm vi siêu hình hay biểu tượng, cũng chỉ là kết quả của một chuỗi suy luận lâu dài chứ không phải là một trực kiến siêu việt như người ta hằng ca tụng. Đức Phật là một siêu nhân chứ không phải là đấng siêu nhiên. Thật ra, nếu đứng trên quan điểm thường-nghiệm như vậy, ta sẽ không bao giờ hiểu được ý nghĩa nhân bản của Đạo Phật, của Phật đản, của các Đức Phật.

Điều trước tiên, ai cũng thấy rõ, Chân lý có thể đến trong trí tuệ nhân loại bằng hai đường: THẤY và TÌM. Thấy được Chân lý là con đường trực kiến. Tìm Chân lý là con đường suy nghiệm. Những chân lý trong những lãnh vực khoa học, tư tưởng đều phát sinh từ suy nghiệm. Điều ấy đã hiển nhiên. Những khám phá của khoa học, triết học ngày một tiến tới. Lý thuyết sau thay thế lý thuyết trước. Nguyên lý nọ đập đổ nguyên lý kia. Quá trình phát triển của khoa học, triết học, là một chuỗi chân lý kế tục thay thế nhau, chen lấn nhau khiến cho nhân loại cứ đi mãi về cái đối tượng “*chưa tìm thấy*” ở đằng trước. Chưa tìm thấy thì chưa có thể tin. Chưa biến thành đức Tin thì còn phải quanh quẩn ở phê phán. Nhờ tìm thấy mãi, các nhà khoa học, triết học đã có một ảo giác là đi vào quang phổ Chân lý lung linh màu sắc mà càng ngày càng cảm thấy bơ vơ! Các triết gia cho yếu tính của triết học là hoài nghi. Không hoài nghi cái “hiện có” thì không còn ai đi tìm cái “chưa có” nữa. Như vậy, những điều khám phá được mệnh danh là chân lý trong khoa học, triết học, đã không có giá trị tuyệt đối. Đã tương đối thì phải đối đãi, phải so sánh và đương nhiên không thoát khỏi thăng trầm. Đức tin cốt yếu của nhà khoa học, triết học là phải công nhận những khám phá của mình không có giá trị vĩnh cửu dù rất phổ quát và tất yếu. Phổ quát vì áp dụng rất đúng với sự vật. Tất yếu, vì đó là những bậc thang của lý trí không thể thiếu để hoạt động. Tin mình không tin như thế là tự thú một mặc cảm, xác nhận một trình độ. Mặc cảm về khả năng tương đối của suy nghiệm, thú nhận sự bất lực của những công trình nhân tạo.

Ngược lại, “thấy” Chân lý là trực giác ngoại lý siêu việt của đấng xuất thế. Thấy Chân lý là trực kiến được quy luật sâu xa chi phối mọi hiện tượng hữu hình, mọi định mệnh chi phối

thân phận con người. Đã là trực kiến thì không thể biện giải được. Bởi thế, con người đạo học trong khi suy nghiệm Chân lý giải thoát là để thấy rõ cái thấy vi diệu của chư Phật chứ không phải đi tìm. Theo Phật mà đi tìm Phật thì có khác chi ngồi với chủ nhà lại đi tìm chủ nhà. Mọi sự biện giải đều là phương tiện để thấu hiểu chứ không phải để bài bác, biện giải. Muốn biện giải thì phải nhờ tới suy nghiệm, mà phương tiện này không thể đạt được cái tuyệt đối, thì dù có mượn cũng không dùng được và nếu gượng ép thì lại làm cho Chân lý bị phân hóa đi. Trước nay, đã có nhiều người cố gắng biện giải đạo Phật qua lăng kính triết học, khoa học. Ta phải nhận rằng, nhờ họ mà ánh sáng Chơn lý trở thành lung linh nhưng họ cũng làm cho ta choá mắt và không vượt nổi hình thức, giáo điều. Biết đạo chưa phải là hiểu đạo. Hiểu đạo chưa phải là hành đạo. Hành đạo cũng chưa phải là liễu đạo.

Chân lý giải thoát của Phật đã tuyệt đối, không thể biện giải được. Đã không biện giải được thì làm sao mà truyền bá cho quần sanh?

Trong mục đích này, chư Phật đã dùng một phương tiện để cảm thông: Đó là *thị hiện*.

* * *

Thị hiện là gì?

Tức là đem cái vô hình lồng vào cái hữu hình. Là cụ thể hóa các ý niệm trừu tượng. Là đem những gì ở lĩnh vực khả tri gắn liền với hiện tượng khả giác. Phật đản, Xuất gia, Thành Đạo đều là những biểu thị chân chính của đạo Phật. Một triết gia hiện đại có nói: “*Cho dù Thượng đế có tạo ra con người chăng*

nữa, thì sự hiện hữu của Thượng đế cũng phải biểu hiện qua sự hiện hữu của con người". Quả vậy, ý niệm Thượng đế chỉ có thể tồn tại qua những chứng tích của con người. Ai chẳng biết Thượng đế chỉ là một ý niệm sơ khởi. Ý niệm ấy được các người hữu thần gán cho cái khả năng sáng tạo muôn vật, nhưng nếu không có sự hiện hữu của muôn vật thì lấy ai để cho biết là có Thượng đế đây? Tôn giáo nào cũng có tượng ảnh, nghi lễ, kinh sách, giới luật, văn chương... tức là đã vay mượn các công trình sáng tạo của con người. Đã có tượng hình là đã vay mượn cái hình thể con người. Có thờ phụng là có mượn công trình kiến trúc, xây dựng của con người. Có kinh sách là có mượn ngôn ngữ, văn tự. Và, giới luật là gì? nếu không phải là những hình thức, khuôn khổ ghép con người vào phương tiện để đi vào cứu cánh? Cho nên, dù con người dù có thấp hèn, ngu dốt, vẫn là trọng tâm của mọi hiện hữu của thế gian. Vì đó, ta có thể nghĩ rằng: "nếu không có con người thì lấy ai để chứng minh cho sự hiện diện của Thượng đế?" Ấy vậy, lắm nhà thuyết giáo vẫn không chịu xác nhận sự hiện hữu nhân bản, sự hiện hữu của con người.

* * *

Đức Phật đã không vào đời với con đường ấy. Đức Phật không phủ nhận sự hiện hữu nhân thể. Trước tiên, Ngài là một nhân vật có được phụ mẫu sinh dưỡng theo quy luật sinh tử của con người phổ biến. Hoàng hậu Magia cũng hoài thai như muôn ngàn thiếu phụ khác. Đúng ngày sinh nở, Thái tử Tất Đạt Đa cũng chào đời qua lòng mẹ như mọi trẻ khác. Có điều, Ngài là một bậc vương giả, sinh trong gia đình quý tộc, phong kiến, giữa thời đại đa thần thì tất nhiên các quan thái sử chẳng ngần ngại gì mà không thêm bớt một vài huyền thoại cho vị Hoàng

để tương lai! Đến khi Phật giáo truyền qua Trung Hoa, thế giới của truyện ma quái, thì tiểu sử của Ngài lại được nhuộm thêm một phần hoang đường huyền bí nữa. Rất đỗi, Ngài Huyền Trang chỉ là một vị cao tăng có trí lớn, trò non, lội suối qua Ấn Độ thỉnh kinh mà các văn sĩ Trung Hoa cũng ghép vào mấy chú Tề thiên, Bát giới, Sa tăng với 72 chúa yêu, muốn cho Ngài muốn gặp Đức Quán Thế Âm lúc nào thì gặp, huống nữa là đức Bồ đề sư? Cũng may là các nhà văn ấy chưa dám tiêu thuyết hóa đời Ngài như một ông văn sĩ nước ta bây giờ. Dù vậy, các khuynh hướng thần lý trong tư tưởng học thuật Trung Hoa cũng đã lũng đoạn Chân lý không phải ít!

Lớn lên, Thái tử cũng biết nóng đến phải ở cung mùa hè, cũng rét đến ở cung mùa đông và cũng sẽ có vợ con như nghìn triệu con người khác. Tuy nhiên, những dữ kiện đầy nhân tính ấy không chứng tỏ Đức Phật trong tương lai chỉ là một kẻ nhân giả tâm thường mà chính Phật đã thị hiện nhân bản để gây nên cái ý thức tự cứu nơi mỗi con người. Đạo Phật không truyền bá sự cứu rỗi, không ai cứu ai được. Mỗi cá nhân được chư Phật chỉ cho sự u mê, vạch đường Chân lý thì phải tự mình tu tập để tự cứu. Cùng một lẽ đó, nếu Đức Phật giáng trần như một bà tiên cho phép lạ thì có ngay hai cái hại: Một là, con người này ra tính ý lại. Hai là, không tin mình có thể tự cứu lấy thân phận mình. Vì vậy, Đức Phật đã lấy đời người làm xuất phát điểm. Đản sanh, xuất gia, thành đạo, nhập diệt. Bốn giai đoạn, bốn bước tới Chân lý từ thấp đến cao. Thật rõ ràng và thực tế biết bao nhiêu? Đức Phật đã không chối bỏ con người, Ngài lại cũng không quên sự ràng buộc đón đầu của hoàn cảnh. Sống trong một hoàn cảnh kiêu xa như Thái tử Tất Đạt Đa mà nói tới sự “bỏ tất cả để được tất cả” không phải là một điều giản dị. Người ta chỉ chối bỏ hiện tại khi bị đau khổ, nghịch lý áp bức.

Chính Thái tử đã không chịu được sự thống khổ đó. Nếu chỉ có những người cùng hoàn cảnh mới thương mến nhau, thì phải nói Thái tử Tất Đạt Đa là con người lẻ loi nhất thời đó và trong xã hội nhiều giai cấp như Ấn Độ, không ai có được hoàn cảnh quyến rũ như Ngài. Cần phải có sự giao tiếp với tha nhân, với ngoại cảnh. Thế rồi, nhân cuộc du ngoạn, Ngài cảm được sự đau khổ của những con người không cùng chung giai cấp, tuổi tác, hoàn cảnh. Sự thông cảm ấy đương nhiên khó mà có ở thường nhân. Đức Phật không phải nhờ học nhiều sách, nghe nhiều thầy mà nhận định được “*Đời là bể khổ*”. Có bao giờ phụ vương Tịnh Phạn lại dám để cho Ngài buồn đâu? Tự Ngài đã thấy, đã trực kiến, đã chấp nhận sự đau khổ của tha nhân và cũng là của tự thân, tức cái *thân phận con người*. Và rồi, Ngài lần tránh mọi phiền phức để đi tìm Chân lý.

Chính đây mới là vấn nạn lớn nhất của những người hứa đựng óc thực nghiệm. Họ cho rằng: “*Phật phải tu luyện, phải suy tư rồi mới thấy được Chân lý*”? Ngài là một triết gia như mọi triết gia. Và, vì Ngài xuất chúng quá nên Bertrand Russel đã suy tôn là Đại tư tưởng, Đại giáo dục, v.v...

Để hiểu được ý nghĩa thâm diệu của giai đoạn này, ta cần lưu ý tính cách liên tục suốt cả hành trạng của đời Ngài, một chuỗi thị hiện thuần nhất rất phù hợp với quy thức Tứ đế sau này. Từ giai đoạn đản sanh là một biểu thị nhân bản đến việc du ngoạn chứng kiến cảnh sinh, lão, bệnh, tử là *ý thức tự giác*, đến giai đoạn này là giai đoạn tìm Chân lý, vẫn có một tiến trình điều hòa vi diệu. Thực vậy, Trực kiến Chân lý là diệu năng của chư Phật. Thế còn chúng sanh thì có trực kiến ấy không? Vậy thì, nhận biết chúng sanh không thể có trực kiến để thấy được tuyệt đối, sáu năm suy tưởng của Ngài ở Tuyết sơn là bài học cho

thấy: con đường suy nghiệm dù chỉ có giá trị tương đối, không giúp chúng sanh thấy được Chân lý và chỉ vẫn có thể nhờ đó mà tìm tới Chân lý do Đức Phật đã trực kiến mà thôi. Công việc này có khác chi nhà triết học sau khi tìm ra tư tưởng đã phải dùng tư tưởng để giúp cho mọi người hiểu được tư tưởng của mình. Cao hơn nữa, Đức Phật lại cho rằng Chân lý không ở ngoài con người. “*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*”. Cái ý thức tự giác đốt lên trong tâm hồn của từng cá nhân. Và ý nghĩ của chuỗi ngày suy tư dưới gốc Bồ Đề chỉ bao hàm một ý dụ là bất cứ một chúng sanh nào, nếu chịu y cứ vào giáo pháp thì đều có thể chứng ngộ được Chân lý giải thoát do Ngài đã trực kiến được.

* * *

Kỷ niệm Phật đản, căn cứ vào những dữ kiện đã trình bày ở trên, ta có thể rút ra những hệ luận sau đây, nói về sự thị hiện của Phật giáo:

1. Đức Phật chấp nhận nhân bản tính

Đức Phật không bao giờ tự xưng là đấng sáng thế mà chỉ bày tỏ thiện niệm cứu thế. Có người nói: “Tôi không chấp nhận sự hiện hữu của ông sáng thế, vì ông đã bày đặt ra lắm trò rắc rối, chỉ làm khổ cho chúng sinh. Ông càng có lại càng làm thêm rắc rối cho nhân sinh. Tôi chỉ thờ phụng đấng cứu thế mà thôi. Ai cứu tôi, cứu cuộc đời quanh tôi khỏi khổ đau là tôi thờ phượng”. Ý nghĩ ấy kể cũng có phần chua chát đầy nhưng vẫn thâm trầm lắm. Thật vậy, Đức Phật đã không tự phong cho mình chức vụ sáng thế mà chỉ muốn hoàn thành nhiệm vụ cứu thế. Thiện nguyện của Ngài đã đi trước thời đại hằng ba mươi thế kỷ và để hoàn thành thiện nguyện ấy, Ngài cũng không tạo

ra những phép thuật màu nhiệm để phạt tội, đe dọa hay tha tội cho ai như một vài tôn giáo đã chủ trương. Ngài đã dẫn sanh trong nhân thể, nhân cách của con người. Ngài gọi ra cái ý thức tự cứu của cá nhân. Sống trong một xã hội phong kiến, trong khi nhân loại còn đắm trong hoang đường, thần lý, mà Đức Phật lại đề ra một phương thức tự giác như vậy thì quả là táo bạo và tiến bộ. Táo bạo vì sẽ không thoát tay bọn phù thủy Bà la môn. Tiến bộ vì không chịu mặc lấy bộ áo hoang đường. Thuận theo quá trình tiến triển của tư tưởng nhân loại thì trong trạng thái thần lý (état théologique) như Auguste Comte nói: “con người chỉ chấp nhận những gì hoang đường huyền bí, mà phủ nhận những gì hiện thực”. Đức Phật đã đi ngược lại. Người đi vào con đường của khoa học hiện tại. Nếu có ai đã đọc cuốn kinh “Báo phụ mẫu ân” tức thấy Ngài diễn tả sự biến hóa của cái bào thai trong bụng mẹ rất kỹ càng không khác gì khoa phôi sinh học ngày nay. Hơn nữa, Đức Phật bắt đầu việc truyền giáo từ ý thức tự cứu tức là Ngài “tìm sự giác ngộ cho mình” rồi mới “đem bốn mươi chín năm đi giác tha” cho nhân loại.

2. Đức Phật lấy nhân bản để hướng lên Siêu việt

Ở trên, căn cứ các dữ kiện, ai cũng thấy Đức Phật đi vào lòng người để cứu rỗi con người. Dù vậy, những chất người trong đời Ngài chỉ có tính cách biểu thị mà thôi. Chứng cứ, sau bốn mươi chín năm thuyết pháp, Ngài đã tuyên bố là “*chưa từng nói một lời gì*” hoặc “*giáo lý là ngón tay trỏ, Chân lý là mặt trăng*”. Không nên bám vào ngón tay (phương tiện biểu hiện) mà quên Chân lý. Ngài đã dùng cái “*cụ thể*” (hình hài, ngôn ngữ, hành trạng) để biểu hiện cái “*trừu tượng*” là Chân lý. Ngài đã dẫn sanh và hành đạo qua nhân thể là đem cái khả tri gửi

vào biểu tượng khả giác cho mọi chúng sinh từ sơ cơ tới thượng tri đều có thể hiểu được, bất chước mà làm theo được? Dù vậy, với hệ luận “thành, trụ, hoại, không”, Ngài luôn luôn nhấn nhủ cho nhân loại thấy mọi biểu tượng đều giả trá, tạm bợ. Đó chỉ là “bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê”. Thuyết tương đối của Einstein hiện đại đã làm cho ánh sáng Chân lý của Đức Phật thêm hiện thực. Các cuộc du hành không gian hiện tại nào có thoát ra khỏi “ba ngàn đại thiên thế giới” do Đức Phật phát kiến? Những khám phá của khoa học, triết học hiện tại chỉ là những dẫn chứng cụ thể cho giáo lý vi diệu của Đức Phật. Cũng vì đượm nhiều nhân bản tính, đạo Phật đã không mâu thuẫn với khoa học, triết học. Nhờ ở viễn kiến của Ngài mà Phật giáo đã không vấp phải một trận thánh chiến nào, dù trong lãnh vực tư tưởng. Nhà khoa học chủ trương đả phá thần quyền. Đạo Phật không đề cao thần quyền thì làm sao trở thành đối tượng đả phá của họ được. Triết học chủ trì hoài nghi nhưng làm sao nghi ngờ được Chân lý Phật giáo khi mà họ chưa đạt được cả ba đối tượng Chân, Thiện, Mỹ? Nhà chính trị cũng không phủ nhận giá trị đạo Phật vì trong công cuộc hiện đại hóa của đạo Phật có chủ nghĩa nào tiến bộ hơn phép lục hòa, tứ nhiếp của đạo Phật chưa?

* * *

Kỷ niệm ngày đản sanh, chúng ta đón nhận luồng tư tưởng giác ngộ chói rạng tâm hồn. Không nên coi đây là sự xuất hiện của một con người mà phải chiêm nghiệm sự ban bố của Chân lý. Chân lý giác ngộ ấy không ở ngoài ta. Đức Phật đản sanh ở trong ta, trong sự đau khổ hiện thực của ta, của những con người. Đức Phật vì sự đau khổ của con người mà tìm phương giải khổ cho con người. Ngài không phải là một nhà khoa học

vì Ngài không đem cái trí tuệ minh mẫn của mình để chế ngự thiên nhiên bằng tư tưởng. Ngài không phải là một nhà khoa học vì Ngài không biện giải những tư tưởng hoài nghi. Xuất thân là một vị vương giả, đã nghiêng mình xuống, hòa mình với kẻ bần cùng, đau khổ. Giáo lý Ngài tồn tại trong tim óc người bị áp bức, đầy đọa. Xưa nay, giáo lý của Ngài chưa bao giờ bị bọn thống trị dùng làm khí cụ để khống chế nhân loại. Các vị tăng lữ, dù hữu hành hay vô hành, đều chỉ có hai đường lối: hoặc là nhập thế độ sanh, hoặc là ly thế nhập định chứ không hề có một vị nào trở thành một phần tử của đảng cấp thống trị. Cho nên, hãy nghĩ rằng Đức Phật đã vì ta mà đản sanh, Đức Phật đã vì chúng sanh mà thị hiện. Vậy trong cương vị chúng sanh, tưởng chúng ta chỉ có một nhân sanh quan rất nhân bản là:

Nhận định: Đời là bể khổ.

Giải pháp: Tự giác để giác tha.

Ánh sáng Chân lý đã chiếu rọi, ta chỉ cần phát triển cho rực rỡ lên. Đó cũng là tâm niệm lớn nhất cho con người Việt Nam đang đau khổ vì chiến tranh và bạo lực./.

(đăng trong tạp chí Từ Quang, số 185-186, tháng 1 & 2 năm 1968)

Tài liệu tham khảo:

- Tiểu sử Lữ Hồ Web: tvvn.org
- Lữ Hồ Ý nghĩa thị hiện Phật đản Web: phatgiaobaclieu.com

20) Nguyễn Đình Hòa



Nguyễn Đình Hòa (1924-2000)

Ông Nguyễn Đình Hoà sinh ngày 17 tháng 1 năm 1924 tại Hà Nội, ông đã học trường Trí Tri, Nguyễn Du, Bờ Sông và Trường Bưởi tại Hà Nội.

Sau khi đậu tú tài Triết Học và Văn Chương tại Trường Bưởi năm 1944 và làm việc một thời gian ngắn tại Hà Nội, ông được học bổng du học Hoa Kỳ. Ông lần lượt tốt nghiệp cử nhân năm 1950 (Union College), cao học năm 1952 và tiến sĩ năm 1956 (New York University). Trong khi theo học ban tiến sĩ về Giáo Dục Anh Ngữ (English Education) tại NYU, ông cũng dạy Ngôn Ngữ và Văn Hóa Việt Nam tại Columbia University.

Năm 1957, Nguyễn Đình-Hòa về nước và ngay sau đó, ở tuổi 33, ông được bổ nhiệm làm khoa trưởng Đại Học Văn Khoa Saigon (1957-1958). Tại đây, ông cũng là giáo sư Ngữ Học kiêm trưởng ban Văn Minh Anh-Mỹ cho đến năm 1965.

Trên Sáng Tạo số 16 tháng 1 năm 1958, ông cộng tác với bài: *Phương pháp học và dạy sinh ngữ*.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Từ 1962 đến 1966 ông đảm nhiệm chức vụ giám đốc Nha Văn Hóa thuộc Bộ Giáo Dục kiêm tổng thư ký Ủy Hội Quốc Gia UNESCO.

Năm 1966, Nguyễn Đình Hòa làm Tùy viên văn hóa ở Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Washington DC.

Năm 1969, ông được bổ nhiệm làm Phó giám đốc cho đến năm 1972 làm Giám đốc Trung Tâm Việt Học (the Southern Illinois University Center for Vietnamese Studies) tại Southern Illinois University, Carbondale, Illinois 62901 cho tới ngày về hưu vào mùa hè năm 1990.

Ông đã chọn miền bắc California để nghỉ hưu, tại đây ông được San Jose State University mời giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa Việt từ 1990 đến 1992.

Những năm sau cùng cuộc đời ông đã dành trọn thời gian và uy tín của ông để xây đắp Viện Việt Học tại nam California được thành lập từ tháng 2 năm 2000..

Ông mất ngày 10 tháng 12 năm Canh Thìn 2000 tại Mountain View (Bắc California), thọ 76 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hig éducation in the Republic of Vietnam ...* (1962)
- *The Vietnamese language* (1962)
- *Reading list on Vietnamese language and writing* (1962)
- *Ngữ học nhập môn* (1962, Sài Gòn)
- *NTC's Vietnamese-English Dictionary*. (NTC Publishing Group, 1995).
- *Vietnamese - English Dictionary*. (Tokyo, Japan: Charles

HUỶNH ÁI TÔNG

& Tuttle Publishers, 1970, 12th edition)

- *Read Vietnamese*

- *Speak Vietnamese*

- *Vietnamese/Tiếng Việt không son phấn*. (John Benjamins Publishing Co, 1997)

- *From the City Inside the Red River: A Cultural Memoir of Mid-Century Vietnam (Từ thành phố trong sông Hồng: Hồi ký văn hoá về Việt Nam giữa thế kỷ)* (Jefferson, NC: McFarland & Co, 1999)

Trích văn:

Vấn Chuyện i Ngắn, y Dài



Cách đây chừng ba năm, tôi có mạo muội đề nghị với Tạp chí “Thế Kỷ 21” là nên viết tên tờ báo đứng đầu đó là **Thế kỷ 21**. Tiếp đó, một độc giả của tờ tạp chí ấy có chỉ ra là trong cuốn từ điển Việt-Anh của chính tôi, nhan đề là *Vietnamese-English Dictionary* (Saigon: Bình Minh, 1959; Tokyo: Charles E.

Tuttle, 1966), từ “thế kỷ” [nghĩa là “century”] vẫn dùng con chữ “y dài” [thường được gọi là i-cờ-rét, “chữ Hi-Lạp”].]

Là người đã từng phụ trách giảng khoa về Kế hoạch hoá Ngôn ngữ (Language Planning) trong mấy chục năm, tôi thừa hiểu rằng: tại bất cứ một nước nào, việc thi hành kế hoạch về lĩnh vực lời ăn tiếng nói cũng cần phải lưu tâm đến tình cảm ngôn ngữ của người dân nói tiếng bản ngữ. Mấy cuộc hội nghị đã được triệu tập tại cả miền Bắc lẫn miền Nam Việt Nam trước 1975 về vấn đề thống nhất ngôn ngữ, về nhu cầu cải tiến chữ quốc ngữ, cũng như về việc cần tiêu chuẩn hoá chính tả và thống nhất danh từ khoa học kĩ thuật. Rồi sau 1975, các nhà chuyên môn vẫn tiếp tục thảo luận về những đề tài như: dùng con chữ nào cho âm vị nào, con chữ nào viết hoa, khi nào dùng gạch nối, khi nào viết liền các âm tiết (cũng là từ tố) bên trong một từ, phiên âm những thuật ngữ khoa học quốc tế cách nào? v.v... Những nhà ngữ học đó đều phải kết luận rằng có những đề nghị cải cách rất có tính khoa học, cốt làm cho chữ quốc ngữ nhất quán hơn, và có một số chuẩn mực phải theo một cách “trước sau như một”, song có điều chưa thi hành ngay được, vì thiên hạ quen cùng cách này, cách kia rồi.

Chẳng hạn, thiên hạ quen viết *lý trường, lý tưởng, lý trí, kỳ dị, nước Mỹ, Mỹ quốc, (cao lương) mỹ vị, mỹ thuật*, v.v... mất rồi. Thậm chí, có nhà văn còn dùng lối viết quá táo bạo: *thi sỹ, hoạ sỹ*, v.v... Lí do là người ta đã lẫn lộn con chữ *i* dùng để ghi nguyên âm (còn gọi là “mẫu âm”) /i/ — là âm hạt nhân hay âm chính của một âm tiết trong tiếng Việt — với con chữ *y*, dùng để ghi bán nguyên âm (còn gọi là “bán mẫu âm”) /y/ — là âm lướt xuất hiện ở đầu hoặc cuối một âm tiết và được ngành ngữ âm học ghi bằng kí hiệu [i:]. Có điều lạ là không ai viết *kỳ dị*,

lý trí cả! Thực tế, nay chúng ta bảo nhau theo cách phân biệt nói trên mà viết cho đúng: *ông lí trưởng, lí tưởng, lí trí, kì dị, nước Mĩ, Mĩ quốc, (cao lương) mĩ vị, mĩ thuật, v.v...* thì có người sẽ thấy lạ hoắc, không quen, nên không chấp nhận.

Vậy thì trong khi chờ đợi chuẩn bị cho những lớp học sinh tiểu học, rồi trung học, được chỉ dạy những điểm sơ đẳng đó về tương quan giữa ngữ âm và chính tả, thì biện pháp tốt hơn hết ta có thể áp dụng ở giai đoạn đầu — tức ngay bây giờ — là:

1. Khi một âm tiết có nguyên âm /i/ đứng ở cuối, thì ta dần dần cố nhớ ghi nhất loạt bằng con chữ **i**: *ăn mì Hải kì gần hơn Tùng kì, ông lí trưởng, Mĩ cảnh, tiếng nói Hoa Kì, thế kỉ (thứ 21), v.v...*
2. Một biệt lệ là vần **-uy** /-wi/ [ui] như trong *duy, huy, khuy, nguy, quy, tụy, thúy, v.v...* thì vẫn viết như cũ, NHƯNG phải đánh dấu thanh điệu (hoặc thanh) vào nguyên âm chính: *huy, luy, quy, tụy, tụy, tụy, thúy, thúy, nhuy, nguy, v.v...* để phân biệt với *húi, lúi, cúi, túi, đúi, tui, thúi, khui, v.v...*
3. Ta cần chấp nhận biệt lệ này vì còn có những vần phức tạp hơn như **-uyên** /, /-uyê/ trong *duyên, chuyển, huyền (náo), khuyển, luyến, quyền, tuyên truyền, thuyến, nhuyển, nguyên, Nguyễn, xuyên, duyệt, tuyết, khuyết, nguyệt, quyết, v.v...*
4. Nếu âm chính là nguyên âm /i/ đứng một mình hoặc đứng đầu âm tiết, thì vẫn viết theo thói quen như cũ: [...] *y học, y khoa, ý kiến, ý nghĩa, Nguyễn Ngu Ý, v.v...*

Trong ba cuốn từ điển song ngữ Việt-Anh hay Anh-Việt của tôi (xuất bản vào những thập niên 1950 và 1960 đó), tôi vẫn theo thói quen của các nhà văn, nhà báo và nhà giáo mà ghi *thế kỷ, kỷ niệm, kỷ nguyên, v.v...* Nhưng ở thời điểm này (ba mươi

năm sau!), tôi áp dụng chút sở học để cầu tiến và nắm tay các bạn già trẻ cùng tiến bộ, thiết tưởng bạn đọc và bạn học không nên lấy làm lạ, mặc dầu những điều tôi nêu lên (không phải là ý kiến riêng của tôi) có thể chưa đủ sức thuyết phục.

Ngoài ra, nói riêng một tạp chí đã có lời phi lộ là đem độc giả bước vào thế kỉ sau, thì quý vị phụ trách tờ báo có giá trị đó, theo thiên ý, chẳng nên ngần ngại gì mà không bắt đầu viết cho đúng: Thế-kỉ 21. Tôi còn xin phép đề nghị là tốt hơn nữa, quý vị trong ban biên tập, cho đến nay vẫn bỏ cái gạch nối — là cái dấu cần thiết cho người học nói, học đọc tiếng Việt, dù là người Việt hay người ngoài — xin đi xa hơn nữa mà triệt để viết liền hai âm tiết lại với nhau như thế này: Thếkỉ 21, thì thật là đúng với cái thiên chức quý vị đã đề ra cho tạp chí kia.

Ngày xưa, các cụ nhà ta dùng thẳng chữ Nho của người Hán, rồi lại mượn thứ chữ khôi vuông đó của người phương Bắc để đặt ra chữ Nôm, rồi lại được người phương Tây mách cho cách dùng chữ cái của La tinh để ghi âm Việt. Cả ba thứ văn tự ấy đều là mượn của người ngoài, chẳng khác gì chiếc khăn đội đầu, về sau được thay thế bằng các kiểu nón mũ giúp ta tránh mưa che nắng mà thôi. Điểm then chốt là: hệ thống văn tự mà ta mượn của họ có nhiều điểm bất nhất và bất tiện, ta có cần mượn luôn cả những cái bất nhất đó vào văn tự của ta hay không?

Bài đăng trên Dòng Việt, số 3 (“Chữ nghĩa tiếng Việt”).

Người đánh máy thêm vào một số kí hiệu ngữ âm quốc tế:

HUYỀN ÁI TÔNG

1. Chữ trong ngoặc vuông là cách phát âm, thí dụ: [i].
2. Chữ trong hai gạch nghiêng và in nghiêng (italic) là chữ viết, thí dụ: /i/, /y/.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đình Hòa Web: viethoc.com

21) Nguyễn Trung



Nguyễn Trung (1940-)

Họa sĩ Nguyễn Trung sinh tại Sóc Trăng năm 1940.(*)

Ông theo học Trường Mỹ Thuật Gia Định năm 1958 Năm 1960, ông đoạt huy chương bạc Triển Lãm Mỹ Thuật Mùa Xuân.

Năm 1963, đoạt huy chương vàng Triển Lãm Mỹ Thuật Mùa Xuân

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Năm 1967, Triển lãm cá nhân đầu tiên tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp tại Sài Gòn.

Năm 1966, Hội Họa sĩ Trẻ được thành lập, ông được bầu làm Phó chủ tịch nội vụ, hội hoạt động cho đến năm 1974.

Từ 1989 đến 1998, ông là Phó Tổng Biên Tập tạp chí Mỹ Thuật thành phố HCM.

Năm 1990, triển lãm cá nhân tại Maison Việt Nam tại Paris

Năm 1991, triển lãm nhóm (triển lãm tranh trừu tượng đầu tiên tại Việt Nam) phòng trưng bày Hồng Hạc tại thành phố HCM.

Năm 1991, Uncorted Soul, triển lãm chung tại Blossoms Galery Hồng Kông

Năm 1993, triển lãm chung “Không Gian Mới” tại thành phố Hồ Chí Minh

Năm 1994, tham dự “Ngày hội Việt Nam” tại Hồng Kông

Năm 1994, Triển lãm Hữu Nghị Châu Á, Bảo tàng thành phố HCM, Tokyo, Nhật Bản.

Năm 1994, triển lãm nhóm cựu thành viên Hội Họa sĩ Trẻ trước 1975, tại Bảo tàng Mỹ Thuật thành phố HCM.

Năm 1995, Triển lãm *Realité et Abstraction* (Hiện thực và trừu tượng), triển lãm chung lần đầu tiên tại trung tâm Văn Minh Pháp Hà Nội

Năm 1997, Triển lãm “Gương Mặt Mới của Việt Nam” tại Gallery Simyo, Seoul, Hàn quốc.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1998, On the Horizon triển lãm chung tại Gallery Pacific Bridge về nghệ thuật đương đại Đông Nam Á, Oakland, California, Mỹ

Năm 1998, L'Anima Soffocata, triển lãm chung tại Bảo tàng Bibliocata Archivio, Bassano del Grappa, Italy.

Năm 1998, Paris, HaNoi, Saigon triển lãm chung tại Pavillon des Arts, Forum des Halles, Paris

Năm 1999, triển lãm chung nhóm Hội Họa sĩ Trẻ (trước năm 1975) tại Galerie Vĩnh Lợi, thành phố HCM

Năm 1999, Revelations of Time and Self, triển lãm cá nhân tại Gallery Tràng An, Hà Nội

Năm 2000-2001, Tham dự vài triển lãm cá nhân tại Gallery Lã Vọng, Hồng Kông

Năm 2001, The White series triển lãm cá nhân thực hiện tại Galerie Quynh, thành phố HCM

Năm 2004, Black Board, triển lãm cá nhân tại Galerie Quynh, thành phố HCM

Năm 2010, Grey Black and White, triển lãm cá nhân tại Galerie Quynh, thành phố HCM

Nguyễn Trung đã cho thấy rất nhiều lần triển lãm tại Việt Nam và ở nước ngoài, các tác phẩm của ông nằm trong bộ sưu tập mỹ thuật Việt Nam uy tín, ở các Viện Bảo tàng Mỹ thuật Singapore và Bassano del Grappa Bảo tàng mỹ thuật (Italy). Tranh của Nguyễn Trung đã diễn ra triển lãm quốc tế tại Singapore (1992, 1995), Nhật Bản (1996), Hàn Quốc (1997,

2000), Ý (1998), Pháp (1998), Mỹ (1998), Đài Loan (1999), và Thái Lan (2001, Thavibu Thư viện ảnh). và tranh của Nguyễn Trung thường xuyên được bán tại các phiên đấu giá quốc tế

“Xám trắng đen” là tên cuộc triển lãm tranh Nguyễn Trung tại Galerie Quỳnh nơi chuyên bày tranh trừu tượng và nghệ thuật xếp đặt của những họa sĩ tiên phong, nổi tiếng ở đường Đề Thám, Sài Gòn. Theo Lý Đợi: (...) *Theo chủ quan, triển lãm này đáng chú ý, không phải vì đã có 3 tác phẩm được bán (trong ngày khai mạc, giá tranh từ 20.000 us đến 30.000 us một bức, chú thích của DC) mà vì nó có thể mang đến cho người xem mấy cách nhìn khác nhau: thích, không thích, hoặc bán khoán... Cuối cùng, khi đứng ngoài sự thích, không thích, hoặc bán khoán, xét về lịch sử và tiến trình hội họa, tôi vẫn cho rằng Nguyễn Trung là một trong những họa sĩ đáng nể của Việt Nam*”

Trên Sáng Tạo số 19 tháng 4 năm 1958, Nguyễn Trung viết bài: *Một ý kiến về triển lãm tranh Duy Thanh*

(*) Các họa sĩ nổi danh miền Nam có cùng tên Trung, cùng xuất thân từ Trường Vẽ, Trường Mỹ Nghệ Gia Định có Lê Trung sanh năm 1919 tại Châu đốc, chuyên vẽ tranh thiếu nữ các bìa báo Xuân.

HUỲNH ÁI TÔNG



Họa sĩ Lê Trung



Nguyễn Văn Trung sinh năm 1937 tại Sài Gòn, giáo sư Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật (Gia Định)



Giáo sư, họa sĩ Nguyễn Văn Trung

Trích văn của Nguyễn Trung:

Tôi sinh ra ở một vùng phì nhiêu nhất Việt Nam, tỉnh Sóc Trăng, ở đó chỉ thấy toàn ruộng với màu xanh của lúa non và màu vàng của lúa chín. Phong cảnh bằng phẳng đến độ buồn hiu, nhất là mùa mưa thì ruộng là biển nước còn trời là một màu xám chì, chỉ riêng mùa gặt thì cả trời rực vàng và rất thơm, lúc ấy thì còn thấy được chút đỉnh màu sắc của trời cho. Có lẽ vì vậy tôi vẽ phong cảnh rất dở, và tôi rất ít xài màu sắc, có lẽ vì sự ít màu sắc của xứ tôi mà tôi đã chịu ảnh hưởng tính cách đậm bạc của tranh thủy mặc của Trung Quốc, sự khắc khổ của hội họa Đức.

(*)

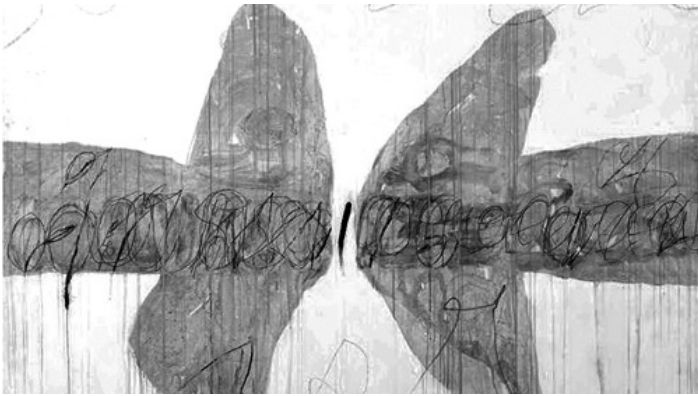
Dường như chỉ nghệ thuật mới có thể mang tình yêu và sự bình an trở về với tâm hồn ta. Đường như chỉ có nó mới có thể mang đến ta sự cứu rỗi ấy trong khi càng ngày chúng ta càng

HUỶNH ÁI TÔNG

dấn thân vào cuộc sống văn minh thiếu nhân cách, địa ngục của giận dữ, thù hận và bạo động đến nỗi chúng ta quên dần những lời xin lỗi và thứ tha, những cử chỉ yêu thương và thông cảm.

(In trong Vừng Tập triển lãm)

Tranh của Nguyễn Trung:



Một tác phẩm trong triển lãm *Xám trắng đen*



Lady với bát ngọc

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Có nhận xét cho rằng Nguyễn Trung là một trong vài ba nghệ sĩ lớn của miền Nam, xuất sắc nhất của mỹ thuật đương đại Việt Nam .

Tài liệu tham khảo:

- Trường Vẽ Gia Định 1913-2012 Web: truongvegiadinh.blogspot.com/2012_04_01_archive.html
- Nguyễn Trung Web: noithattranh-tranhve-nguyen-trung.blogspot.com/

22) Võ Phiến



Võ Phiến Đoàn Thế Nhơn (1925-)

Võ Phiến tên thật là Đoàn Thế Nhơn, bút hiệu khác: Tràng Thiên. Ông sinh ngày 20 tháng 10 năm 1925 tại làng Trà Bình, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Cha là Đoàn Thế Căn làm giáo học, mẹ là Ngô Thị Cương. Võ Phiến có người em ruột là Đoàn Thế Hối, sinh năm 1932, sau này theo cách mạng trong Nam, cũng là nhà văn bút hiệu Lê Vĩnh Hòa. Khoảng 1933,

HUỶNH ÁI TÔNG

cha mẹ xuống Rạch Giá lập nghiệp đem Đoàn Thế Hối theo; Võ Phiến ở lại Bình Định, sống với bà nội, học trường làng, trung học ở Quy Nhơn.

Năm 1942 ra Huế học trường Thuận Hóa và bắt đầu viết văn. Bài tùy bút đầu tiên tựa đề *Những đêm đông* viết năm 1943 đăng trên báo Trung Bắc Chủ Nhật, ký tên Đắc Lang.

1945, Võ Phiến gia nhập bộ đội trong một thời gian ngắn, sang 1946 ra Hà Nội học trường Văn Lang; đến tháng 12 năm 1946, trở về Bình Định tham gia kháng chiến, sang năm 1947 về làm thuế quan tại Gò Bồi.

Năm 1948, ông kết hôn với cô Võ Thị Viễn Phố (Võ Phiến là Viễn Phố nói lái) và ông dạy học ở trường trung học bình dân Liên Khu V. Năm 1951 vì tham gia vào một tổ chức chống cộng, ông đã bị bắt và bị kết án năm năm tù. Bị Cộng sản bắt giam từ 17.10.1952, nhưng đến tháng 9-1954, theo hiệp định Genève, ông được thả ra khỏi tù.

Cuối năm 1954, ông ra Huế làm việc tại Nha Thông Tin, tại đây ông đã cộng tác với Mùa Lúa Mới do Võ Thu Tịnh chủ trương. Ít lâu sau, ông xin chuyển vào Quy Nhơn, tại đây ông tự xuất bản hai tác phẩm đầu *Chữ tình* (1956) và *Người tù* (1957), gửi bài đăng trên hai tạp chí Sáng Tạo và Bách Khoa. Từ tác phẩm thứ ba *Mưa đêm cuối năm* (in năm 1958, tại Sài Gòn), Võ Phiến bắt đầu nổi tiếng, ông xin đổi vào làm việc tại Sài Gòn, cộng tác thường xuyên với các báo Sáng Tạo, Thế Kỷ 20, Văn, Khởi Hành, Mai, Tân Văn ... và trở thành một trong những cây bút chính của tờ *Bách Khoa*, cùng với Nguyễn Hiến Lê, Vũ Hạnh v.v...

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Năm 1962, Võ Phiến lập nhà xuất bản Thời Mới.

Rời nước vào ngày 22 tháng 4 năm 1975, Sau vài lần dời đổi trên đất Hoa Kỳ, ông bà tìm được việc làm vững chắc ở Los Angeles County và mua nhà, định cư tại thành phố Highland Park.

Võ Phiến là một trong những người đầu tiên có công xây dựng nền văn học Việt Nam Hải Ngoại, chủ trương tập san *Văn Học Nghệ Thuật* từ 1978 đến 1979, rồi từ 1985 đến 1986. Tờ *Văn Học Nghệ Thuật* của Võ Phiến là nguyệt san văn học có uy tín đầu tiên tại hải ngoại, là tiền thân của tờ *Văn Học* mà sau này Nguyễn Mộng Giác tiếp nối. *Văn Học Nghệ Thuật* đã mở đầu cho một trào lưu văn học đích thực mà sau này trở thành *Văn Học Việt Nam Hải Ngoại*, hội tụ những cây bút cũ và mới, tạo ra một lớp người viết và người đọc tham dự vào văn chương tiếng Việt.

Từ tháng 7 năm 1994, Võ Phiến nghỉ hưu nhưng vẫn viết, hiện ông sống tại Quận Cam, California, Hoa Kỳ.

Ông là tác giả của trên dưới 30 tác phẩm gồm đủ mọi thể loại: thơ, truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, tiểu luận, tạp luận, biên khảo, phê bình, dịch thuật.

Tác phẩm:

Tiểu Thuyết:

- *Giã Từ* (Bách Khoa Sg 1962)
- *Một Mình* (Thời Mới Sg 1965)

HUYỀN ÁI TÔNG

- *Đàn Ông* (Thời Mới Sg 1966)
- *Nguyên Vẹn* (người Việt, Hoa kỳ 1978)

Truyện Ngắn:

- *Chữ Tình* (Bình Minh Qui Nhơn 1956)
- *Người Tù* (Qui Nhơn 1957)
- *Mưa Đêm Cuối Năm* (Tự Do Sg 1958)
- *Đêm Xuân Trăng Sáng* (Nguyễn Đình Vương SG 1961)
- *Thương Hoài Ngàn Năm* (Bút Nghiên SG 1962)
- *Về Một Xóm Quê* (Thời Mới, SG 1965)
- *Truyện Thật Ngắn* (Văn Nghệ Hoa Kỳ 1991)

Tuỳ Bút:

- *Thư Nhà* (Thời Mới 1962)
- *Áo Ảnh* (Thời Mới 1967)
- *Phù Thế* (Thời Mới 1969)
- *Đất Nước Quê Hương* (Lửa Thiêng Sg 1973)
- *Thư Gửi Bạn* (Người Việt Hoa Kỳ 1976)
- *Ly Hương* (chung với Lê Tất Điều NV 1977)
- *Lại Thư Gửi Bạn* (Người Việt 1979)
- *Quê* (Văn Nghệ HK 1992)
- *Sống Và Viết* (Văn Mới HK 1996)

Thơ:

- *Thơ Thần* (An Tiêm 1997)

Dịch Thuật: (dưới bút hiệu Tràng Thiên)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- *Hăm Bốn Giờ Trong Đồi Một Người Đàn Bà* (của Stefan Zweig Thời Mới Sg 1963)
- *Các Trào Lưu Lớn Của Tư Tưởng Hiện Đại* (của Andre Maurois, TM 1964)
- *Truyện Hay Các Nước, tập 1* (cùng dịch với Nguyễn Minh Hoàng, TM 1965)
- *Truyện Hay Các Nước, tập 2* (cùng dịch với Nguyễn Minh Hoàng, TM 1965)
- *Ông Chồng Muốn Thuở* (của Feodor Dostoivski)

Phê Bình:

- *Văn Học Miền Nam , tổng quan* (1986 tb 1988)
- *Thơ Miền Nam, tập 1* (1991)
- *Thơ Miền Nam, tập 2* (1995)
- *Truyện Miền Nam, tập 1* (1992)
- *Truyện Miền Nam, tập 2* (1993)
- *Truyện Miền Nam, tập 3* (1995)
- *Bút Ký Kịch Miền Nam, tập 1* (1993)
- *Bút Ký Kịch Miền Nam, tập 2* (1995)

Tiểu Luận:

- *Tiểu Thuyết Hiện Đại* (ký Tràng Thiên, TM 1963)
- *Văn Học Nga Số Hiện Đại* (T.Thiên/TM 1965)
- *Tạp Bút 1* (Thời Mới 1965)
- *Tạp Bút 2* (Thời Mới 1965)
- *Tạp Bút 3* (Thời Mới 1966)
- *Tạp Luận* (Trí Đăng Sg 1973)
- *Chúng Ta Qua Cách Viết* (Giao Điểm Sg 1973)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Viết* (Văn Nghệ ,HK 1993)
- *Đối Thoại* (Văn Nghệ, Hkỳ 1993)
- *Võ Phiến Toàn Tập* (Văn Nghệ Hoa Kỳ) gồm 9 cuốn:
- *Tùy Bút 1* (336 trang)
- *Tùy Bút 2* (369 trang)
- *Tạp Bút* (453 trang)
- *Tiểu Luận* (363 trang)
- *Tạp Luận* (350 trang)
- *Truyện Ngắn 1* (317 trang)
- *Truyện Ngắn 2* (344 trang)
- *Tiểu Thuyết 1* (315 trang)
- *Tiểu Thuyết 2* (400 trang)

Trích thơ:

Thu Ca

*Tháng chín rồi
Ngày mỏng quá ngày ơi
Sắc xanh là sắc da trời
Mong manh là khói lửng lơ là mây
Cả một ngày thong thả đếm từng giây
Chân trời rộng li ti từng sợi liễu
Đường cát trắng có trúc gầy yên yếu
Mặt hồ im nước biếc lại muôn xanh
Mình ta đi thấp
Dưới dãy tùng vút cao
Trong bụi con ong bầu
Còn say bên đóa hoa tàn cuối thu
Ta về quanh quẽ trước sau
Người đi đất hút thấy đầu bóng người*

*Trời cao xóm nhỏ
Vườn ngô trồng trơ
Mình ta với một mình thu
Thu nghiêng tai ngóng bước thu chìm chìm
Ta say vắng vẻ im lìm
Nghiêng tai nghe rớt tiếng chim lưng trời.*

Huế, 10-1944

Bà Con Chòm Xóm

Một buổi chiều cuối năm, nằm tưởng nhớ lan man về làng quê, tôi mấy lần tự bắt gặp mình nghĩ tới chị Bốn Chia Vôi. Hình ảnh chị xưa đi lại trở về. “Ồ hay!” tôi ngạc nhiên về mình. “Vẫn chị Bốn! Thì chị Bốn. Xem chị có gì nào!”

Trong nhân cách chị có nhiều đặc điểm, nhưng đối với người làng điều thường được nêu lên như một tiêu biểu là chị không sợ thần lằn rắn nước. Con người, đa số, vẫn đổ kỵ loài bò sát; chị Bốn không đổ kỵ. Chị biết khai thác đặc điểm của mình, khiến mọi người chú ý. Một nhóm bạn bè đang ngồi tán dóc, chị chạy tới mời ăn me. Đàn bà con gái nào lại không thích me? Mỗi người giành lấy một quả xong, chị Bốn rút từ trong bọc ra một gói nhỏ. Trời, sao mà chu đáo thế: lại có cả muối ớt nữa kia. Vài bàn tay nóng nảy giật nhanh gói giấy, mở ra: con thần lằn luống cuống nhảy hoảng vào lòng một chị nào đó. Cả bọn la như cắt cổ.

Chị Bốn Chia Vôi có thể bắt nhốt vào túi áo một con rắn nước, lấy kim băng cài lại cẩn thận. Để rồi chỉ mở túi khi đã ngồi sát kê vài người bạn. Rắn vọt ra, kẻ nhanh nhất cũng không tránh kịp.

Người ta sợ những con vật hiền lành vô hại, sợ một cách vô lý. Chị Bốn không vô lý, thế là chị bị coi như nham nhở, li lợm. Giá là “hôm nay”, chị được cho là rất chì. Chì thì không có gì tệ. Nhưng ở địa phương, hồi đó, người ta đánh giá thấp thái độ ấy. Có người bảo: Con đó ma vật không chết, thiên lôi đánh không chết v.v... Toàn thị là những nhận xét có tính cách thóa mạ. Trong chỗ địa phương, giàu có chẳng được mấy kẻ, hầu hết là dân nghèo với nhau. Từ lối xưng hô cho đến cách nhận xét nhau nghe có vẻ sỗ sàng mà thân mật. Xóm giềng với chị Bốn Chia Vôi là anh Ba Càng Cua, chú Năm Cán Vá, anh hai Mỏ Gày, cậu Ấm Sút v.v... ai nấy đều thông cảm sự giấu cọt của bà con chòm xóm, không oán trách gì. Trường hợp đáng để ý là một người tên Hai Cừ. Anh ta cũng lớn lên trong cảnh nhà nghèo khổ, không có tham vọng. Bỗng có người tuổi tác tốt bụng mách cho biết nội tổ của anh ta từng có quan tước, nếu chịu mất hai đồng bạc cho làng, anh có thể làm đơn xin tập ấm để được miễn sai. Anh nghe theo, anh được chỉ vẽ, giúp đỡ, cuối cùng được thành một ấm tôn. Anh mở tiệc khao làng và họ hàng thân thuộc. Ngay trong tiệc vui ấy anh đã nghe loáng thoáng cái tiếng “ấm sút”. Anh lặng người đi một lát. Rồi anh băng khuâng, trầm ngâm, như một người bắt đầu chịu trở nên chín chắn, từ bỏ những ngông nghênh rồ dại nhất thời để trở về với những cái thiết thực. Rốt cuộc, anh nhếch miệng cười nhẵn nại, chấp nhận. Tiếng “ấm sút” phổ biến nhanh chóng. Dân làng mừng rỡ, không gan tị tí nào đối với chút quyền lợi anh được hưởng, nhưng còn sự danh giá thì họ đã bảo toạc ngay cho anh biết là không có đâu.

Chị Bốn ngày nhỏ tên là Bình. Nhưng càng lớn chị càng toe toét, nói bậy nói bạ, bừa bãi lung tung; cho nên bị coi không

xúng là miệng Bình, dù là bình vôi. Do đó, bèn đặt tên là Chia Vôi.

Kể ra đặt như thế cũng bừa bãi, chẳng có ý nghĩa gì. Tôi thuật lại bấy nhiêu điều là để chứng tỏ ở đây người ta sống gần gũi, cởi mở. Cho đến cái tên của nhau ai nấy cũng tha hồ bôi bác lên đây tùy thích, cái tên riêng của cá nhân không còn thuộc về cá nhân mà là kết quả những ý kiến tập thể. Sự can thiệp ngang nhiên, không e dè nề nang gì cả. Thoạt đầu, có người bắt bình chút ít, rồi đầu lại vào đó.

Chị Bốn nham nhờ đến nỗi mang tên là Bốn Chia Vôi, lại còn bị rửa là thiên lôi đập ba búa không chết. Không sợ loài bò sát, đó chỉ là tính tiêu biểu, thật ra chị còn lắm điều ngổ ngáo khác. Chẳng hạn nói tục. Các nhà nghiên cứu chuyện tiểu lâm đồng ý rằng đề tài trào lộng chính của dân quê ngày xưa là cái tục. Có những vị còn đi xa hơn, cho rằng như thế không phải vì dân lao động nghèo khổ ham thích cái tục hơn hạng nho sĩ trí thức; họ nói tục chính vì óc tranh đấu bài phong tức là vì một lý tưởng cao đẹp. Hạng giàu có nho sĩ sống trong lễ giáo giả dối, tránh chuyện tục tĩu; kẻ vô sản đầy tinh thần cách mạng bèn xô tục ra, có ý tỏ sự chống đối, khinh khi, khiêu khích, có ý muốn quăng những cái tục ấy vào mặt bọn giàu sang trí thức.

Tôi không có dịp trông thấy chị Bốn Chia Vôi quăng cái tục vào từng lớp thống trị. Chỉ thấy chị thường nói trong lúc chuyện trò, làm lụng. Giữa đồng nước lênh láng tiết tháng mười, chị vừa cấy mạ vừa kể chuyện. Xung quanh chị, đàn bà con gái thỉnh thoảng nhao nhao, kêu oai oái, kêu lóe chóa, kêu âm lên, như không chịu nổi. Thế nhưng họ chịu được tất. Hơn nữa, ai nấy đều hau háu đối với chuyện của chị Bốn Chia Vôi.

Họ tranh nhau nghe, họ kêu, rồi họ cười ngắc nghẻo, họ oằn người, gập người lại mà cười.

Nhìn cảnh tượng những người lao động nói cười âm ỉ như thế giữa công việc, giữa trời nước bao la, để có cảm tưởng họ sung sướng vui vẻ, họ đang dự vào một sinh hoạt lành mạnh, làm sáng khoái tinh thần. Thú thực, chưa có lần nào trước cảnh ấy tôi có ý nghĩ chị Bốn Chia Vôi đang đầu độc trí óc bạn bè. Có lẽ những câu chuyện tiếu lâm đã thành hình trong dân gian theo kiểu ấy. Có điều các khảo cứu không hay chú ý tới nỗi khổ tâm, hy sinh, của người sáng tác. Tôi được biết có lần chị Bốn Chia Vôi bị chồng đánh một trận toi bời, vì trong lúc cao hứng, hăng say, chị đã mang cả chuyện riêng trong bụng the ra làm trò cười.

Xưa, tôi cũng lậy cái thành kiến của người làng mà coi nhẹ chị Bốn, mặc dù đôi với tôi chị Bốn Chia Vôi bao giờ cũng tốt. Ngày nay, tưởng nhớ đến chị trong niềm hối hận chân thành, tôi chỉ muốn đem tất cả sự hiểu biết lỗm bỗm của mình mà tìm ra một ý nghĩa cách mạng trong thái độ của chị. Bèn nghĩ rằng cái tục là cái cấm kỵ (tabou) trong cuộc sống xã hội loài người với nhau, bò sát là một cấm kỵ khác; thiên hạ tránh né những cấm kỵ ấy, chị Bốn ngang nhiên bất chấp, ấy không phải là chống đối, phản kháng, là hành vi “nổi loạn” sao? Những kẻ văn nhược nho nhã chúa sợ rắn, sợ thạch sùng, sợ các tiếng tục tĩu, những kẻ ấy đón hèn đã đành. Còn trong hạng lao động khả kính, đầu làng cuối xóm thiếu chi người, tại sao ý thức nổi loạn lại cứ nhất định nhóm lên từ đầu óc một người nghèo rớt mùng toi, nhà dột cột xiêu, từ một chị đàn bà lồi thoi léch thếch, vú bõ lòng thông? Đó chẳng phải là điểm vinh dự riêng cho chị Bốn sao?

Cái tốt đặc biệt của chị Bốn tôi không quên được là chị thường cho chim. Chị là người đàn bà độc nhất trong vùng có thể bắt được chim. Bởi vì chim chóc không phải như con cua, con ốc, con chí, con rận. Phải lanh lẹ, phải giỏi leo trèo mới bắt được chim. Đàn bà không sở trường về cái ấy.

Lần đầu tiên chị Bốn cho chim, chị cho tôi một lượt hai con se sẻ. Tôi quỳnh lên. Tôi năn nỉ hỏi chị làm thế nào bắt được. Chị cười tít mắt, bảo đang đi giữa đường, tự dưng thấy hai con se đuổi nhau bay tới, sà xuống đất, vùi nhau cắn lộn, chị đưa tay ra chụp như chơi. Tôi ngẩn ngơ ganh tiếc: Một cơ hội như thế tại sao lại không xảy đến cho tôi? Nắm chim trong tay đã đành là thích thú, nhưng so với cái lúc chụp được một lúc hai con chim đang cắn lộn thì thú ấy chẳng thấm vào đâu. Vậy mà cái dịp may dị thường chẳng thuộc về tôi đang lồng lên ao ước, lại thuộc về chị Bốn là kẻ đứng đưng không biết gì khoái thích!

Lần khác, chị cho tôi bốn con sáo ngà vừa bẻ bông xénh. Tôi lại tra vấn làm sao bắt được. Chị cười rũ rượi kể rằng đang làm cỏ chọt thấy con sáo mẹ tha mồi về một bông cây mù u bên bờ ruộng và sáo con trong bông thò đầu ra, chị chạy đến bắt trọn, thế thôi. Tôi dấy nẩy lên, bắt chị phải cam đoan lần sau thì chị không được vội vàng như thế nữa: cứ để yên và chạy về mách tôi.

Nhưng lần sau và những lần sau nữa cũng không phải là cơ hội để tôi tự tay tóm được con chim tự do. Mỗi lần chị Bốn được chim vào một trường hợp khác nhau. Hoặc một con sáo ham ăn giun xán tới những luống cày vỡ, bị người ta dùng roi cày quất chết tức, chị Bốn xin con sáo chết, đem bỏ ở chỗ đất ướt một lát, nó sống lại. Hoặc một con cò bị kẹt giữa lùm tre dày sau

một đêm mưa gió. Hoặc một con cò khác bị mắc vào bẫy giò mà chị Bốn tình cờ bắt gặp trước khi người đánh bẫy trông thấy.

Tôi kết luận rằng chị Bốn Chia Vôi quả không có tài nghệ gì. Chị chỉ có sự may mắn. Giá tôi mà gặp con cò mắc kẹt trong bụi tre thì tôi cũng lôi ra được như chị, lại giá có người dùng roi quất lăn kênh một con sáo bên chân thì nhất định tôi cũng nhặt lên được. Tôi quả quyết như thế. Và từ ganh, tôi ức với chị Bốn Chia Vôi. Tại sao lần nào cũng vẫn lại chị có mặt ở những chỗ ấy mà không phải là tôi?

Tôi còn nhỏ, chưa biết phục thiện. Thực ra, không phải không có lý do mà chị Bốn Chia Vôi gặp chim. Xem hình dáng chị thì biết. Áo của chị kết năm hột nút thì đã rụng mất ba; hở cả bụng cả ngực. Đầu chị rối bời, tóc thì hoe vàng, đuôi tóc xơ xác. Suốt ngày từ sáng tinh sương cho đến tối mịt, lúc nào chị cũng tắt tả ngược xuôi, dầm mưa giải nắng. Chị kiếm củi, mò cua, bắt ốc, lúc ở bờ ao mép suối, lúc ở ven rừng ven đồi... Tình hình trong vùng có gì đáng chú ý chị chú ý tới trước tiên, có gì đáng trông thấy chị trông thấy trước tiên. Năm Cán Vá hò hẹn với bà thím dâu ở suối chãng? Đám mì của ông Tư bị kẻ chặn bò đào trộm củ đem lên gò nướng chãng? Tre năm nay trở bông nhiều? Chuột đồng gặp gió tây vừa chết lác đác ở các cửa hang? Cây trâm sau đình làng trái sắp chín tới? Không có gì chị Bốn Chia Vôi không biết. Như thế, không những chị thường gặp chim chóc, chị còn bắt gặp gà rừng đang ấp và hót trọn cả ổ trứng, chị gặp rắn đực rắn cái quấn nhau để về xóm thuật lại cho mọi người nghe, chị gặp dơi ngủ trong đọt chuối, gặp chồn cắn nhau v.v...

Ngày xưa, tôi không rõ lý do khiến chị Bốn gặp chim, nhưng tôi yên trí là biết rõ lý do khiến chị cho chim. Vì sao chị chọn tôi, mà không chọn đứa trẻ nào khác? Thật minh bạch: vì tôi dễ thương nhất chứ còn gì nữa.

Sau này, dần dần tôi tưởng hiểu được chị Bốn Chia Vôi hơn. Sự việc không giản dị đến thế.

Chị Bốn vẫn xưng với mọi người là bà con họ hàng với chúng tôi. Trong khi ấy gia đình chúng tôi không phi bác cũng không xác nhận. Sự thực chị Bốn cùng mang họ Đặng. Nhưng ngôi thứ của chị trong thân tộc như thế nào không rõ, gặp chị chúng tôi cứ tùy tuổi tác mà xưng hô: kẻ gọi chị, gọi cô, người kêu mày, kêu con v.v... Ngày giỗ, ngày Tết, chị đến nhà chúng tôi, lằng xằng giúp đỡ.

Bình nhật, mỗi lần chị tới nhà là gặp việc gì làm việc ấy luôn tay. Trông thấy bà tôi ngồi buồn, chị đề nghị xỏ tóc bắt chí. Trong khi tìm chí, chị vui miệng hẹn hôm sau sẽ đem đến cho nắm bô kết. Đưa tới một nắm bô kết, một mớ rau đắng, chị mang về chén mắm, trái cà, trái dưa muối v.v...

Đối với các cô tôi, chị cũng không đáng ghét. Mỗi lúc nhìn trước ngó sau quanh quất không thấy bóng bà tôi, chị Bốn liền kể một chuyện tục. Các cô tôi phản đối, đâm thùm thụp lên lưng chị. Nhưng khi bà nghe tiếng, hiện đến hỏi, thì ai nấy đều toa rập chối đây đây, vừa bảo là không có gì vừa cười rúc rích với nhau.

Hễ cứ lâu ngày không thấy chị Bốn Chia Vôi đến, tôi lên tiếng hỏi. Bà tôi kêu: “Cái thằng! Không thấy nhắc đến sách vở bao

giờ. Lại đi nhắc con ấy.” Các cô tôi cười. Tuy nhiên, tôi thấy rõ không có sự phản kháng nào rõ rệt.

Một năm trời làm đói. Tháng mười mất mùa, tháng ba lại mất mùa nữa. Cả làng thiếu ăn, trẻ con ốm tong teo. Bấy giờ, ngày nào chị Bốn cũng lảng vảng đến nhà tôi một lần. Về sau, cùng đường xoay trở, chị đến ở hẳn với chúng tôi. Rồi chị đem theo thằng con nhỏ nhất. Sau rớt, mang luôn đến con chị kè của đũa bé. Chị bảo với mọi người: có bà có con nhất định phải nhờ bà nhờ con một phen. Ngâm ý nói dù có bị đuổi cũng không chịu đi.

Mùa tháng mười năm sau, bắt đầu gặt hái được là chị đem con về, tất tả kiếm ăn, không kéo dài cảnh nhờ vả thêm một ngày.

Ngày nay các cô tôi thường nhắc lại vụ đói năm ấy để oán trách chị Bốn Chia Vôi. Phải, có nhiều người trong chúng tôi oán trách chị.

Số là từ khi làng mất an ninh, dân làng kéo ra quận ra tỉnh lánh nạn một số lớn. Gia đình tôi về tỉnh ly; chị Bốn thì không thể tưởng tượng có thể sinh sống ở chỗ thành phố, nên chị ở lại làng. Trong khi ra đi lén lút vội vàng, chúng tôi không đem theo cả gia sản mà cũng không thể bán được cho ai. Những thứ gì còn lại, chị Bốn hứa sẽ trông nom giúp. Thế rồi, ít lâu có người bỏ làng ra tỉnh kể rằng hai con bò của chúng tôi bị “Giải phóng” tịch thu chia cho đồng bào, mà một con thuộc về phần chị Bốn. Sau đó, lại có người khác kể rằng ruộng đất của chúng tôi “Giải phóng” cũng chia cho đồng bào canh tác, riêng phần chị Bốn hưởng được hai đám. Dĩ nhiên chị Bốn là đồng bào, nhưng tại sao cái gì của chúng tôi chị cũng thụ hưởng được nhiều hơn mọi người. Có điều ám muội gì trong đó? Lành khác,

có tin chị Bốn bán dùa của chúng tôi. Lại lần khác nữa, chị đem cỗ thợ đường bằng ván mít của bà tôi hiến cho bộ đội “Giải phóng”. Bà tôi kêu trời. Các cô tôi mỗi người góp một chi tiết, nhắc lại những sự giúp đỡ của chúng tôi đối với chị Bốn trước kia, và trách mắng thậm tệ “quân ăn cháo đá bát”.

Chúng tôi với chị Bốn thành ra người của hai thế giới. Không ai biện bạch với ai được lời nào. Không có đối thoại. Sự thực, chị Bốn Chia Vôì đã nghĩ ngợi ra sao, đã hành động với dụng ý gì, chúng tôi không rõ. Chỉ nghe lời người khác thuật lại, nay một việc mai một việc, chắc chắn là vừa thuật vừa thêm mắm thêm muối cho đậm đà câu chuyện, thế rồi chúng tôi kết tội chị Bốn bội bạc, vong ân, chúng tôi lồng lên phẫn uất.

Trong tâm trạng ấy, chúng tôi kiểm điểm lại tính nết của chị, và toàn thấy những nét trí trá, tinh quái. Cái người con gái biết mua chuộc kẻ này bằng con chim, kẻ kia bằng câu chuyện tục kể lén v.v..., người ấy thực đã quỷ quyệt, thao túng chúng tôi không chừa một ai. Càng nghĩ các cô tôi càng tức giận, vì đã thua cái tinh khôn của một kẻ tuổi tác chỉ đáng đàn em, lại không có học hành gì.

Cứ thế cho đến hôm tôi trông thấy người ta khiêng chị Bốn Chia Vôì vào bệnh viện, người rách bươm toi tả.

Sau khi chúng tôi bỏ làng đi độ ba tháng thì làng cũng không thuộc về chính phủ nữa. Thôn trưởng bị bắt lên núi. Rồi quận cũng tìm ra người khác để đặt làm thôn trưởng, nhưng từ khi nhậm chức, chú Tư Huệ Héo — tức em ruột anh Ba Càng Cua — liền bỏ nhà xuống quận lưu vong. Ở làng, phe “Giải phóng” lập ban tự quản.

Như thế, cả hai phía cùng nhau cai trị dân làng. Một phía thuộc về chú Tư Huệ Héo, một phía thuộc về chú Ba Thiên, tức cháu gọi Hai Mỏ Gậy bằng cậu.

Ba Thiên tịch thu ruộng và bò của chú Tư. Một ngày tháng bảy, vào canh tư, trời còn tối, một trung đội nghĩa quân từ dưới quận kéo lên vây xóm. Bố trí chưa xong thì một phát súng nổ quá sớm làm cho bọn cộng sản nhào ra chạy. Có hai tên trúng đạn, một bị gãy chân, một bể ngực chết. Tuy vậy cả hai đều thuộc hạng không quan trọng, còn Ba Thiên đã kịp trốn thoát.

Mờ sáng, nghĩa quân vào làng, người ta thấy Tư Huệ Héo đi theo, tập trung dân chúng, điểm mặt từng người, phổ biến chính sách. Xong rồi, chú Tư tới nhà Ba Thiên lừa tất cả bò mình lẫn bò Ba Thiên về quận. Đến lượt chú Ba bị tịch thu trở lại: Lừa bò, gánh lúa, còn nhà thì đốt bỏ.

Sau vụ ấy, Ba Thiên bán tin xuống quận cho Tư Huệ Héo hay là có ngày “Giải phóng” sẽ tới tận quận hỏi tội y. Còn Tư Huệ Héo thì lén lút phàn nàn với một vài người thân tín rằng hôm đó có một anh nghĩa quân non gan, ngại đụng độ lớn, nên giả vờ lỡ tay làm nổ phát súng để đuổi địch chạy thoát, nếu không Ba Thiên đã bị bắt rồi. “Nhưng giữa nó với tôi còn có ngày gặp nhau mà. Nó đừng nóng nảy vô lối: rồi trước sau tôi cũng chẻ ba thẻ tre đem manh chiếu rách rước nó xuống quận một lần cho bà con coi chơi”.

Tin nhắn đi nhắn lại qua trung gian những người đàn bà đi chợ quận. Cũng qua thứ trung gian ấy, chú Tư đòi bẻ cổ hết những ai cày ruộng của chú do bên kia cấp phát. Ba Thiên họp đồng bào, đánh tan hoang mang, bảo đảm rằng chính sách sẽ được thi hành tới cùng.

Chị Bốn Chia Vôi có được chia ruộng của chú Tư. Mặc dù có sự bảo đảm, nhân một hôm đi chợ, chị vẫn lên gặp chú Tư để điều đình xin coi như chị cày thuê với một giá tương đối rẻ. Sự việc tiến hành trong vòng bí mật. Tiền thuê ruộng sẽ giao tới tay chú Tư làm ba lần. Tư Huệ Héo lấy làm hài lòng; trong lúc cao hứng còn khoe rằng hôm đưa nghĩa quân lên vây xóm chú đã nắm vững tình hình, biết rõ con đường hầm rút lui của từng tên trong bọn Ba Thiên. “Chậm năm phút nữa thì nó chạy đàng trời”. Chú Tư nhếch miệng cười. Chú có đặc điểm là dẫu cười, cái cười cũng khổ sở, méo xệu. Vì vậy mà tên Huệ được đổi ra Huệ Héo.

Hai hôm sau, con Sáu Ty bỗng đứng chặn chị Bốn Chia Vôi lại, hỏi âm ớ:

— Mợ đi thương lượng với nó rồi hả?

Chị Bốn khựng người lại:

— Mày nói cái gì vậy Sáu? Tao không hiểu.

Sáu Ty cười khê:

— Mợ khó hiểu thì có.

Rồi giọng nó đay nghiến:

— Của nhân dân chia cho, mợ không cày thì trả lại, người khác cày. Tại sao mợ lại đi phục hồi chủ quyền cho nó?

Chị Bốn vẫn chống chế, mà van lơn:

— Sáu! Mày nghi ngờ gì mợ đấy? Có gì mày cứ nói toạc ra, rồi

khuyên bảo cậu mợ. Mà ý hiểu chính sách, chứ cậu mợ đâu có hiểu, Sáu!

— Mợ đã tìm thằng Tư Huệ Héo điều đình riêng.

Chị Bốn giãy nảy lên lên thề thốt:

— Ai nói với mày vậy? Nó vu cáo mợ, mày không cãi cho mợ mày được một câu sao Sáu. Tao thề có Trời có Phật...

Con Sáu Ty ngoay ngoáy bỏ đi:

— Nay mai rồi mợ sẽ cãi lấy.

Chị Bốn tuyệt vọng, gọi với theo:

— Sáu. Ngày một giỗ bác Hai, mày nhớ đó chứ, đừng để cậu mợ mời lần nữa nhé.

Sáu Ty là cháu của chị Bốn Chia Vôi. Mẹ nó chết sớm. Ngày nó còn bé, chị Bốn thỉnh thoảng tới nhà, lôi nó ra tắm rửa, kỳ cọ, giặt giũ quần áo cho nó. Bây giờ Sáu Ty làm cán bộ, trở lại khắt khe với chị. Ở cái tuổi của chị, lớn lên trong hoàn cảnh của chị, chị không tự cắt nghĩa nỗi sự hằn học của con Sáu Ty. Chị không tranh giành quyền lợi của cái của nó, tại sao nó có thể ghét chị đến thế? Lý do chính trị là cái gì, chị không hiểu.

Những lần bị Sáu Ty chèn ép, làm khó làm dễ thái quá, chị đi phân trần với người này người kia: Mới ngày nào chị vừa kỳ ghét trong nách trong háng của nó vừa la mắng nó, cốc lên đầu nó, chị coi nó như con như cái. Một đứa con nít như thế! Chị than trời trách đất.

Chị gặp Sáu Ty hôm trước, thì hôm sau ban tự quản thôn gọi chị tới cho biết là phần ruộng tịch thu của Tư Huệ Héo chia cho chị bị rút lại cấp cho ông Tam Khoang.

Sự đen đui này tiếp theo sự đen đui khác. Thăng con trai của chị mới mười bảy tuổi tự xưng nhảy đại vô “lực lượng”. Ở địa phương chị, người ta vẫn gọi tắt như thế cái lực lượng võ trang của mặt trận Giải phóng. “Vô lực lượng thì có súng để mang. Vô lực lượng, ta đòi làm thịt đứa này, đòi hạ đứa nọ, nửa đêm bắt thần về làng, thiên hạ cuống cả lên; không vô lực lượng thì cũng phải đi lính quốc gia, mà lính quốc gia ở ngoài sáng, lực lượng ở trong tối để bắn ra v.v...” Không biết ai đã dụ dỗ, rủ rê nó mà thằng nhỏ bỏ nhà theo lực lượng. Chị Bốn Chia Vôì hết nghi người này lại ngờ kẻ khác; chị oán chị trách.

Ba Càng Cua có hai đứa con trai, một đứa vô nghĩa quân, đóng tại quận, một đứa học trung học, đi Quang Trung, gần lon trung sĩ. Ba Càng Cua vẫn ở lại làng. Nhưng sau khi thằng con chị Bốn Chia Vôì vô lực lượng ít lâu, bỗng một hôm, vào mùa gieo, trời chưa sáng, đường còn lờ mờ ánh trăng, Ba Càng Cua đánh bò gồng gánh ra đồng. Người ta yên chí là đi gieo. Cứ thế, qua khỏi các chỗ canh gác, gia đình Ba Càng Cua đi thẳng xuống quận lánh cư. Đến trưa, ập vào xét nhà Ba Càng Cua thấy thứ gì thứ nấy đã dọn sạch. Thì ra trong cái gánh mà người ta tưởng là gánh lúa giống để gieo ấy anh ta trói nhốt năm con gà, vớ mắm muối, thuốc, lư đồng v.v...

Xuống quận được dăm ba hôm, Ba Càng Cua bắt đầu phát biểu cảm tưởng lai rai. “Con Sáu Ty ngày nào nó cũng lọt vào nhà người ta vài bận. Nhà có bao lúa nào nó dòm lũng bao, có niêu cơm nó dòm lũng niêu. Con đó còn sống ngày nào, xóm làng

còn điều đúng ngày ấy. Con Bồn Chìa Vôi, con mẹ trời đánh sinh ra thằng con trai nghịch hết nói được. Nó mà nhảy núi chuyển này, nguy hiểm lắm. Tôi cho thằng đó nguy hiểm nhất.” Bấy giờ người ta mới nhớ ra trước kia giữa nó với thằng con trai của Ba Càng Cua có nhiều chuyện hiểm khích rắc rối.

Chẳng bao lâu sau đó, cậu nghĩa quân này bị phục kích, trúng đạn hồng mắt con mắt bên trái, gò má lủng lổm đóm.

Mấy lần chị Bồn Chìa Vôi đi chợ quận bị mụ vợ Ba Càng Cua đón đường, may mà đón hụt. Anh Ba Càng Cua lồng lên như gà mắc đẻ. Anh quả quyết đến lúc phải tảo thanh gấp cái làng ấy, nếu không cả quận này không yên. Anh chủ trương mở hành quân cấp tốc về làng. Ý kiến ấy, anh tìm Tư Huệ Héo đề trình bày, rồi gặp người nào — nhất là lính — anh cũng nói. Anh hy vọng ý kiến tới tai ông quận. Nhưng anh nói mãi, ý kiến chẳng đi tới đâu. Bỗng một hôm, một chiếc máy bay lướt nhanh qua làng, có kẻ nào đó dùng súng trường “bia” một phát. Chiếc oanh tạc cơ quành lại, bắn, bỏ bom loạn xạ. Mười ngôi nhà cháy, hai người chết. Trong hai kẻ xấu số, một là chồng chị Bồn Chìa Vôi, bị cắt đúng nửa thân người. Đêm ấy chôn cất xong xuôi, mờ sáng hôm sau, cả làng đón một cuộc hành quân. Lần này Ba Thiên cũng lại suýt bị tóm, nhưng vẫn chưa bị tóm. Đạn đuổi sau lưng y. Cán bộ thôn hao hết thêm ba mạng. Ban tự quản gần tan rã. Thế nhưng Sáu Ty thì thoát, và Ba Thiên cũng chỉ suýt bị bắt.

Rồi Hai Mỏ Gậy lánh cư. Rồi Năm Cán Vá cũng bỏ làng ra đi. Nhưng chị Bồn Chìa Vôi thì ở lại, để thỉnh thoảng còn hy vọng gặp thằng con trong lực lượng. Chị cần đỡ dành để nó rời bỏ lực lượng, ít ra nó đừng có “bia” vu vơ vào một chiếc phi cơ

bay lè, vào một anh địa phương quân lơ thơ về thăm vợ v.v..., đừng có gây rắc rối làm cho cả làng bị tai họa lây. Chị Bốn Chia Vôi ở lại làng, chịu khổ chịu sở mà ở lại. Nhưng mãi không gặp được đứa con. Chị ở lại chỉ để có dịp chôn xác con Sáu Ty.

Sau đó, một đại đội quân quốc gia về đóng tại làng. Ba Thiên bỏ nhà nhảy núi. Cậu em vợ của chú Ba cũng nhảy theo. Trước khi đi, nó năn nỉ rủ đứa con gái đầu lòng của chị Bốn Chia Vôi. Đứa con gái khóc ti tê. Chị Bốn biết được, chị quát mắng; cậu kia van nài, xin cho nó cưới. Cứ cho nó cưới, rồi thì vợ nó ở lại làng cũng được. Chị Bốn không cho.

Anh em Ba Thiên đi rồi, bốn tháng sau đứa con gái chị Bốn phải lòng một anh hạ sĩ quốc gia. Chờ mãi tang anh Bốn, chị cho cưới. Đám tiệc gần tàn, lúc ấy vào khoảng tám giờ rưỡi tối. Có người đứng ngoài rào nói vọng vào nhà: “Khách khứa hai họ còn cả trong ấy chứ? Xin có quà mừng nhé.” Tiếp theo, một trái lựu đạn rơi xuống, nổ ngay trên thềm nhà, bốc văng mái trước, phá nát hết cửa lớn cửa nhỏ. Đứa con gái thoát nạn, không bị thương tích gì. Nhưng anh hạ sĩ chết ngay tại chỗ, còn chị Bốn Chia Vôi thì đứt đi nửa ống chân, khắp người lỗ chỗ đều có mảnh lựu đạn ghim.

Mở mắt, bắt gặp tôi tình cờ lảng vảng trong bệnh viện tỉnh lý, chị Bốn Chia Vôi mừng rỡ, kêu lên: “May ơi là may! lại gặp bà con. Ông Trời có con mắt, không nỡ hại người hiền lương lòng ngay dạ thẳng.”

Chị nức nở. Chị cảm động. Chị đội ơn Trời Phật đã xui khiến người ta đưa chị đi bệnh viện kịp thời, xui khiến chị gặp lại tôi. “Thế này là tui không bơ vợ, tui có chỗ nương tựa rồi. Tui

sống rồi. Nó hại tui, nhưng Trời Phật thương tui, bà con thương tui v.v...”

Tôi thuật lại câu chuyện, cả nhà không biết nói sao. Chỉ có chút thắc mắc là chị Bốn nữ đem cỗ thợ đường của bà tôi bán đi. Chỗ thắc mắc ấy, tới khi các vết thương gần lành, hàng ngày ra vào gặp nhau trò chuyện, rồi chị Bốn cũng dò hiểu tâm lý chúng tôi. Và chị chấp hai tay trước ngực van vái: “Xin Trời Phật chứng giám, tui có lòng nào, xin cho bom đạn phân thây tui ra.” Xong chị buông tay xuống trọn tròn mắt, kể đầu đuôi tự sự: Đêm nọ, vào quá một giờ sáng, cán bộ gọi cửa, đồng bào thức giấc trông thấy “giải phóng” kéo về thật đông. Nhà nào có thợ đường của ông già bà cả đều bị trưng thu trưng dụng. Quyết định xong, thi hành liền. Bao nhiêu cỗ thợ đường trong làng bị họ khênh ra hết. Khênh ra ngoài bóng tối, lao xao một lát, rồi biến đi đâu mất. Như thế tức là vừa có dụng độ gần đâu đây, bên lực lượng bị thiệt hại nặng về nhân mạng. Sáng ra ban tự quản cấp cho mỗi thợ đường có chủ thứ tốt năm trăm, thứ xấu ba trăm. Chị Bốn ChiaVôi nêu lên vấn đề cỗ thợ đường của bà tôi. Sáu Ty hỏi: “Ai là chủ đây?” Chị đáp: “Có tui. Tui nhận thay.” Sáu Ty: “Ừa, lại mợ.” Thế rồi nó bác bỏ, nhất định nó bác bỏ, không cho chị nhận xu nào. Chị Bốn lại chấp hai tay trước ngực: “Có Trời Phật chứng giám, con đòi chúng nó năm trăm đồng có phải để con tiêu đâu. Định tâm giữ đó rồi nộp lại bà. Bà đã gởi gắm thứ nợ thứ kia cho con, con không giữ nổi để chúng nó lấy cả đi mà không bồi thường đồng nào, con còn mặt mũi nào gặp lại bà.” Chị đau đớn, gần khóc. Ruộng của chúng tôi, bò của chúng tôi, chị đòi cày, ấy cũng là để giữ lấy nộp lại bà. Không thì mặt mũi nào.

Nhưng con sáu Ty, khiếp, nó nghiệt ngã không tưởng tượng được. Nó xoi mói, vạch kẻ từng ly từng tí. Mỗi lần chị đi nộp lúa đảm phụ, nó chê lúa lép, đem ra giê lại; lúc đưa vào cân, thiếu mấy trăm gam nó cũng đuổi về không nhận. “Con hết lời với nó: ‘Sáu, mày nghĩ lại, hồi nào mợ hốt cứt hốt đái cho mày, mợ rửa háng rửa khu cho mày. Mày nhận cho mợ đi, thiếu bao nhiêu rồi mợ sẽ đem thêm tới nộp đủ.’ Nhưng mặt nó cứ như sắt nguội. Thưa bà, lòng dạ nó không như lòng dạ mình đâu. Minh thì dễ xiêu, chứ nó...” Nó, con Sáu Ty, nó là thứ người kỳ lạ lắm kia. Chị Bốn Chia Vôì chòm tới, níu vai cô tôi, kéo lại thì thảm một lát. Cô tôi xô chị ra: “Mụ nói cái quỷ gì đấy? Có thật không?” — “Trời Phật chứng giám, nó không còn ở đời nữa, tui đặt điều thêm thắt cho nó làm gì. Vừa với thằng Ba Thiên vừa với thằng Bướm. Ít nhất hai thằng...” Chị níu vai cô tôi, thì thảm vào tai. Một lát, cô tôi xô chị ra, đỏ mặt: “Mụ nói yêu nói quỷ”. Chị Bốn nhiệt liệt: “Có Trời Phật... Con mà nói dối! Rõ ràng khi con trông thấy thì đùng quăn nó hãy còn ướt nhẹp...” Chị vội vàng đưa hai bàn tay bụm miệng lại. Nhưng chậm quá, mọi người vừa kêu la phản đối vừa sặc lên cười. Thấy thế, chị tự cho phép bỏ bàn tay che miệng ra, và tiếp tục kể. Hôm con Sáu Ty bị phục kích bắn ngã, đồng bào ai nấy đều bảo nhau như thế là phải, không tránh khỏi: nó mang nợ với đồng bào nhiều quá, nó phải trả. Nghĩa quân dưới quận nhấn về làng bảo: “Thân nhân con Sáu Ty, ai chôn cất thì hãy cột chân mà lôi, đừng nâng đầu.” Vừa lôi xác nó nhúc nhích một cái là quả lựu đạn cài sẵn dưới đầu phát nổ ngay. “Con nghe tin. Con vội vàng tay xách một ấm nước đầy tay mang theo chiếc chõng tre. Con chạy thẳng ra gò định khiêng nó lên chõng, rửa ráy sạch sẽ, mặc lại đồ đạc tử tế cho nó trước khi đặt nó vào áo quan. Thưa con đã kỳ cộ khắp người nó trước

kia, bao giờ con cũng coi nó như còn nhỏ. Con thương nó. Nhưng trời ơi, lúc tới nơi lật manh chiếu ra trông thấy cái xác không đầu, con không còn hồn vía nào nữa. Con quăng cái ấm đổ nước tung tóe, nhảy ngược lại, con khiếp quá, không dám hé mắt nhìn nữa. Thưa có Trời Phật chứng giám... con thương nó lắm kia. Mình ăn ở lòng ngay dạ thẳng v.v...”

Vừa bắt đầu chống nạn đi lại được, chị Bốn Chia Vôi đã hoạt động. Chị nấu giúp ấm nước cho người này, mua giùm lon sữa, trái chuối cho người khác v.v... Chị được các bệnh nhân khác cho tiền tiêu. Chúng tôi có cảm tưởng một mai lành bệnh hẳn, chị có thể xin một chân giúp việc nhẹ trong bệnh viện có lẽ cũng không khó. Như thế chị sống ở thành phố, xa lánh chỗ nguy hiểm. Bây giờ chị tàn tật rồi, không làm được việc nặng, về quê làm gì sinh sống nữa?

Trong lúc ấy, một vài người ở làng trốn ra bảo với chúng tôi: “Nghe nói đứa con trai của mẹ Bốn ném lựu đạn vào nhà giết chị đấy. Chị nó lấy lính quốc gia là lấy kẻ định giết nó. Nó phá đám cưới. Còn con Sáu Ty? Thì chính là mẹ Bốn dẫn đường chỉ lối cho nghĩa quân phục kích chứ còn ai vào đấy?”

Chị Bốn không phải không nghe phong thanh những lời như thế. Chị khinh thị: “Quân ấy chỉ được cái đầu giả. Thời buổi này nhà nào ở thôn quê không thế: con bên này cha bên kia, anh bên này em bên kia. Hễ cứ em bị bắn chết là tội nó đồn anh hại, cha bị mìn là con hại. Nó chia rẽ. Nhưng nó qua mặt con này sao được? Rõ ràng tiếng nói ngoài rào tối hôm đó là tiếng thằng Bướm, con này lạ gì”. Chị cười gằn khó hiểu.

Thế rồi ít lâu, không gặp chị Bốn nữa. Hỏi lại thì ra chị đã rời tỉnh lỵ. Chị đã về làng.

Ở thành phố, nhà chúng tôi cũng được trang điểm một cách rất nhàm như hầu hết những nhà khác: Mặt tiền không còn được mấy tí đất, vài chậu hoa nép sát hè, dưới bóng một cây bông giấy đỏ. Thường, trong vườn nhà trồng hoa phía trước, ở đô thị, đã có chín nhà trồng bông giấy. Giống cây mạnh lạ lùng, không cần chăm nom gì mà nhiều lá nhiều hoa. Càng khô nắng lại càng nhiều hoa.

Một buổi sáng, nhân theo dõi một nụ lan huệ tôi để ý đến một vệt trắng trên lá lan. Xem đi xem lại, tôi bỗng phập phồng phần khởi: phân chim.

Tôi không còn bé nhỏ nữa, ồ không, tuổi nhỏ của tôi đã cách biệt xa tít, đã bị cuộc chiến tranh, nói đúng hơn là hai cuộc chiến tranh, che khuất từ lâu. Thật bất ngờ, tôi không tưởng tượng rằng hi vọng bắt được một con chim có thể gây nơi lòng mình một xúc động vui mừng như thế. Y như ngày nào còn bé thơ. Thế mới biết mối cảm tình giữa người và chim thực sâu xa vô hạn.

Ở thành phố, từ lâu chúng tôi không được gần gũi chim chóc. Tưởng đã quên chúng, nhưng kỳ thực đâu đó trong lòng vẫn tiềm tàng một khao khát nhớ nhung. Bỗng nhiên gặp một giọt phân chim, niềm vui bùng dậy. Thế ra đêm đêm vẫn có chim ngủ sát ngoài hiên nhà? Ở đâu? Trên một nhánh bông giấy nào đó chăng?

Buổi tối, tôi rình chờ, không thấy con chim nào về ngủ cả. Vài ba hôm sau, trên lá lan, lại có một hạt phân chim trắng trắng nữa. Tối đến, rón rén ra xem vẫn không thấy chim đâu. Thì ra mãi đến lớn, sống quá nửa đời người tôi vẫn không tìm được cơ hội tự mình bắt con chim tự do. Tôi chỉ có thể thưởng thức

cái thú vuốt ve, ngắm nghía những con chim do chị Bốn Chia Vôi cho. Tôi nghĩ đến chị Bốn.

Chị trở về làng làm gì? Chị đã mất một người chồng, một đứa con rể ở làng. Chị đã mất đi nửa ống chân và quá nửa ngôi nhà ở làng. Một đứa con gái dở dang và một đứa con trai thất lạc... Như vậy không đủ ê chề rồi sao? Chị còn trở về làng làm gì với thân hình thủng nhiều vết và với cặp nang? Dĩ nhiên không phải vì mấy đám ruộng và mấy con bò của chúng tôi. Tôi lấy làm hổ thẹn và hối hận. Sao trước kia chúng tôi có thể bất bình với chị vì những thứ đó được nhỉ? Nó nhỏ mọn biết bao! Chúng tôi đã sợ hãi, đã bỏ chạy. Cái nơi mà chúng tôi lánh xa, chị Bốn nhất định lần về. Lần này, tôi tin thái độ của chị không do lòng tham lam. Để có thể thân nhiên trở về chỗ tử địa, chỗ sấm sét ấy, con người phải được hướng dẫn bởi một thứ tình cảm mãnh liệt. Không biết là thứ tình cảm gì, tốt hay xấu, nhưng nó phải thực mãnh liệt. Chỉ nghĩ đến mức độ mãnh liệt ấy đã cảm thấy mọi so đo tính toán đều nhỏ mọn, không xứng.

Chị Bốn Chia Vôi về làng được ba tháng, có người nói chị bây giờ như con hổ thọt. Chị dữ tợn vô song. Thăng Bướm — em vợ của Ba Thiên — bị phục kích hai lần, đều do chị mách. Ba Thiên cho vợ về quận qui chánh. Thím Ba nhờ Hai Mỏ Gậy vận động với Tư Huệ Héo, tìm cách đưa chồng trở về. Nhưng chị Bốn Chia Vôi thì cứ lồng lên: Nó mang nợ với đồng bào nhiều quá lắm. Nó phải trả. Hồi chánh thế nào được.

Chị Bốn đứng về phe nhất định đòi nợ. Họ rình rập, nghe ngóng, thề không để cho Ba Thiên lọt tới cơ quan hữu trách. Họ phải đón Ba Thiên giữa đường.

Lấy oán báo oán, oán oán chập chồng. Biết bao giờ gỡ xong. Nhưng họ say rồi, họ bị thu hút vào cơn lốc.

Một buổi sáng vô vị ở chỗ đô thị, nhìn giọt phân chim nhỏ trên lá tôi bồi hồi nghĩ đến chị Bốn Chia Vôi. Cuộc đời của chị, ngày nay, bỗng nhuốm vẻ bi đát, khốc liệt, làm cho sự yêu ghét trách giận của những kẻ ở chỗ yên ổn như tôi đều không xứng đáng. Chị Bốn Chia Vôi, người đàn bà thô tục, tuếch toạc ấy.

Cuối năm, chúng tôi càng chú ý nhiều hơn đến mấy chậu hoa trước hè. Do sự chăm sóc ấy, tôi có dịp làm gãy một nhánh lan.

Thứ lan huệ, hoa nó màu tím, cánh mỏng, trông rất mong manh. Nhất là hoa nở ở đầu chót một cọng tròn bằng que tăm mà dài ngót nửa thước tây, vì vậy càng có vẻ mong manh. Mỗi cơn gió thoảng làm chùm hoa gật gù gật gù, cánh hoa mấp máy rung rinh.

Tiệc nhánh hoa, tôi đem cắm nó vào một ly nước. Sáng hôm sau, vẫn còn tươi, tuy không nở thêm chiếc hoa nào. Đầu cành có hai hoa nở, một nụ lớn, hai nụ bé; và tình trạng vẫn nguyên như thế sau hăm bốn giờ.

Sáng ngày sau nữa, trông lên bàn, thấy nó vẫn còn đó, mong manh mà nguyên vẹn. Tôi ngạc nhiên. Nụ lớn bằng đầu ngón tay út, vẫn cứ no đầy, tuy không hé ra nổi. Suốt ngày hôm ấy, thỉnh thoảng tôi thăm chừng. Nó có vẻ cầm cự được đến chiều. Chiều, quả nhiên vẫn tươi.

Hôm sau, thức giấc, tôi ngược mắt tìm nó liền. Vẫn tươi. Sau bảy mươi hai giờ, chỉ được tiếp tế nước qua một nhánh nhỏ như que tăm, cả hoa cả nụ vẫn không hề hấn gì. Cánh hoa

mỏng như tờ giấy, sức chịu đựng của nó bền bỉ lạ. Tôi càng tò mò.

Hôm sau nữa, cuống hoa bắt đầu nhăn ròi. Tuy vậy tất cả chưa sụm hẳn. Nó còn đương đầu nổi ít ra trọn ngày hôm ấy. Chín mười sáu giờ? Mấy đóa hoa mong manh như thế, lia khỏi thân cây, vẫn tiếp tục tươi tắn trong khoảng thời gian đủ cho quân đội Do Thái phát khởi và kết thúc một cuộc chiến tranh.

Chiến tranh có thể có những hình thức bạo liệt mà chớp nhoáng như vậy. Nghĩ đến cuộc chiến tranh ấy rồi nghĩ đến thứ chiến tranh trên đất nước mình! Nó phát khởi từ ngày chị Bốn Chia Vôì chưa chồng cho tới ngày nay, đưa con trai của chị đến tuổi gia nhập “lực lượng”, vắc súng “bia” lên trời đoàn đoàn. Nó phát khởi từ ngày chị Bốn Chia Vôì rửa ráy kỳ cọ khắp người con Sáu Ty, cho đến ngày nay Sáu Ty trở thành cán bộ chấp hành chính sách một cách khắt khe, ngã gục, để không còn đầu cho chị Bốn rửa lần cuối.

Người ta vẫn trách nền văn hóa chúng ta thiếu những công trình đồ sộ: không có Vạn Lý Trường Thành, không có Đền Thiên Đế Thích, thậm chí cũng không có những kiến trúc bằng gỗ tháp Chăm. Hôm nay thì chúng ta có thể vênh mặt lên vạn hỏi: Thế cuộc chiến tranh phần tư thế kỷ của chúng tôi? Vĩ đại chớ?

Và chắc chắn không còn ai dám cãi. Đánh nhau vào hậu bán thế kỷ thứ hai mươi không phải là trò chơi. Hãy tính số bom rơi trên đất nước Việt rồi chia cho từng đầu người xem; hãy tính số phát đạn cỡ lớn cỡ nhỏ bắn ra trong một trận đánh tại Việt Nam xem; chúng ta có ngay những con số danh dự, khả dĩ

so sánh với bất cứ thành tích của bất cứ cuộc chiến tranh quốc tế nào, từ Thái Bình dương qua Đại Tây dương.

Trong những trường hợp hùng biện long trọng, trên các diễn từ, tuyên ngôn v.v... ít khi các chính khách quên nhắc đến hơn hai mươi năm khói lửa, phần tư thế kỷ quằn quại v.v...; trong thơ phú văn chương, văn nhân nghệ sĩ cũng không ngớt nói đến phần tư thế kỷ quằn quại, hơn hai mươi năm khói lửa. Con số càng lớn, khả năng xúc động càng cao. “Phần tư thế kỷ... dân tộc đau thương...”, lắng kỹ mà nghe: trong câu văn, trong giọng nói của những kẻ đề cập đến cuộc chiến tranh vĩ đại in tuồng có ngằm phảng phất chút gì như sự kiêu hãnh! Không sao?

Đối với những người như chị Bốn Chia Vôi, một phần tư thế kỷ trước, chỉ thấy ở chị mấy nét tinh ranh, tính chai lỳ, lối ăn nói tục tĩu. Đã hẳn không phải đó là những nét quý đáng mơ ước. Nhưng những gì nhận thấy ở chị một phần tư thế kỷ sau thực đáng ngại. Có phải đích là chị đã lập tâm hại con Sáu Ty? Tôi không dám tin hẳn lời đồn của nhiều người. Tuy vậy những khi chị Bốn Chia Vôi thuật lại cái chết của Sáu Ty và kết thúc: “Con thương nó, con thương nó lắm kia”, trông nét mặt và nghe giọng nói của chị có cái gì rờn rợn. Chị có giết người hay không giết người, có “đòi nợ” hay không “đòi nợ”, những gì xảy ra ở chốn hỗn độn ấy đều vô bằng, khó minh xác; nhưng trong tâm hồn chị rành rành đã có một yếu tố mới. Nó làm cho lời ăn tiếng nói chị khác đi, hành vi phong thái của chị khác đi, khác trước một cách đáng sợ.

Mà chị biết làm sao được? Chị sống giữa hoàn cảnh như thế, trong hòa ngục, trong giết chóc, xấu xí hàng ngày, chị phải tả

HUYỀN ÁI TÔNG

xông hữu đột đễ tranh sổng. Làm sao ngăn cản ảnh hưởng một hoàn cảnh ác liệt như thế khỏi thấm nhiễm vào tâm hồn chị? Ngày một ngày hai, chị biến cải. Cuộc chiến kéo dài lâu quá: Trong nguy biến chị phản ứng tàn nhẫn, rồi quen với những phản ứng ấy.

Mai sau, khói lửa với quần quai chấm dứt, nhưng cái nét tàn nhẫn nọ rồi có sẽ lưu lại như một di tích trong tâm hồn chị và những người như chị, lưu lại như một thêm thắt vào cái vốn các đặc tính truyền thống của dân tộc chẳng?

Chém giết, dù kịch liệt đến thế nào, trong một trăm, hai trăm giờ rồi ngừng, thì chuyện có thể trôi qua. Nhưng chém giết lọc lừa suốt phần tư thế kỷ, như thế liệu có thành một tập quán sinh hoạt gây tệt hại tâm lý lâu dài?

Tôi theo dõi con chim quý báu ở đô thị nép ngủ trước hiên nhà tôi. Buổi chiều, không hề trông thấy nó về. Tối, nửa đêm, tôi thình lình rón rén hé cửa bước ra, soi tìm. Vẫn không thấy. Một đêm mưa lạnh, tôi nghĩ nó phải tìm xuống đậu những cành thấp. Họa may dễ trông thấy hơn chẳng. Tôi hé cửa, rón rén. Lại chẳng thấy gì.

Ngẫu nhiên, một buổi sáng, trên bàn viết tôi bắt gặp một vết phân trắng y hệt trên lá lan. Thế này thì là một chú thạch sùng rồi!

Trời, lẫn lộn chim chóc với bò sát. Sự ngộ nhận không thể tha thứ được. Cuối năm, tôi ghi nhận thêm một sự sai lầm nham nhở, bẽ bàng.

(1967)

Mặc Lâm phóng viên đài RFA có nhận xét tổng quát về Võ Phiến trong bài *Giới thiệu nhà văn Võ Phiến* như sau:

Nói đến Võ Phiến, những người đã từng được gặp ông sẽ nhớ ngay đến phong cách của một người bình dị đậm chất làng quê trong cách cười cách nói của ông. Người đọc có cảm tưởng rằng Võ Phiến đem cái cách mà ông nói năng hàng ngày vào các tác phẩm văn học của ông một cách dễ dàng. Ông mang cái dí dỏm của văn nói lồng vào những nhận xét tinh tế của văn viết khiến tác phẩm của ông vừa có cái cái duyên của truyện kể nhưng lại không hề thiếu tính uyên bác và cái mẫn cảm cần có của một nhà văn.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Phiến Web: tvvn.org
- Mặc Lâm *Giới thiệu nhà văn Võ Phiến* Web: rfa.org
- Võ Phiến Web: smashwords.com

23) Hoàng Bảo Việt



Hoàng Bảo Việt Nguyên Hoàng Quới (1934-)

HUỶNH ÁI TÔNG

Hoàng Bảo Việt hay Nguyên Hoàng Bảo Việt, tên thật là Nguyễn Hoàng Quới, sinh ngày 6 tháng 6 năm 1934 tại tỉnh Kiên Giang; nguyên quán tại tỉnh Vĩnh Long. Hoàng Bảo Việt xuất thân là nhân viên ngành hàng không dân dụng, có thời gian đi du học tại châu Âu, là Sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng hoà.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Hoàng Bảo Việt đã bị đi học tập cải tạo tại tỉnh Bình Định và Phú Khánh. Tháng 4 năm 1979, ông đã cùng gia đình vượt biên bằng đường biển sang Indonesia; đến tháng 12 năm 1979, được đi định cư ở Thụy Sĩ.

Ông có bài *Đi tìm thế giới trẻ con* đăng trên Sáng Tạo số 20 tháng 5 năm 1958, đã xuất bản tập thơ *Hy Vọng* (1961), *Những dòng nước trong* (1962), *Quê hương như một thành tích* (1969).

Sau khi đến Thụy Sĩ định cư, Hoàng Bảo Việt đã tham gia vào các diễn đàn văn học nghệ thuật quốc tế, là hội viên của “Trung tâm Văn bút châu Âu” thuộc tổ chức “Văn bút Việt Nam hải ngoại”, thành viên của “Ủy ban Văn bút quốc tế bảo vệ các nhà văn bị cầm tù” (PEN International Writers in Prison Committee (PEN WIPC))

PEN là tổ chức “Văn bút quốc tế” có tên tiếng Anh là Pen International (viết tắt PEN), được thành lập năm 1921, trụ sở chính đặt tại thủ đô London, Vương quốc Anh. Trải qua 85 năm tồn tại và phát triển, đến nay PEN đã có 141 trung tâm văn bút thành viên ở 101 quốc gia và vùng lãnh thổ với khoảng 15 nghìn nhà văn.

Nhóm thành viên sáng lập của PEN gồm John Galsworthy, C.A. Dawson Scott, J. Conrad, G. Bernard Shaw và H.G. Wells. John Galsworthy về sau đã trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của tổ chức này.

PEN đề ra sứ mệnh cao đẹp là: “Thúc đẩy hợp tác trên lĩnh vực văn học, nâng cao sự hiểu biết của các nhà văn trong sự nghiệp phát triển văn học thế giới, bảo vệ văn học trước những mối đe dọa của thế giới hiện đại...”.

Nguyên Hoàng Bảo Việt đã đại diện cho tổ chức “Văn bút Việt Nam hải ngoại” hoặc “Ủy ban Văn bút quốc tế bảo vệ các nhà văn bị cầm tù” tham dự các kỳ Đại hội PEN ở Vienne (Áo-1991), Praha (Séc-1994), Warsaw (Ba Lan-1999), Moskva (Nga-2000), London (Anh-2001), Ohrid (Macedonie-2002), Berlin (Đức-2006)... Ông luôn luôn tranh đấu cho các nhà văn tại Việt Nam bị bắt, bị tù đày vì sự nghiệp của nhà văn.

Tác phẩm:

- *Hy Vọng* (1961)
- *Những dòng nước trong* (1962)
- *Quê hương như một thành tích* (1969).
- *Dấu Tích Phụng Hoàng* (Bạn Văn Paris, 2008)

Trích thơ:

Thăm hiểu

*Mặt trời vừa lên
Đêm nào nổi gió
Loài người mới thức
Màn chưa nên cây
Cây gì không tên*

Chân ai đành nở
Trái chín thơm phúc
Giẫm lên đất này !
Mặt đất vừa nứt
Đêm nào khói lửa
Hạt vàng vụn rơi
Bé còn âu thơ
Nắng hè thêm sức
Roi vọt nguyên rửa
Mưa mùa giúp hơi
Thân gầy xác xơ
Em bé mở mắt
Ngày tháng thoi đưa
Sớm khóc chào đời
Còn nắng còn mưa
Láng giềng cô bác
Còn trời còn đất
Nâng niu nói cười
Còn mâm Bát khuấy
Tập tễnh từng bước
Còn trái Tự do
Lớn khôn lớn khôn
Còn nghe tiếng hát .
Con tôi hạnh phúc
Mẹ ghi mẹ hôn .

Niềm Tin của chúng ta *

Sáng nay dậy sớm
Được tin Anh em
Vừa ngã xuống
Trên quê hương
Yêu quý hơn đời mình
Đứng sát lại

Bạn bè năm châu
Chung một niềm đau
Đồng bào trong ngoài nước
Không đủ lời phần uất
Đọc lên tên từng người.

Sài Gòn của chúng ta
Nặng trĩu những vàng mây tang
Dưới vòm trời Yên Bái
Nửa thế kỷ sắt máu trôi qua
Từ Thực dân đến Cộng sản
Bè đảng bạo quyền Hà Nội
Đem nòng súng Liên Xô
Thay cho máy chém.
Ám sát hành hình
Công khai man rợ
Tôn thờ Staline
Quên hết tình nghĩa đồng bào.
Nhắm bắn Anh em
Việt cộng nhắm bắn
Trái tim linh hồn
Miền Nam
Việt Nam bất khuất
Giặc bao giờ hiểu được vì sao
Khủng bố chẳng làm nao núng
Niềm Tin của chúng ta
Ở ngày mai
Ở tương lai đất nước.

Hai bên bờ Tiền Giang Hậu Giang
Bà Mẹ quê àu ơ tiếng võng
Nấu nung tinh thần Đồ Chiểu
Cờ bay giữa tám long
Bay cao như sáo diều
Anh em yêu nước

HUỶNH ÁI TÔNG

*Anh em quốc gia
Anh em cộng hòa
Sống sót và vượt thoát
Những trại tù tập trung
Tiếp sức khai mở đường
Cho Đông Tiến Tây Tiến.
Anh bỏ Paris trở về
Vì 'Việt Nam Tự Do' không thể mất
Chia tay Tokyo từ biệt Darwin
Kẻ vượt biển người leo núi
Đầu đội mây cao nguyên
Mưa thác lũ vùng ba biên giới
Chị lên Tây Ninh
Rời Bình Dương ngược đèo Bảo Lộc
Tìm hướng đi giữa những chòm sao
Nhờ bà con đùm bọc
Di chuyển xuống miền Sa Đéc Long Xuyên
Nước chảy xiết lúc trăng tàn
Két bè chuối trôi xuôi qua Vàm Cống
Chú bé chẵn trâu ơi!
Bám đất làm giao liên
Cho anh em được gặp gỡ
Giữa rừng U Minh
Trong bưng Đồng Tháp
Ngày đêm cùng nếm mật nằm gai
Khơi dậy tiếp ngọn lửa hồng Nhựt Tảo
Noi gương hào khí liệt sĩ Kiên Giang.*

*Chúng ta không chiến đấu lẻ loi
Ở chung một trận tuyến
Anh em Việt Miên Lào
Cùng uống nước Cửu Long
Lập quốc trên những bãi phù sa
Nhìn đời qua tâm Phật
Cớ sao bị thâm sát*

Bị cưỡng bức nô lệ cúi đầu
Có Bi có Trí có thêm Dũng
Đứng dậy kẻ vai kết Nghĩa lớn
Nhân lên vô hạn tiềm lực sinh tồn.
Chúng ta còn A Phú Hãn
Ở đâu sóng ngọn gió
Trên đất nước bất hạnh này
Thế chiến đã bùng nổ
Kìa những đau thương
Như moi gan xé ruột
Kìa những tổn thất
Như tay rụng chân rời
Chúng ta còn Đông Âu
Ba Lan Hung Tiệp Lỗ
Chịu đựng mãi được sao

Cảnh làm than niềm tủi nhục
Kiếp người nào khác ngựa trâu
Sẽ tước lấy búa liềm
Hạ cây cờ đảng
Búa để đập nát bức màn sắt
Liềm để cắt đứt xích xiềng
Cây cờ đảng để thành cán bút
Dây thép gai mài giữa làm ngòi
Lá cờ đảng tẩy ra màu giấy trắng
Mai sau con em cắp sách đến trường
Học lại Tình tự Quê hương Lịch sử
Chúng ta còn bằng hữu
Đông đảo như muôn trùng sao
Ý thức lấy đà nâng cao hy vọng
Gom góp từng tia sáng
Chấp nối từng cánh tay

Nhen nhúm từng hơi thở
Đội đá đi vá trời
Kháng chiến biết gian khổ
Hy sinh trong âm thầm.

Một ngày một tháng năm nào
Sẽ đến phải đến
Từ Trường Sơn ngó ra biển Đông
Ngân Hà còn lấp lánh
Hồn thiêng núi sông
Mãi mãi thao thức
Giọng ai vừa ngâm nga
Bài thơ Nguyễn Du
Như xâu chuỗi ngọc
Bàn tay ai nâng niu
Dưới làn mưa bụi sương
Đang nhún nhảy
Trên từng lá cỏ
Trên từng sợi tóc
Trên từng mi mắt
Anh em Phục Quốc
Nằm im gởi trái tim
Theo nhịp trống đồng giữa lòng đất
Lời hịch xưa xa vọng về
Báo hiệu mùa Xuân
Rồng bay ngang thành Cổ Loa
Từ chóp đỉnh ngọn trời xanh Tiên Sử
Bát ngát Thái Bình Dương
Dòng suối Lạc Việt
Không ngừng đổ xuống
Cuốn trôi cuốn phăng đi
Những tượng đồng bạo chúa
Những lăng tẩm hung thần

*Cả guồng máy áp bức
Cả tập đoàn phi nhân...*

*Trần Văn Bá
Lê Quốc Quân
Hồ Thái Bạch
Và anh em đồng đội
Vô danh
Vừa tuấn tiết
'Việt Nam Muôn Năm'
Những tiếng hô sau chót
Dù máu tươi thuốc súng đã quánh khô
Ngực cháy bỏng lửa đạn
Vẫn còn âm vang
Át hẳn tiếng tru của bầy lang sói
Tiếng vỗ tay nguy hòa phản bội.*

*Ước mơ của Anh em
Đầy lùi tội ác
Soi thấu đêm đen
Đang phủ trùm thiên đường chết
Quê hương tù ngục lưu đày
Biết bao oán thù chờ cởi bỏ
Biết bao vết thương sâu chưa khâu vá
Ước mơ của Anh em
Nhỏ bật rễ bất công
Vun bón mầm Nhân Ái
Tâm sự không còn dây leo sợ hãi
Cây Hòa bình thơm nức trái Tự do.*

*Cho Bình minh của chúng ta
Hân hoan xòe cánh
Cho bầy bồ câu trắng
Đến đậu bờ vai đàn trẻ thơ
Khoan thai gõ nhịp*

HUỶNH ÁI TÔNG

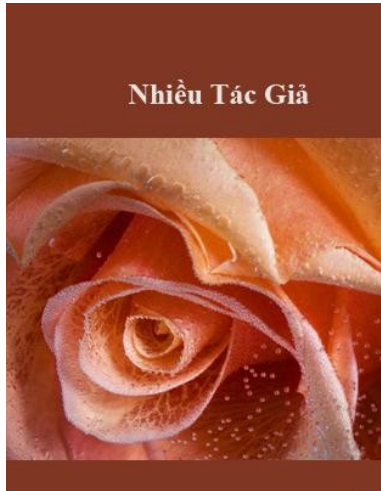
*Cho đôi chim sơn ca
Thôi rụt rè cất tiếng hát
Cho những búp sen thanh khiết
Vươn lên từ đầm lầy
Giữa ngút ngàn điệp trùng bông lúa
Nở rộ thành những gương mặt Người.*

Nguyễn Hoàng Bảo Việt (8.1.1985)

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Bảo Việt Web: giahoi.wordpress.com
- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyền và những người bạn trước khi có tạp chí Sáng Tạo* Web: hopluu.net

24) Nguyễn Duy Diễn



Nguyễn Duy Diễn (1920-1965)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà giáo Nguyễn Duy Diễm (Giuse) bút hiệu Phương Khanh, ông sinh ngày 20 tháng 5 năm 1920 tại Lưu Phương, kế cận Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình,

- Đã cộng tác với tuần báo Tiếng kêu (Phát Diệm 1945- 1952); bán nguyệt san rồi tuần báo Thanh Niên (Nam Định, Hà Nội, 1942 - 1946), tuần san Văn Đàn (Sài Gòn, 1959 - 1964), các nguyệt san Sáng Tạo, Hiện Đại, Luận Đàm (Sài Gòn) ... Trên Sáng Tạo số 22 tháng 5 năm 1958, bài của ông: Phân tích nghệ thuật.

Nguyễn Duy Diễm đã hoàn thành tập thơ Mùa Đòi và tập hồi ký Sống, nhưng chưa kịp in thì tác giả đã từ trần, và rồi cả hai tác phẩm bị môi hủy hoại vào những năm sau 1975.

- Đã dạy văn chương các lớp Trung học tại các trường Minh Tâm (Hà Tây), Khải Minh (Hà Nội), và tại Sài Gòn: Hưng Đạo, Nguyễn Công Trứ, Vương Gia Cẩn, Nguyễn Bá Tông, Lê Bảo Tịnh, Phan văn Huệ, Tao Đàn, Chân Phước Liêm, Văn Khoa, Hàn Thuyên, Tân Thanh, Quang Minh ...

Là nhà giáo gương mẫu, ông được bầu làm chủ tịch Nghiệp đoàn giáo sư tư thục Việt Nam.

Ông từ trần ngày 6 tháng 9 năm 1965 tại Sài Gòn, hưởng dương 45 tuổi.

Tác phẩm:

- *Thanh niên trước vấn đề trong sạch* (1941)
- *Cuốn sách bỏ dở* (Hà Nội 1952)
- *Những ngày đẫm máu* (Hà Nội 1953, Sài Gòn 1956);
- *Đi tìm ánh sáng* (Nam Định 1946);

HUYỀN ÁI TÔNG

- *Thân phận lao động* (soạn với Phạm Đình Tân, Nam Định, 1946).

Và các tập Luận đề về Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Trần Tế Xương, Tự lực Văn đoàn ...

Trích thơ:

Đây, giờ linh thiêng

*Thành Bê-lem, một đêm xưa rục rờ
Cả muôn loài quỳ lậy, tiếng reo vang ...
Đoàn thiên thần so cánh trắng láng láng,
Cao tiếng hát ru trần gian lạnh lẽo.
Nhạc nao nức hương thiên thu tuyệt diệu
Đây vòm trời thơm ngát ánh muôn sao!
Vàng tuôn rơi lấp lánh tự trời cao:
Mưa Hy Vọng kết triều thiên thắm thiết.
Trời đất cũ từ đây thôi cách biệt!
Muôn Trùng Thiêng cầm sắt nốt thang mây ...
Ôi! Thiên Đàng bùng sáng: gió Xuân bay,
Làm tung nở những búp lòng xao xuyến.
Đời đời hương, Nhạc Vàng đương hiển hiện!
Khói trầm dâng ngậy ngát khắp không gian ...
Hồn thể lương bùng tỉnh choáng hân hoan
Nghe rộng mở một Mùa Xuân sáng láng ...*

Trích Tuần san VĂN ĐÀN (Saigon) số đặc biệt Giáng Sinh số 28 -29 từ 17 đến 31 tháng 12 năm 1960

Giã từ đêm tối

*Đêm buông tơ, gió hiền xen kẽ lá,
Ngát mùi thơm, luống đất gợn mình hoa,*

*Ta bước đi, nhịp chân vờn bóng ngả,
Nhạc du vang chìm đọng dưới trăng ngà.
Đường mở rộng sương lên dàn sắc biết,
Chồi thơm tho đưa nở giữa đêm ngàn ...,
Ta bỏ lại nơi muôn trùng thắm thiết
Những Hồn Đêm phảng phất cánh mên mang ...
Tay lưu luyến gạt trắng vàng rơi rụng
(Sáng lung linh làm ngại bước chân đi)
Lòng mường tượng giữa triền năm tháng lụn
Một Mùa Xuân đương nở đợi ta về.
Ta tô lại những khung trời nao nức,
Hồn linh thiêng vờn vợi ý thiên thu ...,
Giọng sa mạc xôn xao nguồn cảm xúc
Qua thời gian hằng đượm dáng hiền từ.
Ta trở lại với hồn người, Đất Nước!
Niềm hân hoan thắm thắm vợi lòng sâu ...
Và nghe nở dưới chân kẻ điệu bước,
Muôn dòng đời bát ngát ý ca dao.*

Trích Tuần san VĂN ĐÀN (Saigon) đặc biệt Xuân Tân Sửu
1961 Số 34-35 phát hành ngày 4/2/1961

Màu thương nhớ

*Mưa thu về đâu đây,
Rung rung màu thương nhớ.
Ta lượm tờ lá úa
Chiều xuống: Trầm say say,
Khói tím mây...
Sương đâu lam biếc toả đầy,
Nương chiều bóng ngả, đêm dài nghe chuông.
Hồi đâu tay môn búp hương,
Hàng mi sâu đọng mấy đường tơ trắng?
Lạnh tiếng đàn
Tình tang...!*

HUỖNH ÁI TÔNG

Mùa thu
Ôi mùa thu!
Mong manh
Tay tháp bút,
Màu thư xanh!
Nghiêng nghiêng dòng chữ ướt,
Thương nhớ dài năm canh.
Dáng người thon nhỏ,
Mắt đưng hồ đời...
Trầm khúc nhạc gió về: đâu hơi thở?
Ta rùng mình vai lạnh: Nắng trắng rơi...
Phơi áo mùa thu,
Gọi về trong gió mơ xưa,
Màu xanh thư cũ bơ vơ giọng sầu...

Xây dựng

Ta sực tỉnh vươn mình trong ánh sáng,
Mắt trũng sâu sau giác-mộng-kinh-hoàng,
Lửa bập bùng rờn rợn tiếng âm vang
Của vũ trụ găm la trong tội ác.
Ta đi sâu dưới khung trời ngơ ngác,
Bóng triều dương vàng tím đậm linh hồn.
Rừng cô liêu bạt rẽ, núi hồng hoang,
Ngọn sụp đổ chắn ngang thiên thế kỷ.
Khắp đây đó nắm xương mòn biến thể,
Xác phi cơ (chùn vỏ) chúi bên đường,
Đống gươm cùn, trái phá ngậm phong sương
Nằm tro trên thẹn bốn mùa hoa cỏ.
Ta bước qua những đống thành nín thở,
Đoàn chiến xa gục đổ dưới lưng hào,
(Chặng) thép gai quần rĩ khóc binh đao,
Một bông lý nở trong lòng đại bác.
Đây bom, lửa khơi tình thương bát ngát,
Đạn cày sâu trong lòng đất khô màu

*(Bóng) Linh-hồn-trọng-đại trút thương đau,
(Và) ngự trị trên lâu-đài-tàn-phá!
Đây sức sống đương tràn theo vạn ngã,
Nhựa băng mình dồn dập dưới chân đi.
Những chồi non từ huỷ hoại tân kỳ
Say đất mới đương hẹn mùa hoa trái.
Chim hy vọng, nghe dòng đời, phấp phới...,
Nhịp lời ca, (xxx) chúng dẫn đường về.
Vui ghen lời, ta góp sóng điên mê
Giữa tàn phá, tô khung trời xanh thắm.*

Lưu luyến

*Gió thơm... thơm nắng tơi,
Lựa trái óng cầm ca,
Chân vướng màn nguyệt lộng,
Đời đậm tứ... la đà...
Đường mòn khơi ý xưa,
Gà gáy: đậu Hồn trưa,
Nhịp nghiêng tan bước vắng,
Xanh ngả rưng loang bờ.
Gió thơm... thơm nắng tơi,
Lựa trái óng cầm ca,
Chân vướng màn nguyệt rộng,
Đời đậm tứ... la đà...
Xưa gầy không đón đưa,
Nương bước đặng Hồn trưa,
Đời lành đâu gỡ nhịp?
Lòng trũng nhớ... reo mưa...!*

Thơ của Phương Khanh Nguyễn Duy Diễm tuy không nổi tiếng như những nhà thơ khác, như bạn thân của ông là Hồ Dzếnh, nhưng lời thơ nhẹ nhàng, ý lạ như:

HUYỀN ÁI TÔNG

*Ôi! Thiên Đàng bừng sáng: gió Xuân bay,
Làm tung nở những búp lòng xao xuyến.
Đời đời hương, Nhạc Vàng đương hiển hiện!
Khói trầm dâng ngậy ngát khắp không gian ...*

(Đây giờ thiêng liêng)

*Gió thơm... thơm nắng tơi,
Lựa trái óng cầm ca,*

(Lưu luyến)

*Rừng cô liêu bạt rẽ, núi hồng hoang,
Ngọn sụp đổ chắn ngang triền thế kỷ.*

(Xây dựng)

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Duy Diễn Web: dunglac.org

25) Ngọc Dũng



Ngọc Dũng Nguyễn Ngọc Dũng (1931-2000)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Ngọc Dũng tên thật là Nguyễn Ngọc Dũng, sinh ngày 16/10/1931 tại Hưng Yên. Khi học ở Hà Nội, Ngọc Dũng cùng Duy Thanh học thêm lớp dạy vẽ tư trên lầu Hội quán Trí Tri, phố Hàng Quạt, Hà Nội, gồm các thầy dạy vẽ giỏi và nổi tiếng đã tốt nghiệp từ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương như Lương Xuân Nhị (1914-2006), Nguyễn Tiến Chung (1914-1976). Hai ông học nhóm do ông Chung hướng dẫn, cũng đi vẽ ngoài trời, vẽ cảnh trong Văn Miếu, chùa Láng, đền Voi Phục, phố Hà Nội, và nhất là hý họa.

Đó là phương pháp căn bản nhất. Vẽ xong, cuối tuần, có khi mời những họa sĩ giỏi khác, chẳng hạn như Bùi Xuân Phái, đến xem và cho ý kiến, nên sau này ông thường thích xem lại tranh của các họa sĩ Nguyễn Tiến Chung, Bùi Xuân Phái... Ông rất quý những người thầy, nên thường nói với bạn bè, chữ Lễ là quan trọng. Anh chơi với bạn, dù nhỏ tuổi hơn, luôn hiền hòa đầm thắm là vậy.

- Năm 1953, Ngọc Dũng cùng Duy Thanh và một người bạn triển lãm lần thứ nhất tại Hà Nội.

- Năm 1954, Di cư vào Nam.

- Năm 1956 Ngọc Dũng lại cùng với Duy Thanh triển lãm tại Phòng Thông Tin Đô Thành số 165 đường Tự Do, góc đại Lộ Lê Lợi với đường Tự Do, Sài Gòn và thỉnh thoảng tham dự những triển lãm khác.

- Năm 1959, Ngọc Dũng triển lãm chung với Thái Tuấn, Duy Thanh, Vị Ý, Lê Thị Quang, Đào Sĩ Chu, Phạm Thị Khánh tại Phòng Thông tin Đô Thành, Sài Gòn.

Năm 1961, Ngọc Dũng triển lãm một mình, với 50 bức tranh sơn dầu đầu tiên ở Sài Gòn vào ngày 1 tháng 5 năm 1961 trong mười ngày. Sau đó, ông triển lãm ở Phòng Thông Tin Huế

HUỶNH ÁI TÔNG

Ngọc Dũng là Thư ký Tòa soạn Tạp chí Văn Nghệ của Lý Hoàng Phong, ông bỏ Văn Nghệ sang cộng tác với nhật báo Chính Luận vẽ biếm họa nổi tiếng với tên TUÝT.

Quan điểm của Ngọc Dũng về Hội Họa, ông đã phát biểu trong chủ đề thảo luận: Ngôn ngữ mới trong Hội họa của Sáng Tạo: *Người làm hội họa như một cốc nước đầy, tự nó tràn ra, muốn thành hình thế gì không biết. Cái quyết định cuối cùng của tác giả là xác nhận những hình thế đó. Hội họa có sự tình cờ (sự tình cờ được xác định) và có những cái ngổ của đường nét, màu sắc. Nếu ở một bức tranh tất cả màu sắc, đường nét đều vừa vặn, hợp lý, bức tranh sẽ biến thành công trình của một người thợ khéo tay. Tôi thù ghét sự khéo tay. Danh từ này tự nó đã loại bỏ tính chất nghệ thuật.*

Sau 1975, Ngọc Dũng định cư ở Hoa Kỳ, nhiều họa sĩ đã phải bỏ nghề để mưu sinh, làm những công việc chẳng dính líu chút gì đến nghiệp dĩ và giấc mộng tinh thần của mình. Ngọc Dũng cũng ở trong trường hợp này.. Trong 25 năm sống đời di dân, thỉnh thoảng mới có vài phác thảo, ký họa vẽ chơi cho đỡ nhớ.

Vài năm gần đây, chúng ta mới được xem vài nét phóng bút của ông, vẽ nhanh bằng mực tàu, in trên vài tạp chí văn nghệ quen thuộc như Văn, Văn Học, Tạp chí Thơ, Thế Kỷ 21 rất tài hoa, thanh nhã.

Do chơi thân với Duy Thanh nên trên sáng Tạo, ông có tham gia trình bày sách, bài thơ *Đêm* của Ngọc Dũng đăng trên Sáng Tạo số 20 tháng 5 năm 1958, rồi sau đó có những bài thơ khác.

Ông có dự định cầm cọ vẽ lại sau mấy năm đã về hưu, công việc chưa đến đâu thì ông đã xuôi tay, bỏ cọ rời màu, để lại bao thương mến cho bằng hữu và giới thưởng ngoạn.

Ông mất ngày 7 tháng 7 năm 2000 tại Virginia, thọ 69 tuổi.

Trích thơ:

TIẾNG HÁT CỦA MẶT TRỜI

*Hãy gỡ đều cho sợi tóc dày
Cùng một lần với tiếng hát nhìn thấp xuống
Với giòng sông nước cuốn chảy mòn
Nước chảy cuốn mòn xô tới chân em
Từng dạ khúc
Và tiếng khóc nhỏ theo từng chút một
Từng chút em từng giọt mưa mau.*

*Đó là bãi cát trâm mình là tiếng động
Của một loài rêu mun
Từ đỉnh tháp
Bàn tay xòe hết không gian
Rồi úp mặt nhìn cùng suốt thân thể
Đó là sự hủy diệt của một chiều ánh sáng
Khi mặt trời sắp mọc khi mặt trời lặn xuống
Biển xô nhanh từng lớp cỏ dài
Đó là sườn núi cô đơn và bí mật.*

(Văn Nghệ 30-4-1961)

NGOẠI Ô

*Người bước đi cúi đầu
Thành phố từ già nhau
Mênh mông mênh mông lạ
Và đêm và đêm thâu*

*Khép cửa ngôi chờ đợi
Bóng tối đi bên ngoài
Âm thanh buồn chơi với
Trời mưa trời mưa mau*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Mỗi người chia tay nhau
Mang theo một thành phố
Khuôn cửa ôm lòng tay
Buồn ơi chiều đại lộ*

*Núi rừng đi gặp gỡ
Gió buồn bay lang thang
Trời mưa trời mưa đổ
Ý nghĩ nhiều quê hương.*

(Sáng Tạo số 25 tháng 10 năm 1958)

Tranh:



Tự họa

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975



Khỏa thân



Sơn dầu 1962

HUỲNH ÁI TÔNG



Sơn dầu Tĩnh Vật



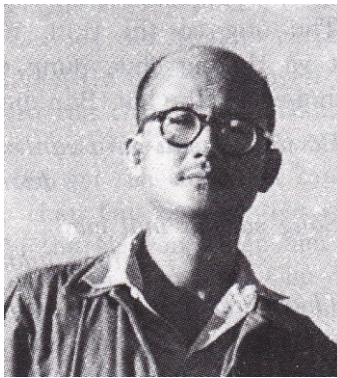
Ngày Đầu Mùa Đông



Boat

Họa sĩ Đinh Cường, một họa sĩ sống gần với Ngọc Dũng trong những năm tháng sau cùng, đã có nhận định về người bạn của mình: *Họa sĩ Ngọc Dũng có cách nhìn trong nghệ thuật hội họa là nhìn và nhìn thấy, chứ không là sao chép như thật. Những ý kiến chính xác của các bậc thầy cộng với tài hoa riêng và nhất là tâm hồn đã đưa những dessin, những tác phẩm hội họa của anh có một dấu ấn riêng, không nhầm lẫn được.*

26) Nguyễn Thiện Lâu



Nguyễn Thiện Lâu (1916-1957)

HUỶNH ÁI TÔNG

Sinh năm 1916 ở Bắc phần. ông có bằng cử nhân, là giáo sư trường Khải Định Huế.

Năm 1945, ông tham gia kháng chiến

Năm 1946, được chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cử giữ chức Giám Đốc Nha Thống Kê, Việt Nam.

Năm 1948, được cử làm Giám Đốc Nha Thống Kê, Bộ Kinh Tế

Năm 1949, được cử làm Giám Đốc Nha Thống kê trong Chủ Tịch Phủ

Sau đó ông rời khỏi hàng ngũ kháng chiến về Hà Nội dạy sử ở Trung học Hàn Thuyên

Năm 1954, ông di cư vào Nam

Năm 1958, trên Sáng Tạo số 22 tháng 7 năm 1958, ông viết bài Một thành tích của một quân nhân Việt Nam, số 26 tháng 11 năm 1958, ông viết bài Một công tác kiến thiết.

Ông mất năm 1967 tại Sài Gòn, thọ 51 tuổi.

Tác phẩm:

- *Quốc Sử Tap Lục* (Khai Trí, 1970)

Trích văn:

Qua cửa, tôi thấy gian giữa, trên một bộ ván thấp, có trải một cái chiếu đã cũ, ngồi tựa lưng vào bàn thờ gỗ mộc, trên có một bộ thờ gỗ mộc, giữa chiếu đặt tích nước, đĩa chén, ngọn đèn Hoa Kỳ và cái điều cây: Đó là cụ Phan. Cụ mặc cái quần nâu

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

đã cũ, cái áo cánh kiểu Huế, có nút cài dưới nách. Cụ ngồi, nhưng tôi nhận thấy Cụ, thân hình vạm vỡ, trán hói thật cao, bộ râu dài, đôi mắt sáng quắc...

(Trích lời tựa Quốc Sử Tập Lục)

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thiện Lâu Web: tvvn.org

27) Mai Trung Tĩnh



Mai Trung Tĩnh Nguyễn Thiệu Hùng (1937-2002)

Mai Trung Tĩnh tên thật Nguyễn Thiệu Hùng. Sinh năm 1937 tại Hà Nội. Tốt nghiệp Cử Nhân Giáo Khoa Triết Học Tây Phương và Văn Chương tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Giáo sư Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng. Ông sáng tác thơ từ khi 15 tuổi và đã có Thơ đăng báo từ năm 1953.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1962, Mai Trung Tĩnh cùng Vương Đức Lệ được Giải Thương Văn Học Toàn Quốc đồng hạng nhì về quyển “40 Bài Thơ”.



Buổi lễ trao tặng Giải Văn chương Toàn quốc ngày 8 tháng 9 năm 1962 tại Sài Gòn .

(Từ trái qua phải :thi sĩ Vương Đức Lệ (giải nhì thơ đồng hạng), nhà văn Nhật Tiến (giải nhất tiểu thuyết), thi sĩ Đinh Hùng (giải nhất thơ), học giả Lê Ngọc Trụ (giải nhất biên khảo), thi sĩ Mai Trung Tĩnh (giải nhì đồng hạng thơ)

Ông bị động viên nhập ngũ khóa 16 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức vào năm 1963, phục vụ trong quân ngũ, cấp bậc sau cùng là Đại Úy.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông bị đi học tập cải tạo đến 7 năm.

Năm 1995, đến định cư tại Baltimore, Maryland, Hoa Kỳ, diện HO.

Nhà thơ Mai Trung Tĩnh qua đời lúc 2 giờ 25 sáng ngày 20 tháng 02 năm 2002 tại Baltimore, Maryland, thọ 65 tuổi.

Tác phẩm:

- *40 Bài Thơ* (cùng Vương Đức Lệ, Bông Lau, 1961)
- *Ngoài Vườn Địa Đàng* (thơ, 1962)
- *Những Bài Thơ Xuôi* (1969)
- *Thơ Mai Trung Tĩnh* (2001 xb tại Hoa Kỳ)

Trích thơ:

Như thế

Vẫn mây trời như thế

Nắng vẫn như thế

Gió và mưa như thế

Nhưng ta không còn phải sống những giây phút như thế

Thành phố ta ở không như thế

Những bộ mặt quanh ta không như thế

Ngôn ngữ ta nghe và báo ta đọc không như thế

Âm nhạc ta nghe cũng không bị nghe như thế

Và những giấc ngủ của ta

HUỶNH ÁI TÔNG

*Những giấc mơ của ta
Không còn bị như thế*

*Duy có một điều
Trong chỗ sâu kín nhất của lòng ta
Ta cảm thấy vẫn còn như thế
Có lẽ mãi còn nguyên như thế.*

(Annapolis, 1995)

KHI NÀO

*Khi nào em mệt mỏi
Thì xin em hãy cầm lấy tay anh
Ấy con đường đưa em tới
Vùng mây trời biển xanh
Khi nào em tội lỗi
Mời em hãy giẫm lên đời anh
Đừng quên anh đã có thừa ô nhục
Và nơi đây cũng không còn thần linh*

...

*Khi nào em tuyệt vọng
Thì xin em hãy cầm dao giết anh
Vì anh như tấm gương soi đối mặt em đó
Vỡ một lần cho xong.*

ĐÃ BẢY NĂM TRỜI TA TRỞ LẠI

*Nhìn xem thành phố ấy ngày xưa
Đã bảy năm trời ta sống lại
Ngẩn ngơ nghe quá khứ mơ hồ*

*Trông lên bảng lạ tên đường lạ
Ta biết thôi xong hết mắt rồi!
Thôi thế là xong rồi, tất cả
Lòng ta sâu ngự mãi không thôi.*

*Ta đi quanh quẩn trong thành phố
Nước mắt bao lần muốn đổ mưa
Một nỗi nghẹn ngào dâng choáng váng
Hết rồi, tất cả đã xa xưa !*

NGÀY MÔNG MỘT TẾT

*Những luồng gió nóng bắt đầu phong tỏa
Giác ngủ trưa trên trụi hai tay xuôi
Tôi đi trốn đời nằm một xó im nghe biển phời mình
thiếp ngủ
Mộng寐 đêm Xuân lụi cháy tàn
Đi hết nhớ thương còn thân thể ngổ
Đi hết cuộc đời không một tiếng vang*

*Đám bạc họp nhau ngoài cửa chờ may rủi
Đã bao giờ canh bạc đời vẫn đen
Con súc sắc sáu mặt lừa dối mãi
Người ta chạy theo không hết giận hờn
Em chẳng bao giờ ở cùng bên
Con súc sắc tôi thăm dò bắt đón
Tiếng ồn ào trong đĩa đã yên
Mở ra tôi vẫn ở bên kia
Âm thầm đợi ván sau
Tôi vẫn hoài ngơ ngác*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Mặt nào giữa trong bát
Không bao giờ đoán ra.*

Tài liệu tham khảo:

- Tư liệu về Mai Trung Tĩnh Web: my.opera.com
- Mai Trung Tĩnh Web: yahooovanhoaviet.com

28) Phan Văn Dật



Phan Văn Dật (1907-1987)

Phan Văn Dật bút hiệu Tiêu Lang, Thường Nga Phố, ông sinh ngày 18-8-1907 tại phủ An Thường công chúa ở xóm Xuân An làng Phú Xuân (nay là phường Vĩnh Ninh - Huế). Chánh quán làng Đạo Đầu xã Triệu Trung huyện Triệu Phong Tỉnh Quảng Trị. Thân phụ là Thị độc đại học sĩ Phan Văn Dư, cháu nội của cụ Phan Văn Thủy - một bộ tướng của Nguyễn Ánh có nhiều công trạng trong quá trình lật đổ Tây Sơn lập nên Triều Nguyễn, sau này được thăng đến chức Đô thông hậu quân

Xuất thân trong một dòng tộc nhiều đời là võ quan nhưng Phan Văn Dật để lại dấu ấn cuộc đời mình trong lĩnh vực văn chương. Điều này chắc chắn ông được thừa hưởng từ dòng máu của người mẹ - bà Trần Thị Hoà - là chị ruột của hai nhà văn Trần Thanh Mại và Trần Thanh Địch, con trai của Lang trung Bộ Lại Trần Nhã. Thuở nhỏ, Phan Văn Dật theo học chữ Hán, lớn lên mới theo học chữ quốc ngữ tại Trường Quốc Học Huế.

Năm 1927, ông tốt nghiệp bằng Thành chung, vì gia cảnh phải thôi học vào làm thư ký tại Sở Trước bạ Đà Nẵng.

Năm 1939, ông về lại Huế làm ở Nha Ngân khố Trung Kỳ, rồi trải qua các sở: Sở Văn hóa, Nha Thông tin, Sở Ngân chánh Huế, đồng thời dạy học tại Trường Nữ học Đồng Khánh và Trường Quốc Học Huế.

Năm 1951, ông làm Chủ sự Phòng Trước bạ Huế. Tháng 11 năm này, ông được cử đi tu nghiệp ở Trường Trước bạ quốc gia Lyon Pháp, cho đến tháng 5 năm 1952.

Năm 1959, ông được biệt phái sang Viện Đại Học Huế, năm sau được cử làm Giảng viên Viện Hán học, sau kiêm cả chức vụ Giám học cho đến năm 1963.

Bên cạnh đó, ông còn nhiều bài viết đăng trên các báo: Nam Phong Tạp Chí, Thực nghiệp dân báo, Thần Kinh tạp chí, Trảng An, tạp chí Khuyến học, Rạng Đông, Cười... Ngoài ra, ông còn để lại một số công trình nghiên cứu và dịch thuật khi Viện Đại học Huế mời ông giảng dạy và tham gia việc biên soạn sử liệu.

HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1964, ông về hưu nhưng vẫn tiếp tục dạy giờ tại các trường Cao đẳng Mỹ thuật, Nông Lâm Súc, trường Bách khoa Bình dân và Trung học tư thục Đào Duy Từ.

Sau hơn mười năm rời bục giảng và cũng chẳng còn viết gì thêm. Phan Văn Dật mất tại Huế vào ngày 11 tháng 2 năm 1987, hưởng thọ 80 tuổi,

Tác phẩm:

- *Bâng Khuâng* (thơ, 1935)
- *Diễm Dương trang* (tiểu thuyết, đoạt giải Tự Lực Văn Đoàn năm 1935)
- *Những ngày vàng lụa* (thơ, chỉ đăng rải rác ở các báo, ở trong các sách hợp tuyển, chưa in)

Trích văn:

Diễm Dương Trang

Phần thứ hai

- II -

Nhà bà Thị Tôn ở làng Giao Thủy cất trên một khoảnh vườn rộng ước năm sào, cách hữu ngạn sông Hương chừng vài trăm thước. Ấy là một kiểu nhà ngói xưa, ba căn hai chái, hướng mặt về phía đông nam và day hông ra đường. Cái đặc sắc của nó là đã trải mấy đời mưa nắng nên trông già cổ như một nếp chùa làng; trên mái đen sì những rêu khô lại lở đổ từng vạt ngói mới; hai con rồng, râu vẩy đứt sứt, vẫn còn giương to đôi mắt châu cái mặt nguyệt cũng chếch mác từ những bao giờ; trông

chúng nó có vẻ gan góc như hai viên tướng già trung dũng cố bền lòng phù trợ cho một nghiệp để suy vi.

Trước thềm lại có treo ba bức sáo lục bỏ xuống tận đất càng tôn cái vẻ kín đáo nghiêm nghị trong nhà. Trong này bài trí rất đơn sơ: ở giữa, là bộ trường kỷ trắc đen nhánh để sát vào một cái án chạm chìm rất tinh xảo, trên đó bày biện năm bày cái bửu vật đã lưu truyền từ đời nọ đến đời kia: lục đồng, điều cần, lục bình, tráo lung, một cái ngỗng sứ ngoài có vẽ trúc lâm thất hiền và hai cái lọ tắm bằng ngà voi tiện. Ngay trên án, và treo nghiêng vào bức liên ba thượng, có một bức hoành sơn đỏ đề hai chữ " Tịnh trai " .

Căn bên tả để một bộ ngựa mít, bên hữu một cái sập quì. Hai hàng cột căn giữa đều có treo câu đối bằng huê mộc, chữ khảm xà cừ, viết một cách rất thoắt, mới trông qua chỉ thấy những cái hình vẽ rối rít như mấy cây thế mà cảnh nọ cảnh kia đoanh quần lấy nhau. Lui vào trong hàng nhất và dựa vào hai bức đó, một bên là cái tủ chè, trên đầu có treo một bức tranh tứ bình vẽ "Nhị thập tứ hiếu", một bên là cái tủ đứng, đều đánh si bóng nhoáng và trông mới hơn mọi vật khác trong nhà.

Sau cùng, là chỗ thờ tự gia tiên có ba bức màn xanh phủ kín. Nhưng cái nhà trên này cũ kỹ, nghiêm nghị bao nhiêu thì ở nhà dưới lại ồn ào tấp nập bấy nhiêu. Hôm ấy, đàn ông, đàn bà, trẻ con tranh nhau làm việc; người giã gạo, hoặc bằng tay, hoặc bằng chày đập, người quán thuốc, xắt thuốc, lại người bỏ bắp, đậu, ớt, cau khô trong từng cái nong kếp sù vào bao, tiếng cười nói lẫn với tiếng chày nện làm rầm rĩ lên một góc vườn.

Giữa cái đám người ăn làm hăng hái ấy, bà chủ nhà cũng giúp vào một tay, đi đi lại lại bày vẽ rất chu đáo. Bà Thị Tồn lúc đó

HUỶNH ÁI TÔNG

vào lối năm mươi tuổi, người hơi cao và có bề ngang, dáng mặt xương, nước da ngăm ngăm đen, trên trán và hai bên má đã có đường nhăn nheo, đầu tóc rẽ ngay cũng vừa lốm đốm bạc. Về mặt tỏ ra người hay trù tính lại quả quyết và có uy, hai con mắt trông vào ai có thể làm cho người ấy dù vô lễ bao nhiêu cũng phải sinh lòng kính nể. Người tuy mau già, nhưng cứ xem cách đi đứng nhanh nhẹn suốt ngày và một mình vằn nổi cái cối xay lớn thì đủ biết bà Thị ăn làm xúc vác lắm.

- Biên đâu! Bà lên tiếng gọi.

Một cậu con trai trạc chừng mười bốn mười lăm tuổi, mặt mày trắng trẻo sáng láng, từ nhà trên đi xuống:

- Mẹ gọi con?

Bà Thị không bỏ công việc làm, ngó ra nói:

- Tao muốn hỏi mày đã viết thư cho anh mày chưa?

- Dạ con vừa mới viết xong, còn đợi đọc cho mẹ nghe rồi đi gọi.

- Ừ, thế thì lát nữa tao sẽ lên.

Chợt nghe tiếng chuông rung, một chiếc xe cao su đường vừa đặt càng xuống ngoài sân.

Thoắt trông ra, cậu Biên vội reo lên:

- Anh Trang! Anh Trang đã về kia! Cả thằng Cò nữa!

Quả nhiên, hai thầy trò Trang đã bước xuống xe, chủ đi trước, thằng bé con xách va li theo sau.

Bà Thị tươi cười hỏi:

- Con đã về đó sao không thấy thư về nói trước? Thế mà em nó lại tính gửi thư vào.

Mấy mẹ con cùng đưa nhau lên nhà nói chuyện. Bà Thị hỏi Trang sao đi hóng mát mà sắc mặt lại hình như kém hơn trước, chàng hơi lúng túng, liền giả cách ngạc nhiên nói rằng:

- Thế mà con lại tưởng rằng lúc này khá ra nhiều vì nghe trong mình khỏe khoắn lắm.

Nhưng biết câu trả lời của mình không vững vàng gì cả, chàng liền tìm cách đánh trống lảng:

- À, em Nghi đâu không thấy?

Rồi chàng lại tự đáp lấy câu hỏi mình:

- Có lẽ còn sớm em ở ngoài phố chưa về.

Bà Thị thấy con về thì vui vẻ chẳng hỏi han gì nữa, lật đật xuống bếp truyền bảo đầy tớ chạy đi mua vài món ăn cho chàng lót dạ.

Một lát thức ăn dọn lên thì cô Nghi đã về. Anh em gặp nhau, chào mừng hớn hờ. Cô Nghi bây giờ là một cô gái mười chín xuân xanh, đoan trang thùy mị. Cô ta nói chuyện một hồi lâu bèn chạy vào phòng mình lấy ra mấy cái mặt gối và khăn thêu khoe rằng:

- Em có làm cho anh mấy cái này đây.

Trang cầm lên xem, khen lấy khen để. Cậu Biền cũng săn sóc cho chàng từng tí một. Trang thấy em út đều hết sức yêu quý mình thì lấy làm sung sướng quên phất bao nhiêu chuyện buồn tủi vừa mới trải qua trong mấy ngày. Chàng lấy làm lạ sao hai tháng vừa rồi lại bỏ đi chơi đâu không chịu ở nhà mà hưởng những sự vui chân thật êm đềm ấy.

Luôn mấy ngày cô Nghi không ra ngồi phố chỉ ở nhà đem hết tài khôn khéo của mình ra làm những quà bánh cho chàng ăn. Cậu Biền cũng đem sách ra chất vắn chàng những chỗ nghi ngờ cho rộng thêm sự học. Giữa cái tình yêu đương chăm chút của mẹ và em, chàng nghe nhẹ nhõm trong lòng, không muốn nghĩ suy gì nữa. Chàng tưởng chừng như mình mới được thanh thoi đâu vài hôm thôi nên muốn hưởng cái cảnh nhàn tản thanh thú ấy một cách hoàn toàn.

Khi không nói chuyện trò gì, chàng đi ra dạo chơi sau vườn tìm những bóng cây cao nghỉ mát. Bên gốc một cây xoài lão đại có cái tảng đá rộng gần bằng một thước vuông, bề mặt rất bằng phẳng, chàng liền dùng làm ghế. Trang ngồi đó suốt giờ, nhìn con bướm liệng, hoặc lắng tai nghe tiếng chim kêu mà hồi tưởng lại bao nhiêu sự đã trải qua trong thời kỳ thơ ấu. Chung quanh, không một vật gì mà không phải là một người bạn thuở bé của chàng. Đây là nơi chàng hay leo trèo chạy nhảy, đây là chỗ chàng hay đào thành hào lũy, bày trận thế với anh em, chỗ này chàng có làm cái túp lều nhỏ xíu vừa chun lọt một người, chỗ kia có treo cái đu làm cho chàng một hôm té gần lợi căng. Những mặt người thân thích yêu quý hồi bấy giờ, nào ông, nào bà, nào bác, nào cô, cho đến con nụ mớm cơm, bỏ giá lắm

cắm, nay hoặc còn hoặc mất, chàng đều nhớ lại không sót một người nào. Chàng lại nghĩ đến ông thân chàng, hiền lành vui vẻ, rúi mắt sớm không kịp nuôi chàng thành đạt cho vừa lòng. Dầu sao, những kẻ trước chàng, ai ai cũng đã làm tròn phận sự này. Bây giờ đến lượt chàng, năm sáu năm ra chen cạnh với đời mà chỗ ăn làm vẫn chưa nhất định làm sao cả. Chàng đã hẹn về thăm nhà ít ngày rồi sẽ tìm ông Láng làm việc ngay, nhưng chàng lại thấy mình chần chờ mãi. Trang cho rằng có lẽ vì chàng còn một ít tiền lưng nên mới sanh ra lười biếng thế.

Thấy con mới về thăm, mấy ngày đầu bà Thị Tôn muốn để cho chàng nghỉ chơi đã. Nhưng trong bụng bà cũng muốn nhân cơ hội ấy tính cho xong chuyện hôn nhân của chàng.

Một hôm, Trang cùng hai em đang ngồi họp chuyện với nhau, bà Thị đứng gần nghe chàng nói khích cô Nghi một câu gì đó làm cho cậu Biền cười âm lên. Bà Thị bèn làm bộ bên con gái:

- Đùng có cười người ta, người ta thế mà có nơi đi hỏi rồi đấy!

Trang lên mặt ông anh mà rằng:

- Chà, vậy mà tôi không hay. Nhưng hễ xét chỗ nào tử tế mà hẳn bằng lòng thì cũng cho người ta đi cưới đi chứ sao!

Cô Nghi then đỏ mặt, nguýt chàng một cái, nói khề:

- Hừ!

- Lại còn hừ và hè! Con gái có cái tật hễ nghe ai đi nói thì vung vãng thế mà rồi chị nào không ai hỏi đến thì đã hốt hoảng lo ể chồng tôi.

Bà Thị để cho chàng tha hồ nói cho sướng miệng rồi mới mỉm cười hỏi chàng:

- Em nó con gái đã đành là thế rồi, nhưng còn thầy thì sao?

Trang không dè câu hỏi đó nên bỗng ngồi đực mặt ra, nhưng thấy cô Nghi và cậu Biền láy nhau có ý chế riễu chàng thì ung dung vừa tìm câu vừa đáp:

- À con... con thì khác... Đàn ông không gấp gì sự vợ con.

Nhưng bà Thị đã nghiêm nét mặt nói:

- Con đừng có bông đùa, mẹ không nói chơi đâu. Cứ như con nói thế thì bây giờ định ở vậy già đời không cần gì phong tục lễ nghi sao? Huống chi trong nhà chưa có người nội trợ để phòng khi bua việc coi ngó trong ngoài mà con đã vội tưởng gả em nó được sao?

- Con có phải không muốn chuyện vợ con đâu, nhưng con xin phép chuyện đó thùng thảng rồi sẽ tính. Bao giờ làm ăn dư dật sẽ hay, chớ nay nuôi mình còn chưa chắc lại còn đeo lấy vợ con e thêm bận vào mình.

- Thùng thảng: Được hai chữ ấy cứ đem nói hoài, không ai làm nỡ đâu. Còn lấy vợ mà thầy sợ không nuôi nổi thì đã có tôi.

Bà Thị thấy Trang làm tinh liền nói tiếp:

- Con đừng có tưởng mẹ già rồi nên muốn kiếm dâu để nằm một chỗ cho nó hầu hạ đâu, chính là nay còn mạnh thì lo tập dần cho nó quen theo khuôn phép nhà mình, hòng ngày sau nó lên làm chủ mới biết điều đối đãi với em út và bà con làng xóm được.

Nói đến đó, bà Thị liền ngảnh lại bảo cô Nghi:

- Con qua mời dì Khóa qua đây và thưa với dì rằng có anh Trang con về nên mẹ muốn bàn với dì một câu chuyện.

Trang cản lại nói:

- Để con qua thăm dì rồi sẽ mời dì qua luôn thể, kéo mình con cháu về đây mấy bữa rày mà lại để dì đến thăm trước có lẽ dì sẽ trách là vô tình lắm chăng?

- Thôi đừng có đặt bày nhiều chuyện, con Nghi cứ đi đi thôi, chẳng dì nào chấp trách cả, đó là anh mày muốn qua ton hót trước đi để cho dì Khóa nghe theo lời hấn đó.

Bà Thị phen này ra vẻ cương quyết lắm. Cũng như phần nhiều bà già xưa khác, bà khi nào cũng có sẵn một mớ thành kiến. Những thành kiến đó là do nền giáo dục của cụ ông thân sinh ra bà un đúc cho và chỗ kinh nghiệm riêng bà kết tập nên. Vì vậy ra làm một việc gì bà ít hay do dự. Những người nào đã từng được bà rèn tập uốn nắn cho đều thành người khá giả, cho nên bà rất giàu lòng tự tín. Lúc ông Thị hãy còn, mọi việc trong nhà ông đều giao phó cho bà, ông chỉ vui đánh đàn mà không bao giờ thấy chán. Nay ông mãi phần rồi, bà có cái nhiệm vụ phải tác thành cho con. Bà Thị muốn cho Trang biết trọng cái căn bản: theo ý bà, căn bản của người ta là chốn gia đình. Nhưng muốn lập gia đình thì phải lấy sự dựng vợ gả chồng làm trụ cột. Và bà đã từng làm dâu, bà đã trọn một niềm thờ phụng gia nương, vậy nay tới phiên bà, bà cũng muốn có kẻ làm dâu lại. Nếu không thế thì hình như trong đời bà sẽ thiếu một điều rất quan trọng; việc nhà bà có tiếng là xếp đặt rất chu chí, nhưng e rồi phải kém sút chị em về mặt dâu con.

Trước bà vẫn nghĩ Trang thế nào cũng sẽ có ngày về cầu bà nói vợ cho, nhưng nay thấy chàng trần trụi hoài thì bà không thể chờ được. Bà đã chịu Trang nhiều lần: muốn hoãn cho hoãn, đang làm ăn yên ổn đòi thôi cũng cho thôi, thì hẳn phải có ngày con chịu bà lại. Bà vẫn biết Trang là người có hiếu, nhưng với bà, sự hiếu để cần phải tỏ rõ ra ngoài hình thức, ra trong việc làm vậy. Bà Thị lại là con người khôn khéo, trong khi bàn luận thường có tài dụ kẻ khác vừa theo ý muốn mình. Thời thường, trước những cái lý luận đanh thép của bà, Trang chỉ biết một điều vâng dạ, dầu sự gì trái ý cũng dùng kế trá hàng cho qua buổi đã. Nhưng bà Thị đâu có lầm, sở dĩ bà không muốn vạch điều lỗi của con ra, vì sợ đối với người ngoài cái uy quyền làm mẹ của bà sẽ nhân đó mà giảm bớt đi. Lần này lại tính việc hôn nhân cho Trang, bà liền viện thêm người chị ruột là bà Khóa Đôn để chứng rằng trong sự kén chọn của bà đã có kẻ tán thành rồi vậy.

Một lát, cô Nghi về đã có bà Khóa qua theo.

Trang vội vã đứng dậy, cung kính chào:

- Thừa di, cháu về chưa kịp qua hầu thăm di, thật là có lỗi quá!

Bà Khóa ý chừng đã hỏi chuyện trước cô Nghi rồi, liền tủm tỉm cười mà rằng:

- Ai chấp nhất thầy đâu mà hòng sợ!

Bà Khóa người thấp nhỏ hơn bà Thị và trông cũng muốn trẻ hơn. Em bà cứng cõi nghiêm nghị chừng nào thì bà lại dễ dãi vui vẻ chừng ấy. Đối với con cháu bà hay nói lớn tiếng, làm bộ gắt gỏng mà kỳ thật bề trong bà nuông chiều hết sức. Chồng bà

cử nghiệp dở dang liền xoay qua nghề thầy làng, nhờ vận đỏ ăn làm cũng đủ chi dụng.

Vừa đặt mình ngồi xuống, bà Khóa đã nhập đề ngay:

- Dì mời tôi sang chắc là để nói chuyện vợ con cho chú thằng Cu chớ gì?

Rồi chẳng đợi bà Thị trả lời, bà liền day lại phía Trang ngồi mà nói:

- Sao, chú đã thềm vợ chưa? Tôi có tìm cho chú một đám này thì không còn chê vào đâu được. Chú thử đoán xem?

Bà Khóa liếc em bà một cái rồi trở mắt nhìn Trang, cười ngặt nghèo.

- Nào, tôi đoán chú nào!

Trang không thể nhịn cười mà rằng:

- Ai thôi xin dì cứ nói cho, chớ thiên hạ biết mấy là người cháu đoán làm sao được.

- Thì cũng trong xóm này chớ không đi đâu xa, mà tôi đã nói là một người đủ cả mọi bề: đẹp đẽ nét na, học hành giỏi, lại con nhà giòng của giống.

- Chà, ai mà lại quý hóa thế?

Trang ngẫm nghĩ, tìm kiếm một hồi, bỗng cười xòa mà nói:

- À, đích rồi!

- Đâu, thì hẳn nói thử xem.

HUỲNH ÁI TÔNG

- Con ông Đề Cáo chớ gì?

Thấy bà Khóa trề dài môi ra, Trang vội chữa:

- Không thì con ông Chưởng Hiền?

- Trật lất cả! Ai đi hỏi làm gì mấy chỗ đó cho chú cười là di Khóa quê mùa. Chẳng trách nào mà các chú tướng chỉ có mình là văn minh! Có một chút mà đoán với điếc không xong gì ráo!

- Thì cháu đã nói trước là cháu chịu đi mà.

- Này thôi, tôi nói cho mà nghe, con quan Tá về hưu đằng kia đây. Biết chưa?

- À, cô Thanh! Cô ấy cháu cũng có biết.

Trang mắmm môi ra dáng nghĩ ngợi.

Bà Thị hỏi:

- Sao, cô ấy làm sao? Vừa ý hay chưa?

- Cứ kể ra thì cô ấy quả không chê vào chỗ nào được...

- Nhưng mà?

Người thiếu niên thấy mẹ hai mắt đăm đăm nhìn mình có ý không bằng lòng, liền cúi đầu tìm cách chống chế:

- Cũng không sao, nghĩa là cô ấy người chừng mực đứng đắn lắm...

- Nhưng vậy là xấu hay tốt, được hay không đã chứ?

- Tốt, thì cái đó cố nhiên rồi, nhưng với hạng người ấy cũng hơi khó một chút.

- Sao mà gọi rằng khó?

Bà Khóa chêm vào:

- Người ta dốt nát không hiểu, mà chú lại hay nói mô hồ, chú phải cắt nghĩa nó khó ở chỗ nào mới được chứ!

Trang gãi đầu, ngó bà Khóa làm ra tuồng chỉ nói riêng với bà:

- Cháu muốn nói là người như thế họ nghiêm quá mà cháu thì buông tuồng ắt họ chê dè!

Bà Thị ngắt lời chàng:

- Chưa chi đã nói thế, họ không chê chút nào cả, chính quan Tá đã có ngó ý với dì Khóa đây rồi, chi bằng nói trắng ra là thầy chê thì có lẽ dễ nghe hơn!

Bà Khóa lườm chàng một cái:

- Điều nói mà nghe, chớ của người ta là của quý, đã năm bảy đám sang trọng bằng mấy chú đi giặm rồi mà không ăn thua gì đấy, chú đừng có tưởng người ta ế ẩm mà vội chê bừa đi.

- Nào cháu đã có làm cái lớn lao gì mà dám chê ai, Trang kêu nài, song dì cũng biết sự vợ chồng ở với nhau cả đời, ngoài cái tính tình phẩm hạnh của mỗi người ra, hai bên lại cần phải yêu nhau nữa gia đình mới vui vẻ được. Nay cháu không yêu cô Thanh mà cứ hứa càn đi thì có khác gì lừa dối người ta không?

- Chú chưa yêu thì bây giờ hãy nghe lời tôi mà yêu có muộn gì?

Bà Thị Tồn thấy con cứng đầu liền đầu dụ:

- Con đừng có lên mặt dạy kẻ bề trên. Một người con có hiếu thì vợ nào cha mẹ cưới cho cũng đều yêu cả. Thuở xưa có cặp vợ chồng đến ngày đi cưới còn chưa biết mặt nhau mà ở với nhau cũng trọn đời. Huống chi mẹ và dì đây chừng này tuổi há lại lầm lẫn đi chọn một đũa không ra chi sao?

- Con quả tình không muốn trái lời mẹ chút nào, nhưng chuyện này xin mẹ và dì cho phép con kén chọn lấy, rồi hề chỗ nào mẹ và dì bằng lòng là được.

- Nhưng thử hỏi con Dinh có phải tự thầy đi kiếm lấy không, mà nó ăn ở đã hay ho lắm nào!

Trang nghe nhắc đến tên Dinh liền cau mày, ngó bà Khóa Đôn có ý năn nỉ bà che chở giùm cho. Bà Khóa làm bộ nóng nảy chỉ vào mặt chàng:

- Thôi, chẳng thèm nói với chú nhiều lời, tôi hẹn cho chú một tháng, tha hồ mà đi tìm kiếm, may rủi gì lát nữa không được kêu ca, nhưng quá thời hạn đó thì chú không được giở chày cối ra với tôi nữa đâu!

Người thiếu niên mừng rỡ, đứng dậy cảm ơn:

- Nếu mẹ và dì cho phép thế thì còn gì hay bằng.

.....

(trích Diễm Dương Trang)

Trích thơ:

Tiền đưa

(Lời một người đàn bà xưa đưa chồng đi lính)

*Ngày mai chàng lên đường,
Thân gió bụi tuyết sương,
Tối nay còn với thiếp
Xin cạn chén quỳnh tương.
Chàng mặc áo nhung này,
Thiếp vì chàng mới may,
Thiếp dù xa chân ngựa,
Tơ lòng theo chàng bay.
Đừng nghĩ đến ngày mai!
Hôm nay biết hôm nay,
Thiếp đây mà chàng đó,
Chùng ấy là đủ rồi.
Ngày mai chàng ruổi xa,
Mặc kẻ nước mắt sa,
Yên ngựa rong đường thẳng.
Thức dậy lúc canh gà.
Ngày mai khi chàng về,
Thiếp dù chóng gậy lê,
Xin vì chàng dâng rượu,
Tình xưa, cạn chén thê.
Rời bên chàng có thiếp,
Giấc hoà cùng thiêm thiếp.
Yêu nhau đến trăm năm
Phong trần cho bã kiếp.*

19.10.1927

Đọc đoạn văn trích trên, nó cho chúng ta thấy bút pháp của Phan Văn Dật rất giản dị, tả đầy đủ gia cảnh, làm nền cho câu chuyện vẫn còn đó nếp gia phong, quan niệm hôn đàng hộ đối đàng áp lực lên những thanh niên tân học.

Và những vần thơ của Phan Văn Dật vẽ ra một khung trời ly biệt, người vợ mong một ngày về của chinh phu, không khác mấy Chinh Phụ ngâm, vẫn có đủ hồn thơ để dẫn ta vào cõi mộng.

Về cuộc tranh luận Nghệ Thuật vị Nghệ Thuật và Nghệ thuật vị nhân sinh, ông đã phát biểu quan điểm của mình: đăng ở báo Khuyến Học số ra ngày 15-12-1935: “*Nghệ thuật nào mà chẳng vị nhân sinh? Mà xét cho cùng cái gì loài người đã bày ra trên cõi đất này, mà vẫn đòi đòi tồn tại, thì tất nhiên là vị nhân sinh rồi... Ta không nên bằng lòng chỉ coi nghệ thuật như là một thứ xa xỉ phẩm, vì giá một nước nhà mà chỉ chuộng rất một lối văn chương du hí, phù phiếm thôi thì chắc nước ấy đã rước lấy sự suy nhược cho mình rồi....Tôi tin rằng cái ý nghĩa của một tác phẩm không những tác giả đã cho nó mà thôi, mà còn cho người đọc....Ta thử hỏi, ừ thì nghệ thuật cốt tử là tìm ra cái đẹp mà thôi, nhưng tìm ra cái đẹp rồi để làm gì chứ? Xét cho cùng chỗ cứu cánh của cái đẹp cũng bất ngoại vì nhân sinh”.*

Tài liệu tham khảo:

- Phan Văn Dật Web: vi.wikipedia.org/wiki/Phan_Văn_Dật
- Phan Văn Dật Web: sachxua.net

29) Lê Huy Oanh



Lê Huy Oanh (1932-)

Nhà văn Lê Huy Oanh sinh năm 1932 tại Hà Nội.

Năm 1954, di cư vào Nam, ông dạy học và viết báo, bài viết đầu tiên ông đăng trên Sáng Tạo số 23 tháng 8 năm 1958: *Khảo về thơ Beaudelaire* và tiếp theo số 24, số 31 tháng 9 năm 1959: *Verlaine, nhà thơ tượng trưng*. Sang bộ mới số 3 tháng 9 năm 1960, ông viết truyện ngắn *Miếu Âm Hồn*, số 4: truyện ngắn *Mưa Trên Thành Phố*, số 5: *Sáu bài thơ dịch*, đến số 6 ông viết truyện *Hồi Chuông Báo Tử*. Ông là 1 trong mười tác giả tham gia thảo luận: *Nói chuyện về Thơ bây giờ* đăng trên số 2 tháng 8 năm 1960.

Ông thường dịch thơ các các nhà thơ Tây Phương nhằm giới thiệu những trường phái mới của nghệ thuật Tây Phương. Lê Huy Oanh từng cộng tác với nhiều tạp chí như Văn Nghệ, Nghệ Thuật, Khởi Hành, Thời Tập Văn,... ông được xem như nhà phê bình, chuyên gia về Phong Trào Thi Ca Lãng Mạn Pháp và Văn Chương Lãng Mạn Việt Nam thời tiền chiến

Ông tới Hoa Kỳ năm 1980, định cư tại tiểu bang Pennsylvania

Tác phẩm:

Màu Hoa Dã Thú (1961)

Hồi Chuông Báo Tử (cơ sở Văn, 1971)

Trích văn:

Hồi chuông báo tử

Nhà thờ xứ chỉ cách xa nhà thờ họ chừng ngót một cây số ngàn. Khác nhau có một chữ thể thôi mà địa vị hai cơ sở khác hẳn nhau. Xứ gồm nhiều họ. Mỗi họ lớn đều có một ngôi thánh đường. Nhưng nhà thờ xứ sầm uất phồn thịnh hơn nhà thờ họ cả trăm lần. Lý do vì các lễ nghi diễn ra thường nhật tại nhà thờ xứ, còn nhà thờ họ thường khi đóng cửa then cài. Cả năm chỉ có đôi ba tuần lễ, linh mục hàng xứ sang hàng họ làm phúc, quang cảnh nhà thờ họ mới náo nhiệt vui vẻ mà thôi.

Nhà thờ họ này vốn to nhất địa phận, đứng sừng sững giữa một khoảng đất rộng chừng vài mẫu ta. Ngọn tháp chuông cao vút chọc thẳng lên trời, đội trên đầu một cây thánh giá sắt. Tháp chuông này tượng trưng cho một hình ảnh cao cả: đó là ngón tay Thượng Đế chỉ cho loài người Nước Thiên Đàng đầy sự hoan lạc bình yên. Phúc thay cho những ai đến với Chúa, phúc thay cho những ai đi theo con đường Chúa đã chỉ dẫn, vì họ sẽ tới được nơi cao sang tốt bậc và bền vững vô cùng. Có phải thế chăng?

Sáng, trưa, chiều và nửa đêm, quả chuông đồng trên ngọn tháp lắc lư theo đà dây kéo, truyền ra khắp các hướng trời những âm thanh trầm bổng. Ngôn ngữ của khối kim khí thanh tao ấy cũng có nhiều sắc thái khác nhau: sâu thẳm, vui mừng, thờ ơ, rộn rã, than van, thúc giục, cầu khẩn, trêu cợt, tiếng chuông đổi thay tùy theo thời tiết và thời gian của mỗi năm. Tiếng chuông nong nàn trong tuần đại phúc khác với tiếng chuông bình thản hằng ngày; tiếng chuông vào buổi nắng ráo sáng sủa, khác với lúc đất trời nặng nề u ám.

Vấn đề còn tùy thuộc một phần lớn vào kẻ kéo chuông, khi buồn khi vui, lúc no lúc đói, trạng thái tâm hồn và thể chất hẳn có ảnh hưởng nhiều đến tiếng chuông nhà thờ họ này.

Việc kéo chuông vốn là trách nhiệm của bác từ trong làng. Địa vị bác vốn thấp kém nhưng bác sung sướng nhàn hạ hơn tất cả mọi người. Chỉ có việc trông coi nhà thờ, và canh cho đúng giờ để kéo chuông, thế thôi. Nhà bác từ ở sát vách nhà thờ, tháp thoảng trong một hàng rào cây găng bốn mùa xanh ngắt. Sống giữa cảnh cô tịch nhàn hạ, bác thường uống rượu cho vui. Mới đầu uống ít, sau uống nhiều. Dần dần bác nghiện rượu. Một lần ông trùm họ bắt gặp bác say rượu nằm ngủ dưới cuối nhà thờ ngáy rên. Ông trùm vừa tức tối vì hành động bất kính của bác vừa lo sợ thay cho bác là Chúa sẽ trừng phạt bác về tội ngủ trong nhà thờ. Ông hỏi hả lay bác dậy bắt về nhà ngủ. Trước mặt người trên, bác chột tỉnh rượu, chấp tay bái ông trùm để xin xá lỗi. Vốn nhân từ, ông trùm cũng bỏ qua hành động của bác, chỉ khuyên răn và nhắc nhở rằng nhà thờ là nơi để cầu nguyện chứ không phải để ngủ. Và nghiêm nét mặt, ông trùm

nói nhỏ với bác, cảnh cáo là Chúa có thể sẽ trừng phạt bác nhân tiên về tội say sưa bừa bãi như vậy.

Nhưng ít lâu sau, trong lúc ma men ngự trị thể xác, bác từ yếu đuối kia quên phăng những lời cảnh cáo khuyên bảo của ông trùm. Kéo chuông xong bác lại nằm vật xuống sàn nhà thờ mà ngủ. Ở đây rộng rãi mát mẻ hơn ở nhà, lại tĩnh mịch vì không có tiếng khóc i eo của đứa con dại, và tiếng ru sầu thảm của bà vợ gầy gò.

Ngủ thỏa thuê rồi bác trở dậy lồm lét nhìn lên ngọn đèn lù mù trước bàn thờ Chúa, rồi lúi lũi về nhà. Chúa không hề trừng phạt bác. Ý hãnh Đấng cao cả đâu thềm chấp nhất đến những cử chỉ liều lĩnh của bác từ say rượu tầm thường kia. Trong bầy lũ thể nhân dưới cỡi trần tội lỗi này, có biết bao việc càn dỡ gấp trăm lần việc bác từ nghèo nàn nằm ngủ quên trong thánh đường. Nhà nó thấp bé chật chội thì nó tới đây ngủ một chút cũng chẳng sao. Thánh đường vừa rộng rãi vừa hoang vắng. Chắc hẳn Chúa cũng chẳng hẹp lượng mà chấp nhất với bác như ý nghĩ trong khối óc nông cạn của ông trùm họ. Mà bác từ vốn dĩ vẫn kính trọng Chúa, chăm chỉ kéo chuông. Đã uống say, đã ngủ ngon giấc, bác từ thấy trong người khoái hoạt, hai cánh tay như có thêm sức mạnh. Bác ghì sợi dây thừng một cách dẻo dai hơn, nhịp nhàng hơn. Trên tháp cao, quả chuông chuyển động thật uyển chuyển, phóng những âm thanh khoan nhặt vào lòng không khí. Cả ngôi làng êm ả như lung linh trong màn sương chiều khi tiếng chuông ngân nga. Chuông thay lời Chúa nhắc nhở cho mọi người bổn phận cao quý của họ đối với Thượng Đế, với kẻ đồng loại và với chính mình. Tiếng chuông là lời nhắn nhủ của Chúa, còn đôi cánh tay gầy

gò của bác từ là một phần động lực làm phát hiện những thanh âm huyền diệu đó. Những tín đồ đạo đức trong làng tạm ngưng công việc, cúi đầu nghe tiếng chuông gọi cảm và lặng lẽ làm dầu thánh giá. Nghe tiếng chuông, người ta thường chỉ nghĩ tới Chúa và nghĩ tới hạnh phúc trong gia đình mình. Gần như không khi nào người ta nghĩ tới bác từ gầy gò đang vận dụng hết sức lực để kéo sợi dây chuông.

Càng nhiều tuổi, bác từ càng say sưa nhiều hơn, đến nỗi nhiều khi bác ngủ khi quên cả kéo chuông. Nhân từ đến vậy, ông trùm họ cũng chẳng sao làm nger cho bác. Mà dầu ông có muốn làm nger đi nữa cũng không thể được. Còn có làng nước chứ. Thiếu tiếng chuông báo hiệu giờ cầu nguyện đồng thời cảm chừng cho giờ làm việc. Năm giờ sáng, đa số các người nhà quê nghe tiếng chuông ngân liền trở dậy làm việc. Buổi trưa, buổi tối, họ xếp công việc lại khi tiếng chuông nổi dậy. Tiếng chuông quan hệ đến đời sống hằng ngày của mọi người. Quên kéo chuông quả là một tội lỗi nặng nề không thể tha thứ. Ông trùm liền họp các bậc chức sắc trong làng để định thái độ với bác từ hư hỏng kia. Sau một cuộc bàn định sôi nổi, hội nghị quyết định truất phế bác từ. Nhưng người ta cũng biết ái ngại cho gia đình bác. Mất công việc làm ăn, rồi đây gia đình bác biết trông nhờ vào đâu để sống. Sau cùng người ta giải quyết êm thấm vấn đề này bằng cách cấp lại chức vụ kéo chuông cho thằng Phả, con trai bác từ. Thằng bé vừa lớn lên, sức lực có thừa ắt hẳn sẽ làm tròn nhiệm vụ. Và chẳng, hội nghị còn nghĩ rằng: "Con vua thì lại làm vua, con bác từ chùa lại quét lá đa". Con sãi chùa làm sãi chùa thì con bác từ ở nhà thờ nổi nghiệp bố thật hết sức hợp lý. Các cụ trong hội nghị lấy làm đặc ý về quyết định này lắm. Từ đấy thằng Phả lên thay quyền bố nó,

nhưng cũng phải qua một thời kỳ tập tành. Ông bố truyền nghề cho con ông. Kéo chuông cũng khó khăn lắm chứ. Phải biết giết sợi dây thừng thế nào cho chuông lắc lư đều đặn. Nhỡ tay một chút là hỏng cả. Tiếng chuông người chết khác với tiếng chuông báo hiệu những dịp vui mừng. Tiếng chuông dịp Sinh Nhật khác với tiếng chuông Mùa Chay. Bố chăm chú chỉ dẫn, con chăm chỉ thụ giáo. Chỉ một vài ngày, thằng Phả trở thành một chú sãi có tài. Ngay trong bước đầu, nó đã tỏ ra có nhiều năng khiếu đối với nghề giết thừng và ít lâu sau nó vượt hẳn bố trên phương diện kéo chuông. Tiếng chuông của nó rất quyến rũ, rất gợi cảm, đặc biệt là khi có kẻ vừa qua đời. Như một nhạc sĩ giỏi trình bày những điệu nhạc sầu, thằng Phả biết tạo cho tiếng chuông sầu của nó một linh hồn. Mỗi lần nghe tiếng chuông báo tử, những đàn bà đa cảm trong làng đã phải nâng vạt áo chùi nước mắt. Không một nhà thờ nào trong xứ có tiếng chuông thê thảm, đau đớn đến như vậy. Phải là một thiên tài mới có thể sử dụng dây chuông một cách tài tình như thế. Và cũng như tiếng đàn, tiếng chuông thường biểu lộ chân thành tâm hồn kẻ kéo chuông.

Tuy trẻ tuổi, nhưng thằng Phả vốn đã có một bộ mặt đăm chiêu âm thầm. Nó rất ít nói, ít cười, lúc nào cũng trầm lặng, lơ đãng như một nhà khổ tu. Tỉnh thoảng, sau khi kéo chuông nó leo thang lên tầng tháp thứ ba ngắm cảnh vật xung quanh. Vào những đêm sáng trời, nó ngồi hàng giờ trên tháp chuông ngửa mặt quan sát những đám mây đám sao trên trời. Ai biết được gã trai trẻ đó đang mãi tìm tòi gì trong đám tinh vân mù mịt ấy. Ai biết được gã đang nghĩ ngợi đăm chiêu chuyện gì.

Thằng bé vốn đa tình, mới mười tuổi đầu đã mê gái. Nó mê một con bé bằng trạc tuổi. Ngày ngày, nàng tiên kiêu diễm kia cắp sách đi học thường vẫn đi qua trước cửa nhà thờ. Mỗi khi nghe tiếng chuông vang động trên ngọn tháp, cô bé lại dừng bước ngẩng mặt nhìn quả chuông tháp thoảng lay động trong khung cửa sổ. Giữa mớ tóc ngắn xõa xuống hai bờ vai, khuôn mặt trái xoan trắng muốt lộ ra trông thật hiền hậu, dịu dàng. Cặp mắt to đen láy đượm một vẻ quyến rũ, say đắm lạ lùng. Thằng Phả vốn vẫn đề ý tới con bé ấy, nhưng chưa bao giờ nó dám mơ tưởng gì cả. Chỉ là một chú sãi con một bác sãi, nó đâu dám hy vọng sẽ lọt vào mắt xanh con bé xinh xắn sang trọng kia. Con bé là quý nữ độc nhất của một vị chức sắc giàu có trong làng. Địa vị một chú sãi nhà thờ với một cô nữ sinh con nhà giàu quả là chênh lệch rất nhiều. Không có chút hy vọng nào chiếm được trái tim người đẹp nhưng thằng Phả vẫn có quyền ngắm nghía con bé chứ sao. Vào lúc cô bé đi qua, thằng Phả đứng lảng vảng dưới chân tháp để ngó tẩm thân uyển chuyển và khuôn mặt kiêu diễm ấy. Nhưng ngày nào cũng giáp mặt người đẹp trước sân nhà thờ thì thằng Phả hơi ngượng. Nó đổi vị trí, leo lên tháp chuông, đứng trước cửa sổ để nhìn ngắm cho tự nhiên hơn. Đứng trên tháp có điều hại nhưng cũng có điều lợi. Hại ở chỗ nhìn không rõ mặt con bé nhưng lợi ở chỗ có thể thấy con bé rất lâu ngay cả khi con bé đã rẽ vào những đường giông.

Mới đầu, cô bé không biết thằng Phả đang rình nó trên tháp. Cô đi đứng tự nhiên, một bàn tay ép sách vào ngực còn bàn tay kia thông xuống, khẽ ve vẩy bên đùi. Nhìn cái thân hình óng ả đó Phả thấy lòng mình rung động nhẹ nhẹ. Một chút rạo rục khẽ chuyển trong thân thể nó.

Rồi một chuyện xảy ra đã làm xáo trộn tâm hồn thằng bé đa tình. Một buổi trưa mùa hạ, ánh nắng gay gắt đổ xuống khắp làng, cô bé đi học về vẫn qua nhà thờ như thường lệ. Đến trước nhà thờ, hình như bị bóng ngọn tháp và cây cối chung quanh quấy rầy nên cô bé dừng lại ngồi nghỉ trên bậc thềm dưới chân tháp. Thằng Phả đứng rình trên tháp nhưng cô bé không biết. Cô ngửa hẳn người dựa lưng vào tường nhà thờ, duỗi thẳng hai ống chân và hít mạnh mấy hơi dài cho đỡ mệt mỏi. Phả uốn người ra phía ngoài cửa sổ ngó xuống. Dưới mái tóc đen, bộ ngực con bé nhô hẳn lên và phập phồng theo hơi thở. Tà áo lụa bị gió thổi sang bên để lộ bộ đùi nõn hẵn dưới hai ống quần lĩnh bóng. Con bé tuy còn ít tuổi nhưng vốn dĩ khoẻ mạnh nên bộ ngực đã căng tròn và bộ đùi vừa dài vừa mập trông có vẻ ngon lành... quá chừng.

... Nó quay mặt đi, rồi quay lại. Hai ống chân ma quái kia thò hẳn ra ngoài nắng và ánh sáng mặt trời làm cho chúng nõn nà bóng bẩy thêm.

Lát sau con bé thông thả kéo ống quần xuống... Thằng Phả giật mình như vừa tỉnh giấc mơ. Vô tình nó thụt hẳn vào trong thân thể hơi run rẩy, dường như vừa phạm một tội lỗi xấu xa. Con bé đã đứng dậy, lơ đãng cầm mấy cuốn sách thông thả bước đi dưới những bóng cây xanh thấp thoáng ánh nắng. Người đẹp đã khuất sau rặng tre um tùm ở cuối một đường đất nhỏ nhưng thằng Phả vẫn đứng thần thờ trên tháp. Nó áp má vào quả chuông đồng mát rượi cho mặt đỡ nóng, rồi dùng móng tay trở khê cào vào mặt chuông. Từ tầng kim khí gợn lên một âm thanh rất nhỏ nhưng Phả vẫn nghe rõ. Đối với chú sãi trẻ tuổi, chút âm thanh ấy là một lời yên ủi. Phả đắm đắm nhìn

quả chuông như nhìn một người bạn thân thiết. Chỉ duy quả chuông này biết được mối tình thâm kín của nó từ đây. Thằng bé lần xuống mấy cây thang gỗ, uể oải thờ thần như kẻ mất hồn. Mà thật thế, hồn nó còn đâu. Hồn nó đã bị tẩm thân óng ả của cô nữ sinh kia thu hút mất rồi.

Lá vàng lia cành rụng nhiều xuống mặt đất. Thời tiết cuối thu ở miền duyên hải xứ Bắc mỗi ngày một thêm lạnh lẽo. Trên bầu trời mờ xám, thỉnh thoảng có những đàn chim di thể bay đi tìm những miền ấm áp hơn để tránh mùa đông sắp tới. Mỗi khi lên gác chuông thằng Phả phải mặc thêm áo, nó mặc một chiếc áo nâu rách nhưng bề ngoài nó thường khoác thêm một chiếc sơ-mi trắng tuy có chỗ đã vàng ố nhưng vẫn còn lành lặn. Tóc nó để dài hơn và được vuốt bằng nước lã cho ép sang hai bên.

Ai biết được trong lòng chú sãi nhà thờ họ đã nảy ra một mối tình thâm kín, vô vọng. Không ngày nào nó không luẩn quẩn ở khu nhà thờ để chờ đợi cô bé đi qua. Nó tới trước rất sớm, chờ đợi trong sự mong mỏi hồi hộp. Cô bé vô tình không hay biết gì cả. Tuy đôi ba lần bắt gặp Phả đứng trên gác chuông ngó xuống, cô thoáng để ý tới hành động cử chỉ của Phả, nhưng chẳng bao giờ nghĩ là thằng sãi thấp kém đó dám say mê cô. Một lần cô ngược mắt chăm chú nhìn Phả rồi cúi xuống cười lặng lẽ. Chỉ có thể thôi nhưng thằng Phả cũng giật mình đến đổi bàng hoàng cả người. Trời ơi, cái nhìn kia sao có vẻ đắm say thân mật như vậy, và nụ cười đó chắc hẳn bao hàm một ý nghĩa tốt đẹp đối với Phả. Thằng sãi không dám tin cô bé có cảm tình đặc biệt với nó nhưng nó vẫn phải nhận rằng ánh mắt và nụ cười của người đẹp có một ý nghĩa tốt lành quá. Thật ra nỗi cảm động của Phả chỉ là kết quả của một ảo tưởng hão

huyền. Trời sinh ra đôi mắt cô bé có một vẻ đăm say, dễ dãi tự nhiên thế thì dầu cô có nhìn tảng đá, mắt cô cũng vẫn như vậy chứ có phải cô nhìn riêng Phả bằng ánh mắt ấy đâu. Thấy Phả đứng trên lầu cao thì cô nhìn chơi, rồi thấy dáng điệu Phả luống cuống thì cô cười. Nụ cười hồn nhiên không hề có ẩn ý gì hết.

Nhưng chính cái ảo tưởng hảo huyền buổi đó khiến Phả bắt đầu dám mơ ước hơn. Nếu tình yêu có thể khiến cho kẻ hèn nhất trở nên can đảm, như lời một nhà văn đã nói, thì sự si tình đã khiến thằng Phả dám vượt ra khỏi địa vị nó lắm chứ. Tình yêu điên dại của nó thoảng nảy ra một tia hy vọng nhỏ bé. Hy vọng điều gì, nó cũng chẳng biết rõ nữa. Nhưng tâm hồn nó đỡ đau đớn, tủi hổ hơn trước. Người con gái mỹ miều ấy đã chẳng nhìn nó và cười với nó đấy hay sao. Thằng Phả cảm thấy đầu óc lao đao hốt hoảng hơn, nhưng nó cũng sung sướng, hồi hộp hơn.

Tuần đại phúc tới vào khoảng giữa mùa đông. Cha chính xứ phái sang làng Phả một vị linh mục để tổ chức các lễ nghi tại nhà thờ họ. Không khí nơi này bắt đầu tung bừng náo nhiệt. Cả năm chỉ có hai tuần đại phúc, một vào khoảng giữa năm và một vào khoảng cuối năm. Những tín đồ trong làng hân hoan đón mừng vị linh mục đại diện hàng xứ. Ai nấy đi xung tội để dọn mình rước lễ cho thật trọng thể. Suốt trong bảy ngày, nhà thờ họ sáng chiều nào cũng đầy người. Sáng có lễ mi-sa, chiều có châu Minh Thánh. Đầu tuần và cuối tuần có rước kiệu chung quanh làng. Trước sân nhà thờ có những cột cờ cao vút được dựng lên, trên ngọn phất phới những lá cờ ngũ sắc. Lòng nhà thờ cũng được trang hoàng bằng những dây lụa đủ màu. Đèn

nền rực sáng trên bàn thờ. Hương hoa bốc mùi thơm ngào ngạt. Chú sãi Phả lại phải một phen làm việc vất vả. Tuy vậy, Phả rất hài lòng vì trong tuần đại phúc ngày nào người đẹp của Phả cũng tới nhà thờ cầu nguyện. Tiếng chuông nhà thờ thường khi rất tung bừng rộn rã nhờ ở đôi tay linh hoạt đầy sinh lực của Phả. Lòng Phả vui vẻ, tuần đại phúc vui vẻ ắt hẳn tiếng chuông phải rền lên những giọng hân hoan. Trước kia Phả tài tình trong việc tạo nên những tiếng sáo, bây giờ gã tài tình cả trong những điệu vui mừng. Nghe tiếng chuông nhà thờ thúc giục, dầu kẻ khô đạo đến mấy cũng không thể nào ngồi yên ở nhà được.

Vào sáng ngày cuối tuần đại phúc tại nhà thờ họ có lễ cưới. Phả trở hết tài năng kéo một hồi chuông báo sự vui mừng. Người ta chờ đợi cô dâu chú rể tới. Vị linh mục đã mặc áo lễ, sẵn sàng để chủ tế. Từ đầu giòng gần đây, một đám người vụt xuất hiện tiến về phía nhà thờ. Các bộ quần áo đủ màu sắc chập chờn bên những rặng lá thưa thớt. Tiếng đàn harmonium ở gian gác cuối nhà thờ nổi lên vui vẻ để chào mừng hai họ. Người ta bắt đầu tiến lên bậc thềm. Cô dâu bẽn lễn đi bên chú rể, giơ chiếc nón che gần kín mặt.

Rất đông dân làng đứng chung quanh sân nhà thờ để xem mặt cô dâu chú rể. Trong đám những người đứng quan sát đó dĩ nhiên có thằng Phả. Khi đám người rước dâu tới gần, thằng Phả bỗng nhiên khẽ kêu lên một tiếng đau đớn. Nó nhận ra cô dâu chính là người con gái mà nó thầm mơ ước suốt mấy tháng (cô bé trạc tuổi Phả – 10 tuổi – làm sao có thể lấy chồng?) nay. Chân tay run rẩy, Phả phải đứng tựa vào một thân cây cho

vững. Rồi không sao cầm lòng được, Phả vụt chạy khỏi nhà thờ, lẩn ra ngoài ruộng vắng.

Trời trong trẻo không vẫn một đọt mây. Từng cơn gió khô lạnh chuyển mình trên những đám mạ non. Thăng Phả chui vào một đám cỏ mọc hoang bên bờ ruộng, nằm úp mặt xuống vành tay khóc nức nở. Mỗi tình đầu tiên của nó thắm lặng u uất từ bao lâu bây giờ được dịp thoát ra bằng những giọt lệ nóng hổi.

Trong nhà thờ, lễ cưới bắt đầu cử hành. Hôm nay là ngày hạnh phúc nhất đời của cô nữ sinh có đôi mắt huyền ảo và có tấm thân thể kiều diễm kia. Khi tân lang âu yếm trịnh trọng luồn nhẫn cưới vào ngón tay thon dài của cô, cô đã đắm say liếc nhìn người bạn trăm năm. Đó mới là cái nhìn thực sự say đắm, khác hẳn cái nhìn vô tình cô đã ban cho thăng Phả trước kia.

Vào buổi tối, khi tuần đại phúc chấm dứt, vị linh mục đã trở về nhà chung và cửa nhà thờ đã khép lại, từ tháp thánh đường vụt nổi lên một hồi chuông báo tử. Chưa bao giờ người ta thấy những tiếng chuông thê thảm, rùng rợn đến như vậy. những người đàn bà yếu bóng vía rùng mình, run rẩy giơ tay làm dấu thánh giá. Có dăm cụ già quỳ úp mặt xuống đất đọc kinh sám hối. Tiếng chuông ảo não kia nhắc nhở các cụ giờ chết đã gần tới.

Trong đêm tối, một bóng người lật đật chạy về phía nhà thờ. Đó là ông trùm họ. Xưa nay phàm gia đình Công giáo nào trong họ có người qua đời đều phải báo cho ông biết, rồi tự ông sẽ ra lệnh cho sãi nhà thờ nổi chuông báo tử. Chưa có lệnh của ông không có người sãi nào dám nổi hồi chuông đó. hôm nay trong họ có ai chết đâu. Tại sao lại có chuông báo tử?

Đến cửa nhà thờ, ông trùm họ lớn tiếng gọi tên thằng Phả. Tiếng chuông vẫn rền rĩ xoáy vào đêm tối và thằng Phả không trả lời. Vừa tức bực, vừa ngạc nhiên, ông trùm họ rút chiếc đèn pin trong túi, bật lên, rồi đẩy cửa bước vào nhà thờ. Trong ánh đèn rọi sáng, thằng Phả đứng lạnh lẽo, một tay vẫn thong thả giật dây chuông. Ông trùm họ trợn mắt, vừa tiến đến gần thằng sãi bướng bỉnh vừa hỏi giật giọng:

"Ai chết mà mày kéo chuông báo tử? Ai bảo mày kéo chuông báo tử?"

Nhưng ông trùm đột nhiên rùng mình đứng sững. Trong ánh đèn, ông nhận thấy mặt thằng Phả phờ phạc và xanh mét. Nó giương đôi mắt đỏ ngầu trân trối nhìn thẳng vào mặt ông và tay nó vẫn giật tiếng chuông báo tử.

(1960)

Đọc Lại Chơi Giữa Mùa Trăng của Hàn Mặc Tử

Những tác phẩm quan yếu của Hàn Mặc Tử gồm có: *Gái Quê*, *Đau Thương*, *Xuân Như Ý*, *Thượng Thanh Khí*, *Chơi Giữa Mùa Trăng*, *Duyên Kỳ Ngộ*, *Cảm Châu Duyên*. Tất cả đều là thơ: phần lớn có vần và một ít thơ xuôi. Những tác phẩm này vẫn còn một số lớn chưa được xuất bản. Những sách đã in rồi của Hàn Mặc Tử (1912 -1940) hình như cho tới nay mới chỉ có 3 tập: a/ *Gái Quê*, thơ, 1936. b/ *Thơ Hàn Mặc Tử*, thơ, do nhà Đông Phương ấn hành lần đầu 1942, nhà Tân Việt tái bản 1959. Đây có thể coi như một tuyển tập thơ của Hàn, rút từ các sách đã in và chưa in như *Thơ đường Luật*. *Gái Quê*, *Đau Thương*, *Xuân Như Ý*. c/ *Chơi Giữa Mùa Trăng*, do nhà Ngày

Mới in lần 1 vào năm 1941. Nhà An Tiêm tái bản 1969. Đây là một tuyển tập các bài thơ xuôi và tạp văn của Hàn.

Cuốn *Chơi Giữa Mùa Trăng* gồm có 10 bài:

- Các bài *Chơi Giữa Mùa Trăng* (trang 10) (*) *Mùa Thu Đã Tới* (trang 21), *Kêu Gọi* (trang 27), *Khao Khát* (trang 43), *Tình* (trang 47). *La Pureté de l'ame* có kèm bản dịch Việt ngữ của chính Hàn (trang 65 và 71) đều có thể được coi như những bài tùy bút được viết theo thể văn xuôi thi vị hoá (trưng tự như thơ xuôi).
- Hai bài “*Thơ*” (trang 54) và “*Ra Đồi*” (trang 59) thuộc thể thơ xuôi thuần túy.
- Hai bài “*Quan Niệm Thơ*” (trang 33) và “*Chiêm Bao Với Sự Thực*” có tính chất nghị luận.
- Chúng ta hãy lần lượt xét từng bài trong tập sách.

BÀI 1 : CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG

Trong các bài thơ của ông, Hàn Mặc Tử rất hay nói với trăng. Vì sao ông đã bị trăng ám ảnh mãnh liệt như thế? Có người viện lý lý cho rằng trong trường hợp người mắc bệnh cùi, trăng càng sáng tỏ thể xác và tâm hồn họ càng bị náo động, bởi thế mà họ bị trăng ám ảnh. Riêng tôi, tôi không tin cái lý do y học đó là xác thực. Theo ý tôi, sở dĩ Hàn Mặc Tử hay nói đến trăng là vì ông rất ưa thích trăng. Sự ưa thích đó vốn có lý do của nó : ánh trăng thường tạo ra cảnh vật một vẻ mơ hồ huyền ảo rất hợp với tâm hồn ông. Hàn Mặc Tử là người ưa sống trong cảnh mộng, và ánh trăng thường hiển cho ông những cảnh mộng tuyệt vời. Trong rất nhiều bài thơ của ông in tập *Thơ Hàn Mặc Tử*, ông đã nói tới trăng hoặc nhiều hoặc ít. Nhìn sang tập tập

Chơi Giữa Mùa Trăng, bài đầu tiên, với cái nhan đề được dùng làm nhan đề chung cho cuốn sách, là một bài tràn ngập ánh trăng. Thiết tưởng chưa cần đọc nội dung bài đó, mới chỉ đọc cái nhan đề người ta đã thấy ánh trăng bao la, chứa chan ở đó rồi.

Trăng trong bài này là trăng mùa thu, nói rõ hơn nữa, trăng rằm mùa thu. Trăng lan toả trên mặt sông biến dòng sông thành một “đường trăng trải chiếu vàng”. Hai bên bờ sông cực kì êm ả với những động các và rừng xanh. Nhà thơ của chúng ta bơi thuyền trên sông trăng. Không phải chỉ có một mình chàng, trên thuyền còn có một người nữa: chị chàng. Hai chị em bơi thuyền đi “Chơi Giữa Mùa Trăng”. Các bạn còn đợi gì, không kiếm lấy một chiếc thuyền con bơi theo họ. Đêm trăng trên sông có những gì? Trước hết là ánh trăng, dĩ nhiên, một thứ ánh sáng toả ra thật rộng. Rồi đến hương thơm mà gió thu mang tới; “một thứ mùi gì ngào ngạt như mùi băng phiến; trong ấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa...”. Sau nữa là cái vẻ huyền ảo tựa như trong chiêm bao:

“Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vũng chiêm bao, và say sưa, và ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như mê không còn biết có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hoà lên mấy độ, và trí tuệ, và mộng, và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... Ở thượng tần không khí, sông Ngân Hà trinh bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên: “Đã gần tới sông Ngân rồi! Chèo mau lên em! Ta cho thuyền đậu ở bên Hàn Giang!”

Đi trong thuyền chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chờ một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền...” (trang 11,12)

Chúng ta không biết rõ quả thật hai chị em Nguyễn Trọng Trí có từng chèo thuyền đi chơi sông trăng bao giờ hay không. Dầu có thật hay không thì chúng ta cũng vẫn thấy rõ ràng Hàn Mặc Tử đã vận dụng trí tưởng tượng để tạo dựng (hoặc tô điểm) cuộc “Chơi Giữa Mùa Trăng” đó thành một biểu tượng. sự huyền ảo tinh khiết của cảnh đó tượng trưng cho cõi Mộng của tác giả, bởi đối với Hàn Mặc Tử chỉ trong cõi mộng, chàng mới thấy mình lâng lâng vui sướng.

“ Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này? Tôi muốn hỏi chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và cả răng? Chị tôi làm thính - mà từng lá trăng rơi trên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng...” (trang 13,14)

Trong tâm trí Hàn Mặc Tử, thường có hai điều tượng trưng cho sự thanh khiết : đó là ánh trăng và thánh nữ đồng trinh Maria. Trong Chơi Giữa Mùa Trăng , Hàn Mặc Tử đã kết hợp hai sự tinh khiết đó lại với nhau:

“ Bây giờ chúng tôi đang ở mùa trăng, mở mắt cũng không thấy rõ đâu là chín phương trời, mười phương phật nữa. Cả không gian đều chập chờn những màu sắc phiêu diêu đến nỗi đôi đồng tử của chị tôi và tôi lơ đi vì chói lói... Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chờ chúng tôi cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu nào khác.

Ánh trắng tràn trề, ánh trắng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu...

Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức bà Maria là bậc tinh truyền chí thánh. Tôi muốn sốt sắng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi gật lia lịa và hỏi một câu tức cười làm sao: “Có phải chị không hở chị?” Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ: Chị tôi là một nàng Ngọc Nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên “A ha, chị Lễ ơi, chị là trắng mà em đây cũng là trắng nữa”. (trang 15,16)

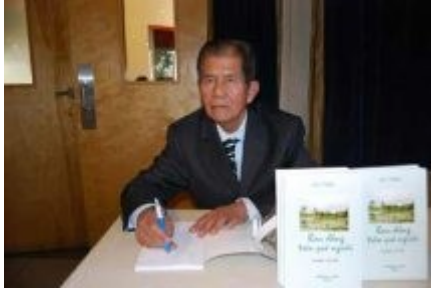
Bài Chơi Giữa Mùa trăng chứa đựng một trong những nguồn tư tưởng thiết yếu của hàn Mặc Tử, thứ tư tưởng trong sạch thánh thiện được biểu dương bằng ánh trắng vàng. Nó còn bày tỏ cái tư tưởng siêu thoát của Hàn Mặc tử, kẻ vốn muốn xa lánh những cảnh ô trọc, trầm luân của cuộc sống thực tế, nên thường hay tạo cho mình những cõi Mộng riêng để mà ẩn náu trong đó.

Chơi Giữa Mùa trăng là một bài văn loại thơ xuôi rất đặc sắc, cả về nội dung lẫn hình thức.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Huy Oanh Web: hocxa.com
- Lê Huy Oanh Web: saimonthidan.com
- Dương Nghiễm Mậu *Thanh Tâm Tuyên và những người bạn*

30) Huy Trâm



Huy Trâm Nguyễn Hồng Nhuận (1936-)

Huy Trâm tên thực: Nguyễn Hồng Nhuận Tam, sinh 1936 tại Thái Bình. Cựu học sinh các trường Trung Học Nguyễn Trãi, Hà Nội và Khải Định Huế.

Ông bắt đầu viết văn làm thơ từ năm 1954 trên Tạp Chí Đồi Mới ở Sài Gòn

Tốt nghiệp Cử nhân Luật khoa và làm công chức ngành tư pháp là Thẩm Phán Công Tố thời Đệ Nhị Cộng Hòa.

Huy Trâm có bài thơ *Điệp Khúc* đăng trên Sáng tạo số 25 tháng 10 năm 1958. Đã có thơ và văn đăng trên: Bách Khoa, Thời Nay, Bông Lúa, Văn Học...

Ông được giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1969.

Ông cũng là nhạc sĩ nên đã sáng lập và Nhạc Trưởng chương trình nhạc chủ đề trên đài Truyền Hình Việt Nam từ năm 1971 đến năm 1973.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông bị đi tù cộng sản.

Đến Hoa Kỳ năm 1991.

Tác phẩm:

Truyện:

- *Chiều Quê Hương* (truyện ngắn)
- *Trời Yên Bể Lặng* (truyện ngắn)
- *Đò Ngang Trong Thành Phố* (truyện ngắn)
- *Ngõ Hẹp Quanh Co* (tập truyện)
- *Thương Nhiều Nhớ Nhiều* (tập truyện)
- *Con Đường Vô Định* (truyện dài thời đại)
- *Rì Rào Sóng Vỗ* (truyện ngắn)
- *Rau Đắng Trên Quê Người* (truyện và thơ).

Thơ:

- *Lòng Chưa Dâu Biển*
- *Như Những Bè Mây*
- *Sương Khói Chiều Hôm*
- *Sầu Cỏ Úa*
- *Dòng Lệ Thơ Ngây*
- *Đồng Xanh*
- *Đi Vào Lòng Cuộc Đời*
- *Sầu Xứ Tiếp Sầu Mây*
- *Mây Giạt Trời Đêm*
- *Cõi Bình Yên*

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Thơ Viết Chưa Xong Giữa Cuộc Đời*
- *Bụi Phấn Hoàng Hôn* (Hương Văn - USA, 2010)

Biên Khảo:

- *Những Hàng Châu Ngọc Trong Thi Ca Hiện Đại* (biên khảo, Văn Học, 1969)
- *Việt Nam Và Tâm Thức Dân Tộc* (tiểu luận, viết chung với Nguyễn Hữu Tấn)
- *Thế Nào Là Nhạc Hay* (nhận định)
- *Tự Tại Tâm* (điểm luận, viết chung với Nguyễn Hữu Tấn)
- *Những Nhà Thơ Lớn Của Đất Nước* (biên khảo)

Nhạc:

- *Cung Đàn Năm Ấy* (Tuyển tập nhạc - chưa in)

Trích văn:

Vài nhận xét về THƠ QUỐC NAM

Sau những bài thơ đầy nhiệt huyết, phát xuất từ tấm lòng yêu thương Đất Nước và ưa chuộng Tự Do, nằm trong 3 tập thơ trước, nay Quốc Nam dàn trải lòng mình với chuyện riêng tư, Tình Yêu Đôi Lứa và Những Xót Xa, Đau Khổ, trong thi tập thứ tư “Người Tình Quê Hương”. Ngòi bút của Anh rất đạt – ý thơ chân thành, lời thơ truyền cảm, nổi bật nhất là những bài “Vết Chém” (trang 80), “Xác Khổ” (trang 90), “Cao Nguyên Tình Xanh” (trang 24).

Những bài này, khi đọc lên, ai cũng xao xuyến, tưởng như có chuyện riêng mình ở trong, hoặc băng khuâng, hồi nhớ lại thời thanh xuân đã trôi xa.

Ngoài ra, trong thi tập “Quê Hương Nước Mắt” người ta cũng nhận ra nguồn cảm trong thơ của anh rất phong phú, trải rộng qua nhiều đề tài, song luôn luôn chân thực, không vẽ vờ, cường điệu. Giọng thơ của Quốc Nam phản ánh một cách trung thực mạch thơ dân tộc, trong sáng, êm đềm, có nhạc tính, cho dù viết theo thể thơ nào cũng thế.

Những bài “Đưa Mẹ về Quê Hương”, “Nói với Cha”, “Dòng sông Thánh Địa” là những bài được viết nên bởi những ray rứt, xót xa từ tâm hồn thi sĩ. Do đó ai đọc cũng phải suy cảm. Ngoài thi tài ra, Quốc Nam còn là một nhà hoạt động Văn Hóa đầy nhiệt tình. Ngay từ những ngày đầu của đời tỵ nạn, Anh đã dần thân làm báo. Tháng 5-1975 đã làm chủ nhiệm tờ Tre Xanh ở Hongkong. Kế đó, từ tháng 8/1976 anh đứng ra, không quản khó khăn, thành lập Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương (khởi đầu là báo Hoài Hương), để phát huy truyền thống Văn Hóa Việt Nam, giúp cho các đồng hương giữ được bản sắc dân tộc. Công việc anh làm đòi hỏi sự hy sinh và sáng tạo không ngừng.

Từ xuất bản báo chí, đến in sách, mở đài phát thanh, tổ chức Giải Tượng Vàng để tuyển lựa các tài năng mới trong ngành âm nhạc, người bàng quan đã thấy rõ thiện chí và khả năng của anh, trong chiều hướng dần thân phục vụ Cộng Đồng VN ở hải ngoại. Điều đáng quý là những công trình do anh thực hiện đều vô vị lợi.

Trong khi có nhiều cá nhân, khi đến được bến bờ Tự Do, là lao mình vào việc kiếm sống, làm giàu, ngày đêm chăm lo cho bản thân và gia đình. Anh đã đi theo một hướng khác bằng phục vụ Văn Hóa, đem nguồn vui cho đồng bào hải ngoại. Tôi rất trân quý tấm lòng của Anh đối với Quê Hương và nền Văn Hóa Dân Tộc Việt.

Thơ:

Tàn Thu

*lẩn trong lớp áo sương mù
và trong xác lá hồn thu chợt về
hiu hiu gió lạnh lòng se
chùm hoa thắm với ngày hè đã qua
hỡi em ! đời nắng xế tà
néo về thiên cổ tuy xa mà gần
bấy lâu mòn mỏi đường trần
đục, trong con nước cũng ngàn bến trôi !
những chi của đất – của trời
lòng ta cất giữ muôn đời khó tan
những chi bèo bọt thế gian
gạt đi ! đừng nhắc đừng than, mệt long
năm xưa – má thắm môi hồng
hôm nay nét đẹp về trong hao gầy
trà thơm – có chuyện ch hay
kể anh nghe ! sương ẩm ngày tàn thu
ngoài kia – trời trắng sương mù.*

Về quê em

*Anh một gói giang hồ đường bụi gió
Dừng quê em trưa nắng mới thu vàng
Đường đi thơm ngỏ mát thoáng hoa thơm
Giữa trưa vắng điệu ru buồn lên tiếng
Từng mái lá bàng khuâng như hò hẹn
Đón anh về hoa lá khẽ rung rinh
Hàng cau nghiêng ru mộng đẹp thanh bình*

Lòng đất mát chứa chan niềm quyến luyến
Mây lơ lửng khói buồn lên gió quện
Lòng thôn say thiếp thiếp giấc mơ trưa
Dòng sông xinh cầu vắt vẻo đôi bờ
Gió hiu hắt ngậy ngậy hơi đất mới
Nghe trong gió lời quê em réo gọi
Về quê em cho bớt nỗi tang du
Về quê em nghe lắng mộng sông hồ
Đất cũng biết đời anh buồn quá lắm
Từng mê mãi nơi thành đô bụi bặm
Lòng nhân gian tình đếm được bao nhiêu?
Đường ngược xuôi nắng sớm với mưa chiều
Tìm lạnh giá những đêm không lửa ấm
Thôi già biệt bao ngã đường thăm thẳm
Anh đừng chân tìm lại một quê hương
Trời trong xanh mấy nước lắng u buồn
Sông ngọt nước vươn xanh tươi biếc lá
Rời sẽ cùng quên phồn hoa xảo trá
Nhưng xe xưa nhưng lụa đám khinh nhau
Này quê hương ôi phép lạ nhiệm mầu
Vang tiếng sáo một trời thu bát ngát
Hồn rộng mở nghe tình quê rào rạt
Nguồn thương yêu chan chứa tự bao giờ?
Hỡi người em thôn xóm bé ngậy thơ !

Dòng Sông Xưa

Ta rời một quê hương
trái tim rời chẳng nổi
chiều nay nhớ con đường
giữa đồng nương sớm tối

HUỲNH ÁI TÔNG

*Quê em gần bóng núi
nơi có một dòng sông
từ thượng nguồn nước trong
chảy xuôi về bến đò*

*Ra đi miền đất mới
đâu còn nữa non sông
đâu hương đồng gió nội
ru êm một cõi lòng*

*Em ơi ! chớ cuồng sinh
chớ xa lìa cội gốc
chớ đạp lên nghĩa tình
chớ giành cơm người khác*

*Cho dù em chậm chạp
nhưng sau, trước hiền lương
như dòng nước quê hương
vốn trong mà chảy chậm*

không tàn ngược bạo cuồng

(trong thi tập Sầu Xứ Tiếp Sầu Mây)

Thơ Huy Trâm như bài *Về quê em* nghe như âm điệu và cả hình ảnh Trưa hè của Anh Thơ, *Dòng Sông Xưa* gợi ta nhớ đến quê hương, đến tinh tự dân tộc, gìn giữ bản sắc dân tộc chúng ta.

Cao Thế Dung có nhận xét: *Thơ Huy Trâm xuất hiện như tiếng nói vang tỏa từ một không trung tươi mát và trong lành. Thơ ông - xét toàn bộ - trong sáng một cách mơ say. Giữa những xáo trộn của thời thế, thơ Huy Trâm tìm về an nghỉ. Không phải như một an nghỉ thoải mái, tiếng thơ ông dật dờ trong lặng lẽ cùng với nỗi buồn, bay bổng phù du. Một chiếc lá rụng, một điệu ru buồn một đêm mưa, phớt vắng cũng đủ làm rung động ngất ngây tâm hồn Huy Trâm, và đi vào thơ ông như tình tự cuộc đời một cách nên thơ, trong sáng.*

Tài liệu tham khảo:

- Huy Trâm Web: lengoctrac.com
- Huy Trâm Web: news.data.vietinfo.eu

31) Duy Năng



Duy Năng Nguyễn Văn Trí (1936-2002)

Duy Năng Tên thật Nguyễn Văn Trí, sinh ngày 18-7-1936 tại Khánh Hòa (đúng ra, sinh tại Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, sau

HUYỀN ÁI TÔNG

biển cổ 1945 mất giấy tờ, hộ tịch mới khai, làm tại Khánh Hòa). Từng ghi danh trường Luật Saigon,

Duy Năng theo học Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt khóa 14, là sĩ quan trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Đã cộng tác với các báo: Quê hương ở Hà Nội do Hà Bình Trung làm chủ bút. Dân chủ, Sáng tạo, Thế hệ tại Sài Gòn. Trên Sáng Tạo số 25 tháng 10 năm 1958, đăng bài thơ *Nguồn* của ông.

Định cư ở California, Hoa kỳ, qua đời ngày 10 tháng 3 năm 2002, thọ 66 tuổi.

Tác phẩm:

- *Giác ngủ chân đèo* (1965)

Trích thơ:

giác ngủ chân đèo

*Qua đỉnh non cao bốn phương trời bát ngát
Sóng gió hát đưa rừng tím lạnh một màu
Ai mang chiều về nắng ngập lũng sâu
Ta dừng chón nghe mùa thu mới lớn
Sương ướt hoa vàng lối bước
Áo xanh sắc núi
Khói vương bên kia đồi com ống tre thom
Ba- lô làm gói chứa mộng mười phương
Lửa không đốt chiều thu
Thương nhớ về nhau vừa đù ấm
Nghe gì không anh, đầu cây treo nguyệt lạnh*

Tiếng nghẹn hai bờ
Lúa tuổi yêu xưa
Trai gái 20 trang sức sông hồng
Bỗng kiếp vọng phu, hồn người hóa đá
Nghe gì không anh, lời nước nở
Sao Bắc Đẩu phương nào ?
Liệu em tôi còn đẹp mộng hoàng hoa
Hay chết giữa nụ cười chưa kịp chớm .
Khỏi lửa 10 năm ...tôi lớn
Đem thân đi gởi thao trường
Cha tôi không còn ,
xưa lấy máu nhuộm quê hương.
Thuở tôi bé bỏng
Nghe quân thù về, đồng khô ruộng trống
Cây không đơm hoa, người vắng vẻ nẻo làng .
Tôi bỏ sân trường,
Gói trọn yêu đương
Lòng ấm những mùa đông Thanh, Nghệ
Đầu thôn mẹ nhắc nhớ
Đi, nhớ chiến công về
Mắt già không nhỏ lệ
Em nụ cười ngây thơ .

Áo mỏng, hai manh quần đay nội hóa
Hận nóng trên đầu,
môi quên rét Thượng du
Mười năm ở rừng sâu
Không một ngày thấy mẹ
Bữa ở chốn xa về
Quay lại quê hương ...

HUỖNH ÁI TÔNG

*Anh nghe gì không ?
Bỏ Hà Nội đi bao năm tôi còn nhớ
Tiếng kể lại âm thầm ,
 từ chia cắt 2 phương
Xua quân thù về đồng trống ruộng trồng
Dân bỏ nhà theo kháng chiến
Cha mẹ tiễn con không bịn rịn
Ngày con về, cha mẹ chết từ lâu .*

*Ngậm ngùi tôi sẽ hỏi
Mẹ tôi chết vì đâu ?
Em tôi phương nào ,
 có biết tôi rừng sâu
Da vàng theo nước đục
Mắt tinh anh nhạt màu
Những đôi mắt ướt buồn không nói
Những tuổi già nua lạng cúi đầu .*

*Nghe gì không , anh hỏi ?
Chuyện 10 năm rồi, ô nhục cả ngàn sau
Con đem thân giết giặc
Mẹ chết trong thương đau
Giữa đêm đầu tôi, thân già yếu
Gục giữa bàn tay lũ sói trâu .*

*Em gái dân công, đời mới lớn
Giữa đường bỏ xác núi rừng sâu
Ai đã mấy phen trời Việt Bắc
Mấy phen cơn nướu bầu*

Hai bờ ngăn cách vì đâu ?
Giác ngủ 10 năm chột tỉnh
Một triệu người kịp thoát,
lời thề khắc trên cầu :

(.....
.....
.....) **

Trời tự do tiếng hát chân đèo
Ai mới rời trường qua bản nhỏ
Điệu khèn nào vọng theo
Nhớ buổi chiều qua đường về xứ Quảng
Ghé thăm người chị ở Sa Huỳnh
Quen chị 4 năm xưa
Ngày tiếp thu Bình Ngãi
Chị giờ thêm cháu gái
Lúa vừa độ dậy thì
Đậu đầu mùa đang hái
Chiến dịch anh vừa đi
Xứ Quảng 5 năm trời đổi khác
Hãi hùng xưa ai nhớ đến làm gì ?
Máu phù sa sông Vệ
Bến Trà Khúc rộn ràng
Đập Đồng Cam nước lũ
Quên sao được Bồng Sơn!
Suốt dọc miền Trung tôi mới đến
Đó ai tìm thấy 9 năm trường ?
Cửa nhà mái tranh đơn
Cửa đường, cây chắn lối
Ai chờ chồng Bộ đội ?
Quả phụ tuổi trắng tròn

HUYỀN ÁI TÔNG

Từ thoát ưu sầu dựng lại quê hương
Đất hẹp dân nghèo nhân nại
Giờ tôi qua lúa xanh trời Phù Cát
Thấm thiết cô em ruộng muối Sông Cầu
Trên đồng cạn dưới đồng sâu
Sớm nắng
Chiều mưa
Cây lành chim đậu
Ngồi dậy mà xem, kia Anh, Sao Bắc đẩu
Cháy trên rừng cao như nổi căm thù
Xác mẹ tôi không liệm được bên này
Để góp phần sông núi
Nghe chúng mình đi dựng ngày 20 tuổi
Khúc ca bắc đẩu đầu môi
Đêm đã khuya tự bao giờ
Che khuất nửa trời xứ Lào *** ,
nẻo Trường Sơn ai rong ruổi.
Nhớ rừng quít Ea Tul
Nẻo đất phù sa vào xem mở hội
Bản Thượng tung bồng
Rượu ché men nồng
hạc buổi hoang sơ
Mưa Pleiku, Ban Mê Thuật níu về ta
Áo chiến vui màu thu biên giới
Có nghe trùng dương, chân đèo lên tiếng gọi
Bên kia trờì Đại Lãnh ,
áo tím chiều Nha Trang
Mùa Xuân vừa e ấp
Hôn nhau buổi lên đường
Qua nước non yêu lòng nhớ đến vô cùng

*Đường dài mấy ngả : Phú, Khánh, Bình, Tuy ...
Mai về lại Cao nguyên
Giấc ngủ đêm nay con thao thức
Ta nằm nghe Quốc lộ xuyên sơn vui chuyển bộ hành
Chắc người trai về ghé lại Hàn giang
Mua quà trao bến Ngự
Đám cưới quê hương, trăng lành thịnh trị
Đèn phố
Tiếng cười trẻ thơ
Đầu gối Ba-lô góp phần tham dự
Mai tiếng Quân ca
Đẹp đình chân ta nhớ đến bao giờ !
(GIẤC NGỦ CHÂN ĐÈO)*

* chỉ trích đăng 1/4 bài .

** biên tập tạm lược 3 câu .

** * nguyên văn : Ai Lao .

Cỏ Xanh Hoa Bướm Đường Em Đến

*Đêm rừng rùng hoang hoa tím lối xanh
Xa xôi nghe gọi lại tên mình
Úp tay tâm sự vòng hoa cúc
Mây nhạt sao nhòa lúa tuổi trắng
Mắt ngã màu thu em cuối phương
Vàng son trong mộng lối quê hương
Mười năm ý tứ lên môi thắm
Một phút giây nào có nhớ thương
Anh gặp hôn em đi giữa cạnh nhau
Phấn hương trang sức tiếng ban đầu*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hai mươi kiêu hãnh em về ngự
Trời đất đành không dám bẻ râu
Tuổi nhỏ yêu gìn giữ giữa tay
Chỉ là hơi thở cũng hương bay
Anh xin châu ngọc ngói thân nữ
Không rượu hoàng hoa ý đã say
Vị chữa phai màu trên nụ môi
Trở nghiêng hình tượng đã đi rồi
Bẻ râu mấy bận trời theo đất
Anh mộng hồn hoang những lúa đôi
Thế kỷ không còn trăng nhớ mây
Ngọt ngào tâm sự lối thơ ngây
Cỏ xanh hoa bướm đường em đến
Hương sắc trần gian của phút giây
Canh trở nghiêng mình ta nhớ canh
Ngoài song đêm rụng tím trắng xanh
Xa xôi nghe gọi còn nguyên đó
Gót vẫn thơm mùa băng tuyết trinh
Kính cần anh tìm sợ dáng phai
Chỉ là vườn mộng lối liễu trai
Đêm đêm hư ảo lên thần tượng
Ngày vẫn ngày đi xuân nhớ mai.*

(Thi phẩm GIÁC NGỦ CHÂN ĐÈO)

Đọc giấc ngủ dưới chân đèo của Duy Năng không khỏi làm cho người ta liên tưởng tới thời kỳ chiến tranh, những dòng thơ u buồn khi tuổi thơ bị đánh mất, xóm làng không có thanh bình, hận thù chồng chất, mẹ tiễn con lên đường tòng quân

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

nhập ngũ, người quân nhân gói đầu trên ba-lô, mơ một ngày về đất nước thanh bình.

Đọc thơ Duy Năng nỗi buồn thấm dần, càng đọc càng thấm hơn.

Tài liệu tham khảo:

- Duy Năng Web: thang-phai.blogspot.com

- Duy Năng Web: gio-o.com

32) Trần Dạ Từ



Trần Dạ Từ Lê Hà Vĩnh (1940-)

Trần Dạ Từ tên thật là Lê Hà Vĩnh sinh năm 1940 tại Hải Dương.

Năm 1954, di cư vào Nam, bán báo sinh nhai.

Năm 1955, mới 15 tuổi, Trần Dạ Từ đoạt giải nhất về Thơ của Đài Phát Thanh Pháp Á ở Sài Gòn.

HUỖNH ÁI TÔNG

Năm 1956, ông lại đoạt giải nhất về thơ của tập san Nhân Loại, do Tam Ích làm Trưởng ban Chấm giải.

Thơ ông đăng trên Sáng Tạo số 26 tháng 11 năm 1958: *Có ai, Mộng Đòi, Bước đi.*

Năm 1959, Trần Dạ Từ làm ở Đài Phát Thanh Sài Gòn trong chương trình Tiếng Thơ của Mặc Thu, sau đó năm 1965, ông làm “cố vấn” cho nhà văn Huy Quang Vũ Đức Vinh, khi ông này giữ chức Tổng Giám Đốc Vô Tuyến Truyền Thanh Việt Nam.

Đầu thập niên 1960 cộng tác với Nguyên Sa làm tờ Gió Mới.

Năm 1962, thời đệ nhất Cộng Hòa, miền Nam có 9 tờ nhật báo, Trần Dạ Từ làm Tổng Thư Ký một tờ nhật báo là tờ báo Dân Việt, tờ báo Thiên chúa giáo, gốc Bắc.

Sau khi ra khỏi tù năm 1963 vì tranh đấu Phật giáo, Trần Dạ Từ tiếp tục làm báo Dân Việt đổi thành Việt Báo do Phương Linh làm Chủ nhiệm.

Sau 1975, ông và vợ là Nhã Ca đều bị Cộng Sản bắt giam, riêng ông bị giam cầm nhiều năm.

Năm 1988, dưới sự bảo trợ đặc biệt của chính phủ Thụy Điển, được cùng với gia đình sang Thụy Điển sinh sống.

Đến năm 1992, gia đình ông sang quận Cam, California Hoa Kỳ định cư. Ông cùng với Nhã Ca xuất bản tờ báo Việt Báo.

Ngoài làm thơ, viết báo, Trần Dạ Từ còn là nhạc sĩ sáng tác, đó là các ca khúc *Nụ Cười Trăm Năm.*

Đề cập tới nguyên nhân ra đời của CD Nụ Cười Trăm Năm, thơ và nhạc của Trần Dạ Từ, Khánh Ly cho biết:

Mùa hè 1959, ông Mặc Thu, "xếp" chương trình Tiếng Thơ, Đài Phát Thanh Sài Gòn, trình trọng bảo một anh nhóc tí, "Thi sĩ coi cháu Mai tập bài này, điệu ru con miền Bắc". Tức cười, năm ấy tôi 14 tuổi. Thi sĩ bắt quá chỉ hơn tôi dăm ba tuổi. Hai anh em cùng dân bà cả đội, đi xin ngâm thơ để kiếm cơm. Chúng tôi biết nhau từ đó.

Ba mươi năm sau, tháng Chín 1989, mừng đón Trần Dạ Từ lần đầu tiên tới Mỹ, một số bạn hữu gồm các anh Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Trần Tử Thiêng, chị Kiều Chinh và chúng tôi họp nhau ở Cerritos. Ngồi vòng tròn trên sàn nhà, tới phiên anh Từ, thay vì đọc thơ, anh cầm đàn. "Một mùa hè chết oan bên trời..." Anh hát và nói, chỉ là loại bài hát làm bầm cho qua trong tù thôi, chẳng để làm gì.

"Mùa hè 2009, bỗng nhớ bài hát cũ, tôi đi tìm anh Từ, bảo anh ngó quanh coi còn ai. Các ông ấy chết rồi. Anh cũng vậy. Những bài hát 13 năm tù đầu, đưa ngay chúng cho em. Nhờ vậy mà có CD Nụ Cười Trăm Năm.

Tháng Tám rồi, trong buổi họp mặt Viết Về Nước Mỹ năm 2009, lần đầu tiên tôi hát bài "Nụ Cười Trăm Năm", trong số khán thính giả vây quanh, có cô nhà văn rất trẻ nói em nghe cô hát mà giàn giụa nước mắt. Tôi nói tôi cũng như em thôi. Hơn một lần mắt dầm lệ khi hát.

Tác phẩm:

- *Thuở Làm Thơ Yêu Em*
- *Nụ Cười Trăm Năm (2009)*

Trích thơ:

Thửa Làm Thơ Yêu Em

*Thửa làm thơ yêu em
Trời mưa chưa ướt áo
Hoa cúc vàng chân thềm
Gió mây lưng bờ đậu
Chiều sương đầy bốn phía
Lòng anh máy ngã ba
Tiếng đời đi rất nhẹ
Nhịp sầu lên thiết tha .*

*Thửa làm thơ yêu em
Cả dòng sông thương nhớ
Cả vai cầu tay nghiêng
Tương tư trời thành phố
Anh đi rồi lại đến
Bài thơ không hết lời
Bao nhiêu lần hò hẹn
Sớm chiều sao xa xôi
Mười bảy năm chợt thức
Bây giờ là bao giờ
Bàn tay trên mái tóc
Nghìn sau còn băng quơ*

Nụ hôn đầu

*Lần đầu ta ghé môi hôn
Những con ve nhỏ hết hôn kêu vang
Vườn xanh, cỏ biếc, trưa vàng*

*Ngàn cây phượng vĩ huy hoàng trở bóng.
Trên môi ta, vạn đóa hồng
Hôn em trời đất một lòng chứa chan
Tiếng cười đâu đó ròn tan
Nụ hôn ngày ấy miên man một đời
Hôm nay chợt nhớ thương người
Tiếng ve mùa cũ rưng rờ vai anh
Trưa vàng, cỏ biếc, vườn xanh
Môi ai chín đỏ đầu cành phượng xưa.*

(Trích Thửa Làm Thơ Yêu Em)

Thơ cũ của nàng

*Người đi qua đời tôi
Trong những chiều đông sâu
Mưa mù lên mấy vai
Gió mù lên mấy trời
Mây mù lên mấy biển*

*Người đi qua đời tôi
Hôn lưng mùa rét mướt
Đường bay đầy lá mùa
Vàng xưa đầy dấu chân
Lòng vắng như ngày tháng
Đen tối vùng lãng quên*

*Người đi qua đời tôi
Chiều âm vang tiếng sóng
Bàn tay mềm khói sương
Tiếng hát nào hơi nóng*

*Người đi qua đời tôi
Nghe những lời linh hồn*

*Phi lao dài tiếng ru
Êm ái lòng hối tiếc
Trên lối về nghĩa trang
Trong mộ phần tối đen*

*Người đi qua đời tôi
Không nhớ gì sao người
Em đi qua đời anh
Không nhớ gì sao em*

Mùa Ngô Cũ

*Đuổi bắt trên đồi cao
Trời mưa dầm gió rét
hai đứa níu kéo nhau
Té lăn cù tưởng chết*

*Tinh dậy dưới chân đồi
Ruộng ngô ai ngào ngạt
Chạy khắp ruộng tìm coi
Nào ngờ em trốn mất*

*Tháng Ba ngô kết trái
Một mình ta giận thay
Bắt đèn ruộng ngô đầy
Bỏ về cho biết tay*

*Ôm về em bó ngô
Hai đứa cười khúc khích
Đêm nay ta nhóm lửa
Nướng ngô vui bằng thích*

*Những trái ngô đầu mùa
Cười ròn trên bếp lửa*

*Ngoài xa trời gió mưa
Ai đại gì thương nhớ*

*Hạt ngô thơm mùi sữa
nở đều như răng em
Ta ghe môi cắn vỡ
Ăn mãi chưa đã thèm*

*Ngô chín vàng đêm đêm
Giục lòng ta cháy đỏ
Gió mưa gieo ngoài thềm
Giật mình biết đâu đó*

*Lời muốn nói yêu em
Như than hồng trong miệng
Nhai dập nghìn hạt mềm
Vẫn cát không thành tiếng*

*Muốn nương nhờ vai em
Hai bàn tay bão dậy
Vật vờ trăm nghìn phen
Vẫn dần lòng mai vậy*

*Mai rồi mai lần nữa
Thoáng chốc mười mấy năm
Bao nhiêu mùa ngô vàng
Bấy nhiêu mùa nhưng nhớ*

*Hôm nay qua đời xưa
Trợt chân bàng hoàng mãi
Ôi ngày thơ tình thơ
Mất về đâu tuổi đại*

Tháng Ba ngô kết trái

HUỶNH ÁI TÔNG

*Một mình ta buồn thay
Ruộng ngô vàng vẫn đầy
Nhưng bẻ về với ai*

*Về với ai giờ nữa
Một mình ta ngẩn ngơ
Nghe hạt ngô đầu mùa
Vỡ trong răng nức nở*

Mộng Đồi

*Hoa và trái một đêm nào thức dậy,
Nghe mộng đồi xao-xuyến giấc xuân xanh .
Con đường đó một đêm nào trở lại
Cùng gió mưa phùn trên cánh tay anh .*

*Hoa bông nở và trái sầu bông chín
Tim xa-xưa còn đó chút trông-chờ
Màu thơ dại vẫn tươi màu kỷ-niệm,
Bóng cây nào ôm mãi mắt hư-vô .*

*Tháng giêng đó, anh mỉm cười bước tới,
Khi yêu em tay cũng mở như lòng .
Môi Thần-Thánh biết gì đâu tội-lỗi,
Lối đi nào ngậy-ngát bước song-song ?*

*Anh sẽ nhắc trong những tàn phai ấy,
Đêm hoàng-lan thơm đến ngọt vai mình,
Ai sẽ biểu trong một lần trở lại,
Hoàng-lan xưa còn nức-nở hôn anh .*

*Tháng Giêng hết thôi giận hờn đã muộn,
Khi xa em, vai mới biết đau buồn,
Tơ gấm biếc nào nâng từng bước chậm*

*Trá giùm tôi về những dấu chân chim .
Hoa và trái đêm nay đây thức dậy
Ôi mộng đời em hiểu chữ xuân-xanh
Con đường đỏ đêm này đây trở lại ;
Cùng gió mưa phùn buốt cánh tay anh ...*

(Bài thơ này đã được nhạc sĩ Hoàng Thanh Tâm phổ thành ca khúc "Đêm Hoàng Lan")

Thơ Tình Kiều Nguyên Sa

*Nó ở đâu ra. Cái nhe răng
Nó ở đâu ra. Cái trợn mắt
Nó ở đâu ra. Cái găm gù
Nó ở đâu ra. Móng và vuốt*

*Chúng ta đã gặp gỡ. Đã hẹn hò
Đã ôm ấp. Đã vuốt ve
Đâu thấy có nó*

*Chúng ta đã yêu đương. Đã sinh nở
Đã ghen tuông. Đã giận dữ
Đâu thấy có nó*

*Chúng ta đã sụp đổ. Đã chia lìa
Đã nhắm mắt. Đã tưởng tượng
Đâu thấy có nó*

*Nó ở đâu ra. Sao nó ra vậy
Cụp nó lại. Dìm nó xuống
Bẻ nó. Chặt nó. Dứt bỏ nó*

*Khó à
Làm thế nào bây giờ*

*Từ từ. Cẩn thận nhé
Anh hôn em.*

Saigon, 9-9-1988
Ngày trở về từ nhà tù

Nụ Cười Trăm Năm

*Trang thư xưa cúc hoa vàng
Đi theo ta mãi mênh mang
Mênh mang thời yêu dấu
Mênh mang những bể dâu
Và cơn gió thu xưa nhắc ta có nhau*

*Có nhau. Có xưa ôi khờ khạo
Có nhau. Có nay sao dạn dày
Và có ta dạt đó, trôi đây*

*Gọi nhau nghe trái đất quay
(trái đất quay, quay, quay)
nửa vòng*

*Và hôn ma và bóng quế
dù cho vẫn chập chùng
Thì tình ta, tình ta mãi
mãi mênh mộng biển trời*

*Cùng nhau, hai tuổi năm mươi
Có nhau, ta có chung nụ cười
Nụ cười trăm năm
Nụ cười trăm năm*

TDT

(Phổ nhạc, California, 2009)

Trần Dạ Từ, một người ít học ở nhà trường, nhưng học nhiều ở trường đời, con người đa năng, làm báo, làm thơ, sáng tác nhạc. Địa hạt nào ông cũng thành công, để lại cho người thưởng ngoạn luôn nhớ tới ông.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Dạ Từ Web: quehuongngaymai.com
- Trần Dạ Từ Web: <http://baotreonline.com>



Trần Dạ Từ - Cholé

33) Hoàng Anh Tuấn



Hoàng Anh Tuấn (1932-2006)

Hoàng Anh Tuấn sinh ngày 7 tháng 5 năm 1932 tại Phố Nhà Chung, Hà Nội trong một gia đình năm anh em mà ông là con trai cả và duy nhất. Khi mới bắt đầu tiểu học thì thân phụ ông, một dược sĩ phải đi làm việc tại Vinh, gọi ông lại nhà ông bác để đi học. Ông theo học tại trường Dòng Puginier ở Hà Nội.

Năm 1943, phi cơ Nhật bắt đầu dội bom Hà Nội, cũng là lúc ông thân sinh bỏ việc ở Vinh, về Hà Nội mang gia đình chạy loạn về Hưng Yên, một tỉnh lỵ êm đềm ở xa Hà Nội. Cho tới lúc này, Hoàng Anh Tuấn lên tới lớp ba mà chưa biết một chữ Việt nào nên được một ông thầy quốc ngữ, thầy giáo tu xuất tên Khắc dạy kèm và dạy cả cách làm thơ. Ông giáo này chính là Trung Tá Vũ Văn An sau này mà Hoàng Anh Tuấn gặp lại

tại Cục Tâm Lý Chiến.lúc ông về làm cho tờ nhật báo Tiền Tuyến.

Hoàng Anh Tuấn đỗ tiểu học năm 12 tuổi và theo học trường trung học Đỗ Hữu Vị, nguyên là ngôi trường ở Hà Nội di tản về Hưng Yên. Sau khi yên ổn, trường này lại chuyển về Hà Nội, đổi tên trường là Nguyễn Trãi, tọa lạc tại Chùa Láng, ngoại ô Hà Nội. Gia đình của Hoàng Anh Tuấn lúc ấy dọn về Phố Tây Tuyên Quang, tức là hàng Đầy, Sinh Từ, sau đổi tên là Cao Bá Quát.

Trong lúc phong trào kháng chiến chống Pháp lên cao, Hoàng Anh Tuấn tuy còn nhỏ cũng ra khu và học trường trung học Nguyễn Huệ, tại làng Sêu, thuộc Khu 3 gần Hà Nội và tham gia toán du kích Đống Đa.

Theo Mặt trận Việt Minh một thời gian bị tù giập, khiến Hoàng Anh Tuấn phải bỏ trốn về Hà Nội. Vào trường Dũng Lạc, Hoàng Anh Tuấn gặp Duy Thanh (họa sĩ), có bạn bắt đầu làm thơ văn. Năm 14 tuổi, Hoàng Anh Tuấn có thơ đăng trên báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy của Nhà Xuất Bản Tân Dân, Hà Nội.

Chưa học xong bậc trung học, năm 16 tuổi, sợ tới tuổi lính Hoàng Anh Tuấn đã được gia đình “đẩy” qua Tây, gởi nhờ một ông bạn của bố là ông Tham Giảng (Jean), “một ông Tây lai ở tại thành phố Nice. Hoàng Anh Tuấn học lại lớp “secondaire” ở một trường dòng tư thực, nhưng mới một năm, ông tình cờ gặp Nguyên Sa Trần Bích Lan từ Paris về nghỉ hè ở Nice và rủ rê Hoàng Anh Tuấn bỏ nhà đi Paris bụi đời.

HUỲNH ÁI TÔNG

Hoàng Anh Tuấn thích quá, bỏ Nice về Paris. sau đó theo học tiếp tại Povens, một tỉnh cách “thủ đô ánh sáng” khoảng 100km, nửa chừng lại bỏ vào IDHEC, một trường điện ảnh khá nổi tiếng ở Paris, nơi mà Lê Mộng Hoàng, Lê Hoàng Hoa đã theo học.

Năm 1954, Hoàng Anh Tuấn kết hôn với cô Ngô Thị Liên, một sinh viên Dược Khoa tại Paris và hai người sinh hạ được một gái tên là Hoàng Hôn Thắm, một trai là Hoàng Ánh Thép, những cái tên rất lạ tai

Năm 1958, Hoàng Anh Tuấn về Saigon, hy vọng theo nghề điện ảnh, ông làm đạo diễn cho hãng phim Alpha của Thái Thúc Nha. Nhưng chỉ ít lâu, nghề điện ảnh không đủ sinh sống, Hoàng Anh Tuấn lại xoay nghề đi làm báo cho các tờ Nhật báo Hiện Đại, Đồng Nai và Tiền Tuyến. Trong giai đoạn mới vào nghề báo, chính ký giả Huỳnh Thành Vị và Phi Vân đã truyền cho ông tay nghề để có thể lay out, làm tin hay viết các trang trong, để thành một tay làm báo “đa năng”.

Hoàng Anh Tuấn, bạn của Nguyên Sa ở Pháp, của Ngọc Dũng thuê ở Hà Nội, ai là nhịp cầu đưa ông đến Sáng Tạo đăng bài thơ: *Điều Nhạc Tắt Đèn* số 28 & 29 tháng 1, 2 năm 1959.

Năm 1965, ông Vũ Đức Vinh (Huy Quang), Giám Đốc đài Phát Thanh Quốc Gia cần một người đảm trách việc điều hành đài Phát Thanh Đà Lạt, Hoàng Anh Tuấn lại nổi máu giang hồ, bỏ nghề báo đi theo tiếng gọi của ngành vô tuyến. Đây là thời gian ổn định nhất của Hoàng Anh Tuấn, khi ông làm đài phát thanh, vợ ông dạy tại trường Trung Học Yersin, gia đình ở Đà Lạt cho tới năm 1974, ông mới về lại Saigon.

Hoàng Anh Tuấn được coi như người nghệ sĩ “bá nghệ”, về kịch, ông là tác giả nhiều vở được trình diễn tại sân khấu miền Nam trong đó hai vở kịch nổi tiếng nhất của ông là “Hà Nội 48” và “Ly Nước Lọc”. Về điện ảnh, ông là đạo diễn của hai phim” Xa Lộ Không Đèn”và “Nghìn Năm Mây Bay”...

Hai tháng sau khi miền Nam mất, ông bị tập trung cải tạo trong “diện văn nghệ sĩ phản động” tại trại Phan Đăng Lưu, cùng với các nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, Duyên Anh, Hoàng Hải Thủy... Hai năm sau, Hoàng Anh Tuấn ra tù và sống với tình trạng rất khó khăn. Sau đó, chính phủ Pháp đã can thiệp cho ông cùng gia đình sang Pháp định cư.

Năm 1981, gia đình ông được sang Hoa Kỳ do Hoàng Hôn Thắm con gái ông bảo lãnh, cô này đã di tản khỏi Việt Nam năm 1975. Thoạt đầu, gia đình ông định cư tại tiểu bang Ohio, rồi sang California tham gia sinh hoạt báo chí, cộng tác với Du Miên khoảng hai năm. Sau đó, để thay đổi không khí và thỏa mãn máu giang hồ, Hoàng Anh Tuấn lại về Washington DC đầu quân với Nguyễn Thanh Hoàng làm thư ký tòa soạn tờ Văn Nghệ Tiền Phong, nhưng ông chỉ dừng chân đúng một năm như lời giao hẹn.

Cuối cùng, Hoàng Anh Tuấn “tự hưu trí” tại San Jose, tiếp tục làm thơ nhưng chừa rượu, bỏ thuốc lá vì bệnh tật. Ông có sáu con, hai trai, bốn gái hiện sinh sống tại Santa Ana, Washington DC, Dallas và Houston.

Về lai lịch, bên nội Hoàng Anh Tuấn là người Hà Nội nhưng thân mẫu lại là giòng giới hoàng tộc ở Huế. Ông ngoại của Hoàng Anh Tuấn nguyên là họ Chế, gốc Chiêm Thành, sau

HUỶNH ÁI TÔNG

chiến tranh Chiêm Việt, vua nhà Nguyễn có bắt một số nghệ nhân Chiêm Thành đem về kinh đô. Ông họ Chế này học đỗ Tiến Sĩ, có tài viết chữ đẹp và rất được nhà Vua tin dùng. Ông “trả thù dân tộc” bằng cách kết hôn với một công chúa cháu của vua Thiệu Trị và sinh ra thân mẫu của nhà thơ Hoàng Anh Tuấn.

Cuộc đời của Hoàng Anh Tuấn đã trải qua những tháng năm ở những vùng đất đã mang ý thơ cho nhiều thi sĩ Việt Nam là Paris, Hà Nội và... Đà Lạt. Tuy vậy ta ít thấy nhà thơ này nói đến Đà Lạt hay Paris, nhưng Hà Nội, một nơi mà ông sống một thời gian rất ngắn, chỉ với mười sáu năm của thời thơ ấu, nhưng đã để lại nhiều ấn tượng nhất trong đời sống của ông. Với Nguyên Sa, tình yêu là Paris, với Hoàng Anh Tuấn tình yêu là Hà Nội, một Hà Nội xa xôi không phải là Hà Nội bây giờ.

Năm 1998, sức khỏe nhà thơ Hoàng Anh Tuấn suy yếu, tháng Giêng năm 2005, phát hiện bị ung thư phổi, tháng 2 năm 2005 nhà thơ Hoàng Anh Tuấn vào viện dưỡng lão Mission De La Casa, thành phố San Jose và trút hơi thở cuối cùng tại nơi này vào lúc 7 giờ 35 sáng, ngày 1 tháng 9 năm 2006. Hưởng thọ 74 tuổi.

Tác phẩm:

- *Yêu Em, Hà Nội và Những Bài Thơ Khác* (thơ)

Đạo diễn phim:

- *Xa lộ không đèn*. (kịch bản và đạo diễn HAT)
- *Ngàn năm mây bay*. (truyện của Văn Quang)
- *Hai Chuyến Xe Hoa* (tuyện của Ngọc Linh)

Trích thơ:

Mưa Sài Gòn, mưa Hà Nội

*Mưa hoàng hôn
Trên thành phố buồn gió heo may vào hồn
Thoảng hương tóc em ngày qua
Ôi người em
Hồ Gươm về
nuông chiều tà
Liễu sầu úa thềm cũ nằm mơ hiền hoà
Thương màu áo ngà
Thương mắt kiêu sa
Hiền ngoan thiết tha
Thơ ngây đôi má nhung hường
Hà thành trước kia thường thường
Về cùng lối đường
Khi mưa buốt,
lạnh mình ướt
Chung nón diu bước
Thơm phố phường
Mưa ngày nay
Như lệ khóc phần đất quê hương tù đày
Em ngoài ấy còn nhớ hẹn xưa miệt mài
Giăng mắc heo may
Sầu rơi ướt vai
Hồn quê tê tái*

Mưa mùa Thu

Năm cửa ô sâu hắt hiu trong ngục tù
Tủi thân nhớ bao ngày qua
Mưa ngùi thương nhòa trên giòng sông Hồng hà
Liễu sầu úa thềm cũ nằm mơ hiền hòa
Đau lòng Tháp Rùa
Thê Húc bơ vơ
Thành đô xác xơ
Cố liêu trong nỗi u hoài
Lòng người sống lạc loài
Thê lương mềm vai gầy
Bao oan trái
Dâng tế tái
Cho kiếp người héo mòn tháng ngày
Mưa còn rơi,
Ta còn ước rồi nắng yêu thương về đời
Vang trời tiếng cười
ấm niềm tin hồn người
Mây trắng vui tươi
Tình quê ngút khơi
Tự do phơi phới

Bài thơ Hà Nội

Em Hà Nội hàng Đường trong giọng nói
Để hàng Bông em ái lốt cơn mơ
Thương những buổi chiều Bác Cổ ngày xưa
Anh nắm nốt một trường thi lãng mạn
Thơ thuở bé khắc ghi tình ngô Trạm
Hàng Cỏ ơi, nét thảo có mờ phai

*Theo gót chân em từng bước hàng Hải
Yêu hàng Lược chải mềm hương mái tóc
Thương dĩ vắng chiều Cổ Ngự trốn học
Hồn ngây ngô theo điệp khúc hàng Đoàn
Hàng Guốc trưa hè gõ nhịp bình an
Khi hàng Nón quay nghiêng che mắt thỏ
Anh lúng túng cả Đồng Xuân xấu hổ
Gió mơn man hàng Quạt, áo đong đưa
Đây hàng Khay anh đưa tặng bài thơ
Em hót hoảng chợ Hôm vừa tắt nắng
Thơ bay lạc, hồn anh là hàng Trống
Nghe hàng Gai cùng mũi nhọn buồn đau
Ôi hàng Ngang tội nghiệp mối tình đầu
Anh hờn giận mơ hàng Buồm lãng tử
Em Hà Nội đáng Sinh Từ thực nữ
Tìm đến anh hàng Giấy mỏng tương tư
Nghe khơi buồn sông Tô Lịch ngăn ngại
Thơ giàu có như thương về hàng Bạc
Hàng Vôi đỏ nồng nàn trong ngây ngất
Ý hàng Đào chín mọng trái môi chia
Xin hàng Than rục cháy lửa đam mê
Khi quán quít trong ái ân Hà Nội.*

Yêu Em Hà Nội

*Hà Nội yêu, anh vẫn yêu muốn khóc
Mấy chục năm, xa đến mấy nghìn năm
Giã từ em - mười bảy tuổi - một lần
Thu rất mỏng, mưa hững hờ đẫm lá*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Hà Nội yêu, áo lụa ngà óng ả
Thoáng khăn san nũng nịu với heo may
Năm ngón tay nhón một trái ô mai
Chiếc răng khểnh xinh nụ cười cam thảo*

*Hà Nội yêu, mối tình đầu khờ khạo
Em nhận thư, anh ngây ngất tui mừng
Khi về nhà, cười nụ với cầu thang
Một tuần lễ, vui như ngày thi đỗ*

*Hà Nội yêu, cốm Vòng đơm gió nhỏ
Nên mùa Thu kín đáo khép tà mây
Ván giải gianh, có một lúc bàn tay
Vơ nắm sỏi với lòng anh hồi hộp*

*Hà Nội yêu, đẹp Trưng Vương mái tóc
Chiếc kẹp nghiêng, ba lá nép vào nhung
Miếng sấu xanh đờng chua quá ghê răng
Em hóm hình, chiếc mũi xinh chun lại*

*Hà Nội yêu, liễu hẹn hò nắng mới
Hẹn hò em anh bồi rối chim khuyên
Nào có bao giờ anh được hôn em
Nên dáng liễu còn u sầu vạn thuở*

*Hà Nội yêu, xin cầm tay lần nữa
-một lần thôi cho vừa đủ hai lần-
thêm ngày xưa hạnh phúc rất thiên thân
anh chết lặng trong tình yêu thác đổ.*

*Hà Nội yêu, vẫn y nguyên tưởng nhớ
Nên nghìn năm vẫn ngỡ mới hôm qua
Bóng hoàng lan, sân gạch mát sau nhà
Còn vương vấn trong những bài thơ cũ*

*Hà Nội yêu, xin về từ thống khổ
Dây kềm gai dù xé rách bờ vai
Bóng ngục tù dù ngẫu đực mắt nai
Anh xin đón vào đôi tay khô héo.*

Gìn Giữ

*Anh thăm nhủ đợi cuối tuần sẽ nói
cuối tuần này anh hẹn cuối tuần sau
nhưng gặp em anh ngần ngại lắc đầu
để khi khác hôm nay còn sớm quá*

*yêu mãi mãi can chi mà vội vã
em còn đây tóc lả nhánh ngang vai
em còn đây mười sáu tuổi thơ ngây
đường đi học hôm nào không gặp gỡ*

*nhưng nín lặng anh về nhà khổ sở
gọi tên em mà nhớ vẫn y nguyên
anh bảo rằng sẽ phải làm quen
dù khó nói hơn một lần xưng tội.*

*Đường đi học chung con đường mấy buổi
Bữa đi thi là lần cuối gặp nhau
Anh là người chỉ dám theo sau*

HUYỀN ÁI TÔNG

Theo kín đáo để em đừng ngỡ lại

*Tuổi học trò tình yêu khờ dại
đem thiên đường hoa lá kết trắng sao
mười năm rồi anh vẫn ước ao
được tiến ngang vai nhìn nghiêng mái tóc*

*và bảo rằng mãi mãi yêu em
khói thuốc dần tan trôi trên ánh đèn
em trước mặt mưa ngoài kia xối xả
em nằm nghiêng đẹp vô cùng lơ lả*

*tóc chán chường ôm xoa nửa cơn điên
em vội vàng cất tiếng cười lên
cho đau đớn ở lưng chừng kiêu hãnh
tay mon trón nhả một loài rắn lạnh*

*khấp mình anh nghe rợn mảnh chai đâm
anh xiết vai em nức nở âm thầm
gọi bóng tối để tìm ngậy thơ cũ.
Trời còn mưa khi anh bỏ ra về*

đi rất khế để em đừng tỉnh giấc...

Chiều Thơm Gỗ Cũ

*Hương còn ngán ả trên môi,
Ươm hơi rùng cũ
Đuộm mùi gỗ xưa
Mướt lá đọt
Óng rêu chờ*

*Sững im cương thạch
Quanh co ôn tuyền*

Cho Diễm Phúc

Này tôi đang lạc vào em

*Sau lưng trăm ngón ưu phiến níu chân
Này tôi du đãng tâm hồn
Ngụy trang ngàn mảnh thơ buồn tả tơi
Này tôi, này vũng bùn tôi
Nắng ngang, mưa chéo rã rời ảm nâu
Cuốn theo rác rưởi nhu cầu
Này tôi chơi vơi trong màu rất xanh
Chợt nghe hà ốc hiền lành
vớ rong rêu lại hóa sinh một lần
Này tôi trút bỏ áo quần
Thân hài nhi vớ tâm hồn trẻ thơ
Này tôi thành hạt phù sa
Để yêu em vớ mặn mà giọt châu.*

Văn Quang viết về thơ của Hoàng Anh Tuấn:

*Lâu lâu lại thấy xuất hiện một bài thơ của Hoàng Anh Tuấn
đăng trên báo khiến anh em sững sờ. Vì thơ Tuấn hay quá. Có
thể nói bài nào cũng hay. Đã có người so sánh anh với Nguyên
Sa, Đinh Hùng, nhưng với tôi, thơ Tuấn có cả tính chất Nguyên
Sa, Đinh Hùng và rất Hoàng Anh Tuấn. Chữ nghĩa mới, không
trau chuốt cầu kỳ, nhưng lại rất rung động, đi thẳng vào cội
nguồn trái tim người thưởng ngoạn. Cái cung bậc sâu thẳm
trong tình yêu được đánh thức dậy đến bàng hoàng.*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Anh Tuấn Web: saungon.net
- Hoàng Anh Tuấn Web: my.opera.com
- Hoàng Anh Tuấn Web: banvannghe.com
- Hoàng Anh Tuấn Web: chutluulai.net.

34) Dương Nghiễm Mậu



Dương Nghiễm Mậu Phí Ích Nghiễm (1936-)

Nhà văn Dương Nghiễm Mậu tên thật là Phí Ích Nghiễm, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1936 tại làng Mậu Hòa, huyện Đan Phượng, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội).

Năm 12 tuổi, ông ra sống và học ở Hà Nội đến bậc trung học. Sau đó, ông bắt đầu viết đoản văn, tùy bút cho phụ trương văn nghệ học sinh của các báo chuyên nghiệp.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Năm 1954, ông vào Nam. Từ 1957, ông bắt viết nhiều đoản văn, truyện ngắn, truyện dài. Truyện ngắn đầu tiên được đăng trên Sáng Tạo là Giai Phẩm Xuân Kỷ Hợi, số 28 & 29 tháng 1 & 2 năm 1959.

Năm 1962, ông chủ trương tạp chí *Văn nghệ* do Lý Hoàng Phong làm Chủ nhiệm, đồng thời viết cho các báo *Thế kỷ*, *Tia sáng*, *Văn*, *Văn học*, *Bách khoa*, *Giao điểm*, *Chính văn*, *Sóng thần*, *Giữ thơm quê mẹ*... Ngoài ra, ông còn chủ trương nhà xuất bản *Văn Xã*.

Năm 1966, ông nhập ngũ, đến năm sau thi được bổ nhiệm làm phóng viên quân đội Việt Nam Cộng hòa cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Dương Nghiễm Mậu được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1966, về truyện dài *Gia tài người mẹ* (Văn Nghệ, 1964).

Năm 1971, ông lập gia đình với Hồ Thị Ngọc Trang, giảng viên Anh ngữ.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông bị cộng sản bắt giam một thời gian cùng với các nhà văn khác ở trại giam Phan Đăng Lưu, Gia Định.

Năm 1977, ông được tha về chuyển sang vẽ tranh sơn mài tại nhà, ở Ấp Đông Ba, Phú Nhuận thành phố HCM, để sinh nhai. Năm 2007, công ty Phương Nam tại Sài Gòn, tái bản 4 tập truyện ngắn của ông, đó là: *Đôi mắt trên trời*, *Cũng đành*, *Tiếng sáo người em út* và *Nhan sắc*

Tác phẩm:

Truyện ngắn

- *Cũng dành* (Văn Nghệ, 1963; Văn Xã tái bản 1966)
- *Đêm* (Giao Điểm, 1965)
- *Đôi mắt trên trời* (Giao Điểm, 1966)
- *Sợi tóc tìm thấy* (Những tác phẩm hay, 1966)
- *Nhan sắc* (An Tiêm, 1966)
- *Kinh cầu nguyện* (Văn Xã, 1967)
- *Địa ngục có thật* (bút ký, Văn Xã 1969)
- *Ngã đạn* (Nguyệt san Tân Văn, 1970)
- *Quê người* (Văn Xã, 1970)
- *Trong hoang vu* (Nguyệt san Tân Văn, 1971)
- *Cái chết của...* (Văn Xã, 1971)
- *Tên bất lực* (Tạp chí Văn học, 1972)
- *Tiếng sáo người em út* (in lần đầu: ?)...

Truyện dài

- *Gia tài người mẹ* (Văn Nghệ, 1964)
- *Đêm tóc rối* (Thời Mới, 1965)
- *Tuổi nước độc* (Văn, 1966)
- *Phấn đấu* (Văn, 1966)
- *Gào thét* (Văn Uyển, 1968)
- *Ngày lạ mặt* (Giao Điểm, 1968)
- *Con sâu* (Văn, 1971)
- *Sống đã chết* (Giao điểm, 1972)..

Trích văn:

Một Lời

1- Ngày lên đường ra đi, nơi phi trường, trước khi lên máy bay, người bạn tiền chân nét mặt ưu tư cho tôi biết: giặc đã vào Ban Mê Thuột, trận đánh còn ở đó ... lòng dạ không yên, những tin tức trên màn ảnh nhỏ, trên mặt báo nơi nước ngoài càng làm cho tôi lo âu hơn. Kontum, Pleiku ... những nơi tôi đã từng sống. Lòng còn cào nhĩ về quê hương, nơi những người thân yêu đang sống. Đoàn người lên đường với khoảng tới trên 200 cây số ... tôi lo âu nghĩ, rồi mình có dịp trở về để chết nữa không? Chín ngày đi, đáng lẽ là một chuyến đi đáng ghi nhớ, thì cuối cùng với tôi là những ngày buồn. Ngày trở về, tôi không ngồi yên được, chỉ mong sao đặt chân trở về quê nhà. Lúc phi cơ đáp xuống Tân Sơn Nhất, đặt chân xuống mặt đất tôi chảy nước mắt với bao nôn nao. Ôm lấy con thơ vào lòng, giữ lấy tay vợ, tôi tưởng như mình vừa trải qua một biến động. Tôi thấu hiểu rằng, chẳng bao giờ tôi muốn rời xa quê hương mình, gia đình mình. Nơi đây tôi đã chọn lựa và tôi sẽ chẳng thể đi đâu.

Những bản tin, những trang báo mỗi ngày, mỗi giờ cho tôi thấy những bi thảm và những hào hùng. Hàng trăm ngàn người với đôi bàn tay trắng đã lên đường trong một ý thức chọn lựa. Ở đây, dù xấu xa bẩn thỉu, nhưng nó vẫn còn hơn phải sống dưới chế độ Cộng Sản. Những bước chân đi tới phía đông, băng rừng, vượt núi, cái chết khít khao đã nói lên khẳng định đó. Nhưng vì đâu mà phải sống trong cơ sự này? lỗi vì ai? ai phải chịu trách nhiệm?

Không phải chỉ có Phước Long, Ban Mê Thuột, Pleiku, Kontum mà bây giờ còn cả Quảng Ngãi, Quảng Tín, Trị Thiên, Bình Long... Người anh từ Huế vào, người còn ngân ngơ. Người chị bàng hoàng nói tới đoạn đường vượt Hải Vân vào Đà Nẵng... Những chiếc xe như súc vật, những xác người nằm như lá khô, pháo kích không ngừng, những bà mẹ, đứa bé bò

trên mặt đường và chiếc bình sữa... Trong cơn cào của thời sự, những sự việc làm tôi chóng mặt. Tôi tự hỏi: có phải đã tới lúc mà mình phải cầm lấy mũi nhọn, phải, chỉ có thể trong chọn lựa một khi cơn lốc đến. Tôi không thể có một chọn lựa đầu hàng để sống như trâu chó. Tôi chỉ thương hai tấm con thơ... Có thể một cơ sự như thế sẽ đến không?

2- Phải làm gì bây giờ? một người hỏi tôi thế, rồi hai người hỏi tôi thế. Bây giờ không phải là để hỏi như thế. Câu hỏi là: từ trước tới nay anh đã làm những gì? Anh có trách nhiệm gì với hiện tại này không?

Với riêng tôi, nhìn lại quá khứ từ 15 năm trở lại đây tôi có thể hài lòng để nghĩ rằng mình đã làm hết, đóng góp hết những gì có thể làm, có thể đóng góp. Lập trường dứt khoát của tôi đã hơn một lần được xác định trên những giòng chữ viết. Ở đó bao hàm một phần đầu không cùng.

Nhập ngũ, rồi lên đường tới những vùng trận địa, nay nơi này, mai nơi khác kéo dài trong nhiều năm, nhận trách nhiệm.

Tôi đã lên tiếng về những gì tôi thấy, tôi nghe, tôi nghĩ, ở đó là cuộc chiến đấu của những chiến sĩ, là tiếng kêu thất thanh của người dân trong lửa đỏ, là cảnh điêu tàn của quê hương. Hơn ai hết, tôi mong ước một hòa bình trở lại. Bao nhiêu người khác cũng đã làm thế, hoặc hơn thế. Với thực tại này, khi truy nguyên tìm câu trả lời về trách nhiệm, nó không thuộc về tôi nữa. Và hiển nhiên, cơn đường lựa chọn, tôi tiếp tục. Phải làm gì bây giờ, câu hỏi ấy không còn ý nghĩa với tôi. Và tôi trả câu hỏi lại cho người khác, cho những người khác.

3- Văn chương có thể làm được gì trong tình thế này? Hãy gạt câu hỏi sang một bên. Hãy tưởng tượng tới một cảnh, người cầm bút ra nơi tuyến đầu, bên kia là giặc với những họng súng, rồi ở đó, người cầm bút lên tiếng: hỡi quân giặc, hãy đầu hàng

và bỏ súng xuống ... Với tiếng hô thật lớn, liệu giặc kia có đầu hàng, bỏ súng xuống hay rút đi không? Hay nói chưa hết câu, người cầm bút đã bị bắn gục? hoặc bằng một cách khác, những thơ truyện được đưa tới mặt trận... Đặt người cầm bút và văn chương vào một cảnh huống như thế là một sai lầm quá lớn. Đặt vấn đề như thế tức là phủ nhận văn chương và sức mạnh của nó. Bắn gục giặc cướp, bắt giặc đầu hàng, đuổi giặc đi xa, đó việc của những chiến sĩ nơi tuyến đầu. Nó không phải việc của người cầm bút, của văn chương. Mà văn chương thiết lập sức mạnh, cho những chiến sĩ, không phải trong một lúc, trong một giờ. Và như thế câu hỏi được đặt ngược trở lại: trong quá khứ, người cầm bút cũng như văn chương của ta đã làm được gì?

4- Cha tôi nói: hồi này thầy không ngủ được. Tôi không biết nói sao. Nhìn lại, trên 60 tuổi, bao nhiêu thăng trầm, những bôn trải từ 1945, để rồi năm 1954 ra đi với bao nhiêu ngậm ngùi. Lên đường, cha tôi vẫn nghĩ tới ngày trở lại, một hai năm nữa. Nhưng rồi không phải là một hai năm, hôm nay đã qua hai mươi năm, đứa em ngày lên đường mới 20 ngày hôm nay đã đến tuổi nhập ngũ... Rồi giặc nó vào tận đây sao? Tôi hiểu những gì cha tôi đang nghĩ, cũng như bao nhiêu người khác đã từng lựa chọn và tin tưởng. Ba mươi năm một cuộc chiến chưa ngừng lại và những tan nát còn không ngừng đổ tới... Năm 1954 gần một triệu người đã ra đi, bây giờ lại thêm một triệu người khác lên tiếng bằng chọn lựa. Có những người trong hai mươi năm đã phải phấn đấu để lập lại đời sống của mình không biết bao nhiêu lần. Tôi chưa thấy có một dân tộc nào lại phải sống trong kinh hoàng như thế. Dù phải chịu đựng, nhưng tất cả một đời sống lúc nào cũng là một phấn đấu. Có dân tộc nào bèn bĩ và dững mãi như thế. Vậy thì tại sao cả khối dân tộc ta phải sống trong nhục nhằn, đau khổ chừng ấy. Bằng một cách nói tiêu cực: vận nước ta như thế sao? Hay nói với bằng chứng của lịch sử: chúng ta phải trả cái nợ máu của cha ông ta?

HUỖNH ÁI TÔNG

Có người đến hỏi tôi: có đi ra ngoại quốc không? Tôi đã trả lời dứt khoát: Tôi sống và chết tại nơi này. Người ấy hỏi: anh chấp nhận sống chung với người Cộng Sản? Tôi nói: tôi không phải là một con chó để nay sống với chủ này, mai sống với chủ khác chỉ vì miếng xương chúng liệng ra. Tôi tin tưởng con đường tôi đi. Có một nơi là lẽ phải và ánh sáng. Có một nơi là lẽ trái và bóng tối. Có trắng và đen không thể nhập nhằng được. Nếu tôi có chết chẳng nữa, điều ấy tôi không ân hận. Lịch sử đã chứng minh rằng: nhiều khi cái chết là một điều tốt hơn là sống. Chết đi cho người khác sống, cho lẽ phải và sự thực sống chết như thế cần thiết. Tôi bình tĩnh với quyết tâm đó.

Này những tên bất lương, hãy vơ vét, hãy chạy đi cho mau tiếp tục sống làm đầy tớ cho những tên chủ, và hãy đừng bao giờ ngừng mặt lên, hãy quên đi, đừng bao giờ nhắc đến hai tiếng Việt Nam.

5- Người phi công nói: chuyến bay đã không còn chỗ, nhưng người mẹ đã cố gắng đẩy đứa con lên, rồi người mẹ đứng lại, một tay đưa lên vẫy. Chiếc trực thăng bay lên và tôi nhìn thấy người mẹ quì xuống như cầu nguyện. Đẩy đứa con lên, tôi không quên được hình ảnh ấy. Có một nơi được gọi là hy vọng và cõi sống. Và một nơi là cõi chết. Có phải người mẹ kia đã muốn gửi đi đứa con trong hy vọng không? Khi trở lại, chúng tôi không còn thấy người mẹ đâu nữa. Dù sao tôi cũng còn hy vọng và cầu nguyện cho đứa trẻ kia gặp lại người mẹ thân yêu...

Sống tự do hay là chết. Điều đó được viết bằng xương và máu. Tôi mong ước mọi người cùng tôi góp lời cầu nguyện: cho chúng ta được sống làm người và thoát qua cơn thử thách này. Tương lai tùy nơi chúng ta với niềm tin đã có.

(THỜI TẬP 23 Tháng 4 năm 1975)

Nhà phê bình Thụy Khuê đã có nhận xét về Dương Nghiễm Mậu trong bài viết: *Dương Nghiễm Mậu, con người nội soi trong bạo lực chiến tranh và thân phận nhược tiểu* như sau:

Trong những nhà văn Việt Nam thuộc thế hệ 60-70, Dương Nghiễm Mậu đứng riêng một cõi, cô đơn, dường như không bạn đồng hành và đã tạo được thế giới văn chương Dương Nghiễm Mậu, đầy khúc mắc, trăn trở mà người đọc nhiều thập niên sau sẽ còn phải nhiều lần nghiêng xuống Mậu truyện để tìm biết những gì đã xảy ra trong lòng thế hệ này. Thế hệ tan nát như trái phá, bị dày xéo bởi nô lệ và nhược tiểu và cũng dễ nhận diện những khám phá, những tìm tòi của Dương Nghiễm Mậu về cấu trúc truyện ngắn và tiểu thuyết cũng như cái nhìn vô vọng của ông về một cõi người không lối thoát bị bủa vây bởi hận thù và tàn ác, âm thầm cùng đi vào cõi chết với nhau trong rã rời, tan tác, không hiểu nhau và không hiểu cả chính mình

Tài liệu tham khảo:

- Dương Nghiễm Mậu Web:

vi.wikipedia.org/wiki/Dương_Nghiễm_Mậu

- Dương Nghiễm Mậu Web: tranhoaitu.wordpress.com

- Dương Nghiễm Mậu Web:

thuykhue.free.fr/tk04/dnmau01.html

35) Diên Nghị



Diên Nghị Dương Diên Nghị (1933-)

Thi sĩ Diên Nghị tên thật là Dương Diên Nghị, sinh năm 1933 tại Lệ Thủy Quảng Bình. Đã theo học trường Quốc Học Huế, Đại học Văn Khoa và Luật Khoa ở Huế. Tốt nghiệp cử nhân Luật Đã đăng thơ trên các báo : Hiện Đại, Sáng tạo, Bách Khoa ...

Nhập ngũ năm 1956, Trung Tá Chiến Tranh Chính Trị tại Quân Đoàn II, III, IV.

Thơ của Diên Nghị xuất hiện tại Sài Gòn 1952, ngoài ra ông còn dùng các bút hiệu khác như: Dương Liu Dương, Hàm Dương. Giải thưởng Tao Đàn Việt Nam 1960 Được giải thưởng về thơ, Giải thưởng Tao Đàn năm 1960.

Trên Sáng Tạo số 30 tháng 5 năm 1959, đăng bài thơ *Thương Nhớ* của ông.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Ông còn cộng tác với Chiến Sĩ Cộng Hòa, Bách Khoa, Khởi Hành, Văn Nghệ Tiền Phong...

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, ông bị đi học tập cải tạo một thời gian.

Diên Nghị đến Mỹ năm 1994 theo diện HO. 20, và hiện định cư tại San Jose, CA, USA

Sáng lập viên Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn

Tác phẩm:

- *Khái Luận Về Thơ Mới* (1956)
- *Xác Lá Rừng Thu* (thơ 1956)
- *Khái Luận Văn Nghệ Quân Đội* (1957)
- *Chuyện Của Nàng* (thơ, 1962)
- *Rừng Đổ Quyên Và Kẽ Lạ* (thơ, 1971)
- *Vùng Trời Mây Trắng* (truyện dài 1972)
- *Lưu Dân Thi Thoại* (Soạn chung với Song Nhị)
- *Cõi Thơ Tìm Gặp*

Trích văn:

Chuyện Xưa

Ngày còn ngồi dưới mái trường Quốc Học Huế, đầu những năm 1950, mỗi lần nghe nhắc những phần đất ba miền Trung, Nam, Bắc và Cao Nguyên, những địa danh xa lạ được nghe lần đầu, tôi chưa hề nghĩ có một ngày nào đó khi rời ghế nhà trường, tôi sẽ có dịp tình cờ đặt chân tới.

HUỶNH ÁI TÔNG

Quê tôi, nơi sinh ra và lớn lên, một làng cận sơn thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Từ thuở nhỏ, hằng ngày tôi nhìn ngắm đến quen mắt, dãy Trường Sơn đàng dặc, ngát ngưỡng, màu xanh trùm phủ quanh những mảng màu úa vàng cỏ tranh, tạo cho hình dáng núi rừng thêm hùng vĩ, bí ẩn xa xăm...

Khi phải đi học xa, mỗi năm nghỉ hè, trở lại quê nhà, tôi có ý định rủ bạn bè cùng lúa đi vào tận núi rừng cho biết, nhưng cha mẹ, cũng như người lớn tuổi cản ngăn, không thuận vì rừng núi hoang vu, là nơi ẩn nấp, sinh sống của thú dữ có thể gây hại cho người.

Tính tò mò cứ lảng vảng, loanh quanh, mỗi khi nhìn lên phía núi, tưởng tượng ra nhiều hình dáng thú dữ, chim chóc, khe suối v.v...cả đến vẽ huyền bí qua những câu chuyện thường nghe người cùng xóm kể.

Núi rừng mang những vẻ, khiến tôi chú ý, thời điểm buổi chiều, mặt trời dần khuất sau ngọn núi cao, ánh nắng nhạt dần, cảnh tượng tựa hồ sắp trở màu hòa trộn hoàng hôn, rồi sẫm tối, có nghĩa là ngày tàn và đêm tiếp nhận. Dòng chuyển hóa tự nhiên của thời gian chẳng những huyền hoặc, còn phảng phất vẻ đẹp thiên nhiên hiện hữu...

Dãy núi cao sừng sững như bức tường thành, một sức mạnh vững chắc, rừng trùng trùng, điệp điệp một màu xanh, không thể hình dung điểm khởi đầu đến điểm cuối.

Giấc mơ rủ rê bạn bè trang lúa vào rừng chơi, ám ảnh tôi suốt thời niên thiếu đó, cho đến một ngày, ngày giấc mơ sắp phai mờ, lại là hiện thực rừng núi đang bao bọc tôi, khi cuộc chiến

năm 1946 xảy ra...Quân đội Pháp đổ vào quê tôi, và Việt Minh chống trả – Cả gia đình chạy loạn, tản cư vào vùng rừng núi hiểm trở, nơi đoàn chắc quân Pháp không thể tìm tới được...

Sống giữa núi rừng, gần gũi với vòm cây, bụi rậm, với cỏ rau, nước suối, vẻ huyền bí rừng thiêng giấm dần, những cánh chim riu rít, nhảy nhót từ cảnh này sang cảnh khác, những con bướm chập chờn bay lượn, đôi cánh màu sắc rực rỡ, những đám lá khô rụng xuống lâu ngày trên mặt đất, ủ tụ đến mục rã, và ban đêm, côn trùng ri ri bên bờ khe, hốc đá, thẳm nhập trí óc con người mỗi đồng cảm tự nhiên, gắn buộc con người và thiên nhiên, được che chở, nương tựa.

Cuộc chiến đang diễn ra dưới đồng bằng, trong làng trong xóm- Quân Pháp lùng diệt quân Việt Minh, không từ bỏ hành động man rợ nào. Đốt nhà, cướp bóc, bòn thông ngôn cho Pháp cũng tham gia chỉ điểm, bắt bớ dân làng tình nghi, tra tấn, có khi chặt đầu khùng bố, bêu đầu giữa chợ, chỗ đông người nhằm răn đe, dọa dẫm, tàn ác hơn, mỗi khi hành quân, qua nơi chốn nào gặp mìn bẫy, gây thiệt hại nhân mạng, lập tức chúng xả súng vào dân làng vô tội vạ.

Quân Pháp gây tội ác đã đành, đối với người dân thôn quê chon chát, lương thiện, ước vọng ngàn đời được sống yên, dù nghèo khó, dù quần quật lao động đổi bát cơm, manh áo. Người dân không thể rời xa mảnh vườn, thửa ruộng, họ bám víu để sống còn, giữa khung trời bất an khói lửa...

Việt Minh thường xuyên truyền rao, khích động dân chúng đứng dậy, tham gia chống Pháp xâm lược, giành độc lập, không còn nô lệ v.v...Thật ra, Việt Minh cũng dữ dằn chẳng khác quân Pháp, cũng giết người bừa bãi, dễ dàng.

HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày ấy, tôi đã thấy tận mắt chính quyền xã ra lệnh xử tội một nông phu khỏe mạnh, chỉ vì khi quân Pháp vào làng bố ráp, dân quân, thanh niên phải ở lại làng giữ nhà, giữ đất, cuối cùng, quân Pháp rút lui. Dân quân thiếu cơm ăn, bèn lấy thóc gạo của một gia đình trung nông tồn trữ được, để tạm xử dụng qua lúc khó khăn, thế là chính quyền xã kết tội người trách nhiệm chỉ huy, đọc cáo trạng và đêm khuya dẫn ra đồng hoang chém đầu trị tội!

Một vài trường hợp khác, cũng trong lúc chạy loạn, trốn ẩn, không cày cấy được, đói khát đe dọa, một thanh niên trong làng lỡ tay bắt một con gà hàng xóm chạy rong khi quân Pháp vào làng, thế là sau khi quân Pháp rút đi, người thanh niên kia cũng bị kết tội trộm cắp và bị chém đầu công khai.

Mạng con người đáng mạng một con gà! Tàn nhẫn đến thế là cùng! Việt Minh chủ trương chém giết là cần thiết – Những ai không tuân phục họ, hoặc lỡ lầm sai trái đối với họ, họ sẽ đến nhà gọi đi trong ban đêm và kẻ rủi ro chẳng bao giờ còn trở lại dưới mái nhà thân thuộc!!

Thời gian trôi đi qua trong vô vị giữa núi rừng, không được học hành, không ai dạy dỗ, năm qua, rồi năm lại, tương lai mịt mù phía trước. Đã đến lúc phải chọn lựa cách sống, nhất là bản thân tôi, đứa con trai duy nhất trong gia đình. Mẹ tôi quyết định thuê người dẫn tôi bỏ núi rừng về với phố thị, nơi đó, thuận tiện hơn, nếu tôi chịu khó phấn đấu học hành, sau bao năm bỏ dở!

Tôi gạt nước mắt, xa mẹ ra đi...

Người dẫn đường quen biết với gia đình, người đàn ông trung niên theo nghề buôn bán từ quê ra tỉnh lỵ, ông ta thuộc thông từng con lộ, từng lối đi, ông né tránh nơi có đồn quân Pháp trấn ngự đã đành, còn phải lách qua khỏi những vị trí, căn cứ khác, ông nghi ngờ sự hiện diện của Việt Minh.

Từ ven rừng ra đồng trống, vừa đi ông vừa căn dặn rằng, nếu có gặp ai, cứ bình tĩnh, đừng tỏ thái độ sợ hãi, có ai gạ hỏi đi đâu, cứ tự nhiên trả lời về quê thăm ngoại.

Con đường ngoằn ngoèo, lờm chờm, dưới ánh nắng trưa hanh hao, ước chừng quá giờ Ngọ, đường vắng tênh, không một bóng người – Thịnh thoảng nhìn lui, nhìn xung quanh, e ngại lo lắng.

Qua một bến đò ngang, mặt trời dần nghiêng xuống phía núi xa. Bến đò chiều thời buổi chiến tranh cũng vắng lặng, hiu hắt, duy nhất một bà quang gánh hàng rong bước xuống đò, rồi chúng tôi.

Bà đưa đò, vẻ già nua, mỏi mệt. Bà chào khách, rồi như chẳng còn muốn chờ thêm khách nữa, bà vội đẩy đò rời bến sang sông.

Thành phố Đồng Hới ló dạng mờ xa. Con đò vừa cặp bến, người dẫn đường trả giang phí, dắt tôi bước lên. Đã qua gần ngày đường, chân tôi thấm mỏi, tôi cố gắng. Người dẫn đường động viên tôi sắp đến thành phố, không bao lâu nữa...trước khi trời tối hẳn.

Tôi vừa mừng, nhẹ nhõm, vừa bồi hồi tưởng nhớ phút tạm biệt mẹ tôi. Giờ này chắc mẹ đang ngồi nguyện cầu cho đứa con đi

đến nơi đến chốn. Những giọt nước mắt không cầm nén được, cứ ứa ra...

Bóng dáng xóm làng bỏ lại phía sau, hình ảnh mẹ chập chờn ẩn hiện không rời bước.

Vào đến thành phố, phố đã lên đèn.

Đường phố im ắng, xe cộ thưa thớt. Về an bình dần trải, đẩy lùi ly loạn giết chóc, bom đạn vùng núi rừng tôi đã chứng kiến, và tôi đã vượt khỏi lằn ranh ngay từ buổi sáng hôm nay.

Đi bộ một ngày đường, khoảng cách không gian đã phân chia hai trạng huống – chiến tranh và thanh bình. Nỗi lo âu, ghê tởm từ cuộc chiến với tôi giảm dần, tôi có quyền tin vào hiện tại nơi tôi đang may mắn đặt chân tới để theo đuổi, phấn đấu tồn sinh.

Trú tạm gia đình bà con, hòa mình sinh hoạt phố phường, ngày ngày lang thang góc phố rày qua con đường khác, hy vọng gặp được ai quen, bạn cũ thời niên thiếu. Bỗng một hôm, chạm mặt với một thanh niên hơn tôi vài tuổi, như một cơ duyên hiếm có, anh ta dừng xe đạp, vồn vã hỏi thăm gia đình, hàng xóm và tình hình nơi đó, anh chở tôi về nhà anh, sẵn sàng cho tôi tá túc.

Anh, người con trai duy nhất trong gia đình ngoan đạo. Nhà cửa khang trang, gia đình sung túc bên cạnh ngôi giáo đường sừng sững hoành tráng. Hiện anh là nhân viên kinh tế Ty Công An Tỉnh.

Mỗi ngày sau giờ hành chánh, rảnh rỗi, anh đưa tôi đến tiệm ăn tối, trò chuyện, anh coi tôi như bạn. Trong trao đổi, tâm sự, tôi

thường tỏ ra xúc động xót thương cảnh tàn phá nơi làng quê, nơi thôn xóm tôi sinh ra và lớn lên, đồng thời tôi cũng đã chẳng đặng đừng, mục kích cảnh giết chóc dân lành của Việt Minh, cũng như những vụ tàn sát tởm lợm của quân Pháp.

Thương mẹ, bà con ruột thịt, xóm làng mà không thể nào ở lại được, đành phải ra đi và không biết bao giờ mới trở lại.

Mỗi chiều tan sở, nắng mùa hè còn rùng rục, anh rủ tôi chạy bộ, tập thể dục ra tận bãi biển gần thành phố và cũng nhiều đêm hè, anh tìm một chỗ ngủ thật hứng khởi thi vị. Leo lên trên một chòi cao lợp lá, chòi dựng thả lưới cá, trên mặt biển gần bờ...

Sóng vỗ oàn oạp chẳng khác nhạc điệu vừa thôi thúc vừa ru ngủ con người. Gió lồng mát rượi, càng về khuya càng lạnh. Có đêm nhìn trăng tỏa sáng trên mặt biển mênh mông, ánh vàng bát ngát, gợi dậy cuộc sống thanh lặng, bình yên trần thế, nỗi ước mơ của loài người xưa nay, bất cứ chân trời góc biển nào... Những thời điểm cảm nhận hạnh phúc ấy, cũng lại là lúc bùng vỡ trong tôi hương tới sáng mai, khi mặt trời thức giấc, không thể để buông trôi, hờ hững, vô vị như nước chảy qua cầu, mà phải tìm đến tương lai cho bản thể...

Cũng một đêm trăng, trong lúc trò chuyện với anh về thời thế, xã hội, chiến tranh, về cuộc sống muôn mặt, về ngày mai của xứ sở, quê nhà, tôi liên hệ bản thân mình, một kẻ lạc loài, trôi dạt, và không nguôi âu lo cho số phận, tôi đánh bạo mở lời nhờ anh giúp đỡ...

HUYỀN ÁI TÔNG

Anh tỏ ra thành thật, vui vẻ khi tôi trình bày tôi ước được vào thành phố Huế tiếp tục học hành, sắp đến mùa khai giảng, khoảng non một tháng. Nhẩm tính bây giờ đã đầu tháng tám dương lịch, đầu tháng chín dịp tựu trường. Suy nghĩ qua phút giây, anh hỏi tôi về bà con gần xa ở Huế, ai sẽ bảo trợ, ai đỡ đần cho...

Tôi thú nhận với anh chẳng có thân thuộc, bà con tại Huế, tuy nhiên phải đặt chân được vào đất Huế đã, rồi tính tiếp.

- Tiếp tục theo học là điều đúng, rất cần như cậu. Cậu quá trẻ, nhưng phải phấn đấu, nghị lực tự lập tự tạo. Lối đi đó xứng hợp với lứa tuổi của cậu!

Tôi mừng thầm những lời khích lệ của anh, niềm tin ngày sắp tới nồng nàn, mạnh mẽ. Anh hứa sẽ giúp tôi, và cần gì, suy tính rồi cho anh biết. Không bỏ lỡ cơ hội, tôi nhỏ nhẹ đề nghị với anh, chỉ giúp cho một vé máy bay từ thành phố Đồng Hới vào Huế là được.

- Cậu định đi ngày nào? Điều đó không trở ngại. Cậu lo phần riêng tư đi, chuẩn bị kỹ, liên lạc với đám học sinh ở đây sẽ vào Huế mùa khai giảng này, để có những người bạn, đồng thời biết đâu cũng có những đứa bạn có điều kiện và hoàn cảnh chia xẻ với cậu...

Trên căn chòi lộng gió, tôi qua một giấc mộng thiếu thời đang được chấp cánh bay lên...

(Chưa hết)

Thơ:

chuyện của nàng

*nàng ở đâu ? xóm biển ? lưng đồi ?
cao nguyên, bình địa, cuối chân trời
hoặc lòng đô thị , khu thành ngoại
tôi đã tìm nàng khắp mọi nơi*

*tôi hỏi bình minh , gặp hoàng hôn
phương tây trời chết , hắt hiu buồn
rừng hoa tang chế không thềm tiếp,
ngoảnh mặt làm lơ , quá lạ lùng*

*tôi viếng phương đoàn, lạc hướng đông .
sông cau mày giận, xót xa lòng
nhà ai khép kín song đài các
nét liễu tường hoa cũng ngại ngừng .*

*nàng áo xanh ? áo tím diễm kiều .
áo nâu , dù loang lỗ màu rêu
bàn tay lao động hay ngà ngọc
vẫn một linh hồn, tôi mến yêu .*

*đi tìm nàng trắng những đêm trăng
lặng nghe gió biển nhả mây ngàn
ngoảnh nhìn bốn phía còn sa mạc ,
biết nói làm sao chuyện của nàng .*

*reo gọi diên cuồng, rừng vũ trụ
trăng sao che khuất lối đi về
không gian mờ mịt vào vô thức*

HUYỀN ÁI TÔNG

một bước nhấc lên nặng khối chì .

*lãng đàng hồn trôi trong chiêm bao,
bơ vơ còn nhận biết phương nào ?
nàng là mộng ảnh hay chân thực ?
hay vẫn còn xa mặt địa cầu .*

(CHUYỆN CỦA NÀNG)

Một mình

*thác đổ sau rừng gọi biển khơi ,
buổi chiều thoi thóp nắng tàn hơi
bước chân dẫm nhẹ trên đường lá ,
vọng hướng xưa về chưa đến nơi .*

*bóng quạ chập chờn thung lũng sâu ,
cỏ tranh xơ xác, nửa vàng nâu.
khói sương vương vấn, chòi xa lạ.
quạnh quẽ lòng người có luyến nhau ?*

*hồn cao hơn núi , tình khuất mây
lòng mãi hoang vu tựa tháng ngày
nghe nước thân nguồn, cây trách gió ,
sầu đeo nhân thế cũng buồn lây .*

*mộng bỗng hư vô, ruột xót cơn .
mắt mờ viễn ảnh, ngút hoàng hôn
ghèngh nghiêng thiếu lối đèo không ngõ
mặt đất cuồng say , thịet rã mòn .*

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

*thấp thoáng trời đen sao nhỏ lên,
tám phương hướng rộng nát say mềm.
bàn tay nhược tiểu, cành khô nõ
biết víu vào đâu chỉ một mình !*

*muốn trả xác nghèo cho cát bụi,
làm viên đá lớn , dựng bên đồi
làm nhân chứng hộ cho sông núi ,
đã biết thương đau cũng ngậm cười .*

(CHUYỆN CỦA NÀNG)

Văn Diên Nghị bình dị, ông kết án chiến tranh, kết án quân xâm lược Pháp tàn ác đã đành, mà cả Việt Minh còn tàn nhẫn hơn, thơ ông dùng từ ngữ, những câu thơ điển tả những cảnh tình như những nhát búa đe sâu vào thân cây, khắc sâu những ấn tượng êm dịu, như lượng sóng thủy triều đánh giạt vào bờ rồi nhẹ nhàng lui xa.

Tài liệu tham khảo:

- Diên Nghị Web: <http://phonuipleiku.org>
- Diên Nghị Web: tanmanvanchuongthephong.blogspot.com

36) Song Linh



SONG LINH (1942-1970)

Song Linh Nguyễn Văn Nghiêm (1942-1970)

Song Linh là bút hiệu của Nguyễn Văn Nghiêm, sinh 15 tháng 12, 1942 tại Nam Định, học Trường Thiếu Sinh Quân tại Hà Nội, xuất thân khóa 2 Sĩ Quan Đặc Biệt, Nha Trang.

Song Linh có truyện *Bức Tranh* đăng trên tạp chí Sáng Tạo số 30 tháng 5 năm 1959. Ngoài Sáng Tạo, ông còn cộng tác với Khởi Hành

Du học ở Hoa Kỳ năm 1966.

Năm 1969, ông là Đại Úy, Trưởng Ban 3 Tiểu Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ông đã hy sinh tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, Quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, mới có 28 tuổi, được vinh thăng Thiếu Tá.

Trích thơ:

Tôi đang nằm viết trong đêm.

Nơi Xóm Cạnh Đèn.

Hỏa châu thoi thóp từ một đồn bót nào trong lãnh thổ Kiên Long,

Con rồng lửa đang phun những cầu vòng đạn lửa đỏ từ trên trời xuống một trận địa.

Một đơn vị bạn nào đang chạm địch đâu đây?

Nhìn qua mùng dưới ánh đèn bấm chập chờn.

Muối tình đàn đậu đen như thóc và bay liệng lao xao...

(bài đăng trên Khởi Hành số 42, 1970)

Tài liệu tham khảo:

- Viên Linh *Miền Nam*, nhà văn chết trẻ Web: nguoiviet.com

- Song Linh Web: tqlcvn.org

37) Sao Trên Rừng



Sao Trên Rừng Nguyễn Đức Sơn (1937-)

HUYỀN ÁI TÔNG

Sao Trên Rừng là bút hiệu, Sơn Núi là biệt danh, tên thật là Nguyễn Đức Sơn, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1937 tại làng Dur Khánh (Thanh Hải) gần bên bờ biển Ninh Chữ tỉnh Bình Thuận. Học trung học Võ Tánh Nha Trang, Đại học Văn Khoa Saigon 1967.. Quê gốc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thập niên (19)60, Nguyễn Đức Sơn sống ở Đà Lạt, sau đó xuống Sài Gòn, viết văn đã cộng tác với các tạp chí: Sáng Tạo, Bách Khoa, Thế Kỷ Hai Mươi, Văn Nghệ, Khởi Hành, Văn, trên Sáng Tạo đã đăng bài *Ngàn Khơi* đăng số 2 bộ mới tháng 8 năm 1960.

Khoảng giữa thập niên (19)60, Nguyễn Đức Sơn mở lớp tư dạy Anh văn, gần chùa Tây Tạng ở Bình Dương, đem lòng yêu cô Nguyễn Thị Phượng cháu gái của thầy trụ trì Thích Tri Bản, đám cưới tại chùa có sự hiện diện của Thầy Thanh Tuệ, Thầy Nguyễn Tấn (PCT), Bửu Ý.

Năm 1972, có lúc Nguyễn Đức Sơn sống ở Bảo Lộc, rồi “thí phát qui y cầu Phật” ẩn thân, tránh lính nơi chùa Tây Tạng Bình Dương, sau về sống vùng Gia Định.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Đức Sơn đưa gia đình lên Phương Bồi Am, tịnh thất xưa kia của Sư Ông Nhất Hạnh, che tạm mái tranh vách lá để gia đình cùng sống chốn thảo am, ăn chay nằm đất.

Nơi đó gia đình Sơn, Phượng cùng chín đứa con, bảy trai hai gái: Thạch, Vân, Thảo, Thủy, Không, Lão, Yên, Phương Bồi, Tiểu Khê, đã trải qua những ngày tháng gian nguy, đói khổ, có lần khi ấy gia đình chỉ có 5 người, hai vợ chồng với ba đứa con, không gạo, không củ mài, ăn phải thứ rau lạ, cả nhà trúng

độc, gia đình Sơn mất một người thân ...rời những đứa con kế tiếp ra đời giữa chốn rừng núi hoang dã”*Những đứa trẻ lớn lên cũng hoang dại như núi rừng, không cách chi sinh sống được. nên tất cả đều lần lượt được gửi vào nương náu nơi cửa chùa. Ngoại trừ Thạch đã có cuộc sống riêng và cắt đứt liên hệ với gia đình, Thảo nằm kia từ lâu lắm, nắm mồ chơ vợ trên ngọn đồi yên ả mây bay. Vân từ chối cơ hội sang Pháp tu học, tạm quay về để gom tất cả bốn người em trai, nuôi ăn học lại dưới một mái nhà tại chân Phương Bối, trong đó Thủy đang theo học cao cấp Phật học tại Sài Gòn. Yên, Không, Lão rời chùa về nhà theo thế học.”* (Mù hạ, về Phương Bối – Hàm Anh)

Bửu Ý trong một tự truyện đăng trên *Văn* năm 1973 đã viết về Sơn là “*hình ảnh của con tê giác, từ tính tình đến cách ăn nói, dáng đi, Húc bừa về phía trước không kể thiệt hơn, không tính hậu quả. Thêm thù và bớt bạn. Đơn độc quắc quèo. Dã man nghiệt ngã. Chỉ thông dong ở chốn không người: rừng và biển ...*”

Nguyễn Đức Sơn ngày lại qua ngày cứ trồng thông, trồng hàng ngàn gốc thông, để phủ kín ngọn đồi, lại có thêm biệt danh “Lão thi sĩ vạn thông”. Ông yêu thiên nhiên, núi rừng lánh xa thành phố, người ta cho ông là con người lập dị hay kỳ dị, thơ ông cũng thế.

Tác phẩm:

4 tập truyện ngắn:

- *Cát Bụi Mệt Mỏi* (An Tiêm 1968)
- *Cái Chuông Khi* (An Tiêm 1969)

HUỲNH ÁI TÔNG

- *Xóm Chuồng Ngựa* (An Tiêm 1971)
- *Ngồi Đợi Ngoài Hành Lang* (chưa in)

11 tập thơ:

- *Bọt Nước* (Mặt Đất 1966)
- *Hoa Cô Độc* (Mặt Đất 1965)
- *Lời Ru* (Mặt Đất 1966)
- *Đêm Nguyệt Động* (An Tiêm 1967)
- *Mộng Du Trên Đỉnh Mùa Xuân* (An Tiêm 1972)
- *Tịnh Khẩu* (An Tiêm 1973)
- *Du Sĩ Ca* (An Tiêm 1973).

Trích văn:

Ý tưởng chiều tà

"Hãy cứ nén lại một chút, có gì bực đâu", nghĩ vậy, Tâm đứng tỳ tay lên cửa sổ toa tàu hạng nhì nhìn bao quát cả khung cảnh bên phải nhà ga. Bên hông trái con tàu mang chàng đến, một đoàn tàu khác vừa khởi hành. Hòi còi của chiếc đầu máy chạy bằng diesel tạo nên âm điệu buồn riêng. Trước kia Tâm tưởng chỉ có thứ còi trang bị trong những chiếc tàu cũ – thứ chạy bằng máy hơi nước – mới có thể gây nên tác động nào đó thấm vào tâm hồn anh. Mỗi khi nghe tiếng còi tàu huyết lên, nhất là vào buổi chiều, tự nhiên Tâm thấy thất vọng và buồn bã mệnh mông. Thật vậy tiếng còi đó như là những tiếng nấc, nức nở và thê thiết. Cho nên khi mới nghe tiếng còi của đầu máy chạy diesel lần đầu. Tâm chưng hửng, cụt hứng. Ừ, thì ra Tâm đã ghiền cái giọng buồn bã và thê thiết của tiếng còi những năm xưa. Nhưng không. Sau một thời gian bảy tám năm, Tâm mới chợt thấy rõ tiếng còi mới đã tạo được âm hưởng riêng biệt.

Tiếng còi bây giờ ngắn ngủn, nhỏ nhoi, hối hả và lạnh lùng hơn. Vô tình cái giọng của cơ giới đã trùng hợp trạng thái tâm hồn con người thời đại. Mà thật ra cơ giới đã ảnh hưởng đến tâm hồn hay tâm hồn đã chi phối cơ giới? Khó trả lời. Chỉ biết hồi còi bây giờ ngắn ngủn, nhỏ nhoi, lạnh lùng, không muốn ai biết đến và thật ra cũng không ai để ý đến. Hồi còi vô danh và vô nghĩa như thân phận nổi trôi và mong manh của kiếp người được ý thức mãnh liệt ở cái thế kỷ đầy náo loạn và khủng hoảng nhất từ ngàn xưa này. Tâm cảm thấy sầu héo cả một chân trời quá khứ xa, rất xa. Anh chỉ thích nằm xuống, nằm yên, ngủ vui cho hết những chiều tà còn lại trong đời anh như chiều nay. Anh chỉ muốn đắm chìm trong một khung cảnh êm ái vỗ về của một mái tóc, của một hồ nước, của một đêm trăng. Anh chợt như trông thấy bóng mình lung linh bất động bên hồ nước trong như gương. Lòng anh thiêm thiếp như lá rụng ven bờ. Nằm yên. Nằm yên. Hãy nằm yên thật yên, đồng hóa với cây cỏ và rong rêu. Hãy nằm yên nhé Tâm. Hãy gờn gợn một chút như mặt hồ trong như gương của quá khứ kia. Hãy lao xao nhẹ nhàng như lá rụng ven bờ kia. Rồi rã rời một cách êm ái. Rồi mục nát như rong rêu. Hãy nằm yên, mặc những đoàn tàu rúc nhanh hay rúc chậm, cụt ngủn hay lê thê. Nằm xuống, đó, hạnh phúc chân thật nhất của đời mày. Nằm xuống, đó, căn phần của đời mày. Mày đã đứng lên nhiều phen, vô ích rồi. Bạn mày cũng đã đứng lên, tất cả đều đã và đang ngã xuống rồi. Thu đã bảo mày nằm xuống, Thanh đã bảo mày nằm xuống. Hà đã bảo mày nằm xuống. Và sau chót Nga đã bảo mày nằm xuống. Nhưng những đứa con gái trước kia đã xa tầm tay Tâm. Bây giờ chỉ còn Nga. Tâm cảm thấy mình đã đầu hàng. Tâm cảm thấy mình muốn nhắm mắt, nằm xuống suốt những chiều tà còn lại trong đời. Chàng từ giã đột ngột các

bạn, bỏ đứt một chân dấy ở một tư thực mà chàng phải mỗi mắt kiếm được để đáp chuyến tàu suốt Sài Gòn – Đà Lạt lên đây sau khi nhận được thư Nga. Tâm đã quyết định để cho thân thể, trí óc và tâm hồn anh nằm xuống vĩnh viễn. Anh đã cảm thấy rất mạnh sự vô nghĩa cùng cực của tất cả mọi hoạt động, phản kháng và ước ao. Anh đã tính đầu hàng. Sao bây giờ anh không xách hành lý đến nhà Nga ngay? Và nằm xuống. Và chết đi. Và mục rã. Như hồ nước yên lặng muôn năm đằng sau biệt thự của Nga. Sao bây giờ anh còn do dự? "Quái, cái tia nắng." Từ này giờ thỉnh thoảng Tâm vẫn để ý đến những đọt nắng nhỏ, yếu nhưng sáng vô cùng phía trên đường leo quanh cái đồi trước mắt. Nó cực kỳ quyến rũ anh, dù âm thầm cũng như cái âm thầm của rong rêu bên hồ nước. Vâng, rong rêu của hồ nước chỉ âm thầm kéo anh xuống để nằm luôn, ngủ luôn, suốt một trăm năm, một trăm năm êm đềm mục rã. "Không được", Tâm nói nhỏ vừa đủ nghe vừa lúc một ánh sáng lóe lên đằng sau óc anh, trong tâm hồn anh, Tâm nhìn người hành khách cuối cùng đã khuất hẳn về phía nhà ga.

Bây giờ sương mù không biết từ dưới đất bay lên, trên trời cao tỏa xuống hay từ đồi núi tung ra. Cả bầu trời mù mịt. Từng đám lãng đãng bay tạt vào cửa sổ khiến Tâm cảm thấy lạnh. Có lúc Tâm rung lên. "Nằm xuống có lý mày ạ." Tâm nghĩ đến, suýt nói ra thành lời cho mình nghe. Anh chầm thuốc hút, mắt vẫn lơ đãng nhìn ra ngoài trời đầy sương khói. Trên con đường dốc phía trước mặt dẫn về trung tâm thành phố mang nhiều âm tính nhất Việt Nam này. Chốc chốc một chiếc xe nhà chạy bắn qua rất nhanh, bỏ lại đằng sau, trong tâm hồn chàng, từng phiến cô đơn hàn lạnh vô danh. Có lúc Tâm tin mình nhìn thấy chiếc xe màu trắng xám của Nga. Chiếc xe hiệu gì anh không

để ý gì hết – cũng như không bao giờ anh để ý đến tên một tài tử hay minh tinh quốc tế nào – nhưng Tâm biết chiếc xe thuộc loại đắt tiền và ở đây số người dùng có thể đếm được trên đầu ngón tay. Kiểu xe hoàn toàn thoát khỏi những cái gì lộng lẫy, kiêu sa, phí phạm như phần đông xe Hoa Kỳ. Tuy vậy nó cũng không thể nào rơi vào chỗ cũ kỹ, già nua, nghiêm nhặt và bảo thủ như loại Traction đen của Pháp mà ngày nay một số người đứng tuổi còn dùng. Nó trẻ trung nhưng cô độc. Tâm nghĩ có lẽ nó được chế tạo ra cho những thanh niên và thiếu nữ trí thức, độc thân, sống bằng nghề tự do. Nó chạy rất khỏe và bền. Một linh mục người Ý đã từng cho Tâm biết ông đã dùng loại xe đó để đi qua con đường nhầy nhựa trong mùa mưa từ Ban Mê Thuột về Đà Lạt mà không gặp một khó khăn nào. Tâm không rõ nội vùng Cao Nguyên này có chừng bao nhiêu người sở hữu xe đó. Chắc ít. Nhưng dù sao cũng đến năm bảy người. Thế nhưng không hiểu sao Tâm cứ tin chiếc xe màu xám vừa chạy qua trước mắt anh trên con đường dốc kia là chiếc xe của Nga. "Có thể nào Nga ra đón mình? Mà mình đâu có cho Nga biết ngày mình lên. Hơn nữa theo thư gửi cho mình tháng trước, đây là thời gian Nga phải có mặt ở Di Linh. Nàng sẽ về đó để coi sóc tạm thời cái đồn điền cà phê của ông cha." Nghĩ lan man một lúc, Tâm rút điều thuốc thứ nhì rồi thứ ba.

Giữa hoàng hôn, sương mù chợt tan biến. Trên đồi cao trước mắt, ánh nắng thu hết tàn lực nhuộm lên một màu vàng rực rỡ. Thật kỳ lạ. "Nga ơi, anh chưa muốn nằm xuống. Anh chưa muốn rực rỡ. Anh còn đang chờ mặt trời những buổi sáng sẽ thiêu cháy rong rêu bên hồ nước. Đây chỉ là xứ của hoàng hôn, của nằm xuống, của ngưng đọng và có thể của phiêu diêu." Tâm mới vừa nghĩ đến đó thì ánh nắng đã hóa ra đục mờ và tan

nhanh trong khói đá và sương mù. Trong khắc giây trước đó Tâm đã bắt được gần trọn vẹn một khung cảnh nào xa lắm. Khung cảnh như ở ngoài không gian và thời gian. Êm đềm. Mực rã. Tâm nhìn đăm đăm. Anh muốn giữ lại trong đôi mắt màu trắng rục rờ kỳ dị kia. Tự nhiên Tâm đau nhói trong tim và nước mắt ứa ra. Tâm biết chỉ trong phút giây cảnh sắc kia sẽ tan biến và không bao giờ hiện ra lần thứ ba trong đời anh. Tâm không dám nhìn lên khu đồi trước mắt nữa. Anh quăng tàn thuốc cuối cùng xuống đường sắt và ngồi thờ xuống chiếc băng nệm bọc nhựa đỏ. Tuy đã thuộc lòng gần hết cái thư Nga gửi cho anh tháng trước ở Sài Gòn – cái thư bảo anh nằm xuống, ngủ yên, suốt những chiều tà còn lại trong đời anh – anh vẫn lấy ra đọc lại. Một đoạn quyết định: "Ngôi biệt thự ở đường Hoa Hường sẽ thuộc hẳn về em. Sau khi ba em chữa bệnh về sẽ trở lại Di Linh rồi lên đây làm giấy cho em. Em đang dọn cái certificat cuối. Dĩ nhiên em sẽ về Sài Gòn thi. Em rất ít đi Sài Gòn nhưng em không thèm Sài Gòn như những con bạn. Sài Gòn nắng gắt. Em không ưa mặt trời. Sài Gòn không có nắng tà. Sài Gòn không có sương mù. Em không bao giờ tin rằng mình sẽ ngủ được một đêm sung sướng ở đó. Nhưng được cái là có anh, thiên đàng của Nga, cái thiên đàng sắp di chuyển vĩnh viễn lên xứ của sương mù. Sương mù của trời đất và sương mù của tâm hồn em. Anh thích cái hồ nước ở đằng sau nhà em lắm phải không? Đạo đó anh thường mang cả tấm bảng đen lớn trong nhà mà ra đây dạy em. Anh biết không, em không nghĩ đến những con toán trên bảng mà em chỉ nhìn lên mặt hồ. Nước trong và phẳng như gương. Em mê mê nhìn bóng hai đứa lung linh, lung linh. Em không vọng tưởng những chân trời nào mà xa như mấy con bạn. Em không thèm những Paris, những Rome, những New York. Em chỉ ao ước nhìn

thấy bóng hai đũa bất động trên mặt hồ, cho đến một trăm năm. Một trăm năm bình an và thanh thản như cánh rừng thưa ở đây. Anh, anh, nghe Nga nói đi. Yên nghỉ là chân hạnh phúc của đời người. Có lẽ phần đông con gái đều mơ hồ cảm thấy điều đó. Mọi hoạt động, mọi chống đối – mà anh cho là bản thể của trí thức – rốt cuộc rồi cũng thu về một mục đích duy nhất: nằm xuống, em nghĩ. Vâng em sẽ thi ở Sài Gòn. Em tin đỡ dễ dàng. Xong em sẽ ngoại giao giữ một chân giáo sư ở Yersin hay Couvent. Ba em quen nhiều với ông F., giáo sư của hai lỵsée đó. Nhưng em sẽ dạy ít giờ thôi. Giờ còn lại trong ngày và trong đời, em nằm xuống, ngủ. Em sẽ đi Pháp, đi Mỹ, đi Đức, đi Nga, đi bất cứ nơi nào có thể đến chơi nhưng em sẽ mang theo hình ảnh thanh bình ngàn năm của hồ nước sau nhà và rồi em cũng sẽ về đó nằm xuống, như rong rêu mát rượi. Anh hãy bỏ học nếu không thích. Mà em mong em bỏ học đi. Một hai chứng chỉ cho đủ, có nghĩa gì. Em không... nuôi được anh suốt đời sao. Mà anh sống nhiều nhất là một trăm năm nữa chứ mấy... chúng mình cứ ngồi yên bất động suốt thời gian đó suốt thời gian đó trên bờ hồ cũng thư thả như thường. Em đi dạy mục đích là để lấp kín khoảng thời gian trong ngày em không nằm xuống thôi. Anh hãy bỏ học nếu thấy rõ không cần thiết gì cả. Cần thiết là anh hãy bỏ những ý nghĩ điên cuồng – em xin lỗi trước – của anh, của anh Thái, anh Phát và một lô bạn anh, thân và không thân. Anh cũng đừng lui tới chỗ anh Huy và anh Ngạn. Hai anh ấy *tube* nặng lại không thêm trĩ. Thật quái gở, bạn anh đó. Anh tưởng Nga không biết sao. Không liên lạc với anh, em đã có những con bạn học dưới đó cho biết hết. Thật sự các anh ấy chỉ muốn làm khổ mình và cho người khác. Như mấy vụ bạo động với phong trào gì đó. Và anh nữa, anh cũng có nhúng tay và hăng lắm. Rồi lại còn ra

báo văn học nghệ thuật gì đó để gặp bao nhiêu khó khăn và đe dọa bên trong, bên ngoài. À cái anh Huy, thật tệ vô cùng và tệ nhất xóm, anh ấy đã xong *Bac II* vừa rồi chưa? Thôi em chỉ nói tắt là anh đừng lui tới với họ. Anh hãy dò lại tâm hồn anh đi. Có phải dưới bề mặt cuồng nộ gió bão trong đại dương của tâm hồn, ở đáy sâu tận cùng, nước vẫn không hề lay động, cũng như anh chỉ thích một cuộc đời lặng lẽ với những ngày im bóng..." Đọc đến đó Tâm thấy lạnh cả người. Anh tưởng tượng đến ngôi biệt thự của Nga ở đường Hoa Hương, một con đường vòng, nhỏ, thanh lịch xếp vào hạng nhất ở Đà Lạt ở gần viện Pasteur và chỉ cách nhà ga năm phút tắc-xi là nhiều lắm. Vâng, chỉ cần mười phút là anh sẽ nằm xuống đó, bên hồ nước trong veo, đắm mình trong cái êm ái lười biếng vạn niên của chiều tà. Rồi Nga sẽ từ Di Linh lên. Rồi anh sẽ nằm xuống trọn những buổi chiều tà còn lại của đời anh. Anh nghĩ đến cái sân cỏ hoang vu đây đó thường mọc lên một nhánh lan tím đại rất đậm và êm như nhung. Anh nghĩ đến căn phòng mát rượi đầy tiện nghi của Nga ở trên cao nhìn bao quát xuống đó. Anh nghĩ chiều đến mặt hồ im bóng phía sau, bên gốc thông cổ thụ và hàng cây mimosa thứ lá tròn và dài màu xam xám rất đặc biệt. Anh nghĩ đến cái sân về phía bên phải ngôi nhà với hai cái ghế đá mát lạnh quanh năm, nơi anh đã có lần về đó đọc sách, nghiền ngẫm những tư tưởng của riêng anh trong cuộc đời sôi động, nổi trôi từ khi anh bỏ hẳn gia đình đi vì nhiều nguyên do. Rồi anh lang thang ở Sài Gòn. Rồi định mệnh đưa đẩy anh đến gia đình Nga qua lời rao vặt đăng báo cần một chỗ *precepteur* ăn ở luôn Đà Lạt. Anh nhớ đến căn phòng của riêng anh. Nó tình cờ nằm sát dưới phòng Nga. Hồi đó anh có ý nghĩ nghịch tặc. Anh sẽ bắc ghế xoi mỗi ngày chừng một ly mét thoi cái trần nhà phòng anh. Vậy là trong vòng một năm anh đã lọt lên

phòng Nga, một đêm nào đó, và hai đứa sẽ không thể rời nhau trên cõi đời này nữa. Là hai đứa sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào nhau và cần khổ phải có nhau. Là anh sẽ ở lại đó mãi mãi. Hồi đó, khi vừa bỏ gia đình đi, Tâm chỉ có *Bac I* và Nga chỉ học lớp 4ef. Tuy đã đi dạy kèm một vài nơi để sống. Tâm không quyển luyện ai như Nga. Không phải vì Nga thông minh hơn những đứa con gái khác. Nga cũng tầm thường nữa. Có điều trong tâm hồn nàng, trong tâm hồn đứa con gái càng lớn lên đó, có một nguồn hạnh phúc cho kẻ nào biết nâng niu. Và nguồn hạnh phúc này thoát ngoài sự giàu sang phú quý và cũng thoát ngoài cái bấp bênh gian nguy của một cuộc đời vô định. Một thứ hạnh phúc không bao giờ chạm phải cái bóng hình của những đau khổ lớn lao trên trần gian dù chính cái đau khổ lớn lao kia vẫn bao trùm lấy nó. Tâm có thể không cần biết cái màn bao phủ kia. Nhưng chắc không khỏi bị ám ảnh. Đó là chỗ khác biệt nói chung giữa bản tính và tâm hồn con trai và con gái, đàn ông và đàn bà, và nhất là của riêng Tâm và Nga. Cho nên nếu ngày nào Tâm sống chung với Nga, từ trong cái hạnh phúc trong như gương. Con mắt và trí óc Tâm nhất định phải nhìn xuyên qua cái màn sương mờ, cái vỏ nhung êm đềm của của hạnh phúc bình yên kia để chạm đến cái đau khổ ngàn kiếp của đời người. Lúc đó chắc chắn anh sẽ đứng lên như anh và các bạn anh đã từng đứng lên ở Sài Gòn này, dù đứng lên rồi loay hoay, tuyệt vọng để có lần Tâm lại mò lên nhà Nga sau vài tháng hay vài năm từ già. Đã ba lần như thế. Trong thời gian đó Nga đã lớn và không cần người phụ giáo. Nhưng Nga vọng tưởng mãnh liệt ở Tâm. Nàng tin mơ hồ bằng trực giác rằng ngừng đầu óc sôi động nhất là những tâm hồn vốn thích nằm xuống nhất, thềm bóng mát nhất, thềm rong rêu nhất. Tâm nhớ mãi lời Nga trong một lần khi anh từ già Nga về Sài Gòn:

"Anh đi, được rồi, em không cần. Em chỉ mong anh trở về khi anh thích. Căn phòng của anh vẫn vô chủ. Có hai chìa khóa, em giữ một, anh một. Thỉnh thoảng một mình em vào đọc sách. Đọc mấy kệ sách văn chương tư tưởng nổi loạn, tấn công và hư vô của anh. Thỉnh thoảng một đứa con gái đến đọc chừng một trang trong những tác phẩm đó cũng thú vị đó chứ? Hơn nữa căn phòng này nhìn ra một cái vue khác phòng em. Đôi khi em thèm cái vue đó. Chứ không phải thèm... anh đâu nhé. Anh cứ về bất thần lúc nào. Khởi chào ba em, mà ba em cũng ít khi ở đây. Dĩ nhiên là khởi cần thừa trình với ... Nga, chủ nhân một ngày rất gần đây của ngôi biệt thự này. Anh cứ về bất thần lúc nào. Một, hai giờ khuya cũng được. Cà phê trong phòng anh chưa mốc meo đâu dù anh vắng dưng đến hàng chục năm và trở về với râu tóc xồm xoàm. Anh cứ rung chuông cho chị Hai dậy và sửa soạn cơm cho anh dưng. Chị ấy ở khá lâu, trung thành và tốt. Chỉ ngại có con Lou Lou. Sợ nó quên anh chăng? Đó, anh làm sao nói được với con chó hơi điên điên đó thì nói. Nhưng cũng dưng ngại vì ở đây rất gần viện Pasteur!" Đạo đó Tâm đã tính nằm xuống và đầu hàng.

"Nga, dù em cứ tin rằng anh chỉ muốn hôn tóc em suốt đời và ngủ trong đó suốt những chiều tà còn lại trong đời anh. Nhưng nắng lên. Mặt trời nhảy múa và mặt trời đau nhức. Anh cũng nhảy múa và anh đau nhức. Anh hân hoan tê điếng và anh tàn rụi bi thương. Làm sao anh nằm xuống an tâm trên trái đất xao động và lung lay ngàn đời này. Con gái làm sao trông thấy trái đất này đang quay và nhất là ý thức được sự tuần hoàn kỳ cục kia. Họ chỉ nhìn thấy chu kỳ những hoàng hôn êm ả. Phải. Em nghe kỹ. Con gái không thể nào trông thấy trái đất này đang quay đâu." Anh đã trả lời với Nga như vậy. Anh đã trả lời giùm cho các bạn anh, những người bạn có thể chống đối nhau

toàn diện trên bất cứ quan điểm chính trị, xã hội, văn nghệ hay đến cả đời sống hàng ngày nói chung nhưng khi gặp nhau và nhận thức chân lý rằng bản chất muôn đời của trí thức là phản kháng, rằng cái trách nhiệm đầu tiên và vinh dự cuối cùng của trí thức, bằng phản ứng tự động mạnh nhất và hết mình. Rồi Tâm lại nửa đùa nửa thật viết cho Nga: "Nga vào phòng anh làm gì. Em có đồ mười cái tiền sỹ hay thạc sỹ gì đó bản chất của em vẫn là xách giỏ đi chợ. Con gái mà, dù có đồ mười cái tiền sỹ khoa học hay thiên văn học hay trời đất... học nếu có cũng không thể nào nhìn thấy trái đất này quay đâu. Nga có nhìn thấy trái đất này quay bao giờ không? Nó quay, nó quay, nó quay. Nó quay, nó quay, nó quay khiến anh điên đầu. Em đừng vào phòng anh hay rõ hơn đừng giở những trang sách mà em cho là tấn công là phản đối là hư vô đó. Coi chừng... truyền nhiễm đó. Coi chừng em sẽ thấy trái đất này nó quay, nó quay, nó quay, rồi em không còn muốn xách giỏ đi chợ (một mình hay với chị Hai) nữa và anh sẽ đói. Em hãy hãnh diện như bản tính của em và của những đứa con gái từ cỡ đẹp trung bình lên thượng đỉnh. Hãy hãnh diện đi dù không biết hãnh diện cái gì và hãnh diện với ai. Anh tưởng tượng khi vừa mở mắt chào đời, đứa con gái nào cũng đã bắt đầu hãnh diện ngay. Nằm trong nôi quơ chân quơ tay tầm bậy tầm bạ như đuổi bắt trống không cũng cứ hãnh diện đi, hồi bé con lớn lên sẽ thành con gái, lớn một chút sẽ thành đàn bà và yêu tinh cùng một lúc. Hồi con gái, hãy hãnh diện đi. Từ nhà đến trường cũng cứ hãnh diện. Xách giỏ đi chợ cũng hãnh diện. Đi ra đi vô cũng hãnh diện. Dù không bao giờ thấy trái đất này nó quay, nó quay, nó quay. Hãy cứ hãnh diện, hãnh diện, hãnh diện như mặt đất này nó quay, nó quay, nó quay." Nghe xong Nga cười ồ lên, vô tư và âu yếm biết bao nhiêu. Tâm cũng không thể nín cười được.

Nhiều lúc trong đời Tâm không hiểu anh nói đùa hay thật. Nhưng anh phải suy nghĩ về lời nói của Nga: "Anh khôn hơn em nhiều quá thành anh thua em." Nhiều năm trôi qua. Trong lúc Tâm phiêu bạt sống dằn vặt từ vật chất đến tinh thần phải bỏ dở dang việc học - hay đúng hơn việc thi cử - thì Nga đã gần xong cái cử nhân văn chương Pháp. Tâm tự ý cắt đứt mọi liên lạc với Nga, những liên lạc cách khoảng nhưng gần gũi và cộc chặt hơn. Có lần suýt đối diện với ông thân của Nga ở Sài Gòn, Tâm cũng lờ đi dù anh thừa biết ông cụ đích thật là một người ưu thời mẫn thế, rất mến chuộng anh, chấp nhận gần hết tính khí của anh mà ông cho là giống tuổi trẻ của ông mà con ông – đứa con gái độc nhất là Nga - không hấp thụ và hun đúc được chút nào. Tâm thì cao ngạo nghĩ rằng tuổi trẻ của ông không thể nào có được nồng độ tha thiết và chán mứa như Tâm. Song Tâm mến ông. Tâm thấy hình như ông cũng thoáng thấy trong tuổi thanh xuân, rằng trái đất nó quay, nó quay, nó quay. Nhưng vì sợ hãi, ông nhắm mắt lại và nằm xuống cho lúc ông hoàn toàn quên rằng trái đất này còn quay. Bây giờ ông chỉ thoáng nhớ rằng ngày xưa có lần ông đã thấy trái đất nó quay, nó quay, nó quay. Nhiều thanh niên thấy trái đất nó quay, nó quay, nó quay. Nhưng họ bị chóng mặt và không muốn nhìn nữa. Họ nằm xuống và quên đi vĩnh viễn. Đó là thân phận nhân loại. Tâm tự thấy mình phải và nên xa cách Nga dù trong thâm tâm, nhất là trong những ngày chán ngán thấy mình đứng trước mọi ngõ cụt của bao nhiêu tư tưởng đã nghiền ngẫm, Tâm chỉ muốn nằm xuống như bao nhiêu thanh niên khác. Tâm chỉ muốn trở về ngôi biệt thự kia, được ngồi xuống ghế đá mát rượi, được thoa mát hai bàn tay lên đó, và để thấy lại một trong những buổi hoàng hôn êm ả nào xa lắm, những đợt nắng vàng

rực rỡ chiếu sáng qua đám cỏ hoang vu có điểm một vài cánh hoa tím dại trước nhà.

Phải rồi. Bây giờ Tâm mới bắt được cái khung cảnh thời gian và không gian đặc biệt kia mà anh đã làm với đợt nắng vàng lúc nãy trên khu đồi phía trước hàng thông lơ thơ. Có lẽ hoàng hôn ở đây không trôi đi, trôi đi. Có lẽ trên thế gian này, có một cái gì, một chút gì, đứng lại, bất động và vĩnh viễn. Heraclite có lẽ chưa nhìn thấy cái đó nên người đã nhỏ lệ xuống dòng nước đang chảy dưới cầu chằng? Tâm bỏ thư Nga vội vào một ngăn da trong chiếc va ly. Anh đứng vụt dậy đến mở toa xe nhìn lên chiếc đồi để tìm lại những đợt nắng vàng rực rỡ như thu hết cả thanh sắc trên trần gian này. Nhưng hết rồi. Sương mù đã bắt đầu trở lại vây kín bầu trời. Mất rồi. Tâm ngòì thù xuống ghế, cảm thấy tất cả mối sầu vạn niên trên mặt đất này khi hoàng hôn đến. Anh biết chắc chắn rằng ngày mai, ngày kia, hay một ngày nào sẽ đến, dù anh có về đây, ở sân ga này, hay trở lại ngôi biệt thự kia, không bao giờ anh gặp lại khung cảnh thời gian và không gian kia, không bao giờ anh còn nhìn thấy nắng quái hoàng hôn kia nữa. Vậy thì Tâm ơi cái gì đứng lại giữa mọi thứ trôi đi, trôi mãi nếu không là ảo giác kết quả của một tin tưởng mãnh liệt? Vậy thì Heraclite khóc có lý? Tâm nhắm mắt lại để cố nhìn cho kỹ hình ảnh nắng vàng kia trong tâm thức. Anh đã bắt lặc. "Phải chăng hạnh phúc giữa mình và Nga cũng chỉ là ảo tưởng?" Bây giờ nếu Tâm đáp tặc-xi đến ngôi biệt thự của Nga, chắc gì Tâm tìm lại được một chút màu nắng kia dù phải đợi bao nhiêu hoàng hôn nhuộm vàng mặt đất này? Chắc gì. Tâm bỗng lo sợ mông lung. Chưa nằm xuống. Chưa nằm trong cái hạnh phúc êm đềm của mái tóc, bàn tay và tâm hồn trung bình của Nga. Chưa. Mới sắp đến

gần tằm nhưng mềm mại. Nhưng chưa lọt vào trong. Chưa trùn kín người lại. Chưa bao giờ phủ cái đầu và những tác phẩm nổi loạn, tấn công và hư vô của Tâm, chưa gì cả. Chưa gì cả mà Tâm đã thấy một sợi dây vô hình bén nhọn chọc thủng cái màn hạnh phúc kia để chạm đến những khắc khoải vô biên tràn lan khắp nơi, trên cả đợt nắng vàng rực rỡ buổi chiều tà, trên cả sắc thái những đợt nắng vàng rực rỡ đã mất đi trong quá khứ, trong hiện tại vừa mới trôi qua. Tâm, chàng chỉ là một phiến nam châm bệnh hoạn. Phiến nam châm này đã thu hút những mối sầu không có trên trần gian này sao? Mà điên rồi Tâm. Mà điên rồi. Trái đất này nó quay, nó quay, nó quay thì mặc kệ nó chứ. Nó quay một cách ý thức hay một cách vô tri thì mặc kệ nó chứ. Mà làm sao mà thấy nó quay? Mà có té đầu mà sợ. Hàng tỷ nhà cửa và nhân loại trên mặt đất có té đầu. Ngôi biệt thự của Nga và Nga có té đầu. Nó quay thì cứ để mặc nó quay. Mà mà có làm phi hành gia không gian để vọt hẳn ngoài vỏ đất này không mà thấy nó quay? Mà điên rồi. Mà điên rồi Tâm ạ. Tâm ngẫm nghĩ. Rồi anh đắm mình trong cái êm ả và tê nhúc của buổi chiều tà vô danh này. "Không, ta chịu là ta điên nhưng không thể nằm xuống. Nga ơi, anh chưa thể nằm xuống với em đâu. Em làm sao hiểu được sự đau khổ kỳ dị của anh. Nga ơi, anh chưa thể nằm xuống. Anh sẽ mất Nga như anh đã mất nhiều Nga như Thu như Thanh như Hà trong những năm anh từ giã Nga mà Nga không biết. Nga, anh vẫn nghĩ là Nga hơn tất cả những đứa con gái kia. Nhưng tất cả con gái đều không thể nào nhìn thấy trái đất này nó quay, nó quay, nó quay, không thể nào thấy đau nhúc và phần nộ trong một chiều tà êm ả vạn niên với từng đợt nắng nhỏ vô cùng rực rỡ. Rất xin lỗi Nga khi gần đây anh đã gián tiếp và trực tiếp cho biết anh sẽ về, nằm xuống, nằm xuống." Tâm loay hoay. Cuối

cùng anh gục đầu lên trên va ly đã khiêng từ cái kệ trên ngăn sát nóc toa xe xuống dưới băng. Một chút nắng vàng lại lóe lên mang một chút sáng vào toa xe, Tâm đau nhức, y như một bệnh nhân cùi hủi gặp mùa trăng.

"Ai đó?"

Một nhân viên kiểm soát xách chiếc đèn măng sông soi sáng cả toa xe. Ông la lớn như vậy khi thấy bóng người đàn ông độc nhất lù lù trong toa. Tâm bực mình nhưng cũng buồn cười trông thấy nhân viên kia chệnh choạng muốn ngã vì đã qua một cơn sợ mất vía. Bây giờ Tâm mới nhận thấy bóng đèn đã buông xuống từ hồi nào. Anh nhìn ra cửa ngoài toa xe nói lửng một câu như không hay biết gì sự có mặt của nhân viên nọ:

"Trời tối mau quá! Mới đó."

Nhân viên khó chịu vì thái độ dửng dưng của Tâm. Nhưng khi soi đèn và nhận ra dáng một thanh niên trạc tuổi hăm bảy, hăm tám có vẻ đàng hoàng và không có gì đáng khả nghi, ông ôn tồn bảo Tâm:

"Ông làm ơn cho tôi xem vé. Tàu đến hơn một giờ rồi."

Tâm không trả lời. Làm bồn phận xong, anh hỏi nhân viên:

"Thưa ông có chuyến tàu nào sắp trở lại Sài Gòn không?"

Hai tiếng "trở lại" thay vì tiếng "đi" cho nhân viên ấy biết ngay trường hợp hành khách này không phải là thông thường. Nhưng đồng thời nhân viên ấy cũng hiểu lẽ mờ rằng đó chỉ là một biến cố nội tâm thuộc đời tư và rất cá nhân của người hỏi,

không liên lạc gì đến mọi nghi ngờ mà bản phận của ông trong tình thế lộn xộn đòi hỏi phải biết đến.

"Tàu Sài Gòn đi Đà Lạt và tàu Đà Lạt đi Sài Gòn chứ tại sao phải *trở lại*?"

"Vâng, tôi dùng chữ sai", Tâm chịu lỗi ngay.

"Phải đợi đến sáng mai."

"Tôi có thể ngủ lại đây một đêm."

"Thật không tiện cho ông. Hơn nữa ở đây không được phép."

"Tôi vẫn thường ngủ đỗ lại một nhà ga là thường kia mà."

"Vâng, nhưng phải ở lại trong ga, ngồi hay nằm ở những hàng ghế, thì được. Nhưng không có phép ở lại trong toa."

"Vậy tôi đi vào trong ga."

"Xin lỗi tôi chưa nói kịp. Trước đây thì được nhưng mấy ngày nay ở đây tình thế lộn xộn nên hành khách phải chịu thiệt. Nhà chức trách sở tại đã ra thông cáo dán trước sân ga. Ông có thể xem."

Như đoán được một thoáng nghi ngờ của nhân viên. Tâm rào trước:

"Tôi cảm nặng thành linh. Hơn nữa quên một việc rất quan trọng ở Sài Gòn."

Tâm đã đứng dậy hẳn. Anh xắn lại quần áo cẩn thận, khoác cái pardessus lên, nấn lại cái cà vạt. Trông đàng hoàng. Tâm bước ra khỏi toa sau khi chào cảm ơn nhân viên lấy lệ. "Thôi rồi,

mày phải nằm xuống.” Tâm nghĩ như vậy mà mừng tưng trong trí khoảng đường đến biệt thự của Nga. Nhưng vài phút sau đó, khi Tâm đi gần đến cửa nhà ga, tiếng nhân viên kêu giựt lại:

"Này ông, hết sức may cho ông. Có một chuyến tàu tốc hành đặc biệt sắp chạy trong chốc lát. Không chờ hành khách. Dĩ nhiên không bán vé và chỉ kéo theo một gon sau cái đầu máy diesel. Ông có thể trình bày lý do và trường hợp đặc biệt với trưởng ga và trưởng xa rồi đi ngay. Kia kia nó sắp chạy!"

Nhân viên chỉ về hướng phải nhà ga. Những hồi còi diesel vốn ngắn ngủi, cộc lốc, lạnh lùng bây giờ lại càng ngắn ngủi, cộc lốc lạnh lùng hơn. Vì không chờ hành khách và đi với một nhiệm vụ khẩn thiết nào đó, nó không cần báo hiệu lùi thoi. Tâm tiến vội vã tới nhân viên ở phía đầu máy để nhờ giới thiệu với trưởng xa không thoi cũng đủ. Không đợi nghe hết câu chuyện, trưởng xa thấy dáng dàng hoang của Tâm ngoắc tay ra dấu cho chàng bước lên chiếc toa độc nhất không chờ hàng hóa gì cả mà chỉ có một phụ khuôn vắc ngồi trong một góc tối và một nhân viên công vụ đang đứng gần cửa toa.

Chiếc đầu máy diesel rúc rúc một hồi ngắn ngủn nữa và lao mình vào đêm tối. "Thôi vậy là xong!" Bây giờ Tâm nấc lên và muốn bật khóc. Anh cảm thấy hồi tiếc như đã tính sai một bài toán quan trọng nhất đời mình. Anh hồi tiếc tràn ngập tuy biết rằng nếu ở lại Đà Lạt nằm xuống lần này là anh sẽ nằm luôn, sẽ hồi tiếc nhiều hơn trăm lần.

Khi tàu ra khỏi khu vực nhà ga, nhân viên thừa hành công vụ làm quen với Tâm:

"Ông thật may mắn vì đáng lẽ chuyến tàu này khởi hành từ mười lăm phút trước."

Tâm không biết trả lời sao. Vì anh chưa chắc đó là may hay rủi. Phải về Sài Gòn cắm đầu làm việc. Anh tự nhủ như thế. Còn may hay rủi thì chưa chắc. Tâm đáp lễ:

"Chưa chắc may hay rủi ông ạ!"

"Ông nói sao?" Nhân viên ngạc nhiên nhìn Tâm.

"Tôi nói chưa chắc may hay rủi khi tôi được đi chuyến tàu đặc biệt này."

"Sao thế?"

Tâm lại bối rối. Thật ra may hay rủi? "Nga ơi." Tâm kêu vọng lên, nhỏ vừa đủ nghe. Hay đúng ra tiếng kêu chỉ ở trong hồn anh. Anh không rõ nữa. anh thấy như đã thực sự phản bội và lừa dối Nga. "Nga ơi, có thể, rất có thể lắm Nga ạ, là ngày nào kia anh sẽ thống hối khi anh không bao giờ được về ngôi biệt thự của em nữa vì nhiều lý do. Xa mái tóc em, đôi mắt em, hồ nước trong như gương, những đám rong rêu ven hồ và nhất là những chiều tà êm ả vạn niên mà chỉ có khung cảnh nhà em mới tạo nên một cách kỳ ảo, anh sẽ tiếc suốt đời. Nhưng anh không muốn phản bội lý tưởng và con đường của anh, con đường chỉ thỉnh thoảng mới rợp bóng chiều tà, còn hầu hết nó sẽ chạy qua sa mạc rát bỏng nhảy dựng chân, qua đầu trường để chứng kiến giờ khắc uy nghi nhất đời mình, qua đại dương để đón nhận cuồng phong bão táp, qua những đêm trăng hàn lạnh và cô tịch trên một bờ biển hoang vu nào đó để tiếp nhận sự mong manh, vô nghĩa của kiếp người."

"Sao thế, thưa ông?" Nhân viên lập lại, thái độ sẵn đón.

"Thưa ông thật sự tôi không biết trả lời sao."

Vâng, Tâm không chắc chuyến tàu này may hay rủi cho anh. Anh chỉ biết rằng suốt đời chắc không bao giờ Nga biết đến chuyến tàu kỳ cục này. Cũng như Nga làm sao biết được rằng Tâm đã nhìn thấy rất rõ trái đất này nó quay, nó quay, nó quay.

Thơ:

Trên bờ hư không

*một đêm sao ở trên rừng
đua nhau rụng xuống chào mừng nhân gian
hồn tôi cây cối liên hoan
rưng rưng tôi thấy trăm ngàn ước mơ
tuổi vàng suối mộng trời thơ
lớn lên tôi chết trên bờ hư không.*

Quê hương

*tháng bảy dì về đơm nhãn
nhớ mang ra ít giạ chiêm
ruộng xưa cò bay thẳng cánh
gặt hái vừa độ trăng liềm*

*mười mấy năm rồi dì nhỉ
lạc loài xa mãi có hương
giờ đây ngòi mà suy nghĩ
lòng dạ ai người không thương*

*quê mình ai còn ai mất
đi rồi gươm súng mùa thu
khóc mãi từng đêm lưu lạc*

nói ra thêm oán thêm thù

*ngỏ về làm sao ngài ngại
xe cộ có dễ dàng không
kháng chiến người đi chưa lại
lúa khô héo cả ruộng đồng*

*ông ngoại chắc già ghê lắm
mấy người dì nữa nhưng thôi
đất cần quê hương nứt rạn
kể thêm đau lòng dì ơi*

*dù sao cũng là xứ sở
đói nghèo đừng lạt tình thương
mười năm không cúng không giỗ
dì về ấm lại khói hương*

*tháng bảy dì về đơm nhãn
nhớ mang ra ít gia chiêm
ở đây làm gì có bán
thấy người ta ăn bắt thềm.*

Ngàn Sau

*về đây say với trăng ngàn
phiêu diêu hồn ngập giấc vàng đỏ em
trăm năm bóng lững qua thềm
nhớ nhưng gì buổi chiều êm biển rồi
mai kia tắt lửa mặt trời
chuyện linh hồn với luân hồi có không
thái hư chừng sắp chuyển vòng
đại dương tràn kéo núi đồng tan đi
chúng ta chờ ước mong gì
văn minh gửi cát bụi về mai sau..*

Chòm Xóm cũ

*có ai về được Bình Dương
hỏi thăm hàng xóm có thường hay không
đêm đêm bom tưới đầy đồng
những oan hồn cụ bé bỏng đi đâu
(kỷ niệm Tông nha ,trai B,phòng 17,27.5.1968)*

Đi thăm bạn sắp để ở Di Linh

*Sắp để ở Di Linh cây cối chào chị
Sắp để ở hư không rừng và chị ôm nhau hát
Tôi giấu mặt đi ven hồ lạnh giá
Căn nhà gỗ phần mộ thanh xuân
Những ván thông dày đặc gỗ quan tài
Của tóc của chị của tình nhân
Của dương cầm bỏ phế đứng một năm*

*Sắp để ở Di Linh cô đơn hùng dũng
Chị thu mình như một con mèo mun
Chị thu mình như một vũ nữ Ba Lan
Chị thu mình như một đĩa hát cũ*

*Oh, my tormented heart
Buổi chiều chết trên cây thánh giá
Hãy quên tôi như một mũi tên
Hãy quên tôi như một loài chim đêm*

*Anh đưa chị về đây để tự vận
Chị thổ huyết ba lần tôi chứng kiến
Khi rừng già thấp xuống thấp xuống
Buổi sáng chị tắm sương mù
Buổi chiều chị đốt cỏ để hong đời chị
Hiu hắt như đời tôi chị đứng lên
Hai mươi bảy năm tuột mất thanh xuân*

*Ôi nắng vàng dòng thác Gougah
Rừng và chị ôm nhau hát
Sẽ đẻ ra một đứa con
Rừng và chị ôm nhau chết.*

Nói thật

*ở ăn với mẹ mày nhiều
có trưa học máu có chiều trào com
có đêm quần trí sôi đờm
sáng ra cuộc sống quá nhòm con ơi
ru con cha rống thâu trời
oan khiên tan ở giữa đời cho mau*

Một mình nằm thở đũ kiểu trên bờ biển

*đầu tiên tôi thở cái phào
bao nhiêu phiền não như trào ra theo
nín hơi tôi thở cái phèo
bao nhiêu mộng ảo bay vèo hư không
sương nên tôi thở phập phồng
mây bay gió thổi trời hồng muôn năm
mai sau này chỗ tôi nằm
sao rơi lạnh lẽo âm thầm biển ru*

&

*Thở phào rồi lại thở
phèo
Thở lui thở tới trong
veo cái đầu!*

bài về bá láp

Địa cầu
địa cầu
Trăng khô
Đang xối
Trên gỏi
Thiên thu
U u
Ta hát
Rợn mát
Vô thân
vỹ nhân
Đồ bỏ
Thiên tài
Cặt lỗ
Địa cầu
Địa cầu
Càng sống
Càng lâu
Tóc râu
Càng mọc
Ta càng
Muốn chọc
Khiêng đi
Ngay chóc

&

Đụ mẹ
Cây bông
Hắn không
Lao động
Ai trông
Chật chồ
Mày nhỏ
Xem sao

HUYỀN ÁI TÔNG

*Màu trào
Thiên cổ*

&

*Bông hồng
Mới nở
Mắc cỡ
Đời hay
Hương sắc
Ai bày
Sáng nay
Ta chết*

Một Đêm Vàng

*không biết trong mơ em còn mắc cỡ
một đêm vàng rúng động giấc thanh tân
dưới chăn chiếu thiên nhiên lộ lộ mở
em dài dầm ướt sẫm cả trần gian*

(trong tập *Đêm Nguyệt Động*)

Vũng Nước Thánh

*anh sẽ đến bất ngờ ai biết trước
miệng khô rồi nẻo cực lạc xa xôi
ôi một đêm bụi cỏ đáng thu người
em chưa đái mà hồn anh đã ướt*

(trong tập *Đêm Nguyệt Động*)

Còn ai ngông và quái dị hơn nhà thơ Nguyễn Đức Sơn:

*tôi định một ngày nào đó thật thành thơ
leo lên trời
ia*

Nguyễn Đức Sơn như nhiều người đã nói ông ta quái dị, lập dị, chúng ta đã đọc thơ ông mấy bài trên, hãy đọc thư ông viết cho thân phụ, cũng là giáo sư dạy Pháp Văn Nguyễn Đức Nhơn qua thư gửi từ Błao đề ngày 19.8.1972 thay lời tựa cho tập thơ Tịnh Khâu: “...*Bởi con mà có cái tham vọng gì, con một thằng sống bằng lửa tịch mịch, bằng hơi lạnh thiên thu. đến cả mộng mơ đích thực còn không có, hay chỉ có toàn là mộng không:*

Sáng mênh mông

Ta đi thơ thần trong vườn hồng

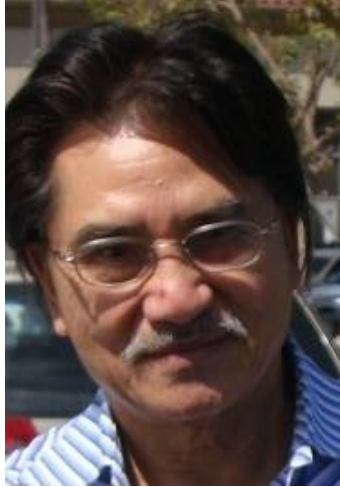
Ồ bông, ồ mộng, ồ không.

Ba không thấy sao, chính cái bọn tự cho mình là trượng phu, là kẻ sỹ, lại là bọn người tha thiết nằm trong cái guồng máy vô tâm, thúc hối cái guồng máy đó nghiền nát không những bao kẻ phiêu hốt mà luôn cả những kẻ nào còn mang trong người chút xíu lẽ công bình còn sót lại với trời đất. Và chẳng, thanh minh, bày tỏ cái gì nữa đối với cái thằng đàn ông đã lê tới và đã đi qua cái đỉnh tịch mịch khốc liệt chưa từng thấy là con? Ôi cái giọng của con, cái giọng thơ văn con, mà ngay cả một người đầy tâm huyết và khí phách với bản tính vô cùng thận trọng là nhà văn hóa đầu bạc phơ Nguyễn Hiến Lê cũng cho là “khác cả thế hệ này nữa vì cá tính quá đặc biệt”.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đức Sơn Web: (nguyenmienthao.blogspot.com)
- Đinh Cường: *Nguyễn Đức Sơn - Ngọn lửa tịch mịch*

38) Viên Linh



Viên Linh Nguyễn Nam (1938-)

Viên Linh tên thật là Nguyễn Nam sinh năm 1938 tại ga Đồng Văn Hà Nam, có truyện ngắn đăng trên trang xã hội nhật báo *Tiếng Dân*, Hà Nội, năm 14 tuổi.

Cũng tại Hà Nội, đã cùng Dương Nghiễm Mậu xuất bản một tờ bán nguyệt san in hai màu, khổ nhỏ, vào năm 1953.

Di cư vào Nam đêm Noel 25.12.1954.

Tự học và tự lập từ năm 16 tuổi.

Phóng viên thường trực nhật báo *Ngôn Luận* năm 1957.

Có một thời gian dạy học tại Trung Học Tư Thục Bạch Đằng Banmêthuột.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Thư ký tòa soạn báo Điện Ảnh, có bài *Đời Rút Xuống* đăng trên Sáng Tạo số 4 bộ mới tháng 10 năm 1960. Thư ký tòa soạn Tuần báo Điện Ảnh năm 1960, từ đây chọn ngành báo chí, theo đuổi nghiệp văn chương.

Trong hơn 10 năm kế tiếp, làm Thư ký và Tổng Thư ký Tòa soạn các báo *Kịch Ảnh* (chủ nhiệm Quốc Phong), Nhật báo *Dân Ta* (chủ nhiệm Nguyễn Vũ), Nhật báo *Đất Tổ* (chủ nhiệm Thích Thiện Minh).

Thư ký Tòa soạn Nhật báo *Tiền Tuyến* của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị trong hơn 6 năm thi hành nghĩa vụ quân dịch, với các chủ nhiệm Lê Đình Thạch, Hà Thượng Nhân.

Trong gần 5 năm, làm Tổng thư ký Tòa soạn Tuần báo *Khởi Hành* của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội với chủ nhiệm Anh Việt Trần Văn Trọng. Giải ngũ năm 1972.

Tổng thư ký Tuần báo *Diễn Đàn* (chủ nhiệm Phan Huy Quát) cho đến khi tự xuất bản nguyệt san *Thời Tập*, từ 1973 tới Tháng 4.75.

Trong thời gian từ 1964 tới 1975, cho xuất bản gần 20 tác phẩm; cuốn *Gió Thấp*, bản đánh máy, được trao Giải Nhất Giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1974.

Di tản sang Hoa kỳ năm 1975

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1976 tại Hoa Kỳ, được trao học bổng the Ford Foundation để soạn *Những Khuynh Hướng Văn Học Tại Miền Nam Việt Nam 1954-1975*, chưa xuất bản.

Năm 1980, cùng em trai, Chơn Pháp Nguyễn Hữu Hiệu, xuất bản một tập thơ vô danh gửi đi từ Hà Nội, mà ông đặt nhan đề cho tác phẩm này là *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực*, tác giả được gọi là Ngục Sĩ. Sau được biết tác phẩm *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực* là *Hoa Địa Ngục* và tác giả là Nguyễn Chí Thiện.

Viên Linh là Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, từ năm 1991 đến năm 1995.

Chủ nhiệm, kiêm chủ bút *Khởi Hành* tại California từ tháng 11 năm 1996.

Tác phẩm:

- *Hóa Thân* (thơ – 1966)
- *Thị Trấn Miền Đông* (1966)
- *Một Chỗ Nào Khác* (1967)
- *Cánh Cửa Đêm Thâu* (1969)
- *Chiều Hôm Gió Cuốn* (1969)
- *Cuối Trời Hôn Mê* (1969)
- *Cuối Cùng Em Đã Đến* (1978)
- *Thủy Mộ Quan* (thơ – 1982)
- *Chiêu Niệm Văn Chương* (Biên Khảo)

- *Mã Lộ* (Truyện)
- *Thiếu thất* (thơ)

Trích văn:

Ngôi nhà tôi đã ở

Ngôi nhà tôi ở thuộc bất động sản của chùa Phú Thạnh. Hôm

tôi xách chiếc va-li quần áo và sách vở tới, sư ông nắm tôi, gật đầu chào Thầy tới ở hôm nay hả? Thế cô đâu? Tôi ngó vào lễ phòng tôi om, nhìn thấy suốt qua lòng chùa cánh cửa sơn xanh của ngôi nhà lát nữa tôi sẽ dọn tới ở đó. Tôi nói Thưa thầy, tôi chưa có vợ. Sư ông đa, ông nói, thế ở với bạn hả. Một mình thầy ạ. Ông lại kêu ở thế buồn chết. Trước khi tôi xách chiếc va-li tiếp tục đi, ông trao cho tôi chiếc chìa khóa ngôi nhà tôi sẽ ở. Chìa khóa nè, hai cái, khi nào thầy cần tôi sẽ đưa cho cái kia. Rồi ông chỉ xiên lòng chùa, qua đó chúng tôi thấy cánh cửa sơn xanh của ngôi nhà phía sau. Ông nói Chỗ thầy thanh niên, tôi nói thật, nhiều người tới ở ngôi nhà đó lắm rồi, nhưng một hai tuần lại dọn đi gấp. Họ bảo nhà có ma đó. Tôi chỉ mỉm cười, không tỏ ý kiến gì hết. Nhưng tôi nghĩ tôi là một con ma tổ bố, thêm một con ma nữa có ăn thua gì.

Cầm chiếc chìa khóa đồng nặng nặng của ông sư trao cho, tôi đi vòng qua hông chùa, nơi có một chiếc giếng khơi, một bãi chuối xơ xác và lối chực ngôi mộ, đi về phía ngôi nhà. Đường đất và cát, lờm chờm ít gạch nổi. Chân gạch còn viền nước mưa của ngày hôm qua. Đi hết nền chùa, tôi đứng trước ngôi nhà. Mái tranh, vách ván, sàn gỗ, bắt nổi trên một con kinh cạn. Lòng kinh đầy lá chuối khô và lá tre, ở đó mọc lên những chiếc cột gỗ nâng đỡ lấy ngôi nhà tôi vừa tới. Trong một năm đã qua rồi, tôi đã có lần ở một căn nhà nổi trên sông, đêm mưa nghe nước lững bững như nằm thuyền. Con kinh cạn với lá khô chạy qua dưới chân nhà tôi, vòng ôm lấy mặt sau của khu chùa, một phía đổ ra một nhánh con sông của Sài Gòn, nghe đâu như

là Bến Tắm Ngựa hồi xưa. Bên cạnh nhà tôi có hai ngôi nhà khác, nằm lọt hẫng xuống lòng con kinh cạn, nhưng thuộc về bờ bên kia, mái chỉ ngang với nền chùa Phú Thạnh.

Khi mở cửa xong, quay ra lấy va-li tôi lại nhìn thấy sư ông. Ông mặc đồ nâu đi dép da, người béo tốt sạch sẽ. Ông hỏi Thầy vừa ngắm con kinh hả? Thịnh thoảng mới có nước thôi. Tôi giật mình: Tôi tưởng kinh cạn chứ. Thì cạn, nhưng thỉnh thoảng cũng có nước. Mùa mưa ấy mà, các nơi ứ lại, nó có nước. Sao, nhà ở được chứ. Dạ được, kể cùng là ba phòng. Ồ, phòng khách đó rồi phòng ngủ với cái phòng bếp. Thầy có nấu không. Tôi im lặng. Tôi có nấu ăn không. Dạ, khi có khi không, tôi buột miệng nói. Thầy chùa cười Ngày ăn ngày nghỉ hả. Nói rồi ông mách tôi ra ăn ở tiệm cơm đầu ngõ. Ngon mà rẻ lắm.

Bấy giờ một bà lão đi lại phía chúng tôi. Hôm đi qua con ngõ, thấy trên cổng chùa có treo tấm bảng Nhà Cho Thuê, tôi đạp xe vào và gặp bà. Thấy nói tôi có một mình bà cụ mừng lắm. Tuy vậy cụ cũng hỏi Nhưng chắc thỉnh thoảng cậu cũng có bạn chứ. Tôi bảo thỉnh thoảng chắc phải có. Cái đó không sao, bà cụ đáp. Bà cụ mặc đồ nâu, đi guốc nâu, trông xa xa như sư ông, nhưng trông gần mới thấy. Cụ tới đứng cạnh chúng tôi, bắt vào câu chuyện Cậu định nấu ăn hả. Nếu tiện tôi nấu giúp cho. Tôi ăn tiệm cụ ạ. Ồ, coi chừng mà cháy nhà. Cụ bước hẫng vào trong nhà, chỉ cho tôi chỗ kê bàn ghế. Một lát cụ ngó lên mái nhà như chợt nhớ. Cái chỗ này nó dột, để tôi kê thợ lợp lại, mùa mưa rồi còn gì. Vâng, hôm qua đã mưa. Tôi ngó chỗ mái dột và ngó xuống chỗ dột. Chỗ ấy không thể kê bàn viết được, ngủ cũng không được, dù tôi chỉ trải trên đó một tấm nệm có

thể xê dịch. Hai ông bà cụ đi ra sân chùa, nhìn lên đỉnh cây lông say, lá đều đặn như một loại si nước. Tôi khép cửa khóa trái, ngồi xuống cái ghế giữa nhà chằm một điều thuốc. Ngọn lửa vàng nhờ nhờ, hơi khói ấm áp, tôi lặng lẽ một lát và khi nước mắt trào xuống, tôi vội vã ra khỏi nhà.

Hai ngày sau, nhà cửa cũng tạm gọi là xong xuôi. Có bàn ghế, sách vở, đóng thêm vài cái đinh trên ván, rút đi vài cái đinh khác, chằng thêm một sợi dây kẽm, bỏ đi một vài sợi dây khác, bóc đi vài tấm hình Kim Cương, Kim Vui, treo lên vài tấm hình khác, đó là ngôi nhà của tôi. Buổi trưa, khi ánh nắng bùng lên qua các khe gỗ tôi phải tay nhìn lên căn nhà mới. “Ngôi nhà này là của em đó. Nếu không có em, anh không tới ở đây.” Như một người yêu lòng phơi phới, tôi hay nói thắm như thế. Nhà còn thiếu nhiều lắm nhưng thôi để em mua sắm hộ anh. Tôi nghĩ thầm: Cô ấy sẽ phải mua cho mình cái này và cái này. Tôi nghĩ: nhất định là cô ấy sẽ phải mua thứ đó. Tôi muốn lặng im để xem điều ấy có xảy ra đúng như ý mình không. Ngôi nhà, một mình nó không có gì lạ hết. Tôi rời bỏ gia đình từ năm mười bảy tuổi đi kiếm việc làm để tiếp tục việc học, tôi đã ở nhiều căn nhà khác nhau, thường thường với bạn, đôi lúc một mình. Năm mới lớn tôi sống dưới một mái nhà thờ của cha Vĩnh, ở gần trường đua Phú Thọ. Bấy giờ cha thấy tôi hiền lành nên cho riêng một căn phòng ở sau bụi gỗ nơi cha thường rao giảng mỗi sáng chủ nhật. Một hôm có chiếc xe Huê Kỳ chở mấy cha khác ở tòa Tổng Giám mục tới hội họp rất lâu trong phòng cha, gần phòng tôi. Chị Hiền, người vẫn thổi com tháng cho chúng tôi ăn buồn lắm. Chị bảo chắc chị sắp phải về Hóc Môn. Nhưng chính tôi phải đi, vì cha Vĩnh phải đi, và không ai cho tôi ở căn phòng đó nữa, ít năm sau tôi thuê vài căn nhà

HUYỀN ÁI TÔNG

khác ở các miệt ngoại ô cư trú tạm, căn nhà nào cũng để lại cho tôi vài kỷ niệm. Tôi hay ngắm nghía chiếc chìa khóa phòng mỗi khi ngồi buồn trong quán nước hay trong các rạp xi-nê. Có chiếc chìa khóa cửa trong túi, tôi lớn hăn lên. Đi đêm, tôi không ngại lúc về nhà nữa. Khuôn mặt mẹ tôi với mái tóc xỏ mỗi khi lục đục ra mở cửa giữa đêm làm tôi ngại ngùng. Hôm nay tôi đã thuê căn nhà riêng, đã thu xếp căn nhà đó không phải để tạm trú nữa, ngôi nhà trên con kinh cạn mở ra trong đời tôi những cánh cửa có rèm vải màu lay động trước gió.

Chính tôi đã ngạc nhiên khi nhìn thấy cánh cửa nhà mình có một tấm màn. Ích đến thăm vỗ tay cười hô hô. Tấm màn đẹp quá. Cậu mà cũng có màn cửa nữa. Tôi ngửa cổ cười nói Sao lại không. Cậu tưởng tôi không thể ở một ngôi nhà có màn cửa sao. Ích tuột dép ngoài cửa, bước lên sàn nhà, vừa đi vừa ngó loanh quanh.

Lại có nệm nữa. Lại cả hai cái gối nữa. Hăn kêu lớn chùn người xuống. Tôi lặng yên, một lát nói đùa Độ này đau lưng. Ích gật gù, ngồi xuống sàn nhà, gằn đống sách trên một manh chiếu gấp lại. Chúng tôi ngồi trên sàn gỗ nói chuyện với nhau. Ích gạt tàn thuốc xuống khe ván, và hăn ngó xuống hỏi:

- Dưới này là cái gì.

- Con kinh cạn và rác khô. Coi chừng cháy.

- Không cháy đâu. Cháy thì thôi chứ gì. Con kinh này ăn ra đâu đây.

Tôi giải thích loanh quanh. Đang lúc ấy có tiếng run nhè nhẹ trên sàn gỗ. Ích lắng nghe và nhìn ra. Ai dắt xe vào thế. Chúng tôi nghe tiếng khóa xe lẹt xẹt rồi tiếng nón va chạm lạp cạp rồi tiếng guốc nhọn và vũng. Một lát cánh tay áo trắng lấp ló ngoài khung cửa sổ, cử động đều đều. Tôi biết là Cúc đang cởi găng tay. Sau đó Ích đứng dậy và Cúc hiện ra ngoài cửa. Chúng tôi chỉ nhìn nhau cười, không nói tiếng nào. Nàng mang theo vào nhà chiếc nón và cái cặp sách màu nâu, vân cá sấu giả, cái cặp phòng phòng đựng nhiều thứ cồng kềnh không phải là sách. Ích khen tôi đang nói lần đầu tiên hẳn ở một ngôi nhà có màn cửa. Thế hả anh. Anh thấy đẹp không. Đẹp. Đẹp. Tôi may đấy anh ạ. Bỗng Cúc kêu lên:

- Kia anh, có khách mà ăn mặc thế à?

Tôi ngó xuống chiếc quần cộc sọc xanh, nói:

- Khách khi gì.

Ích kêu:

- A cái quần cũng đẹp quá.

Cúc đặt cái cặp lên bàn, liếc nhìn chúng tôi. Nàng ngồi xuống chiếc nệm trải ở góc phòng nói rất tự nhiên:

- Tôi may đấy, đẹp không anh.

- Đẹp chứ, Ích lại kêu to và cười ha hả rồi đứng dậy. Hẳn bảo:

HUYỀN ÁI TÔNG

- Nghe anh chị nói ở chùa, ai cũng tức cười. Thế mà ở chùa thật chớ.

- Ở chùa thật nhưng tại tôi không định tu đâu anh ạ.

- Nó mà tu cái gì. Khi nghe nói chị tới đây với nó, chị biết người ta nói gì không?

- Không. Nói gì anh?

- Người ta nói hoa rơi cửa Phật đấy.

Cúc che mặt kêu Eo oi, rồi mở tay nhìn tôi. Nàng bảo Ích:

- Tội lỗi quá anh nhỉ?

- Tội lỗi khi gì, tôi nói.

Ích bắt tay tôi.

- Chúc ông bà hạnh phúc.

- Ô - Cúc kêu - tôi chỉ là bạn anh ấy thôi.

- Thì cứ hạnh phúc, lấy nhau sau cũng được chứ gì.

- Tôi chưa định lấy anh ấy anh ạ.

Ích xỏ chân vào dép tự khép cửa lại. Tôi nghe tiếng chân hẫ hẫ kéo trên sàn gỗ. Cúc nói câu ấy không phải nói đùa. Câu ấy thật. Nàng ôm lấy đầu tôi: - Anh, đừng khóc anh. Biết đâu em sẽ đổi ý kiến. Anh phải làm em đổi ý kiến chứ.

Tôi lẩn xuồng sàn nhà. Tôi biết làm sao để nàng đổi ý kiến. Tôi nghèo lắm. Tôi học dốt lắm. Tôi thua sút nhiều điều tất cả mọi người. Tôi thất nghiệp. Từ ba trăm cây số về Sài Gòn, tôi đã bỏ dạy ngôi trường giúp tôi sinh sống trong hơn một năm qua. Người bạn hiệu trưởng đưa tôi hai ngàn bạc Anh còn hai ngàn, cầm về Sài Gòn mà tiêu. Nếu mình có tiền thì đã cho anh mượn thêm. Chúc anh hạnh phúc. Tôi đã chỉ có hai ngàn để xây dựng một tổ ấm, thuê được căn nhà và ăn cơm hàng từng ngày. Nhưng phải có một ngôi nhà, đó là điều cần thiết nhất. Ngôi nhà này đây là ngôi nhà đầu tiên đáng kể nhất trong đời tôi. Tôi đã dọn dẹp trí tưởng tượng từ những ngày vừa quen Cúc. Ngôi nhà không cần sang lắm, chỉ cần biệt lập tránh xa mọi người. Như cánh chim vừa rời chiếc tổ mẹ nuôi, tôi đã tha từng cọng lá, từng nhánh cây quý kết một chiếc tổ cho mộng tình mới lớn. Tôi không rõ nàng đã mơ ước những gì trong thời con gái, và tôi thật tình có đúng là bóng dáng mơ ước ấy không. Hay tôi chỉ là một người tình cờ cần có trong một ngôi nhà nàng dự tính từ quá khứ. Chiếc màn cửa em ơi, nó không đúng ý anh, một màu vàng úa không phải là màu anh mơ tưởng.

Một lúc nào đó, không rõ vì sao tôi cười tươi trước một tấm gương.

- Em mua cho anh tấm gương đó, đẹp không.

Tôi gật đầu, ngấm mặt mình trong gương. Rồi tôi kéo nàng cúi xuống soi chung vào tấm gương ấy. Xí quá, Cúc nói, đứng dậy đặt tấm gương tròn ngay ngắn trên bàn viết. Nàng lấy từ cặp ra một chiếc khăn mặt mới. Tôi ngồi dậy ngay ngắn, rồi ra khóa

cửa lại. Khi trở vào, Cúc nói Em phải đi đây. Có hai giờ thực tập. Bỏ đi em. Thực tập không bỏ được. *Cours* thì em bỏ rồi.

Anh. Nàng gọi, nhìn tôi chăm chú. Mỗi lần Cúc nhìn tôi chăm chú tôi bỗng thấy mình đang rất sợ hãi. Cặp mắt nâu và đôi lông mày nở nang mượt đậm tha thiết nhưng nghiêm nghị ngó tôi. Bộ anh nói với anh Ích là em đến đây ở với anh hả. Không. Anh chỉ nói là em đến luôn. Thế sao anh ấy bảo là hoa rơi cửa Phật. Tôi gượng cười Anh ấy đùa em đấy mà. Đùa gì, nói tức mình. Có gì mà tức em. Ai cũng biết là chúng mình yêu nhau. Nếu anh bỏ em thì mới hoa rơi cửa Phật chứ. Mà, tôi cười, chỉ chết anh mới bỏ em được. Việc gì em phải tức mình. Em tức vì anh ấy nói đúng. Chả hoa rơi với anh là gì. Tôi nắm lấy tay Cúc Thôi anh đưa em đi học. Anh ở nhà làm việc đi. Ở nhà buồn lắm. Ở nhà đi lát em tới nữa. Lòng tôi tươi tỉnh hẳn. Thế thì anh ở nhà. Cúc lại bỗng gọi khẽ, anh, em nói cái này anh đừng cười nhé. Anh cười thì ăn thua gì. Ừ. Nói đi. Kỳ quá hà. Cúc nhại tiếng nhìn tôi một lát. Anh à, đêm nay em ngủ lại với anh.

Tôi không dám cười, mặt mũi bần thần, sung sướng. Dường như tôi thở ra một cách khác thường, chân tay lúng túng bàng hoàng. Khi Cúc đòi tôi mở cửa, tôi mặc kệ đứng im. Ở trong tôi vỡ ra tất cả những ánh sáng còn che kín. Ở trong tôi chảy xối xả tất cả những nguồn suối con người. Như một bóng mát, tôi nằm ngủ trong tiếng gió lồng lộng của ngày tháng thanh niên.

Nửa đêm mưa đổ xuống rào rạt cùng với gió mạnh. Tôi quờ quạng sang bên, thấy Cúc nằm thu gối lên ngực như một đứa bé. Qua những khe vách ván, ánh chớp thỉnh thoảng nháng lên,

tôi thấy mình gần với trời với đất lạ thường. Tôi ngó Cúc sợ hãi. Khối ngọc ngà của đời tôi lúc nào tan vỡ, những mộng tưởng lâu nay đã đến lúc tàn chưa. Đường như có lúc giữa hai lần chớp, khuôn mặt nàng đổi khác. Đôi mi rung động tựa hồ ánh mắt khi mở biến đổi theo ý nghĩ. Trong giấc ngủ, người thân thiết của mình đã ở đâu, đã sống ở miền nào, đã nhớ những gì vừa mới mất. Tôi không biết. Tôi hoàn toàn không biết đến một chút. Nhìn ngấm và tưởng tượng nàng, tôi tưởng như hạnh phúc đang la đà đâu đó, như một cánh chim trong mưa lướt thướt giữa khoảng đường bay nửa chừng. Đêm ngủ lại của nàng bó chặt tôi những lo sợ hoang mang, tôi biết là tôi sắp phải rời bỏ ngôi nhà đang ở. Đã kết thúc từ đây bao nhiêu hy vọng. Đời mở ra những cánh cửa mênh mông. Giọt lệ nóng tròn như thứ ngọc trai trong nước mặn lăn trên má nàng đánh thức tất cả sự quên lãng cố dim đi. Trí nhớ xa nhất cũng phải trở về, tôi vừa hiểu, tôi vừa thấy. Đó là giọt sương mai của đêm đã hết, một ngày mới phải bắt đầu lại. Cúc mở mắt ngó xuống nệm, và nhìn thấy tôi. Khuôn mặt nở bừng, và chúng tôi quần quít quên ý nghĩ. Quên lo lắng. Nhưng rồi tôi biết. Đó là một hy sinh. Đó là một rộng lượng đền bù, đó là một biện hộ, đó là ân nghĩa cho nhau để kết thúc lo âu và mở đầu tưởng nhớ. Nàng òa khóc Anh ơi, quên em đi. Quên em đi. Em biết anh yêu em nhưng quên em đi, phải chi em không gặp anh.

Tôi lặng lẽ hút thuốc, tỉnh thức và khô khan. Con mưa đã đổ xuống con kinh cạn khối nước từ hai bên bờ thành phố, tôi nghe lá khô bắt đầu nổi lên, bắt đầu chuyển động. Có tiếng rào rào rất nhỏ đâu đó truyền dưới sàn nhà. Có nước. Có nước. Tôi tưởng tượng con kinh chuyển động, thức giấc sau một mùa khô

HUYỀN ÁI TÔNG

ráo, nứt nẻ, quên lãng. Áp tay xuống sàn, qua lần nệm và gối, tôi nghe rần rần đầu đó như một âm vang.

- Em ngồi dậy đi, tôi bảo Cúc.

- Gì đó anh.

- Con kinh em ạ. Con kinh dưới sàn nhà mình đó, nước nhiều lắm.

- Có sao không anh.

- Không, nhưng mà anh thấy ông thầy chùa có vẻ lo ngại lắm. Lúc anh mới dọn tới, ông ấy cứ nhắc có nước. Chắc nó ngập.

- Nhà cao lắm mà.

Tôi không trả lời, trở dậy thắp đèn. Tôi có cảm tưởng một ngôi mộ nào đó ở trước chùa, trong những ngôi mộ nằm trên đất chùa, bắt đầu chuyển mạch. Nhưng Cúc không thể nào hiểu được những điều ấy. Một cái gì đó thức tỉnh ở trong chính tôi, như có lúc tôi nhìn thấy bóng mình chuyển động trong khi tôi nằm im một chỗ.

Qua một mùa mưa, tôi đổi khác. Thất thần và héo hắt. Con ngõ chùa ướt sũng lá đu đủ, lá chuối và bùn cát. Mỗi lần ra vào, đi ăn hay lên thành phố có chút việc, tôi thường gặp sư ông hơn mọi khi. Ông khỏe mạnh nhưng có vẻ nặng nhọc, dăm dăm ngồi đánh cờ tướng với một nhà tu hành khác dường như ở đầu đó xiêu lạc về. Người này gầy ốm xanh mướt. Tôi ít chào hỏi ông, nhưng thỉnh thoảng ông hỏi tôi:

- Khỏe mạnh chứ thầy.

- Dạ bình thường.

- Thầy giỏi đa. Những người trước không ai ở lâu được như thầy. Ba tháng vài tuần là dọn đi chỗ khác. Độ này ít thấy cô tới.

- Dạ, em tới bận.

Nói rồi tôi đi nhanh, về thẳng thốt trông thấy. Mở cửa vào nhà, tôi hoảng hốt. Vết xe của Cúc in đậm trên sàn gỗ. Tới bàn, tôi thấy chiếc chìa khóa cửa để đó. Cúc sẽ không tới nữa. Có gì đâu, có gì đâu, bởi ngôi nhà này chỉ là mộng tưởng của tôi thôi. Nhưng chính ở đó tôi không thực hiện được điều gì ngoài sự sống tự nó cứ trôi lên, trôi lên, mọc như cỏ dại của một vườn cây cảnh, mà niềm vui là cái cây độc nhất của một miền thung lũng nóng. Tôi tự thấy tôi là cái cây ấy, tình yêu chỉ nảy sinh từ một gốc, như cái bóng nằm của một cây đứng chon von. Tôi nào nhìn thấy em, người tình đợi chờ hạnh phúc như trái chín. Tôi tham lam, ăn vốc tuổi xuân nghèo.

Thật ra tôi tưởng vậy thôi, tôi không rõ lý do nào Cúc không trở lại. Nàng im lặng, im lặng cho tới bây giờ. Sáu tháng sau tôi trả sư ông chiếc chìa khóa bằng đồng, bán vài thứ đồ đạc cồng kềnh cho nhà bên cạnh, tự mình thấy mình cũng là một thứ hoa rơi của Phật.

Nhiều năm qua đi tôi vẫn không quên ngôi nhà ở sau chùa Phú Thạnh. Mỗi lần đi qua con ngõ xơ xác lá chuối và lá đu đủ, tôi có ý muốn vào xem ai đang ở trong ngôi nhà đó. Hẳn có hạnh

phúc không, hấn có thấy ma không, hấn có nghe con kinh lên xuống không, hấn có thức giấc vì tiếng chuông chùa và người đàn bà ăn mặc giống sư ông mỗi giờ chuông mõ kêu inh đi qua phía giếng nước. Ở trong trí nhớ của tôi, ngôi nhà ấy đầy đủ một trái tim vàng. Hạnh phúc tôi đã mất là hạnh phúc lớn nhất trong đời tôi. Tôi lớn lên trong một đôi tay ôm ấp dẫn dắt, và lúc mà hương chỉ không còn, tôi tự do trong một than tiếc mù mịt. Nếu Chúa đã hiện ra ở Lộ Đức, thì tôi phải quay về đó.

Hôm qua gặp lại Ích, hấn kêu Tôi nghe anh cháy nhà. Tôi sùng sộ Láo, tôi vẫn bình yên. Thật mà, tôi mới đi qua chỗ chùa, cái nhà ấy cháy rồi. Thế à, tôi bàng hoàng hỏi. Cháy rồi à. Bây giờ hấn mới biết tôi không còn ở đó nữa. Nhưng tôi đã ở đó. Đã sống ở đó.

Buổi chiều tôi về chùa Phú Thạnh bằng xe buýt vàng, như tôi đã từng đi về những năm trước. Một người đàn bà hơi ngờ ngợ ra chặn đầu tôi:

- Chào thầy.

- Chào bà.

- Thầy quên tôi hen.

Tôi muốn nhớ lắm. Nhưng không nhớ nổi. Bà ta cười:

- Tôi chủ nhà hàng com ngã tư đây mà.

Tôi ngượng ngùng cười trừ:

- À, tôi nhớ rồi. Bà mạnh khỏe chứ.

- Cũng thường. Hôm nào thầy đi mất biệt.

- Tại tôi kẹt quá. Thôi tôi trả bà bây giờ vậy, đừng phiền.

Tôi móc túi trả bà ta số tiền cơm tháng cuối cùng ăn chịu, rồi quay đi, theo con ngõ cũ vào chùa. Thầy có nấu ăn không. Ngày có ngày không. Nhưng tôi không nấu ăn ở đó bao giờ hết. Sư ông trông thấy tôi, mời vào uống nước trà, nói chuyện về ngôi nhà tôi đã ở. Tôi ngỏ ý muốn vào thăm, ông lắc đầu:

- Tro than không hà, trông tang thương lắm. Coi mắt công buồn thầy ơi.

Tôi có vẻ lưỡng lự. Ông nói thêm:

- Coi mắt công buồn mà. À, thế ông có cháu nào chưa?

Tôi hỏi lại. Chắc thầy muốn nói tới cô em tôi hồi xưa. Ông thày chùa gật đầu:

- Thì chớ ai, cô hiền quá, hạp ông lắm.

Tôi bùi ngùi nói với ông:

- Thưa thày, em tôi mất rồi.

Ông Trời ơi và kêu một tiếng nhẹ, nhìn tôi. Tôi đứng vội dậy đi nhanh ra ngoài ngõ. Có một điều gì đó lẽ ra phải giữ lấy một mình, phải giấu kín và im lặng. Không ai nên nói với tôi về

HUYỀN ÁI TÔNG

một đám cháy, chẳng phải đâu, ngôi nhà ấy hãy còn, chính tôi còn trông thấy nó khi tôi bỏ đi.

Mộng du

*Chiều rơi với mốt ưu tư
Tay xương đá mẫn thân gù núi cao
Trong tôi niên cổ rì rào
Hồn không phách nhẹ mộng nào trôi qua*

*Năm năm mòn mỏi quê nhà
Thời gian nổi bóng còn ta đứng chờ
Tay dài viễn mộng quanh co
Canh thâu bóng đợi bây giờ bóng đi*

*Ngủ còn quên khép đôi mi
Xương da những bọt phân ly tiếp dài
Sáng rồi tắt bóng tương lai
Thôi xong tuổi trẻ thôi hoài mộng em.*

(Hóa Thân)

Cúc Hoa

*Ngồi ôm gối hạc canh dài
Sáng hung ta thấy bụi ngoài xác khô
Đứng ôm vóc hạc gầy gò
Quanh ta bỗng lẫn sương mù nghìn năm.*

(Hóa Thân)

Dương thế

*Thôi em cỡi đó ru phiền
Anh xin thân thể kiếm miền truy hoan
Ngón này chỉ lạc nhân gian
Luân lưu kiếp mọn còn tham dục đời*

*Kiếp về trả lại thân ôi
Đêm nay hóa tượng thành ngôi đứng chờ
Tượng này lệ nhỏ tay thưa
Sầu tôi dương thế còn chưa đủ buồn.*

(Hóa Thân)

Dấu tích

*Lệ tôi dấu tích tôi mòn
Lên cao tiếng biển xưa dồn ngón tay
Xuống rồi queo ngả nào đây
Quán thưa buồn tạt bụi đầy ghé con
Ra rồi dốc đá chon von
Trông trường giang rộng nghĩ còn quanh co
Thôi qua con lộ sương mù
Hồn im nghe chiếc xe dò về không.*

(Hóa Thân)

Ký ức

*Băng đi từng ấy năm
Bây giờ trông lại mặt
Về đây nằm khóc than*

*Thôi em ơi hạnh phúc
Thôi thời gian lỗi lầm*

HUYỀN ÁI TÔNG

*Sống ngoài hai mươi tuổi
Đêm đêm mơ hồi xuân*

*Tay vót mòn nền đỏ
Da kéo dần nếp nhăn
Đêm coi sao mù mịt
Khi không vùng cười khan*

*Băng đi từng ấy năm
Đời chờ dài rét mướt
Coi xe về nhớ em
Càng nghĩ càng thương tiếc.*

(Hóa Thân)

Những lời vĩnh biệt của nàng

*Tôi ngỡ lời chào tất cả anh em
Rồi trở về đêm đi rất muộn màng
Một người con gái đứng trông thành phố
Sợi tóc dài rơi xuống cánh tay*

*Tôi cúi lượm ngậm ngang môi rồi khóc
Làm con chim tha cọng rác khô
Rũ cánh tay về hiên ngói xám
Đêm muộn màng đêm hãy xót thương*

*Tôi đi trên những bước chân buồn
Qua tuổi đời rồi qua một bến kia
Bóng cây xếp hàng coi cột điện
Trong lòng khô từng miếng sắt non
Mẫu than tro kẹt trong kẽ tay gầy nọ
Là mặt trời cô đơn chết giữa hàng cây*

*Đóm thuốc lập lòe trên đôi môi buồn nọ
Là lời ca em tôi vẫn kiếm tìm*

*Mây xuống thấp cây còn những tấm hương
Trời rã thành bụi tàn rơi lặng lẽ*

Rời lụi dần trong đó cùng em.

(Hóa Thân)

Tư tưởng

*Tôi ngồi quán nhỏ
Ngóng tàu đi qua
Bến xe ngựa cũ
Nằm dài biên khu*

*Cây sấu chín đỏ
Dăm ngành trơ vơ
Trăm năm rét mướt
Ngày trôi ơ hồ*

*Nhớ chăng nhớ chăng
Xưa kia buồn thế
Nói chi bây giờ*

*Tôi ngồi quán nhỏ
Con tàu băng qua
Tiếng chân ngựa gõ
Xong rồi êm ru.*

(Hóa Thân)

Một nhánh sông

HUYỀN ÁI TÔNG

*Chiều về trên một nhánh song
Bên tôi con nước đỏ lòng quanh co
Nước loang dưới đáy trời dò
Buồn tôi thánh thót trên lò nhân sinh.*

*Tôi sôi bộ ngực ái tình
Tan thân địa ngục biến hình dương gian
Tôi tan vôi vôi tôi tan
Bay trên cái sóng mối hàn âm ty
Củ tôi đây củ tứ chi
Đốt lên sưởi ấm từng khuya với người
Chiều về trong một cánh dơi*

Bên tôi bóng xám bay trời âm u

*Mắt vàng khép muện trời thu
Hồn tôi chấp choạng cái mù nẻo xa
Tôi nghiêng một bóng chiều già*

*Soi trong tâm trí ngôi nhà tịch liêu
Tôi yêu vôi vôi tôi yêu*

*Ôm chưa đầy ngực bấy nhiêu mộng tàn
Chiều về thân ngại truy hoan
Nghe trên giá sách bụi vàng dâm thư
Đêm nay ngọn lửa chân chờ
Bên tôi trời đất từ từ quên quên*

(Thủy Mộ Quan)

Cõi đời tôi

*Chiều nay tôi tỉnh hay mê
Ở đây hay đó mới về hay đi
Đời nay tôi lỡ xuân thì
Soi gương lệch mặt khác gì nhân gian.
Mưa gieo theo mái buồn vàng
Nhân sinh những bóng điêu tàn nghiêng nghiêng.
Chiều nay tôi đó ưu phiền
Ngón tay dài ngắn đất liền biển khơi
Sống tôi này chết như tôi
Thịt xương của quỷ xui đời gian tham.
Mưa gieo, trăm giọt xô đàn
Xuân thu cuồn cuộn tiếng hàn kêu lên.
Giờ đây hình thảng bóng nghiêng
Ban đêm tránh sáng ngày kiêng mặt trời
Ở đời địa phủ cho tôi
Về đâu kẻ lạ, đứng ngồi loanh quanh.
Mưa gieo tâm trí tan tành
Chiều nay con thú soi hình tưởng ai.*

(Thủy Mộ Quan)

Độc Viên Linh từ thơ cho đến truyện, giọng văn nhẹ nhàng, lời thơ êm dịu, truyện ông xây dựng tưởng chừng như là vậy, nhưng không phải thế, nó xảy ra theo lối khác làm cho người ta cảm thấy lạ hơn, hay hơn.

Tài liệu tham khảo:

- Viên Linh Web: gocnhin.net
- Viên Linh Web: hocxa.com

39) Nhã Ca,



Nhã Ca Trần Thị Thu Vân (1939-)

Nhã Ca, tên thật là Trần Thị Thu Vân sinh trưởng tại Huế năm 1939. Độc giả miền Nam biết đến Nhã Ca với bài thơ Nhã Ca Thứ Nhất ký tên Trần Thy Nhã Ca vào đầu thập niên 1960. Nhưng trước đó, giữa thập niên 1950, thuở học trò, Nhã Ca đã có thơ đăng trên các tuần báo văn nghệ học sinh, Văn Nghệ Tiền Phong ở Saigon ký tên thật là Thu Vân.

Năm 1960 rời Huế vào Sài Gòn, nơi đây bà bắt đầu viết văn. Năm 1964, thơ được in thành tập *Nhã Ca Mới*, được trao Giải Thi Ca Toàn Quốc năm 1965. Năm 1969 được trao giải Giải văn toàn quốc cho tác phẩm *Giải Khăn Sô Cho Huế* - là tác phẩm viết về thảm họa Tết Mậu Thân ở Huế.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Trong thời gian 1960 - 1975, 36 tác phẩm của bà được xuất bản gồm nhiều thể loại như thơ, bút ký và tiểu thuyết. Một số tác phẩm của bà lấy xứ Huế làm trọng điểm.

Cũng vì nội dung trong những tác phẩm của bà, sau năm 1975, Nhã Ca bị chính quyền giam hai năm vì tội "biệt kích văn hóa". Chồng bà, nhà văn Trần Dạ Từ, thì bị giam 12 năm.

Do sự can thiệp của hội Văn Bút Quốc tế phối hợp với hội Ân xá Quốc tế và thủ tướng Thụy Điển Ingvar Carlsson, bà được sang Thụy Điển tỵ nạn.

Năm 1992 bà cùng gia đình sang California định cư và lập hệ thống *Việt Báo Daily News* tại Quận Cam.

Tác phẩm:

Thơ:

Nhã Ca mới (1965)
Thơ Nhã Ca

Văn:

Đêm nghe tiếng đại bác (1966)
Bóng tối thời con gái (1967)
Khi bước xuống (1967)
Người tình ngoài mặt trận (1967)
Sống một ngày (1967)
Xuân thì (1967)
Những giọt nắng vàng (1968)
Đoàn nữ binh mùa thu (1969)
Giải khăn sô cho Huế (1969)

HUỶNH ÁI TÔNG

Một mai khi hòa bình (1969)
Mưa trên cây sấu đông (1969)
Phượng hoàng (1969)
Tình ca cho Huế đổ nát (1969)
Dạ khúc bên kia phố (1970)
Tình ca trong lửa đỏ (1970)
Đời ca hát (1971)
Lặn về phía mặt trời (1971)
Trưa áo trắng (1972)
Tòa bin-đing bỏ không (1973)
Bước khẽ tới người thương (1974) v.v...

Phim *Đất khổ* do Hà Thúc Càn sản xuất và hoàn tất năm 1973, đã một phần dựa theo cuốn *Giải khấn sớ cho Huế* và *Đêm nghe tiếng đại bác*, do Nhã Ca viết đối thoại.

Tại hải ngoại, bà tiếp tục sáng tác:

- *Hồi ký một người mất ngày tháng*
- *Đường Tự Do Sài Gòn* (2006).

Tác phẩm dịch ra ngoại ngữ:

- *Đêm nghe tiếng đại bác* đã được dịch sang tiếng Pháp với tựa *Le cannon tonnent la nuit*
- *Đoàn nữ binh mùa thu* được Barry Hilton dịch sang tiếng Anh với tựa *The Short Timers*
- Phim *Đất khổ* được hãng Remis phát hành với tên *Land of Sorrows*

Thơ

Tiếng Chuông Thiên Mục

Tôi lớn lên bên này sông Hương
Con sông chẻ đời ra những vùng thương nhớ
Cây trái Kim Long, sắt thép cầu Bạch Hổ
Cửa từ bi vồn vã bước chân sông
Mặt nước xanh trong suốt tuổi thơ hồng
Tháp cổ chuông xưa sông hiền sóng mọn
Những đêm tối bao la những ngày tháng lớn
Những sáng chim chiều để canh gà
Tiếng chuông buồn vui dọn thầu trong da
Người với chuông như chiều với tối

Tôi bỏ nhà ra đi năm mười chín tuổi
Đêm trước ngày đi nằm đợi tiếng chuông
Cuối cơn điên đầu giấc ngủ đau buồn
Tiếng chuông đến dịu dàng lay tôi dậy
Tiếng chuông đến và đi chỉ mình tôi thấy
Chỉ mình tôi nhìn thấy tiếng chuông tan
Tiếng chuông tan đều như hơi thở anh em
Tiếng chuông tan rời như lệ mẹ hiền
Tiếng chuông tan lâu như mưa ngoài phố
Tiếng chuông tan dài như đêm không ngủ
Tiếng chuông tan tành như tiếng vỡ trong tôi

Từ dạo xa chuông khôn lớn giữa đời
Đổi họ thay tên viết văn làm báo
Cơm áo dạy mồm ăn lơ nói láo
Cửa từ bi xưa mất dấu đũa con hư
Tháp cổ chuông xưa, sông nhỏ sưng mù
Giòng nước cũ trong mắt nhìn ảm đục
Con đường cũ trong hồn nghe cỏ mọc
Chuông cũ giờ đây bần bật trong da
Tuổi hồng sa chân chết đuối bao giờ
Ngày tháng cũ cầm bằng như nước lũ

Nhưng sao chiều nay bỗng bàng hoàng nhớ

HUỖNH ÁI TÔNG

*Tiếng chuông xưa bỡ ngỡ sống lại trong tôi
Tiếng chuông xưa kia tuổi dại ta ơi
Chuông oà vỡ trong tôi nghìn tiếng nói
Những mảnh đồng đen như da đêm tối
Những mảnh đồng đen như tiếng cựa mình
Những mảnh đồng đen như máu phục sinh
Những mảnh đồng đen kề nhau bước tới*

*Tôi thức dậy rồi đây chuông ơi chuông hồi
Tôi thức dậy đây tôi thức dậy rồi
Thức dậy thực sự rồi
Thức dậy cùng giông bão
Thức dậy cùng tan vỡ
Thức dậy cùng lịch sử*

*Mẹ hiền ơi thành phố cũ chiều nay
Có tiếng chuông nào rơi như lệ trên tay
Trên mặt nước trên mặt người mặt lộ
Cho con trở về đứng mê sáng ngó.*

Saigon, 1963

Trích v ăn:

NHỚ ÔN . LẠY PHẬT

*(Trích Nhã Ca Hồi Ký Một Người Mất Ngày Tháng, Thương
Yêu 1991, Hoa Kỳ)*

Nhà tù lớn còn mênh mông. Hồi ký Một người Mất Ngày Tháng tạm dừng ở mùa xuân 1979. Con đường phải đi của từng người, của tất cả, còn dài.

Tháng 5 – 1985, công an Cộng sản tấn công chùa Già Lam, bức tử các Hòa Thượng Thích Trí Thủ, Thích Thanh Trí, bắt

giam các tu sĩ học giả danh tiếng Đức Nhuận, Trí Siêu, Tuệ Sỹ cùng nhiều Tăng Ni Phật tử khác.

Còn nhớ, trước những tròng tréo oan nghiệt của thời thế, Hòa Thượng Thích Trí Thủ có lần bảo tôi:

“Thầy chỉ là một ông thầy tu bình thường, đâu đã dứt bỏ được hết Nghiệp. Cứ để Thầy trả nghiệp.”

Một lần khác, cùng quần trước thiên la địa võng của số phận bủa vây, tôi tìm tới, Hòa Thượng lại dạy:

“Lạy Phật đi, con.”

Thưa Ôn. Lời Ôn dạy con hằng ghi nhớ. Mà lòng sao thật chưa thanh thản khi nhớ Ôn, lạy Phật.

...

1. Giác mơ

... Cảnh quen quá. Chùa Báo Quốc đây mà. Mấy chục bậc cấp, leo muốn hụt hơi. Ông cụ ăn mày cao lêu đêu, mặt dài, miệng méo, thường chỉ ngồi trước chùa vào những ngày lễ lớn, hôm nay cũng còn ngồi đó. Rõ ràng, tôi nhìn thấy ông cụ lúc đứng ở dưới bậc cấp thấp. Vậy mà leo tới nơi, ông cụ biến đâu mất.

Tam quan, cửa giữa đóng chặt. Lách vào cánh cổng nhỏ bên phải. Gió reo bài gì mà cây cối trong dân chùa dào dạt. Tùng chùm nhẵn vẫy gọi rồi rít. Thoáng bóng thầy Giám Đốc, áo cà sa xám, chấp tay sau lưng.

Hòa Thượng Thích Trí Thủ, hồi còn làm Giám Đốc chùa Báo Quốc, mảnh khảnh, gầy, nụ cười, ánh mắt còn sắc quá. Thời ấy, trái tim thầy Giám Đốc chắc chưa đủ chỗ cho Phật ngồi đâu.

Khúc nhạc cổ tranh vẫn vi vu. Ở mô rứa? Bên góc trái, khu đất mênh mông, thắp các vị sư già, mới cũ, chìm khuất trong cây

cối, cỏ tranh, cỏ lũng. Mùi trầm hương thoang thoảng. Còn trái mít hái trộm, bỏ quên trong lùm cỏ sau một ngọn tháp từ năm xưa mô rồi? Sao không thấy mùi mít chín? À, trái mít còn non, chắc chẳng chín nổi.

Đứt mắt một đoạn. Không nhớ. Cảnh đổi. Bây giờ lại là chùa Già Lam. Đứng Già Lam mà. Kia tượng Đức Quán Thế Âm đứng giữa hồ nước. Bên hồ cây liễu rũ thướt tha. Ủa, sao trên mỗi cành liễu lại nở từng chùm bông phượng. Đi tìm Ôn thôi.

Đẩy cánh cửa nhỏ, leo mấy bậc thang hẹp. Vắng tanh.

Không ai nằm mà cái võng đung đưa. Bình trà không có tay ai cầm, mà tự động nhắc lên, rót nước xuống tràn hai miệng chén hột mít. Đôi dép rơm nằm ngay ngắn dưới chân tấm đi văng gỗ. Gói vải ngũ sắc, tấm vải vàng lót lưng nằm độn bông gòn mỏng. Phương trượng, tràng hạt treo ở góc cột. Ôn ở đâu quanh đây. Đi tìm. Kia, Thầy Trí Quang ngồi bên bàn đá, đánh cờ tướng một mình. Lạ. Sao tới nơi lại không thấy đâu nữa?

Chuông mõ. Nghe rồi. Chạy vù lên điện Phật. Vắng ngắt. Ai đã tụng Kinh, gõ mõ? Không. Chỉ có một cỗ quan tài nằm ngay ngắn, phủ Đạo Kỳ. Hàng trăm ngọn nến, trên các bàn thờ Phật, trên trần nhà, bay lơ lửng. Thầy Thiện Minh đã được đưa về đây à? Ôn mô?

Phải tìm cho được. Ôn ơi. Ôn ơi. Bàn tay vô hình nào kéo tôi lại sát áo quan. Thay đổi quần áo bao giờ vậy? Áo cà sa, khăn màu khói hương, miếng vải tang màu vàng ghim trước ngực. Quan tài lơ lửng trên mặt đất, giòng nến lơ lửng bay theo. Mưa. Không phải mưa. Nước mắt đầm đìa khi thức dậy.

Chỉ là một giấc mơ thôi.

Sáng, kể lại cho các con nghe, Sớm Mai cười:

“Phải rồi, Tết, Ôn cho thầy Hải xuống nhắn mà Mẹ chưa lên Chùa. Giấc mơ nhắc Mẹ đó.”

Nhớ buổi trưa mừng Hai, thầy Hải xuống nhà, lôi bị lát ra bốn cái bánh chưng, hai hộp mút sen, một hộp mè xừng Huế.

“Ôn gửi cho chị đó. Ôn nhắc sao mừng Một không lên Chùa lạy Phật. Đây nữa nì. Tiền Ôn lì xì. Hên chưa. Năm nì hên nghe. Mừng bốn Ôn đi Huế. Lên thăm Ôn đi.”

Mừng bốn, rồi hết tháng Giêng, tháng Hai.

Đến hôm nay, vẫn chưa lên thăm Ôn được. Ôn đi Huế chắc đã vô rồi.

Cháu Milou, bạn của Sớm Mai, nói chen:

“Mơ mặc tang phục là điềm lành. Sinh dữ tử lành đó nghe dì. Chắc sắp có tin vui...”

Con bé nói lấp lửng. Điềm lành. Có hy vọng à? Rồi một ngày nữa bắt đầu đây. Mở cửa hàng, mấy đĩa nhỏ nấu nước đường, nhật rau má. Từ ngày mấy mẹ con liều mạng trở về giành lại căn phố cũ, đối với phường khóm, Sớm Mai đứng tên bán rau má, trái cây xay. Tôi chỉ thủ vai phụ với lũ nhỏ.

Lúc đi chợ, vừa ra khỏi nhà, đã thấy bà Tư bán thuốc lá lẻ đường đưa mắt, nháy nháy. Ghé vào mua thuốc. Bà Tư vừa thối tiền vừa nhỏ giọng:

“Cô coi chừng. Có người theo dõi. Mấy ngày nay rồi. Đi chợ hả cô Hai, mua dùm tui mấy miếng tàu hủ, cô Hai.”

Người đàn ông đứng dựa lưng vào cánh cửa nhà hàng Continental, đeo kính đen, nhìn sang phía nhà sách ngoại văn và tiệm thuốc tây quốc doanh số 10, làm như không hề thấy tôi đi qua, cười cười nói nói với một anh Cheng bảo vệ nhà hàng, chia nhau thuốc lá.

Bước tới một bước. Bước lùi một bước. Mọi khoảng cách đều được đo đếm. Biết vậy, nhiều hôm bực mình, tôi đi lui đi tới, thả bộ suốt đường Đồng Khởi, đung bển Bạch Đằng, đi ngược trở lên. Thả bộ ra tới chợ Bến Thành, đi ngược về nhà. Cho con

mắt rình mò kia phải căng ra. Vậy thôi. Chắc chẳng có gì đâu. Lâu lâu vẫn vậy.

Ba tháng trước, một vụ xét nhà, ván sàn bị cạy lên, khoảng tường vôi nào cũng được gõ tới. Giấy vụn được đổ vào thùng giấy đem về sở công an. Cái thùng rác giấy vệ sinh bên cạnh cầu tiêu, có được đổ đem theo không nhỉ? Không nhớ.

Trong ngày, vài lần tôi nhớ lại giấc mơ.

Năm ngoái, những tháng cuối năm, mới cần nhân Ôn đó. Vẫn là vụ tranh chấp cái nhà. Hết phường, quận, sở nhà đất, lại tới dân mảnh mung làm ăn với cán bộ. Muốn yên phải dọn lên lầu, nhường nhà dưới để làm “vệ tinh kinh doanh.” Chữ với nghĩa là góm. Dùng áp lực phường, không xong, dân làm ăn quen biết nhờ đến sự thu xếp của Hòa Thượng.

“Mần răng chừ con, tội này dữ đó, muốn hất con ra khỏi nhà. Nghe nói họ có thể lực ông Lê Quang Chánh, phó chủ tịch thành phố.”

Tôi nói:

“Chánh tà gì con cũng chẳng sợ. Ôn cứ nói với họ Ôn chỉ dạy con về chuyện Đạo, còn chuyện đời Ôn không biết. Ôn cứ để con. Con biết cách thu xếp...”

Cứ nhớ lan man, chuyện nọ xọ chuyện kia... Lâu quá không thấy thầy Hải ghé... Cũng lâu rồi, mãi lo đối phó với những bất trắc trong cuộc sống, quên lễ Chùa, thăm Thầy. Phải chỉnh đốn lại mới được. Cuối tuần, nhất định lên Ôn.

Buổi chiều, ế hàng tới độ muốn xây xẩm. Rồi cũng có quý nhân. Cô bạn thân còn đi dạy học, lương ba cọc ba đồng, nhưng tới ngày lĩnh lương đều phải ghé quán ủng hộ.

“Chưa mắt dạy thì còn tới đây ăn ly kem, uống ly rau má. Còn mời mi nữa. Oai chứ răng không oai.” Cô bạn thường vui vẻ đùa vậy. Hôm nay, sao nụ cười đâu mắt?

“Không uống. Tao phải đi liền chừ. Me đang khóc ở nhà.”

“Hả? Me làm sao?”

Bà mẹ của bạn, được cả bọn bạn bè yêu quý. Tôi cũng gọi như bạn, là me nữa.

“Ôn Trí Thủ chết rồi.”

“Tầm bậy.” Tôi la lên.

“Chết rồi. Khi. Mi chẳng biết chi hết. Chuyện cả Saigon đồn ầm lên mà mi răng ngo ngo chẳng biết ắt giáp chi? Coi cái mặt tè. Thì chết đêm qua, mười giờ đêm.”

“...?”

“Dũng thư viện... nhiều lắm. Lúc họ đưa Ôn về, thấy cảnh chùa tan hoang, nghe nói Ôn học ra từng bụm máu. Xe công an đưa Ôn vô bệnh viện Thống Nhất, Ôn chết tại đó lúc 10 giờ đêm. Xác đưa về Già Lam rồi. Nghe nói sau giờ chiều nay liệm. Thầy Thanh Trí ngoài chùa Bảo Quốc ở Huế được phép vô chủ trì tang lễ. Vân. Nghe tao dặn ni, mi đừng có lên Chùa lúc này. Công an gác đầy ngõ, không cho ai ra vô... Ê, Vân. Mi bình tĩnh chút coi...” Chuyện dài lắm, để tóm tắt. Hôm qua, công an tới mời Ôn đi họp, rồi vây Chùa, bắt các thầy Tuệ Sỹ, thầy...

Tôi có làm gì đâu. Tôi chỉ ngó Túy.

...

2. Đường phố, nhớ.

Xe qua Cầu Bông, qua Lãng Ông. Quẹo trái. Bên phải, số 4 Phan Đăng Lưu. Hai cánh cổng hiên lạnh như cổng trường học kia. Đùng tin. Trại tù đầy. Góc ngã tư, nối đường Nơ Trang Long, miếng đất um tùm cây cối, lơ thơ mấy ngôi mộ cỏ, nghe nói vừa mới bị quật lên. Mộ mấy ông tướng quân. Nhà nước tịch thu được khá của cải, quạt bằng vàng, nghe nói có cả mấy bộ bài tứ sắc làm bằng vàng nữa.

Đường Lê Quang Định đây rồi. Tới ngã tư kia, quẹo trở xuống, nhìn thấy hai cái chateau d'eau cao ngều. Xuống nữa, cũng ngã tư, là bến xe lam, chợ Cây Quáo, đường Hoàng Hoa Thám, Ngô Tùng Châu.

Kìa, khu vườn nhà cũ đã mở cửa ra phía Ngô Tùng Châu, số 61A. Ngoài cổng, treo cái bảng vàng, giòng chữ đỏ: Hợp Tác Xã Mây Tre Phú Vinh. Phường 2. Quận Bình Thạnh. Cha mẹ bị bắt bỏ tù, trẻ con bị cướp nhà, xô ra đường. Những năm đầu, tương chao nhà chùa có góp phần nuôi sống lũ trẻ. Thịnh thoảng thầy Hải đạp xe đi tìm lũ nhỏ, giúi cho ít tiền, hũ chao, chai tương. Cửa Ôn tiếp cho đó.

Đâu có hoa mắt mà căn nhà quay vòng, cả khu vườn cũng quay nữa. Sân cỏ, cây khế, cái chòi tranh xây bên cạnh hồ nước. Nước chảy róc rách từ khe đá xuống. Ôn thích ngồi bên khúc cây cưa ngang dùng làm ghé, bên trong nhà chòi, uống trà. Ôn thích cây liễu rũ bên hồ. Đã chiết ra mang xuống Chùa trồng ngay bên hồ cá, ở sân trước Điện Phật.

Cổng vô khu vườn nhà ngày nào, còn rõ hình ảnh Ôn, lững thững đi bộ từ Già Lam xuống, tay cầm túi cam.

“Thằng bệnh phải không?”

Nhớ bữa nào, Hòa Thượng ôm thằng cháu bé trên hiên nhà, giảng giải, sau khi cháu bị Bồ phạt nhốt trong phòng.

“Con đã thấy mất tự do, bị giam hãm là khổ chưa?”

Con chim két nuôi trong lồng mấy tháng được thằng bé thả ra, không chịu bay xa, cứ quanh quẩn trên cây khế, cây vú sữa.

Xích lô qua ngã ba Ngô Tùng Châu. Nhớ nữa. Lên Chùa, tụi nhỏ về kể, Ôn nuôi một con chó què một chân, một con gà què một chân. Lúc Ôn tụng kinh, đi vòng quanh điện Phật, Ôn bước một bước, con chó bước theo cả nhấc một bước, con gà nhảy cả nhấc một bước ở đằng sau. Mấy chú trong Chùa nói,

có con chuột phá quá, mấy chú bắt, đem lên thả ở xa lộ, rồi nó cũng tìm đường mò về để nghe Kinh. Mấy chú làm dấu, bắt thả nhiều lần, nó vẫn tìm về được. Bây giờ sợ bị bắt, nó vào trốn trong phòng Ôn, Ôn không cho bắt đem đi nữa.

Mới đây thôi, tội nhỏ lại vừa kể, có con nhông bị ai bẻ què cả hai chân, cắt trụi cánh, vất ngoài đường. Ôn mang về nuôi, dạy và chăm sóc kỹ lắm. Nó biết đọc Kinh, niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Để nó sống gần thiên nhiên, Ôn treo lồng chim vào cảnh mạn trước sân Chùa. Tội nhỏ trong xóm vô chơi, dạy bậy bạ. Con nhông hề thấy người là kêu: ĐM bác Hồ. Ôn phải đem nó ra tuốt góc vườn sau bếp giao cho mẹ Cửu giữ.

Lại nhớ Vũ Hoàng Chương.

“Con còn nhớ không, buổi Thầy gọi vợ chồng con lên gặp cụ Vũ.” Tôi nhớ. Bữa cơm chay đạm bạc có cả cụ Vũ Văn Mẫu.

“Con có gặp cụ bà Vũ Hoàng Chương không? Từ ngày ông cụ đi tù rồi mất, không biết cụ bà sống ra sao?”

Lâu rồi, Ôn sai hỏi thăm tin tức về bà Vũ. Vẫn chưa hỏi được.

Mấy giờ rồi? Sáu giờ hôm nay làm lễ nhập quan. Coi đường phố, vẫn cái vẻ bình thường hằng ngày. Xe qua Chùa Dược Sư, tới đặng kia nữa. Chùa chiền nào cũng vắng như chùa Bà Đanh. Có phải tin đồn nhảm, chuyện buồn cười không? Có gì đâu nào. Trời chiều. Gió. Bầu trời vẫn mênh mang. Nhịp sống vẫn đều đặn. Lát nữa, xe đi vào cái ngõ sau. Ôn nhìn ra, Ôn đang ngắm một cụm hoa. Ngồi bày cờ tướng, một mình hai phe, phá, gỡ. Hay nằm trên võng, đu đưa, đọc sách. Xô cửa chạy ủa vào như luồng gió. Gì vậy con? Mất Phật. Nụ cười Phật. Chắc cười chết mất. Cười à? Không có đâu? Mất đang cay xè, muốn khóc.

“Công an. Đùng vô.”

Giọng của một Phật Tử quen, cúi nói vội, khi đi xe đạp ngang

qua.

Nhìn tới ngã ba, bảng số 498/11. Quảng Hương Già Lam. Dàn ngang, lồ nhố một số công an chìm. Nhìn biết thôi, mặt mày lác các quan trọng. Hai bà già tay ôm hoa, tay cầm hương, xăm xăm đi vào, bị chặn, đuổi lui. Bên kia đường, đi bộ, một số bà mặt áo lam, vẻ nóng nảy, bồn chồn. Một cô nữ Phật tử vừa rút những bông hoa rải bên đường, và đưa tà áo quệt nước mắt.

Tới nữa, có nhiều khuôn mặt lạ, đi bộ, đi xe Honda trờ lui trờ tới. Trong mấy cái quán, toàn đàn ông, áo sơ mi bỏ ngoài quần, họ ngồi, họ đứng, mắt tai làm việc. Chẳng còn gì để tưởng tượng, hy vọng nữa. Trên những chiếc xích lô ngược đường về, những bà cụ ăn mặc trịnh trọng, trên tay bà nào cũng có nhang, có hoa và mặt mày đầm đìa nước mắt. Bà cụ già, lưng còng, mắt chạm đất, trước một ngôi nhà tranh tồi tàn, tay cầm cả bó nhang lớn, quay lạy bốn hướng.

Xe đi qua, mấy bà nữa, đi lên, đi xuống, đụng nhau, to nhỏ.

Hai bà trên hai xe, chạy gần song song, nói với qua:

“Mai tang, nhà nước đưa linh cữu Hòa Thượng xuống chùa Xá Lợi.”

Gió quá, họ còn nói gì nữa mà tôi không nghe được. Tôi ra dấu cho xe chạy trở lại. Ngang qua ngã ba, đụng lại con hẻm lớn vào Chùa, cố nghênh cổ nhìn qua những cái đầu lồ nhố canh chừng. Chẳng thấy gì ngoài một phần bờ rào quen thuộc ăn thẳng vào ngôi chùa của Ni Sư Huỳnh Liên, bà sư xuống đường nổi tiếng một thời.

Khúc hẻm queo vào Chùa bị che khuất. Vậy mà đêm qua, giấc mơ đã kéo tôi tới Chùa, đứng giữa điện Phật. Lúc đó đã có quan tài chưa? Ôn mắt lúc mười giờ tối. Giấc mơ tới vào khoảng giữa đêm. Ôn ơi, chính Ôn đã kêu con tới mà.

“Về nhà hả cô Hai?”

Chú xích lô quen, hỏi. Tôi nói không, cứ đi. Cứ đạp. Mặc kệ tới đâu thì tới. Như nhiều lần khác, tôi đã lên xe ngồi, rồi trở về lại chỗ cũ. Có những lúc phải ra ngoài để tan nát một mình.

Khuôn mặt, nụ cười, ánh mắt của Ôn, của đảng từ phụ, của sư phụ, lại an ủi, vỗ về tôi. Có chi đáng sợ. Chết là một điều mới mẻ của kiếp người. Một buổi nào đó, Ôn nói:

“Thầy phải về chùa Bảo Quốc để tìm coi một miếng đất.”

“Chi vậy, Ôn?”

“Thất thập cổ lai hy rồi. Thầy muốn khi chết, được về nghỉ ngơi ở Chùa xưa.”

“Còn sớm quá, Ôn ơi.”

Coi, đường xá quanh chùa có vẻ căng thẳng. Thầy Thanh Trí đã từ Huế vô. Ước mong của Ôn về lại ngôi chùa cũ, hẳn sắp được thực hiện.

Vậy mà, mới đó thôi, nghe Hòa Thượng lo chuyện hậu sự, tôi đã cười ngất.

3. Ôn. Ôn biết mà!

Một đêm, khóc. Sáng, khóc. Không còn giấc mơ nào đến nữa. Giấc ngủ vụn ra vì mộng寐. Đóng cửa. Còn buồn bán gì nữa. Mấy đứa con âm thầm, nghiêm trang trước nỗi đau chung.

Mới ngày nào, lũ con thơ, được Hòa Thượng làm lễ Quy y Tam Bảo. Quy y Phật. Quy y Pháp. Quy y Tăng. Buổi lễ đơn giản, nhẹ nhàng. Lời Ôn giảng, ôn hòa, dễ hiểu.

Ngày mấy, tháng mấy. Trước khi cho mấy đứa nhỏ vượt biên, mấy mẹ con dẫn nhau lên Chùa, lạy Phật. Vây quanh Ôn. Ôn ôm từng đứa.

“Con nì. Tự nhiên lòng Thầy bút rút. E có chi không ổn.”

Mọi chuyện đã không thể đổi thay được nữa. Trình với Ôn. E

không được. Bảo đi sang Thầy Pháp Hoa coi quẻ, nghe nói Thầy bên Pháp Hoa coi nhiều khi đúng. Quẻ xấu quá. Ôn nghe, lắc đầu.

“Buồn cười quá, Ôn, không lẽ lại mê tín?” Vẫn bút rút. Không được. Ôn nói, mấy đứa đi thi đi. Còn con... nhớ không?”

Buổi nào đó, Thầy Trí Quang cùng Ôn, bày sách ra coi tuổi, đoán dịch. Thầy Trí Quang kêu:

“Ni Ôn, cái con ni nghiệp nặng quá, thiên la địa võng vây nó tứ phía.”

Thầy Trí Quang, vẫn là hình ảnh sáng rực trong tuổi thơ của tôi, con bé Đồng Nữ Đoàn Phật Tử Hương Đàm, trong khuôn viên Chùa Từ Đàm. Từ hồi còn bé tí, con bé đồng nữ phá phách đã được Thầy thương. Cam, bánh, kẹo mút, tha hồ. Nhưng con bé lại chỉ thích những pha hồi hộp, táo bạo. Dám cầm sào thọc những quả đu đủ chín sau vườn, dám trèo cây ôi, cây đào sai trái. Có bữa, Thầy Trí Quang vào thất, không ăn, con bé sợ Thầy chết, khóc quá là khóc.

Khi lớn lên rồi, mọi chuyện biến hẳn. Hẳn Thầy phiền lòng với con bé đồng nữ ngày xưa, càng ngày càng xa Chùa xa Đạo. Thầy thương là phải, cuộc đời cứ kéo nó xuống. Bởi vậy, trong sự thương yêu, vẫn chứa chan bực bội:

“Mi thiên la địa võng vây là phải rồi. Việt cộng chỉ chờ cơ hội, cắt cái đầu mi. Cái con nhỏ ngày nào hiền lành, đụng chút là chảy nước mắt, ai dè mi chừ quá quắt... Mi thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp...”

Giọng của Ôn bao la tình thương:

“Lạy Phật đi con...”

Lũ nhỏ, mỗi đứa được Ôn phát cho sợi chỉ ngũ sắc. Ba đêm liền, Ôn thức suốt tụng Kinh, cầu nguyện... Lũ nhỏ lênh đênh trên biển, trong cơn bão số tám ác nghiệt, tưởng đã làm mọi

cho cá ăn... Sóng, gió trôi dạt trở vào đước bờ, bị bắt. Lại khóc vùi bên vị Thầy kính mến. Lại tương chao thăm nuôi.

Hai bộ quần áo vàng của Ôn đã bạc màu. Mần, sáo ngăn phòng gõ đâu hết. Nhà nước Liên Xô mời một lãnh đạo Phật Giáo, Ôn được cử đi. Tôi soạn đồ đạc vào va ly, chung hứng. Ngoài y áo, đồ mặc chẳng có gì đáng. Sang xứ lạnh, tìm ra đước mấy đôi vớ, chiếc thùng gót, chiếc thoi đước ngón chân.

Mấy Phật Tử kính áo len, Ôn trầm ngâm:

“Mầy Thầy ở ngoài Huế cần lắm. Răng mà mấy mùa đông ni lạnh dữ.”

Ai đó, biểu Ôn cái áo gối thêu hai con chim Loan Phượng. Tôi phải may vội thêm cái áo gối ghép nhiều mẫu vải để bao phủ phía ngoài. Bức tranh, mấy cái đồc bình gốm xưa, mới đó đã biến mất:

“Ồ, Ôn cho rồi. Cái treo trên nớ há? Ôn cho thằng Trụ, tội nghiệp, nó đông con. Ui cha, thằng nó càng đói càng làm thơ hay chi lạ.”

Có hôm Ôn than cái ví để trong ngăn kéo, mất tiêu rồi. Có ít tiền, có thể chứng minh nhân dân. Không có giấy tờ mệc thiệt. Hỏi có nghi ai lấy không? Ngày rằm, Phật Tử tới thăm tấp nập, chịu.

Ít bữa sau, vừa vô Chùa, gặp Tuệ Sỹ cười cười kể:

“Rồi. Ôn khoe tìm thấy cái giấy chứng minh nhân dân rồi, đặt dưới cuốn Kinh, nơi bàn Phật. Chị coi, cả mấy hôm nay, Ôn cứ tha thít thương cho kẻ trộm: Răng có đừa thiệt thà quá, tội, trả lại giấy tờ cho Ôn.”

Ôn đi vắng. Hai chị em đứng cạnh cặp voi đất đặt cạnh hồ nước. Tuệ Sỹ bảo tôi ngồi trên lưng voi, kể nữa:

“Bữa mấy đừa nhỏ lên phá quá, chạy rầm rầm, leo lên cả trên lầu thượng, gác riêng của Ôn ngồi thiền. Buổi trưa nữa chớ.

Ôn kêu. Hải, coi con nít ở đâu phá ồn rúa. Thầy Hải nói dạ mấy đứa con của Nhã Ca, lên thăm Ôn đó. Vậy là Ôn dịu giọng. Chạy vừa vừa, khéo kéo té. Ừ, chạy chơi đi con. Tội nghiệp chưa, Bố đi tù, Mẹ đi tù...”

Tuệ Sỹ cười nữa, đùa:

“Coi chị cỡi lưng voi, giống bà Triệu, mà một triệu cái ầu lặn... Chị hỏi chi? Tui há. Về đây đã chịu yên chưa há? Không biết. Bữa kêu tôi về, Ôn nói, ở đây yên một chỗ, mi đi lung tung, rồi ba xam ba láp rãng cũng bị đi tù nữa. Làm chi? Thì tui ngồi một chỗ dịch Kinh, đọc sách. Thư viện sách của Thầy Trí Quang bỏ không đó tề.”

Lâu kinh của Thầy Trí Quang lâu nay vẫn bỏ không. Hỏi thăm, Hòa Thượng cười:

“Thầy Trí Quang há? Thầy làm lớn lắm, làm vua, đi đâu cũng có sư quốc doanh theo sau, quạt hầu, che dù. Oai không? Ôn há, Ôn rảnh là làm vườn. Đám lá sân ni ni, Ôn trồng đó... Nhớ rồi, bữa chị chọc Ôn, chị thiệt... đúng là một triệu cái ầu.”

Một lần tôi lên thăm, xin phép về, Ôn bảo Thầy Hải hái cho một túi trái vả, ngắt cho một mớ rau sâm.

“Đám lá sâm này này Thầy trồng. Nấu canh ăn mát lắm. Nghe máy mụ nói nấu với thịt bò ngon lắm.”

Tôi cười:

“Làm sao Ôn biết thịt bò ngon?”

Lúc đó thầy trò đang đứng trong sân Chùa. Tuệ Sỹ cười thành tiếng, và Ôn cười xuề xòa. Thầy Trí Quang nói tôi một triệu cái nghiệp đeo đẳng. Còn Tuệ Sỹ nói tôi là triệu ầu, một triệu cái ầu.

Hòa Thượng hiền hòa, độ lượng vậy, mà cũng có lúc buồn điếng. Nằm trên võng, có lần Ôn đưa cho tôi một lá thư, bảo đọc. Tôi liếc qua, đưa trả lại Ôn. Thư từ ngoại quốc gửi về, có

ý trách Ôn, đã xây Chùa Già Lam bằng tiền nhà nước. Thư còn hàm ý chê Ôn, đã an phận, để cơ đồ của Giáo Hội dưới sự lãnh đạo của Nhà Nước.

Gì chớ nhà nước Cộng Sản còn lâu mới bỏ tiền xây Chùa. Chuyện tu sửa Chùa, tôi biết khá rõ. Một Phật tử, trước khi đi vượt biên cả gia đình, có gửi Ôn một cặp đũa bình cổ đời Thanh, mấy chục lạng vàng, với lời nguyện nếu đi thoát, xin được cúng dường sửa sang điện Phật. Gần một năm, gia đình người Phật tử thoát, tin về, xin Hòa Thượng thực hiện dùm lời nguyện.

Việc sửa sang điện Phật được khởi công. Vào những năm đó, mua xi măng, mua gạch xây cất số nhiều phải có giấy giới thiệu. Ôn làm đơn bình thường, được phê chuẩn. Có lời đồn, rỉ tai: “Hòa Thượng mà không chịu đi gác quan tài cho bác Tôn, Nhà Chùa làm sao có được xi măng xây lại điện Phật?”

Lời đồn xa thật. Tới mức từ nước ngoài có thư về thắc mắc. Còn nhớ khi nhận lại lá thư, nghe tôi đùa “Ôn mà còn biết buồn, lạ hí.” Hòa Thượng thật thà:

“Ừ, Thầy có buồn, nhưng con đừng cải chính làm gì. Thầy cũng đang trên con đường tu hành, chưa đạt tới đâu. Thầy cũng phải trả nghiệp như mọi người. Cứ để cho Thầy trả hết nghiệp trong kiếp...”

Tôi thấm thía hiểu, tại sao trong các sư huynh sư đệ cùng thời, Ôn là người được nể nang, kính mến. Chế độ trước, trong mọi tranh chấp phe phái, Ôn vẫn là người chủ trương ôn hòa, chùng mực. Chế độ mới, nhìn thấy bạo tàn, dã man, Ôn vẫn chùng mực, hỷ xả.

Hai vị sư đệ của Hòa Thượng, thầy Trí Quang sâu sắc, thầy Thiện Minh mưu lược, qua Ôn, vẫn ngồi lại được với nhau. Bên mâm cơm chay đạm bạc, những người bất đồng nhau, dù

sâu sắc tới đâu, nhờ có Ôn, vẫn ngồi đờc bên nhau. Đờc vậy, vì Ôn tới với mọi người, trước tiên, bằng một tấm lòng.

Chú Ha, Đạt Đạo, lái xe hầu Hòa Thượng không rời một bước.

Trước ngày Ôn lên đường đi Liên Xô, Ha nói với tôi:

“Chị xin Ôn dùm cho tui, đem tui theo để tui hầu Ôn, Ôn đi một mình, lẽ có chi...”

Tui nói, Ôn cười:

“Đem nó theo, lẽ có chi nó bảo vệ Thầy đờc rằng. Nó còn nhỏ, chưa hiểu đờc Cộng Sản. Họ không để yên cho những ai không thích họ, hay tọc mạch về họ. Nhà tù, tại nạn, thủ tiêu... Nó ở nhà, có chi Thầy chịu một mình.”

Đạt Đạo không đờc theo Hòa Thượng đi Liên Xô, chắc có hạm hực. Giờ đây, hẳn chú ấy đã hiểu đờc tấm lòng của Ôn.

Không thể chỉ ngồi nhỏ những giọt nước mắt. Tôi phải tới đó.

Phải đứng trước quan tài, phải có mặt trong giây phút vĩnh biệt.

Tôi đến cổng chùa Xá Lợi với hai bó hoa lớn. Loại hoa lay-don màu vàng, chắc hợp với Ôn. Loại hoa Ôn thích, là hồng bạch, là tỷ muội trắng, chiết từ chùa Bảo Quốc Huế, nở từng chùm, nơi chậu kiểng bên ngoài phòng Ôn ở.

Cổng chùa Xá Lợi đông chen không nổi. Cuối cùng cũng lách

vào gần đờc. Tôi bị chặn lại. Chưa cho thường dân vào. Sáng

nay mới là lễ viếng của chính quyền, các đoàn thể. Tôi bị xô

giạt sang một bên. Công an chim, mặc thường phục cũng đông

như kiến, khó đoán. Máy bà cụ ôm hoa, đứng tùm năm tùm ba,

sụt sịt khóc. Xe nhà nước đậu dọc hông chùa. Vòng hoa, đại

diện chính quyền, đại biểu đang biểu diễn màn nghi lễ hài

hước, ra vô. Máy ảnh, máy quay phim kêu rè rè, bấm lia lịa.

“Các cụ, các bà về đi. Chiều tới. Chiều mới đờc. Cụ đừng năn

nỉ vô ích. Không đờc. Lệnh là lệnh. Hoa hả? Để hỏi cấp trên.

Chờ chút... Đờc. Cho mấy người gửi hoa vào.”

Hai bó hoa trên tay tôi cũng được chuyển vào bên trong. Phía sân, hai dãy bé gái, tay cầm giỏ hoa, sắp hàng dọc, đứng nghiêm chỉnh chào quan khách đại diện chính quyền. Phía hông Chùa, dọc theo con đường dài, hàng rào kẽm gai được vội vã giăng kín. Những biển giữ xe dựng lên vội vàng, nổi bật. Cán bộ phường khóm được hưởng ân huệ coi bãi, chạy lui, chạy tới, tíu tít.

Bên trong chùa Xá Lợi. Chuyện gì đang diễn ra? Chuyện phá chùa, giết Hòa Thượng, bắt bố tăng ni, đang được lập liêm bằng đại lễ, diễn văn, viếng thăm, chia buồn.

“Ôn. Ôn biết mà.”

Phải rồi. Khi không cho chú Ha theo hầu, Ôn đã biết điều ấy. Khi nói tới chuyện về Bảo Quốc chọn khoảnh đất nghỉ ngơi, Ôn cũng đã cảm thấy điều ấy.”

4. Cây Bồ Đề vươn bóng

Sau khi bỏ lối tu ép xác, nhận bình sữa cừu của một người nữ kính dâng, Đức Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới gốc Bồ Đề, và đạt Đạo.

Trước sân chùa Từ Đàm, cũng có một cây Bồ Đề, cô thụ, nghe nói được đem từ Ấn Độ sang, cành lá xòe bóng mát, che rợp cả sân chùa, và một phần mái ngói dãy nhà giảng.

Hàng cây sứ già, nằm xa tít tận bờ rào, tiếp miếng đất bỏ hoang, mở ra ngã ba đường, đối diện nhà thờ cụ Phan Bội Châu, cành xù xì, cong queo, già cỗi như cây kiểng. Tới mùa hoa, cây trở bông trắng, cây trở bông tím hồng, từng chùm chi chít, tỏa hương, lá trụi lũ.

Ngôi chùa cổ kính, mái cong dựa sát một dãy nhà sau, sát tường. Phía tay mặt nhà tăng, tiếp bếp, nối với dãy nhà sau, gồm nhiều phòng cho Tăng Ni ở.

Cạnh nhà Tăng, mở ra miếng đất hẹp, một cái lãng xưa cổ của vị sư già chiếm trọn, đất vôi lổ đổ. Mấy cây đu đủ mọc thẳng tắp, không kheo. Đến mùa, những trái còm côi đeo nhau. Vậ mà chẳng có trái nào kịp chín đâu. Sào tre, cành trúc, lũ trẻ đã chọc cho rụng xuống lúc trái còn xanh ngắt.

Chiều chủ nhật. Họp gia đình Phật tử Hương Đàm, gồm có thiếu niên, thiếu nữ, đồng nữ Phật Tử. Thiếu niên, áo lam, quần soọc xanh. Đồng niên, áo sơ-mi lam, cũng quần xoọc xanh, nhưng có dây đeo. Thiếu nữ, áo dài lam, quần trắng. Đồng nữ, áo sơ mi lam, váy xanh, dây đeo. Huy hiệu hoa sen năm cánh cài trên ngực.

Cũng có ngày đông đến nghệt người là gặp lúc Khuôn Hội của các cụ ông, cụ bà tới phiên họp, đôi khi cử hành lễ cầu an, cầu siêu. Thế là ở góc sân Chùa, dưới tàng cây me mà cái gốc bự tới năm đứa ôm chưa hết vòng, lại dựng một cái xe bán nước ngọt, mía chặt khúc, róc vỏ.

Có mấy đứa nhỏ con nhà nghèo bên Xóm Chùa Vạn Phước, cấp rỏ bán me chua, trái đào, trái ổi. Mấy con bé đứng nhìn đoàn Đồng Nữ chơi trò chơi bịt mắt, bỏ khăn, hay cầm tay chạy vòng hát, bằng ánh mắt thèm thuồng, thán phục. Có đứa há cả mồm, lệch rỏ, trái cây rơi xuống đất. Có đứa ngồi bệch xuống đất, ham cười theo, kẹo bánh để cho ruồi bâu kiến đậu.

Chị Lương Trinh, trưởng đoàn thiếu nữ, bám riết theo các đồng nữ dặn dò:

“Ruồi đồng kêu vo vo, nghe không? Bụi bậm, vi trùng. Đừng ăn, đau bụng đi tả, chết đó.”

Kệ, con bé nắm tay các bạn chạy vòng vòng, hát, vỗ tay, ngồi xổm, đứng dậy, nhưng kẹo trứng chim lỏn ngổn trong túi áo...

Đoàn em là những mâm non.

Đang lớn đang khôn, nhưng mềm.

Nhờ bao hàng trúc che chở quanh mình.

Đoàn em được sống yên lành...

Măng mọc đều, đều.

Măng mọc thẳng, thẳng...

Măng lớn lên, trở nên trúc bền...

Cây Bồ Đề vươn bóng che. Gió thổi mát mùi hương sứ. Mùi trầm hương từ trong điện Phật. Vỡ òa lòng Đạo. Hai đoàn, một bên nam, một bên nữ, đi lên bậc cấp, vào điện Phật. Bài hát mở đầu buổi lễ Phật hàng tuần. Có hôm, anh Cao Chánh Hựu, một trong những trưởng Ban Hướng Dẫn tới, cô Kim Cúc, người mà trong thơ Hàn Mặc Tử đã tả: *Lá trúc che ngang mặt chữ điền*. Mắt to trên khuôn mặt chữ điền hiền hậu, cô mặc áo tràng, đứng trước đoàn Phật Tử, xưng Kinh.

Đó là những lần đoàn làm lễ nghiêm trang, bài hát âm vang *Trầm hương đốt, xông ngát mười phương...* Con bé hướng về một phương cầu nguyện. Đức Phật, có vòng hào quang mỉm cười nhìn xuống. Trái tim con bé thành khẩn đồ tươi. Lạy Phật, cho ba con khỏe. Lạy Phật, cho má con khỏe. Cho con học hành tấn tới... Cho gì nữa... Kia, nhãn trong sân Chùa sẽ mau chín... Cho con biết trước khi lũ chim quý sứ tới xoi... Cho đừng mưa buổi chiều, con còn phải đạp xe đạp xa lắm.

Chùa Thuyền Tôn, chùa Trà Am, sau núi. Chùa Từ Hiếu, đến mùa thu, sen còn nở trong hồ. Chùa Tường Vân, cả một vườn mai, đào. Góc vườn, có cái giếng bỏ không. Thích giờ hòn đá đây cái miệng giếng đã xây bít, nhìn xuống. Tối om, không thấy. Thả một hòn đá, áp tai nghe, chờ lâu ơi là lâu, mới nghe một tiếng sần sật, thật nhỏ. Người lớn nói cái giếng đó từ hồi xưa, sâu xuống tới âm phủ. Thích phá hai con rùa bò ra bò vô trong mấy tảng đá. Túm được, lật ngược bắt anh nằm giữa

chịu trận, phơi nắng nữa.

Còn cây đào bên hông chùa, Ôn Tịnh Khiết mắc cái võng nằm đọc sách. Rình lâu lắm mới có dịp vắng Ôn. Bữa kia kia, xui chưa, mới leo lên, đã thấy Ôn đứng dưới gốc. Đu một tay, thả hai chân xuống, định nhảy. Sợ quá, mặt hết máu rồi. Ôn năn nỉ: “Con ơi, đừng nhảy. Từ từ mà xuống. Té gãy chân nghe con. Ừ, thì thôi. Hái tiếp đi. Hái ăn đi con. Đừng sợ.” Bước chân Ôn vội vã đi, khuất sau khóm cây.

Bữa khác nữa. Nhấn ở Chùa Bảo Quốc chín tới. Phải trước mấy con chim. Leo lên. Chưa hái xong chùm nhãn đã thấy chùm đào sai quá.

Bỏ một buổi họp hàng tuần. Bỏ trò chơi, bỏ hát, bỏ lễ Phật. Thầy Trí Quang phạt. Mới mười phút trong phòng kín đã khóc như mưa. Thầy đứng ở ngoài chớ đi đâu. Mở cửa. Cuống quít đổ. Có chén chè để phần, mang ra. Thầy vừa cười vừa dí trán con bé: “Mi dữ. Răng mà mi dữ rứa.” Ôm một bên tay áo lam thụng của Thầy, áp mặt vào tay Thầy. Một cái cốt nhẹ vào đầu. Nhớ mãi.

Thầy đưa cho cuốn *Ánh Đạo Vàng* của anh Võ Đình Cường, anh trưởng trong Gia Đình Phật Tử miền Trung. Đọc thuộc rồi nói cho Thầy nghe.

Buổi chiều, ngồi thòng chân trên một cành sứ Pháp. Thầy Trí Quang tới. Nói:

“Bữa qua con bị mụ Xếp đuổi chạy, chút nữa té chết ở bậc cấp Chùa Bảo Quốc rồi.”

“Con phá quá. Ai biểu con chọc mụ làm chi. Đọc cuốn *Ánh Đạo Vàng* chưa. Đọc đến mô rồi?”

“Con có chọc mụ đâu. Tại mụ ngâm cục thịt luộc trong hồ tương. Con rình mụ ngủ trưa, lấy trộm. Té mụ giả đồ, mụ rượt con chạy chết luôn. Mụ đó chết là xuống địa ngục, quỷ đầu trâu

mặt ngựa lấy đỉnh ba đâm mù lòi ruột, còn cho lăn vạc dầu, cưa ra ba khúc...”

Một cái cốc nhẹ lên đầu nữa.

Thầy giận? Không, Thầy cười, lắc đầu.

“Mi...”

Thầy cười nữa. Con bé quên hết những gì đã đọc trong cuốn *Ánh đạo vàng*, chỉ thấy cảnh địa ngục lúc mù Xếp xuống đó. Lu tương, cả chùa ăn, mù Xếp ngâm thịt luộc vô, không tội lút đầu hay sao. Mà Thầy còn cốc đầu nữa.

“Xuống Chùa Bảo Quốc, không được trèo cây, không được phá. Thầy Giám Đốc có cái roi. Thầy Sự có sợi dây để trói.”

Phật Tử ở con đường Nam Giao, lên cái dốc, gần nhiều chùa. Đêm đi ngủ theo tiếng chuông đổ. Trước khi nhắm mắt niệm Phật, nghĩ điều lành. Sáng sớm, nghe tiếng chuông, dậy sớm, học bài, một ngày phải làm một điều thiện.

Chùa Bảo Quốc, còn gần nhà hơn, con bé cùng lớp bạn, chiều mát, lên đó học bài. Thầy Giám Đốc Trí Thủ coi việc tu học của các tu sĩ. Một số lớn, gọi là chú, số còn nhỏ, đầu cạo chừa chõm đào, gọi là mấy Diệu. Ngoài giờ học Kinh, nghe giảng, các Diệu phải nhổ cỏ ngoài sân, lau bụi điện Phật, tưới cây, quét lá. Thầy Giám Đốc đi ngang qua, cái roi đưa lên nhịp nhịp, nhắc nhở. Thầy Sự còn bận rộn hơn nữa, quản lý việc chi tiêu, mua sắm gạo, tương chao. Chẳng thấy Thầy Sự có sợi dây, nhưng con bé đã bị cái roi của Thầy Giám đốc quét nhẹ nơi mắt cá chân. Con gái mà leo cây, có ngày té gãy cổ. Khẽ hai cái chân cho chừa.

Không đau. Con bé vẫn sụ mặt. Giận. Trèo cây hạnh đào, cành giòn dễ gãy trái xa với không tới, suýt té thiệt, còn bị khê chân nữa.

Chủ nhật tới, họp đoàn ở Từ Đàm, Thầy Giám đốc lên thăm

Thầy Trí Quang. Lúc hô: *Úm ba la. Bùm*. Hô ba lần để ngồi xuống, đứng dậy, con bé rống thật lớn chữ Ba La, muốn chọc tức Thầy Giám Đốc. Trước khi tới Bảo Quốc, Thầy tu ở chùa Ba La, thật là xa thành phố. Đi ngang, Thầy cười cười. Con bé ngó lơ.

Lễ Phật Đản, chùa nào cũng đông chen chân không lọt. Dọc hai bên đường Nam Giao, từ cầu trở lên, bày bán nước ngọt, com chay. Kẻ làm công quả, nấu từng phuy nước sôi để nguội, sẵn ly, gáo, để đãi kẻ hành hương nhẹ túi tiền. Phật tử trực ở các chùa suốt ngày đêm. Quý Thầy, quý Chú, trang nghiêm thay phiên tụng kinh liên tiếp trước điện Phật.

Chùa Bảo Quốc vườn rộng, cỏ tranh cỏ lùng xơ xác tang thương vì những lều trại của các đoàn Phật Tử. Vòng tay nổi lửa trại rộng lắm. Lửa bập bùng. Bập bùng. Bài hát lửa trại làm đêm muốn sáng. Các em đồng nữ sung sướng với những lẵng hoa sen, cúng dường Tam Bảo. Ngày các đoàn Phật Tử các nơi tụ lại ở một sân chùa. Văn nghệ, múa, hát. Đầy đủ mặt Ban Hướng Dẫn. Các anh Võ Đình Cường, Cao Chánh Hựu, anh Phan, chị Kim Cúc, cũng tham dự trò chơi lớn. Văn nghệ, anh Lê Gia Phàm hát hay đàn giỏi, các em Đồng Nữ năm nào cũng hợp ca bản Giòng A-Nô-Ma. *Giòng A-nô-ma sóng nhấp nhô bờ lau xanh...*

Rằm tháng Bảy. Ngày rằm xá tội vong nhân. Lễ Vu Lan Bồn. Ngày báo hiếu. Năm nào cũng vậy, gia đình Phật Tử Hương Đàm được tới chùa Bảo Quốc nghe giảng về Đức Mục Kiền Liên. Thầy Minh Châu, thầy Trí Không, thay nhau phụ trách lớp giảng. Ngài Mục Kiền Liên xuống tới âm phủ, qua bao cửa ngục đầy quỷ sứ, đang tra tấn người có tội, mới tìm ra được mẹ. Đưa bát com cho mẹ ăn, com lên gần miệng biến thành lửa...

Rằm tháng Bảy, đăng đàn chẵn tể. Đàn dựng trước sân, sát bậc cấp lên điện Phật. Đồng bào Phật Tử đặc kín. Trẻ con ở đâu túa ra như kiến.

Năm nào cũng Ôn Viên Thông đăng đàn, đóng vai Địa Tạng. Ôn mập quá, mà mặt mày thiếu vẻ hiền hậu. Lũ trẻ con reo hò, giành giựt nhau, tranh lượm những vạt cơm bọc đồng tiền vớt cho âm binh. Con bé cũng rùng rình những đồng tiền lượm được trong túi áo. Lúc xuống đàn chẵn tể, trong bộ cà sa xám, Ôn Viên Thông đi bên Ôn Trà Am như con số 10. Ôn Trà Am gầy nhom, tiếng đồn là giỏi võ Thiếu Lâm.

Tháng Bảy, Lễ Vu Lan, mấy chú dọa ma quỷ về chùa nhiều lắm, về để nghe kinh. Con bé sợ náu áo chú Đức Phương, chú Đức Tâm, chú Chánh Lạc. Chú Đức Phương còn dọa thêm. Chú Chánh Lạc dạy đọc câu chú: *Án ma ni bát nhi hồng*... Rồi ấn ngón tay bắt chú. Ma quỷ sợ lắm. Con bé đọc chú, tôi, dám ra vườn sau cùng đám bạn nhỏ, bấm coi trái mít đã mềm chưa. Mấy năm, con bé vẫn chưa thay được bộ áo Đồng Nữ. Nhưng đi học đã mặc áo dài. Năm đó, thầy Trí Không và thầy Minh Châu được Giáo Hội gửi sang ngoại quốc học. Chú Trí Không đi Anh, chú Minh Châu đi Tích Lan, Ấn Độ. Ngày đưa chú Trí Không, đối với con bé thiệt là vui. Phật Tử được tiền tận hăng Hàng Không Việt Nam ở đường Lê Lợi, rồi được xuống tới sân bay Phú Bài. Lên xe, hát, vỗ tay. Vậy mà không hiểu sao, chị Hồng, ở đoàn thiếu nữ gia đình Phật Tử Gia Hội, lăn ra khóc thảm thiết. Có một bức ảnh, Thầy Trí Không cầm tay con bé, với con bạn nữa. Hôm đó hai đứa lần đầu tiên được mặc áo dài đi học, lên chùa khoe, chụp ảnh với Thầy. Mấy Điều mới thành Chú, núp sau dãy nhà ngang, dòm trộm cười khúc khích.

Tết, Mụ Xếp lo bếp núc để sửa soạn những bữa cơm chay đãi Phật Tử thập phương. Con bé rình mò mấy lần, không tìm

được sợi dây buộc miếng thịt luộc, ngâm trong lu tương nữa. Có miếng nào mất miếng đó mà. Mụ Xếp háy dứt đuôi con mắt, khi gặp mấy nhỏ. Chuyện chẳng thể dám mách Thầy Sư. Con bé lớn lên một tí, đã bót phá tán, treo cây, bẻ trộm trái. Có một thời mê chết chùa Sư Nữ. Ni cô Diệu Tấn, ni cô Diệu Hạnh, thường để dành trái cây, xôi chè. Ngày rằm, con bé được ăn chung cỗ chay với các sư cô. Thích nhất là chiều, ngồi nghe các sư cô kể chuyện tiền thân Đức Phật, nơi cái hồ nhỏ trước con đường vô chùa. Có cây si cổ thụ tàng sà xuống mặt nước, và cái ghế đá chênh vênh.

Có lần, ngày Tết theo các sư cô lên Tường Vân, chúc thọ Hòa Thượng Tịnh Khiết, con bé đứng mở mắt nhìn các ni cô phục lạy và Ôn Tịnh Khiết thì ngồi trên cái sập gụ, lắc lắc đầu: Miễn lễ. Miễn lễ.

Lúc về, con bé đã trộm được một cánh đào, chung trong ly nước để trên bàn học. Chú Thiên Không đem ổi xuống cho, thấy, dọa:

“Mét Ôn. Dám hái trộm nhánh đào trên Tường Vân? Biết Ôn quý lắm không? Còn cười nữa. Sợ không?”

“Không.”

Lúc lắc cái đầu, tóc muốn chắm vai rồi. Cấn môi. Làm gì ngó dữ vậy?

Chú Thiên Không:

“Lớn rồi đó nghe.”

Ông sư con này, coi bộ đặt tên lại thôi. Gọi là Thích Thiên Lô mới đúng.

Cười gập người lại, đến phát ho.

Sư đệ sát chú Đức Phương là Đức Lượng, cùng một cậu em ruột, mới được gọt chùm đuôi ngựa thắt bím, thả phía sau lưng, một hôm xuống nhà gặp con bé. Đầu phải vì nghe có bà con

mà con bé nhảy vô việc đầu. Có họ hàng xa lắc lơ với bà thím. Đức Lượng và chú Thanh muốn trốn khỏi chùa. Đi xa lắm, vào trong Nam. Sài Gòn. Chẳng biết. Chẳng hề nghe ai nói.

Chú Đức Lượng gửi hai cái túi, dòn cứng đồ đạc. Bốn giờ sáng, cánh cửa sổ sau nhà được mở vội, hai cái túi được Chuỗi ra. Từ đó lên Chùa không còn thấy chú Đức Lượng và điệu Thanh nữa.

Chú Đức Tâm, trắng trẻo như con gái, mắt sáng, môi hồng tự nhiên. Hay đọc sách, ngồi trên ghế đá dưới cây nhãn, vào mùa hè. Đám thiếu nữ lượn qua lượn lại, ông ẹo. Thầy Sự nhìn thấy, lắc đầu. Thầy Giám Đốc xoa tay. Có lần con bé lượn được một lá thư tình dưới kẹt ghế đá. Ai đó gửi cho chú Đức Tâm. Con bé đưa cho Thầy Giám Đốc, Thầy xé vụn.

Thầy Đức Tâm đẹp trai, chắc không tu lâu được. Đó là chuyện về sau.

Con bé bắt đầu nghe tới tiếng Sài Gòn nhiều lần. Chùa Thiên Minh, có mấy thầy ở trong Nam ra ở. Con bé nhận được một lá thư của chú Đức Lượng, từ Sài Gòn gửi về, dặn dò đừng cho trên Chùa biết. Hứa sẽ gửi quà, chờ mãi không thấy quà cáp chi. Quên dần.

Trong sân Chùa, mấy mùa sứ vẫn nở, vẫn tỏa hương thơm sực nức. Nhưng trong một năm tới mấy đám tang.

Đầu tiên, con bé đi dự đám tang Thầy trụ trì chùa Từ Quang, nằm trên cùng con đường, khoảng giữa chùa Sư Nữ và chùa Tường Vân. Nghe Thầy trụ trì chùa còn trẻ lắm. Đám tang lớn, lễ nhập tháp, hai đồng nữ xách lồng đèn đi trước quan tài. Con bé là một trong hai đồng nữ.

Qua tháng sau, một Thầy mới ở trong Nam đổi ra ở chùa Thiên Minh, được cử làm trụ trì chùa Từ Quang, chưa được ba ngày bị xe đụng chết. Đám tang nữa. Con bé lại xách lồng đèn.

Nam Mô A Di Đà Phật. Phải niệm một câu kinh từ chùa Thiên Ân lên tới chùa Từ Quang để làm lễ nhập tháp. Nắng, mỗi, con bé gằn ngất xiêu.

Hai tháng sau, lại một Thầy trụ trì nữa, chỉ đau bụng trong một đêm, chết. Lại đám tang. Con bé, lại soi lồng đèn đi trước quan tài.

Trong năm tháng tiếp theo, lại thêm hai đám tang. Năm vị trụ trì của cùng một ngôi chùa, đều chết bất đắc kỳ tử liên tiếp.

Không ai còn dám lên giữ chức trụ trì chùa nữa.

Một hôm, Thầy Sự chùa Từ Quang nằm mơ, thấy có một vị Bồ Tát bảo phải lợp lại mái nhà.

Mấy hôm sau, có cơn mưa thật lớn, chính giữa điện Phật bị nước giọt. Thầy Sự Từ Quang nhớ tới giấc mơ, tự mình cùng mấy thầy khác leo lên, dỡ mái ngói lợp lại. Rồi cũng chính Thầy Sự tìm ra lá bùa dẫu ngay dưới đòn dông lớn.

Lá bùa nhỏ bằng ngón tay, hình nhân màu vàng, vẽ nguyệt ngọc chẳng hiểu ý nghĩa gì. Một thầy khác, kể lại giấc mơ, cũng gặp vị Bồ Tát, dạy rằng, phải kiếm ngay một trụ trì mới, từ nay yên ổn. Thầy Sự lên làm trụ trì chùa Từ Quang. Mấy năm, không xây thêm một cái tháp nào nữa trong khuôn viên chùa. Người ta nói, lá bùa đó là của thợ xây nhà, thợ mộc thợ nề, mỗi khi làm nhà nào cũng phải ếm, vì tổ truyền vậy. Khi người thợ xây nhà mà bất bình, họ có thể ếm chết người.

Cả một Xóm Nam Giao, hầu hết là Phật Tử, sống vây bọc giữa chùa chiền. Linh Mục tuy xa, những khuya yên tĩnh, tiếng chuông trôi dài trên mặt nước sông Hương, vẫn vọng tới.

Rồi những thay đổi, cả thay đổi trong tâm hồn cô bé nữa. Không phải vì lớn lên đâu. Hình như vì tình cảm của mọi người cũng thay đổi. Chú Thiên Không, một hôm hiện ra bên ngoài cánh cửa sổ phòng học của cô bé. Trời chiều chạng vạng,

chú đứng núp bên khóm cây. Một tiếng gọi nhỏ. Cô bé nhìn, muốn reo. Suyt. Một gói trái cây. Một bông hồng. Một lá thư nữa. Mắt chú long lanh, đôi má chú đỏ rực, và chú quay mình chạy.

Con bé thưa đi chùa. Chú Chánh Lạc, chú Đức Phương, chú Đức Tâm, ít vồn vã với con bé. Thầy Thiên Ân, Thầy Mãn Giác, đáp lời chào hỏi bằng cái gật đầu nghiêm trang. Duy chỉ có Thầy Trí Quang, Thầy Giám Đốc, Thầy Thiện Siêu, gặp, vẫn la, vẫn dạy dỗ, và thỉnh thoảng, cốc thật mạnh vào đầu. Không cốc nhẹ như hồi còn nhỏ. Chú Thiên Không đổi chùa, nghe đâu xa lắm. Chẳng hề gặp nữa.

Lâu lắm, bỏ chùa, bỏ đoàn Phật Tử. Tiếng chuông tối, chuông sáng hồi thúc ngày đêm. Bút rút, ân hận. Tuổi cứ lớn, cứ kéo ra.

Một buổi, đi học, vấp té, ngồi thoa chân bên lề đường. Ôn Tịnh Khiết, Thầy Giám Đốc đi ngang qua, dừng lại hỏi han. Thầy Giám Đốc gọi xe xích lô. Cả Ôn, cả Thầy đỡ con bé lên xe, bảo chở tới trường học. Đêm, con bé khóc, muốn trở lại Chùa, lại Đoàn.

Chú Đức Phương nhấn. Mít trên Chùa chín tề. Nhân đã thom. Con bé cùng đám bạn học, ham thích những nơi chốn khác. Những chiều núi Ngự, những sáng tắm sông, boi thuyền.

Thỉnh thoảng con bé trở lại chùa Từ Quang, với cô bạn nhỏ Ma Cẩm Tuyền. Hai đứa không trèo cây bẻ trái nữa mà đi lang thang giữa nghĩa địa, tìm hai ngôi mộ của ba má Tuyền.

Anh em Ma Cẩm Vân, Ma Cẩm Tuyền mồ côi sớm, được các Thầy thương yêu, chăm sóc. Lâu rồi, dù chỉ làm công chức bưu điện nuôi gia đình, ba Tuyền bị Việt Minh chặt đầu ghim bản án Việt gian. Bà mẹ ở vậy nuôi con, làm thơ khóc chồng. Trên mộ bia của ba Tuyền có khắc bốn câu thơ.

Rồi bà mẹ cũng chẳng sống bao lâu. Hai ngôi mộ chôn song song với nhau, hai tấm mộ bia, mà tấm bia của người vợ tro trọi, không còn ai đề thơ trên bia.

“Mai mốt lớn lên, học giỏi, biết làm thơ. Tuyền sẽ làm thơ khóc mẹ.”

Cầm Tuyền nói vậy. Nghe mà thương quá.

Ngôi chùa nhỏ. Năm đời trụ trì liên tiếp bị sát hại chỉ vì lá bùa sát nhân giấu trên mái. Khu nghĩa địa đìu hiu với hai ngôi mộ lạnh lẽo của ba má Cầm Tuyền. Hình ảnh ngôi chùa Từ Quang thời thơ ấu, ngủ yên bao năm trong ký ức, bỗng rùng mình thức dậy.

5. Tang lễ

Không có hàng rào kềm gai. Cũng không có công an đứng vòng ngoài, vòng trong như người ta tưởng.

Buổi chiều, tôi đã phải đi bộ từ ngã tư Phan Thanh Giản, Bà Huyện Thanh Quan, để vào chùa Xá Lợi. Cổng chùa rộng mở.

Mấy dọc đường quanh chùa, bãi giữ xe nào cũng trưng bảng hết chỗ. Xe nước mía, xe bò bía, bột chiên, nước ngọt, bày các góc đường, như được mùa hội lớn. Phật tử kéo tới đông lắm. Những người tò mò, vây chặt, tràn đầy cả lòng đường, lề đường Bà Huyện Thanh Quan. Có kẻ giữ cho nhau, thay phiên trèo đứng trên xe gắn máy, cố tìm mọi cách tìm vào chùa.

Sân chùa rộn ràng. Đoàn thiếu nhi Phật Tử đứng sắp thành hai hàng dài đồng phục, tay cầm lăng hoa. Ban trật tự vui vẻ, vồn vã hướng dẫn các Phật Tử lên chính điện, nơi quán Pháp Thân Hòa Thượng Thích Trí Thủ.

Bên hông chùa, nhà vắng sanh thường ngày, dành cho các gia đình có tang ma, đóng cửa. Hôm nay, tất cả tập trung vào cho tang lễ lớn của một trong các vị lãnh đạo tôn giáo vừa viên

tịch, được Nhà Nước đứng ra trân trọng lãnh phân tổ chức. Đẹp quá. Hoa sắp từng hàng dọc, đầy những lối đi trong sân. Vòng hoa lớn, vòng hoa nhỏ. *Đảng và lãnh đạo vô cùng thương tiếc... Ủy Ban Thành phố thành kính phân ưu... Vô cùng tiếc thương... của Mặt Trận Tổ Quốc.* Phái đoàn thành ủy, Sở công an thành phố, tiếp nữa là các tôn giáo, vòng hoa báo Giác Ngộ của Phật Giáo Yêu Nước... Các vòng hoa được bày biện có thứ lớp, theo trật tự giai cấp trên dưới vô cùng trang nghiêm. Những bó hoa nhỏ của Phật Tử, được chuyền mang vào bên trong. Không cần đèn, hương hoa. Ở điện Phật, mọi thứ đã được tổ chức sẵn. Nghe nói, còn có cả đại diện Phật Giáo Yêu Nước từ hải ngoại được đặc biệt cho về dự tang lễ.

Lần lượt, mọi người được đi vào chính điện để viếng Pháp Thân Hòa Thượng. Quan tài phủ Đạo Kỳ, đèn bông sen bốn phía. Đèn nền sáng trưng, trầm hương sực nức. Một lư hương lớn đặt giữa điện, ngăn một khoảng cách xa quan tài. Một bàn vuông trái khăn trắng, đặt cái khay, những miếng vải vàng đã cắt sẵn. Tôi chờ đợi tới lượt mình.

Cài miếng vải tang, thắp nén nhang, tôi phủ phục xuống. Mặc kệ xung quanh, mặc kệ ai nhìn ngó, xoi mói, tôi úp mặt thật lâu xuống nền đá lạnh. Những hàng nến lung linh trong mắt, quan tài lung linh trong mắt. Những hàng nến không bay quanh điện như trong giấc mơ. Cũng không có sức mạnh nào kéo tôi lại bên quan tài. Tôi cũng không khóc. Chỉ có hình ảnh con bé thời thơ ấu gào thét khản cả cổ. Rồi ánh nến nhập vào một cây lồng đèn hoa sen gọi lại cảnh mùa đông năm nào, cả thành phố Huế nhón nhác, kinh hoàng với những đám tang liên tiếp của năm vị trụ trì cùng một ngôi chùa. Con bé, hết đám tang này tới đám tang kia, cầm cây đèn lồng, đi bên cạnh quan tài, giữa

những tiếng Kinh, tiếng mõ trôi nổi trong bầu trời u ám. Ngọn đèn lồng lung linh trong tuổi thơ đã cháy. Ánh lửa mỏng xanh lè bay lên, nhập vào đốm đèn lớn giữa điện khi tôi đứng dậy. Cái hình nhân lá bùa giết người trên mái chùa cũ hình như đang lớn lên. Nó như vừa cười rộ bên tai tôi.

Phải rồi, mái nhà của Giáo Hội, mái nhà của Đất Nước, chắc cũng đang bị ếm một lá bùa. Đất nước thành nhà tù, trùng điệp trại cải tạo. Chùa chiền sư sãi tan nát. Cái chết đầy bí ẩn của Thầy Thiện Minh ở trại tù Hàm Tân. Vị Hòa Thượng chủ tịch Phật Giáo Việt Nam thời đất nước thống nhất bị bức tử... Mái nhà lớn của đất nước, của Giáo Hội, đã dột nát chưa? Bao giờ mới có điềm báo, như ngôi chùa Từ Quang, để được tháo lá bùa ếm đi, lợp lại một mái nhà yên lành. Mà để làm gì nữa. Ông đã nằm đó.

Đông người vậy mà sao không khí bỗng lạnh tanh lạnh ngắt. Đèn nến chấp chới, khói hương tỏa một vẻ dửng dưng. Phật tử quỳ đầy dài, ghim tang, lạy một cách máy móc. Lúc vào điện, lòng dào dạt cảm xúc, tưởng được quỳ bên quan tài, được khóc. Nhưng chỉ sau mấy lạy, ngay khi ngẩng đầu lên, dợm mấy bước, định tới gần quan tài, tôi đã bắt buộc phải nhận ra cái không khí lạnh tanh, đe dọa đang trùm lên những vòng hoa nghi lễ.

Đèn chớp lia lịa theo mỗi khuôn mặt, mỗi ánh mắt. Máy quay phim rè rè theo bên gót. Quay nhanh, những khuôn mặt của tuổi ấu thơ. Kia. Anh Võ Đình Cường. Tác giả cuốn *Ánh Đạo Vàng*, mà mỗi Phật tử đã thuộc lòng từng chương, đứng đó, vòng tay. Khẽ gật, gần như không thấy tôi. Phước Trí ở chùa Vạn Phước sao có cúi mặt xuống? Mới đây, trong buổi lễ cầu an cho mấy đứa nhỏ ở tù, Phước Trí đã tự tay khắc tên tội nhỏ vào chuông để cầu. Lâu lâu ghé ngang nhà, đưa xôi, đưa trái

cây cho lũ nhỏ. Nay, sao ánh mắt Phước Trí như không nhìn thấy tôi? Thầy Thiện Siêu, đã từ Huế vào tới rồi à? Áo nâu sòng, gầy nhom, mặt xanh vì thiếu máu. Thầy có nhìn tôi bằng ánh mắt sâu hóp, môi mím lại và gật gật đầu. Mắt Thầy nghìn cân buồn nặng sụp. Thầy Trí Quang đâu, sao không nhìn thấy? Mà thôi, cũng chẳng nên nhìn thấy cảnh này làm gì nữa.

Ôn đã kéo tôi tới trong giấc mơ. Pháp thân Ôn nằm kia, nhưng Ôn không ở đây đâu. Ôn đang ở chùa Báo Quốc, ngắm miếng đất đã chọn để xây tháp. Ở chùa Từ Hiếu, thánh thoi bên hồ sen. Cũng có thể, Ôn đang đi quanh sân chùa Già Lam, bên các chậu hoa. Mùa này, mấy chậu hoa tỉ muội chung bên cửa sổ phòng Ôn, chắc đã nhiều búp, sắp nở.

Thầy Hải ở đâu hiện ra. Thấy tôi cũng quay đi, tay áo rộng đưa lên quệt nước mắt. Đạt Đạo lật đật đi xuống cầu thang. Ai đó gọi. Đạt Đạo cũng không nhìn thấy tôi nữa sao?

Tôi quay lại, chào Thầy Thiện Siêu một lần nữa. Mắt tôi hoa lên. Thầy Thiện Siêu mờ đi, rồi một biển thành hai. Một áo nâu, một áo vàng. Kỳ chưa, hình ảnh như Ôn đang đứng bên cạnh thầy. Thầy Thiện Siêu sao thần sắc ngơ ngác như không hiểu chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy. Chớp mắt, qua màn lệ mờ đó thôi. Thầy Thiện Siêu lại gật gật, ánh mắt càng u uẩn hơn, nhìn tôi. Và Thầy Hải, không tránh mắt tôi nữa. Thầy lắc đầu, òa khóc: “Ôn còn mô nữa mà Ôn... Ôn mô ở đây...” Thầy Hải muốn nói đủ cho tôi nghe đầy thôi. Máy quay phim rè rè, máy ảnh bấm nữa.

Ôn mô ở đây. Phải. Nếu thần thức chưa đến lúc rời Pháp Thân, chắc Ôn cũng quay mặt. Chùng đó người đến viếng, ai nấy nghiêm trang. Tất cả đều cố nhanh chóng chu toàn mọi nghi lễ thủ tục, để sớm ra khỏi cái không khí bần bật, nghi ngờ này.

Đâu cần gì nữa, Ôn ở trong lòng mọi người. Ôn ơi, mỗi người

đi ra, đều đã mang theo hình ảnh Ôn trong trái tim. Chúng nói giết Hòa Thượng. Rồi cũng chính chúng giành độc quyền dàn cảnh tang lễ. Trong mắt bà cụ già, trong mắt ông cụ già, trong mắt hàng ngàn Phật Tử nói với nhau. Cả trong mắt trẻ thơ, hai hàng thiếu nhi Phật Tử, cầm lẵng hoa đứng đón chào quan khách, tất cả đều đang nói điều ấy.

Hòa Thượng bị đầu độc. Hòa Thượng chắc bị tra vấn? Hàng trăm câu hỏi thắc mắc trong lòng mọi người. Chị Phượng khóc, kể: Lúc năm giờ chiều, chị tới bệnh viện Thống Nhất, nài nỉ, được phép vào thăm. Hòa Thượng đã khỏe hẳn như bình thường. Dặn dò:

“Con về thu xếp công việc, chuẩn bị khóa an cư. Nhấn mấy thầy yên tâm, Ôn khỏe lắm rồi. Chắc sáng mai Ôn về thôi.”

Hòa Thượng còn nói thêm:

“Phải về Chùa. Ở đây, Ôn cảm thấy không yên ổn.”

Chín giờ rưỡi đêm, lửa đốt trong lòng, chị Phượng một mình leo lên xích lô xuống bệnh viện. Không có Hòa Thượng nữa. Người ta cho biết đã đưa Ôn vào phòng cấp cứu. Chị Phượng không được vào, chỉ đứng bên ngoài nhìn vô. Chẳng thấy gì rõ ràng bên trong. Mười giờ đêm, chùa được tin Ôn mất. Tin báo gián dị: Hòa Thượng bị lên cơn tim, cứu chữa không kịp.

Có bao giờ ai nghe Hòa Thượng bị bệnh tim nặng chưa nhỉ? Hòa Thượng khỏe mạnh, hồng hào, mắt sáng, mặt hiền hòa. Chỉ lâu lâu than: “Chà, từ ngày giải phóng tới giờ, không biết người ta trộn đậu chi vô, mà Thầy ăn cháo hay bị ngứa.” Chút bệnh ngoài da, không ai biết, vậy mà chạy vào tim phổi, chết bất đắc kỳ tử.

Phút lâm chung của Hòa Thượng không ai có mặt. Đã chết trước hay sau khi đưa vào phòng cấp cứu? Không rõ. Chỉ biết một điều, Hòa Thượng viên tịch lúc 10 giờ đêm. Giác mơ

khoảng một hai giờ sáng, đã kéo tôi đứng bên quan tài, trong Chùa Già Lam. Đứa con hư hỏng nhất, vẫn được Ôn nhớ tới, lúc vĩnh biệt.

Chỉ có Thầy Sự Chùa Bảo Quốc ngày nào, nay là Hòa Thượng Thanh Trí, được một vé máy bay khẩn, vào kịp chiều hôm trước để lo vụ nhập quan Hòa Thượng. Lễ nhập quan âm thầm, vội vã, lúc sáu giờ chiều. Ôn một mình nằm trong áo quan, trong khi bên ngoài, cả thành phố nhón nhác. Phật Tử túa ra đường, ngang qua các chùa, gặp nhau, các chi tiết bàn thêm, tán rộng, chỉ làm cái chết của Hòa Thượng thêm phần bí ẩn.

Lúc đầu, có tin cho hay Pháp Thân Hòa Thượng sẽ được đưa ra Huế, làm lễ nhập tháp ở Chùa Bảo Quốc. Miếng đất cát tháp chính Hòa Thượng đã chọn, trong dịp đầu năm về giỗ Tổ ở Chùa Bảo Quốc. Thành phố Huế giờ này ra sao nhỉ? Ngập nước mắt, thương tiếc và trông chờ. Lại có tin, đơn xin phép đã bị bác. Tang lễ phải cử hành ngay sáng hôm sau, vội vã, gấp rút. Pháp Thân Ôn sẽ được an táng ngay trong khuôn viên Già Lam. Thêm một ngày, tin tức truyền nhanh, người ở ngoại ô, ở các tỉnh sẽ ùn ùn kéo về. Nhà nước Cộng Sản vốn thừa hiểu điều này.

Bên trong chùa Xá Lợi, vẫn tấp nập người. Đèn hương, nhang khói. Ban nghi lễ thường trực tụng Kinh, chuông mõ kêu inh ỏi. Tôi bỏ đi xa dần ngôi chùa quốc doanh, đám đông phía sau lưng vẫn nhón nhác.

Liệu còn có con mắt nào rình mò theo dõi nữa không? Bao nhiêu hình ảnh tôi đã được ghi lại? Giọng nói của Ôn, mới ngày nào, như còn đều đều bên tai. “Thảm quá đi. Bữa Thầy Thiện Minh chết, Ôn được xe công an chở ra Hàm Tân. Tới nơi, Thầy Thiện Minh đã chết mô lâu lắm rồi. Đắp mặt kín mít. Ôn xin nhìn mặt, không cho. Không cho tới gần. Ôn đứng xa,

đọc cho Thầy một bài Kinh. Xin thay tặng bảo cho Thầy, cũng không được phép... Lạ thật, lúc đang đọc Kinh, trong mắt Ôn thấy chỉ một cái mặt Thầy Thiện Minh, sung chù vù, bầm tím, hai mắt lòi hẳn ra ngoài, nhìn Ôn mà ứa máu ở khoe môi... Ảo ảnh thôi, nhưng Ôn đứt ruột con ơi..."

Ôn ơi, Ôn không chịu nói thật chuyện Thầy Thiện Minh nhưng con biết. Nhiều người đã biết. Còn chuyện Ôn, đến bao giờ sự thật mới được nói ra?

Trở về Chùa. Ôn có như người ta đã kể. Lặng người. Không nói một lời nào, và máu tươi trào ở miệng. Thầy Thiện Minh, miệng ứa máu khi đã chết. Còn Ôn, sao Ôn phải ứa máu ngay khi còn sống? Mặt Ôn có sung lên, có bầm tím không? Đâu có người nào được nhìn thấy Ôn, rõ ràng, sau khi Ôn tắt thở? Có cuộn băng ghi âm, người ta đã ép buộc Ôn phải nghe, phải nói? Cuộn băng gì mà đã biến thành một lệnh bức tử?

Lá bùa sát nhân ếm trên mái chùa vẫn tiếp tục tác oai tác quái. Nhưng ngọn đèn lồng của tuổi thơ đã tắt. Tôi không còn được đi bên cạnh quan tài vị sư phụ nữa. Có phải vì tôi đã lớn. Không đâu. Mái Đất Nước, mái Giáo Hội, cũng đã lớn vậy, nhưng ngọn bùa vẫn ếm.

Lên xe thôi. Tôi đã hết sức để đi bộ. Vẫn còn trong vòng bao tỏa của khu vực Xá Lợi. Chú xích lô mặt dăm dăm, khó khăn hà tiện từng tiếng nói. Liệu chú có chở tôi, băng băng thẳng tới cánh cổng của một ngôi nhà, trụ sở công an mật bất cứ trên con đường nào cũng có. Chẳng thể như thế đâu. Tôi tự an ủi... Nhưng lòng vẫn nặng nề ám ảnh.

Lá bùa sát nhân ếm sẵn trên mái nhà Giáo Hội, mái nhà của Đất Nước, còn đó. Nó sẽ còn tiếp tục tác oai tác quái.

Rồi ai sẽ tới phiên nữa đây?

....

Nhã Ca

Trong sách *Văn Học Miền Nam* (quyển "Thơ Miền Nam"), nhà văn Võ Phiến đã nhận định về Nhã Ca như sau:

Sống giữa một thời không còn cảm kị, mà sôi nổi, mà cực đoan, Nhã Ca mạnh dạn tự mình chọn lựa tình yêu của mình, con đường hạnh phúc của mình, con đường đời của mình. Bà không ngần ngại bỏ nhà ra đi, đổi họ thay tên, phiêu lưu trong cái nghề viết văn làm báo. Tự do, bà thích nói đến tiếng ấy: tự do trong thể xác, trong đời mình...

Và văn chương bà, dù là văn chương viết về tuổi trẻ, vẫn trù nghiệm ưu tư. Nghệ thuật của bà là cuộc đời trước mặt. Ở bà, cá nhân là chính trị, là xã hội. Bà có chân dung đầy góc cạnh nhọn, như những bức tranh của Braque, của Picasso.

Nhã Ca là một nhà văn độc lập và bất khuất, bà cũng là một tiêu biểu rõ rệt nhất cho nền văn chương nhân bản của miền Nam trong thời kỳ 1954-1975.

Tài liệu tham khảo :

Nhã Ca Web: vnthuquan.net

Nhã Ca Web: vi.wikipedia.org

Tiết bầy: Tổng kết về Tạp chí Sáng Tạo.

Có một số nhà văn dùng một bút danh khác, đăng bài trên Sáng Tạo, dù sao thì cũng chỉ là một tác giả, do đó chúng tôi chỉ

HUYỀN ÁI TÔNG

trình bày một bút danh chẳng hạn như nhà văn Nguyễn Sỹ Tế còn dùng bút danh Người Sông Thương, nhà văn Vương Tân dùng bút danh Hồ Nam, Nhạc sĩ Cung Tiến dùng bút danh Thạch Chương, Mai Thảo dùng bút danh Nhị

Có hai nhà thơ gốc quân nhân cùng cấp bậc Thiếu Tá, cùng bút danh Song Linh là cố Thiếu Tá Nguyễn Văn Nghiêm (1942-1970) và Song Linh còn có bút hiệu Hoài Nhân là Thiếu Tá Vũ Đình Long (1939-), định cư ở Mỹ, chúng tôi chọn Song Linh Nguyễn Văn Nghiêm là người có truyện *Bức Tranh* đăng trên Sáng Tạo số 30 tháng 5 năm 1959, có thể có sự nhầm lẫn, nhưng mong rằng không rơi vào trường hợp “râu ông nọ cắm cằm bà kia”, cũng mong sớm có ngày, có người làm sáng tỏ vấn đề này.

Có nhiều tác giả, trước đây có nghe, đọc tới hoặc không, nhưng nay chưa tìm ra manh mối, phải kể ra hết như: Đào Sỹ Chu, Trường Giang, Thái Bạch (còn ở Việt Nam) Hàm Thạch, Nguyễn Đăng, Hầu Anh, Nguyễn Văn Mùi, Quan Sơn, Thủy Thủ, Hàn Sinh, Tuấn Giang, Đoàn Đình Quỳnh, Tiêu Hà, Mạc Sơn, Vị Xuyên, Tuấn Huy, Vũ Nguyên, Việt Tử, Trường Dzi, Đ. Minh, Hoàng Khanh, Nhật Hương, Nguyễn Thiếu Lăng, Thế Hoài, Nguyễn Quang Đàm, Cao Thiên Lương, Trần Phong, Ngọc Bích, Quang Ninh, Lan Đình, Việt Tư, Cung Thủ, Nguyễn Đăng, Trường Duy.

Sáng Tạo có những người nòng cốt, họ không nhận là nhóm vì mỗi người có đường lối riêng, họ tôn trọng tự do sáng tác của mỗi cá nhân, nhưng họ có chung một mục đích là sáng tạo ra một phong cách mới trong lãnh vực văn chương, nghệ thuật thơ không câu nệ vào vần, luật gọi là thơ tự do, có Thanh Tâm

Tuyền khởi xướng, Nguyên Sa tiếp sức rồi Cung Trầm Tưởng vun trồng, thơ tự do tung tăng nhanh chóng phát triển, thuận lợi hơn thơ mới cũng trên mảnh đất miền Nam năm xưa.

Với văn xuôi, truyện của Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo nhất là Mai Thảo đóng góp cho làm mới ngôn từ, chấm câu.

Những nhà nòng cốt của Sáng Tạo, sau này đã trở thành những nhà văn, nhà thơ lớn, chẳng những vậy mà những nhà văn, nhà thơ do Sáng Tạo trình làng như Dương Nghiễm Mậu tình cờ được Mai Thảo nhật bản văn trong sọt rác của tòa soạn khác, mang về đăng vào Sáng Tạo truyện *Rượu, chưa đủ*, sau này trở thành nhà văn tên tuổi, còn phải kể thêm nào là Trần Dạ Từ với *Nhã Ca*, nào là Sao Trên Rừng, Viên Linh ...

Từ tạp chí Sáng Tạo, như một đốm lửa nhen nhúm, rồi tỏa sáng bùng ra sau này nào là *Gió Mới*, *Hiện Đại*, *Quan Điểm*, *Văn Nghệ*, *Khởi Hành*, *Thời Tập* bên cạnh những tạp chí khác, làm cho văn học miền Nam phát triển đa dạng, tự do và phong phú.

Đất Miền Nam chẳng phải chỉ phì nhiêu cho bông lúa nặng hạt, cho vườn cây sai trái, mà còn là mảnh đất Quốc ngữ phát triển văn chương, học thuật từ nửa sau thế kỷ thứ 19.

Tiết tám: Những tập chí khác

Trong khi tập chí Sáng Tạo qui tụ những văn, thi, họa sĩ trẻ hầu hết từ Bắc di cư vào Nam viết văn, vẽ tranh, làm báo. Lúc đó văn thi sĩ trong Nam qui tụ vào Nhân Loại, ở Trung có Mùa Lúa Mới, sau đó lần lượt có nhiều tập chí khác ra đời, sẽ đề cập tới.

1. Tập san Nhân Loại.

Năm 1952, tập san Nhân Loại, thi sĩ Đông Hồ chủ trương, do Anh Đào làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, Hợp Phố làm Thư ký tòa soạn, tòa soạn đặt chung với Nhà xuất bản Bốn Phương, Yếm Yếm thư trang tại 113-115 đường Kitchener, sau này là Đại lộ Nguyễn Thái Học, năm 1953 đình bản.

Từ năm 1956 đến năm 1959, Nhân Loại tập san tục bản gọi là Nhân Loại bộ mới do Anh Đào làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, nhà văn Ngọc Linh làm Thư ký tòa soạn, Huỳnh Văn Lợi quản lý, tòa soạn đặt tại số 316 Bến Chương Dương, Sài Gòn. Năm 1959, báo quán dời về 339 Nguyễn Công Trứ Sài Gòn. Số 15 bộ mới, phát hành ngày 1 tháng 6 năm 1959 – Năm thứ 8

Nhân Loại bộ mới là tạp san Văn Nghệ, chủ trương nội dung Văn hóa, Xã Hội, Giáo Dục, mỗi tháng phát hành 2 số.

Ngoài Anh Đào, cô Hợp Phố, Ngọc Linh các nhà văn cộng tác với tập san Nhân Loại, sưu tập chưa đầy đủ gồm có: Bình Nguyên Lộc, Bút Mới, Cao Hữu Huân, Dạ Lý Hương, Diễm Phương, Dương Minh, Dương Thường Dung, Duy Minh, Đăng Văn Nhâm, Hà Lệ Kiều, Hà Liên Tử, Hàn Sinh, Hoàng Bảo Việt, Hoàng Thu Đông, Hoàng Trọng Miên, Hoàng Xương, Hợp Phố, Huỳnh Hữu Thoại, Khổng Nghi, Kiên Giang, Kiên Minh, Bs Lan Hương, Lê Hương, Lê Văn, Lê Vĩnh Hòa, Bs Liêm Nham, cô Linh Hà, Lương Khải Thành, Lưu Nghi, cô Ngọc Diệp, Ngọc Lê, Ngọc Sơn, Bs Nguyễn Bá Khuyến, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Hữu, Nguyễn Ngu Í, Nguyễn Như Thành, Nguyễn Thành Châu, Nguyễn Thiện Lâu, Nguyễn Tuấn, Phạm Kim Tương, Phạm Phạm, Phan Du, Phan Quốc Quân, Phong Sơn, Quốc Án, Sơn Nam, Sông Thông Huyền,

HUYỀN ÁI TÔNG

Tam Ích, Thảm Thệ Hà, Thành Đạt, Thế Nhân, Thế Quang, Thiếu Anh, cô Thoại Nguyên, cô Thu Trúc, Trần Uyên Hưng, Trần Văn Khê, Trang, Trang Thế Hy, Trọng Cửu, Từ Uyên, Ty Ca, Uyên Chi, Vị Sơn, Viễn Phương, Vương Kiều, Xuyên Sơn, Y San, Yên Vân Khánh.

Nhà văn Sơn Nam cộng tác thường xuyên, ông sưu tầm và cho đăng lại truyện *Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên* của nhà văn Tân Châu Nguyễn Chánh Sắt (1869-1967), ngoài ra còn có sự cộng tác của nhiều nhà văn khác, có Lê Vĩnh Hòa, Trang Thế Hy cho nên người ta cho rằng đây là tập san của những nhà văn kháng chiến.

Nhân Loại, đặc biệt là một tập san, qui tụ những cây bút của Miền Nam thời bấy giờ và các cây bút giá trị khác, không như Sáng Tạo chỉ qui tụ các nhà văn miền Bắc.

Các nhà văn cộng tác với tập san Nhân Loại đã có đề cập:

1) Tam Ích (Xem tập I, trang	77)
2) Hợp Phố (Xem tập I, trang	110)
3) Thảm Thệ Hà (Xem tập I, trang	148)
4) Hoàng Trọng Miên (Xem tập I, trang	257)
5) Bình Nguyên Lộc (Xem tập I, trang	281)
6) Nguyễn Đăng Thục (Xem tập I, trang	504)
7) Sơn Nam (Xem tập II, trang	7)
8) Kiên Giang (Xem tập II, trang	73)
9) Hoàng Bảo Việt	211
10) Nguyễn Thiện Lâu	233

Nay đề cập tới các nhà văn khác trên tập san Nhân Loại:

1) Ngọc Linh



Ngọc Linh Dương Đại Tâm (1931-2002)

Nhà văn Ngọc Linh, tên thật Dương Đại Tâm, sinh năm 1931 tại Cà Mau, đầu thập niên (19)50 lên Sài Gòn học trường Trung học Tư Thục Tân Thanh tại ngã Sáu Sài Gòn.

Sau đó chàng học sinh Dương Đại Tâm rời khỏi ghế nhà trường, khởi nghiệp từ viết về kịch trường, rồi chuyển dã sử chiến đấu, tiểu thuyết tình cảm.

Viết kịch trường, ông dùng bút hiệu Kim Đồng Tử, rồi viết chuyện dã sử chiến đấu với bút hiệu Sơn Linh, trong đó có các tác phẩm *Nghĩa Sĩ Thành Tây Đô*, *Lửa Cháy Phiên Cung*, *Cọp Ba Móng...*

Về tiểu thuyết tình cảm, ông viết cuốn đầu tiên trên báo *Lẽ Sống* rồi in thành sách là cuốn *Hoa Nở Về Đêm*, nhưng nổi tiếng nhất là cuốn *Đôi Mắt Người Xưa* được soạn giả Nguyễn Phương chuyển thể thành tuồng cải lương, trình diễn trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga năm 1961, Tuồng này rất được

HUYỀN ÁI TÔNG

khán giả hâm mộ, nên sau đó, các truyện khác của Ngọc Linh được độc giả ưa chuộng, Nguyễn Phương chuyển thể cải lương như: *Ngã Rễ Tâm Tình* năm 1962, *Yêu Trong Hoàng Hôn* năm 1965, *Như Hạt Mưa Sa* năm 1966 ...

Đôi Mắt Người Xưa được dựng thành phim do đạo diễn Nguyễn Văn Liêm thực hiện cho công ty sản xuất Liêm films, quay từ năm 1960, đến năm 1963 mới trình chiếu phim màu. Đến năm 1963 phim *Đôi Mắt Người Xưa* dự Đại Hội Điện Ảnh Á Châu lần thứ XIII, nữ diễn viên chính Xuân Dung được trao tặng nữ diễn viên chính xuất sắc nhất, nữ diễn viên Thanh Nga từ đó trở thành nữ diễn viên sáng giá nhất của điện ảnh Miền Nam.

Ông từng là Thơ ký tòa soạn tạp chí Nhân Loại Bộ Mới, còn cộng tác với gần cả chục tờ báo khác ở Sài Gòn.

Trước đây, người ta thường đánh giá tiểu thuyết feuilleton không có giá trị văn chương, các nhà văn viết Feuilleton có tên tuổi nhưng không được giới phê bình văn chương đánh giá cao, do vậy khi trả lời về vấn đề viết tiểu thuyết feuilleton, Ngọc Linh đã trả lời phỏng vấn trên tạp chí Nghệ Thuật số 22, tháng 3 năm 1966 như sau:

Người viết tiểu thuyết đăng báo hàng ngày không đem được nhiều độc giả về cho tờ báo mình cộng tác là “không làm tròn nhiệm vụ” của mình, có thể gây nguy cơ cho tờ báo và anh em trong xí nghiệp. Tuy nhiên, có đông độc giả không phải là chiều theo thị hiếu và không có giá trị nghệ thuật. Điều đó còn tùy theo tài năng và quan niệm viết văn của từng tác giả, không chỉ riêng những người viết tiểu thuyết đăng báo hàng ngày.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Ngọc Linh chuyển qua viết kịch và kịch bản phim, ông định viết đến 100 tập phim truyện truyền hình lấy tên là *Đại Gia Đình*, triển khai từ những kịch bản rất thành công của ông như: *Ngôi nhà không có đàn ông*, *Ngôi nhà không có đàn bà*, *Ngôi nhà của chúng ta*, *Ngôi nhà của những linh hồn...* nhưng ông viết chỉ được 80 kịch bản thì từ trần.

Ông mất ngày 12 tháng 7 năm 2002 tại Sài Gòn, sau một cơn đau tim, hưởng thọ 72 tuổi.

Tác phẩm:

Tiểu thuyết:

- *Đôi Mắt Người Xưa*
- *Ngã Rẽ Tâm Tình*
- *Yêu Trong Hoàng Hôn*
- *Như Hạt Mưa Sa*
- *Buổi Chiều Lá Rụng*
- *Hoa Nở Về Đêm*
- *Nắng Sớm Mưa Chiều...*

Kịch:

- *Ngôi nhà không có đàn ông*
- *Ngôi nhà không có đàn bà*
- *Ngôi nhà của chúng ta*
- *Ngôi nhà của những linh hồn...*

Theo Nguyễn Vy Khanh nhận xét về tác phẩm của Ngọc Linh: *Tiểu thuyết của Ngọc Linh có hai đặc điểm: đề cao tâm hồn phụ nữ Việt Nam, sự hy sinh và chịu đựng của họ, và thứ nữa, chuyện thường gây oán, bi đát nhưng kết cục luôn có hậu, dù là chuyện thời chiến có những bất ngờ. Tiểu thuyết ông khai*

HUYỀN ÁI TÔNG

thác những khúc mắc tình cảm: hai vợ, hai chồng, hai chị em cùng yêu một người, anh rể và em gái vợ, những ngộ nhận và hy sinh. Kết có hậu theo luân lý bình dân miền lục tỉnh, mà lạc quan, vì "thiện ác đảo đầu chung hữu báo".

Còn thêm một đặc điểm nữa là khác với tiểu thuyết của Chu Tử (1917-1975), tên truyện chỉ có một chữ duy nhất: Yêu, Ghen, Loạn, Sống, Tiền. Còn tên truyện của Ngọc Linh có bốn chữ như: *Đôi Mắt Người Xưa, Buổi Chiều Lá Rụng, Hoa Nở Về Đêm, Nắng Sớm Mưa Chiều, Như Hạt Mưa Sa, Ngã rẽ tâm tình, Yêu trong hoàng hôn ...* đọc lên âm điệu như lời thơ mượt mà.

Trích văn:

... Tôi cầm hai quyển tiểu thuyết 'Cuốn theo chiều gió', sắp hàng đứng trước quầy thu tiền và xếp lá phiếu ghi giá lên quầy theo thứ tự, chờ tới phiên mình trả tiền. Hôm nay sắp bãi trường, nhà sách Khai Trí thật là đông. Mọi người đứng chen chân với nhau để lựa sách. Bà chủ vốn là người điềm đạm, ít nói mà có lúc cũng lên giọng: '- Xin lỗi! Ông chờ một chút! Chưa tới phiên mà!' Đứng trước tôi là một cô gái rất đẹp, mặc đầm, áo sơ mi trắng, jupe soirée màu xanh đậm, tóc xoã mượt mà ngang vai. Nhìn thoáng qua đã thấy có cảm tình. Cô ta ôm một chồng sách trên tay, cao gần tới cổ, có hơn 10 cuốn sách dày, bìa cứng. Khách mua hàng càng chen lấn, cô càng xoay sở khó khăn. Đứng đợi lâu quá có lẽ mỏi tay, nên cô gái đặt chồng sách. Người bán hàng ngó cô, cô mỉm cười lấy lòng, chớ không nói một lời...

(truyện ngắn *Chuyện Tình*)

Thơ Tình 70

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

*Gần bảy mươi mới làm thơ tình,
Đúng giọng điệu “lão già mất nét,”
Có nét hay không rồi cũng chết
Ta làm thơ chiêm nghiệm đời ta.*

Ngọc Linh đúng nghĩa là nhà văn viết tiểu thuyết Fueilleton, vì tiểu thuyết của ông trường thiên *Đôi Mắt Người Xưa* 493 trang, *Mưa Trong Bình Minh* 580 trang, *Hoa Nở Về Đêm* 380 trang

...

Với những tác phẩm Cải lương: *Kiều* (1959); *Trung Vương* (1969); *Sợi tơ vàng* (Chèo 1964), Ngọc Linh được *Giải thưởng nhà nước năm 2007*.

Tài liệu tham khảo:

- Ngọc Linh Web: nguoiviet.com
- Ngọc Linh Web: dutule.com

2) Vương Hồng Sển



Wương Hồng Sển (1902-1996)

HUỶNH ÁI TÔNG

Vương Hồng Sển bút hiệu Anh Vương, Vân Đường, Đạt Cổ Trai tên thật là Vương Hồng Thạnh (王 诤 盛), nhưng chữ 盛 phát âm theo Phước Kiến là Sển, ông sanh năm 1902 tại quê ngoại, làng Xoài Cá Nã (nay là làng Đại Tâm - kề thị xã Sóc Trăng), thân phụ ông là người Minh Hương Vương Kim Hưng, thân mẫu ông người Việt gốc Khờ-me Hứa Thị Hứa, trên giấy tờ Vương Hồng Sển sanh ngày 4 tháng 11 năm 1904 tại làng Khánh Hưng.

Năm 1910, lên 8 học trường Sơ học Khánh Hưng

Năm 1919, được 17 tuổi rời Sóc Trăng lên Sài Gòn học trường Chasseloup-Laubart.

Năm 1923, sau bốn năm học, đậu bằng Thành Chung (Brevet Élémentaire), rồi thi đỗ kỳ thi tuyển thư ký chánh phủ, được bổ dụng làm thư ký Trường Bá Nghệ đường Đỗ Hữu Vị, sau đổi lại là Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng Sài Gòn, cho đến năm 1928.

Năm 1924, cưới vợ đầu tiên là cô Trần Thị Tô, đến năm 1926 ly dị.

Năm 1927, cưới vợ thứ hai cô Dương Thị Tuyết, cháu nội bà Đốc phủ An ở Hòa Tú, Sóc Trăng.

Năm 1928 đến 1932, đổi về Sa Đéc làm phát ngân viên tại Tòa Bó (Tòa Hành Chánh tỉnh) Sa Đéc.

Năm 1932-1936, đổi về làm ở Ty Địa Bộ Sóc Trăng.

Năm 1936-1939, làm Thông ngôn cho ông Chánh Tham Biện (Tỉnh trưởng) Cần Thơ

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Năm 1939-1943, đổi về làm ở Dinh Thống Đốc Nam Kỳ, lúc mới về làm phụ tá cho ông Dương Văn Minh (thư ký công nhật – sau đó ông Minh bị động viên).

Năm 1943-1943, chuyển về Tòa Bó Sóc Trăng, đã làm công chức đủ 20 năm nên xin về hưu.

Năm 1945, được Thanh Niên Tiền Phong bầu làm Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời tỉnh Sóc Trăng, nhưng vài tháng sau bị buộc từ chức.

Năm 1945-1947, chạy loạn về nhà quê.

Tháng 7 năm 1947, lánh nạn nên chạy lên Sài Gòn.

Ngày 19-7-1947, mua vé máy bay cho vợ từ Sài Gòn về Sóc Trăng, từ đó vợ ông bỏ ông luôn sau 19 năm chung sống, không con cái.

Tháng 10 năm 1947, ông sống chung với bà Nguyễn Kim Chung, nghệ danh Năm Sa Đéc

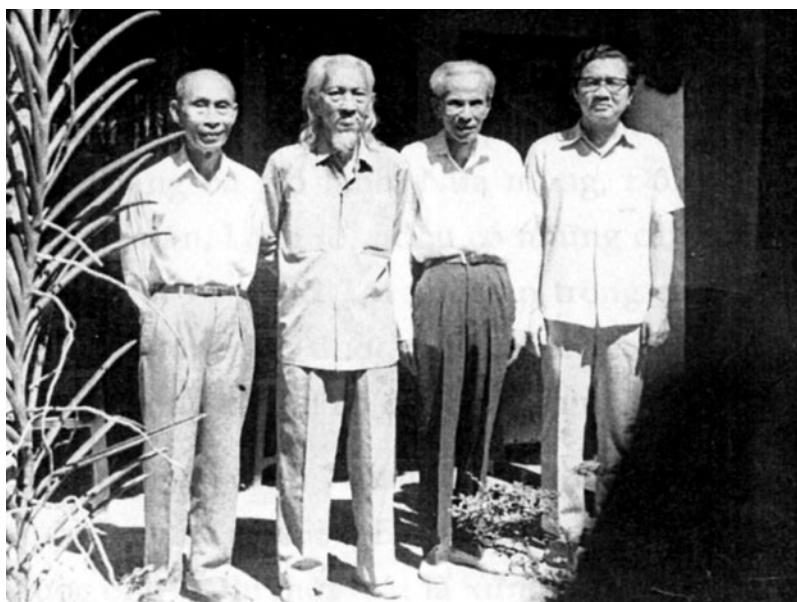
Tháng 4-1948, xin được làm ở Viện Bảo Tàng Sài Gòn, lương công nhật, sau làm Giám Đốc Viện này cho đến năm 1963, khi Tướng Nguyễn Khánh lên, ông bị mất chức, nghỉ luôn từ đó. Trong những năm làm việc ở Viện Bảo Tàng, ông được mời đi tham quan Đài Loan, Nhật Bản, Pháp, Ý, Bỉ.

Năm 1951, bà Năm Sa Đéc sanh cho ông đứa con trai duy nhất, đặt tên là Vương Hồng Bảo, sau 1975, Vương Hồng Bảo làm ăn thua lỗ bị tù và chết trong tù năm 1998.

HUỲNH ÁI TÔNG

Năm 1953, ông tạo dựng được căn nhà của mình, nhà ông tại số 9/1 đường Nguyễn Thiện Thuật, P14, Q. Bình Thạnh, được ông đặt tên gọi là Vân Đường Phủ.

Năm 1965-1967, ông được mời dạy ở Đại Học Văn Khoa Huế.



Ảnh chụp tháng 6 năm 1981, từ trái sang phải: Quách Tấn, Vương Hồng Sển, Nguyễn Hiến Lê, Bs Nguyễn Chấn Hùng.

Từ khi đi làm, ông bắt đầu sưu tầm đồ cổ, ông trở thành nhà sưu tập danh tiếng về cổ ngoạn, ông cũng viết sách về những gì thuộc về cổ xưa như *Sài Gòn Năm Xưa*, *Thú Chơi Sách*, *Thú Chơi Cổ Ngoạn*....

Ông sống với bà Năm Sa Đéc rất hạnh phúc, bà mất năm 1988, thọ 81 tuổi, còn ông mất năm 1996 tại Gia Định, thọ 94 tuổi, linh cữu ông được đưa về an táng tại quê nhà ở Sóc Trăng. Vân

Đường Phủ và tất cả báu vật cổ một đời ông đã sưu tầm, đều hiến cho thành phố HCM.

Tác phẩm:

- *Thú chơi sách* (Tự Do, 1960)
- *Sài Gòn năm xưa* (tập I, II 1960, III 1992)
- *Hồi ký 50 năm mê hát* (1968)
- *Phong lưu cũ mới* (1970)
- *Thú xem chuyện Tàu* (1970)
- *Thú chơi cổ ngoạn* (1971)
- *Chuyện cười cổ nhân* (1971)
- *Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa* (1972)
- *Cảnh Đức trấn đào lục* (1972)
- *Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn* (1972)
- *Hơn nửa đời hư* (1992)
- *Tạp bút năm Nhâm Thân* (1992)
- *Khảo về đồ sứ từ hậu Lê đến sơ Nguyễn* (1993)
- *Những đồ sứ do đi sứ mang về* (1993)
- *Những đồ sứ khác Quốc dụng, Ngự dụng v.v..* (1993)
- *Tạp bút năm Quý Dậu* (1993)
- *Tự vị tiếng Việt miền Nam* (1994)
- *Nửa đời còn lại* (1995)
- *Thú ăn chơi*
- *Khảo về hát bội*

Trích văn:

Cháo Cá Chợ Cũ

Người nào, năm nay 1983, khi đi đường Võ Di Nguy, trước khi

quẹo qua đường bên hông Nha Ngân Khố ngày xưa, chưa tới bốn năm căn gì đó, gọi ty thuế vụ của cái chế độ tiêu tùng ông Thiệu, nơi bên phố tay trái, có một căn lụp xụp, chủ nó đã đông mắt từ lâu, nhưng cảnh nhà không đổi, vẫn cũ xi cũ xọp, ban đêm đóng vài miếng ván ọp ọp, losi ra vào tối gài bằng mảnh cửa thông xám đen vì lâu năm, nay người chủ mới lại ở, vẫn để y không đổi, người khách qua đường tôi nói trên đây, nào biết căn nhà bề ngoài coi xập xệ này, lại là nơi khách phong lưu trước đây chiều chiều hay sáng sáng vẫn tấp nập nơi đây và giành nhau từng tô cháo vừa ngon vừa bổ vừa rẻ tiền, tôi muốn nói tô cháo cá Chợ Cũ, danh bất hư truyền, từ ngày tôi lên học (1919), đến ngày dẹp tiệm (1975), đã cha truyền con nối, suốt bốn năm thế hệ, trót trăm năm chớ không phải chơi, vì trước khi tôi lên đây ăn học, thì quán kia đã có, vẫn y một chỗ, vẫn không thay đổi mặt tiền bề ngoài, và món cháo hương vị vẫn không đổi và vẫn cung phụng cho khách kén ăn trải trăm năm danh tiếng.

Tôi đã biết chủ của cái quán ấy, từ một ông già Quảng Đông, ốm cao nhưng lưng thẳng như chữ I, đứng nấu từng tô cháo cho mọi người, qua thằng chệc con chủ tiệm, vẫn đứng bán làm đầu bếp nấu cho cha, vẫn áo thun trắng thật sạch, cụt tay, vẫn ốm và cao như ông già Quảng lỏng không khác, kết tiếp đến thằng Tàu, cháu nội ông già “cháo cá”, cũng vẫn y như một : áo thun, ốm và lưng ngay chò bắt khuất, xuống đến thằng chắt nội, ba mươi cái xuân, một cây lưng thẳng, một tay cầm muống cán dài, một tay cầm tô hứng cháo nóng sôi sục sục; không một giọt rót rơi, khách nào muống ăn sang, nó đập cái phụng, bỏ vào tô một hột gà tươi đỏ rói, tiếp đến thằng chít nội thừa kế, vẫn áo thun, vẫn ốm thon thon, kể đến thang tư năm 1975, nôi cháo không ai chụm lửa, gia quên anh Ba Tàu bán

cháo đã rút lui về xứ, bỏ lại đây bao nhiêu khách đô thành đã mất một món ăn không thay thế, và tô cháo còn chẳng là trong bài tường niệm vô duyên này.

“Nhớ ai như nhớ thuốc Lào, mới chôn điều trước lại đào điều sau” (muốn hát “điều trước điều sau” hay hát “điều xuống điều lên” chi cũng mặc), và đó là câu hát xưa ngoài nớ, nay có thể nhại lại, rằng : “Nhớ ai như nhớ tô cháo cá năm nào, sáu xu (0\$06) một chén, ngọt ngào, “ăn thêm”. Ăn thêm, muốn ăn thêm thì hãy hô to: “thiếu xực”, tức đã nơi được hai tiếng Quảng: thêm (thêm lên) và xực là thực, ô ! có khó gì tiếng Quảng Đông ấy. Khi nghe hai tiếng “thiếu xực” thì bỗng chốc có tô khác bung lại, hơi lên nghi ngút, ăn chẳng thấy no, mà no làm sao được vì lỏng bỏng toàn nước ngọt cá thịt, xương heo và thịt tôm hùm làm bở, nói rằng cháo Quảng, mà mò không thấy một hạt gạo, họ nấu toàn bằng tấm mẫn, nói đó là tấm cũng chưa được đúng, cháo Quảng rõ là hồ sệt sệt, người mới mạnh dùng không trúng thực, người mệt mỏi ăn vào nhẹ bụng mau tiêu, tô cháo cá Chợ Cũ quả là một tô thuốc tráng thân, mất tô cháo là mất đi một món ăn ngon bổ khỏe, chưa có món rẻ tiền nào thay thế.

Một tô “bột gạo nát nấu thật nhừ”, thả vào một mớ đu đủ nước cam thảo, gừng xắt vụn, ít lá hành, ít bụi tiêu cà, đĩa cá tươi để riêng, đặt trên bàn chờ khách tư tay cho cá vào tô, muốn ăn tái hay thật chín tùy sở thích, giá một các bạc (0\$10) thời đó ; khách nào muốn ăn thêm cá, gọi thêm một đĩa tính bốn xu (0\$04), kẻ nào muốn ăn sang gọi một tô cá trộn gói riêng, giá mười xu (0\$10), muốn dần bụng thật no, kêu thêm bánh “dầu cha quẩy”, mỗi cái bánh một xu (0\$01), vị chi xài chưa tới một các ngoài, mà vừa xong một bữa vĩ với, vừa nhẹ nhàng thơ thới,

lại thêm bổ khỏe. Thật là giang san không đổi ! Viết đến đây, nhớ câu “*Giang san tận thuộc hoàng triều Tống, mãi thủ Hoa sơn lão đạo manh*”, không biết có đúng hay chẳng nguyên văn của ông Trần Đoàn, chỉ nhớ đó là tích vua Tống sai đòi thuế, Trần Đoàn, xưng là lão đạo manh, trả lời hòn Hoa sơn, năm trước vua Khuông Dẫn, đánh cờ thua, đã ký bán núi cho ông dứt khoát lâu rồi !

Sương vậy thay thời thái bình, phong lưu vừa tay tầm vói, tính từ xu từ cắc! Nhưng quên nói, quán xịch xạc, lồi thồi, nền lót gạch Tàu đỏ bụi giày đóng từng lớp dày ít năng chà rửa, nhưng vẫn thật sạch, không xả rác, bàn ghế bằng cây thông thao lao đã mòn cạch vì lâu năm, quán tuy xấu bề ngoài, nhưng khách toàn là lựa chọn, hoa khô công tử, không kén mặt, miễn ngon là được; một hôm, tôi đưa vợ chồng ông Tấn nguyên cựu bộ trưởng giáo dục thời ông Trần Văn Hữu cùng đi voi phu như là chị Nguyễn Thanh Long, đến quán thưởng thức món cháo cá, ông là cử nhân Pháp Sorbonne, chuyên về văn phạm và có tiếng là khó tánh, bà là “bằng cấp đầy mình”, giỏi Pháp văn, nói tiếng Anh như lật rau, kể về tánh khó và kỹ, không thua chồng, sức bực bánh mì mua cho chó ăn mà bà vẫn lấy bàn chải chải tro bụi rồi mới dâng cho cậu xực, hai ông bà vào quán, dùng xong bữa, đưa nhau ra đường, ông phê bình: “Chớ chi quán biết dọn dẹp trang trí, gạch bông trắng trẻo, bàn ghế tân thời, thì hay biết mấy !”. Chị Long đi giữa tôi cung kính nói vói: “Thưa bộ trưởng, nếu như vậy thì đã hết xính xái Ba Tàu !”.

(Vương Hồng Sển *Sài Gòn tạp pín lù* Hội Nhà Văn, 1992)

Sài Gòn “Tạp Pín Lù” là gì ?

Nếu dịch đúng ra Hán Việt, là “*Sài Gòn đả biên lô*” vẫn chưa ai hiểu là gì? *Tả*, tạp là “đả”, đánh; *Pín* - có hai nghĩa: “pín” là đuôi sam thẳng Chêc đời Mãn Thanh, nhưng đây pín có nghĩa là “biên” (Hán tự) và “bên, gần bên” (Nôm). *Lù* là lò, lò lửa.

Tạp pín lù, là “đả biên lô”, tức là món ăn nấu chín gần bên lò lửa; cũng như “*ăn sán lẩu*” là ăn thịt sống nhúng vào nước sôi bắt trên lò lửa nóng. Số là người Tây bày ra một từ khí làm bằng chì, thiếc, vật kim khí có chân cao giữa khoét lỗ đặt vài cục than cháy, chung quanh là nồi chứa nước thịt ngọt, khách ăn tự lựa từng món ngon: mè gà, lòng heo, ruột già, ruột non, dồi trường, tự gấp bằng đũa và nhúng vào nước thịt đang sôi, rồi tự gấp qua chén và không cần biết món nhúng đã chín hay còn sống sượng. Rồi thì rượu cay, rau sống giòn nghiền chàm ngòam cả miệng không thốt ra lời được, món ăn ấy gọi “*ăn sán lẩu*”, dịch ra Hán tự là “*Sán sanh*” (thức ăn còn sống, chưa chín), “*lẩu*”: lò (lô), ăn “*sanh lô*”, nhưng nếu nói: “*sanh lô*” ba Tàu không hiểu, phải nói theo họ “*ăn sán lẩu*”, hoặc ăn “*cù lao*” vân vân.

Tiếng miền Nam rắc rối pha chề, người ngoài vô đây, xin khuyên đừng ham “nói chữ”.

Sài Gòn tạp pín lù, nôm na là *Sài Gòn thập cẩm*, *Sài Gòn tào lao*, *Sài Gòn ba lăng nhăng*, ai muốn hiểu sao thì hiểu. *Sài Gòn sán lẩu* cũng được, nhưng tạm dùng danh từ tạp pín lù. Nếu nói theo Bắc thì “*Sài Gòn thập cẩm*”; nếu nói theo Trung thì “*Sài Gòn tào lao*”, nhưng tác giả sanh tại Sóc Trăng (Nam Kỳ) nên: tạp này danh gọi *Sài Gòn tạp pín lù* là vì vậy.

Thay Lời Tựa

Hôm nay, 6-10-1983, mồng một tháng chín Quý Hợi, ba giờ chiều, đang nằm trên võng đọc sách, bỗng tôi chợt nghĩ và lật đặt lên ngòai nào bàn máy, sắp giấy đánh thành mỗi trang ba bản, chưa biết, - nếu lỡ chùng, sẽ gọi là “mục, chương”, nếu viết được nhiều trên trăm trang, thì sẽ gọi hay đặt tên đó là như đã thấy, là: tập thứ ba của bộ “**Sài gòn năm xưa**” và sau này, nếu có dịp thuận tiện sẽ in thành sách, tiếp theo “tập I” mà có người đã lấy bản **Sài gòn năm xưa**, phóng ảnh và in lậu bên Mỹ, bán tận Paris, và cũng là tiếp “tập II” tôi đã viết xong dưới đây và chưa có dịp xuất bản, và không chùng chẳng có dịp nào xuất bản.

Ô hay! Tại sao trên mâm cơm người Việt, ta được bày hồ lớn, nào canh ngon xen với một món “xào khô”, một đĩa ram mặn, xen với nào muối tiêu, nào xì dầu và không quên món chấm quốc túy khi sang là nước mắm nhỉ Phú Quốc, cũng gọi tắt “nước mắm hòn” hoặc nước mắm nhất hảo hạng Mũi Né, khi hèn, buổi xuống chum, bất kỳ “ngang, ngửa”, nước mắm dư bữa ăn trước, nước muối tiêu có thêm chút đường, chút giấm, được chanh thì càng quý, xếp không trật tự, người ngồi vào mâm muốn gấp, muốn chấm món nào tùy s ở thích rồi trái lại, trời đất ơi, khi tôi đang buồn, tôi viết, tôi chơi, trời đất ơi, kêu trời sao cho thấu, khi đọc, đọc giả lại rầy tôi viết “thiếu khoa học và không sắp xếp cho ngăn nắp gọn gàng”?

Đã và ngẫu hứng, thưa quý liệt vị, xin làm phước cho tôi được có “chút tự do”. Và nói túng mà nghe dọn có trật tự như buổi ăn theo Tây: xúp đi trước, cá, gà rồi thịt đồ thịt rừng, la sấm la sét, đến chùng chán, trật tự cách mấy rồi chán vẫn chán, và mấy ai đã đòi trật tự buổi này. Trở lại câu chuyện viết lách, tỷ như viết “hồi ký”, “nhật ký” làm vậy vô hà trật tự. Quý vị sẽ

thấy: tôi vui đâu chút đó, hứng khi nào, viết khi nấy viết xong, khi toan đóng lại thành tập, bỗng đổi ý tôi chừng ấy mới sắp lại, tạm tạm cho có chừng, và trật tự nổi gì?

Một cái bánh ngon, là cái bánh nguyên, vừa mới ra lò, còn nóng hổi, “vừa thổi vừa ăn” tôi muốn nói “tập I”, đến như tập III này, vì còn chút đường dư bột vụn, tôi o bế lại cho đỡ con đói lòng, quý vị thương tình, xin bớt hay đừng cố chấp.

Tôi thanh minh một lần nữa, khi soạn tập I, tôi vẫn chưa đọc đủ các tài liệu đã xuất bản rồi, và sau đây, vừa mới đây, nhơn buồn, lấy sách cũ ra đọc, “bươi đóng tro tàn” vục thấy vài truyện hay hay, bèn chép ra đây, rõ là “xà bần, thập cẩm”, “tạp pín lù”.

Muốn dùng muốn đọc muốn cho vào xọt giấy, đều được, chỉ xin chút cảm thông là đáng quý rồi và không khách sáo, đây xin muôn vàn tạ ơn lòng.

Cẩn tợ

(Trích: Sài Gòn Tạp Pín Lù)

Vương Hồng Sển viết văn rờng miền Nam, người ta thích đọc văn ông vì ông viết những chuyện xưa, dính liền với Sài Gòn mọi người đều có ít nhiều liên quan, nó gợi cho người đọc, ai cũng có tánh tò mò muốn biết, nhờ ông viết sang đàng, chuyện nọ sang chuyện kia có dây mơ, rễ má làm cho người đọc càng thích thú, càng muốn đọc tiếp để được hiểu biết thêm, lối văn hấp dẫn của ông pha một chút hài, một chút ai oán như một món ăn do người thợ nấu khéo, nêm nước mắm mặn lại dần chút đường ngọt làm cho hương vị thêm đậm đà.

Tài liệu tham khảo:

- Vương Hồng Sển Web: vi.wikipedia.org
- Vương Hồng Sển Web: thuvien.net

3) Năm Châu



Năm Châu Nguyễn Thành Châu (1906-1978)

Nghệ sĩ cải lương Năm Châu, tên thật Nguyễn Thành Châu, sinh ngày 9 tháng 1 năm 1906, tại làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho. Thân phụ của ông là một công chức Tòa Bó (toà Hành Chánh tỉnh), tỉnh Mỹ Tho, vì làm méch lòng Tỉnh trưởng nên bị tuyên chuyển ra làm việc ở đảo Phú Quốc, tỉnh Rạch Giá.

Lúc Nguyễn Thành Châu học năm thứ hai Ban Thành Chung trường Trung học Mỹ Tho, nhân dịp nghỉ hè, ông ra Phú Quốc thăm cha. Đến ngày tựu trường, vì bão tố, tàu bè không trở về đất liền kịp ngày nhập học, ông bị trễ nên bị cúp học bổng và

bị đuổi. Gia đình định cho ông tiếp tục học ở trường Taberd, nhưng ông quyết định tự lập, theo nghiệp cầm ca, gia nhập gánh hát thầy Năm Tú ở Mỹ Tho năm 1922.

Tương cũng nên nhắc lại một chút lịch sử cải lương để hiểu về cuộc đời của nghệ sĩ Năm Châu.

Vào những năm đầu thế kỷ thứ 20, phương tiện giao thông giao thông rất hạn chế. Mỹ Tho là đầu mối xe lửa đi Sài Gòn. Các du khách ở Miền Tây Nam Phần như Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Bạc Liêu, Rạch Giá, v.v... muốn đi Sài Gòn đều phải ghé trạm Mỹ Tho, nghỉ một đêm rồi sáng đạp xe lửa đi Sài Gòn.

Trong số du khách có ông Phó Mười Hai ở Vĩnh Long là người ham mộ cầm ca. Khi ghé Mỹ ông nghe cô Ba Đắc ca bài tứ đại với một giọng gần như có đối đáp, nhưng cô không ra bộ. Sau về nhà ông cho người ca đứng trên ván, vừa ca vừa ra bộ. Điệu *Ca ra bộ* phát sinh từ đó, lỗi năm 1915-1916.

Qua năm 1917, ông André Thận ở Sa Đéc lập gánh hát xiệc, có thêm ít màn ca ra bộ. Kép có Bảy Thông, Táng Cang, đào có cô hai Cúc.

Kế Năm 1918, ông Năm Tú ở Mỹ Tho sang lại gánh hát thuộc ban ca kịch của ông André Thận và sắm thêm tranh cảnh, y phục, có ông Trương Duy Toàn soạn tuồng. Điệu hát cải lương chánh thức hình thành từ đó. Mỗi tuần gánh ông Năm Tú hát tại Mỹ Tho ba đêm rồi lên rạp Eden Chợ Lớn ba đêm, đây là lúc Năm Châu gia nhập đoàn hát cải lương này.

HUYỀN ÁI TÔNG

Ít lâu sau, Nam Đồng Ban của ông Hai Cu ở Mỹ Tho ra đời. Trong đó có nhiều đào kép trứ danh xuất hiện như cô Năm Phi, cô Bảy Phùng Há, cô Tư Sặng, kép Hai Giỏi và Năm Châu, v.v... Do con trai ông là kép chánh Hai Giỏi chết sớm, nên ông đã gánh Nam Đồng Ban.

Năm sau, ông bầu Hai Cu dựng lại gánh hát với tên mới là Tái Đồng Ban, đào kép hầu hết là dân Mỹ Tho, mà trước đó đã cộng tác với gánh Nam Đồng Ban của ông, thành phần đào như: Phùng Há, Ba Nhân, Ba Liên, Ba Điều, Tư Nhỏ, Sáu Trâm, Sáu Tị, về kép có Năm Châu, Tám Mẹo, Ba Du, Tư Út, Từ Anh, Hai Ngõ, Hai Bông, Bảy Nhiêu, Tư Thới. Tư Chơi (Huỳnh Thủ Trung) gia nhập Tái Đồng Ban với tư cách là nhạc sĩ đàn đàn.

Đoàn Tái Đồng Ban diễn tuồng Giọt máu chung tình với cô đào Sáu Trâm thủ vai Bạch Thu Hà và Năm Châu, vai Võ Đông Sơ là cặp đào kép ăn khách nhất lúc bấy giờ. Sáu Trâm ca, diễn theo lối hát Tiều, ảnh hưởng cũ của gánh Tập Ích Ban (là gánh hát do Vương Có lập tại quận Thốt Nốt tỉnh Long Xuyên năm 1916), nhiều động tác tượng trưng “tả ý” như lối hát bội. Năm Châu phải chỉ dẫn, tập luyện lcho Sáu Trâm để khi ca, diễn chung, ăn ý với nhau.

Khi Năm Châu và Sáu Trâm trở thành cặp đào kép diễn xuất ăn khách nhất, thì mỗi tình đầu này nở, Năm Châu và Sáu Trâm trở thành cặp vợ chồng xứng lứa vừa đôi nhất trong giới nghệ sĩ cải lương lúc bấy giờ.

Lúc đó, anh Tư Chơi, nhạc sĩ, kèm cặp dạy cô Phùng Há ca, luyện giọng cũng yêu nhau. Kết quả: Trương Bửu Chánh ra đời

(1927). Cô Bửu Chánh về sau, có về quê nội bên Hạc San (Trung Hoa) và được di ruột của Bửu Chánh là bà Trương Liên Hảo (có người chồng phú gia họ Lý), nhận Bửu Chánh làm dưỡng nữ và cải họ lại là Lý Bửu Chánh.

Cô Phùng Há ca diễn và sắc vóc đẹp hơn cô Sáu Trâm nên vô tình đẩy cô Sáu Trâm xuống hàng “đào nhì”. Năm Châu lại tỏ ra quá quyến luyến, chỉ lo dạy cho cô Phùng Há nên cô Sáu Trâm ghen, buồn duyên tui phận, âm thầm rời gánh hát đột ngột.

Năm 1925, Cô Tư Sạng tên thật là Đoàn Thị Sạng, sinh quán tại làng Điều Hòa, tỉnh Mỹ Tho. gia nhập gánh hát Trần Đắc của ông Trần Đắc Nghĩa, cùng với những nghệ sĩ tài danh Năm Châu, Tư Chơi, Tư Út, Từ Anh, Phùng Há, Năm Kim Thoa. Trên sân khấu, cô Tư Sạng chỉ là đào nhì, đứng sau cô Phùng Há, nhưng trên địa hạt đĩa nhựa thì cô được chủ gánh, hãng đĩa, các giới mộ điệu và khán giả tặng danh hiệu đệ nhất nữ danh ca. Năm Châu và cô Tư Soạn kết duyên vợ chồng, đây là người vợ thứ hai của ông.

Năm 1935, ông Ngô Văn Mạnh (tự Năm Mạnh) thành lập hãng đĩa ASIA. Ông Năm Mạnh ký giao kèo độc quyền với cô Tư Sạng. Cô Tư Sạng hát 20 câu vọng cổ Tình mẫu tử, với những lời lẽ vô cùng xúc động khi mẹ dạy con.

Cô Tư Sạng xa rời sân khấu trình diễn, để có thời gian thu thanh cho hãng đĩa. Và cô đã rời bỏ anh Năm Châu dù hai người đã có chung với nhau năm đứa con. Sau đó, cô Tư Sạng trở thành vợ thứ của ông Năm Mạnh.

HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1936, ông Nguyễn Bửu, đại diện chủ ở Trà Vinh, thích nữ nghệ sĩ Phùng Há nên lập đoàn hát cải lương tuồng Tàu, lấy nghệ danh Phùng Há đặt tên bảng hiệu là gánh hát Phụng Hảo. Năm Châu và Phùng Há rời đoàn hát Trần Đắc gia nhập gánh hát Phụng Hảo. Nhưng chỉ một thời gian ngắn, nghệ sĩ Năm Châu rời đoàn hát Phụng Hảo để đi Hà Nội hát trong khi đó thì đoàn hát Phụng Hảo đang còn lưu diễn ở thành phố Nam Vang – Cao Miên. Nữ nghệ sĩ Phùng Há kết hôn với ông Nguyễn Bửu, trở thành bà bầu gánh hát trẻ nhất thời bấy giờ.

Sau khi bị cô Tư Sặng phụ tình, đến năm 1937, tại Hà Nội Năm Châu sáng tác vở kịch *Phụ phàng* sau về Nam thêm bài ca để trở thành thành tuồng cải lương *Men rượu hương tình*, nội dung có thể tóm tắt như sau:

Nam Bình, một nghệ sĩ sống hết mình cho nghệ thuật, cùng vợ là Thu Hồ phiêu bạt rày đây mai đó trên sân khấu của gánh hát nhỏ do Nam Bình lập ra. Một bầu chủ gánh hát “đại ban” để ý tới vợ chồng anh, liền bỏ tiền ra mời về hát giúp. Tên tuổi Thu Hồ ngày càng sáng chói, trở thành thần tượng của khán giả đến với gánh Nam Bình này. Thế rồi Thu Hồ phải lòng kép chánh trong đoàn là Bảy Minh. Tin đồn đến tai Nam Bình nhưng anh không tin. Sự thực vẫn là sự thực. Thu Hồ trở nên lạnh nhạt với Nam Bình. Anh buồn tê tái, nhưng với tâm niệm yêu nghệ thuật đến mức xem “sân khấu là thánh đường” thiêng liêng, cao quý, nên Nam Bình dồn hết trái tim và khối óc cho công việc. Những tưởng sẽ quên được con người bạc bẽo kia nhưng nỗi buồn cứ lãng vãng, dần vật anh.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Nam Bình đâm ra chè chén, cờ bạc. Nghề của anh ngày càng xuống dốc, khán giả bắt đầu chán anh và tay bầu chủ lắm phen quát mắng.

Một hôm, dưới bóng lạnh lùng của trăng khuya, Nam Bình tận mắt chứng kiến vợ anh hẹn hò thân mật với tình nhân. Nam Bình không can thiệp vào vì anh đã hiểu ra: tình yêu giữa họ đã quá đổi mặn nồng.

Nam Bình trở về gánh hát xưa, chia sẻ ngọt bùi với đồng nghiệp. Sức lực mỗi mòn nhưng vì cuộc sống của anh em trong gánh hát, Nam Bình vẫn phải đứng ra cáng đáng, ca hát trên sân diễn ọp ẹp. Cuối cùng trên giường bệnh anh đã vĩnh viễn ra đi, trên môi vẫn thảng thốt gọi tên Thu Hồ vợ anh ngày xưa.

Tháng 3 năm 1946, nhóm nghệ sĩ chuyên nghiệp gồm Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Duy Lâm, Tư Út, Từ Anh, Hai Tiền, Ba Thâu, Sáu Ngọc Sương lấy xác gánh Nam Phương để thành lập “Nhóm con Tằm”. “Nhóm con Tằm” thu hút thêm nhiều nghệ sĩ tài danh như Bảy Nhiêu, Năm Nở, Tư Choi, Năm Phi, Bảy Nam, Kim Thoa, Kim Cúc, Kim Lan...

Năm 1948, nghệ sĩ Năm Châu thành lập Ban Việt Kịch Năm Châu và cũng năm này thành hôn với nghệ sĩ Kim Cúc con của Bảy Nhiêu,



Kim Cúc và Năm Châu trong vở tuồng *Vợ Và Tình*

Năm 1955, khi đoàn Việt Kịch Năm Châu rã, Tám Kiệt và Hai Nữ dùng xác gánh hát này lập thành đoàn hát Phước Chung. Gia đình Năm Châu, Kim Cúc, Kim Lan, ông Bảy Nhiều tập hợp thành nhóm chuyển âm phim cho hãng phim Mỹ Phương và hãng phim Mỹ Vân.

Về ngành phim ảnh, gia đình Năm Châu không gặt hái được thành công như mong muốn. Cả về sân khấu, những năm cuối thập niên 50, đầu năm 60, sân khấu cải lương có sự chuyển biến lớn: những giọng ca vàng, những ông vua, bà hoàng vọng cổ bắt đầu ngự trị trên sân khấu cải lương. Thế hệ đàn anh, đàn chị, những bậc thầy về diễn xuất phải dần dần nhường bước cho lớp nghệ sĩ trẻ, dù lớp nghệ sĩ này chưa diễn xuất hay, nhưng họ ca vọng cổ được khán giả ưa chuộng.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Từ năm 1962, khi Năm Châu được mời làm giáo sư kịch nghệ của trường Quốc gia âm nhạc Sài Gòn thì Kim Cúc, Duy Lâm, Năm Nở, Ngọc Ánh và nhạc sĩ Hai Khuê, Sáu Tùng, cũng được mời làm giáo sư giảng dạy chung trường với Năm Châu.



Năm Châu - Phùng Há

Năm 1965 được Bộ Xã Hội bảo trợ, Năm Châu lại một lần nữa lập gánh cải lương lấy tên đoàn Ánh Chiêu Dương, và đây là lần lập gánh cuối cùng trong cuộc đời làm nghệ thuật của Năm Châu. Đoàn khai trương tại rạp Thống Nhất với vở tuồng xã hội “Nước Biển Mưa Nguồn”.

Sau 1975 do tuổi già, vợ chồng Năm Châu, Kim Cúc không một hoạt động văn nghệ nào nữa, nên các nghệ sĩ trẻ thường rủ nhau đến nhà thăm vợ chồng ông. Trước ngày mất, Năm Châu nằm ở bệnh viện Đồn Đất

Ngày 21 tháng 4 năm 1978, khi nghe tin Năm Châu mất, bà Phùng Há đã chạy vào nhà thương, vấp té liên hồi. Người ta

HUỶNH ÁI TÔNG

nói: “Ông đã đi rồi, cô Bảy ơi”, nhưng bà vẫn lay ông Năm Châu, gào khóc: *Khoan, anh khoan đi! Anh có nghe không, có hiểu không? Anh phải nghe tôi nói rồi mới yên lòng ra đi được. Tôi biết anh còn uất hận ở trong lòng, sợ dĩ tôi làm vậy là vì anh, vì thương anh... ,giờ này... cho tới giờ phút này, tôi vẫn yêu anh...*

Phùng Há nói như trong cơn mê sáng, vừa nói vừa khóc, không cần để ý xung quanh bà bấy giờ có rất đông người, trong đó có Kim Cúc, vợ của nghệ sĩ Năm Châu. Nhưng điều thật cảm động là, trong giây phút ấy, nghệ sĩ Kim Cúc - thay vì sự ghen tuông như người ta thường thấy - lại ân cần vỗ về Phùng Há bằng một lời hết sức đôn hậu, nghĩa tình: - *Chị Bảy, trước khi xuôi tay nhắm mắt, anh còn gọi tên chị, hỏi chị ở đâu....*

Năm Châu thọ 72 tuổi, làm trọn kiếp con tầm nhả tợ, diễn xuất hay, soạn tuồng đầy ý nghĩa, đào tạo uốn nắn nhiều đào kép của nhiều thế hệ cải lương. Còn bà Kim Cúc thì cũng đi theo ông chồng vài năm sau đó.

Tác phẩm:

- *Nợ Dâu*
- *Men Rượu Hương Tình*
- *Sân Khấu Về Khuya ...*

Trích văn:

Khi tôi lấy chồng, anh đột ngột rời gánh Phụng Hảo, nghe đâu đi Hà Nội một thời gian... Khi đó, gánh Phụng Hảo hát ở Nam Vang và tôi chưa tới 30 tuổi... Tôi quyết định lấy chồng để cả hai chúng tôi có thể dứt khoát... Người ta đưa cho tôi lá thư

ảnh gửi trước khi đi, không một lời từ biệt. Lá thư gồm 12 câu vọng cổ là tất cả tâm tình của ảnh. Trong từng lời, từng câu, tôi hiểu ảnh đã buồn bực, thất vọng và trách móc tôi rất nhiều... Nhưng cho dù có hiểu nhau, thương nhau đến mấy, cũng bằng không thôi... Số phận như vậy rồi.

(Lời của nữ nghệ sĩ Phùng Há)

Dưới đây là 12 câu vọng cổ già biệt của Năm Châu gửi cho Phùng Há năm 1936:

1- Ngàn dặm xa trong cánh nhận xòe, cứ mỗi độ báo tin, sương mờ mịt ngọn khói lam. Nghi ngút tỏa bung lung trên các hàng thành quách cũ.

2- Lơ lửng lá vàng rơi, thoang thoang gió heo may, đưa hương vị cố nơ về, đánh thức bao ký vãng xa xăm mà ta đã cùng hưởng chung với nhau ở giữa đất phong trần.

3- Lòng bỗng rạo rực bản khoản vội vàng tạ liễu từ hoa, ân cần giao trả lại cho nước non, rồi xếp gió trăng thơ mộng, vùn vụt bánh xe lăn trong muôn dặm từ phần.

4- Bồi hồi lòng mong mỏi, xé không gian tìm dấu cũ. Nặng nề lòng nhớ nhung mền tưởng, đỉnh ninh cái câu tao ngộ ta sẽ cùng sót chia nhau mà trang trải nợ nần.

5- Nào dè đâu thời gian đã tàn phá bức tranh tình. Mùi đã lạt, tình đã phai, cùng cố nhân tuy gần nhau trong gang tấc mà cách xa nhau như núi Sở sông Tần.

HUỶNH ÁI TÔNG

6- Ánh thái dương đương xán lạn trong veo tung bùng hoa cỏ đón, bỗng thỉnh linh đầu cơn gió vụt, đám mây vẩn, ôi, cố nhân ơi, sao nữ đề tay hèn nâng phẩm tiên?

7- Bây giờ đây tui có đi hay ở cũng lỡ làng rồi, mảnh hương nguyên đốt không thơm, tơ loan chùng phím trúc. Thơ ngày xưa đã lạt, mộng ngày xưa đã tan. Gió trúc cuốn xa, trăng tà chiếu bóng.

8- Ngao ngán nỗi đường xa quán khách, bây giờ có ra đi thì sức mồi chân chùng, nhưng hoa còn đâu, liễu còn đâu? Nước non đã bao phen nắng vàng mưa bụi thì biết bao năm đã hỏi liễu tâm hoa.

9- Mờ mịt ánh trăng mây lòng hơi chùng dưới gôi. Chiếc quạt trong sương nhiều khi tràn trạ chảy, không ngăn dòng máu nổi dòng châu. Giọt lờ pha giọt đậm.

10- Nhìn trộm cố nhân đang vui tươi bỗng thâm đạm, đang cười cợt bỗng âu sầu nhưng hoa kết gót sen, vàng bao thân ngọc, nhẹ nhàng cố nhân thoãn thoắt lượn như con chim hoàng oang sáng tối hát rồi ca.

11- Âm ỉ sống bên mê, rạt rào mưa khóm trúc, chiếc thân tàn, con ma đại cứ lằm lũi đi trên con đường gió bão. Kia, ai ơi một hồn quê mà ai đã bước sa đà.

12- Cõi lòng đang hăm hở vui tươi bỗng đượm lầy một giọng sầu man mác. Giữa độ đầu xanh tuổi trẻ mà tâm khảm vì ai pha màu lạnh cho đến đổi nét xuân tươi mà nay (tôi) đã hóa ra cần cõi héo già.

Qua tâm tình nghệ sĩ Phùng Há còn cho biết:

Trong nghệ thuật, anh Năm Châu là một bậc thầy mà tôi luôn kính trọng. Anh còn là một soạn giả cải lương tôi rất ngưỡng mộ và là một bạn diễn đồng điệu, vô cùng ăn ý. Có thể nói phong cách biểu diễn của tôi đã mang nặng dấu ấn nghệ thuật sâu đậm của anh Năm. Trong đời thường, tôi và anh Năm cũng nặng tình với nhau. Tuy nhiên, vì anh là người đã có gia đình, nên lúc ấy và suốt cả cuộc đời tôi phải chạy trốn, phải chối bỏ tình cảm của anh cũng như tình cảm của chính mình. Mãi đến lúc anh nhắm mắt xuôi tay, tôi mới cho phép mình bày tỏ tình yêu với anh, để kịp nhìn thấy một nét cười thanh thản trên đôi môi đã lạnh giá. Tuy tôi và anh Năm không đến được với nhau trong đời thường, nhưng trong tôi anh vẫn luôn hiện diện với tất cả nỗi đau, hạnh phúc và cái đẹp của tình yêu”.

Tài liệu tham khảo:

- Năm Châu Web: vi.wikipedia

4) Trần Văn Khê



Trần Văn Khê (1921-)

HUỶNH ÁI TÔNG

Trần Văn Khê sinh ngày 24 tháng 7 năm Tân Dậu (1921) Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê sinh ngày 24.7.1921, tại làng Đông Hòa, tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho trong một gia đình có bốn đời làm nhạc sĩ, nên từ nhỏ ông đã làm quen với nhạc cổ truyền.

Ông nội ông là Trần Quang Diệm (Năm Diệm), cha ông là Trần Quang Chiêu (Bảy Triều), cô là Trần Ngọc Viện (tức Ba Viện, người đã sáng lập gánh cải lương Đồng Nữ ban), đều là những nghệ nhân âm nhạc cổ truyền nổi tiếng.

Ông ngoại ông là Nguyễn Tri Túc, cũng say mê âm nhạc, có ba người con đều theo nghiệp đờn ca. Một trong số đó Nguyễn Tri Khương, thầy dạy nhạc và nhà soạn tuồng cải lương nổi tiếng. Riêng mẹ ông là Nguyễn Thị Dành (Tám Dành), sớm tham gia cách mạng, gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930 và bị thương rồi mất trong năm đó. Cha ông vì thương nhớ vợ nên qua đời năm 1931.

Năm lên 6 tuổi ông đã được cô (Ba Viện) và cậu (Năm Khương) dạy đàn kim, đàn cò, đàn tranh^[1], biết đàn những bản dễ như "Lưu Thủy", "Bình Bán vắn", "Kim Tiền", "Long Hồ Hội".

Mồ côi từ rất sớm, mẹ mất năm 9 tuổi, cha mất năm 10 tuổi, nên ông cùng với hai em là Trần Văn Trạch (về sau là một ca sĩ nổi tiếng, có biệt danh *Quái kiệt*), Trần Ngọc Sương được người cô thứ ba là Trần Ngọc Viện đem về nuôi, cho đi học lớp sơ đẳng (cours élémentaire) ở Vĩnh Kim (Mỹ Tho) cô Ba Viện nuôi nấng. cho anh em ông đi học võ, học đàn kim.

Năm 10 tuổi, Trần Văn Khê đậu tiểu học, được cô Ba Viện gọi qua Tam Bình (Vĩnh Long) ở với người cô thứ năm là Trần Ngọc Cảnh. Dưỡng ông là điền chủ Nguyễn Văn Dương, tức Mười Tòng. Đến đây Trần Văn Khê được học chữ Hán với nhà thơ Thượng Tân Thị. Trong kỳ sơ học năm 1934 tại Vĩnh Long được đậu sơ học có phần Hán Văn. Cả tỉnh chỉ có Trần Văn Khê và Nguyễn Trọng Danh được đậu bằng chữ Hán.

Năm 1934, ông vào trường Trung học Trương Vĩnh Ký, được cấp học bổng. Học rất giỏi, năm 1938 ông được phần thưởng là một chuyến du lịch từ Sài Gòn đến Hà Nội, ghé qua Phan Thiết, Đà Nẵng, Nha Trang, Huế. Nhờ đậu tú tài phần nhất năm 1940, thủ khoa phần nhì năm 1941, ông được đô đốc Jean Decoux thưởng cho đi viếng cả nước Campuchia xem Chùa Vàng, Chùa Bạc tại Nam Vang, viếng Đế Thiên Đế Thích. Khi về Việt Nam, nhờ thầy Phạm Thiều giới thiệu, ông được Đông Hồ tiếp đãi, đưa đi chơi ở Hà Tiên trong một tuần.

Năm 1942, Trần Văn Khê ra Hà Nội học y khoa. Tại đây, cùng với Huỳnh Văn Tiêng, Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Phan Huỳnh Tấn (nay đổi thành Phạm Hữu Tùng), Nguyễn Thành Nguyên, hoạt động trong khuôn khổ của Tổng hội Sinh viên. Do thể hiện một trình độ cảm nhạc xuất sắc, ông được cử làm nhạc trưởng của giàn nhạc trường, nhân giới thiệu những bài hát của Lưu Hữu Phước. Ông còn tham gia phong trào "Truyền bá quốc ngữ" trong ban của GS Hoàng Xuân Hãn, "Truyền bá vệ sinh" của các sinh viên trường Thuốc, và cùng các bạn Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiêng tổ chức những chuyến "đi Hội đèn Hùng", và đi viếng sông Bạch Đằng, Ải Chi Lăng, đèn Hai Bà.

HUYỀN ÁI TÔNG

Năm 1943, ông cưới bà Nguyễn Thị Sương, bạn học cùng lớp Tú tài ở trường Pétrus Ký, người con gái thủy mì, dễ thương, học giỏi nhứt bên phía nữ, con gái đầu lòng của ông Nguyễn Văn Hanh, giáo viên tại Saigon và sau đó làm đốc học tại Thủ Đức.

Sau khi lập gia đình, do thể trạng không hội đủ để theo học y khoa, do hoàn cảnh đất nước lúc đó, ông về Nam tham gia hoạt động để cứu trợ nạn đói trên đất Bắc, do bị nhà cầm quyền Pháp bắt nhốt ở bót catinat, sau đó ông bèn trốn sang Pháp, để lại vợ đang cần thai con gái út và ba con thơ, vợ ông phải đảm đang nuôi dạy các con ăn học cho đến lớn. Bốn người con của ông là: Trần Quang Hải sinh năm 1944, hiện là nhà nghiên cứu nhạc dân tộc tại Paris, Trần Quang Minh hiện là kiến trúc sư ở Saigon và hai cô gái là Trần Thị Thủy Tiên hiện sống tại Paris, và Trần Thị Thủy Ngọc, nữ nhạc sĩ đàn tranh và làm việc cho một ban nghiên cứu đông Nam Á của trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học ở Paris

Ông sang Pháp năm 1949. Hè năm 1951, ông thi đậu vào trường Chánh trị Khoa giao dịch quốc tế. Cho đến năm 1958, ông theo học khoa nhạc học và chuẩn bị luận án tiến sĩ dưới sự chỉ đạo của các Giáo sư Jacques Chailley, Emile Gaspardone và André Schaeffner.

Tháng 6 năm 1958, ông đậu Tiến sĩ Văn khoa (môn Nhạc học) của Đại học Sorbonne. Từ năm 1963, ông dạy trong Trung tâm Nghiên cứu nhạc Đông phương, dưới sự bảo trợ của Viện Nhạc học Paris (*Institut de Musicologie de Paris*). Ông là thành viên của Viện Khoa học Pháp, Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm châu Âu về Khoa học, Văn chương và Nghệ thuật cũng như nhiều

hội nghiên cứu âm nhạc quốc tế khác; là Chủ tịch Hội đồng Khoa học của Viện quốc tế nghiên cứu âm nhạc bằng phương pháp đối chiếu của Đức (*International Institute for Comparative Music Studies*)^[4].

Ông về hưu năm 1987, sau 50 năm nghiên cứu và giảng dạy ở Pháp, ông trở về sinh sống và tiếp tục sự nghiệp nghiên cứu và giảng dạy âm nhạc dân tộc tại Việt Nam. Ông cũng là người đã hiến tặng cho Thành phố Hồ Chí Minh 420 kiện hiện vật quý, trong đó có nhiều loại nhạc cụ dân tộc và tài liệu âm nhạc.

Thành tích:

Giáo sư Trần Văn Khê là thành viên của nhiều hội nghiên cứu âm nhạc trong nước Pháp, Mỹ, Trung Quốc và trên trường quốc tế:

- Hội Nhà văn Pháp (*Société des Gens de Lettres*) (Pháp)
- Hội Âm nhạc học (*Société Française de Musicologie*) (Pháp)
- Hội Dân tộc Nhạc học Pháp (*Société Française d'Ethnomusicologie*) (Pháp)
- Hội Âm nhạc học Quốc tế (*Société Internationale de Musicologie*)
- Hội Dân tộc Nhạc học (*Society for Ethnomusicology*) (Mỹ)
- Hội Nhạc học Á châu (*Society for Asian Music*) (Mỹ)
- Hội Âm nhạc Á châu và Thái Bình Dương (*Society for Asian and Pacific Music*)
- Hội Quốc tế Giáo dục Âm nhạc (*International Society for Music Education*)

HUỶNH ÁI TÔNG

- Thành viên và chủ tịch hội đồng khoa học của Viện Quốc tế Nghiên cứu Âm nhạc với Phương pháp Đối chiếu (*International Institute for Comparative Music Studies*) (Đức)
- Hội đồng Quốc tế Âm nhạc truyền thống (*International Council for Traditional Music*) nguyên phó chủ tịch (Mỹ)
- Hội đồng Quốc tế Âm nhạc (*International Music Council/UNESCO*), nguyên uỷ viên ban chấp hành, nguyên phó chủ tịch, đương kim Chung sanh hội trưởng danh dự (Pháp)
- Viện sĩ thông tấn, Hàn lâm viện Châu Âu, Khoa Học, Văn chương, Nghệ thuật...

Được các giải thưởng:

- 1949: Giải thưởng nhạc cụ dân tộc tại Liên hoan Thanh niên Budapest.
- Huy chương bội tinh hạng nhứt của chánh phủ Việt Nam Cộng hòa.
- Văn hoá bội tinh hạng nhứt của Bộ giáo dục Việt Nam Cộng hòa.
- 1975: Tiến sĩ âm nhạc danh dự (*Docteur en musique, honoris causa*) của Đại học Ottawa (Canada).
- 1981: Giải thưởng âm nhạc của UNESCO ở Hội đồng Quốc tế Âm nhạc (*Prix UNESCO - CIM de la Musique*).
- 1991: Officier de l'Ordre des Arts et des Lettres, Ministère de la Culture et de l'Information du Gouvernement français (Huy chương về Nghệ thuật và Văn chương của Bộ Văn hoá Pháp).
- 1993: Cử vào Hàn lâm viện châu Âu về Khoa học, Văn

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

chương, Nghệ thuật; viện sĩ thông tấn.

- 1998: Huy chương Vì Văn hoá Dân tộc của Bộ Văn hoá Việt Nam.

- 1999: Huân chương Lao động hạng nhất do Chủ tịch Trần Đức Lương cấp.

- 2005: Giải thưởng Đào Tấn do Trung tâm Nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc trao tặng.

- 2011: Giải thưởng Phan Châu Trinh về nghiên cứu

Trích văn:

Giấc mơ đẹp trên đất Ý

Trong suốt cuộc đời nghiên cứu âm nhạc truyền thống Việt Nam, tôi đã từng ước mơ thực hiện một chuyến viễn du, đem âm nhạc truyền thống Việt Nam giới thiệu cho thế giới, không phải bằng băng từ, băng thiết bị máy móc mà bằng chính người nghệ sĩ Việt nam, bằng xương, bằng thịt, bằng hơi thở.



Cuối tháng 09/2006, giấc mơ của tôi đã thành hiện thực. Tôi đã cùng những nghệ sĩ trong nước mang các tiết mục thuần Việt, thuần khiết truyền thống mà người dân nước Ý xem như một chân dung của âm nhạc Việt Nam. Tôi biết Việt Nam cũng đã từng tổ chức biểu diễn ở hải ngoại những chương trình hoành tráng, qui mô nhằm giới thiệu văn hóa Việt Nam, nét tươi trẻ của con người Việt Nam. Nhưng những lần biểu diễn này theo tôi vẫn còn hòa lẫn ít nhiều văn hóa mới, phong cách mới, trong thời đại mới. Ngoài ra, nếu có chương trình âm nhạc truyền thống thì chỉ biểu diễn một bộ môn như đàn tài tử (1993), ca trù (1994), ca Huế, nhã nhạc cung đình Huế (1994), quan họ Bắc Ninh (một nhóm nhỏ)... Những lần biểu diễn này thường là một vài nghệ sĩ lẻ tẻ biểu diễn một số tiết mục giới hạn. Qui mô tổ chức thì theo phương Tây có nghĩa là khán thính giả theo dõi tiết mục như đã ghi trên tờ chương trình in sẵn, không có cắt nghĩa xen lẫn vào chương trình biểu diễn. Về nước, tôi thấy ước mơ của tôi càng xa, càng khó thực hiện vì những chương trình về âm nhạc truyền thống thường ít được khán thính giả để ý mặc dầu vé vào cửa là miễn phí. Nếu chờ đợi ngân quỹ từ trong nước thì với hoàn cảnh và khả năng của đất nước Việt Nam vừa ra khỏi thời kỳ khó khăn thì không thể nào tìm đủ ngân quỹ để gửi một đoàn trên 60 diễn viên ra nước ngoài, tiền vé máy bay và ăn ở tại một khách sạn quốc tế cho cả đoàn trên một tuần lễ.

Ở Torino hàng năm đều có Liên hoan cổ điển phương Tây và Jazz và năm 2006 là lần thứ 26 tổ chức tại đây. Khi được ban tổ chức của Liên hoan âm nhạc cổ điển phương Tây và Jazz cho tôi biết rằng liên hoan này mỗi năm đều có một lần và chỉ 5 năm sau cùng, Ban tổ chức muốn cho khán thính giả có một cái nhìn về châu Á nên mỗi năm đều mời nghệ sĩ của một nước châu Á giới thiệu về chương trình âm nhạc thuần truyền thống của đất nước đó như Ấn Độ, Ả Rập, Indonesia, Campuchia và Ba Tư. Năm 2006, đến lượt nước Việt Nam được vào danh sách mời. Nhưng vì Ban tổ chức có nhiều người biết rõ công

việc làm của tôi nên đề nghị tôi cho phép họ dịch ra tiếng Ý cuốn sách Âm nhạc truyền thống Việt Nam do Viện nghiên cứu với phương pháp đối chứng tại Bá Linh xuất bản, do nhà Buchet Chastel in ấn và phát hành dưới sự bảo trợ của Hội đồng Quốc tế Âm nhạc thuộc UNESCO. Đồng thời, Ban tổ chức đề nghị tôi làm cố vấn nghệ thuật cho một chương trình giới thiệu âm nhạc truyền thống Việt Nam từ ngày 17 đến 24/09/2006. Ban tổ chức nhấn mạnh vào điểm âm nhạc thuần truyền thống không đổi mới (musique traditionnelle authentique, non- acculturée). Tôi đã nhận lời và đã viết thư cho một số cơ quan hữu trách của Việt Nam, thì đã được sự đồng ý. Một khó khăn khác là tuy Ban tổ chức muốn có nhiều bộ môn nhưng ngân quỹ không cho phép số lượng nghệ sĩ nhiều hơn 60 người. Vì thế phải có sự tuyển chọn những nghệ sĩ đa năng có thể biểu diễn nhiều bộ môn và lựa những trích đoạn tuy điển hình nhưng không khó hiểu cho người ngoại quốc.

Số nghệ sĩ tham gia chương trình có thể chia ra làm bốn nhóm:

- Nhóm miền Bắc thì ngoài các nghệ nhân Ca trù còn có nghệ sĩ chèo và châu văn (hát văn có múa)
- Nhóm miền Trung có cả đoàn nhã nhạc cung đình Huế gồm đủ Đại nhạc, Tiểu nhạc, Ba vũ đầy đủ ca vũ nhạc cung đình.
- Nhóm miền Nam với ban Nhạc lễ (đủ cả phe văn, phe võ) và ban Nhạc tài tử).
- Nhóm Tây nguyên có nhóm công chiêng dân tộc Ê-đê.

Tôi rất sung sướng là Ban tổ chức đã nhanh chóng chấp thuận mọi đề nghị của tôi là cố vấn nghệ thuật đặc biệt.

HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày 18/9, từ 17 đến 19 giờ có một buổi dành riêng cho tôi giới thiệu tổng quát về âm nhạc truyền thống Việt Nam, có minh họa bằng những trích đoạn của mỗi bộ môn. Hôm đó, ba chuyên gia người Ý ông Livio Aragona, ông Giovanni Giuriati và ông Enzo Restagno cùng ngồi trên bàn chủ tọa với tôi để nói cho khán giả người Ý biết quan điểm của Ban tổ chức về toàn bộ chương trình biểu diễn của đoàn Việt Nam, đồng thời họ cũng là người phiên dịch những lời thuyết trình của tôi bằng tiếng Pháp sang tiếng Ý tuy rằng 80% khán giả ở đây đều hiểu tiếng Pháp Cả ba người đều nói lên sự chờ đợi của các nhà chuyên gia và công chúng Ý tại thành phố Torino về buổi biểu diễn này của đoàn Việt Nam đồng thời ba vị đều nồng hậu giới thiệu quyển sách về âm nhạc truyền thống Việt Nam của tôi vừa được dịch sang tiếng Ý. Quyển sách này được giới thiệu và bày bán rộng rãi trên quầy.

Trong bài thuyết trình của tôi, ngoài các bộ môn sẽ được biểu diễn, tôi có nhắc đến âm nhạc truyền thống dân gian gắn liền với cuộc sống hằng ngày của người Việt Nam từ lúc sơ sinh đến lúc trở về nơi an nghỉ cuối cùng. Tôi minh họa một câu hát ru, một câu hò cây và nói sơ qua về những câu hò, điệu lý, những bài đối ca nam, nữ; những loại nhạc có liên quan đến tín ngưỡng và tôn giáo. Tôi cũng có nhấn mạnh vào điểm đây là lần đầu tiên mà nhóm nhạc lễ miền Nam đi trình diễn tại nước ngoài. Ngoài ra nhân dịp này, tôi cũng đã giới thiệu các lãnh vực văn hóa nước ta để khơi lên trong lòng người dân Ý sự tìm hiểu về đất nước và con người Việt Nam.

Chưa có bao giờ mà các nghệ sĩ Việt Nam cũng như người dẫn chương trình phải làm việc trong thời khóa biểu dày đặc như vậy:

Từ 14 giờ đến 16 giờ 30 có khi đến 17 giờ tổng dợt

Từ 17 giờ đến 18 giờ : nghỉ và ăn nhẹ

Bắt đầu sau 18 giờ là chương trình biểu diễn đến 19 giờ 30 được nghỉ giải lao.

Từ 21 giờ tiếp tục đến 22 giờ 30 có khi khuya hơn vì sự hâm mộ của khán giả.

Đối với tôi, vui nhất là Ban tổ chức chịu cho tôi thời gian để giải thích rành rẽ về các điệu thức trong nhạc tài tử: *hơi bắc, hơi quăng, hơi hạ, hơi xuân, hơi ai* khác nhau thế nào và trong lúc biểu diễn, tôi có mặt trên sân khấu để nói cho khán giả biết lúc nào từ *nam xuân*, chuyển sang *nam ai*. Thật ra trong nước có lẽ khán thính giả chưa có dịp biết qua những bài nghinh thiên tiếp giá, những bản nhạc dùng trong các cuộc lễ tế như *bồng ba, bồng tư, đánh thét, tiền bản hậu phú* mà tôi có dịp giới thiệu rõ ràng trên sân khấu rạp Gobetti cho thính giả người Ý cũng như cách đánh trống nhạc lễ đánh tối, đánh sáng, đánh âm, đánh dương như thế nào. Sau buổi nói chuyện và kể cả các buổi sau, thính giả đều rất thích thú đến nói với chúng tôi là chương trình âm nhạc Việt Nam không phải chỉ để nghe chơi cho vui tai nhìn cho đẹp mắt mà còn mang cả thông điệp văn hóa của cả nước Việt Nam. Tuy là lần đầu được thưởng thức mà các bạn còn muốn có dịp nghe đi nghe lại nữa. Chúng tôi cho rằng đó là phần thưởng rất lớn ngoài những tràng pháo tay nồng hậu.

Trong bốn ngày từ 19 đến 22/9, mỗi ngày là chương trình biểu diễn của một bộ môn. Ngày 19 là công chiêng Tây nguyên do Giáo sư Tô Ngọc Thanh, trưởng đoàn Công chiêng Ê-đê và các chuyên gia ánh sáng và âm thanh lo cho 2 suất biểu diễn này. Nhờ sự can thiệp của Giáo sư Tô Ngọc Thanh đề nghị loại ra khỏi chương trình những tiết mục cải biên, chương trình giữ được trọn vẹn nét truyền thống của bộ môn từng được UNESCO công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại. Khán giả thú vị vì đây là một bộ môn nghệ thuật hoàn toàn lạ đối với họ, tuy không hiểu rõ những nét tinh tế của nghệ thuật vì

HUỶNH ÁI TÔNG

không có sự giải thích, nhưng sau buổi biểu diễn nhiều khán giả đã lên sân khấu xin chữ ký và chụp ảnh chung với nghệ sĩ. Ban tổ chức cũng rất thỏa mãn khi giới thiệu được với người dân địa phương một bộ môn nghệ thuật từng được thế giới công nhận là kiệt tác.

Ngày 20 là phần trình diễn của đoàn chèo, ca trù và chầu văn. Các nghệ nhân, nghệ sĩ biểu diễn rất hay. Tôi được may mắn Ban tổ chức chẳng những chấp nhận mà yêu cầu tôi diễn giải tường tận các bộ môn và có mặt luôn trên sân khấu để lúc nào tôi thấy cần thiết thì thêm những lời bình luận trong lúc nghệ sĩ đang biểu diễn, có ông Fluvio Albano dịch liền ra tiếng Ý, thành ra khi Thị Mầu trả lời cho tiếng đế nhà tao có 9 chị em mà tao là chín chắn nhất đấy, miệng nói mình chín chắn trong khi đó tay lại vuốt ve vai nhà sư, khán giả hiểu được sự tương phản giữa lời nói và động tác nên cười rộ lên. Khi giới thiệu Suý Vân làm các động tác kéo chỉ luân kim, tôi có nhấn mạnh là (nhà kịch câm) nổi tiếng thế giới Marcel Marceau đã thừa nhận đây là một trích đoạn rất tuyệt vời. Khán giả cũng đồng tình với nhận xét này bằng cách vỗ tay nhiệt liệt.

Đoạn Thầy Pháp đọc tấu 3 cái trống và đối tấu với dàn nhạc được hoan nghênh nhiệt liệt.



Ca Trù

Về phía **Ca trù**, tôi có dịp giới thiệu trong chi tiết những nét đặc thù của cây đàn đáy, của cỗ phách, của *phách cái*, *phách con*, *tiếng dương tiếng âm*, của tiếng trống châu vừa tham gia biểu diễn bằng cách chằm câu, vừa khích lệ nghệ sĩ bằng những tiếng trống khen đúng chỗ. Khi tôi nói nêu đàn và hát hay có thể đánh hai tiếng tom (song châu, nghĩa là hai giọt nước mắt), nếu hát thật hay thì đánh bốn tiếng tom (liên châu, lệ nhỏ liên hồi), thì đến lúc biểu diễn, có đoạn nghệ nhân Nguyễn Văn Mùi cầm châu đánh liên tục bốn tiếng thì khán giả biết rằng đoạn đó rất hay và sau buổi biểu diễn họ đã nói với tôi rằng đã bắt đầu hiểu qua về Ca trù.

Đến phần Châu văn, tôi có giới thiệu cho khán giả biết rõ rằng màu xiêm y liên quan đến những Thánh mẫu khác nhau, chẳng hạn như Mẫu thoải (từ chữ thủy mà ra) thì mặc áo trắng, Mẫu Thượng ngàn mặc áo xanh lá cây, Mẫu Thượng thiên mặc áo đỏ, thì hôm đó khi hầu giá Cô đôi Thượng ngàn khán giả thấy mặc áo xanh là đã biết đó là một tiên thánh thuộc về rừng núi. Khán giả rất thích thú khi thấy một bộ môn nghệ thuật trong đó có hát, có đàn, có múa và xiêm y lộng lẫy của bà đồng và của các cô hầu giá. Nhịp điệu lại có vẻ thúc giục khiến người nghe cũng muốn đứng dậy múa theo và sau khi lên đồng múa mâm vàng, Cô đôi Thượng ngàn đi xuống khán giả phát lộc thì ai cũng mong nhận được lộc, cho thấy có sự giao lưu trực tiếp giữa diễn viên và khán giả.

Ngày 21 đến phần biểu diễn của nhạc tài tử và nhạc lễ miền Nam. Tôi lần lượt giới thiệu trong chi tiết các nhạc khí dùng trong hai bộ môn này và nói rõ thêm về các điệu thức, điệu Bắc tươi vui, điệu Nam thanh thản, điệu Ai hơi buồn và điệu Oán nghiêm trang thể hiện nỗi buồn thấm thía. Tôi minh họa các thang âm điệu thức cho khán giả có một khái niệm rồi đến khi đờn liên tục ba bài Nam xuân, Nam ai và Đảo ngũ cung, mỗi khi sắp chuyển từ Nam xuân qua Nam ai hay Nam ai qua Đảo

ngũ cung, tôi báo trước. Các nhà nghiên cứu vô cùng thích thú thấy rõ những điểm khác nhau đúng như lời giới thiệu.

Về phía Nhạc lễ, khán giả biết phe văn và phe võ là thế nào, khi đánh bài Nghinh thiên tiếp giá hay Bồng ba bồng tư, tiền bản hậu phú, mỗi lần tôi đều báo trước chức năng của những bài đó trong các cuộc lễ tế. Ban nhạc lễ biểu diễn rất hay và đặc biệt là gây ấn tượng với Ban tổ chức đến độ họ cho biết có ý định mời nhóm Nhạc tài tử và Nhạc lễ miền Nam trở lại Ý trong một dịp khác. Theo Ban tổ chức thì các chương trình chèo, ca trù và chầu văn vừa hay vừa lạ lại không đòi hỏi số đông diễn viên nên sẽ dễ dàng để được mời đi biểu diễn xa.

Đêm cuối cùng là **Nhã nhạc cung đình Huế**, được Ban tổ chức trân trọng sắp xếp diễn tại thính đường lớn của Nhạc viện Torino sức chứa cả ngàn khán giả. Hôm đó khán phòng không còn một chỗ trống – với sự hiện diện của nhiều quan chức của thành phố – tuy đông đúc nhưng không khí vẫn trang nghiêm. Phóng viên các hãng thông tấn, báo chí và truyền hình cũng đông hơn. Về phía đoàn Việt Nam thì buổi biểu diễn đêm đó cũng có phần đặc biệt hơn các buổi trước, từ số lượng diễn viên đông đảo đến xiêm y màu sắc rực rỡ, nhạc cụ phong phú, lại có thêm nhiều diễn viên trẻ đẹp.

Nhưng có điểm khó khăn cho tôi là theo truyền thống của Nhạc viện tôi chỉ được phép giới thiệu ngắn gọn trong vòng từ 10 đến 15 phút đầu chớ không được chen vào trong phần biểu diễn. Các nội dung về những tiết mục biểu diễn được in sẵn trong tờ chương trình bán cho khán giả với giá 1 euro để đọc trước khi xem biểu diễn.

Đây là một điều khó cho tôi, bởi trong 15 phút đã phải mất một ít thì giờ để chào mừng quan khách và cảm ơn chính quyền cũng như Ban tổ chức tạo mọi thuận lợi cho đoàn nghệ thuật Việt Nam sang đây biểu diễn. Tôi cũng nhấn mạnh không thể

không nói dài dòng đôi chút để giới thiệu một bộ môn nghệ thuật được công nhận là di sản thế giới, có chiều sâu của nghệ thuật và bề dày lịch sử như nhã nhạc cung đình, đồng thời trích dẫn câu nói của Romain Rolland Âm nhạc đâu ai nói gì thì cũng chưa phải là một tiếng nói đại đồng, phải cần cái cung của tiếng nói để bắn mũi tên âm thanh vào lòng người nghe. Sau đó, tôi giới thiệu tóm tắt các tiết mục biểu diễn đêm đó gồm đại nhạc, tiểu nhạc, và những điệu ca múa cung đình.

Tuy phần giới thiệu sơ lược như thế nhưng nhờ khán giả đêm ấy có chọn lọc nên mọi người vẫn thưởng thức trọn vẹn những nét đặc sắc của nhã nhạc cung đình và vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh sau mỗi tiết mục, nhất là màn múa **Lục cúng hoa đăng**.

Ngoài sự hoan nghênh thường lệ, tôi rất xúc động khi có nhiều giáo sư chuyên môn nghiên cứu âm nhạc, kịch nghệ đến cảm ơn cả đoàn và nói riêng với tôi rằng tất cả các chương trình đều có những nét đặc thù và hôm nay là lần đầu tiên các vị ấy đã khám phá giá trị nghệ thuật của âm nhạc truyền thống Việt Nam, không phải đây chỉ là những chương trình để khán giả đến mua vui trong chốc lát cho thỏa tánh tò mò mà các bộ môn đều mang một thông điệp văn hóa của âm nhạc Việt Nam.

Sau khi chương trình chấm dứt, Ban tổ chức lên sân khấu tặng một bó hoa lớn cho tôi là người đại diện đoàn nghệ thuật Việt Nam. Tôi vừa chuẩn bị trở vào hậu trường thì bỗng nhiên bốn nữ diễn viên trẻ trong trang phục cung nữ tiến ra, mỗi người cầm trên tay một bó hoa trao tặng cho tôi 4 bó hoa, xem như thay cho lời cảm ơn của toàn đoàn.

Quả thật nếu chỉ nghĩ đến doanh thu thì chắc chắn số tiền chi ra để mời 62 nghệ sĩ, nghệ nhân từ Việt Nam xa xôi đến biểu diễn thì con số thu được cho những buổi biểu diễn này là hoàn toàn chẳng đáng kể. Nhưng do ý muốn tìm hiểu truyền thống âm

HUỶNH ÁI TÔNG

nhạc của một đất nước xa lạ mà thành phố Torino đã sẵn sàng chịu chi phí lớn lao này, đó là điều làm tôi ưu tư khi nghĩ đến thực trạng âm nhạc truyền thống trong nước chưa được đãi ngộ đúng mức cũng như chưa được sự quan tâm của thính giả nước nhà.

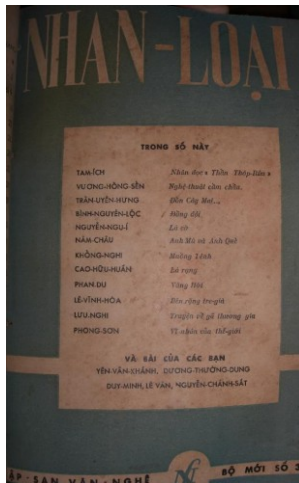
Ngày 15 tháng 10 năm 2006

Trần Văn Khê

Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Khê Web: vi.wikipedia.org
- Trần Văn Khê Web: tranvankhe.vn/tag/mỹ-tho/

5) Ngọc Sơn



Ngọc Sơn (? -)

Nhà văn Ngọc Sơn cho đến nay ít người nhắc đến, nhưng vào đầu thập niên (19)50, ông viết tiểu thuyết feuilleton cho các

nhật báo Tiếng Chuông, Sài Gòn Mới ..., khi ông viết tiểu thuyết trinh thám *Bàn Tay Máu* dưới bút hiệu Phi Long, ăn khách cho đến nỗi Bà Bút Trà, dành độc quyền trả cho ông mỗi tháng 50 ngàn đồng và kèm theo 100 ngàn cho một năm, để tiểu thuyết của ông chỉ đăng trên báo Sài Gòn Mới mà thôi, tưởng nên nói thêm vàng lúc đó, thời giá chỉ có 4 đến 5 ngàn một lượng.

Về tiểu thuyết trinh thám *Bàn Tay Máu* của Phi Long, Ngọc Sơn là một hiện tượng thời bấy giờ, được trả tác quyền cao nhất, hơn tất cả các tiểu thuyết gia khác, độc giả của ông là những học sinh thích phiếu lưu, mộng tưởng. những tập sách mỏng *Bàn Tay Máu*, học sinh có thể nhin quà để mua đọc, là yếu tố ăn khách và dễ tiêu thụ số lượng lớn.

Có tài liệu cho biết ông bị chánh quyền bắt vì có tham gia kháng chiến, còn theo nhà văn Hoàng Hải Thủy, thì cho rằng chánh quyền Ngô Đình Diệm cấm đăng loại tiểu thuyết trinh thám đó, nên từ năm 1954 về sau không còn *Bàn Tay Máu*, nhưng Châu Về Hiệp Phố của Phú Đức, bằng tranh do họa sĩ Phạm Thăng vẽ, vẫn còn được đăng lại trên nhật báo Tiếng Chuông, sau chính tác giả Phú Đức đăng trên tuần báo Bình Dân của ông.

Trên Nhân Loại tập san bộ mới số 1 ngày 22-8-1958, bài của Ngọc Sơn là *Mất niềm tin tưởng*, ngoài ra ông còn có nhiều truyện ngắn đang trên tạp chí này.

Tác phẩm:

- *Ngày về*
- *Hồng và Cúc*

- *Sau dãi nhà lâu*
- *Bàn Tay Máu*
-

Trích văn:

Ăn Cướp Về Làng

Con trai lớn của ông Hương sư Tồn là cậu Lang, một thanh niên mạnh khỏe, đẹp trai có tiếng giỏi chữ nghĩa trong làng. Thế mà cha cậu chưa hài lòng còn rước mấy ông thầy võ về dạy con nên cậu Lang thông quyền thuật kiếm côn, biết cả roi trường, roi đoản.

Bây giờ trong làng sanh ra phong trào thể thao thể dục, mà người ta gọi là phong trào “Du-Cô-Ro”.

Trai tráng trong làng đều bị lôi cuốn theo phong trào đó, bắt đầu từ con cháu các nhà tai mắt, xuống dần đến các cậu con nhà dân giả.

Người ta tập leo dây, tập nhảy cao, nhảy sào, chạy đua, lội đua, vác tạ nặng, tạ nhẹ và còn nhiều trò khác nữa.

Sáng nào chiều nào, trước sân những ngôi nhà nơi mặt tiền làng Tân Hương cũng có những cô cậu, cậu thì ở trần mặc quần đùi, cô thì mặc quần áo ngắn gọn ghè, họ đưa tay lên trời ưỡn ngực ra hít thở không khí hay nhảy cao, nhảy xa, đu trên cây sắt xỏ qua đầu hai cây cột trồng sâu dưới đất.

Trái lại, nơi mặt hậu làng Tân Hương thanh niên không thích gì môn chạy nhảy hay lội đua. Hàng ngày công việc rầy bãi,

đồng áng chiếm mất hết thì giờ nên họ không ưa những môn tập mà phần nhiều đều cho là vô ích.

Họ chỉ hăng luyện võ và cho môn đó có ích, vì họ cần hiểu biết võ nghệ để ban đêm đi tuần ruộng, giữ gìn nhà cửa khi bọn trộm tới viếng.

Mà võ thì phải luyện tập lúc ban đêm, có người lại thích tập chỗ kín đáo để giấu nghề, chứ không nhảy múa trước sân nhà vào lúc sáng và chiều trước mắt mọi người.

Hoàn cảnh sinh sống khác nhau khiến dân làng có sự khác biệt nên người diu dặt phong trào có trách vụ làm cho mọi người hòa hợp lại.

Ông Hương Quản lãnh trách vụ đó từ khi có lệnh trên phú về làng. Ông không dám cãi dù thấy đó là chuyện khó khăn.

Xưa nay việc của ông là cắt đặt bọn tuần đinh coi giữ trật tự trong làng, bắt kẻ trộm cướp, bắt kẻ cãi lại người trên trước chớ đâu phải việc này.

Theo ý riêng, ông cho việc khuyến khích thanh niên nam nữ tập thể dục thể thao để cho họ mạnh khỏe là việc vô ích. Ông nào có tập luyện quái gì đâu mà cũng phát phì và năm này qua năm nọ nào có đau ốm gì.

Không phải vì là nhân nhậu mà ông bênh vực bọn mình, nhưng ông cứ rượu thịt đầy đủ thì tự nhiên con người mạnh khỏe, khỏi cần phải chạy nhảy hay lội song lội suối như vậy.

Nhưng dù sao ông cũng phải làm cái việc này, mà chuyện gì khi đến ông thì phải chạy ro ro. Đó là định luật của ông khi thi hành lệnh trên.

Lập tức, ông truyền cho tất cả trai tráng trong làng sáng đứng bảy giờ phải có mặt trước sân nhà hội để tập thể thao, chiều, sáu giờ cũng vậy. Ai vắng mặt phải có lý do đảng hoàng.

Nhưng khi lệnh truyền ra rồi, ông rất khó nghĩ về một chuyện rất trọng hệ, ông thiếu người đứng ra điều khiển và dạy dân làng cách tập luyện.

Không lý một người tai mắt như ông mà lại mặc quần xà lỏn, ở trần đưa cái bụng bự ra trước dân làng thì coi sao được. Dù sao ông cũng phải giữ oai phong của mình, giữ giá trị cho hương chức hội tề chứ ?

Mà chọn người mạnh khỏe giỏi dẫn thì còn ai ngoài thằng Chò, thằng Bưởi. Hai thằng này mạnh khỏe có tiếng trong làng; chúng giỏi võ, chạy mau như ngựa, qua sông như sáu lội. Nhưng nó là người quá tầm thường, lại không thông chữ nghĩa bao nhiêu thì làm thầy dạy dân làng làm sao được, ai mà phục tui nó kia.

Vả lại chúng nó bận việc lu bù, mà người giữ chức vụ quan trọng đó phải là người nhàn rỗi để đi sát với ông luôn. Hai thằng này không được rồi!

Nghĩ vậy, ông Hương Quân tìm người khác và ông mừng rỡ khi nhớ tới cậu Lang, con ông Hương Sư.

Cậu Lang thật là hoàn toàn, cậu con nhà gia giáo danh giá, có học chữ tây chữ tàu, việc thể dục thể thao cũng thông mà võ nghệ thì ghê gớm lắm.

Ngoài cậu Lang ra không còn ai. Cậu mà làm thầy dạy mấy thằng dân cứng đầu không dám ho hé gì, họ sợ cha cậu như sợ cọp thì họ phải kiêng cậu.

Thế là ông Hương Quán tới ngay nhà ông Hương Sư thưa với ông việc đó. Ông Hương Sư nhận lời ngay, bảo trẻ nhỏ làm gà nhậu chơi với ông Hương Quán.

Trong tiệc rượu, ông Hương Sư không dấu sự hài lòng, ông cho ông là Hương Sư làm sư trong làng thì con ông làm thầy dạy bọn trai tráng là hợp lý lắm.

Thế là cậu Lang ra công dạy dân làng việc tập thể thao và danh từ “Mô-ni-tơ” được dân làng biết ngay từ đó.

Hàng ngày khi ông Hương Quán mặc áo bành tô oai vệ, đeo cây súng hai lòng trên vai, đi chung với cậu Lang xuống nhà hội ai cũng biết họ đi dạy dân làng.

Không một ai cãi lệnh. Sân nhà hội sáng chiều nào cũng đen nghệt người làm ban hội tề bị phiền phức, người ta đồng ý bỏ công ra lập mấy cái sân rộng vừa để rũ các hội banh ở làng bên cạnh về đá với làng mình, vừa có chỗ cho dân làng tập thể thao.

Công việc bề ngoài thì có vẻ êm thuận lắm, nhưng bên trong cũng không khỏi có nhiều sự chẳng hài lòng: Giờ tập lội làm các anh thợ chài thợ lặn chán ngấy vì cả ngày họ dầm dưới nước, còn cần tập chi nữa.

HUYỀN ÁI TÔNG

Môn dơ tay lên, dơ tay xuống, khiến các người quen đập lúa không hài lòng, còn cử tạ làm các người quen khuân vác nặng nề không đồng ý.

Vì vậy cứ sau buổi tập người ta không khỏi bàn tán; nếu cứ theo hoàn cảnh của từng người mà bỏ đi môn võ vô ích đối với họ thì đâu còn môn nào nữa để mà dùng!

Nhưng cuối cùng toàn thể mọi người đều nhìn nhận mình không có bắp thịt nở nang trật tự như cậu Lang, tay cậu những bắp thịt cuộn tròn, bụng cậu thon lại và nổi lên bảy tám cục chớ không sưng đuột như bụng mình; bắp đùi cậu, thịt săn cón nổi vòng như đôi vai u tròn.

Rồi người ta bảo nhau phải tập theo đủ phương pháp mới có bắp thịt nổi vòng lên như cậu Lang và những bắp thịt nở nang có trật tự là mục đích của sự luyện tập ở đây lúc bấy giờ.

Người có học trong làng cho cậu Hai Lang có thân hình lực sĩ hoàn toàn, khiến nhiều người ít học đâm hoang mang vì họ hiểu lực sĩ là người Tàu giỏi nhứt trong đoàn Sơn Đông mãi võ, dao chém không đứt, nằm ngựa xuống đất cho xe chạy qua bụng mà không chết.

Và từ khi phong trào “Đờ-Cua-Ro” lan tràn đến đây thì người ngoài đi ngang làng Tân Hương nhìn nhận dân làng này mạnh khỏe, chẳng thua làng nào cả.

*

Nhiều người bận việc nhà rất hài lòng khi được lệnh nghỉ tập ít lâu, vì ông “Mô-Ni-Tơ” bận việc.

Nhiều người thích chí khi được nghỉ làm cái việc mà họ cho là vô ích nhưng không dám nói ra, trong số đó có Linh. Linh bị bắt buộc nên đi tập chung với nhiều người. Cậu muốn có thân hình mạnh khỏe nở nang như cậu Lang vậy.

Linh muốn tập ở nhà thôi, cậu sợ phức tạp nên ghét sự ồn ào gây rắc rối cho mình.

Vả lại cha Linh cũng là một thầy võ, dù già, ông có ít học trò, nhưng Linh nghĩ có lẽ ông cũng không thua cậu Lang bao nhiêu. Ông có thể chỉ dạy cho Linh một ít ngón nghề hộ thân còn hơn là tập thở, tập đu.

Linh hoang mang nhất khi so sánh cha mình và cậu Lang ai giỏi hơn ai. Cha cậu thì ốm nhom, người nhỏ thó trông không có vẻ gì là giỏi võ cả. Thế mà lúc uống ngã ngã say thì ông bảo cậu: “Thầy trò tụi bây nhảy cóc nhảy nhái làm tâm bậy tâm bạ, rùm làng rùm xóm mà không ăn thua gì hết.”

Câu đó chạm tự ái của Linh vì cậu nghĩ: Cậu Hai Lang đâu phải người dở, trong làng ai cũng phục cậu ta hết! Có lẽ cha mình say mà nói càn như vậy chứ người như cậu Lang đâu phải tầm thường!

Chính mắt mình trông thấy cậu Lang vật ngã một hơi năm sáu người kia mà.

Nhà cậu Lang gần nhà Linh, chỉ cách nhau có ba ngôi nhà. Linh thấy hai ngày hôm nay người làm trong nhà mang những lư đồng ra sân đánh bóng loáng, người ta sơn nhà mới lại, dọn dẹp sạch sẽ trong ngoài và chiều hôm qua họ đem lá đùng đình về kết vào những chiếc cột ở hàng ba, ở cửa cổng.

Từ cổng vào nhà, người ta giăng giấy xanh đỏ rực rỡ đủ màu, nhiều chiếc đèn giấy rất đẹp phát phơ dưới những hàng dài bông giấy.

Nhìn sơ bề ngoài ngôi nhà, Linh biết người ta sửa soạn đám cưới. Linh chú ý đến sự đỏ và không hài lòng người con gái sẽ làm bà thầy của mình.

Không một ai có thể ngờ cậu Lang lại cưới cô Lê, con gái ông Tổng Bá về làm vợ. Trong làng nhiều người xầm xì về chuyện đó.

Cô Lê năm nay lớn hơn cậu Lang sáu tuổi, cô ốm yếu cao nhòng, nước da bánh ếch, mắt hơi lé, mặt dài, tướng đi không được trang nhã.

Đối với những cô gái nhà giàu trong làng thì cô Lê không thể nào so sánh với một ai cả.

Như vậy làng này đâu phải hết người đẹp, tại sao cậu Lang phải cưới một cô vợ không xứng với cậu chút nào.

Nhút định phải có nguyên do nào đó. Linh tự nhủ thầm như vậy, nhưng rồi cậu hiểu lời mờ chuyện kia qua những câu nói của những người hay chuyện trong làng.

Người ta bảo ông Tổng chỉ có mỗi một cô con gái mà ruộng ông cò bay thẳng cánh nên ông Hương Sư buộc cậu Lang hỏi vợ trong gia đình đó để nhờ của cải về sau. Nghe đâu ông Tổng chịu hết tổn phí lễ cưới cả hai bên và cho chú rể một phần ruộng của ông.

Nhưng nếu chỉ có vậy thôi thì cũng không đến nỗi nào vì việc cưới vợ để nhờ của cải, ở làng này xảy ra luôn.

Khổ một nỗi, người ta cố nghi ngờ cô Lê có chi chi đó với thằng Hai Gạo là người làm công trong nhà cô, do vài đứa nhỏ ngu dại trong nhà ông xì ra.

Trong khi đó, thằng Hai Gạo biến đâu mất nên người ta lại càng nghi quyết sự đó có thật. Vài người đàn bà xấu miệng dám quả quyết: Vì không cho sự xấu kia nổ bùng ra nên ông Tổng gả con gấp gấp đến đôi trong làng không ai hay trước ngày lễ cưới cử hành.

Đôi với Linh chuyện đó không quan hệ chi, dù nó tò mò nghe đủ chuyện về hai người đó. Điều làm cho nó khó chịu là ông thầy dạy thể thao chọn một bà thầy không xứng đáng.

Trong bóng tối người ta cứ việc nói hành, cứ việc moi móc sự xấu của gia đình ông Hương Sư và ông Tổng, nhưng ngoài ánh sáng thì hôn lễ kia vẫn cử hành với tất cả sự long trọng của hai gia đình tai mắt trong làng.

Mấy năm nay chưa hề có đám cưới nào long trọng như vậy. Người ta nói ông Tổng cho rước hai tay đầu bếp nhứt hạng ở cao lầu Chợ-lớn về nấu món ăn đãi khách, một người chuyên về đồ Tàu, một người chuyên về đồ Tây. Hai người đó được đưa đến nhà ông Hương Sư coi sóc việc nấu nướng phía đàn trai.

Đúng hôm lễ cưới, thiên hạ còn xầm xì nữa, đám cưới to lớn và rình rang đã lôi cuốn người lớn trẻ con đến xem, bu chặt trước cửa nhà ông Hương Sư, vì chút xíu nữa đây bên nhà trai rước

dâu về rồi thì người ta đốt pháo bông mặc tình cho dân làng xem mê mết.

Nhưng trước khi nhà trai rước dâu về thì ông Hương Quản mang súng hai lòng đến với một nhóm thanh niên, học trò cậu Lang. Ông cất đặt họ giữ gìn trật tự và đích thân ông cũng la hét bọn người tràn đầy trước cửa nhà trai như muốn phá hàng rào vào xem.

Trông thấy ông ta, không một ai dám làm ồn ào như trước. Các bà mẹ bận con khóc lại có dịp dọa đứa bé cho nó nín. Vì đứa nào lâu nay cũng bị ấn tượng ông Hương Quản là ghê gớm nên nó nín ngay khi thấy ông.

Vừa lúc đó một người kêu lên:

- Rước dâu về kia rồi

Tức thì ông Hương Quản nói to:

- Tránh chỗ cho xe đậu.

Không ai dám chàng ràng ở trước cổng nữa. Người ta đứng nép một bên đường nhường chỗ cho đoàn xe mườì mấy chiếc chạy tới đậu trước nhà. Chiếc xe chở cô dâu và chú rể ngừng ngay cổng. Cửa xe mở, chú rể và cô dâu bước xuống, theo sau là chú rể và cô dâu phụ.

Ngòi lửa được châm vào tràng pháo tiếu trước sân nhà gây một tràng tiến nổ, ánh chớp của pháo dạ quang sáng ngời lên khiến người ta vừa bị chói mắt vừa bị ồn tai. Thịnh thoảng những quả pháo đại gắn theo tràng pháo tiếu đó nổ ầm lên khiến vài kẻ giật mình.

Pháo nổ chưa dứt thì những người đưa dâu đón dâu đã vào nhà hết rồi. Cô dâu chú rể thì hành mọi thủ tục rồi thì người ta bắt đầu đãi khách. Khi tiếng rượu sâm banh nổ đòn trong nhà, ngoài nhà cầu nơi bờ song những cây pháo bông thi nhau vọt lên trời làm thành những tia sáng dài rồi hiện lên những ngôi sao, con rít, cây dù từ từ rơi xuống đất.

Giờ mong ước của những người hiếu kỳ đi xem đám cưới đã đến, họ thích chí nhìn những cây pháo bông xẹt lên nổ ra những ngôi sao sáng chói hay những vật lạ lùng.

Cuộc đốt pháo bông cứ kéo dài đến khi có nhiều người chán, bỏ đi ngắm những chiếc xe hơi rất đẹp đậu thành hàng và trầm trồ cảm thấy đám cưới này lớn thật. Từ nhà trai đến nhà gái không xa hơn hai trăm thước mà người ta dùng đến gần hai chục chiếc xe hơi. Thật là oai nghi sang trọng.

Đến phút này có nhiều người không còn cảm thấy sự lầy nhau của cậu Lang và cô Lê là vô duyên nữa, những chi chi mà họ xầm xì bị cảnh hào nhoáng xa hoa xóa tan mất, họ bị lôi cuốn trong cảnh hiện tại.

Linh chen vào phía trong nhà, cậu đứng gần ông Hương Quán và rất lạ lung bờ ngõ giữa cảnh ồn ào này.

Linh là học trò cậu Lang, nên được theo đám thanh niên học trò cậu đến giữ trật tự, dù chẳng ai làm mất trật tự gì cả.

Bữa tiệc kéo dài hơn tiếng đồng hồ nữa thì đến khoảng mười giờ đêm. Mấy chị đàn bà háo kỳ ầm con đến xem đều bỏ vệ Trẻ con cũng buồn ngủ nên rút lui. Khi ngoài nhà cầu không còn đốt pháo bông nữa thì trước cổng nhà ông Hương Sư chỉ

còn lại vài ba mươi người nhìn vào vớí vẻ chán nản, họ sắp kéo về vớí những người trước. Trái lại trong nhà không khí càng lúc càng nồng nhiệt sôi nổi hơn.

Rượu vào đốt cháy lòng nên người ta không thể giữ lời vớí nhau như khi còn bình tĩnh. Vì vậy, những sự giận tức nhau từ đời nào đâu họ cũng nói ra xoi bói nhau.

Ban đầu người ta còn nói xa nói gần nói xỏ nói xiên khéo léo, thét rồi không nhìn nhau người ta nói toạc ra những lời mà trí thức gọi là phi báng. Nhưng cũng may là bàn nào ít ra cũng từ sáu người trở lên nên khi câu chuyện nào quá hăng sắp được họ giải quyết bằng thứ khác thì có người ngăn lại ngay nên chưa ai bị mang tiếng quá bất nhã trong đám tiệc.

Linh không chú ý đến câu chuyện móc họng của các ông tai mắt, mà chỉ chú trọng nhiều nhất là cậu Lang và cô Lê. Cậu cảm thấy hai người thật không xứng chút nào. Cậu Lang đường đường như vậy mà có người vợ xấu xí cao nhòng, cao nhều thật là khó coi.

Linh quay sang nhìn ông Hương Quán và nhóm thanh niên học trò thể thao của cậu Lang rồi nghĩ thầm: Làng mình nhiều người mạnh khỏe giỏi võ, chắc thanh niên làng khác không bằng được.

Chắc không ai dám ăn hiếp dân làng. Chỉ một mình cậu Lang và ông Hương Quán cũng có thể khiến họ sợ và nể dân làng mình rồi.

Linh tin tưởng sự đó, cậu chưa từng thấy ai oai vệ như ông Hương Quân chưa từng thấy ai mạnh khoẻ và giỏi võ như cậu Lang.

Nhưng Linh không tin tưởng nhóm thanh niên trong làng mình dù họ là học trò của cậu Lang. Linh biết họ cũng như mình, chỉ muốn bỏ quanh cái vụ tập thể thao để lo việc nhà cửa ruộng nương. Như vậy thì làm sao mình tin họ và tin mình được.

Thình lình một tiếng nổ chát chúa từ ngưỡng cửa khiến mọi người giật mình ngơ ngác.

Tiếng hét to lên của một người to lớn dữ dằn vừa nhảy vào khiến Linh khiếp sợ.

Người đó cầm súng chia vào ông Hương Quân, mặt ông ta thoả lo nghe ướt màu mỡ, trợn mắt:

- Ai ở đâu thì ngồi đọ Rục rịch thì bể sọ nghe không. Ta là Mười Hồ đây.

Đàn bà trong tiệc nghe xung tên thì sợ khiếp, vì họ đã từng nghe tên Mười Hồ là chúa cướp. Anh ta tàn ác vô cùng với kẻ nào chống lại anh ta.

Bọn đàn ông không khác chi đàn bà, họ hiểu không nên rục rịch mà mang họa nên ai đâu ngồi đấy và không dám thở mạnh.

Bọn cướp tràn vào nhà, đứa nào cũng ở trần và bôi lọ khắp ngực và mặt.

HUYỀN ÁI TÔNG

Linh rùng mình khi một đứa đến gần cậu. Cậu tin ông Hương Quán và cậu Lang sẽ trừng trị và đĩnh ninh sao sao nó cũng gãy cổ không thì cũng vỡ sọ chớ chẳng thôi.

Nhưng Linh ngạc nhiên khi thấy ông Hương Quán và cậu Lang không dám cử động gì, họ chỉ ngồi im, mặt người nào cũng xanh lét cả.

Bây giờ Linh chỉ còn hy vọng vào nhóm thanh niên học trò của cậu Lang, nhưng đám người này cũng chẳng hơn gì, họ đứng trơ ra xem bọn cướp lột vòng vàng của các bà các cô.

Không ai dám hó hé. Bọn Mười Hổ chẳng từ ai nên cô Lê cũng bị lột mất vòng vàng. Cũng may là chúng chưa kịp lục soát thêm tiền bạc trong nhà thì bên ngoài có một tên chạy vào ra hiệu chi đó với tên đầu đảng.

Mười Hổ ra hiệu mười mấy tên bộ hạ dơ cao những thanh mã tấu sang lên như sắp sửa chém.. Anh ta nói:

- Tụi tao đi đây. Nếu bây rượt theo thì tao đốt rụi dãy nhà này biết không.

Rồi anh ta hô lũ bộ hạ rút bót ra, canh chừng các cửa ra vào rồi buộc mọi người quay mặt vào trong hết.

Khi ai nấy đã làm theo lệnh, Mười Hổ bỏ đi ngay và dần dần lũ bộ hạ anh ta len lén lui lại phía cổng. Nhân cơ hội đó, nhiều người không dám ngồi lâu nên rút lui ra cửa sau. Cậu Lang bấy giờ như tức giận nên chạy vào buồng lấy thanh kiếm chạy ra để đuổi theo bọn cướp.

Mọi người khiếp vía kéo cậu lại, nhưng cậu vùng khỏi họ và nhảy qua cửa sổ nơi hông nhà ra ngoài vườn, lẫn sâu vào bóng tối.

Linh khiếp quá, cậu chạy theo đám thanh niên ra ngã sau và đông một mạch về nhà, mặc dù ông Hương Su khóc lóc năn nỉ họ theo giúp cậu Lang.

Linh thông thuộc đường tắt sau vườn nhà ông Hương Su, cậu chạy về nhà rất mau, nhưng khi về đến nhà Linh kinh sợ vì lũ cướp đang đốt đuốc kéo đến nhà ông Xã và động cửa rầm rầm. Có tiếng Mười Hồ kêu lên:

- Trong nhà có ai thì ra ngoài hết nghe không ? Ở trong đó làm heo quay thì chịu lấy.

Một bàn tay để lên vai Linh làm hồn vía cậu lên mây, cậu không la nổi nhưng quay nhanh lại và kịp nhận thấy cha mình đang đứng sau lưng mình.

Linh bình tĩnh lại, cậu bớt sợ sệt và cha cậu cầm con roi trường thương ngày thường hay dựng trên đầu nầm, ông Xã vang lên nữa:

- Trong nhà ra mau nghe không ?

Một tên bộ hạ của hắn hét lớn:

- Bộ muốn chết cháy trong đó sao chứ ?

Cha Linh bảo Linh:

- Chạy mau qua nhà con Dung kêu ông Sáu Kim tiếp tao.

HUYỀN ÁI TÔNG

Linh toan đông mau, nhưng vừa lúc đó mẹ cậu xô ra níu con và chồng rồi nói thật mau:

- Bộ ông điên sao mà đánh lại nó.

Cha Linh gạt tay mẹ cậu ra và nói thật nhanh:

- Minh điên sao cản trở. Bộ mình không thấy tụi nó định đốt nhà ông Xã để người ta bận chữa lửa nó mới có thì giờ rút chạy sao. Nhà ông Xã cháy, nhà mình còn gì. Thằng Mười Hồ này lộng quá. Nó coi làng mình không còn ai sao chứ ?

Rồi ông bảo Linh:

- Mau lên con, một mình cha sợ không đánh nổi với tụi nó.

Linh ba chân bốn cẳng chạy thật mau vì cha cậu đã chống roi nhảy hàng rào qua nhà ông Xã cự lại với bọn cướp không cho chúng đốt nhà.

Linh vừa mới vạch rào chun qua vườn nhà Dung thì thấy ông Sáu Kim xách roi trường cùng bà vợ đứng rình kẻ gian ở đó.

Ông chặn Linh lại hỏi:

- Mày chun đi đâu vậy ?

Linh nói mau:

- Ăn cướp đốt nhà ông Xã ! Cha tôi biểu đi kêu bác qua tiếp cha tôi.

Ông Sáu Kim vụt đứng thẳng lưng dậy. Ông ta nói:

- Nó làm vậy thì nhà mình còn gì kia ?

Và bỏ mặc vợ đứng đó với Linh, ông chống roi nhảy qua rào, chạy đến phụ lực với cha Linh lúc đó đang chiến với bọn Mười Hổ bên nhà vườn ông Xã.

Mẹ Dung không can đảm đứng yên bà vạch rào chui qua vườn nhà Linh rồi leo lên thềm nhà gặp mẹ Linh.

Hai người đàn bà thù địch gặp nhau, nhưng phút này họ không còn chửi rửa nhau nữa. Cả hai chạy đến cuối thềm nhìn chòm qua vườn hoa ông Xã.

Mẹ Dung kêu lên:

- Trời ơi ! Tụi nó đông quá.

Mẹ Linh cũng nhận thấy như vậy, bà kêu lên:

- La làng lên, đánh mỏ lên cho hàng xóm tiếp cứu chồng mình.

Mẹ Dung tuôn chạy về nhà lấy cây nện vào chiếc xuống lật úp trên cạn thành tiếng mỏ vang dội. Mẹ Linh thì kêu réo làng xóm om lên trong khi Linh đâm liềm chạy vào nhà vác chiếc rựa chạy qua nhà ông Xã.

Những cây đuốc mà bọn cướp bỏ rớt dưới đất háy bùng ngọn lên, Linh thấy rõ cha chàng và ông Sáu Kim múa roi vùn vụt đánh với bọn cướp. Cậu run và khiếp sợ vì thấy xông vào là chết, hai ngọn roi kia quay nhanh như chong chóng có thể trúng nhằm mình.

Bồng bên ngoài ba bốn tên nữa vác mã tấu xông vào. Cha Linh và ông Sáu Kim gắng sức che đỡ, nhưng Mười Hổ nhảy vào với hai tên bộ hạ nữa khiến cả hai yếu thế.

Nhanh như chớp ông Sáu Kim đưa mạnh ngọn roi quét kẻ địch lùi lại trong khi cha Linh cũng làm thế. Rồi thì hai ông hàng xóm nhảy vào gần nhau, lưng hai ông thầy võ đầu sát lại, bây giờ thì họ lợi thế vì một người chỉ lo đỡ có một mặt mà thôi, mặt sau đã có người kia đỡ cho mình.

Linh lùi lại, núp trong góc cột nhìn cuộc chiến đấu khốc liệt diễn ra càng lúc càng kinh khủng, trong khi tiếng vang rền của chiếc xuồng cui và tiếng la làng xóm của mẹ con Linh làm nao động xóm làng,

Bồng Mười Hồ hét to:

- Thôi buồm đi

Cha Linh la lên:

- Từ rày tao cấm mày nổi lửa ở làng tao.

Ông Sáu Kim nói như gầm:

- Nhà tao mà cháy thì tao tìm mày tới cùng nghe Mười Hồ.

Đến đây Mười Hồ đỡ gạt cho em út rút đi, anh ta nói:

- Thôi hai anh, tội mình không phải là tội liều chết sống với nhau, tôi đi đây.

Anh ta nhảy ra ngoài bỏ chạy theo đồng đảng, nhưng ông Sáu Kim và cha Linh không đuổi theo một bước.

Linh mừng rú lên, cậu chạy về cho mẹ hay và kêu với cho mẹ Dung hay để bà thôi nện chiếc xuồng cui.

Khi hai bà và Linh qua nhà ông Xã thì hai người đàn ông đang dập tắt những ngọn đuốc của bọn cướp bỏ lại.

Mẹ Linh không tự chủ được bà nói:

- May quá, nếu không liều thì nhà mình còn gì nữa đâu.

Mẹ dung gật đầu nói:

- Chị nói phải. Nhà này cháy thì nhà mình còn gì.

Ngọn đuốc cuối cùng bị dập tắt. Đêm chỉ còn có ánh trăng sáng dịu dàng, tự nhiên ông Sáu Kim để tay lên vai cha Linh, hai ông chậm chậm bước về nhà.

Linh thấy mồ hôi ở lưng cha mình và lưng ông Sáu Kim ướt đẫm, cậu nhớ lúc hai người đầu lưng nhau để che chở cho nhau mà tự nhiên lòng gợn gợn lên xúc cảm khác thường.

Cha Linh bỗng bảo vợ:

- Mình vào nhà lấy rượu cho anh Sáu uống chơi. Tụi nó có gan trời cũng không dám trở lại đâu.

Hai người đàn bà nhìn nhau và Linh cảm thấy sự hối hận tràn ngập trong mắt họ. Khi mẹ Linh và hai người đàn ông vào trong nhà rồi, mẹ Dung và Linh hãy còn đứng ngoài sân.

Bà cầm lấy tay Linh, nhìn cậu nghẹn ngào nói:

- Bác thương con... Tội nghiệp con Dung ...

Bà ôm chầm lấy Linh, khóc nức lên dù bà cố ngăn sự xúc cảm.

Không hiểu sao Linh yếu đuối trong đôi bàn tay âu yếm của bà và nước mắt cậu trào ra, cậu không còn oán hận bà nghe lời cậu Phong mà gả Dung đi làm bé.

Những cảnh lạ lùng ghê rợn vừa xảy ra đã chiếm hết tâm trí Linh trước đây mười phút, nhưng hiện giờ nó không còn giá trị. Linh có cảm tưởng lơ mờ chuyện đó xa xôi với mình gần như lúc đi xem tuồng hát ra về, vì hiện cậu đang nhớ đến người bạn gái mà mình thương yêu giờ đây không hiểu nàng ra sao và ở tận chốn xa nào.

Khi bọn cướp rút đi xa rồi, ông Hương Quân gọt một mớ trảng đĩnh, dao mác đầy đủ, đuốc thắp sang lên đi tìm cậu Lang, vì mãi tới giờ cậu ta vẫn chưa về.

Gia đình ông Tổng sợ mất rể, gia đình ông Hương Sư sợ mất con nên họ một hai buộc ông Hương Quân phải tìm cậu Lang cho được.

Nhưng người ta kiếm suốt xóm trên đến đầu xóm dưới mà vẫn không thấy cậu Lang. Đến lúc sang ra họ trở về nhà ông Hương Sư thì một chuyện tình linh xảy ra làm ai nấy mừng rỡ đến bật cười: Thằng nhỏ coi bò ôm rom cho bò ăn chọt đụng nhằm cậu Lang chui kín dưới đồng rom. Cậu giật mình chồm dậy làm nó sợ hoảng kêu thét lên.

Cậu Lang ra khỏi đồng rom, mình mẩy đầu cổ cậu dính đầy cộng rạ, cậu ngơ ngác nhìn quanh.

Nhưng bà Hương Sư quên con mình đánh bị thiên hạ cười, bà nhào lại ôm cậu con trai tỏ vẻ mừng rỡ vì nó thoát chết bởi tay kẻ cướp.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Thời gian vẫn trôi đều như giòng sông Tân Hương êm đềm chảy. Cậu Lang cưới vợ rồi thì cậu trở lại làm “Mô-ni-to” như cũ.

Nhưng sau ngày bọn cướp Mười Hồ viếng làng này thì phong trào ở đây chìm trong không khí tê ngắt vì dân tình chán nản.

Họ không còn tin tưởng gì vào những bắp thịt nở nang có trật tự, tạo con người có thân hình lực sĩ như cậu Lang.

Sự mà dân làng muốn tin tưởng là sự khác kia.

Ngọc Sơn

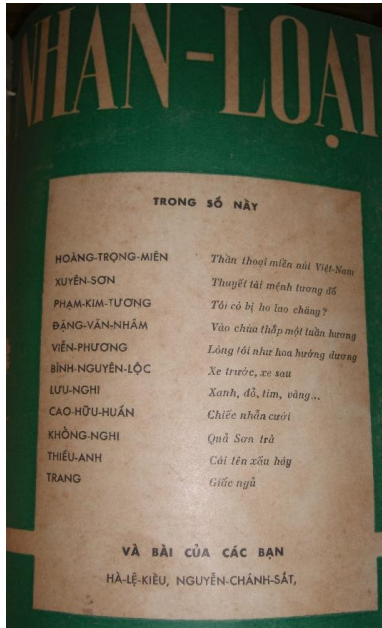
(Trích trong Nhân Loại Xuân Kỷ Hợi Bộ mới số 10 ngày 1-2-1959, trang 75-82)

Sở trường của nhà văn Ngọc Sơn chuyên viết về trinh thám hay kiếm hiệp, tiểu thuyết “Bàn tay máu” của ông không thể đem so với “Châu về hiệp phò” của Phú Đức và truyện kiếm hiệp cũng không thể đem so với Kim Dung, tuy nhiên tên tuổi Phi Long hay Ngọc Sơn cũng một thời ngự vì trên văn đàn miền Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Nhà văn Ngọc Sơn Web: vi.wikipedia
- Nhân Loại Xuân Kỷ Hợi, bộ mới số 10 ngày 1-2-1959

6) Khổng Nghi



Khổng Nghi Phạm Kỳ Ngõi (1920-)

Nhà văn Khổng Nghi tên thật là Phạm Kỳ Ngõi, sinh năm 1920 tại làng Vĩnh Kim (Sầm Giang), tổng Long Định nay là xã Long Định, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang con trai ông Phạm Kỳ Thịnh, bạn bè cho ông như *khỉ nông*, nên ông lấy bút hiệu là *Khổng Nghi* (nói lái) chứ không có họ hàng gì với đức Khổng phu tử bậc “vạn thế sư biểu”.

Lúc còn trẻ ở quê nhà ông đã tự vẽ chân dung mình qua hai câu thơ:

Sầm Giang nhân vật tối đa kì!

Đệ nhất kì tài chú Không Nghi.

Trong suốt thời gian kháng chiến chống Pháp và cuộc chiến tranh ý thức hệ sau này, ông vẫn sống ở Mỹ Tho, thỉnh thoảng có bài đăng trên các tạp chí ở Sài Gòn.

Trên Nhân Loại, ông có đăng bài *Muồng Tênh* và một số truyện ngắn khác liên quan tới xã hội người Khmer.

Ông mất năm nào chưa rõ, và cũng không để lại tác phẩm nào.

Trích văn:

Muồng Tênh

*

Mô tả cái tâm lý chất phát của người dân quê Cao Miên, ông Không Nghi tác giả truyện Muồng Tênh, ông đã thành công một cách tốt đẹp. Câu chuyện tình ái ông đã vẽ trong Muồng Tênh cũng giống như một bài Đường Thi hay một bức tranh thủy mặc của Tàu, khiến cho người ta sau khi đọc xong, hãy ngắm rồi, hãy còn cảm thấy như hương thừa, vị sót.

LAN ĐÌNH BÙI THẾ MỸ

(1940)

Ka-ent mo dang nès

Penh tuk thom moeuy

ora krien – krom

oeu-oeuy pit pum oeuy sbai

HUỶNH ÁI TÔNG

*Ôi mối sầu hiện tại
Là mối sầu khó giải
Lòng đau đớn hao mòn
Bao giờ cũng vẫn còn*

Từ ban chiều phường nhạc “Khône” đã bắt đầu đánh bản “Chàng Thông nàng Nàng”. Cây đàn roneat trỗi lên một âm điệu thâm trầm mà buồn bã, du dương nhưng não ruột.

Tiếng đàn tổ quốc đã nhắc cho Muồng Tênh nhớ đến linh hồn bất tử của tổ tiên xưa Trên bờ sông Tonlé Sap nàng Nàng chàng Thông đồng dạo nên khúc đàn hội ngộ, đề huề đi trên con đường vô tận vô biên.

Tiếng đàn ấy đem lại cho tâm hồn đôi vợ chồng son son nổi vui sướng bao nhiêu, thì Muồng Tênh buồn thảm bấy nhiêu. Là vì hôm nay Nuôn Srey lấy chồng?

Thì cũng như trăm nghìn cô gái khác; làm gì Muồng Tênh phải uất ức, phải âu sầu?

Những hỏi, khách trần đang chúc chén rượu nồng nàn say sưa trong yến tiệc, đang trầm ngâm mê nghe trong cung đàn luyện ái, có biết đâu một thiên tình sử ngây thơ đầy kỷ niệm giữa Nuông Srey và Muồng Tênh một năm về trước.

Một năm về trước, thời vui đó nào có xa gì. Muồng Tênh còn nhớ rành rành cuộc hát rằm đêm trăng ấy. Bọn trai gái làng Pochen Tong và vùng lân cận hội họp nhau trước nhà lục Mê Khum.

Nuôn Srey lộng lẫy trong chiếc áo hồng đã làm say sưa các anh trai lại thêm tiếng hát có âm ba được đứng đầu bọn gái.

Muồng Tênh đã bắt mê nàng, bao nhiêu tâm tình, bao nhiêu tài nghệ đem trút vào cây đàn cây đàn sở trường để cảm hóa nàng danh ca kiêu diễm:

Nuôn Srey. Ôi Nuôn Srey
Romsoi Késar Méoli
Dock khien duong chio
Kraop cheap nou mongsa

*Nuôn Srey. Ôi Nuôn Srey!
Mấy cành hoa hớn hở khoe màu
Là hương vị của người yêu dấu
Hường thơm huyền diệu ngọt ngào*

Khúc huyền ca ấy đã làm thổn thức tấm lòng ai... Rồi từ đêm ấy, Muồng Tênh và Nuôn Srey đã thành đôi tình nhân khăng khít:

*Muồng Tênh mười chín tuổi.
Nuôn Srey hai tám
Cái tuổi tình nghịch vô tư.*

Nuôn Srey là một thứ hoa rừng màu trắng tuyết có một vị hương nồng ngây ngất say sưa. Một danh iệu mà Muồng Tênh phải tôn trọng kính vì như vị thần “Alocutecura” vì nàng có vẻ đẹp huyền bí của tượng hình mỹ thuật mà Muồng Tênh thường gặp luôn trong khắp các ngôi chùa.

Chàng mơ màng hồi tưởng lại cuộc gặp gỡ ngắn ngủi nhưng êm đềm ở trên cánh đồng bắp bao la hay ở trong vườn thốt nốt rậm rạp. Kể vai nhau đi, chàng hát cho Nuôn Srey nghe những

câu hát du dương nồng nàn tình ái, hoặc bàn tính cùng nàng việc đời một cách phần khởi.

- Nuôn Srey ạ, chúng ta sẽ cùng nhau lập cái gia đình phiêu bạt, chúng ta sẽ mua cái xe bò đi từ làng này đến làng nọ, tỉnh này sang tỉnh nọ, chúng ta sẽ ở uôn trong chiếc xe bò ấy. Đêm đến ta nghỉ bên vệ đường thả bò ra cho nó ăn cỏ trên cánh đồng thiên nhiên tươi tốt, anh sẽ đờn cho em nghe những bản đờn trầm thống của ôn cha ta, những bản đờn chan chứa ái tình. Anh sẽ kể cho em nghe những chuyện đường rừng gê gớm. Sáng ngày lại, chúng ta đi nữa, em ngồi chễm chệ giữ dây cương bò, còn anh đi chậm chậm để mót mấy cành củi khô còn vuron lại trên cây; chùng nào đói bụng, chúng ta đậu xe lại dưới bóng mát của tàn cây mà đun lửa thổi com, anh dắt bò cho nó đi uống nước ở bờ ao gần đấy. Rồi khi vào thành, anh dẫn em đi viếng phố phường sầm uất, lầu đài cung điện mỹ lệ nguy nga. Còn gì nữa ? Chúng ta sống cuộc đời đơn sơ giản dị nhưng mà phóng đãng tự do.

- Muồng Tênh ơi anh điên, ai làm như anh vậy được ngủ dưới màn sương giữa đêm trường hiu quạnh, chui rúc trong cái mui xe chật hẹp những ngày mưa gió, đi trên đường cát bụi dưới ánh nắng gay gắt của mùa hè, chỉ có hạng điên rồ như anh mới làm thôi, còn em, em không thích, em chỉ thích nghe tiếng đàn của anh thôi.

Lời nói nũng nịu đầy duyên vị của Nuôn Srey như còn vang vẳng bên tay chàng. Khi xưa, Muồng Tênh cho là lời nói chơi, cứ tin chắc rằng Nuôn Srey thành thật yêu chàng và hy vọng một ngày kia sẽ cùng nàng lập nên gia đình phiêu bạt, cho đến bây giờ ... hy vọng ấy trở thành giấc mộng hảo huyền.

Con người mỹ miều đáng yêu ấy mà có chồng à ? Hay nàng không còn mê mẩn tiếng đàn ta nữa ? Một ý nghĩ thoáng qua, chàng lấy cây đàn “choppey” so dây bắt phím:

“Hãy nhủ chút tình yêu cho cõi lòng

“Hỡi người yêu!

“Lòng anh thiếu hạnh phúc

“Bây giờ em đã có chồng

“Hỡi người yêu!

“Em đã thuộc quyền sở hữu ...

“Anh thiếu hạnh phúc ở cõi lòng

“Hỡi người yêu!

“Chồng em năm thê bảy thiếp...”

Thiết tha ai oán làm sao! Nhưng tiếng đàn rời rã ở quả tim tan nát ấy, không còn mảnh lực để quyền rũ Nuôn Srey nữa, nó đã bị tiếng đàn phường nhạc “Khône” đàn áp.

Chàng buồn rầu buông ngã cây đàn, ôm mặt khóc âm thầm. Như đáp lại tấm lòng đau khổ của chàng, một điệu hát lơ lửng đưa sang:

Oi hỡi linh hồn, hỡi người yêu dấu.

Đêm đã đến rồi, em hãy ngủ.

Anh hôn em và ôm em vào lòng.

Đôi ta nằm trên cái giường đẹp để bằng đồng.

Trong đêm trường tịch mịch, tiếng muôn chim kêu gọi. Em hãy nghe đàn chim nó nói:

Du dương, tình tứ, thăng trầm.

Như một điệu đàn khoan nhặt xa xăm.

HUYỀN ÁI TÔNG

Không, không thể được. ta không thể ở cạnh nhà nàng làm khách bàng quan mà ngắm cuộc tình duyên đậm ấm của nàng, ta không thể ở đây đến sáng ngày mai mà xem đám cưới linh đình rực rỡ có đủ các cô gái vùng quanh mà xưa kia ta đã khinh rẽ họ là vô duyên xấu xí.

Ôi họ sẽ chế giễu cười ta là đứa điên tình, ta cũng không thể ở trễ một phút nữa, tiếng đàn phường “Khône” làm ta điên mất. Mạnh bạo, Muồng Tênh ra dắt cặp bò đang nằm nặng nề uể oải bên đống lá khô nhúm khói. Chàng hun hít vỗ về đôi bò:

- Bò, phải, chỉ có mi là chung tình, có mi là biết thương ta, cùng ta sống cuộc đời rày đây mai đó, chúng ta sẽ đi trên con đường mù mịt vô cùng, đi không còn trở lại.

Ô kìa! Cây thốt nốt mà lúc trước chàng leo chích nước cho Nuôn Srey uống, nọ cây trứng cá chàng thường hái cho Nuôn Srey ăn.

Bao nhiêu kỷ niệm êm đềm của cuộc tình duyên trong sạch. Thế mà hôm nay phải từ biệt nó để đi không trở lại.

- Nuôn Srey ơi! Mặc dù em bạc tình, em khi dễ anh nghèo, anh cũng vẫn yêu em vì em là linh hồn anh. Nụ cười em, Tiếng nói em có mãnh lực gì khiến anh lam lũ không biết mệt nhọc. Chiếc xe bò này, đôi bò nọ, sở dĩ có cũng nhờ em, vì anh chỉ làm cho em thôi, em Nuôn Srey !

Rồi trên con đường hiu quạnh, giữa đêm sao mờ trăng lặn, chiếc xe bò của Muồng Tênh cọt kẹt chậm rãi lướt đi.

Chàng quyết đi cho xa, không trở lại. Nhưng chàng lo sợ sau này tấm lòng hăng hái đã thiếu tình yêu của Nuôn Srey không

biết còn đủ nghị lực để phấn đấu cùng chàng, hay chàng chỉ làm một gã lãng khách si tình. Làm kẻ si tình ? Cái ý tưởng điên rồ ấy có lúc phảng phất trong trí của Muồng Tênh. Đạo nào chàng có gặp một người quần áo tả tơi đi lang thang khắp miền sơn dã mà hát nghêu ngao những điệu thất tình. Muồng Tênh có lúc muốn thế.

Xe bò lướt đi nhưng không đi đường vô tận, chàng ghé nhà lục “MÉKHUM”. Chàng đã nghĩ rồi, chàng cậy ông Mékhum đem dâng chiếc xe bò cho Nuôn Srey với cái thơ có mấy hàng chữ:

“Nhon dịp Nuôn Srey lấy chồng, Muồng Tênh xin dâng chiếc xe, đôi bò mừng đám cưới”.

Rồi Mông Tênh đi, tâm lòng thơ thới, chàng còn hy vọng Nuôn Srey cảm động vì chàng.

....Cảm động vì chàng, tiếng đàn “Khône” du dương trong khoảng không gian:

“Đêm đã đến rồi, em hãy ngủ

“Anh hôn em và ôm em vào lòng

“Đôi ta nằm trên cái giường đẹp bằng đồng”.

KHÔNG NGHI (1940)

(Trích Nhân Loại Bộ mới số 3 ngày 30-9-1958, trang 58-61)

Nhà văn Khổng Nghi viết nhiều bài đăng trên Nhân Loại tập san, những bài ông viết liên quan đến đời sống của người Khmer, sự nghiệp văn chương của ông không có tác phẩm lớn nào, nên không gây nhiều ảnh hưởng cho độc giả.

Tài liệu tham khảo:

- Nhà văn Khổng Nghi Web: mobile.vietgle.vn

7) Phan Du



Phan Du (1915-1983)

Bút hiệu cũng là tên thật của nhà văn Phan Du (còn có các bút danh khác là Phong Kiều, Lan Chi, Hữu Phương), ông sinh ngày 1 tháng 5 năm 1915 tại làng Phước Sơn, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, con Tiến sĩ Phan Quang, em ruột Giáo sư Phan Khoang, anh họ Đại tá Bộ trưởng Võ Đông Giang (Phan Bá).

Thuở nhỏ ông học Trung học ở Quy Nhơn, Huế, rồi làm tư chức thời Pháp thuộc.

Năm 1942, có truyện ngắn đăng trên các báo ở Hà Nội (*Thời vụ, Tiểu thuyết thứ bảy...*) Sau năm 1954, truyện ngắn *Uất hận*

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

lên men của ông in trên tạp chí *Bách khoa* ở Sài Gòn năm 1957, sau in thành sách.

Những năm 60, ông làm việc ở Bộ Văn hóa Sài Gòn, Đài phát thanh Huế, ngoài thời gian làm công chức ông cộng tác với các báo tại Sài Gòn.

Sau năm 1975, ông về sống ở Đà Nẵng và mất vào ngày 11 tháng 3 năm 1983, hưởng thọ 68 tuổi.

Tác phẩm:

- *Truyện con người* (Cảo Thơm, 1958)
- *Cô gái xóm nghèo* (truyện 1959)
- *Hai chậu lan Tố Tâm* (truyện, 1965)
- *Uất hận lên men* (truyện, 1964).
- *Truyện con người* (biên khảo, 1968)
- *Dinh Thầy* (truyện 1969).
- *Mộng kinh sư* (biên khảo, 1971)
- *Những quả cà chua* (1971)
- *Cửa báu nhà họ Vương* (1970)
- *Quảng Nam trong lịch sử* (1973, biên khảo)
- *Hang động mới* (truyện, 1970)

Trích văn:

“ ... Vì những lợi ích nói trên, sự tìm hiểu nguồn gốc và quá khứ của loài người, càng trở nên cần thiết cho mỗi chúng ta.

Để đáp ứng nhu cầu này, chúng tôi nghĩ rằng sự biên tập một *Tiểu truyện* mới về *Con Người* theo quan điểm tiến hóa luận,

HUỶNH ÁI TÔNG

tuy là một sự góp phần rất nhỏ mọn, nhưng không phải là chẳng cần thiết và bổ ích phần nào, nhất là đối với các bạn độc giả, vì thiếu điều kiện, phương tiện, thời giờ, ít có dịp làm quen với những giả thuyết khoa học về nguồn gốc, hay đi sâu vào những sở đắc của các ngành *Cổ sinh vật học* và *Khoa cổ Tiền sử* gần đây.

Công việc tuy nhỏ mọn, khiêm nhường, và mặc dầu đã thực hiện với tất cả tinh thần thận trọng, nghiêm chỉnh, nhưng chắc là vẫn còn có nhiều khuyết điểm. Tác giả đặt nặng vào sự thông cảm của các bạn độc giả về nỗi khó khăn ở những bước đầu và thành khẩn cầu mong được tiếp nhận với niềm tri ân sâu xa, những ý kiến bổ túc, xây dựng của các bậc cao minh dành cho”

Truyện con người, NXB Cao Thơm, xuất bản năm 1958. Đây là một công trình về nhân chủng học, nghiên cứu về sự hình thành *loài người, con người* từ thời tiền sử đến hiện đại. Tác giả đã phác họa được lịch trình tiến hóa của loài người từ một quá khứ sinh vật theo quan điểm tiến hóa luận của ngành cổ sinh vật học và khảo cổ tiền sử gần đây.

Trong việc nghiên cứu và sáng tác ông viết khá đều và rất nghiêm túc. Từng được giải thưởng về truyện ngắn *Thơ văn Á Châu* của Trung tâm văn bút Philippine với tập truyện ngắn *Hai chậu lan Tố Tâm*.

Tài liệu tham khảo:

- Phan Du Web: vietgle.vn

8) Nguyễn Ngu Í



Nguyễn Ngu Í Nguyễn Hữu Ngu (1921-1979)

Nguyễn Ngu Í là bút danh thường dùng của Nguyễn Hữu Ngu, ngoài ra ông còn ký các bút hiệu khác như: Trịnh Nguyên, Tân Fong Hiệp, Phạm Hoàn Mỹ, Trần Hồng Hưng, Lưu Nguyễn, Đ.T.T, Nghệ Bá Lí, Ngu Fi Lô Cô, ông sinh ngày 20 tháng 4 năm 1921 tại làng Tam Tân, nay là xã Tân Tiến, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Cha là Nguyễn Hữu Hoàn, người Hà Tĩnh, một nhà nho trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, bạn của Thái Phiên, Tăng Bạt Hổ. Mẹ là Nghệ Thị Mỹ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1928, bảy tuổi, Nguyễn Ngu Í phải xa gia đình vào Sài Gòn, học tiểu học ở trường Phú Lâm (Chợ Lớn). Năm 1934-1938, học trường trung học Pétrus Ký. Năm 1941, 20 tuổi, ông đang theo học Trường Sư phạm thì bệnh tâm thần khởi phát, phải vào nhà thương Chợ Quán chữa trị.

Năm 1942, khỏi bệnh, ông bỏ học và bắt đầu bước chân vào nghề văn, nghề báo, trước tiên ông cộng tác với *Nam Kỳ tuần báo* của Hồ Biểu Chánh, rồi tờ *Thanh Niên* của Huỳnh Tấn Phát, tham gia việc thành lập Hội truyền bá quốc ngữ tại Nam Kỳ.

Tháng 8 năm 1945, giữ chức Tổng thư ký đầu tiên của Ủy ban nhân dân cách mạng xã Tam Tân.

Tháng 6 năm 1946, ra Hà Nội làm việc ở Phòng thiếu nhi toàn quốc do Lưu Hữu Phước phụ trách. Ngày 19 tháng 12 năm 1946, vào công tác ở Quảng Ngãi, thì bệnh cũ tái phát nên ông phải về lại quê nhà. Ở Tam Tân, ông sống bằng nghề dạy học.

Năm 1949, ông lập gia đình với cô giáo Nguyễn Thị Thoại Dung, cô Thoại Dung thỉnh thoảng có sáng tác, ký bút hiệu *Thoại Nguyên*. Năm 1950, được tin em gái mất, ông lại quần trí.

Năm 1952, cùng vợ về Sài Gòn, trở lại nghề dạy học và viết báo. Năm 1955, tham gia Mặt trận Thống nhất dân tộc gồm Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, chống lại Ngô Đình Diệm. Ông bị bắt và bị đưa đi cải huấn ở trại Tân Hiệp, Biên Hòa. Được trả tự do, ông đi vận động cho "đường lối thứ ba", về thuyết "trung lập chế" của Hồ Hữu Tường.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Năm 1957, cộng tác với tờ Bách Khoa và những tờ báo khác như Nhân Loại, Mai, Sáng Dội Miền Nam, Hòa Đồng, Nghệ Thuật...

Năm 1977, vào Dưỡng trí viện Biên Hòa (nay là Bệnh viện tâm thần Trung ương II). Hai năm sau, vào tháng 2 năm 1979, Nguyễn Ngu Í mất tại Sài Gòn, thọ 58 tuổi. Hiện nay, hài cốt ông đã được cải táng tại quê nhà.

Tác phẩm:

- *Lịch sử Việt Nam* (Tân Việt, 1956)
- *Khi người chết có mặt* (Ngòi Xanh, 1962)
- *Sống và chết với...* (Bách khoa, 1966. Gồm 12 nhà văn)
- *Hồ Thơm-Nguyễn Huệ-Quang Trung* (Về nguồn, 1967)
- *Quê hương* (1969)
- *Thơ điên* (1970)
- *Hạnh phúc nơi chính bạn* (tiểu luận, 1970)
- *Suối bùn reo* (hay *15 câu chuyện phụ nữ*, Trí Đăng, 1970)
- *Có những bài thơ I* (do các bác sĩ ở Dưỡng trí viện Biên Hòa in, 1972)

Trích văn:

Khúc quanh Lịch sử

(Trích từ Tạp-chí *Bách-Khoa*, số 165, ngày 15 tháng 11 năm 1963 – Sài Gòn)
Nguyễn-Ngu-Í ghi và thuật

HUỶNH ÁI TÔNG

Biến cố lịch sử do Quân-đội lãnh đạo và được toàn dân hưởng ứng bắt đầu từ 13 giờ ngày thứ sáu 1-11-63 và kết thúc thành công hồi 6 giờ 45 phút ngày thứ bảy 2-11-63.

Một trang sử đã lật qua.

Chúng tôi xin ghi lại những dòng đầu của trang sử mới.

Nỗi hân hoan và niềm công phẫn của người dân.

Tin lực lượng bảo vệ gia đình họ Ngô tại dinh Gia-Long đầu hàng không điều kiện vừa loan ra, là muôn người như một thờ dài, nhẹ nhõm: cơn ác mộng kéo dài dằng dặc suốt chín năm qua nay đã tiêu tan cùng loạt súng cuối cùng.

Người ta nhìn nhau, mỉm cười.

Người ta siết chặt tay nhau, mừng rỡ.

Người ta hồi hả đến dinh Gia-Long để thấy tận mắt chiến tích của cuộc Cách mạng thành công, và sự sụp đổ rõ ràng của một chế độ dựng xây bằng gian dối, bít bùng, tàn bạo.

Niềm hân hoan, cõi mở, thoải mái hiện trong ánh mắt, trên nét mặt mọi người.

Và đầu Hội đồng Quân nhân Cách mạng đã có lời yêu cầu đồng bào đừng biểu tình, nhiều đoàn người vẫn tự động giương cờ, giương biểu ngữ đi qua các đường lớn ở Đô-thành để hoan hô Quân-đội Cách-mạng và đả đảo chế độ độc tài vừa cáo chung.

Nhiệt tình của những đoàn người này lên cao đến nỗi sau đó họ phá, đốt bót cảnh sát Lê-Văn-Ken ở gần chợ Bến-Thành, rồi kéo tới phá, đốt các báo *Sàigòn Mới*, *Tiếng Chuông*, *Lẽ Sống*,

Tiếng Dội, Buổi Sáng, Sài Gòn Mai, Ngôn Luận, Dân Mới, Dân Việt, The Times of Việt-Nam, Phụ nữ Diễn đàn, Phụ nữ Ngày mai.

Ba tờ nhật báo đầu bị thiệt hại nặng hơn cả.

Nhà phát hành sách báo Thống-Nhất, Việt tấn xã, trụ sở hội Phụ nữ Liên đới, hai nhà sách Khai-Trí, Xuân Thu (Portail cũ), một số nhà công, tư và cơ sở kinh doanh của tư nhân cũng chịu chung một số phận.

Còn sinh viên và học sinh thì đến đập phá trụ sở của Quốc hội, rồi thả xuống công trường Mê-Linh kéo sập tượng hai bà Trưng, mà đồng bào cho rằng đó chỉ là tượng hai chị em bà Ngô-Đình-Nhu.

Mối tình quân dân . . .

Tiếng súng diệt trừ chế độ thất nhân tâm vừa dứt, thì lớp người quân nhân cách mạng ấy phải chịu ngay sự “tấn công” chớp nhoáng và ồ ạt của người dân sung sướng và biết ơn.

Có những em thiếu sinh bá cổ quân nhân này. Có những em nữ sinh biểu hoa họng súng nọ. Có những học sinh, sinh viên ào lên các chiến xa, hết hỏi lãng xăng lít xít, lại đòi cho bắn thử một loạt lên trời “xem thử nó ra sao”, và được toại nguyện.

Đây, có anh chủ tiệm cà phê khai ngay một hộp sữa dẫu kín cả tuần nay, tự tay pha li cà phê sữa, đem ra mời người quân nhân cách mạng, thức suốt đêm đứng giữ trật tự bên đường.

Đó, có chị đãi một toán lính vừa chiến đấu xong hết cả gánh cháo lòng định đem bán dạo. Ở chợ mút đô thành, có những bà bỏ cả bán buôn để mua quà, bánh và đi tới tận dinh Gia-Long len qua lớp biển người để trao tận tay những người chiến sĩ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Trên vỉa hè một khúc đường Tự Do, có ông già đầu bạc, khăn đóng áo dài, vờ vai người quân nhân đứng gác trước cửa thư quán nọ, nhìn anh, cười cười mà không nói, chỉ gật đầu, và con người cầm súng kia khe khẽ cúi đầu, mỉm cười đáp lại.

Quân và dân, cá với nước, không bao giờ người dân và người quân cảm thấy đúng như lúc này. Một niềm thông cảm hồn nhiên khiến người ta cần lại gần nhau, như sông tìm đến biển, như biển đợi chờ sông. Người ta cảm thấy mình cùng chung một số phận và do đó càng thấy khăng khít với nhau hơn.

Cũng là quân nhân, mà sao trong thời giới nghiêm 20-8 sau vụ đàn áp Phật giáo thì không ai dám tới gần, mà trong thời giới nghiêm sau này, khi lật đổ chế độ trái lòng người, thì lại hiền lành dễ mến như vậy.

Phải chăng khi người quân nhân hành động đúng với nguyện vọng thiết tha và chính đáng của toàn dân, thì người quân ấy với người dân này là một, và quân đội ấy quả thực là quân đội của nhân dân.

Người dân Việt đã mấy phen bị lợi dụng, bị gạt lừa, bị chà đạp . . . nay bỗng thấy lóe một niềm phấn khởi và tin tưởng qua lời Tuyên cáo của Hội Đồng Quân nhân Cách Mạng.

Lập trường và chủ trương của quân đội . . .

LẬP TRƯỜNG CỦA QUÂN ĐỘI.

- *Quân đội tranh đấu vì quyền lợi tối cao của đất nước, không chủ trương vụ lợi, tham quyền cố vị.*

- *Quân đội không chủ trương thiết lập một chế độ độc tài, vì ý thức rằng, khí giới sắc bén nhất để chiến thắng Cộng sản là: Dân chủ, Tự do.*

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

- *Quân đội không chủ trương một nền dân chủ phóng túng trong lúc toàn lực Quốc gia đang phải đương đầu với một cuộc chiến tranh mất còn với Cộng sản, mà cần áp dụng một hình thức dân chủ trong tinh thần kỉ luật của một Quốc gia trong thời chiến.*

- *Cuộc tranh đấu của Quân đội chỉ nhằm phục vụ xứ sở, lấy hành động làm phương châm, không nêu ra những lý thuyết viển vông, những lời hứa hẹn bịp bợm.*

QUÂN ĐỘI CHỦ TRƯỞNG.

a) - *Đối ngoại:*

- *Quân đội giữ một lập trường duy nhất: chống Cộng.*

- *Đứng trong hàng ngũ Thế giới Tự do.*

- *Thiết lập ngoại giao với các nước lân bang và củng cố tình giao hảo với các nước bạn.*

- *Quân đội quyết định tôn trọng những hiệp định hòa ước đã kí kết và tôn trọng tài sản, tánh mạng của ngoại kiều cư ngụ tại Việt-Nam.*

b) - *Đối nội:*

- *Quân đội chủ trương đoàn kết toàn dân.*

- *Các đảng phái chính trị không Cộng sản sẽ được hoạt động trong khuôn khổ của nền an ninh Quốc phòng.*

- *Quân đội chủ trương trao quyền lại cho một Chánh phủ dân cử, khi tình thế cho phép.*

HUỶNH ÁI TÔNG

- Để sửa soạn cho một định chế dân chủ tương lai, Quân đội sẽ mời các nhân sĩ, các đại diện tầng lớp xã hội thiết thực tham gia cộng tác.

- Trên phương diện kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, thanh niên v.v... tập trung tất cả hoạt động để đáp ứng nhu cầu cấp bách của hiện tình Quốc gia.

- Quân đội chủ trương tự do tín ngưỡng; tôn giáo được tuyệt đối bình đẳng.

- Các phần tử Quốc gia không phải Cộng sản, đang bị tù đầy sẽ được đặc biệt cứu xét để trả lại tự do và giúp họ có cơ hội tham gia vào việc xây dựng một xã hội mới.

- Quân đội thúc đẩy việc ban hành chế độ tự do báo chí, để giới này tự ý thức được nhiệm vụ hướng dẫn dư luận trong công cuộc chống Cộng; mọi phê bình xây dựng sẽ được tán thưởng.

- Quân đội tiếp tục những công trình lợi ích mà toàn dân đã xây dựng và đóng góp từ trước tới nay.

... với nỗi lòng của người cầm bút ...

*Thép kiếm xưa làm thép bút nay,
Hai thép bên nào hơn đấm say? (1)*

Thép kiếm của con nhà võ đã vung lên, và đã ghi một điểm son trong lịch sử.

Thép bút của con nhà văn đã chắm vào bình mực nào, đã viết được những gì?

Giới cầm bút – ngay sau khi cuộc cách mạng do Quân đội lãnh đạo để lật đổ một chế độ độc tài vừa thành công – bắt đầu có đòi phản ứng.

Nhật báo *Ngôn Luận* trong số chào mừng Cách mạng thành công ra ngày 4-11-63, có đăng bài hiệu triệu của ba nhà văn kiêm nhà báo: Chu Tử, Hiếu Chân, Từ Chung. (Chu Tử vốn từng cộng tác mật thiết với nhật báo Dân Việt, cũng như Hiếu Chân với nhật báo Tự Do và Từ Chung với nhật báo Ngôn Luận).

Hiệu triệu các nhà văn nhà báo

Mang danh là những người cầm bút chiến đấu cho Tự do, Dân chủ và giải phóng con người, vậy mà trong thời gian vừa qua, vì cơm áo, vì khiếp nhược đến hèn, chúng ta đã nhắm mắt ăn đờ, đánh đĩ tâm hồn, phản bội sự Thật, phản bội Dân tộc, cam tâm làm gia nô cho bè lũ họ Ngô. Dù chúng ta có viện bất cứ lẽ gì để bào chữa, chúng ta không thể chối cãi tội lỗi của chúng ta đối với đồng bào, với lịch sử.

Quân đội đã đứng lên, làm nhiệm vụ mình. Cơ hội duy nhất để chúng ta thoát khỏi cảnh huống bồi bứt, “phi cầm, phi thú”, cơ hội duy nhất để chúng ta trở lại làm người, đã tới . . . Nếu sự tự thiêu của bảy tu sĩ – một hi sinh bi hùng nhất trong lịch sử tôn giáo và nhân loại – chưa làm chúng ta giác ngộ, thì quả chúng ta đã hết là người, không còn xứng đáng gặp gỡ vận hội chúng ta nữa.

Cuộc cách mạng chỉ mới bắt đầu. Xương máu của quân đội, của đồng bào không thể bị bọn đầu cơ chính trị lợi dụng một lần nữa.

Hơn lúc nào hết, chúng ta phải “gạn đục khơi trong”, đem hết tâm hồn, năng lực ra phụng sự chính nghĩa.

HUỶNH ÁI TÔNG

Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi các bạn nghệ sĩ, bằng máu, nước mắt, mồ hôi, đem ngòi bút viết lại thiên lịch sử của dân tộc, mà trong chín năm qua, bè lũ họ Ngô đã làm hoen ố.

Đại diện các nhà văn, nhà báo chiến đấu cho Tự do, Dân chủ.

CHU TỬ, HIẾU CHÂN, TỪ CHUNG.

Và tờ nhật báo lâu năm nhất, do một nhà kí giả vào hạng kì cựu nhất, tờ Sài-Gòn Mới, trong số 1, bộ mới, ra ngày 4-11-63, cũng nói vì sao báo chí đã phải chịu “trăm điều tủ nhục”:

“Riêng ngành báo chí của chúng tôi luôn luôn bị áp bức khủng bố. Hằng ngày phải chịu trăm điều tủ nhục, bắt buộc phải viết những hàng chữ ngược lại với lòng mình, để hoan hô những cái điều ngoa, giả dối, tàn ác, bất nhơn của gia đình họ Ngô.

Nỗi đau đớn của toàn dân và sự cực nhục của báo chí chúng tôi đã oằn oại từ chín năm nay, đến giờ này mới được Quân đội anh dũng ra tay rửa sạch”.

Thái độ của báo chí trong “chín năm trường ấy” đã được một sinh viên xét đến trên mặt nhật báo Đồng Nai, ngày 6-11-63 trong bài “*Lương tâm con nhà cầm bút*”. Chúng tôi xin trích đoạn quan trọng nhất:

“Nhiệm vụ của báo chí là hướng dẫn dư luận quần chúng, vậy nếu không có tự do ngôn luận để nói lên sự thật hầu giác ngộ chánh quyền và quần chúng, thì người cầm bút có lương tâm cũng đừng bao giờ nói trái sự thật, thà im lặng còn hơn. “Những lời nói bay mất, chữ viết thì còn”, những gì các báo ấy đã viết liệu ngày nay có thể xóa được chăng?”

Nếu các chính trị gia chân chính thật trọng trong lời hứa thì các nhà báo có lương tâm càng phải thận trọng hơn trong khi

viết để cho hàng vạn người đọc. Nếu gia đình họ Ngô và bè lũ tay sai đắc tội với quốc gia, dân tộc, thì thái độ xu thời, nịnh bợ của một số nhà báo cũng sẽ bị quốc dân và lịch sử phê phán nghiêm khắc.

... và con đường của hai tôn giáo

Hai mươi bốn giờ sau sự sụp đổ của chế độ cũ, chùa Xá-Lợi đông nghẹt người, đoạn đường trước và hai bên hông chùa, chen chân không lọt.

Con đông tố đã tan. Niềm hân hoan ngày vui lớn vừa lắng xuống. Và giữa không khí trầm hương bát ngát, một Thượng Tọa mới được giải thoát khỏi cảnh tra tấn giam cầm, Đại đức Thích-Giác-Đức, đã nói với hàng ngàn Phật tử, đại ý như sau:

Trong cuộc tranh đấu gian khổ vừa qua để dành tự do tín ngưỡng, anh em Phật giáo đã được anh em Thiên Chúa giáo tán thành và tận tình giúp đỡ. Đã có hàng trăm sinh viên, học sinh Thiên Chúa giáo chịu mưa, chịu nắng, đồng lòng tuyệt thực cạnh sinh viên học sinh Phật tử, trong cuộc mít-tinh ngày 18-8 chống kì thị tôn giáo.

Đã có rất nhiều vị linh mục ủng hộ cuộc tranh đấu một cách gián tiếp hay trực tiếp và trong thời gian khủng bố tống ni của chánh quyền cũ, có những vị đã hết lòng che chở và giúp đỡ cho các thầy và các Phật tử ẩn náu trong nhà thờ để thoát khỏi nanh vuốt của công an mật vụ. Sự kiện trên nhắc ta nhớ lại thời kì “sát tả bình Tây” dưới triều Tự-Đức, các linh mục và giáo dân đã từng ẩn náu trong các chùa, điển hình nhất là chùa Bà-Đá ở Hà-Nội. Người ta cũng chưa quên được những hình ảnh cảm động giữa nhà chùa và nhà thờ: đã chia nhau từng bó rau muống trong thời tranh đấu chống độc tài Cộng sản. Thế là Phật giáo và Ki-Tô giáo lại đoàn kết chặt chẽ để bảo vệ cho tự do tín ngưỡng như thời kì tranh đấu vừa qua.

HUYỀN ÁI TÔNG

*

Con đường đưa đến Bác ái, con đường dẫn đến Từ bi lại gặp nhau một cách cảm động và thiêng liêng trên mảnh đất Việt từng chứng kiến hơn một cảnh đau lòng.

NGUYỄN-HỮU-NGŨ' (thuật và ghi)

Ghi chú:

(1) *Hòn nam nhi* của Phan-Khắc-Khoan (1943).

Thơ:

Má

*Má ơi ! Con muốn điên rồi,
Má còn trông đứng đợi ngời mà chi...
Ấu ơ...
Vị dầu con Má có sao
Có điên, có dại Má nào bớt thương.*

Đên nằm nghe trời mưa

*Ngày mai có hạt bắn mầm,
Bụi tro mấy lớp thôi nằm lá mây.
Ngày mai vạn cánh vời bay,
Thuiền tung buồm cuốn, ngàn mây ánh hường.*

(Tam Tân, đầu mùa mưa 1944)

Từ chùa Núi Cú nhìn xuống Hòn Bà

*Nhè nhẹ sương bông ôm núi lịm,
Êm đêm cây cỏ đấm trong mơ...
Tiếng chuông đầu bỗng rung lòng đá,
Ngó xuống trần ai, thấy mịt mờ...*

(Chùa Linh Sơn- Núi Tà Cú, 1944)

Về quê

*Gần đến nơi rồi em thấy chưa?
Đường đi lúc lắc nắng lúa thừa,
Có gì man rợ trong cây đá,
Em sợ, giờ đây nghĩ cũng vừa.
Xe thô cút cút, rừng nghiêm bóng,
Bụi trắng xôn xao, lớp lớp đùa.
Đến suối, trâu mừng, vui nước mát,
Mời em hóp một miếng trời ưa.
Hết rừng, đến mộng vườn xanh mộng,
Tiếp cát chân ai cứ cứ lùa,
Nhưng có anh bên cùng nhịp bước,
Đường dài, đường nặng rồi cũng thua.
Biển xanh bỗng mở chân trời mát,
Anh đãi em thêm miếng nước dừa
Mát ngọt thanh thanh như phút gặp
Em, nhìn, mà mắt chẳng đong đưa...
Quê chồng em đó, mến thương chưa?*

Giáo sư Trần Văn Khê là một trong những người bạn, ông đã viết về Nguyễn Ngu Í như sau:

Anh Ngu viết văn Pháp rất hay, nhưng anh yêu tiếng Việt, anh lại muốn cho người Việt ai cũng đọc được sách báo nên tham

HUỶNH ÁI TÔNG

gia rất tích cực phong trào xoá nạn mù chữ. Nguyễn Ngu Í còn sáng tạo ra cách viết chữ quốc ngữ sao cho hợp lý hơn..

Nhà văn Nguyễn Hiến Lê viết về Nguyễn Ngu Í:

Anh (Nguyễn Ngu Í) căm phẫn xã hội, căm phẫn thời đại, căm phẫn mọi người. Anh có nhiều lý tưởng, nuôi nhiều mộng cao đẹp mà gặp toàn những điều bất như ý, cứ phải cố nén xuống và sức nén càng mạnh thì sức bùng ra cũng càng mạnh... Ông là một cuộc đời đau khổ nhất và cũng đặc biệt nhất trong giới văn nghệ sĩ hiện đại

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Ngu Í Web: vi.wikipedia.org
- Tạp chí *Bách Khoa* số 165 ngày 15-11-1963

9) Lưu Nghi



Lưu Nghi (1924-1985)

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Nhà văn Lưu Nghi bút danh Quốc Linh, Quỳnh Lưu, sinh năm 1924 tại thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Thuở thiếu thời học tại Hội An, Đà Nẵng, những năm kháng chiến chống Pháp ông sống tại Đà Nẵng, Hội An.

Vào thập niên (19)50 ông bị động viên vào quân đội, đến năm 1955 thì được giải ngũ.

Từ năm 1954 ông sống tại Sài Gòn, tham gia các tổ chức văn hóa văn nghệ, cộng tác với các báo ở Sài Gòn như *Bách khoa*, *Nhân loại*....

Tại Sài Gòn ông cùng bạn bè tổ chức nhà xuất bản. Nhà xuất bản này có tên là *Trùng Dương* in một số tác phẩm văn nghệ có khuynh hướng xã hội tả chân.

Sau ngày thống nhất đất nước. Năm 1976 ông sinh hoạt trong Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh.

Năm Ất Sửu 1985, ông mất tại nhà riêng ở Sài Gòn, thọ 61 tuổi.

Tác phẩm:

- *Đêm trăng mùa hạ* (1964)

- *Gió trên đồi* (1967)

Trích văn:

Nhìn qua cửa sổ

- Máy giờ rồi anh ?

- Không biết. Anh không có đồng hồ. Đồng hồ của em đâu ?

- Thúy mượn.

- Thế đồng hồ của Thúy đâu ?
- Bán rồi.. Nó ốm mãi.
- Bệnh gì ?
- Đau phổi ... Không biết mấy giờ rồi nhỉ ?
- Chờ vậy.

Cái màn khê lay động. Mép màn vén lên. Mặt của Xuyên hiện ra. Mái tóc nàng đổ xòa tràn xuống vai, rối bời trên vàng trán. Đôi môi nàng đỏ màu hoa phượng. Đôi mắt nàng đen lánh, mở lớn, nhìn Tâm.

- Sao lại chờ ?

Tâm không nhìn xuyên, trả lời:

- Chờ nghe tiếng đồng hồ bên láng giềng.

Xuyên nhìn xuống sàn nhà. Rồi lại ngẩng lên, yên lặng nhìn khuôn mặt của Tâm trước ánh đèn. Xuyên gọi khẽ:

- Anh Tâm.
- Ừ (Tâm vẫn không nhìn Xuyên).
- Anh Tâm. Nhìn em chút đi.

Tâm chậm rãi quay mặt về phía Xuyên. Hai người nhìn nhau không chớp mắt, rồi Xuyên hỏi:

- Anh viết gì đấy ?

Tâm hơi nhếch mép:

- Viết... thư tình.

- Đùa mãi. Tiểu thuyết hở ?

Tâm mỉm cười, nhìn vào trang giấy:

- Có lẽ.

- Kể em nghe đi.

Tâm liếc khẽ về phía Xuyên:

- Chốc nữa ... anh đang suy nghĩ về đoạn chót... chốc nữa.

Tâm cầm bút, chăm chỉ đọc lại những giòng chữ chi chít trên
nửa trang giấy.

Mép màn khép kín, Khuôn mặt của Xuyên biến đi. Một cơn
gió nhẹ lùa qua khung cửa sổ, khẽ lay động bức màn cũ quá.

*

Chừng nửa giờ sau

Tâm vẫn ngồi trước bàn viết. Hai bàn tay ôm vầng trán. Mười
ngón tay lùa trong mái tóc. Chàng nhắm mắt lại. Ánh đèn chói
sang mặt giấy vẫn một nửa trắng tinh.

Xuyên đứng bên khung cửa sổ nhìn ra ngoài. Hai người quay
lung lại nhau cách xa nhau cả bề ngang căn gác.

Đêm nay, đêm Chúa Giáng Sinh. Cũng đúng là đêm rằm. Trời
trong lành và trắng sáng. Sáng hơn cả trăng mùa hạ.

HUỲNH ÁI TÔNG

Xuyến đứng im nhìn bầu trời lấp lánh đầy sao. Nàng cảm thấy lạnh lạnh bên vai trước ngực, đôi bàn tay. Nàng thấy lạnh cả trong tim. Căn gác này nhồi lên những mái nhà thấp xìn xịt, cửa sổ mở rộng bốn phương trời, với vùng ánh sáng đêm đêm chói lòa trên bàn viết cạnh bức màn hoa cũ; và tiếng ngòi bút lê đi xào xạt trên mặt giấy ... đối với nàng đã quen thuộc. Nhưng đêm nay bỗng dưng nàng cảm thấy có chút gì xa lạ. Vừa buồn buồn, vừa rạo rục. Lẫn ít nhiều băn khoăn mà chẳng biết vì sao.

Từ bốn năm nay nàng đã mất hết cả những băn khoăn. Một quá khứ trong trắng, hồn nhiên đã xóa nhòa lâu rồi. Một hiện tại rục rờ ánh đèn màu, rộn ràng muôn ngàn cung nhạc, và muôn ngàn lời ân tình thắm thiết, bủa vây lấy đời nàng. Ngày tháng trôi qua như nước chảy chân cầu. Nhân tình vay mượn, bạn hữu buông xuôi, không cho phép nàng suy nghĩ gì nhiều hơn những giây phút hiện tại. Còn tương lai..., cũng xa như quá khứ ! cũng mờ mịt mơ hồ!

Đêm nay, cũng là đêm hiện tại trong đời nàng. Đáng ra nàng phải sống, đang sống giữa một vũ trường vô cùng náo nhiệt có tiếng nhạc loạn cuồng, có tiếng cười rộn rã, có hoa màu, có mùi rượu mạnh tràn lên tận cổ, có xác thịt cọ xát nóng bừng như lửa ... Nhưng nàng từ bỏ, từ bỏ tất cả để đến đây. Giờ này chắc thiên hạ đang tìm nàng, đang gọi đến tên nàng, đang nhắc đến sắc đẹp của nàng giữa tiếng cười, rượu và nhạc. Mà nàng lại đem sắc đẹp của nàng giam hãm trong căn gác lặng lẽ, cô quạnh, nghèo nàn này. Để cầu xin một lời triu mến, để đứng nhìn những mái nhà xấu xí, dơ bẩn, chen lấn nhau, giành nhau một chút ánh trăng bàng bạc lạnh. Nàng đưa bàn tay ra phía

ngoài khung cửa đón ánh trăng, bàn tay nàng trắng xanh, với năm đầu ngón tay đỏ bầm như năm vết máu.

Trong lúc ấy Tâm xô ghế, đứng dậy. Chàng vén mép màn, rồi vén cả bức màn. chiếc giường trống không chàng quay nhìn, rồi tiến đến khung cửa sổ.

Tâm đặt hai bàn tay trên vai Xuyên, hôn nhẹ mái tóc nàng. Xuyên chậm rãi quay mặt lại. Hai người nhìn nhau. Đôi môi tìm nhau trong bóng tối, gắn chặt lấy nhau. Tâm ghì mạnh Xuyên vào lòng.

- Xuyên

- Dạ

- Em đang nghĩ gì ?

Xuyên ép sát đầu vào ngực Tâm đáp khẽ:

- Không.

Tâm ngòì xuống chiếc ghế mây, kéo Xuyên vào lòng chàng. Đôi má cọ sát vào nhau. Hai người cùng nhìn qua cửa sổ.

Xuyên hỏi:

- Anh viết xong chưa ?

- Chưa xong. Còn đoạn chót.

- Sao anh không viết tiếp?

- Không. Anh không viết trong đêm nay.

Xuyến quay nhìn vào mắt Tâm, âu yếm:

- Sao thế ?

Tâm không nhìn Xuyến:

- Đoạn chót buồn lắm.

- Kể em nghe đi.

Đồng hồ nhà ai không biết đồ một hồi chuông lạnh lạnh. Tâm nói nhỏ:

- Mười một giờ rồi.

- Còn sớm chán. Kể em nghe đi.

Tâm không trả lời. Chàng vòng hai tay ôm mạnh lấy Xuyến, úp mặt vào mái tóc rối loạn của nàng. Yên lặng.

*

11 giờ 30

Tâm không kể cho Xuyến nghe đoạn chót cốt truyện chàng vừa nghĩ xong. chàng hỏi Xuyến:

- Chuyện lão Phán đến đâu rồi ?

Xuyến nhìn Tâm hơi ngạc nhiên:

- Tại sao anh nghĩ đến chuyện lão Phán. Anh ghen ?

- Không anh muốn biết đề mừng cho em.

- Chả đi đến đâu cả.

- Tại sao ?

- Em không bằng lòng. Chả đi đến đâu vì em, chứ không phải vì lão.

Tâm hơi cau mày:

- Tại sao em không bằng lòng ? Em vô lý quá. Em muốn thoát khỏi hoàn cảnh hiện tại, có người đưa tay níu em ra. Em lại không bằng lòng. Hay em vẫn luyến tiếc ?

Nàng tựa đầu vào khung cửa sổ, nhìn ra ngoài, nói chậm rãi:

- Em còn gì nữa đâu mà luyến tiếc! Quá khứ! Hiện tại !... Anh đừng nói mãi như thế, em khổ lắm.

Tâm vẫn bình thản:

- Anh chỉ mong cho em sung sướng.

Xuyến chợt quay lại, quỳ xuống trước mặt Tâm, nắm hai bàn tay chàng, nhìn vào mắt chàng:

- Thật không anh ? Thật anh muốn cho em sung sướng phải không ?

Tâm gật đầu. Xuyến nói tiếp:

- Thế tại sao cả năm nay anh lãnh đạm với em ? Tại sao anh từ chối lời cầu xin của em ? Anh Tâm ... em chỉ mong được làm một người vợ của anh, và làm một người mẹ, có tình thương, có bổn phận như tất cả người đàn bà bình thường khác ...

Nàng úp mặt giữa lòng Tâm thổn thức:

- Em biết, em biết đòi em nhục nhã, dơ bẩn. Anh có quyền từ chối.

Tâm vẫn nhìn qua cửa sổ. Đêm càng khuya trăng càng sáng tỏ. Ánh trăng đã xê dịch tràn qua khung cửa lúc nào Tâm không biết. Mà chừ đây, chàng thấy một vệt trăng thật sáng rơi xuống sàn nhà, bên cạnh chân chàng. Tâm chợt cảm thấy những giọt nước mắt nóng ấm của Xuyên chảy tràn bàn tay chàng. Chàng nhìn Xuyên. Chỉ thấy một mái tóc rối bời đổ xòa trên vai áo trắng tinh. Chàng thong thả nâng mặt nàng lên:

- Không phải vì thế.

- Thế vì sao ?

- Vì anh nghèo lắm. Đòi anh khổ lắm. Anh không muốn vì anh mà em phải nghèo khổ. Không. Em đã khổ nhiều rồi. Anh không có quyền lôi kéo em vào cảnh nghèo túng, khổ cực của anh, của cả lũ chúng anh. Với sắc đẹp của em, em có thể làm vợ một kẻ giàu sang, phú quý để hưởng hạnh phúc ở đời. Sắc đẹp của em không phải để sống giữa một căn gác xép tồi tàn, trong một ngõ hẹp cũng tồi tàn như thế này. Trời đã ban cho em một sắc đẹp, em nên tận dụng sắc đẹp ấy ...

Xuyên nắm chặt lấy hai bàn tay của Tâm, nói như nghẹn thở:

- Không. Anh đừng nói với em như thế. Anh cứ nói thẳng là anh khinh em, có lẽ đúng hơn.

Nàng lại đứng dậy. Đôi mắt nàng đã ráo hoảnh, vẻ mặt nàng nghiêm khắc pha lẫn một chút chua cay. Nàng vòng hai tay trước ngực, đi thẳng đến trước bàn viết, quay lưng về phía Tâm.

- Sắc đẹp. Sắc đẹp chỉ làm cho người đàn bà khổ. Đòi em đến như thế này cũng chỉ vì sắc đẹp. Bao nhiêu người thèm khát mơ ước sắc đẹp của em, quỳ dưới chân em để xin tình ái; nhưng rồi, cũng chỉ để dày xéo, phũ phàng. Em yêu anh, quý anh, muốn làm một người vợ của anh, chính vì anh không phải như những kẻ ấy ...

Tâm cũng đứng dậy, chống hai tay lên khung cửa sổ, gục đầu nhìn xuống những mái nhà xô lệch:

- Không. Anh không khác ai cả. Anh cũng chỉ là Con Người như thiên hạ. Anh không khác ai cả. Anh cũng thèm khát sắc đẹp, thèm khát xác thịt của đàn bà, của em, như của tất cả những người đàn bà khác. Anh cũng cần tình yêu, cần cả một tình bạn thật chân thành, thấm thiết.

Xuyến ngắt lời Tâm nói lớn:

- Nhưng, anh không dối trá, không lừa gạt, không chà đạp trên tình thường, trên cuộc đời của kẻ khác; anh không coi sắc đẹp của đàn bà như một thứ trò chơi, ngày hôm qua nói rằng yêu quý vô bờ bến và ngày hôm nay hắt hủi như một đĩa ăn mỳ ... Không, anh không làm những điều như thế. Anh không giống hầu hết những kẻ giàu sang, chức trọng mà em đã gặp trong bốn năm nay.

Xuyến bước lại khung cửa sổ, để cánh tay của Tâm quàng lên cổ nàng, đưa hai bàn tay lên ôm mặt Tâm, nhìn vào mắt chàng:

- Anh không phải như những kẻ độc ác. Anh tốt với em. Em không xứng đáng với tình yêu của anh. Em cầu xin anh một chút lòng thương hại. Anh Tâm, bằng lòng đi, bằng lòng cho

HUYỀN ÁI TÔNG

em làm vợ của anh, sống nơi đây với anh, nghèo túng cũng được, khổ cực cũng được, em không dám đòi hỏi anh một chút gì hơn nữa.

Tâm không trả lời, chàng lặng yên nhìn qua cửa sổ. Trăng vẫn sáng vàng vạc. Nền trời vẫn trong xanh, lấp lánh đầy ánh sao.

Từ xa bỗng vọng đến hồi chuông nhà thờ, ngân dài dằng dặc qua không gian mênh mông, bát ngát. Xuyên khẽ nép sát mái tóc vào ngực Tâm.

Tâm nói rất nhỏ:

- Mười hai giờ rồi. Chúng mình đi nhà thờ.

Xuyên ngược mặt nhìn chàng:

- Chúng mình đi nhà thờ làm gì ?

- Đêm nay, cần gì phải là người công giáo mới mừng Chúa giáng sanh. Tất cả mọi người đều có bổn phận tôn kính những ai đã ban tình thương cho nhân loại. Tại sao phân biệt Chúa Giê su và Đức Phật Thích Ca, hay tất cả những Đấng tối cao ở một nơi mà chúng ta không đến được ?

Những hồi chuông nhà thờ vẫn vọng đến đều đều qua không gian rộng lớn. Tâm nói tiếp:

- Đi nhà thờ, rồi chúng mình đến thăm Thúy.

Xuyên khẽ gật đầu

*

04 giờ 30 sáng

Tâm thức giác, nghiêng mình quờ tay về một bên. Chàng mở mắt.

Bên cạnh chàng chỉ là một chiếc gối. Chàng quờ tay xa hơn; không có Xuyên. Tâm ngồi dậy gọi khẽ:

- Xuyên. Xuyên.

Không có tiếng trả lời. Qua bức màn lay động, chàng thấy nền trời trong khung cửa sổ. Im lặng.

- Xuyên. Xuyên.

Vẫn không có tiếng trả lời. Tâm nhảy xuống giường vén mạnh bức màn. Chàng nhìn về phía cửa sổ. Một vệt trắng thật sáng trải trên nền nhà, dưới khung cửa. Và trong ánh trăng, hai bàn chân bở xuôi bên cạnh một đôi guốc cao gót. Tâm tiến đến mau, nhìn vào bóng tối. Đôi mắt của Xuyên sáng long lanh nhìn chàng. Xuyên mỉm cười.

Tâm tì tay vào hai thành ghé mây, cúi xuống gần sát mặt Xuyên:

- Sao em không ngủ ?

Xuyên lắc đầu:

- Em không ngủ được.

- Em nghĩ đến Thúy ?

Nàng thở dài, rồi nói rất nhỏ:

- Em chắc Thúy không sống nổi.

Tâm lặng lẽ ngồi xuống sàn nhà, tựa lưng vào chân ghế, ngã đầu trên đùi của Xuyên. Xuyên đặt bàn tay của nàng trên trán chàng, xoa nhẹ nhẹ.

- Thúy sẽ chết trong đêm nay, hay ngày mai là cùng. Anh thấy không ? Thúy cũng đẹp lắm. Có lẽ đẹp hơn em nhiều. Thúy đã cố thoát khỏi vũ trường biết bao nhiêu lần. Ai là người chân thành yêu thương Thúy ? Chân thành cứu vớt Thúy ? Chẳng có ai cả. Chỉ là lừa gạt, giả dối ... chỉ là phủ phàng, dày xéo.

- Anh không ngờ.

- Tất cả mọi người đều không ngờ. Hay đúng hơn, đều không muốn ngờ tưởng đến như thế. Từ ngày Thúy lâm bệnh đến nay, trừ anh là người độc nhất, chẳng ai đến thăm Thúy cả ! Trước đây bốn tháng, em nhớ cùng một đêm trăng như thế này, và cũng tại chỗ này, em báo cho anh biết tin Thúy có chồng giàu, giàu lắm. Anh mừng cho Thúy, và trách em thản nhiên. Em không cãi. Đời sống của Thúy là đời sống của em, của bọn chúng em. Anh là người ngoại cuộc, anh không hiểu được. Đến bây giờ ...

- Em đừng nói nữa. Anh hiểu rồi.

- Không. Anh vẫn chưa hiểu gì hết. Ngày mai, em sẽ rời khỏi căn gác này.

- Em đi đâu ?

- Em chưa biết. Có lẽ sẽ đi theo lão Phán.

Tâm đứng dậy, đến ngồi vào bàn viết, bật đèn. Ánh sang chói lòa trên trang giấy vẫn một nửa trắng tinh. Chàng đọc thầm

những giòng chữ chi chít. Xuyên vẫn ngồi yên chỗ cũ, đôi bàn chân buông xuôi giữa ánh trăng, dưới khung cửa sổ.

Xuyên nói:

- Kể em nghe đoạn chót đi anh.

Tâm không trả lời, thông thả xé nát mấy trang bản thảo viết dở dang. Xuyên hoảng hốt, chạy đến bàn viết dần tay Tâm.

- Sao thế ?

- Không sao cả. Phải viết lại câu chuyện từ đầu đến cuối.

Rồi Tâm cầm bút viết trên một trang giấy trắng:

“Ngày mai em không đi đâu cả. Em ở lại với anh. Chúng ta làm lễ cưới ngay trong đêm nay”.

Đôi mắt Xuyên bừng sáng long lanh. Nàng ngã mình trong lòng Tâm, quàng cánh tay sau cổ chàng.

Tâm cúi xuống.

Hai người hôn nhau, ghì mạnh lấy nhau.

Một cơn gió lùa qua cửa sổ, lay động bức màn quá cũ.

Lưu Nghi

Sau đêm Chúa Giáng Sinh 1958

(Trích từ tập san Nhân Loại bộ mới số 11 ngày 30-3-1959)

Là nhà văn xã hội, truyện của ông thường tả cái xã hội tha hóa ăn chơi, nhưng cuối cùng vẫn đưa những nhân vật trong xã hội

HUỲNH ÁI TÔNG

áy đến cái phải là, hướng thượng để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Bút pháp của ông cô động, cốt truyện thâm trầm, lời văn trong sáng, chắc ông không phải nhà viết tiểu thuyết Feuilleton đương thời.

Tài liệu tham khảo:

- Lưu Nghi Web: www.vietgle.vn
- Lưu Nghi *Tập san Nhân Loại* bộ mới số 11, ngày 30-3-1959

10) Quốc Ân



Quốc Ân (1922-1987)

Quốc Ân tên thật là Nguyễn Ngọc Nhơn, sinh ngày 1-4-1922 tại xã Hòa Ân (còn có tên Hòa Thịnh), quận Cầu Kè (vùng này dưới thời Pháp thuộc thuộc tỉnh Cần Thơ, rồi Vĩnh Long), tỉnh Trà Vinh. Ông là con đầu lòng trong một gia đình có 8 người con 3 trai, 5 gái. Ông đã học qua các trường Phan Thanh Giản (Cần Thơ), Quốc học Huế, Đại học Đông Dương (Hà Nội).

Thân phụ ông là ông Nguyễn Ngọc Báu xuất thân trong một gia đình nông dân, tự học và làm thông phán Tòa Bó. Năm 1945 ông Báu cộng tác với chánh quyền kháng chiến ở Cái Trâm, tỉnh Sóc Trăng. Khi Pháp tái chiếm, ông Báu bị bắt đưa về giam ở khám lớn Sài Gòn. Tài sản bị tịch biên, vợ ông là bà Lê Thị Nhạn và các con tản cư tại Cái Trâm.

Chính thời điểm này, Nguyễn Ngọc Nhơn từ Hà Nội về, tham gia phong trào Thanh niên Tiền Phong, bị Pháp bắt rồi thả ra ở Cần Thơ, ông cùng mẹ và các em lên Sài Gòn, ông bắt đầu đi tìm việc làm. gặp lại thầy cũ là nhà báo Lư Khê-Trương Văn Em (1916-1950), đang làm Chủ bút báo Tân Việt của ông Châu Vĩnh Thạnh, đã đưa ông vào làng báo, được Lư Khê hướng dẫn bước đầu.

Từ 1946, Quốc Ân bắt đầu sự nghiệp cầm bút với tư cách ký giả chuyên nghiệp, là một trong những thành viên trụ cột của Phong trào Báo chí Thống Nhất. Lần lượt, ông làm biên tập viên của các báo Tân Việt (của ông Châu Vĩnh Thạnh, từ tháng 9-1946), Ánh Sáng của nhà báo Lư Khê, Sự Thật (12-1946), Công Đồng (của ông Phan Trường Mạnh, 9-1947), Tin Điền của bà Anna Lê Trung Cang,

Thời gian tiếp theo, ông cộng tác với các báo Phụ Nữ của Dương Tử Giang, Đại Chúng của ông Ngô Công Minh (6-

HUỶNH ÁI TÔNG

1948), Thời Cuộc của ông Đinh Xuân Tiểu (2-1949), Đại Chúng của ký giả Nguyễn Duy Hình (12-1959). làm Phụ tá chủ nhiệm báo Tiếng Chuông của ông Đinh Văn Khai (1957-1961). chủ bút báo Tiếng Dân của bà Mai Thị Hải (1962), sau đó được bà Nguyễn Thị Lễ (em ruột của Quốc Ân) mua lại đứng tên chủ nhiệm.

Sau cuộc đảo chính 1-11-1963, cũng như các báo khác của Sài Gòn bị buộc phải đổi tên, Tiếng Dân trở thành Dân Tiến, khi Dân Tiến bị đóng cửa, ông làm chủ bút nhật báo Tiến của ông Đặng Văn Nhâm, là tờ báo đầu tiên lảng-xê hí họa hàng ngày trên bandeau trang 1châm biếm lời nói và việc làm của Thủ tướng Nguyễn Khánh.

Sau nhật báo Tiến, Quốc Ân ra tờ Vận Hội Mới, ông là chủ nhiệm kiêm chủ bút, đã có nhiều chiến dịch báo chí nổi tiếng. nên Vận Hội Mới chỉ tồn tại được hơn một năm thì bị đóng cửa,

Vận Hội Mới đóng cửa ông làm chủ bút nhật báo Bình Minh của ông bầu bóng đá Võ Văn Ứng (con của ông Võ Đình Dân chủ nhà thuốc Đông Nam Dược Phòng nổi tiếng Võ Văn Vân).

Năm 1965, báo Bình Minh lại bị đình bản, ông cộng tác với Tiếng Dội Miền Nam của ký giả Tô Yến Châu một thời gian rồi tạm ngừng làm báo, do tên ông xuất hiện ở tờ báo nào thì tờ đó bị dọa đóng cửa.

Ngoài bút danh chính thức là Quốc Ân, ông còn nổi tiếng là một cây bút phiếm luận sắc sảo với bút danh Mách Lẻo và nhiều bút danh khác như Khai Liêm, Cầm Dừng

Từ 1965 đến 1970, Quốc Ân cùng vợ bước vào lĩnh vực kỹ nghệ với Công ty bột giặt Libb 999.

Đến 1971, trước mùa bầu cử độc diễn của Tổng thống Thiệu, nhận lời mời của một cộng sự cũ là Lê Hiền, Quốc Ân làm chủ bút tờ Bút Thép. Khi tờ Bút Thép đạt đến những thành tựu đáng mơ ước, Quốc Ân chia tay Bút Thép vì bất đồng với chủ báo, ông tục bản tờ Vận Hội Mới nhưng báo in ra 21 kỳ đã bị tịch thu hết 15 kỳ, do chủ trương của nhà báo này vẫn là “*phù suy bất phù thịnh*” và tiếp tục con đường “*đi tìm sự bình đẳng*” cho những người nghèo, cô thế trong xã hội mà ông đã bắt đầu từ những năm 1946 khi bước chân vào làng báo.

Năm 1972, ông làm Tổng thư ký tòa soạn tờ Đại Dân Tộc (thực chất là chủ bút vì chủ nhiệm là một dân biểu được quyền bất khả xâm phạm nên ông không thể đứng tên chủ bút).

Từ 1973 ông gần như rời khỏi làng báo, chuyển sang biên khảo và dịch thuật.

Sự nghiệp nhà văn của Quốc Ân cũng bắt đầu từ năm 1946 với những truyện ngắn, ông gọi là Tân truyện. Cùng với Lý Văn Sâm, Dương Tử Giang, Vũ Anh Khanh, Thảm Thệ Hà..., ông là một trong những nhà văn nổi bật của Phong trào Văn chương Kháng chiến Nam Bộ từ năm 1945 đến 1949, Tân truyện của Quốc Ân rất ăn khách, hầu như tờ báo nào mới ra mắt cũng đều nhờ ông viết Tân truyện. Ông theo chủ trương “*văn dĩ tải đạo*”, và “*bình đẳng cho người nghèo*” gieo rắc tinh thần yêu nước, kích thích thanh niên lên đường kháng chiến giành độc lập, bài viết của ông là đối tượng kiểm duyệt của nhà cầm quyền, dẫn tới vài lần bị sách nhiễu.

HUỶNH ÁI TÔNG

Là người thông thạo Pháp ngữ, ông phóng tác các tác phẩm văn học Pháp như *Tiếng Chuông Kháng Chiến* của Guy de Maupassant... Trên báo chí vào thập niên (19)60, ông có một feuilleton đăng nhiều kỳ mang tên *Ngáp phải ruồi* nhằm khắc họa chân dung của các “quái tượng” thời đại trong một xã hội đang chuyển hóa, đó là những nhân vật “đầu cơ chính trị”, là những Xuân tóc đỏ tân thời.

Ông còn là một cây bút biên khảo với tâm huyết đi tìm, khẳng định giá trị của những nhân vật lịch sử có nhiều đánh giá khác nhau như *Luận đề về Phan Thanh Giản* (nhưng trước hết đề dùng cho việc giảng dạy ở bậc trung học), *Hồ Quý Ly, nhân vật lỗi lạc nhứt thời đại từ Đông sang Tây*

Sự nghiệp nhà giáo của ông bắt đầu từ những năm 1946 đến 1960 song song với viết văn và làm báo. Ông là Giám đốc trường Trung học Lê Tấn Thành của ông Lê Tấn Thành (cậu của nghệ sĩ thoại kịch Kim Cương), trường tọa lạc tại đường Nguyễn Thái Học, ông cũng là giáo sư Pháp văn, Việt văn dạy tại các trường Kiến Thiết, Chi Lăng, Việt Nam Học Đường (Sài Gòn), Phật Ân, Vĩnh Tường, Nguyễn Huệ, Jeanne d'Arc, Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho)...

Quốc Ân mất năm 1987, thọ 65 tuổi.

Tác phẩm:

- *SOS*
- *Vĩ tuyến XI*
- *Đáp lời sông núi*
- *Tiếng chuông kháng chiến* (Đại chúng)
- *Ngáp phải ruồi* (bút danh Khai Liêm)

- *Việt Nam thi văn học giảng bình*
- *Luận đề về Phan Thanh Giản*
- *Hồ Quý Ly, nhân vật lỗi lạc nhất thời đại từ Đông sang Tây* (1974)
- *Tội công thành* (Le Zéro et L'Infini- Arthur Koestler)
- *Trận hải chiến* (La Bataille- Claude Farrère)
- *Tội phạm* (Le Coupable-François Coppée)

Trích văn:

Chiếc Tam Bản

Bà Cả gài then cửa lại, cẩn thận vặn hai vòng khóa, rút chìa khóa ra bỏ vào túi rồi yên lòng đi vào phòng khách.

Bà ngồi lại ghé trường kỷ, bên ngọn đèn dầu lửa không sáng lắm để vá nốt cái áo rách cho thằng cháu trai.

Bỗng bà nhìn lên: Sau lưng cái ghé trường kỷ đối diện, một người đàn ông đứng sững nhìn bà.

Bà Cả dừng tay lại, giương mục kính xem xét kẻ ấy rồi hỏi:

- Bộ chú vô làm nhà rồi đa! Ở đây ai cũng biết tôi không có tiền bạc gì đâu!

Câu nói bình tĩnh ấy làm kẻ kia lúng túng. Có lẽ anh ta nghĩ rằng bà phải sợ hãi rú lên khi thấy anh. Sự bất ngờ gây ra bởi câu nói ấy bắt anh ta phải rút tay mặt lên khỏi lưng ghé và chĩa cây súng sáu vào bà Cả, vừa run giọng bảo:

- Bà ngồi yên, không được la. Tôi không có ý ăn cướp hay làm hại bà đâu.

Bà chủ nhà vói tay lấy ống nhỏ, nhỏ xác trầu rồi nhoẻn miệng cười:

- Tôi có la mười lăm đời cũng không ai đến tiếp tôi. Chắc chú cũng biết chung quanh đây không còn nhà ai nữa.

- Trong nhà còn ai không?

- Còn thằng cháu. Nó đang ngủ trong nóp trên ván bên kia.

Bà vừa trả lời vừa đưa tay chỉ bộ ván sau lưng bà khuất trong bong tối. Rồi bà tiếp:

- Nhưng nó nhỏ lắm, mới có 14 tuổi thôi, không đủ sức giúp đỡ gì cho lắm, chú đừng tìm cách dọa nạt nó vô ích.

Anh ta nhìn về bộ ván, có ý lo lắng, song vẫn đứng chỗ cũ.

Bà Cả thông thả bảo tiếp:

- Chú cất súng đi, vì trong lúc này, chú đưa nó ngay vào mặt tôi như vậy không có ích lợi gì cả.

Tên ấy nhìn cây súng, có vẻ mắc cỡ vì không dọa được ai rồi bỏ tay xuống như cũ và bảo:

- Nhưng bà hãy yên lòng, tôi không có ý làm hại bà đâu.

Bà vừa may thêm vài mũi kim, nghe câu ấy dừng tay lại, ngược mắt lên nhìn anh:

- Giữa tôi và chú thì chắc tôi là người bình tĩnh hơn cả. Nhưng chú chưa nói cho tôi biết chú lên vô nhà tôi để làm gì?

Anh ta cười bằng một giọng rùng rợn:

- Tôi vừa thoát khỏi khám quận T... hồi khuya rồi và nằm trên nóc nhà bà từ trưa tới giờ.

- Nếu chú nằm luôn trên ấy thì có phải tiện không?

- Không được! Họ tìm gắt lắm và tôi phải tìm cách trốn khỏi nơi đây nội đêm nay.

- Thì cứ trốn đi, chớ còn đứng đó làm gì?

- Trên nóc nhà lạnh lắm. Tôi muốn đứng đây một lúc cho giãn tay giãn chơn rồi sẽ đi. Rồi anh ta chép miệng:

- Khổ quá! Không biết đi đâu đây nữa. Họ dí tôi cùng khắp.

Hình như muốn cho bà già biết người khách của bà là ai, anh ta cười ha hả, hỏi:

- Bà biết tại sao tôi phải trốn không?

Vẫn cái giọng thản nhiên, bà trả lời:

- Cả quận này đều biết chú là Tư Đá. Lúc lộn xộn, chú đã dắt Thổ đi giựt đồ, đốt nhà giết người. Được trọng dụng, chú điềm chỉ bắt vô số người. Những người bị chú hại, tôi có thể đếm được đủ cả như: Sáu Hĩ, Tư Út, hương quản Ngọ, hương hào Bích và cậu Ba Xuân! Và mới đây, chú ý

thế đánh ông hội đồng Ngà nên chú bị bắt. Rồi chú vượt ngục.

Anh ta giật nảy mình, đưa súng lên trở vào bà Cả.

- Tại sao bà biết?

HUYỀN ÁI TÔNG

- Hừ! Tại sao? Hồi sáng tới giờ, người ta tìm chú rằm rằm. Người ta nói đi nói lại những việc chú làm. Tôi nghe cũng đã chán tai!

Tư Đá rợn người trước bà già gan góc. Và vì anh ta không phải là người ở lâu tại vùng này nên không biết rõ bà là ai. Một lần nữa, anh thấy cây súng trên tay trở nên trơn tru. Cây súng của người gác khám ngủ gật mà anh ta đã giật được sau khi bề song sắt ra được và đánh một thoi vào ót người ấy làm cho người ấy bất tỉnh.

Anh buông tay xuống ôn tồn:

- Bà có kế nào giúp tôi trốn không?

Bà Cả dùng tay hỏi:

- Chú biết lộ không?

Anh ta trợn mắt:

- Không! Mà bộ bà giỡn sao chứ. Dầu biết lộ cũng không ai lộ nổi cái sông ba, bốn ngàn thước này.

Với giọng chậm rãi cố hữu, bà Cả bảo:

- Không ai biểu chú lộ. Tôi có chiếc tam bản hai chèo ở ụ ghe bên hè đây. Chú ra đó lấy đi.

- Vậy thì bà phải hỏi tôi biết chèo hay không chứ! Sao lại hỏi tôi biết lộ hay không?

- Biết chèo hay không chú cũng phải chèo, tôi cần hỏi làm gì chuyện đó. Sợ là sợ chú không quen đi sông, lôi thôi chèo ghe thì biết lội vẫn tốt hơn.

- Bà khỏi lo. Nếu ghe tốt thì tôi sẽ trốn thoát. Tôi chèo giỏi lắm.

Bà Cả gật đầu:

- Ghe tôi còn tốt lắm. Vậy chìa khóa đây, chú cứ mở cửa ra ụ ghe mà lấy đi.

Tư Đá dụ dợt rồi hỏi:

- Nhưng tại sao bà lại tử tế với tôi quá vậy? Có ý gì hại tôi không?

Bà Cả vừa tèm xong một miếng trầu bỏ vào miệng, nghe thế cười to:

- Cái chú này mới lạ kỳ! Tôi tử tế với chú là vì tôi không ưa ai cầm súng chĩa vào tôi. Thà tôi bỏ chiếc tam bản chớ để chú ở đây ám hại tôi với cây súng đáng sợ của chú hoài à?!

Tư Đá vẫn chưa hết nghi ngại:

- Vậy phiền bà đưa tôi ra ngoài ụ ghe. Và nếu bà la lên cho người ta tới bắt tôi thì bà chết trước khi tôi bị bắt, nghe chưa?

Bà Cả đứng lên bĩu môi nói:

- Tôi đã nói đầu tôi có la tám mươi lăm đời cũng không ai tới mà!

Thôi đi.

HUỶNH ÁI TÔNG

Ra đến ngoài, bà Cả vừa đi vừa hỏi:

- À! Tại sao lúc nọ chú dẫn người tìm bắt cậu Ba Xuân? Nghe nói cậu đó hiền như ông Phật mà.

Tư Đá xì một cái:

- Hiền gì? Hiền mà dám đi tuyên truyền xúi dân đòi độc lập.

- Đòi độc lập thì ăn thua gì chú chớ?

Tư Đá làm thinh.

Nếu gặp lúc anh ta chưa đánh ông hội đồng Ngà, chưa bị bắt, chưa sợ ông hội đồng trả thù thì câu hỏi của bà già có lẽ đã đem cho bà một mớ thoi, đá rồi. Nhưng lúc này anh ta cần phải nhịn. Ủ! Nhịn một câu cũng không chết chóc gì, trong khi bà ấy sắp cho anh mượn ghe để trốn nhà

chức trách.

Trời sáng trắng. Tư Đá đã thấy rõ chiếc tam bản buộc ở gốc dừa dưới

ụ ghe bằng lá, bên một chiếc ghe cà-dom.

Bà Cả bảo:

- Chú chịu khó xuống tát nước. Bị ghe không có xài nên vô nước, chớ mới trét rồi, tốt lắm.

Tư Đá nhảy xuống ghe vừa tát nước, vừa nói:

- Tôi hên lắm mới gặp bà. Chùng nào có dịp, tôi sẽ đền ơn bà.

Bà Cả phệt cỏ trâu, bảo:

- Thôi! Cứ lo trôn đi! Ôn với nghĩa gì.

Tư Đá tát nước xong mở dây, lấy quai chèo mới bên ghe cà-dom một mớ đem theo, rồi chống ghe ra khỏi mương.

Bà Cả đòi vói:

- Chú quăng trả cái gàu lại cho tôi chớ. Tôi gia tài có một cái đó, ghe tốt lắm, không vô nước đâu mà sợ.

Tư Đá quăng cái gàu lên bờ bảo:

- Thôi bà ở lại mạnh giỏi.

- Ủ! Chú đi mạnh giỏi.

Bà đứng nhìn chiếc tam bản lướt mau trên sóng nhỏ, dưới ánh trăng mỗi lúc một xa dần.

Bồng cậu cháu bà trong nhà hót hơ hót hải chạy ra:

- Nội làm gì đứng ngoài này?

- Nội cho người ta mượn chiếc tam bản của mình.

Cậu bé thất sắc:

- Trời ơi! Chiếc tam bản lũng. Con lấy đất sét trét lại chèo chơi trong mương chớ đi sông sao được!

Rồi cậu nhìn ra khơi, giục bà:

- Kêu người ta lại nội.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng cậu thất vọng, hốt hoảng:

- Chìm! Thế nào cũng chìm. Chết! Làm sao bây giờ nội?

Bà Cả vẫn điềm tĩnh cũng như bà đã điềm tĩnh từ nãy giờ:

- Ừ! Thế nào cũng chìm!

Cậu bé ái ngại:

- Ai vậy nội?

- Thằng đã giết thằng Xuân, anh Ba mày.

Cậu bé thất thanh:

- Tư Đá!

Nhưng cậu trấn tĩnh, trở mắt nhìn ra xa:

- Hồi nãy con còn thấy dạng chiếc ghe, bây giờ mất rồi!

Bà Cả cũng nhìn ra sông, dưới ánh trăng vắng vặc, lặp lại như tiếng vang:

- Mất rồi!

Và như nói với mình, bà phều phào:

- Công lý của trời ở khắp nơi. Nó muốn ta tìm cho nó một cách trốn tránh thì đáy sông là chỗ trốn tránh kín đáo hơn đâu hết!

Trên mặt sông bao la, sóng vẫn gợn, trăng vẫn trong. Không một điềm đen, dầu là điềm đen của một chiếc tam bản.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Độc Tân truyện của Quốc Ân, chúng ta thấy ông xây dựng cốt truyện đơn giản, văn bình dị nhưng thâm trầm, đời sống ở quê vẫn thế, có những âm mưu rất thâm độc, người ta chết mà không biết vì sao phải chết. Truyện của ông, một cái chết chìm gây kinh hoàng cho người chết, nhưng xảy ra rất êm đềm ở một nơi vắng vẻ, giữa một đêm trăng.

Tài liệu tham khảo:

- Quốc Ân Web: namkyluctinh.org

11) Viễn Phương



Viễn Phương Phan Thanh Viễn (1928-2005)

HUỶNH ÁI TÔNG

Viễn Phương tên thật là Phan Thanh Viễn sinh ngày 1 tháng 5 năm 1928 ở Tân Châu, An Giang. Thuở nhỏ ông đi học, đến khi Cách mạng Tháng Tám bùng nổ năm 1945, ông đầu quân theo bộ đội kháng chiến.

Những ngày kháng chiến, cho ông nhiều cảm xúc sáng tác thơ, thơ ông đăng trong tờ báo kháng chiến duy nhất ở khu 9 Tiếng Súng Kháng Địch.

Năm 1952, trong vùng kháng chiến tổ chức giải thưởng tổng kết văn học nghệ thuật lấy tên Giải thưởng Cửu Long, thì trường ca 'Chiến thắng Hòa Bình' của ông được xếp giải nhì về thơ. Không lâu sau, Chi hội Văn nghệ Nam Bộ tổ chức đại hội, ông được bầu vào Ban chấp hành.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, ông được phân công về Sài Gòn hoạt động.

Về Sài Gòn, ông đi dạy học, làm thuê kiếm sống nhưng công việc chủ yếu vẫn là sáng tác văn thơ. Với bút hiệu Viễn Phương, ông làm thơ và viết truyện đăng trên một số tờ báo ở Sài Gòn như *Nhân loại*, *Hừng sáng*, *Công lý*...

Do những bài viết có nội dung chống đối, năm 1960, ông bị nhà cầm quyền Sài Gòn bắt giam ở Chí Hòa.

Năm 1962, sau khi ra tù, ông rời Sài Gòn vào chiến trường Củ Chi tiếp tục chiến đấu và làm thơ.

Sau 30 tháng 4, 1975, ông được bầu làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Giải phóng Thành phố HCM, Chủ tịch Hội liên hiệp Văn

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

học Nghệ thuật Thành phố HCM và được bầu vào Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam.

Ngoài bút danh Viễn Phương, ông còn lấy bút danh Phương Viễn và cũng sáng tác cả văn xuôi. thơ của ông được đưa vào giảng dạy ở trường phổ thông. Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 1995.

Nhà thơ Viễn Phương mất ngày 21 tháng 12 năm 2005 tại Sài Gòn.

Tác phẩm:

- *Chiến thắng Hòa Bình* (trường ca, 1952)
- *Mắt sáng học trò* (thơ, 1970)
- *Nhớ lời di chúc* (trường ca, 1972)
- *Như mây mùa xuân* (thơ, 1978)
- *Phù sa quê mẹ* (thơ, 1991).
- *Thơ với tuổi thơ*. (thơ thiếu nhi, 2002)
- *Gió lay hương quỳnh* (thơ, 2005).
- *Anh hùng mìn gạt* (truyện ký, 1968)
- *Quê hương địa đạo* (truyện và ký, 1981)
- *Sắc lụa Trữ La* (truyện ngắn, 1988)
- *Ngàn say mây trắng* (truyện và ký, 1998).
- *L òng mẹ* (truyện thiếu nhi, 1982).
- *bMiền sông nước* (truyện và ký, 1999).
- *Tháng bảy mưa ngâu* (truyện và ký, 1999. đã dịch sang tiếng Anh).
- *Đá hoa cương* (truyện và ký, 2000).
- *Ngôi sao xanh* (truyện thiếu nhi, 2003).
- *Hình bóng thương yêu* (ký, 2005).

Trích thơ:

Thơ Anh và đời Em

*Đêm mịt mù... em bán tình yêu
Sương... Cỏ ướt hay lệ em tràn ướt cỏ
Tiếng ân ái lả lơi chìm trong gió
Nhưng tình yêu... em có biết bao giờ!*

*Anh suốt đời mê mãi việc làm thơ
Thơ anh viết, chữ ngọt ngào trong sáng
Anh những tưởng nhơn như con bướm trắng
Giương cánh xinh là hương sắc đến cho đời*

*Nhưng bão gâm, vũ trụ cũng đầy vui!
Cánh bướm mỏng bài thơ sao mỏng quá?!
Như chiếc lá qua bến bờ xa lạ
Muốn chở che nhưng gió dập sóng dồi*

*Anh thương em bán hương sắc cho đời
Đời trả lại đắng cay và tủi nhục.
Thơ anh viết những dòng xanh bất lực
Gởi cho em và để khóc cho mình.*

Hỏi Xuân

*Chiều lạ ngút ngàn lau trắng
Bến sông đếm sóng bạc đầu
Mơ mịt sương giăng dặm khuyết
Bên trời mỗi cánh chim âu*

*Ta đi từ đâu đến đâu?
Bước chân lún dần trong cát.
Tiếng hát...nụ cười...nước mắt
Cho đời...cho ta...cho ai?*

*Xuân đến... rồi xuân lại đi...
Ta đi...biết bao giờ đến?...
Như sao trời khuya lạc bến
Một cánh bướm nâu chập chờn.*

*Xuân về...xuân lạ hay quen?
Ta viết bài thơ đón em?
Nghe cánh giao thừa rung gió
Ôi xuân đã đậu bên rèm!
(Nguồn: "Kiến thức ngày nay" xuân Ất Dậu 2005)*

Đêm Thu

*Đêm thu dần dặt bóng thu sang
Đường phố thênh thang bước ngõ ngang
Lạnh lẽo chân đơn đời lữ khách
Âm thầm lặng lẽ giữa nhân gian*

*Đêm thu hoài vọng bước xa khơi
Chỉ lá vàng rơi chẳng thấy người
Cũng gió heo may sầu hiu hắt
La đà lất phất hạt mưa rơi*

*Đêm thu lạnh lạnh một mình tôi
Nấn nót vần thơ gợi nhớ người
Thoáng đã bao năm rồi cách biệt*

HUYỀN ÁI TÔNG

Từ ngày thu trở bước xa xôi

*Đêm thu thao thức viết bài thơ
Chữ nghĩa lơ mơ cứ lững lờ
Viết được dăm câu vắn đảo ngược
Hồn thơ phiêu lãng giữa hoang sơ*

*Đêm thu này cũng như đêm trước
Tôi vẫn chờ mong bóng một người
Gối chiếc chăn đơn chùng nửa giấc
Giật mình khe khẽ gọi thu ơi...*

Thơ Viễn Phương đã được nhiều nhà thơ khen ngợi, trong số đó có đồng hương Mai Văn Tạo:

Thơ Viễn Phương dễ nhớ, giàu cảm xúc, nhưng không bị lụy, cường điệu nổi đầu...

...Thơ Viễn Phương nền nã, thì thầm, man mác, băng khuâng, day dứt, không gút mắt, cầu kỳ, kênh kiệu, khoa ngôn. Hình ảnh nào trong đời sống anh cũng tìm thấy chất thơ. Không đợi đến Tiếng tù và trong sương đêm, Hoa lục bình trôi man mác tím, bông lau bát ngát nắng chiều hay Chòm xanh điên điển nhuộm vàng mặt nước... Một mái lá khô hanh trong rừng vắng anh cũng đưa vào đấy cái thực, cái hư, rất thơ mà thực, rất thực mà thơ.

Tài liệu tham khảo:

- Viễn Phương Web: vi.wikipedia.org
- Trang thơ Viễn Phương Web: thivien.net

12) Lê Vĩnh Hòa



Lê Vĩnh Hòa - Đoàn Thế Hối (1933-1967)

Lê Vĩnh Hòa tên thật là Đoàn Thế Hối sinh ngày 6 tháng 10 năm 1933 tại xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. thân sinh là ông Đoàn Thế Cần và bà Ngô Thị Cương, là em ruột của nhà văn Võ Phiến Đoàn Thế Nhơn. Lúc nhỏ, khi lên 6 tuổi, Lê Vĩnh Hòa theo cha mẹ vào sinh sống tại xã Vĩnh Hòa, tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang).

Khoảng năm 1950-51, ông là học sinh trường trung học kháng chiến Nguyễn Văn Tố ở miền Tây, là người nhiệt thành yêu nước. Ra trường được phân công về công tác ở văn phòng Mặt trận Liên Việt, tỉnh Rạch Giá.

Sau hiệp định Genève 1954, ông ở lại miền Nam. Đầu năm 1956, công tác vận động học sinh trung học chống chánh phủ Ngô Đình Diệm, do đó, được bố trí vào học ở trường trung học tại thị xã Rạch Giá, mang tên giả là Trần Văn Thành, học lớp đệ lục (lớp 7 ngày nay).

Trước đó, mặc dù ông có nhiều truyện, thơ, bài phê bình đăng rải rác trên các báo Nhân dân miền Nam, Tiến thủ, Gió mới... nhưng mãi đến khi viết cho tuần san Nhân Loại, ông mới chính

HUYỀN ÁI TÔNG

thức nhập làng văn với bút hiệu Lê Vĩnh Hòa, ngoài ra ông còn bút danh Lý Nhị Anh, ông có vợ ở Sóc Trăng, nên có nhiều chuyện ông chọn bối cảnh Sóc Trăng.

Năm 1958, ông bị chánh quyền miền Nam bắt giam, đưa qua nhiều nhà tù ở miền Nam: Chí Hòa, Thủ Đức, Phú Lợi ...

Năm 1963, ông thoát khỏi ngục tù và ra vùng giải phóng tiếp tục chiến đấu.

Ông hy sinh ngày mùng 7 tháng Giêng năm 1967 tại Xẻo Dú, xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trong một trận đánh lớn, hưởng dương 33 tuổi.

Trong 4 năm (1963-67) ở chiến khu, ông đã sáng tác hơn 30 truyện và ký và để lại khá nhiều bản thảo.

Tác phẩm:

Đã in hơn 100 bài báo (truyện, ký, tiểu phẩm) và hơn 10 bài thơ. Các tập sách:

- *Mái nhà thơ* (truyện ngắn, 1964);
- *Người tị nạn* (Văn học Giải phóng, 1975)
- *Lê Vĩnh Hòa tuyển tập*. (Văn học, 1986)

Giải thưởng văn học: Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật, đợt I, năm 2001.

Trích văn:

Vòng hoa tang

Người lớn kêu nó là thằng Tây Say, còn trẻ nhỏ chúng tôi kêu nó là thằng Đá, bởi vì tên nó là Pierre, người luôn luôn nặc hơi rượu.

Pierre Maurice trên 30 tuổi, hình thù dữ tợn trông phát tởm. Tóc nó vàng cháy, búi xù như một đồng giẻ rách nát. Cả cái mặt chỉ thấy râu là râu. Râu xồm xàm khắp hai bên má, dưới cằm, tràn lan hai bên mép chỉ còn để lộ ra một cái lỗ mũi to lớn cao nhòng và hai tròng mắt đục ngầu màu sữa lỏng. Người nó cao lớn dinh dảng, tôi chỉ đứng cỡ ngang hông.

Lông lá ở khắp ngực, bụng, tay, chun của nó rậm như cỏ mọc trong vườn hoang. Nghe người ta nói dân Tây ăn ở vệ sinh ra làm sao không biết, chớ như thằng Tây Đá chắc khó có người Việt Nam nào ở dơ qua mặt nó nổi. Bộ đồ nhà binh của nó chắc đã cả năm không giặt một lần, lên nước đen hù, đất đóng dày như mo. Tay chun nó hòm đóng cả lớp. Đứng gần nó thiệt muốn bịt lỗ mũi.

Nhưng nói cho ngay, chưa ai từng bịt lỗ mũi trước mặt nó bao giờ trừ những kẻ không thích sống, bởi vì nó là thằng xếp bót tàn nhẫn nổi danh. Không say thì còn khá, say rượu rồi thì nó cũng say luôn máu người. Có máu nó mới vui. Xèo một cái mũi, lất một cái tai, lột trần trường người ta cho kiến lừa cắn, vân vân... đối với nó là một thú tiêu khiển thích thú. Bàn tay của nó đã vậy không biết là bao nhiêu máu của dân lành.

Mỗi buổi chiều, khi kèn giới nghiêm trên vọng canh sắp trối, nó từ quán chú Xiêu trở về, đi xà nịch xà nang muốn chặt đường lộ, lưỡi lê xệ xuống gần tới đầu gối. Đường xá vắng hoe, cửa nẻo đóng chặt, chó mèo im hơi lặng tiếng. Nó nói ba xí ba tú, bước tới hai bước, bước lui một bước, quát tháo vang lừng. Có khi đương cười hô hô như chó sủa, nó vụt a lại ôm gốc cây, khóc hu hu như ông cha mồ tở nó chết. Những giờ phút đó, sinh hoạt của mọi người, từ chợ tới bót gần như ngưng hẳn.

Hôm đó, sau buổi học chiều, tôi đang bỗng em chơi trước ngõ,

HUỖNH ÁI TÔNG

thì Tây Say tới. Cỡ này là nó mới bắt đầu đi lại quán chú Xiếu đây, người còn tỉnh táo. Không hiểu sao, khi qua ngõ tôi, nó đi chậm lại, mắt chăm chăm nhìn vào chúng tôi rồi nó đứng hẳn lại, đưa tay búng chóc chóc:

- Nhỏ!

Tôi hơi sợ nhưng vẫn riu riu bước. Khi tôi đã tới gần, nó vẫn không làm gì cả. Nó đứng nhìn trân trời đứa em nhỏ mà tôi đang bồng trên tay. Qua giây phút đó, tôi bỗng bắt chợt được thái độ lạ lùng mà xưa nay hẳn chưa từng có: đôi mắt hẳn lơ lơ hẳn đi, u ám như một buổi chiều mát nắng, gương mặt hẳn trở nên phờ phạc và môi hẳn hơi run. Trước mắt tôi, Tây Say không còn vẻ hung dữ độc ác nữa. Hẳn chỉ là một con người như mọi người.

Hẳn đưa bàn tay khổng lồ đầy lông lá ra, nhẹ nhàng xoa xoa trên bàn chun nhỏ nhắn của em tôi. Thằng bé sợ quá úp mặt vào ngực tôi mà khóc hét lên. Tây Say rút tay lại, nuốt nước miếng. Vẻ khát khao, thèm thuồng tình cảm hiện rõ trên đôi mắt long lanh của hẳn. Tôi thấy tội nghiệp cho hẳn quá, nhưng phải bồng em đi chỗ khác đỡ. Tây Say chạy theo hỏi bằng tiếng Pháp:

- Em mày hả?

Tôi đáp bập bẹ:

- Vâng, em tôi.

Hẳn vừa nói vừa ra cử chỉ cho tôi hiểu:

- Ô! Em mày! Tao thương nó lắm. Tao cũng có một đứa con nhỏ...

- Ở đâu?

- Ở nhà với mẹ nó. Này, tao thương nó lắm. Tao cũng thương em mày nữa!

Y nói bằng một giọng thành thật, thiết tha. Mặt y ngậy ra, thờ thần, mắt nhìn ra xa. Tôi đứng lặng yên và em tôi vẫn giấu kín mặt, mắt nhắm híp lại. Tây Say đứng như vậy lâu lắm, mãi cho đến khi kèn giới nghiêm vang lên lạnh lốt, hấn mới quay lại nắm chặt lấy bàn chun của em tôi một lần nữa rồi cúi đầu, chậm chạp trở về đồn. Chiều hôm đó, hấn không đến quán rượu.

Chiều hôm sau và hôm sau nữa, hấn lại đến sân tôi, mỗi lần không quên cầm theo hộp sữa, một khúc bánh mì vuông hoặc mấy thẻ chocolat hay một nắm kẹo ngọt để cho em tôi. Và lần lần em tôi không còn sợ hấn lắm nữa. Hấn có thể ôm em tôi vào hai cánh tay lông lá của hấn. Hấn để thằng bé ngồi trên vai hấn, cho nó nắm mớ tóc hấn như nắm bờm ngựa rồi hấn chạy nhông nhông cùng đường. Mỗi lần thằng bé thích chí cười khanh khách, đôi mắt hấn sáng lên một niềm vui man mác. Trước khi về, hấn lại để em tôi ngồi lên đầu, lên mắt hấn, rồi hun tất cả tay chân mình mây của thằng bé. Nhưng râu hấn nhiều quá. Em tôi lại khóc. Vài hôm sau, hàm râu kinh khủng được tẩy sạch.

Chiều chiều, quán chú Xiêu vắng được một ông khách ác ôn. Và xóm chợ tránh được những giờ phút kinh khủng. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là hấn đã hoàn toàn hết hung tợn trong những cơn say máu bất thường.

Giữa một buổi chiều xé tháng ba mà nắng trở nên gay gắt như đổ lửa vào thân thể và tâm tánh của con người thì có một loạt súng nổ vang ở đầu cầu ngang chợ.

HUYỀN ÁI TÔNG

- Ba thằng lính Tây bị bắn chết, đoạt súng ở xóm Tiều.

Tin loan trong chớp nhoáng. Thiên hạ dọn dẹp rần rần, đưa nhau chạy trốn. Súng từ bót nổ ra âm âm. Lê dương và Maroc tủa ra tứ phía. Một cuộc trả thù tàn khốc hãi hùng. Bọn chúng hoàn toàn không còn là con người nữa. Đó chỉ là bầy ác thú trong một buổi loạn rừng. Bắn sạch, phá sạch.

Bàn ghế bị quật nát, lu mái vỡ, tiếng người rú, tiếng găm thét. Vô phước cho những kẻ chậm chơn.

Vừa bỗng em, tôi chạy ra cửa sau; má tôi bị một bá súng vào cổ ngã lăn xuống bất tỉnh, thằng bé nằm sấp xuống thêm. Một tia sáng của lưỡi lê, một tia máu vọt lên giữa những chuỗi cười ghê rợn.

Khi tôi ngẩng đầu lên thì những tia nắng cuối cùng của một ngày tàn chỉ còn lưu lại đôi vệt yếu ớt trên các đợt cau đầu làng.

Tôi đã khóc bao lâu, tôi đã nói những lời gì trước ngôi mộ nhỏ bé ẩm ướt còn mới tinh này, tôi không rõ. Bụng đói, cổ khô, miệng đắng, và khắp mình đầy bụi trắng lẫn sinh đen.

Đứa em bé nhỏ xinh xắn của tôi không còn nữa! Con chim sơn ca nhí nhánh của tôi đã mất rồi! Trời ơi! Đó là sự thật hay sao? Đó không phải là một cơn ác mộng hay sao? Còn gì mà ngờ nữa: rõ ràng là bây giờ nó đã nằm yên dưới lòng đất, nép thân trong chiếc áo quan ghép lại bằng ba mảnh ván ngựa, sau hè.

Em bé của tôi ơi! Nếu quả có một đấng Thượng đế, nếu quả có một đấng Thượng đế, nếu quả như có một vị tối cao tối linh, toàn thiện, toàn năng để xử công tội cho muôn loài thì đấng ấy quả có một sơ sót lớn lao đối với cái chết của em tôi... Anh

chúng cho em rằng: Em vô tội!

Chiều nay, anh đi học về đây! Không còn bóng em chập chững trước cửa đón anh, ôm lấy cổ anh, hôn trên má anh, líu lo ríu rít để cho anh siết bé vào lòng.

Trời ơi! Có thể nào tưởng tượng được có kẻ đang tâm đưa lưỡi lê vào ngực em, như kẻ vui chun xéo nát cánh hoa trên một khúc đường?

Tôi nghiêng răng đứng phắt dậy. Lạ chưa? Tây Say đã đến đây tự bao giờ, im lìm qui nghiêng trước mộ. Một vòng hoa tang kết bằng những vòng hoa dại: hai nhánh dứa tây, mấy bông dành dành trắng, một hoa hồng hé nụ và một miếng băng đen để ngay ngắn bên mồ.

- Tây Say! Bè lũ của mày đã giết em tao! Cút đi!

Tôi khinh bỉ quát lên, rồi xông vào đánh đá túi bụi. Tôi không còn sợ hãi nữa. Tôi vừa thoi vào mặt, vào mũi, vào tai nó, vừa nguyên rửa:

- Đồ tồi! Mày giết chết em tao.

Nó không tránh, không đỡ. Nhưng khi tôi vấp phải mô đá, té nhúi xuống đất thì nghe có một tiếng nắc nghẹn ngào. Tây Say hai tay ôm mặt, gục đầu xuống mồ, khóc nức nở, toàn thân run rẩy. Mớ tóc vàng hoe hỗn loạn bê bết những bùn đen.

- Trời ơi! Tôi đã giết đứa nhỏ ư?

Tiếng rền rĩ của y lạc lõng giữa bóng tối chập choạng của buổi chiều. Tôi đứng dậy lặng yên.

HUỶNH ÁI TÔNG

Đêm buông xuống bao la. Tiếng kèn “lập bình” ngân dài ảo não. Xóm thôn lạnh lẽo đau buồn. Xa xăm, lửa hực chun trời một màu tang tóc.

Sương đã thấm ướt hai vai, tôi vẫn còn đứng lặng. Một bàn tay to lớn kéo sát tôi vào lòng và áp tôi vào ngực. Tôi nghe bên tai có những lời van lơn mà tôi không hiểu hết nhưng tôi biết rõ rằng: đứng trước ngôi mộ này, giờ đây không phải chỉ có riêng tôi là người đau khổ.

Người lính viễn chinh năm cũ! Giờ đây mỗi lần nhìn thấy một lưỡi lê tuốt sáng, tôi lại nhớ đến anh. Anh hãy yên tâm, tôi đã tha thứ cho anh rồi!

Ngày nay đã lớn, tôi có thể hiểu được thêm rằng: bên kia bờ Đại tây dương bát ngát, tôi có những người bạn thân thiết chân thành.

Tôi biết ơn Jean Jacques Rousseau, Montesquieu: những người cha đẻ của Bình đẳng, Tự do và Bác ái.

Tôi biết ơn những người vì nền hoà bình của hai dân tộc mà phải chịu khổ ải tù đày.

Với các anh, tôi biết rằng cũng như mọi con người, khi quả tim còn đập, máu còn chảy là tình nhân ái chưa chết hẳn trong lòng.

Tôi cầu nguyện cho anh đây, Maurice Pierre! Nếu hôm nay, con anh bên bờ sông Seine chưa được thấy mặt anh, nét núi rừng Đông Dương chưa vùi lấp thân anh, nếu giờ đây, anh còn đương ghìm súng dẫn thân giữa miền Constantine máu lửa ngất trời, thì tôi xin anh; tôi mong rằng anh sẽ không bao giờ phải đặt lại một lần nữa vòng hoa tang lên mộ ai như anh đã đặt nó

lên mộ đưa em yêu đầu của tôi trong một buổi chiều nào.

Tháng 3-1957

(Lê Vĩnh Hòa *Người tị nạn Văn học*, 1985)

Vắng bóng

*“Năm năm tiếng lùa xe đều,
Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây.”*

Lưu Trọng Lư

Qua kẽ hở của hàng xương rồng cao quá đầu, chỉ thấy bên trong loáng thoáng bóng người qua lại, tôi nghe nhiều hơn: tiếng chân vừa nhanh vừa nhẹ, đúng là bước chân con gái, những giọng thanh thanh, tiếng cười khúc khích có khi cùng nổi lên một lúc và đều đều, tiếng lóc cóc của thoi đưa, tiếng sè sè của xa quay chỉ.

Ngang công, có thể nhìn vào để thấy cho rõ, thì khổ cho tôi, tôi lại không dám quay đầu, vì ngại người trong nhà bắt gặp. Chuyện đó cũng chẳng hề gì nhưng không hiểu sao tôi lại cứ ngại, gần như lần nào tôi cũng trông ngay phía trước, nghiêm trang đi thẳng. Tuy nhiên thỉnh thoảng, tôi dám liếc nhanh vào và thấy đại khái quang cảnh bên trong: một mảnh sân con với hai cây vú sữa tàng rộng, căn nhà ngói cũ kỹ mà vách bở kho đã đen vì ám khói, ngoài hàng ba có đôi cô con gái ngồi quay tơ, bên trong thiếu ánh sáng chỉ thấy lờ mờ những làn chỉ trắng của vài ba cái khung cửi. Và bóng những người con gái tóc xõa ngang vai, vừa đi vừa chạy, ra vào nhộn nhịp. Vào những buổi sáng tốt nắng trước sân thấy có gác chiếc nong tầm.

Đã biết rằng đó là một nhà nuôi tầm dệt lụa, công việc của những cô gái ấy chẳng có gì lạ hết, nhưng quang cảnh lao động

HUYỀN ÁI TÔNG

rộn rịp không hiểu sao cứ khiến lòng tôi trở nên ảm áp và tin yêu...

Tôi đã qua ngang đó nhiều lần trong một vụ hè mấy năm về trước.

*

- O! Đi đâu mà phát phơ ở đây?

Lộc đưa cả hai tay ra và rú lên như thế. Chúng tôi gặp nhau ở hai đầu của một chiếc cầu tre. Tôi mỉm cười:

- Sang rủ về chơi nhà nó cả tháng rưỡi nay. Còn cậu?

- Về thăm nhà bà nội. Cũng định lên thăm Sang đó. Không dè có cậu. Nè, trở lại nhà mình chơi chút đi.

- Ở đâu?

- Năm trăm thước nữa, trên đường về nhà Sang. Cái nhà ngói cũ có hai cây vú sữa trước sân.

- Ở...

- Sao?

- Không có sao... Ở mà tao cũng thường qua ngang nhà đó.

Nó phá lên cười.

- Có thấy gì lạ không?

- Không!

- Láo! Có thấy nhiều con gái đó chớ.

- Ồ, nhưng vậy cũng đâu phải chuyện lạ. Vớ lại thiệt tình tao cũng ít dám dòm vô.

- Bây giờ đi theo tao thì cứ tự do quan sát chuyện tư tằm.

Nó phá lên cười sằng sặc, thẳng ác thiệt.

Qua một đám bắp dài xanh mướt, đến hàng xương rồng, chúng tôi vào cổng. Một con chó vàng xô ra, sủa ăng ăng mấy tiếng rồi vẫy đuôi mừng chủ. Tiếng thoi đưa, tiếng quay chỉ và tiếng chân vừa đi vừa chạy ngừng hẳn lại. Lộ giới thiệ u ngăn ngui:

- Anh bạn của con. Bà nội tôi đó. Còn đây là các cô quen ở lối xóm.

Các cô gái bẽn lễn một chút, rồi tiếng thoi lại bắt đầu lọc cọc, quay chỉ kêu sè sè và tiếng chân ra vô lại nện nhè nhẹ trên nền đất ẩm.

Bốn cái khung cửi quay mặt vào nhau, giăng giăng những hàng tơ vàng óng ánh, những bàn tay giựt thoi và đập vỗ nhanh nhẹn nhịp nhàng. Ba cái xa quay vắn tơ vào suốt. Ở phía sau nhà trên mấy cái gác là những nong tằm ăm ắp lá dâu xanh.

Hai cô con gái cầm cổ xắt lá.

Bà cụ thân mật:

- Cây nhà lá vườn đó con à. Mà mấy cậu bây giờ không mấy ai thích thứ đồ mộc mạc này nữa.

Tôi hơi mắc cỡ, ấp úng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Dạ, tại có thấy ai bán thứ này đâu mà mua bạn.

Bà cụ thần thờ:

- Ồ, mà ai dám đem bán, lỗ lỗ chết đi con. Nhà bà mấy đời trồng dâu nuôi tằm nên bây giờ không nỡ bỏ chớ khó sống lắm.

- Nhưng mà khỏe phải không bà?

- Không khỏe đâu, làm chuyên vô nghề này đâu đủ ăn. Mấy đứa nhỏ đây tại nó thích, nó qua làm vậy chớ tới mùa cấy mùa gặt, tụi nó phải về, lo ra đồng. Nghề này làm phụ thêm vậy thôi.

Lộc tinh nghịch:

- Phụ thêm vậy đừng để dành tiền kha khá một chút, chừng có chồng đem về làm vốn, phải không Lài?

- Thằng quý sứ!

Bà cụ mắng Lộc, trong khi cô con gái tên Lài, ngồi trên khung cửi, cúi gằm cái mặt đã ửng đỏ xuống bàn dệt, tay lính quỳnh, giựt thoi lia lịa. Bà cụ phải kêu lên:

- Ô cái con Lài! Đút hết tơ còn gì...

*

Băng đi hai năm, tôi lại có dịp về ngang xóm cũ. Một buổi chiều nắng dịu dịu. Bóng tre rợp mát đường làng.

Tôi đi qua hàng xương rồng xanh cao vút. Cũng như ngày nào, tôi chậm bước lại đưa mắt nhìn vào. Không có bóng người và

cũng vắng hẳn những âm thanh quen thuộc trước kia. Không còn e ngại nữa, qua ngang cổng, tôi quay đầu hướng thẳng vào bên trong.

Vẫn sân vẫn nhà, nhưng cảnh đìu hiu như đã chết tự bao giờ. Chỉ có một mình bà cụ đang chậm chạp quét lá khô ở mé vườn.

Con chó vàng xô ra sủa ăng ẳng khi tôi vào đến sân nhà. Bà cụ ngừng chổi, ngẩng mặt lên. Đôi mắt nhấp nhem, cố giương lên nhìn người khách lạ:

- Con kiếm ai?

Tôi ngập ngừng:

- Nghỉ hè năm nay anh Lộc không về đây chơi sao bà?

- Ở thẳng Lộc năm nay không về con à.

Tôi đưa mắt nhìn những khung cửa đã được tháo ra nằm xếp đống ở hè nhà và mấy cái xa quay bám đầy mạng nhện, lòng bùi ngùi như tiếc thương một cái gì thân yêu đã mất.

- Lóng này ở nhà không dệt lụa nữa hay sao bà?

- Đẹp lâu rồi con.

Bà cụ im lặng, đứng thẳng lưng, đôi mắt lơ đãng, tê dại.

- Vắng tiếng thoi, tiếng quay chi, tiếng máy đưa con gái buồn quá! Mà biết làm sao bây giờ hả con?

Tôi lặng thinh, buồn rầu đưa mắt nhìn ra sau nhà.

HUỶNH ÁI TÔNG

Những hàng dâu xanh muốt ngơ ngác đợi chờ, nhớ thương những lúa tằm đã chết. Lài ơi! Bao giờ tôi sẽ mặc áo bằng lụa do đôi tay xinh xắn của cô dệt nên?

Tôi từ già bà cụ ra về.

Sân nhà vắng vẻ lạnh tanh.

Đường chiều lung linh ánh nắng. Lá tre thưa thớt rơi buồn. /-

&

Trong bài viết, Quốc Đạt có nhận xét về các tác phẩm văn chương của Lê Vĩnh Hòa như sau:

Truyện của Lê Vĩnh Hòa thường ngắn gọn, cô đọng, kết hợp tài giỏi giữa trữ tình và hài hước. Người đọc có thể xúc động vì những mảnh đời đau khổ đồng thời có lúc cũng bật cười thoải mái, ý nhị.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Vĩnh Hòa Web: trieuxuan.info
- Lê Vĩnh Hòa Web: gocnhin.net

13) Trang Thế Hy



Trang Thế Hy (1924-)

Trang Thế Hy tên thật là Võ Trọng Cảnh, còn có những bút danh khác như Phạm Võ, Văn Phụng Mỹ, Triều Phong, Vũ Ái, Văn Minh Phẩm. Ông Sinh ngày 9 tháng 10 năm 1924 tại Châu Thành tỉnh Bến Tre.

Ông đăng một số truyện ngắn trên Tập san Nhân Loại, sau góp nhặt in trong tập truyện *Năng đẹp miền quê ngoại*, ngoài ra ông còn cộng tác với tuần báo Vui Sống của Bình Nguyên Lộc, Bách Khoa tạp chí ...

Năm 1962 ông bị bắt giam, năm 1964 thoát ly ra vùng giải phóng, ở nơi mang danh “đất thép thành đồng”, ông công tác ở Ban tuyên huấn đặc khu Sài Gòn - Gia Định, sau là tiểu ban Văn nghệ giải phóng. ông tiếp tục viết truyện *Anh thom râu rồng* , được giải thưởng Văn học Nguyễn Đình Chiểu 1960 - 1965, sau này được Hãng phim TFS chuyển thể thành phim truyền hình nhiều tập, *Mưa ấm* (1981), *Người yêu và mùa thu* (1981), *Vết thương thứ 13* (1989), *Tiếng khóc và tiếng hát* (1993, được tặng thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam), *Nợ nước*

HUỶNH ÁI TÔNG

mắt (2002, giải A của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các hội VHNT Việt Nam)

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông sống và viết ở tại Sài Gòn, cho đến năm 1992, ông tuyên bố: “Tôi đi chơi chỗ khác”, đó là ông đi thăm thú một vài nơi rồi trở về quê cũ định cư, nơi đó ông sống trong căn nhà đơn sơ, bên vườn cây rợp bóng thuộc xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, gần chân cầu Rạch Miễu.

Ngoài viết văn, Trang Thế Hy còn là nhà thơ, năm 1959, ông gửi tới tuần báo Vui Sống của Bình Nguyên Lộc chủ trương bài thơ *Cuộc Đòi*, ký bút hiệu Minh Phẩm, Bình Nguyên Lộc góp ý và đổi tựa bài là *Đắng Và Ngọt*, Phạm Duy phổ nhạc là bài *Quán Bên Đường*. Những bài thơ của ông được góp lại in thành tập thơ song ngữ Việt Anh *Đắng Và Ngọt* do nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành tháng 12 năm 2009, bài thơ tròn 50 năm mới được in thành tập thơ và trả lại cho tên tuổi đích thực của tác giả Trang Thế Hy.

Ông từng là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam; và là Chủ tịch danh dự Hội Văn học nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre.

Tác phẩm:

- *Nắng đẹp miền quê ngoại* (truyện ngắn, 1964)
- *Mưa ấm* (tập truyện ngắn, 1981)
- *Người yêu và mùa thu* (truyện ngắn, 1981)
- *Vết thương thứ mười ba* (tập truyện, 1989)
- *Tiếng khóc và tiếng hát* (truyện ngắn, 1993)
- *Nợ nước mắt và những truyện ngắn khác* (tập truyện ngắn, 2000)...
- *Đắng và ngọt* (tập thơ, 2009)

Giải thưởng văn học:

- Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.
- Giải thưởng văn học Nguyễn Đình Chiểu của Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam (1960-1965), truyện ngắn *Anh Thơm Râu Rông*.
- Tặng thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1994 với tập truyện *Tiếng khóc và tiếng hát*.
- Tặng thưởng loại A của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2001 cho tập truyện *Nợ nước mắt...*

Bài thơ Quán bên đường của ông được Phạm Duy phổ nhạc cùng tên.

Trích văn:

Anh thơm râu rồng

Những quân cờ màu trắng ngà làm bằng ruột bánh mì nhồi với đường coi không khác với ngà thật bao nhiêu được bày xong lên cái bàn cờ bằng giấy bồi rách te tua. Trong khi chờ ông già “Bảy tiểu lâm” vận thuốc, tôi tranh thủ nước tiên, quành một con pháo vô đầu. Ông già mệnh danh là cây cười của phòng 21 khám cộng hòa này sửa soạn tránh tròn đời phải bắt thăm như thường lệ thì đăng cánh cửa sắt của phòng giam có tiếng chìa khóa khua cùng một lúc với những tiếng xì xào nổi lên rải rác đó đây từ các nhóm tù nhân đang giải trí sau buổi cơm chiều: dạy nhau học văn hóa, đánh cờ tướng, tập hát, nhổ râu mép hay bắt bọ ghẻ vằn công, tâm sự tay đôi, vây quanh những anh em tù nhân mới để hỏi thăm về tin tức bên ngoài, v.v ... Câu nói hơi lớn tiếng của một người nào đó nổi bật lên giữa những tiếng xì xào ấy:

- Chú ý! Minh sắp có thêm bạn mới nghe anh em.

Mọi người nhìn ra hành lang. Qua những chấn song sắt của mặt tiền phòng giam, chúng tôi thấy tên công an quen mặt của Trung tâm thẩm vấn đang mở còng cho một anh tù nhân khoảng ngoài ba mươi tuổi, dáng người cao lớn có bề ngang nhưng tiêu tụy gầy yếu, da đen sạm, tóc dài chời vành tai, râu mép và râu cằm tua tủa như rễ tre. Anh mặc một cái quần đùi bằng vải xanh còn mới và một chiếc áo bà ba đã cũ, tay áo cắt ngắn đến khỏi cùi chỏ để lấy vải vá nhiều miếng ở vai và ở lưng. Anh kẹp ở nách bên phải một gói đồ lẹp xẹp bọc trong chiếc khăn choàng tắm rằn ri chằm khít tứ tung. Trong lúc chờ mở còng anh nhìn vào trong phòng giam nheo mắt hay nhoeo miệng cười với những gương mặt quen biết từng gặp nhau ở những nơi giam giữ khác. Tiếng xì xào cứ tiếp tục:

- Trời! Anh Thơm mà từ hồi giờ nhìn không ra chứ! Tội nghiệp, mới có mấy tháng mà ảnh ốm thấy ớn chưa?

- Thơm nào? Thơm râu rồng hả? Uống cạn hết mấy cái hồ nước bót Hòa hòa rồi mới chịu ra đây đố hả cha nội? Vô đây. Ngày mai có giỏ nuôi rồi. Tụi này sẽ bồi dưỡng cho anh mau lợi nghinh để anh phun nước cho anh em tắm với. Nước ở đây hèo lắm!

Nhiều người đang ngồi vụt đứng phất dậy đi về phía cửa mặc kệ cái cau mày tỏ vẻ phật ý của tên công an gác khám đứng bên cạnh tên công an áp giải. Hấn chấp tay sau đít khua xâu chìa khóa leng keng, mặt lầm lì nhìn chằm bằm vào trong theo dõi từng cử chỉ, lắng nghe từng câu nói của anh em. Đợi cho tên công an áp giải mở còng xong, hấn mới mở cánh cửa sắt, hé ra vừa đủ cho anh Thơm lách mình bước vô rồi đóng sầm lại, khóa ngay lập tức. Những người quen trước với anh Thơm vây bọc lấy anh, hỏi thăm riu rít, kẻ nắm tay người sờ xương vai coi anh ốm tới cỡ nào. Một anh vén áo anh lên nhìn ngực nhìn lưng coi có thương tích gì không. Ông già “Bảy tiểu lâm” vượt nhẹ bộ râu cằm của anh pha lửng:

- Đúng là râu rồng! Tao từ khi ra đây bị xa mày mà mất cái bồn mặng “chánh vì vương” có rồng phụ thể thành thử bị hai mách “cát-sô”(*) và một trận đi máy bay quá cỡ tưởng đâu “xí lác léo” rồi!

Trước thái độ ân cần nồng hậu của anh em, anh Thơm chỉ mỉm cười điềm đạm, chưa kịp trả lời câu hỏi nào cho đến nơi đến chốn. Câu trả lời nào của anh cũng bị cắt đứt nửa chừng bằng các câu hỏi khác.

Tên công an áp giải hết nhiệm vụ xách còng đi về phía thang lầu. Tên gác khám vẫn cứ đứng ở hành lang sát chân song sắt nhìn sự xôn xao bên trong, vẻ khó chịu phật ý mỗi lúc càng tăng trên nét mặt lầm lì. Một bác nông dân đứng tuổi, hiền hậu cầm lấy bọc đồ của anh Thơm mở ra xem chỉ thấy có một cái quần đùi rách và một cái áo thun ba lỗ cũ mèm, lật đật gói lại, nói giọng cảm động:

- Tội nghiệp! Tù mới còn nghèo quá. Chắc chưa được thăm nuôi gì đâu. Nhưng không sao, để thủng thủng rồi anh em giúp cho, thiếu gì. Bà con mình ở đây đùm bọc nhau mà sống, đừng lo.

Một cậu học sinh trẻ vỗ vai anh Thơm hỏi:

- Vụ anh hết thấy mấy người mà anh ra đây có một mình vậy?

Anh Thơm mỉm cười đưa một ngón tay trở lên ngụ ý đáp rằng chỉ có một mình anh mà thôi. Anh đại diện cau mày nhìn cậu học sinh, trách nhẹ cậu ta về câu hỏi vô ý thức bất lợi. Nhiều cái nhìn khác cùng một ý nghĩa trách móc lặng thầm như thế cũng đổ dồn vào cậu ta. Cậu ta giựt mình nhìn tên công an ngoài hành lang, le lưỡi một cái thật nhanh rồi tản đi nơi khác với một nụ cười bẽn lẽn.

Anh trật tự viên Hải, người được cảm tình nhất trong ban đại diện phòng giam, này giờ kín đáo dòm chừng thái độ tên công an, lật đật quay mặt vào trong nháy mắt ngậm ra hiệu cho anh em hãy cảnh giác, thận trọng, đừng để sơ hở trong lời ăn tiếng nói. Đoạn anh nhẹ nhàng vỗ tay giả bộ nghiêm trọng:

- Minh giữ trật tự lại đi anh em, chuyện hỏi thăm bè bạn để thùng thăng mai chiều, còn thiếu gì thì giờ.

Ngoài hành lang, tên công an chậm chậm bước sang những phòng giam khác. Anh Hải nói xong bước lại tấm bảng đen cảm phần sửa lại tổng số tù nhân hiện có trong phòng. Rồi anh nhìn qua một lượt số người của từng mâm đã được phân chia từ trước. (Trong phòng giam, đơn vị tổ chức là “mâm” gồm những người cùng ăn chung với nhau một nhóm). Đoạn anh nhìn anh Thơm vỗ vai ông già “Bảy tiểu lâm” nói:

- Anh được xếp vào mâm số sáu mà bác Bảy đây là trưởng mâm kiêm trưởng ban văn nghệ. Tối giờ ăn cư việc nín áo ông, nhớ chưa? Bữa nào thiếu cơm, chùng lên phòng bắt ông nói chuyện tiểu lâm cười chơi đỡ xót ruột. Ờ ... như vậy là bồ cũ ở “Biệt kích 1” gặp nhau rồi đó, tha hồ mà tâm sự. Thôi bác Bảy coi sắp xếp chỗ ngủ cho anh Thơm đi!

Ông già “Bảy tiểu lâm” nắm tay anh Thơm dắt đến một góc phòng dưới gầm gác, xếp cho anh ngủ ngay bên cạnh tôi. Mãi đến lúc này, tôi mới hỏi thăm anh và anh mới mừng rỡ nhận ra tôi. Tôi với anh Thơm ngoài sự quen biết nhau hồi ở bót Hòa – hòa (tức Biệt kích đội 1) còn là hai người đồng hương bị bắt gần cùng một lúc với nhau. Trong hơn nửa tháng đầu, ngoại trừ những lúc anh bị khai thác gắng, bị giam riêng một mình ở xà lim, chúng tôi là đôi bạn láng giềng trong những đêm nằm ngủ chân bị cùm vào quyện sắt. Lệ ở Biệt kích 1 là tất cả những người mới bị bắt đều phải trải qua một giai đoạn tối ngủ ngoài chuyện bị còng tay còn phải bị quyện chân như vậy. Chính anh

Thom đã dạy cho tôi cái mách lới là mỗi chiều trước giờ tên công an phụ trách đêm gác mở cửa vào khám quỵện chân anh em mới thì mình nên tự động chọn trước cho mình một cái khoen sắt trong đồng khoen bỏ ở góc phòng, cầm sẵn nơi tay ra điều như mình ngoan ngoãn tự nguyện tuân theo cái lệ quỵện chân ấy. Nhưng kỳ thật thì có như vậy mình mới chọn được cho mình một cái khoen rộng để ống chân day trở dễ dàng. Để cho tên công an chọn thì nó luôn luôn chọn những cái khoen nhỏ vừa sát với ống chân, đôi khi có thể để lại những vết hằn sưng lên bầm tím.

Nhờ sống gần nhau như vậy tôi được biết tình huống của anh Thom. Anh là một phu xích lô máy bị bắt quả tang đang rải truyền đơn trong người còn một bó gần hai trăm tấm. Bị khai thác dữ dội để phăng cơ sở, anh chỉ một mực nói rằng đêm ấy lúc anh từ một quán cà phê bước ra chiếc xe anh đậu ở vệ đường thì chợt thấy trên nệm xe có một bó giấy cuộn tròn. Anh mở ra xem thì đó là những tờ truyền đơn của Hội Lao động giải phóng khu Sài Gòn – Gia Định kêu gọi công nhân đoàn kết đấu tranh chống Mỹ và tay sai. Anh thấy lời kêu gọi ấy đúng với quyền lợi của tầng lớp nghèo trong thành phố nên đút giấu dưới nệm xe rồi chọn một quãng đường vắng đem rải chẳng may bị bắt. Chỉ có vậy thôi anh không phải là cơ sở của tổ chức cách mạng nào cả.

Anh bị tra tấn dữ dội và đủ kiểu nhưng nhiều nhất là bị cho đi tàu ngầm tức là đổ nước. Sự lựa chọn hình thức tra tấn chủ yếu này của bọn công an không phải là do sự ngẫu nhiên. Thường thường khi tiến hành tra tấn, chúng bắt tạt coi người bị tra tấn ngần sợ kiểu nào nhiều nhất thì đi sâu vào kiểu đó. Anh Thom tỏ ra sợ đổ nước hơn hết thành thử chúng cứ đè anh xuống đổ nước mãi. Và như thế là chúng đã mắc mưu anh Thom. Sự thật thì “đi tàu ngầm” là cách tra tấn mà anh xem thường hơn hết. Anh có khả năng chịu đựng sự đổ nước rất dẻo dai. Từ lúc bắt đầu đổ nước cho đến khi anh ngất đi, bọn công an phải dùng

đến một khối lượng nước bằng ba đối với người khác. Trong cuộc tra tấn anh lần thứ nhất, chị “Năm cỏ vè” xách nước từ hồ vào phòng tra vừa xách vừa khóc nghĩ rằng thế nào anh cũng chết. Cuối cùng chị không thèm xách nữa mặc kệ cho bọn công an muốn đánh chị bao nhiêu thì đánh. Rốt cuộc một tên công an phải tự tay đi xách nước lấy. Sau mỗi lần bị đổ nước như vậy, anh Thơm tỏ ra bèo nhèo, nhừ tử và kinh khiếp cái kiểu tra tấn ấy đến mức độ. Anh run lập cập, người anh mềm nhũn đi và hai tên công an phải kè anh một cách vất vả từ phòng tra qua phòng thẩm vấn. Thế nhưng khi đưa anh trở xuống khám thì anh em lại thấy anh sồn sồn tươi tỉnh, không mất sức gì cho lắm. Rồi khi cuộc thẩm vấn tiếp tục, anh Thơm lại cứ một mực nói y như trước. Bọn công an dọa quay điện, lặn mề gà, cho đi “tàu bay”, anh phớt tỉnh mà hể chúng dọa đổ nước thì anh lại tỏ ra kinh hãi đến run sợ. Thế là anh lại bị đổ nước nữa. Cứ như vậy hơn mười lần trong vòng nửa tháng. Sau cùng bọn công an bót Hòa-hòa đành phải chịu thua anh và nói đùa với nhau rằng tướng tinh anh có lẽ là một con rồng. Có điều hơi lạ là con rồng này vừa uống giỏi mà lại vừa sợ nước.

Áy, cái biệt danh anh “Thơm râu rồng” có cái lai lịch của nó như trên, có thêm tiếng râu là tại anh nhiều râu, thế thôi.

Đến ngày thứ hai mươi ba kể từ khi bị bắt, anh Thơm râu rồng ký khẩu cung. Bản khẩu cung rất ngắn xác nhận anh không thuộc một tổ chức cách mạng nào cả, thậm chí anh cũng không ước đoán được xuất xứ của bó truyền đơn tìm thấy trên xe anh. Anh chỉ nhận là anh có đọc truyền đơn, biết nó là của “Việt cộng” thấy nó nói đúng nên tự nguyện đem đi rải và bị bắt. Kể ra thì bọn công an dư biết sự thật không phải là như vậy nhưng chỉ cần như vậy thôi, anh Thơm đã là một “cảm tình viên Việt cộng” và dưới chế độ Mỹ Diệm cái chức vụ “cảm tình viên Việt cộng” đã quá đủ cho anh Thơm ở tù không có ngày về rồi. Nhưng bọn Trung tâm thẩm vấn ở Tổng Nha Công an bác bỏ bản khẩu cung ấy. Chúng khiển trách bọn Biệt kích đội 1 và

bảo rằng cách xác định tội trạng của anh Thơm là giả tạo hoang đường. Cho nên độ một tuần lễ sau, anh Thơm bị áp giải sang bót Ngô Quyền (tức Biệt kích đội 4) để khai thác lại. Bọn này vừa bắt được một vụ gồm nhiều anh em phu xích lô. Bọn Tổng Nha nghi anh Thơm có dính líu với những anh em đó.

Trước lúc anh Thơm bị giải đi vài hôm, tôi nói cho anh biết rằng tôi hiểu mưu trí của anh trong việc đánh lừa bọn Biệt kích đội 1 và nhờ anh dạy cho cái kinh nghiệm chịu đựng đồ nước vì một ngày còn trong tù là một ngày còn bị hăm dọa bởi mọi hình thức tra tấn. Anh Thơm mỉm cười và đáp bằng một giọng bùi ngùi rằng việc anh chịu đựng đồ nước giỏi không biết có nên gọi là kinh nghiệm hay không. Nó có nguồn cội sâu xa từ thời thơ ấu của anh, một thời thơ ấu nhiều đau thương mà cũng nhiều thú vị. Anh bảo để hôm nào thuận tiện anh sẽ kể lại cho nghe. Tôi nghe vậy rất lấy làm thích nhưng chưa có dịp thuận tiện thì anh Thơm râu rồng đã bị giải đi Biệt kích đội 4. Từ ấy đến nay, hơn hai tháng đã trôi qua, bây giờ tôi lại được gặp anh tại khám cộng hòa này. Cho nên lúc nằm xuống bên cạnh nhau chuẩn bị ngủ, chuyện đầu tiên tôi hỏi anh Thơm là anh đã vượt qua cái ải Biệt kích 4 như thế nào. Anh Thơm đáp:

- Tốt lắm! Chẳng những ở Biệt kích 4 mà tụi Trung tâm thâm vấn này cũng đã bỏ tụi hồ sơ của tôi rồi. Y như cũ. Hỏi này tôi trả lời một chú học sinh chắc anh có nghe mà? Vụ của tôi có một mình tôi thôi.

- Có lời mừng cho anh đó! Anh cũng giữ cái ngón cũ ra được chứ?

Anh Thơm lắc đầu:

- Tụi Biệt kích 4 nó khôn quá, xí gạt nó không được. Nó cứ quay điện và treo tôi lên đập như Chà và làm thịt dê, cho nên tôi mới mất sức dữ như vậy. Chớ cứ đồ nước theo kiểu tụi

HUYỀN ÁI TÔNG

Hòa-hòa thì nhằm nè gì! Rốt cuộc mình cũng lướt qua được. Dùng chức không được, đành phải dùng sức, dùng tinh thần, ý chí mà chịu đựng thôi.

Sau khi tỏ sự kính phục anh, tôi nhắc lời anh hứa hôm nào là sẽ kể lại cho tôi nghe về đoạn đời thơ ấu có liên quan đến sự chịu đựng đồ nước rất tài tình của anh. Anh Thơm tỏ ra dè dặt về tình hình chung trong phòng giam. Tôi báo cho anh biết để yên lòng rằng tình hình ở đây tốt lắm mặc dù thành phần tù nhân bị xáo trộn luôn. Điểm quan trọng nhất là Ban đại diện do anh em cử gồm toàn người tốt và trong phòng hiện không có một con heo gạo(*) nào.

Mặc dù tôi nói thế và anh đã tỏ ra tin cậy tôi ngay từ ở Biệt kích đội 1, anh Thơm vẫn để cho một tuần lễ trôi qua trong thời gian đó chính tự mình quan sát và đánh giá tình hình trong khám rồi mới kể chuyện cho tôi nghe.

Tôi còn nhớ rõ hôm ấy, trời mưa dầm từ sau bữa cơm chiều. Bên ngoài, tiếng rào rào của mưa rơi, bên trong tiếng ồn ào của gần một trăm tù nhân bị dồn ép trong một phòng giam mà hồi xây cất, bọn cầm quyền vốn vô nhân đạo cũng chỉ dự định sức chứa tối đa là ba chục. Trong cái ồn ào ngột ngạt ấy, giọng kể chuyện khoan thai điềm đạm của anh Thơm đã dựng lên cho hai chúng tôi một cái thế giới riêng biệt của sự mến thương và lòng tin cậy giữa những người đau khổ cùng chung lý tưởng gặp nhau không hẹn trước trong cảnh tù đày. Đó là một giọng nói hơi khàn, không được trong nhưng âm sắc khá thanh và rất ấm, nó tăng thêm sức truyền cảm rạo rạo của từng lời tâm sự.

**

Tôi không biết mặt má tôi, anh Thơm bắt đầu nói. Má tôi chết lúc tôi còn nhỏ lắm, mới có hai ba tháng gì đó. Chết vì để còn non ngày tháng mà phải dầm mưa đi cấy trừ nợ bị trúng nước.

Tôi lớn lên bằng nước cơm quậy đường, lâu lâu mới được một người có con đờ thấy vậy tội nghiệp cho bú khính một lần. Sau này, lúc tôi được năm sáu tuổi, khi có ai khen tôi khỏe mạnh, tốt đũa, ba tôi ưa vò đầu tôi mà nói: “Ồ, bây giờ coi nó sồn sờ vậy, chớ hồi nhỏ nó èo uột y như một trái cà đèo”.

Tôi chỉ có hai chị em: chị Nhang tôi và tôi. Chị tôi hơn tôi bốn tuổi. Ba cha con tôi không có đất cất nhà ở, cũng không có ruộng làm. Chúng tôi sống trong một túp chòi nhỏ cất bất hợp pháp trên một cái gò hoang rộng cỡ ba công mọc toàn trâm bầu, dừa gai, lức, mua và chùm lé. Khoảng đất này thuộc về bia chèo khô cần của một dây đất làng gồm có ruộng và vườn được cắt ra từng phần cho mướn. Riêng khoảnh bỏ hoang này thì mỗi năm làng bán củi trâm bầu một lần vào đầu mùa khô, bán theo lối đấu giá, lấy tiền bỏ vô công nho. Nền chòi của gia đình tôi chiếm không đầy hai mươi thước vuông, vậy mà làng cứ đòi tiền thổ cư mãi, ba tôi cố lý, thét rồi họ cũng bỏ qua, lâu lâu có đụng chạm chuyện gì mới nhắc lại để hăm he.

Nghề sống chánh của ba tôi là làm mướn vặt quanh năm: nhổ mạ, đập lúa, cuốc khoai, chèo ghe, gánh dừa. Nhưng lần lần về sau, ông đi sâu vào một nghề chuyên môn khá nguy hiểm là bẻ dừa hột sào.

Dừa là nguồn lợi quan trọng của vùng tôi. Trong xóm có mấy người chuyên nghề bẻ dừa mướn bằng sào tầm vong dài, đặng ngọn tra một cái ghé sắt đẹp rất bén hình lưỡi liềm. Vườn của điền chủ nào cũng có độ vài mươi cây dừa lão rất cao mà sào vói không tới gọi là dừa hột sào. Họ phải mướn người leo lên từng cây một mà bẻ trái bằng liềm hái. Tiền công tính khoán theo số dừa bẻ được. Lúc tôi được sáu bảy tuổi thì trong vùng những tay chuyên nghề bẻ dừa hột sào này giải nghệ gần hết. Một số vì già yếu leo không nổi nữa, một số vì ngán nguy hiểm chuyển qua nghề khác. Nhờ vậy ba tôi kiếm được khá tiền hơn, đời sống cha con tôi đỡ rách rưới đói khổ hơn. Ba tôi

không cho tôi dám mưa dầm nắng suốt ngày ngoài đồng để mót lúa hay bắt cá cạn, móc củ co, nhổ năng, nhổ lá họ bông súng đem về cho chị tôi bung đi chợ bán kèm với lá chuối khô, rau má, rau bùi ngọt, rau mồng tơi của chị nữa. Gạo có đều đều trong hủ. Lâu lâu tôi gài bẫy bắt được một con chàng nghich hay gà nước, ba tôi không cho đem dâng quán bèo bán cho mấy tay nhậu nhà giàu nữa mà biểu tôi nhổ lông đem nướng nhậu chơi. Cái cảnh ăn bữa sớm lo bữa chiều, thiên hạ tới đòi nợ ngày một, hăm siết món này món nọ, đòi leo ỉa trên bàn thờ có khi hàng tháng không tái diễn ...

Thơm râu rồng ngưng nói, cười một mình ngon lành. Rồi thấy tôi có vẻ không thông cảm với điều thâm ý của mình, anh giải thích:

- Cần phải thấy sơ qua cái chòi của gia đình tôi rồi anh mới hiểu vì sao tôi cười. Siết đồ đạc của nhà tôi là siết món gì? Chiếu rách, chén mẻ, nồi ơ sứt miệng, ông Táo gãy mỏ hay là cái chõng tre xệu xạ gập ghình chỉ có thể gỡ lấy vạc sậy bện thưa rêu đem về chum thối chứ mấy cái chân bằng trâm bầu một gậm nát thì bị chôn chết xuống đất rồi. Về dụng cụ sản xuất thì nghề leo dừa của ba tôi gọn hơn. Theo lệ tự thuở giờ thì chủ vườn phải lo lưỡi hái, phần ba tôi chỉ có cái nài bện bằng dây chuối khô, siết cái này ông bện cái khác lo gì? Còn như leo ỉa lên bàn thờ thì chuyện đó coi như nguy hiểm. Bàn thờ nhà tôi là một cái ghế nhỏ mạ loại một chân trên đó để mấy cái lon sữa bò sét đầy cát hàng năm chỉ trong dịp cúng cơm má tôi mới có cắm le hoe vài cây nhang. Nó cũ mềm khập khểnh và mục rệu, trèo lên đó để mà té lộn mèo à? Vậy mà các tay chủ nợ hễ mở miệng ra là hăm siết đồ đạc, đòi leo ỉa trên bàn thờ, anh biểu tôi nín cười sao được?

Tôi và anh Thơm vịn vào nhau cười khúc khích một lúc. Đoạn anh nói:

- Cuộc đời như thế là có phần lên hương nói theo điệu tụi mình bây giờ. Sự lên hương cụ thể là chị Nhang tôi sắm được một cái lược cài bằng mũ làm cho mái tóc ồ quạ của chị ngay ngắn, suôn sẻ. Phần tôi thì ngoài hai cái quần tiêu vải hột dền, tôi có thêm một cái áo thun lá. Một hôm vào giữa bữa cơm chiều, ba tôi nói rằng kỳ nhập trường năm tới, dầu trả hết nợ hay chưa, ông cũng cho tôi đi học. Ông nói phải kiếm ba hột chữ làm vốn, sau này mới ngóc đầu lên nổi với người ta. Tôi khoái chí vô kể. Tôi đang thèm được đi học. Ngoài chuyện ham biết chữ, tôi còn ức lòng vì nhiều cái thiệt thòi lật vặt do mình không phải học trò. Thí dụ như trong hội banh buổi xóm Đất làng, tôi là tay đá cừ nhứt. Vậy mà mỗi khi hội này lên sân Miếu bà đá với tụi con nít xóm Miếu bà thì tụi học trò trên đó cứ một một hai hai đòi giạt bỏ tôi ra vì tôi không phải học trò. Tụi học trò Đất làng sợ không có tôi thì đá thua kèo nài cách gì cũng không được. Mùa khô năm tới, tụi học trò Miếu bà sẽ biết tay tôi trong vụ đá banh buổi. Tôi hậm hực và nôn nao nghì thế.

Chiều bữa đó, lúc xách chai vô quán mua dậu hôi, tôi biểu con Lìn, con của chú Dừng chủ quán lấy bán cho tôi một quyển vở có gạch hàng sẵn. Trong lúc nó ngạc nhiên, tôi cầm quyển vở đưa lên mũi ngửi mùi thơm của giấy mới rồi đưa trả lại cho nó nói rằng mai mốt sẽ mua bữa nay quên đem tiền. Con xầm con xác xược mỏ nhọn hoắc này trẻ môi nguýt tôi một cái theo điệu kẻ có của khinh thị nhà nghèo. Nhưng tôi không giận nó. Mùi thơm của giấy mới làm cho tôi vui. Tôi thích mùi thơm này trong dịp chị Nhang tôi, nhân đi chợ bán rau mua vở giùm chị Ngâu, bạn của chị cũng là con gái nhà nghèo xóm Đất làng nhưng khá hơn chị em tôi được đi học. Trong khi chị Ngâu chưa đến lấy vở về, tôi cầm nó sấm soi chơi và nghe mùi thơm của nó hấp dẫn quá.

Thế nhưng ... cái mộng làm học trò của tôi không thành. – Giọng nói của anh Thom trầm xuống và thoang thoang đượm buồn. – Tôi không ngóc đầu được bằng cách kiếm ba hột chữ

làm vốn như ba tôi mơ ước. Tai nạn lớn đến với gia đình tôi sau đó không đầy ba tháng. Tôi còn nhớ rõ hôm ấy là một buổi chiều trời giông lớn. Ba tôi đau nằm nhà đã ba bữa rồi. Từ khi phải leo dờ nhiều, lâu lâu ông phải nghỉ vài hôm như vậy vì quá mệt. Lần này không phải chỉ có mệt mà ông đau thật. Tôi đề ý nghe về khuya trời lạnh, ông có khúc khắc ho. Hôm qua chị Nhang tôi đi chợ có bỏ về một thang thuốc tức để ngâm rượu theo toa của ông già Mười, tay leo dờ cừ nhứt trong xóm nay đã giải nghệ. Ba tôi mới uống có vài ly nhỏ và khen thuốc hay. Vào khoảng ba giờ chiều chị tôi đi rọc lá chuối tươi và hái rau để mai đi chợ bán vẫn chưa về tới. Trước khi đi, chị dặn tôi rất gắt, biểu phải ở nhà với ba đừng bỏ đi đâu hết. Tôi nôn nao trong bụng vì hôm ấy tôi gài bẫy chim tuốt ngoài ruộng cồn sát bờ sông, ở đó có mấy đám lúa sớm vừa chín tới, chim nhiều lắm. Thấy mặt trời mỗi lúc một xế, ruộng cồn thì xa, tôi đánh liều cãi lời chị tôi ra đi. Lúc đó ba tôi đắp chiếu nằm trên chõng coi bộ ngủ ngon. Và lại chị tôi chắc cũng sắp về tới thôi, tôi nghĩ vậy đề yên lòng. Hôm ấy, giàn bẫy cò ke của tôi dính một lúc ba con chàng nghịch và một con cúm nùm trông rất lớn, thật mập, ức bầu tròn. Bán ba con chàng nghịch thôi, con cúm nùm để lại cặp gấp nướng cho ông già ông nhăm nhi với rượu thuốc thì hạng nhứt. Tôi khoái chí nghĩ vậy và ca hát lên tầm bậy tầm bạ vang rân.

Giữa lúc ấy chị Nhang tôi từ mé vườn chạy ra, vừa chạy vừa khóc bù non bù nước, tóc tai rối nùi, con mắt đỏ chạch. Khi đến gần chị ôm tôi bệu bạo nói: “Em ơi, ba té dờ chết rồi”! Tôi điếng hồn chết lặng đi. Tôi không nhớ rõ là tôi có khóc liền khi ấy hay không. Tôi buông cho mấy con chim chưa kịp trói lủi mất trong lúa rồi chị em tôi dắt nhau chạy về, vừa chạy vừa khóc. Cái đau khổ đột ngột quá mức làm tôi quên cả ngạc nhiên. Mới tức thời đây hồi tôi sửa soạn đi thăm bẫy, ba tôi còn nằm đắp chiếu đặng nhà kia mà.

Ba tôi chết như thế nào? Anh cho phép tôi không nói kỹ nhé. Rùng rợn lắm! Ông học máu nằm co quắp dưới gốc một cây dừa lão cao trệt ót, lúc bấy giờ cơn giông to còn đang lác qua lác lại làm dòng đưa mấy cái ổ chim đồng độc đứng dưới đất nhìn chỉ thấy bằng bụm tay thôi.

Đầu đuôi như vậy: hôm ấy ghe lò dậu ngoài chợ vô chớ dừa của thằng cha hương quản Xung, đương kiêm chánh hương quản, chủ thớt vườn chỗ ba tôi nằm chết đó. Dừa y đã bẻ xong chỉ còn lại mấy chục cây dừa lão hực sào thuộc về phần ba tôi leo bẻ theo lệ thường nhưng vì đau nên ông chưa bẻ kịp. Tên hương quản Xung đến tận nhà thấy ba tôi đau rõ ràng nhưng bắt ông cứ phải leo bẻ liền chiều hôm ấy để ghe lò dậu luôn một chuyến. Ba tôi năn nỉ nói trong mình ông yếu lắm mà trời lại giông lớn sợ leo không nổi. Y không nghe, bảo rằng nếu không bẻ lứa này thì từ lứa sau trở đi, y đề cho dừa khô rụng xuống mà lượm không thêm mướn nữa. Y còn hăm he làm khó dễ về vụ cất chòi trên Đất làng không đóng tiền thổ cư, về món nợ ba tôi thiếu y từ hồi má tôi chết tới bây giờ trả chưa hết. Anh biết chớ, chánh hương quản thời đó là thứ tề thét ra lửa muốn thộp ngực dân nghèo đóng trần giờ nào cũng được. Vì vậy ba tôi phải chết rùng rợn như thế đó.

Anh Thom dừng lại, thở ra một cái dài rồi nói tiếp: “Cái thân phận đắng cay đau khổ của người nghèo trong xã hội có giai cấp, ai ai cũng có thể biết. Nhưng có những người – nói xin lỗi anh nhé, trong số những người này có là có anh – ngay trong đội ngũ chúng ta vẫn có những người chỉ được biết nó qua sách vở, phim, tuồng, tiểu thuyết hoặc có biết trực tiếp trong cuộc sống thì cũng qua cảnh ngộ của người khác, biết bằng trí tuệ đã mở mang già dặn của con người. Còn tôi, tôi biết nó bằng trái tim non nớt dại khờ của một đứa trẻ thơ tám tuổi, biết trong đôi mắt trắng dờ, trợn ngược trong dòng máu đỏ bầm từ khoe miệng giập nát chảy dài xuống làn da ngực trần trụi không có

áo đen đúa sần sùi dính đầy bụi bậm của ba tôi nằm chết co quắp tại gốc dừa của một tên điền chủ”.

Mấy tiếng sau cùng, anh Thơm nói trong sự bệu bạo. Anh bậm môi mà nước mắt chảy ròng ròng. Tôi không dám nhìn, tôi day mặt qua phía khác lắng nghe anh hỉ mũi trong khăn mà đôi khước mắt cũng rung rung cay.

Thơm im lặng chừng ba phút. Khi nói tiếp, giọng anh điềm đạm trở lại:

- Sau ngày ba tôi chết, hai chị em tôi đến ở đợ cho gia đình hương quán Xung để trừ nợ. Nợ bao nhiêu? Ở đợ tới chừng nào mới trừ hết? Chị em tôi không biết mà cũng không có ai phân xử giùm chuyện đó. Năm ấy tôi tám tuổi, chị Nhang tôi mười hai tuổi. Nhiều năm đầu chị em tôi bị đòn liên tu vì chưa có kinh nghiệm ở đợ. Tự thuở giờ, tuy là bữa đói bữa no, mang chài mang lưới, nhưng chị em tôi ít khi phải tủi thân. Ba tôi nghèo mà cung con dữ lắm. Bây giờ thì đòn bông lu bù như cơm bữa. Chuyện gì cũng làm cho chị em tôi bị đòn được: dừa rụng ngoài vườn bị con nít lối xóm lén lượm, chuồng hốt không sạch, trâu ăn đói, vịt con lội dưới mương bị lươn rút, gà nòi sút bội rượt mái tuôn hàng rào gãy cửa, v.v ... Ngán nhất là mấy con gà nòi. Hương quán Xung là tay chơi gà nòi nổi tiếng trong vùng vì tính giảo quyệt gian hùng, vì sự nhạy bén sành sỏi về khoa xem sắc lông, vẩy cửa tướng mạo, chủng loại, dòng dõi của từng con gà dù là gà lạ ở xứ xa đem tới. Y cung gà ngang với cung con. Lần nọ, một con gà con nhảy vô vìm nước cơm sôi do chị Nhang tôi đang chắt, chết phồng ngay lập tức. Chị tôi biết gà nòi chết là tai nạn lớn, điếng hồn bụng nòi cơm rơi xuống đất bẻ nát. Thế là hai trận đòn một lúc. Vợ hương quán Xung đánh về tội làm bể nòi cơm, y đánh về tội làm chết gà. Chị tôi vừa lãnh một chục cán chổi mây lằn ngang lằn dọc trên lưng mới lồm còm ngồi dậy liền bị tên hương quán Xung động cho một đá như đá banh rồi xách giò quăng xuống

ao cá tra. Kỳ đó nếu không nhờ có ông già Mười đang đẩy cỏ ngoài sân nhảy xuống vớt thì chị tôi chết luôn rồi.

- Quân ở ác thật! Tôi chép miệng nói.

- Ác nhưng ít vô lý, Thơm tiếp. Tôi bị đòn nhiều trận vô lý ngoài sức tưởng tượng kia. Như lần nọ tôi đang ngồi bên con cúi rơm để tối giữ lửa ngoài chuồng trâu bỗng nhảy nhồm vì nghe đau nhói ở lưng. Tôi quay lại nhìn, té ra thằng con trai của hương quản Xung nhỏ hơn tôi vài tuổi lén lén từ phía sau dùng một cái gai trâm bầu gạch lên lưng tôi để tôi nhảy nhồm cười chơi. Thằng nhỏ này và chị nó đi học ngoài chợ tỉnh ngày nghỉ mới được rước về chơi. Hai chị em nó mê cưỡng lắm và thường biểu tôi kiếm ổ cưỡng bắt cưỡng con về nuôi. Tôi cũng thích như vậy để có cớ đi rong chơi đỡ làm công việc nặng giờ nào hay giờ nấy. Hôm nay có lẽ nó cũng ra chuồng trâu kiểm tôi để biểu tôi đi bắt cưỡng. Tôi nghĩ vậy và đặt điều nói láo rằng tôi mới thấy cưỡng mẹ tha mỗi bay về phía đất làng. Nhưng thằng nhỏ không chú ý đến chuyện cưỡng tha môi. Nó nhìn cái lưng mốc còi, đen trại của tôi rồi hô lớn: “Á ngộ, chị ơi, mau ra chỉ cái này coi, hay lắm”. Khi chị nó ra tới nó vừa nói vừa gạch thêm trên lưng tôi: “Chị coi nè, ngộ ghê chưa? Cái lưng thằng Thơm nó y như là tấm bảng đen của mình vậy. Mà viết khỏi cần phấn, viết bằng gai trâm bầu cũng được nữa!”. Rồi hai chị em nó biểu tôi khum xuống, ngồi im, giữ cái lưng cho ngay ngắn để chúng nó viết chữ, viết số làm toán, vẽ hình cười chơi với nhau. Ngán nhứt là những cái dấu nặng và dấu chấm trên đầu chữ i. Anh nghĩ coi, lưng mình đóng phèn và đóng hờm chớ có phải bọc sắt đâu mà nó nhân bằng gai trâm bầu nhọn lều, da thịt nào mà chịu cho thấu? Tôi đau quá năn nỉ không được, đành phải tuôn chạy. Hai chị em nó giẫy động động rồi lăn ra nằm vạ kêu mét má. Thế là tôi bị kêu trở vô, bắt cúi xuống.

Cho tới chết không thể nào tôi quên được cái bản mặt tàn ác của con mẹ hương quân Xung: mét chần mét ưỡn như mặt gà mái ấp, con mắt có quầng sâu hóm bởi tháng nào cũng nhào lặn dưới đất vì ghen với đám vợ bé của chồng cỡ bốn năm lần. Hình như y ghen chồng rồi đánh mình cho lợi gan y vậy. Y nói năm roi là năm roi, mười roi là mười roi, đừng mong xin bớt được. Y đánh rất khoan thai chăm chỉ, roi nào đáng roi nấy, mà hễ né hoặc đưa tay đỡ một cái thì dù roi đó là roi chót cũng xù bỏ hết, đếm lại từ đầu cho đủ số. Lại thêm cái giọng bà chằn lửa, khao khao the thé của y nữa. Phật nghe y nói cũng tức trào máu luôn. Y nhíp nhíp đầu roi trên mông tôi hỏi gằn: “Cha chá! Tắm da lưng dày cui như da sấu của mày đó, bộ nó quý giá lắm hả? Thứ em nó vẽ nó chơi chút đỉnh vậy mà cũng làm bộ, làm tịch. Nè, tao đánh cho ráng mà nhớ, từ rày phải bỏ biệt cái thói đó nghe chưa?”

Anh Thom nhái cái giọng the thé của con đàn bà hung ác ấy rất tài tình và nghe rất tức cười. Nhưng tôi không cười. Tôi nghe như có ai dẫn lên ngực tôi một phiến đá. Tôi thở ra lắc đầu. Có lẽ thông cảm điều ấy, anh Thom nói tiếp:

- Những chuyện như vậy tôi có thể kể hoài còn hoài, thôi mình tóm lại cho gọn anh nhé! Cuộc đời ở đợ của chị em tôi kéo dài ba năm trong cảnh đó thì chị Nhang tôi chết. Lúc ấy chị mười lăm tuổi mới bắt đầu trở mã con gái trong xóm ai cũng khen là ngộ nghĩnh dễ thương. Nói tốt cho chị mình nghe kỳ thật, nhưng chị Nhang tôi quả là một người con gái tuy nghèo mỗ côì mỗ cút ở đợ cho người ta nhưng dòm chị sáng sủa dong dãi chớ không có u trệ tối tăm. Nhiều gia đình xóm Đất làng khi rầy con gái ưa nêu chị tôi ra làm gương: “Sao tụi bây không đập cút con Nhang giùm tao một cái để tao nhờ? Con gái người ta chết cha chết mẹ, ở đợ ở đàn cho thiên hạ ăn nhờ miếng cơm mà lúc nào cũng vén khéo dễ coi, bước ra vườn vườn sạch cỏ, trở vô bếp sạch tro, rớ tới đâu ngăn nắp tới đó, ăn nói với người lớn biết khuôn biết phép. Ai như bây vậy, chồng ngồng

cái đầu rồi mà ăn rồi chỉ biết bẹo hình, bẹo dạng, v.v ...”. Mà chị Nhang tôi siêng năng, sạch sẽ có sáng kiến và khéo tay thiệt. Một cái áo cũ rách tả tơi, chị chằm khít lại coi cũng sạch sẽ, dễ thương thấy muốn mặc. Mỗi lần chị đi đâu về, luôn luôn là có món gì để tôi mừng: một cái hộp nhỏ rất xinh để đựng dế, những tấm hình trong bao thuốc lá, vài cái nút chai, một miếng ruột xe hơi để tôi sửa lại cặp giàn thu đứt, ... Chị rất cưng em, ngọt ngào với tôi, giấu đứt từng đồng xu để lên mua bánh cho tôi, thảo ăn với tôi từng chút canh thừa cá cặn nhưng cũng rất chú ý đến chuyện dạy dỗ tôi. Chị dạy tôi thấy ai ăn bánh đừng dòm miệng, thấy ai có món gì tốt đừng trầm trồ quá mức, đừng tỏ ra ham muốn, người ta khinh. Hàng năm đến cuối tháng chạp chị dắt tôi về nên chòi cũ ở Đất làng để quét mộ ba má tôi. Trong từng cử chỉ nhỏ như dần tờ giấy vàng bạc lên đầu mộ, cắm ở đó mấy cây nhang bên cạnh vài cái bông trang rừng hay bông mua, tôi thấy ở thái độ sùng kính tôn nghiêm của chị tôi một cái gì rất là “người lớn”. Cái gì đó dạy tôi về hiếu thảo, dạy tôi làm người, che chở tôi trong đời sống với tấm lòng trẻ thơ, tôi cảm thấy rõ ràng như vậy.

Nhưng tiếc thay, chị tôi không sống lâu để dạy dỗ, che chở tôi. Chị bỏ tôi mà đi sớm quá. Chiều hôm ấy, khi tôi lừa trâu về thì vợ hương quản Xung chuẩn bị chở lúa đi chà ở chợ quận. Cờ vài tháng, gia đình ấy chở lúa đi chà một lần như vậy. Theo lệ thường, ông già Mười chèo ghe, chị tôi theo lo com nước, phụ cất lúa lên, đem gạo xuống. Lúc ghe lui, chị dặn kỹ tôi trước khi lên gác chuồng trâu ngủ phải gậy một đồng un lớn kéo khuya muỗi cắn. Có chị ở nhà khuya nào chị cũng xúc thêm trấu đổ vào đồng un. Chị sợ tôi ở nhà một mình ngủ quên. Chị nói nhỏ thêm rằng kỳ này chị sẽ mua cho tôi một cái bánh con cá. Đó là thứ bánh dẹp bằng bột gạo nướng có pha đậu xanh hình dáng bằng một con cá rô lớn, mắt và vây vẽ bằng phẩm đỏ, miệng ngậm một sợi dây gai cũng nhuộm đỏ, mình có thể máng vào ngón tay cầm chơi được. Quán chú Dừng, tía con Lìn không có bánh này, dưới chợ quận mới có bán. Chị Nhang

tôi đoán biết tôi muốn cái bánh con cá lâu lắm rồi mà không dám đòi. Chiều mai tôi sẽ cầm nó trong tay. Tôi thiếp đi và gắp nó trong giấc ngủ. Tôi cầm chơi đã thèm, để nó bên cạnh, chùng trở mình thức giấc sợ đề nó nhẹ lật đặt quơ tay sờ soạng thấy trống không mới biết là mình nằm chiêm bao và bẽn lẽn cười một mình.

Cái bánh con cá do chị tôi mua cho tôi chỉ có trong chiêm bao thật. Chiều hôm sau, nước vừa những lớn tôi đã có mặt ngoài vàm rạch. Tôi có lý do lừa trâu về chuồng sớm để ra bên phụ cất gạo lên. Ghe quẹo vô rạch tôi nhìn không thấy chị Nhang tôi mà chỉ có một mình vợ hương quán Xung ngồi trên đồng bao. Đằng sau lái, ông già Mươi vừa lật quai chèo để chống, vừa nhìn tôi mặt mày buồn hiu. Vừa thấy tôi, vợ hương quán Xung cất cái giọng khao khao, the thé của y lên:

- Chị mày bà thủy rước rồi. Ai đòi con gái mười bốn mười lăm tuổi mà ngồi ghe cộ không nét na gì hết. Lao chao lắt khắt để cho lọt xuống sông, thiếu chút nữa là chết chìm cả đám. Cái quân của bây thiệt là quân báo hại mà!

Ban đầu tôi tưởng y nói giỡn. Có lẽ máy chà bị hư, lúa cất lờ lên rồi, chị tôi phải ở lại giữ. Tới chùng ông già Mươi cho biết chị tôi rớt xuống sông chết chìm thiệt rồi, tôi mới nhào lặn xuống đất giẫy tê tê mà khóc rống lên. Hồi ba tôi chết, tôi không có khóc dữ dội như vậy. Tôi lặn tròn trên mặt đất, kêu tên chị tôi cả xóm nghe lờng lờng cho đến khi tắt tiếng không kêu được nữa, rồi lịm luôn trên bờ rạch. Ông già Mươi ẵm tôi về gác chuồng trâu ngủ luôn với tôi đêm đó. Tôi bỏ liều cơm nước đến ba bốn bữa liên tiếp mà không biết đói khát. Mắt tôi sung híp. Tôi khóc hoài, mệt quá thì thiếp đi, tỉnh dậy lại khóc nữa. Sau cùng tôi kiệt sức chỉ còn rên nhỏ nhỏ. Không có ông già Mươi đỡ dành săn sóc chắc tôi chết mòn theo chị Nhang tôi luôn rồi.

Theo ông nói lại thì chị tôi rớt xuống sông nhằm chỗ bùng binh rộng minh mông tại ngã tư sông Ba Lai và kinh Chệt Sậy. Vùng đó có mấy chỗ nước xoáy nguy hiểm lắm, chắc anh biết. Hồi xưa tàu đò Đồng Sanh chìm ở đó, hơn một trăm hành khách chỉ còn sống sót có hai người. Vì gió thổi mạnh mà củi lại ướt nên chị tôi nấu cơm sống. Vợ hương quản Xung, sau khi đánh chị hai bạt tai xiềng niềng còn chụp một thanh củi để đập bồi thêm. Thanh củi lớn quá, chị bị đập một cây liễu bẻ chịu nữa không thấu hoảng hồn lùi lại quơ tay ra sau, định chụp bẻ ghe nhưng chụp hụt mới lộn nhào xuống sông. Tội nghiệp ông già Mười, ông lật đật buông chèo nhảy xuống liền tay nhưng nước cuốn chị tôi đi nhanh quá, sức già ông theo không thấu. Phần thì vợ hương quản Xung sợ nước xoáy hút chìm ghe cứ la làng bài hải. Y nói chị tôi báo hại là báo hại cho y sợ như vậy đó. Chị tôi có trôi lên mặt nước được hai lần. Lần đầu kêu ông Mười được một tiếng, lần sau vừa trôi lên là chìm xuống liền, ông Mười chỉ nhìn thấy tóc thôi rồi nước cuốn đi luôn. Nghe nói mà đứt từng khúc ruột.

Cho tới bây giờ tôi không hiểu nhờ đâu mà hồi đó tôi nguôi ngoai được sự nhớ thương đau khổ để sống một mình không có chị Nhang tôi. Một hai năm trời sau đó, những đêm thức giấc giữa khuya, tôi vẫn chưa mất thói quen sờ soạng tìm hơi ấm của chị tôi nằm bên cạnh. Những khi ấy, chiếc chiếu rách tôi đắp một mình sao mà lạnh vô cùng, tiếng con vạc sành gáy ngoài vườn sao mà buồn vô hạn! Nhiều lần, nhân khi xách nước, tôi thọc đầu vào lu cho đến khi sặc sụa, lũng bùng lổ tai, uống nước ừng ực tưởng chừng rằng như vậy tôi chia xẻ với chị tôi cái ngộp trong lúc chết chìm. Vài lần khác, tôi mua cả xôi bánh con cá, lớp ăn, lớp cầm chơi rồi bỗng nhiên òa lên khóc mướt một mình trên lưng trâu giữa đồng vì chợt nhớ rằng dù tôi giàu có muôn xe, mua về mấy triệu cái bánh con cá thì vẫn không có cái bánh nào của chị tôi mua cho ...

- Tiền đâu mà anh mua bánh vậy?

Tôi xen vô hỏi. Hỏi xong tôi thấy mình hỏi vô duyên quá. Nhưng tôi cần phải hỏi cầm chừng một câu cho có hỏi mong làm tan đi phần nào lớp sương mù của sự bùi ngùi, sự mù lòng cao độ đang phủ kín tâm hồn tôi. Trong đời, tôi chưa hề có một người bạn nào mà tuổi thơ quá đổi gặp bầm, buồn thảm như tuổi thơ của anh Thơm.

- Ồ, tôi có tiền chớ! Thơm đáp nhanh. Sau đó tôi đâm liêu anh à. Người nhà hương quản Xung, bất kỳ ai, hễ chửi tôi, tôi cự lại. Biểu cúi, tôi không cúi; đánh tôi, tôi chạy. Rượt kịp thì đánh, rượt không kịp tôi chạy mất. Chiều lại vui thì về, buồn thì tấp theo mấy thằng bạn chặn trâu xóm Đất làng ngủ với tụi nó chơi. Tôi thường bỏ trâu lêu lổng đi đá banh, đánh trống, thổi đáo lạc, mổ đáo tường. Môn nào tôi chơi cũng giỏi, nhưt là thổi đáo lạc. Ngoài cái tên “thằng Thơm đất làng” tôi có thêm một biệt danh nữa là “thằng Thơm cạnh hồ”. Anh biết thổi đáo lạc chớ?

- Biết. Hồ nhỏ tôi chơi môn đó cũng khá. Tôi biết miếng “cạnh hồ”. Tức là mình vừa thổi vừa xoay tròn đồng xu và cạnh cho nó chạm mặt đất theo chiều nghiêng của bề cạnh để nó quành lại chớ gì?

- Đúng. Nhưng thổi cạnh hồ thì dễ thôi, ai thổi cũng được. Đằng này tôi chơi cạnh hồ mới ác chớ. Thí dụ một hàng xu nằm theo chiều dọc, tụi nó chỉ chơi đồng xu giữa anh làm sao? Chơi trúng cũng dễ nhưng thế nào đồng xu bằng của anh cũng lết chạm những đồng xu khác và như vậy là huê. Chỉ có một cách là chơi đồng xu bằng chỗ khác rồi cạnh cho quành lại cán ngang đồng xu chỉ định theo miếng cạnh hồ thì mới ăn thôi. Mà nên nhớ là chơi chớ không được thổi nhé, kiểu như thụt mọt-chê phải thụt vòng cầu vậy mà. Ồ ... chỗ này có chuyện cũng ngộ. Là hồi chín năm lần đầu tiên đơn vị tôi lấy được của Tây cây mọt-chê 81 nè vớ nhằm cây súng hư cái thước ngắm. Lúc bấy giờ thằng Hạo trong tiểu đội là bạn chặn trâu xóm Đất

làng của tôi hồi nhỏ, nói: “Điều này, có môn giao cây súng cho thằng Thom để nó thụt theo miếng cạnh hồi của nó, chứ ông vãi ai biết đường nào mà thụt?” : Đạn thì mình chớp vòn vện có một cặp thôi. Vậy mà tôi cũng uống mật Gấu thụt tưới hột sen. Có lẽ nhờ vong linh tử sĩ phò hộ, tôi “nhiều” một phát một lọt ngay chóc vô cái lô-cốt cầu đình sập tan tành. Tôi nghĩ: nếu thiệt tình thụt một-chê mà cũng có cái miếng “cạnh hồi” như thằng Hạo nó nói giỡn thì ông cố nội thằng Tây lơ cũng phải “lơ” luôn rồi ôm đầu máu chạy về Huê-kỳ gấp ...

Tôi và Thom cùng cười. Cái bụi ngùi khi nãy tan đi một phần theo cái vui bất ngờ của câu chuyện. Thom ngồi dậy vắn thuốc hút rồi nằm xuống nói tiếp, giọng tràn đầy nhiệt tình:

- Trở lại vụ kiếm tiền. Tôi dùng miếng dao lặt cạnh hồi lặt túi bọn con nít từ đầu trên đến xóm dưới, lấy tiền mua bánh bao tụi chẵn trâu xóm Đất làng ăn đã thèm. Có những thằng nhỏ con nhà giàu, nhiều bữa thua đậm quá, sợ về bị đòn năn nỉ tôi cho bớt tiền lại. Tôi bắt chúng nó cụng trán vô gốc dừa, cứ cụng mười cái tôi cho lại một đồng xu, cụng thiệt mạnh, cụng nhẹ tôi không đếm. Có thằng cụng u đầu cái trán đỏ lơ đỏ lưỡng, bọn chẵn trâu Đất làng tụi tôi vỗ tay cười khoái chí vô kể. Nên nhớ là trước đó trong gia đình hương quản Xung, tôi không được phép có tiền công khai. Lâu lắm chị Nhung tôi mới cho được một xu mà tôi giữ đồng xu đó gian nan lắm chớ không phải dễ. Tôi để nó lên mặt cát, dùng gót xoay tròn cho nó vàng ánh sáng trưng rồi xỏ nó vô sợi dây lưng quần xà lỏn bỏ vô phía trong. Chỉ khi nào ở chỗ vắng người tôi mới dám cầm nó ra sắm soi, còn ở nhà thì lâu lâu mới lên nói lưng quần dòm nó một lần. Bây giờ thì tha hồ. Tôi có cả cọc xu xỏ thành từng xâu dài nặng đeo tòn teng trên cổ chơi nghênh ngang không ngán ai hết. Ngoài nghề dao lặt tôi còn nhiều cách khác để kiếm tiền. Mùa nước tôi câu nháp, câu giăng chia ếch. Mùa khô tôi câu trộm đìa rọt, làm hầm bắt cá cạn, rập cu, gài bẫy chim. Có cá lớn chim ngon, tôi xách đi bán công khai. Nhiều

khi tôi xách về nhà hỏi hương quán Xung coi có mua hay không rồi mới đem xuống quán chú Dừng gởi bán. Tuy không nói ra, hình như vợ chồng hương quán Xung ngạc nhiên công nhận rằng thì giờ của tôi, tôi tự do sử dụng, miễn làm tròn nhiệm vụ chăn trâu thổi. Sự nhượng bộ này đánh dấu bằng một chuyện rất đáng nhớ. Hôm ấy, thằng con trai của y giờ mừng cũ biểu tôi khum xuống để nó lấy gai vẽ trên lưng chơi như mọi khi. Tôi bước ra chuồng trâu ngoắc nó: “Mày ngon thì ra đây. Giết ba tao, giết chị tao chưa vừa bụng hay sao mà còn hành hạ tao nữa? Mày dám ra đây coi tao có dám thí mạng với mày hay không cho biết”. Gương mặt tôi lúc ấy không rõ như thế nào mà thằng nhỏ điếng hồn đứng chết trân ở ngạch cửa không dám bước tới. Tôi vừa nói vừa bỏ giò lái hể nghe má nó rút roi thì vọt gáp. Nhưng má nó vẫn làm thình. Một lát sau, tôi vô nhà dò sự tình. Con mẹ hương quán Xung nói với tôi có vẻ ngọt ngào: “Thơm à, em nó còn nhỏ dại nó đòi chơi tầm bậy tầm rầy nó còn được, mày gieo tiếng dữ làm chi vậy không nên”. Tôi quay lưng đi còn quay lại nói: “Tôi nói thiệt mà thím”. Y day mặt phía khác làm thình luôn.

Chừng một tháng sau tôi rõ nguyên do của thái độ đầu dụ này. Ông già Mười thủ thi nói cho tôi biết rằng hôm rằm tháng bảy vợ hương quán Xung bắt ông chèo ghe đến một ngôi chùa nào đó xa lắm mướn thầy chùa tụng kinh giải oan cho vong hồn chị Nhang tôi. Y tin rằng con gái còn trinh mà chết tức tức oan ức như vậy, vong hồn không chịu đi đầu thai, cứ vật vờ theo mây gió mà vẫn vít những ai ở ác với họ. Chớp được chỗ yếu này tôi bèn được mọi khai thác thêm. Bữa nọ tôi đang ngồi sửa cần bẫy thì thấy dạng vợ hương quán Xung sắp đi ngang. Tôi buông cần bẫy dựa vào cột chuồng trâu giả đồ ngủ. Tôi nói lép vấp giọng meo máo như khóc: “Không sao đâu chị à, chị đừng lo, không ai dám ăn hiếp em đâu”. Cứ nói hoài như vậy theo giọng của người ngủ mơ. Y kêu tôi giựt ngược: “Thơm, Thơm! Mày nói cái gì tầm xàm tầm để vậy Thơm?”. Tôi mở mắt giả bộ ngờ ngác một lúc rồi đáp: “Chị Nhang tôi hiện hình về” –

“Úy trời, thiệt hả?” – “Đạ thiệt chớ!” – “Nó nói gì?” – “Chỉ hỏi có ai ăn hiệp tôi không hề có thì nói cho chỉ biết”. Tôi thấy xanh mặt mà nhin cười muốn lộn ruột.

Nói cho ngay, cũng đỡ khổ chút đỉnh vậy thôi. Cái thân ở đợ vẫn cứ là ở đợ cho đến tháng tám năm bốn lăm mình cướp chánh quyền. Năm đó tôi mười lăm tuổi.

Bữa bao nhà vây bắt hương quân Xung, vì thông thạo cửa nẻo, tôi nhào vô trước hết để hướng dẫn mấy anh Thanh niên tiên phong. Tụi thằng Hạo, thằng Bàu xóm Đất làng kêu tôi vang rân: “Ê, coi chừng đừng có nóng mũi nhào ầu vô nó bắn đồ ruột à mày, Thom. Hôm qua nó mới nộp có cây súng hơi thôi, còn cây súng hai lòng nữa mày quên sao?”.

Tôi làm sao quên được cây súng hai lòng của thằng cha hương quân Xung? Cái báng của nó đã từng khệnh vô cần cổ tôi kia mà! Lần đó y bắn le le trong Bàu năng. Tôi thấy y bắn trật lất, sáu con le le cất cánh bay bổng đủ sáu. Vậy mà y nói có chét một con, bắt tôi lặn mò đồ chạch con mắt, còn chê tôi mò dờ khệnh tôi một báng súng muốn treo bản họng. Nhưng giả tí lúc bao nhà, biết nó có một cây “ép” ♣ (FM) tôi cũng không ngán. Chắc anh còn nhớ chớ? Hồi đó mình hăng lắm có biết sợ chét là cái gì đâu ...

Sau độ một phút im lặng tôi hỏi anh Thom:

- Còn vụ uống nước?

- À ... anh không nhắc thì tôi quên mất rồi. Hồi nãy, lúc kể chuyện đòn bọng của thời kỳ ở đợ, vì muốn rút ngắn nên tôi đã “nhận lóp” làm mất đi một màn quan trọng có dính dấp tới cái tài uống nước của tôi làm đầu đề cho anh gọi tôi kể chuyện. Đó là những cuộc trấn nước. Nhắc lại là hồi ấy ngoài những kiểu hành hạ thông thường mà những đũa nhỏ ở đợ chần trâu khác

phải ném trái, thỉnh thoảng tôi còn bị hương quản Xung nắm hai giò thụt xuống ao cá tra cho uống nước. Trong mấy năm ở đợ tôi bị cả hai mươi trận như vậy. Tôi còn nhớ mãi cái lần bị trần nước sau cùng. Lần đó, đúng là tôi bị tra tấn để hỏi tội chứ không có phạm tội gì hết. Thằng con hương quản Xung mất cái hộp tiền, nội nhà ai cũng hồ nghi tôi ăn cắp, dĩ nhiên là trừ ông già Mười. Vậy là tôi bị nắm giò thụt đầu xuống ao cá và được cho biết trước là sẽ bị trần nước hoài cho đến khi trả lại hộp tiền. Kỳ đó, không có thằng nhỏ chắc tôi chết luôn. Ban đầu nó cười như mọi khi, lần lần nó không cười nữa và sau cùng thấy tôi đuối sức, nghe tôi kêu khóc nó cũng khóc theo và khai thiệt rằng hộp tiền của nó không có mất. Lâu quá nó không thấy tôi bị trần nước và muốn xem lại trò chơi đó cho vui không ngờ nghe đến vụ ăn cắp tiền ba nó nổi nóng trần nước tôi dữ dội đến như vậy. Lần đầu tiên tôi nghe hương quản Xung nạt con và tỏ vẻ hối hận, biểu ông già Mười mau mau đốt lửa lên hơ tôi. Từ đó màn trần nước chấm dứt. Tưởng đâu chấm dứt luôn, ai dè ...

Anh “Thơm râu rồng” ngừng nói. Tôi cũng im lặng biết rằng sau khi gọi lại những hình ảnh đau thương của một thời thơ ấu quá đổi giập bầm như thế, con người dù quả cảm đến đâu cũng khó tránh khỏi phải trải qua đôi phút bùi ngùi. Quả nhiên sau một hồi im lặng, giọng nói anh Thơm trở nên trang trọng xa xôi:

- Anh là người đầu tiên mà tôi kể cho nghe thời thơ ấu của tôi một cách có ngọn ngành. Trong quãng đời đó có câu chuyện cưỡng bách tập uống nước, không ngờ khi mình lớn lên nó lại có ích cho mình trong tình huống ngặt nghèo này. Nếu nói đó là kinh nghiệm như anh hỏi hôm nào, thì tôi nghĩ đây là thứ kinh nghiệm đắng cay chua xót quá, chắc không ai muốn có những kinh nghiệm như vậy trong đời mình. Nhưng riêng có một điều này tôi thấy cần nói rõ cho anh nghe, nó có phải là kinh nghiệm hay không tùy anh suy nghĩ. Là mỗi khi kẻ thù

dùng cực hình hành hạ tôi – bất cứ kiểu nào chó không riêng gì đổ nước – thì luôn luôn một số hình ảnh hiện ra trong đầu tôi: ba tôi học máu nằm chết dưới gốc dừa lão của tên hương quân Xung, chị tôi bị vợ y đập bằng củi từ trên ghe nhào xuống sông chết chìm, tôi bị y nắm giò thụt đầu xuống mương cá tra cho uống nước ... Những hình ảnh đó động viên tôi vượt qua tất cả để sống, chiến đấu và trả thù ... không phải hận thù riêng lẻ đối với một đôi người riêng lẻ, điều này chắc là anh dư biết ... Dĩ nhiên, còn nhiều hình ảnh khác nữa có thể không đậm đà bằng nhưng lại thiêng liêng hơn trong trái tim mình. Nhưng ở đây dù sao cũng không nên quên: tai vách mạch rừng ...

Tiếng vỗ tay báo giờ giới nghiêm của anh Hải trật tự viên chấm dứt câu chuyện của anh Thơm ngang đó. Trong niềm kính phục và thương cảm tràn đầy, tôi nghe có một cái gì ám ức. Tôi muốn được nghe thêm một vài sự việc nó làm cho tôi hả dạ như chuyện bao nhà bắt trời tên hương quân Xung chẳng hạn và nhứt là chuyện xảy ra từ sau ngày đình chiến đến nay. Từ thời ở đợ chần trâu đến đập xích lô, cái khoảng gần hai mươi năm sống và chiến đấu của một con người như thế ắt phải có rất nhiều chuyện đáng cho người khác phải lắng nghe. Anh đã hé cho tôi thấy cái vụ thụt mọt-chê “cạnh hời” khá hấp dẫn ... Nhưng tôi sức nhớ câu tai vách mạch rừng và thật sự dè dặt của anh Thơm là chánh đáng. Và chẳng chỉ riêng cái đoạn đời thơ ấu của anh chưa phải là đã hết sức phong phú để cho mình suy gẫm rồi sao?

Chúng tôi nằm sát vào nhau để cùng đắp chung một tấm chăn mỏng. Trong hơi ấm từ người anh Thơm truyền sang, tôi nghe có một cái gì êm ái, nó làm tăng thêm lòng can đảm cho tôi một cách lặng thầm mà chan chứa. Nó giúp tôi suy nghĩ về cách nhìn hời hợt của mình đối với cái dũng cảm của con người. Bằng thái độ hỏi xin kinh nghiệm lúc ban đầu, tôi đã lầm tưởng người này có thể truyền đạt nó cho người kia một cách giản đơn như một vấn đề kỹ thuật./.

Thơ:

Đắng Và Ngọt
Minh Phẩm

Ngày xưa hồi còn thơ
Một chiều nắng đẹp khoe màu tơ
Tôi cùng em hai đứa
Thơ thân ngồi chơi trên ngạch cửa.
Tóc em chừa bánh bèo
Môi chưa hồng, da mét: (con nhà nghèo !)
Đầu tôi còn hớt trọc
Khét nắng hôi trâu, thềm đi học
Em cầm một củ khoai
Cạo vỏ bằng răng rồi chia hai
Thứ khoai sùng lượm mót
Mà sao nó ngọt thôi là ngọt.

Bây giờ giữa đường đời
Kỷ niệm ngày xưa mù khơi
Gặp nhau chiều mưa lạnh
Hai đứa đều sang trong bộ cánh
Dung nhan em còn tươi
Anh mừng tưởng đâu đời em vui.
Dè đâu đây là quán
Em bẹo hình hài rao lên bán !
Đang thời đông khách mua
Chợ thịt còn sung được vài mùa.
Nghe nói anh cầm viết
Nghệ thuật là gì em muốn biết.
- “Mùi hôi nói mùi thơm
Cây bút cầm tay : cần câu com

*Đó em ơi ! Nghệ thuật :
Nhắm mắt quay lưng chào sự thật. ”
Rồi đôi ta nhìn nhau
Không có ai đánh mà lòng đau
Em mời ăn bánh ngọt
Nhắc củ khoai sùng mình lượm mót
Đường bánh thơm vàng mơ
Như nắng chiều xưa khoe màu tơ
Mới cầm tay chưa cần
Mà sao nó đắng thôi là đắng !*

*Xin anh một nụ cười
- Cười là sao nhỉ ? Quên rồi !
Xin em chút nước mắt
- Mạch lệ em từ lâu đã tắt !
Hỏi nhau : buồn hay vui ?
- Biết đâu ? Ta cùng hỏi cuộc đời.
(1959)*

Quán bên đường

*Ngày xưa ngày xưa ngày xưa
Chiều mơ chiều nắng đẹp khoe màu tơ
Hai đứa mình còn trẻ thơ
Rủ nhau ngồi ngưỡng cửa chơi thân thơ.
À a a nhớ nhớ em còn mái tóc bánh bèo
À a a nhớ má chưa hồng da mét vì em nghèo
Đâu anh còn húi trọc, còn húi trọc
Khét nắng hôi trâu thềm đi học, thềm đi học
Thềm đi học...*

*Em cầm một củ khoai
Ghé răng cạp vỏ rơi
Xong rồi mình chia đôi*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Khoai sùng này lượm mót
Sao ngọt lại ngọt ghê
Giờ đây kỷ niệm ngày xưa
Giờ đây cánh cũ chìm xa mù khơi
Gặp nhau một chiều lạnh mưa
Nhìn nhau quần áo bánh bao mừng sao.*

*Nhìn em còn xinh còn tươi
Đời em tưởng đâu là vui
Nhà em phải chăng là đây?
Dè đâu chẳng may là quán
Em bẹo hình hài đem bán...
Rồi em hỏi anh: làm chi?
Cầm bút để viết ngày đêm, viết gì?
Đời thói phải nói là thom
Ngòi bút là chiếc cần câu miếng com
Em hỏi nghệ thuật là chi?
Là đui, là điếc, là câm mà đi.
Nhìn nhau lặng lẽ nhìn nhau
Nào có ai đánh mà sao lòng đau.*

*Bánh ngọt cùng mời ăn
Nhớ chẳng củ khoai ngon
Bánh thơm vàng như nắng
Bánh này mình chưa cắn
Sao mà miệng cay đắng?
Rồi xin một nụ cười thôi
Cười ư? Anh đã vùi quên nụ cười
Thì xin vài giọt lệ rơi
Lệ em cạn đã từ lâu, người ơi
Trước khi từ già hỏi nhau buồn hay là vui
Thì cứ hỏi ngay cuộc đời*

Tấm vé số và những thiên đường có sẵn

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

*Người không mua vé số chỉ bò thôi, không nhảy
còn người mua vé số dám nhảy
là vì tờ vé số hứa rằng người
dám nhảy, khi té lộn nhào,
không chết, chỉ hơi đau (*).*

*Chàng không sợ đau
nhưng không ham những thiên
đường có sẵn trên cao,
muốn xây tổ ấm khiêm nhường
nơi mặt bằng cuộc sống,
cho nên chàng không nhảy,
chỉ bò thôi.*

*Nàng đã quen nhìn lên, không
bao giờ nhìn xuống
làm sao thấy được chàng trong
số những người bò?*

(1991)

(*) Ý của Lỗ Tấn trong tạp văn Bò và nhảy, bản dịch của Phan Khôi.

Theo Hồ Thi Ca nhận xét về Trang Thế Hy: *Hầu hết tác phẩm của Trang Thế Hy đều là truyện ngắn, trong đó ông đặc tả người nông dân Nam Bộ đen đúa, lòi thoi léch thếch, thô lỗ cộc cằn nhưng thật thà, ngay thẳng, khí tiết, không khuất phục trước uy vũ... Bối cảnh đặc trưng của vùng đất mới phương Nam được Trang Thế Hy “tạo tác” với những rừng tràm, cội vông đồng soi bóng trên mặt nước, chiếc xuồng con trên cánh đồng sâu, biển cỏ mênh mông, con kinh nước phèn trong vắt “nhìn thì đẹp nhưng hóp vào chua quéo miệng...”. Cũng như các nhà văn đấu tranh trong lòng Sài Gòn: Lê Vĩnh Hòa, Viễn Phương, Vũ Hạnh... Trang Thế Hy vận dụng cách viết kín đáo*

HUYỀN ÁI TÔNG

xa xôi, lấy xưa nói nay, mượn xa nói gần, kể chuyện hoang đường để hàm chứa lý tưởng yêu nước.

Tài liệu tham khảo:

- Trang Thế Hy Web: vannghesongcuulong.org.vn
- Trang Thế Hy Web: sites.google.com/site/trangthehy/
- Trang Thế Hy Web: nhavantphcm.com.vn

2. Tập san Mùa Lúa Mới

Tập san này do ông Nguyễn Thu Tịnh, đương quyền Giám Đốc Nha Thông Tin Trung Phần sáng lập, xuất bản tại Huế, phát hành ở miền Trung.

Mùa Lúa Mới do ông Võ Thu Tịnh làm Chủ nhiệm, Đỗ Tấn là Thư ký tòa soạn, còn có nhân viên Nha Thông Tin là Võ Phiến và nhà văn Nguyễn Văn Xuân cộng tác.

Mùa Lúa Mới phát hành từ năm 1955 đến năm 1956 thì đình bản vì ông Võ Thu Tịnh chuyển vào Sài Gòn.

1) Võ Thu Tịnh



Thu Tâm Võ Thu Tịnh (1920-2010)

Nhà văn Võ Thu Tịnh có bút hiệu Thu Tâm, Tô Vũ, Thao Kham Leuy, ông sinh ngày 2 tháng 7 năm 1920, nhưng khai hộ tịch 01-01-1920 tại làng Long Phước (Long Xuyên), tổng Mỹ Khê, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Cử nhân Giáo khoa Việt Hán, Saigon. Tốt nghiệp khoa Thính thị Đại học Indiana, Hoa Kỳ.

Thân phụ là ông Võ Hoàn (Võ Hành), Thủ Khoa Cử nhân trường Thừa Thiên khoa Quý Mão (1903), Phó bảng khoa Canh Tuất (1910), làm quan đến chức Tham tá Nội các kiêm- Giám Đốc Cổ học viện tại Huế, năm 1935, xin về hưu non (hưởng ứng theo Thượng thư Ngô Đình Diệm từ chức). Thân mẫu là bà Hồ Thị Tề.

Thiếu thời ông học trường Gagelin ở Bình Định năm 1930-1932, trường Paul Bert Huế năm 1932-33, trường Quốc học Huế năm 1933-1934, trường Khải Định Huế năm 1934-1937, bị đuổi vì biểu tình đón thanh tra Lao động Godart xin ân xá

HUỶNH ÁI TÔNG

chính trị phạm, do đó học trường Hồ Đắc Hàm tại Huế năm 1937-38, trường Pellerin Huế năm 1938-39, trường Yersin Dalat 1939-40.

Năm 1941 đến 1943 làm Lục sự tại tòa Nam án với Tổng Đốc Ngô Đình Khôi, khi Ngô Đình Khôi bị cách chức, ông bị chuyển đến huyện Lệ Thủy Quảng Bình làm việc từ năm 1943 đến 1945.

Sau 1945, đổi qua ngành giáo dục, giáo sư trường Trung học Lê Khiết, Quảng Nghĩa từ năm 1946 đến năm 1948, rồi bị trưng dụng sang dạy trường Trung học Bình dân Liên khu V đến năm 1950.

Từ năm 1950 đến năm 1953 bị Cộng sản bắt bỏ tù 2 lần, mỗi lần một năm. Ra tù, sinh sống bằng nghề hớt tóc dạo và gánh nước mắm từ Tam Quan lên nguồn, đổi trứng vịt gánh về đem ra chợ Trường (Hoài Châu) bán.

Năm 1954, sau Hiệp định Genève, hồi cư. Từ năm 1955 đến năm 1956, làm Giám Đốc Thông tin Trung phần tại Huế, trong thời gian này sáng lập và là Chủ nhiệm tạp chí văn hóa chính trị Mùa Lúa Mới tại Huế với sự cộng tác của Võ Phiến, Nguyễn Văn Xuân, Đỗ Tấn.

Từ năm 1956 chuyển vào Sài Gòn là Giám Đốc Thông Tin Nam Phần, trong thời gian này, làm trưởng phái đoàn Báo chí Việt Nam Cộng Hòa dự hội nghị Ban Dung (Nam Dương 1955) với tư cách quan sát viên.

Năm 1957-1958, du học tại Indiana University tại Bloomington, Hoa Kỳ.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Từ năm 1958, theo học tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn, đỗ Cử nhân giáo khoa Việt Hán năm 1961.

Năm 1961, từ chức Giám đốc, làm giáo sư các trường tư thục Saigon như Hưng Đạo, Nguyễn Bá Tông, Nguyễn Công Trứ, Thăng Long....

Năm 1966, di cư sang Vientiane, Lào, làm Hiệu Trưởng các Trung học tư thục Aurore và Trung học Việt kiều Ai Lao tại Vientiane.

Từ năm 1967 đến 1975 làm Biên tập viên các báo Lao Sapada, Vientiane News,

Năm 1970, là Sáng lập viên và Chủ bút tạp chí biên khảo về văn hóa Lào: *Bulletin des Amis du Royaume Lao* (BARL), được sự hỗ trợ của Tòa Đại sứ Pháp tại Lào và Thủ tướng Hoàng thân Souvana Phouma, do đó Bộ Ngoại giao Lào, mỗi kỳ mua 300 số gửi cho các Sứ quán Lào khắp thế giới.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, tị nạn tại Pháp, làm gác-dan, lao động tại một nhà in để có điều kiện bảo lãnh người nhà sang Pháp, sau đó nghỉ vì tai nạn lao động, làm việc cho hãng bảo hiểm Thụy sĩ Helvetia Assurances từ năm 1976 cho đến khi về hưu năm 1985.

Năm 1978, tiếp tục xuất bản tờ *Bulletin des Amis du Royaume Lao*, nhưng đổi tên là *Présence Indochinoise*, rồi *Péninsule* từ năm 1980, được Bộ Ngoại giao Pháp và Centre National du Livre tài trợ. Đến năm 2000, *Péninsule* được định trụ sở tại Đại học Sorbonne Paris (Paris IV).

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong Ban biên tập Nguyệt san Thế Giới (Houston, Hoa Kỳ), chuyên biên khảo về văn học Việt Nam cho các tạp chí Pháp ngữ, Việt ngữ tại Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Thụy Điển...

Võ Thu Tịnh qua đời ngày 01 tháng 02 năm 2010, tại bệnh viện BICHAT, quận 18 thủ đô Paris, PHÁP, hưởng thọ 90 tuổi.

Tác phẩm:

- *Việt Văn* (Bách Đăng, Saigon, Việt Nam, 1961)
- *The Phralak-Phralam* (Ed. Cultural Survey of Laos, Vientiane, Laos, 1972)
- *The Nang Tan Tay* (Ed. Cultural Survey of Laos, Vientiane, Laos, 1972)
- *À La Découverte du Bouđhime* (Ed. PRESENCE INDOCHINOISE, Paris 1987)
- *La Littérature Orale et Populaire du Viêt Nam* (Ed. SUDESTASIE, Paris 1993)
- *Les Origines du Laos* (Ed. SUDESTASIE, Paris 1993)
- *Le Phralak-Phralam* (Ed. SUDESTASIE, Paris 1993)
- *Quân Trung Đối* (Đông Nam Á, Paris 1995)
- *Au Pays Sedang* (Ed. Presence Indochinoise, Paris, 1998)
- *Tình Tự Dân Tộc* (Xuân Thu, Hoa Kỳ, 1999)

Trích văn:

Ký Ưc Và Thi Ca Truyền Khẩu Việt Nam

Về phương diện ngôn ngữ, có thể chia văn chương truyền khẩu thành hai loại:

* Loại văn vần có hình thể cố định, như ca dao, dân ca... lời được lưu truyền nguyên văn, không thay đổi, đồng thời vì luôn

luôn ngắn gọn và có nhiều vần, nên được tiếp nhận dễ dàng và được ghi khắc vào ký ức của người nghe một cách lâu dài.

* Và loại văn xuôi có hình thể không cố định, như các truyện thần thoại, huyền thoại, cổ tích, truyện kể, lời văn không cố định, cùng một cốt chuyện như nhau, mà khi kể, mỗi người lại dùng lối văn riêng của mình, không ai giống ai. Khi nghe kể xong, người ta chỉ nhớ cốt chuyện mà thôi, chớ không mấy ai nhớ hết các lời văn xuôi mà người kể đã dùng.

Paul Valéry giải thích hiện tượng ấy như sau:

"Ngôn ngữ mà tôi vừa dùng để diễn đạt một ý đồ, một sự mong muốn, một mệnh lệnh, một ý kiến, một thỉnh cầu hay một giải đáp của tôi, các câu văn xuôi ấy, một khi vừa làm xong nhiệm vụ truyền đạt của chúng, tức khắc sẽ biến mất. Tôi đã thốt các câu văn xuôi ấy ra, là để cho chúng nó tiêu tan đi và dứt khoát biến nhập vào trong trí óc các anh... Nếu các anh đã hiểu được những lời tôi nói rồi, thì những lời ấy không còn cần thiết gì đối với các anh nữa, chúng đã biến vào tâm tư các anh, và để bù lại, các anh đã nhận được của tôi, dưới hình thức các tư tưởng và các ý thức liên hệ, những gì để các anh có thể phục nguyên lại ý nghĩa trong những lời văn xuôi mà tôi đã dùng, bằng những lời văn của chính các anh thốt ra, và những lời ấy có thể khác với những lời của tôi vừa nói đó".(1)

Nếu một câu chuyện quá dài, khó nhớ, dân gian ta thường xen vào ở mỗi đoạn chính của câu chuyện ấy một vài "câu thơ" ngắn để làm mốc, nhờ đó về sau, người nghe có thể nhớ lại các diễn biến của cốt chuyện dễ dàng hơn. Chẳng hạn trong một cổ tích dài như chuyện Tấm Cám, ở mỗi sự việc chính đều có một vài "câu thơ" kèm theo, ví dụ như:

Đoạn đầu, Tấm nuôi cá bóng của Phật cho:

HUỶNH ÁI TÔNG

*Cái bóng là cái bóng bang !
Lên ăn cơm vàng, cơm bạc nhà ta.
Đừng ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người*

Đoạn Tấm bị dì ghê giết, hóa ra chim hoàng oanh:

*Giặt áo chồng tao,
Thì giặt cho sạch.
Phơi thì phơi bằng sào,
Chớ phơi hàng rào,
Rách áo chồng tao !*

Đoạn gần cuối, Tấm lại bị giết, lần này Tấm hoá ra trái thị:

*Hú trái thị rơi bị bà già,
Bà đem về nhà gửi chớ bà không ăn!*

Trong Introduction à la poésie orale (Nhập môn thi ca truyền khẩu), giáo sư Paul Zumthor nhận xét rằng:

"Người ta có thể ngờ rằng trong lịch sử đã không bao giờ có một nền văn hóa nào mà không có thi ca truyền khẩu" (2). Và Jean-Louis Joubert, trong La Poésie (Thi Ca), đã xác nhận thêm: "Khi chưa có chữ viết, người ta phải cầu đến thi ca truyền khẩu để ghi lại và vĩnh cửu hóa những gì con người đã nói hay đã nghĩ. [...] Và lời nói bảo tồn lâu cũng bằng chữ viết, có khi lại còn lâu hơn chữ viết nữa." (3) Thi ca truyền khẩu là một "thuật nhớ" (mnémotechnique), là "ký ức" của những dân tộc không có chữ viết. Dân ta từ xưa cũng có câu:

*Trăm năm bia đá vẫn mòn,
Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ !*

Nhà thơ dùng "chữ viết", khi sáng tác chỉ có một mình. Viết xong, còn có thì giờ sửa tới sửa lui. Tác phẩm "thơ chữ viết" là

một sở hữu riêng của tác giả. Còn ở thơ truyền khẩu, dân gian khi sáng tác thường đối diện với nhiều người và phải ứng tác các câu ca dao, dân ca tức khắc và ngay tại chỗ. Nếu các câu ứng tác ấy được dân gian cho là hay, là đúng với tâm tình, ước vọng của mình, thì họ đem các câu ấy ra lặp lại (hay đọc lại) nguyên văn, không thay đổi, để đối đáp với nhau trong những dịp hò hát về sau. Paul Zumthor cho rằng: "Thơ truyền khẩu là một công trình "đọc lại" hơn là một công trình "sáng tạo". (4)

Tất nhiên, ở thi ca truyền khẩu Việt Nam, cũng như ở thi ca truyền khẩu của bất cứ dân tộc nào, lúc đầu hẳn cũng phải có người "sáng tạo" ra, rồi dân gian về sau mới có mà "lặp lại" hay "đọc lại". Những người sáng tạo ra thơ truyền khẩu của dân ta là những người sinh sống ở nông thôn: cày ruộng, làm công, làm thợ... và đáng kể nhất là các hàn Nho. Hàn Nho là những nhà Nho nghèo (hàn) sinh ra ở thôn quê, lớn lên ở thôn quê. Chính họ là những người mà đời sống đã gắn liền với xóm làng, với bà con, láng giềng, thân thuộc chân lấm tay bùn, để chia xẻ, từ những nỗi khó khăn thường ngày, đến những lo âu suy cảm, những niềm vui buồn sâu xa của con người nông thôn Việt Nam.

Những dịp hội hè, nhóm họp, hát xướng, họ đều có mặt. Chính họ là những người đã "gà" thơ cho trai, gái trong làng hát đối đáp với nhau, tức là đã dự một phần lớn và quan trọng vào công việc "sáng tác nguyên thủy". Những câu ý hay, lời đẹp của họ đã được truyền miệng từ anh trai cày đến chị thợ cấy, đem lại cho các nhà thơ bình dân vô danh khác bao nhiêu nguồn cảm hứng để sáng tác thêm. Chính Nguyễn Du lúc thiếu thời đã từng bao nhiêu năm đi hát phường vải, đã từng ứng tác câu hát, lời ca cho nam nữ thanh niên. Trong Truyện Kiều, ai biết được có bao nhiêu câu giống ca dao, hay có bao nhiêu câu Kiều ngày nay đã trở thành các câu ca dao?

HUYỀN ÁI TÔNG

Nhưng thường cũng có trường hợp, dân gian, trong khi lặp lại các câu đã được ứng tác từ trước, đã tự động sửa đổi đi ít nhiều. (Sửa đổi cũng có thể coi như một công trình "sáng tạo", nhưng ở phạm vi nhỏ hẹp hơn mà thôi). Sửa đi sửa lại nhiều lần như thế, đến khi lời thơ được xem như là hoàn hảo rồi, thì hình thể câu ca dao hay dân ca sẽ được cố định và được dân gian lưu truyền lâu dài, sâu rộng hơn. Thi ca truyền khẩu không phải là tư hữu của một cá nhân nào, mà là kết quả của sự cộng tác trong thời gian, trong không gian, giữa nhiều người trong dân chúng.

* Thi ca truyền khẩu gồm có ca dao và dân ca...

Song hai loại này khác nhau thế nào? Ca dao vốn là bài hát suông không có đệm tiếng nhạc, là những câu hát theo giọng điệu tự nhiên, lưu hành trong nông thôn để bày tỏ tình tự của dân gian. Còn dân ca là những bài hát theo một làn điệu nhất định, như hát xoan Phú-thọ, hát phường vải Nghệ Tĩnh, hát quan họ Bắc-ninh, hát bài chòi Bình-định, hát ca lý Nam phần... hay hò cây lúa, giã gạo, chèo đò, kéo gỗ... phần lớn để vừa tỏ tâm tình, lại vừa giúp cho quên mệt nhọc trong khi lao tác. Dân ca có nhiều tiếng láy, tiếng đệm, hay tiếng hò, tiếng xô ở điệp khúc, để đưa hơi, đưa giọng cho dễ hát. Nếu gạt bỏ các tiếng láy, đệm, hò, xô ấy đi, thì những lời còn lại hình thể giống như những câu ca dao. Hay ngược lại. Chẳng hạn như câu ca dao:

*Thương em cho nửa trái cau,
Giấu cha giấu mẹ, núp sau bóng đèn.*

Nếu đem ra hò theo dân ca, điệu "hò hụi Kiên Giang" Nam phần, thì phải thêm các tiếng đệm, láy, hò, xô như sau: Xô : " (Hò hụi là là hụi hổ khoan. Khoan hồ khoan hổ khoan ơ hò hụi). Kẽ : (Là anh có) thương em, Xô : (Là là khoan hổ khoan, hổ khoan ơ hò hụi). Kẽ : Cho nửa trái cau, Xô : (Là là khoan

hố khoan, hố khoan ơ hò hụi.) Kê : Giấu cha giấu mẹ, Xô : (Là là khoan hố khoan, hố khoan ơ hò hụi). Kê : Núp sau bóng đèn".

Hoặc mấy câu dân ca theo điệu "quan họ" Bắc Ninh dưới đây:
" (Tinh bằng có cái) trống cơm, (khen ai) khéo vỗ (ấy mây vòng) nên vòng (ấy mây vòng nên vòng). Một bày (tang tình) con sít lội (lội lội) sông (ấy mây) đi tìm. (Em nhớ) thương ai (đôi) con mắt (ấy mà) lim dim. Một bày (tang tình) con nhện (í ơ a, ấy mây) đi tìm (đi tìm, ấy mây) giăng tơ".

Gạn bỏ các tiếng láy, đệm, hò, thì có hình thể giống như ca dao:

*Trống cơm khéo vỗ nên vòng,
Một bày con sít (a) lội sông đi tìm.
Thương ai con mắt lim dim,
Một bày con nhện đi tìm giăng tơ...*

Chú giải : (a) Con sít = loại chim sống trong ruộng nước, lông xanh, mỏ đỏ, hay ăn lúa.

Trên thực tế, ngày nay khi ghi lại một bài dân ca, người ta chỉ ghi các lời ca hình thể giống như một bài ca dao, không ghi các tiếng láy, tiếng đệm, tiếng hò, tiếng xô, v.v...

Nhà thơ dân gian phải ứng khẩu tức khắc và ngay tại chỗ trước mặt mọi người, không có thì giờ để suy nghĩ, tìm tòi những gì mới lạ hơn... mà chỉ có thể dựa vào những điều mình đã biết, đã nhớ, những gì đã có sẵn trong trí, trong tiềm thức, trong ký ức của mình. Đối tượng của thi ca truyền khẩu là dân chúng thôn quê, vì vậy những điều mà ca dao, dân ca nói lên còn phải bắt nguồn từ trong tâm tình, ý nghĩ, ước vọng chung của dân tộc Việt Nam, thì mới được dân gian cảm thông, tiếp nhận một cách dễ dàng. Những điều dân ca, ca dao nêu ra có tính cách

như là những câu trả lời cho các câu hỏi mà dân gian đã từng tự đặt ra trong tiềm thức của họ.

Mà ứng khẩu hay ứng tác thì thường phải có "hứng". Từ xưa đến nay, từ đông sang tây, các nhà thơ đều cho rằng "hứng" là điều kiện cần thiết để sáng tác thơ văn. "Hứng" thường có ba lối: Một là "thiên hứng", là đặc ân của trời phú cho một số ít người, bỗng nhiên thốt ra được những câu thơ rất hay mà chính tác giả cũng không ngờ được. Hai là hứng theo "thói quen", vì thói quen lâu ngày đã trở thành một "bản sinh thứ hai" của những người thuộc được nhiều câu ca dao, dân ca, và thường đi hò hát lâu năm ở nhiều nơi. Nhờ thuộc được nhiều câu ca dao, (một kho tàng thi liệu trong ký ức) nên khi ứng khẩu, có thể đem ra "lập lại", ghép lại với nhau, sửa đổi ít nhiều, thế nào cho câu dưới vẫn được với câu trên, tạo thành một bài ca dao ngắn, vẫn nhịp chình đốn, thích nghi với hoàn cảnh lúc đó. Ngày xưa, một trong những điều kiện để được nhận vào các nhóm "hát quan họ" hay các nhóm "hát phường vải" chẳng hạn, là phải "thuộc được nhiều câu ca dao hay dân ca" (5). Ba là lối "gọi hứng tại chỗ", như tự mình lắc lư đầu, gật gù, gõ nhịp... lẩm bẩm trong miệng, đi qua đi lại, vung tay vung chân... (chưa kể hút thuốc, ăn trầu, uống rượu...) để tự kích thích thần kinh, tưởng tượng, cảm xúc, khơi mở kho tàng thi liệu trong ký ức, khiến cho từng loạt câu thơ có thể xuất hiện tuông ra dễ dàng. (6)

Trong các cuộc hát hò ở thôn quê, thỉnh thoảng cũng có được một vài nhà thơ dân gian có "thiên hứng", còn đa số ứng tác bằng "thói quen", dùng trí nhớ lập lại những câu đã thuộc để ghép thành bài. Hoặc dùng một kỹ thuật "gọi hứng tại chỗ" mệnh danh là "thể hứng". Đó là lối dùng những câu mào đầu gọi là "câu hứng", đưa ra một vài hình ảnh hay sự việc gì đó, để gây không khí hào hứng làm cho ta cảm thấy thích thú, rạo rục muốn ca hát lên, muốn buông ra những câu thơ, bài hát, tiếng hò... Và nhất là cũng để cho nhà thơ dân gian có thì giờ

suy nghĩ, tìm tiếng bắt vần xuống các câu sau, mà diễn tả tình ý của mình. Đặc điểm của thể húng là nội dung những "câu húng" mào đầu ấy không liên hệ gì với nội dung của bài ca dao hay dân ca. Tỉ dụ như ở các câu sau đây:

*Chim xanh ăn trái ổi Tàu,
Xứng đôi cha mẹ gả, ham giàu làm chi?
Hay: Sông sâu mà sẵn đò ngang,
Càng nhiều nhân ngãi càng mang oán thù !*

Những hình ảnh, sự việc dẫn ra ở hai câu húng, mào đầu: "chim ăn ổi", "sông sâu sẵn đò" không liên quan gì đến việc "xứng đôi cha mẹ gả", "nhiều nhân ngãi mang oán thù". Ngoài việc giúp cho các nhà thơ dân gian được kích thích, được có thì giờ để tìm ý tìm lời, thì các "câu húng" mào đầu còn có mục đích giúp cho họ lấy giọng, có được đà, mà can đảm đi vào đề, bày tỏ những ý nghĩ riêng tư của mình ra. Theo lối xử sự giữa nam và nữ ngày xưa, nếu bắt đầu mà "tỏ tình" ra một cách quá đường đột, trắng trợn, thì có thể làm cho người nghe ngượng ngập, thẹn thùng. Giả tí có trường hợp một cô gái muốn nói với người yêu rằng: "Thương anh đứt ruột mà giả đò làm ngo" chẳng hạn. Cô ta đã có sẵn trong đầu "câu bát" (8 tiếng) ấy, bây giờ cần có một "câu lục" (6 tiếng) để dùng làm "câu húng", mà tiếng chót có vần "ò" (để vần với tiếng "đò" ở câu bát), ghép với nhau cho thành một câu ca dao lục bát. Cô gái ấy có thể:

(a) Hoặc tự mình đặt ra một câu 6 chữ nào đó, chỉ cần tiếng chót có vần "ò" để ghép với "câu bát" ấy mà thôi, như:

*Đêm khuya lặn lợi thân cò,
Thương anh đứt ruột, giả đò làm ngo.*

Ý trong câu hứng của cô gái đặt ra: "đêm khuya lặn lội thân cò" không liên hệ gì với ý chính trong câu bát "thương đứt ruột mà giả đồ làm ngọc".

(b) Hoặc cô gái lấy lại nguyên một vài câu ca dao đã có sẵn, mà tiếng chót có vần "ò", như: "Chim chuyền bụi ớt liú lo", "Đường đi cách núi trở đò", "Đêm khuya gà gáy ó o"... Đem lấp mỗi câu ấy vào với "câu bát" thì sẽ thành nhiều câu ca dao giúp cho cô gái bày tỏ được tình ý của mình:

*Chim chuyền bụi ớt liú lo,
Thương anh đứt ruột, giả đồ làm ngọc.
...Đường đi cách núi trở đò,
Thương anh đứt ruột, giả đồ làm ngọc.
...Đêm khuya gà gáy ó o,
Thương anh đứt ruột, giả đồ làm ngọc....*

Có những câu ca dao được dân gian đem ra dùng đi dùng lại, để làm "câu hứng" mào đầu, như:

*Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhắm đã say.
Em thương anh, cha mẹ chưa hay,
Như ngọn đèn giữa gió biết xoay phương nào?
... Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhắm đã say.
Anh hùng thước lụa trao tay,
Nước non một gánh vơi đầy ai hay? ...
... Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhắm đã say.
Nợ nhà giàu trả hết lại vay,
Chớ nợ duyên chồng vợ, trả mấy ngàn ngày cho xong.*

(c) Hoặc cũng lấy một câu lục đã có sẵn, đem sửa vài tiếng chót cho có vần "ò", rồi ghép với "câu bát" ý chính của mình. Như lấy câu lục ở một bài đã có sẵn sau đây:

*Thò tay ngắt ngọn rau ngâu,
Thấy em còn nhỏ giữ trâu mà buồn.
Đổi "ngọn rau ngâu" thành "một ngọn ngò", cho có vần
"ò":
Thò tay ngắt một ngọn ngò,
Thương anh đứt ruột, giả đò làm ngơ.*

(d) Lắm khi thể hứng gồm có nhiều câu (chớ không phải chỉ một câu lục mà thôi), như:

*Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nắng đục mưa trong.
Em đây vốn thiệt chưa chồng,
Núi cao sông rộng, chưa biết gửi lòng nơi mô?
... Dừa Bến Tre, ba đồng một trái,
Chuối Bến Tre, một nãi đồng ba.
Ai biểu anh tới đây, rồi lại đi xa,
Để em thương, em nhớ, em chờ, em đợi, nước mắt nhỏ sa
vẫn dài.
Anh ngồi cầu Trường Tiền, ngó lên Phu Văn Lâu, dạ sầu
bát ngát,
Ngó về Thương Bạc thì dạ héo gan hon,
Đoái nhìn phong cảnh nước non...
Bạn chờ qua, qua chờ bạn, biết bao nhiêu nỗi hao mòn
thảm thương.*

Thỉnh thoảng, cũng có những câu hứng mà vừa là câu phú (tả rõ), hay vừa là câu tỉ (so sánh), hay vừa là câu ẩn dụ (so sánh thật kín đáo), như:

HUỶNH ÁI TÔNG

*Vừa hứng vừa phú :
Rủ nhau xuống bể mò cua,
Đem về nấu với mơ chua trên rùng.
Em ơi chua ngọt đã từng,
Non xanh nước biếc ta đừng quên nhau.*

Hai câu đầu thể hứng, lại vừa tả rõ việc mò cua, hái mơ để nấu canh "mơ chua", rồi từ chữ "mơ chua" bắt quàng liên hệ xuống ý "chua ngọt" của cuộc tình giữa đôi lứa, ở hai câu sau. Vừa hứng vừa tỉ :

*Sông kia có lạ chi cầu,
Đáy đây có lạ gì nhau mà nhìn.*

Câu hứng đưa ra hình ảnh "sông không lạ chi cầu" để liên hệ với ý ở câu dưới: cũng như "đây và đó có lạ chi nhau".

Vừa hứng vừa ẩn dụ :

*Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say.
Lòng ta như chén rượu đây,
Lời thề nhớ chén rượu này bạn ơi !*

Giữa ý của hai câu hứng và ý ở hai câu tiếp theo, có một liên hệ gây chuyển: liên hệ giữa hình tượng "rượu hồng đào" với "chén rượu đây", "lời thề nhớ chén rượu này". Dư âm của ý "rượu chưa nhấm đã say" bàng bạc suốt bài, dẫn khởi đến "cuộc tình duyên mới gặp mà đã say mê", mà đã buông "lời thề chung thủy ngay tại đêm nay". Một ẩn dụ cấu trúc nhẹ nhàng mà tha thiết.

Đặc tính của những "câu hứng" là ý băng quơ, rời rạc, không ăn nhập gì với nội dung bài dân ca hay bài ca dao. Đó là những "câu thơ vô nghĩa" so với toàn bài. Trong "đồng ca" (bài hát trẻ

em) cũng có những "câu thơ vô nghĩa", đó là những đoạn câu có vần, có nhịp điệu cho dễ nhớ, với mục đích vừa dạy từ ngữ vừa mua vui cho trẻ em. Như:

*Trời mưa lâm lâm,
Cây trâm có trái,
Con gái có duyên,
Đồng tiền có lỗ,
Bánh nớ thì ngon,
Bánh đòn thì béo,
Cái kéo thợ may,
Cái cày làm ruộng...*

Thi ca nước Pháp, vào các thế kỷ XII, XIII, cũng có một loại thơ gọi là "fatrasie" trong mỗi bài thơ, trừ câu đầu và câu chót, tất cả những câu khác đều bằng quơ, vô nghĩa. Vào cuối thế kỷ XIX, Paul Verlaine chủ trương "thơ trước hết là nhạc", câu thơ chỉ cần giàu âm hưởng, nhạc điệu, có khi bất chấp ý nghĩa, chẳng hạn như ở bài Pantoum négligé, 16 câu toàn là "vô nghĩa" (hay có một ý nghĩa mà không ai thấy được), xin trích 4 câu đầu, dịch ra tiếng Việt như sau:

*Ba cái bánh pa-tê nhỏ, chiếc áo sơ-mi của tôi cháy.
Cha sở không thích ăn xương.
Cô em bạn dì tôi tóc vàng, tên là Ursule.
Chúng ta di cư sang Les Palaiseaux ! (7)*

Gần đây, ở nước Anh cũng có phong trào thơ "nonsense" (vô nghĩa), với những câu nội dung chẳng ăn nhập vào đâu cả. Thi ca Pháp, cũng đã phát sinh khuynh hướng chủ trương thơ chỉ cốt ở ngữ thuật (jeu du langage) hơn là ý nghĩa, lời thơ có nghĩa hay vô nghĩa cũng không quan trọng gì. Đến mức Paul Valéry phải nhắc đi nhắc lại rằng: "Một thi nhân không có trách vụ cảm thấy trạng thái nên thơ: điều đó là một việc riêng

tu của anh. Mà trách vụ của thi nhân là tạo ra cái trạng thái nên thơ ấy nơi những người khác. (8)

Nhưng bản thể các "câu hứng vô nghĩa" trong ca dao ta có phần khác hơn. Trước khi vào đề, dân gian ta dùng những "câu hứng" gợi lên những hình tượng, sự việc, tình ý rút ra từ thiên nhiên xung quanh họ, từ cuộc sống hằng ngày của chính họ, từ ký ức chung của dân tộc Việt Nam, nên đã gây được những tiếng vang dội sâu rộng trong tiềm thức của người nghe, gây được trong tâm tư người nghe một cảm giác thích thú, một sự biểu đồng tình tha thiết để sẵn sàng tiếp nhận sự truyền đạt một cách dễ dàng. Các "câu hứng" là những tiếng nhạc dạo trước khi đàn, là bài hát rao tuồng để mở màn trong một tuồng hát bộ ngày xưa, là một tập quán trong việc ứng xử "lịch sự" lâu đời của xã hội Việt Nam. Khác hẳn với các câu "thơ vô nghĩa" Tây phương; các "câu hứng" của dân ta dù có giá trị nghệ thuật, tâm lý, xã hội thế nào, cũng vẫn không tách ra khỏi cái nhu cầu đóng góp, chuẩn bị cho trách vụ chính yếu của nhà thơ là truyền đạt tình ý cho những người đang nghe.

Phương thức truyền đạt tình ý của "thơ viết" và của "thơ truyền khẩu" có phần khác nhau. Các thi nhân "thơ viết" phải theo phương thức ngữ pháp hóa ngôn từ, còn các nhà "thơ truyền khẩu" lại theo phương thức kịch trường hóa ngôn từ. Nhà thơ "chữ viết" có thì giờ nhiều, nên thường cặm cụi gò dũa câu văn theo ngữ pháp bác học qui tắc chặt hẹp, khó khăn, còn nhà thơ "truyền khẩu" phải ứng tác tức khắc và ngay tại chỗ, trước quần chúng: họ vừa là tác giả, vừa là người diễn xướng, vừa là kịch nhân, trọn quyền linh động tận dụng mọi nghệ thuật ngôn từ của môn kịch. Mà kịch trường ở đây chính là sân khấu đại qui mô của cuộc sống xã hội hiện hữu hằng ngày của dân gian ta. Do đó, nghệ thuật thi ca truyền khẩu rất phong phú, linh động, luôn luôn bùng nổ theo các biến chuyển của xã hội, mà đổi mới không ngừng. Giáo sư Paul Zumthor đã kết luận: "Chính vì các lẽ ấy, nên thi ca truyền khẩu thường bao gồm

nhiều qui tắc và phức tạp hơn thi ca sáng tác bằng chữ viết: ở những xã hội mà tập tục truyền khẩu chiếm ưu thế, thì thi ca truyền khẩu có một nghệ thuật điều luyện hơn phân đông các tác phẩm sáng tác bằng văn tự." (9)

Nhưng đừng quên rằng nghệ thuật thi ca truyền khẩu vốn là nghệ thuật của "ngôn ngữ-ký ức". Và muốn cho người nghe ghi nhớ dễ dàng và bền lâu vào ký ức, thì các câu thơ truyền khẩu phải phù hợp với: nhịp vận động của thân hình con người, phải vang lên những âm hưởng của tiếng nói con người, phải dùng tưởng tượng con người mà nhìn hình tượng, dùng lý trí con người mà thấy được sự chuyển ý của văn ảnh cô đọng, dẫn khởi. Như vậy, "ngôn ngữ-ký ức" đòi hỏi trong các bài ca dao, dân ca một cấu trúc xây dựng trên ba yếu tố: nhịp điệu, âm hưởng và hình tượng văn ảnh. Vấn đề được đặt ra ở đây là ngôn ngữ Việt Nam chúng ta có cung cấp cho thi ca truyền khẩu (ca dao, dân ca) đầy đủ các yếu tố đặc thù ấy không? Nếu có thì đến mức độ nào?

* A. Nhịp điệu

Jean-Louis Joubert, giáo sư đại học Sorbonne tại Paris, trong tác phẩm *La Poésie*, có giảng rõ: "Cấu trúc thi ca truyền khẩu đã bắt chước theo các điệu bộ nhịp nhàng của thân hình, lối ngâm dãn từng tiếng thích hợp với sự hô hấp. Những phương thức đơn giản, trong đó điệu bộ và ngôn ngữ chồng chất lên nhau (từng loạt các câu cân bằng và mất cân bằng, điệp ngữ và đối ngẫu, đối xứng và xen kẽ, song song và bất vận, v.v...) tạo điều kiện dễ dàng cho sự ghi nhớ và bảo đảm sự biểu đồng tình của cử tọa, đồng thời cho phép sáng tạo, bằng nghệ thuật, những tạp diễn vô hạn định. Sự hội nhập điệu bộ và thân hình vào thi ca vẫn tiếp diễn dù là khi người ta rời xa lối truyền khẩu. Chính sự hội nhập này đã cấu tạo nên nhịp điệu, nhờ đó thơ được nổi bật hơn các công trình tạo tác khác bằng chữ viết (10).

HUỶNH ÁI TÔNG

Sự hội nhập ngôn ngữ thi ca truyền khẩu với điệu bộ của thân hình con người, được thể hiện trong ngôn ngữ Việt qua sự vận dụng những tiếng kép đôi và lối xen kẽ nhiều tiếng kép đôi với nhau. Ngôn ngữ Việt vốn có rất nhiều tiếng kép đôi, là những tiếng gồm có hai tiếng ghép lại: hoặc 2 tiếng đều có nghĩa, như: rụng rời, nóng nực, ngày tháng, mờ mờ, nhẹ nhẹ..., hoặc 1 tiếng có nghĩa với 1 tiếng vô nghĩa, như: lạnh lẽo, buồn bã, ngại ngùng (lẽo, bã, ngùng: là những tiếng vô nghĩa), hoặc 2 tiếng đều vô nghĩa, như: thông dong, khác khoải, tông ngông, lồi thối, v.v... Dân ta có khuynh hướng dùng những rất nhiều tiếng kép đôi thay cho những tiếng đơn đòng nghĩa, để cho câu nói được nhịp nhàng, cân đối. Thay vì nói "ao thu lạnh" chẳng hạn, thì người ta lại thích nói "ao thu lạnh lẽo"; đáng lẽ chỉ nói "gặp nhau vui lắm" thì lại thích nói "gặp nhau vui vẻ lắm". Thay vì nói "đi chậm" thì lại thích nói "đi chậm chạp". Các tiếng "lạnh, vui, chậm" có nghĩa, các tiếng "lẽo, vẻ, chạp" là những tiếng vô nghĩa, chỉ thêm vào nghe cho nhịp nhàng, êm tai, hay cho ý nghĩa được tinh tế hơn. Các câu thơ Việt được nhịp nhàng cân đối là do dân gian đem những tiếng kép đôi xen kẽ lại với nhau, để tạo thành hai vế đối xứng nhau, như:

*Nhân duyên tháng đợi năm chờ,
Ngồi buồn làm một bài thơ không chông.*

Hai tiếng kép đôi "năm tháng" và "đợi chờ" xen kẽ nhau thành: "tháng đợi / năm chờ".

*Hơn nhau tấm áo, manh quần,
Thả ra mình trần, ai cũng như ai.*

Hai tiếng kép đôi "tấm manh", "áo quần" xen kẽ nhau thành: "tấm áo / manh quần".

*Gãm xem thế sự thặng trầm,
Xưa ông mặt trắng, nay thặng mặt tron.*

Ba tiếng kép đôi "xưa nay", "ông thẳng" và "trắng tron" xen kẽ nhau thành: " Xưa ông mặt trắng / nay thẳng mặt tron" .

*Sông Ngân hà dễ bắt cầu,
Trai thương vợ cũ, gái sầu chồng xưa.*

Bốn tiếng kép đôi "trao gái", "thương sầu", "vợ chồng" và "cũ xưa" xen kẽ thành hai vế đối xứng: "Trai thương vợ cũ / gái sầu chồng xưa"...

Như thế, dùng tiếng kép đôi, và xen kẽ các tiếng kép đôi là hai phương thức căn bản để xây dựng nhịp điệu trong thơ truyền khẩu Việt Nam. Các nhà thơ "chữ viết" nổi tiếng nước ta, trước đây, cũng thường vận dụng các tiếng kép đôi này. Chẳng hạn như trong Đoạn Trường Tân Thanh, đoạn "Kiều đi Thanh Minh" (câu 43 đến câu 142), Nguyễn Du đã dùng trên 30 tiếng kép đôi (nô nức, dập dìu, ngổ ngang, tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ, sè sè, dàu dàu, xôn xao, mong manh, dầm dầm, đau đớn, mòn mỏi, phôi pha, gập gờ, lằm rằm, nhỏ to, mê mẩn, tần ngần, ủ dột, vắng dài, nặng nề, ào ào, rành rành, hiển hiện, lai láng, bồi hồi, dửng dăng, gân gấn, con con,...) và mười mấy lối xen kẽ các tiếng kép đôi thành những tiếng kép bốn, phân ra làm hai vế đối xứng nhau:

"Trâm bình", "gáy roi" > Thì đà trâm gáy, bình roi bao giờ.

"Thỏ ác", "lặn tà" > Trái bao thỏ lặn, ác tà.

"Ngựa xe", "áo quần", "nước nen" > Ngựa xe như nước, áo quần như nen.

"Thoi vàng", "tro tiền", "vó giấy", "rắc bay" > Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.

"Ngày xanh", "má hồng", "mòn mỏi", "phôi pha" > Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha...

Văn chương Đông phương chúng ta thiên nhiều về sự đối xứng, nhưng trong thi văn Pháp, "sự đối xứng hay đối ngẫu... là một khái niệm mới xuất hiện gần đây, mà tu-từ học cổ-điển không hề lưu tâm đến. Khi Malherbe dịch các bài thơ Thi Thiên trong Thánh Kinh (Psaumes), hình như ông không nhận thấy rằng căn bản thi ca Thánh Kinh đã xây dựng trên những đối ngẫu, và trong bản dịch sang Pháp văn, ông không hề tìm cách phục nguyên lại các lối đối ngẫu ấy." (11)

Các văn thi sĩ Pháp cũng không hay dùng đến lối đối ngẫu trong các tác phẩm, và trong lý luận văn học của họ cũng không bàn cập đến vấn đề ấy. Tuy vậy, dân gian Pháp vẫn theo lối đối ngẫu mà sáng tạo ra nhiều câu ca dao, tục ngữ cân đối, như: "Loin des yeux, loin du coeur" (xa mặt, cách lòng), "Après la pluie, le beau temps" (hết mưa, lại nắng), "Tel père, tel fils" (cha nào, con nấy), "Oeil pour oeil, dent pour dent" (ăn miếng, trả miếng), "La parole est d'argent, le silence d'or" (lời nói là bạc, im lặng là vàng)... Như thế, là vì dân gian Pháp (cũng như dân gian Việt hay bất cứ sắc dân nào khác trên thế giới) bao giờ cũng theo qui luật tự nhiên chung của con người về nhịp thở và về nhịp cử động thân hình, mà cấu tạo ra những câu nhịp nhàng, đối xứng, để cho dễ nói, dễ thuộc, dễ nhớ.

* B. Âm hưởng

Âm hưởng ở thi ca truyền khẩu Việt Nam luôn luôn được gắn liền với nhịp điệu. Âm hưởng ở đây chỉ chung tiếng nói, lời nói của con người Việt Nam, một tiếng nói có âm vận và âm thanh thật phong phú. Âm vận chỉ những tiếng có vần với nhau. Hai tiếng vần với nhau trước hết phải có một âm căn bản như nhau (âm căn bản là những âm chưa có dấu giọng), rồi nếu thêm các dấu giọng thì ta sẽ có:

Vần bằng là những tiếng có dấu huyền và tiếng không dấu vần với nhau, tỉ dụ như "mơ" vần với "mờ", với "cờ", với "tơ"

(cùng một âm căn bản "ơ"); "tài" vần với "mai", với "đài" (cùng một âm căn bản "ai"); "thương" vần với "lường", với "chương" (cùng một âm căn bản "ương")...

Vần trắc là những tiếng có dấu sắc, dấu ngã, dấu hỏi, dấu nặng vần với nhau, tỉ dụ như "có" vần với "thỏ", với "mở", với "hộ" (cùng một âm căn bản "o"); "cáng" vần với "hảng", với "lãng", với "trạng" (cùng một âm căn bản "ang"), v.v...

Về vị trí của vần trong câu, ta có hai loại: Cước vận (cước = chân), là những vần gieo vào các tiếng ở cuối câu, và yêu vận (yêu = lưng), là những vần gieo vào tiếng ở lưng chừng câu. Âm vận cũng là một loại điệp ngữ (điệp âm) lặp lại nhiều lần các âm căn bản cùng một thanh.

Đặc điểm của ca dao Việt là vừa có cước vận vừa có yêu vận.

Ca dao Tàu chỉ có cước vận, không có yêu vận, như ở bài ca dao Tịnh Nữ trong Quốc phong, (Kinh Thi) dưới đây:

*Tịnh nữ kỳ thù,
Sĩ ngã vu thành ngu.
Ái nhi bất kiến,
Tao thủ trì trừ.*

(Dịch: Cô gái dịu dàng xinh đẹp, đợi ta ở góc thành. Yêu mà không được gặp, Ta xoa đầu bạn khoăn).

So với bài ca dao Việt sau đây:

*Chồng gì anh, vợ gì tôi ?
Chẳng qua là cái nợ đời chi đây !
Mỗi người một nợ cầm tay,
Ngày xưa nợ vợ, ngày nay nợ chồng.*

HUYỀN ÁI TÔNG

Ta thấy bài ca dao Tàu 4 câu chỉ có 3 tiếng cước vận mà thôi: "thù", "ngu" và "trù" ở cuối các câu 1, 2 và 4. Còn bài ca dao Việt cũng 4 câu mà có đến 5 tiếng bắt vận: Cước vận: "đây" vần với "tay". Yêu vận: "tôi" vần với "đời", "tay" vần với "nay".

Chúng tôi nhận thấy có nhiều yêu vận trong "thơ truyền khẩu" của dân Mạ (Thượng Việt ở Cao nguyên Trung phần) và dân Lào, [mà theo Bình Nguyên Lộc, tác giả Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Nam, đó là những sắc dân vốn cùng một tông Malai (Malaya) với chúng ta. (12)] thơ bình dân Lào sau đây:

*Xa thú, xa gio, mur xay kâu,
Khạ pha chậu khỏ kao tam nan.
Pên ni than xup ma tè koòn,
Vậu tè boòn pang Khun Bu Rôm.*

(Dịch: Chắp tay lên trán kính cẩn thưa: Kê tôi tớ này xin kê lại sau đây, theo cổ tích từ đời xưa truyền lại về đoạn vua Khun Bu Rôm). Bốn câu mà có đến 6 tiếng yêu vận: "kâu" vần với "chậu"; "nan" vần với "than"; "koòn" vần với "boòn".

Và ở bài ca dao Mạ:

*Oi puu' taany mang,
Oi pang taany ngai,
Oi đờ-rai
taany ngai bii mhoo...*

(Dịch thoát: Chăn "puu' " dệt ban tối, chăn "pang" dệt ban ngày, chăn "đờ-rai" dệt ngày lẫn đêm). Bốn câu có đến 6 tiếng yêu vận: "mang" vần với "pang"; "ngai" vần với "đờ-rai", và "ngai".

Có người cho rằng âm vận hiện nay trong thi ca truyền khẩu Việt Nam là kết quả của sự hòa nhập giữa cước vận Tàu với yêu vận Lào, Mạ... Nói một cách chính xác hơn nữa, (vẫn theo Bình Nguyên Lộc) Việt Nam vốn cùng chung một tông Malai (Malaya) với Lào, Mạ, nên tất nhiên đã có sẵn yêu vận, về sau chịu ảnh hưởng văn hóa Tàu, nên chúng ta thu nhận thêm cước vận (tỷ lệ : 1 cước vận / 2 hoặc 3 yêu vận) để tạo ra các thể lục bát, song thất lục bát ngày nay. Nhìn chung, "điệp ngữ" (điệp âm) của âm vận đã hòa nhập với "đối xứng" của nhịp điệu, khiến cho ngôn ngữ Việt Nam trong thi ca truyền khẩu nghe du dương, êm tai, giàu nhạc tính. Mà nhạc tính, theo định nghĩa nguyên thủy trong văn học Tây phương là bản thể của thi ca: "Thơ là nhạc của tâm hồn" (Voltaire), "Thơ là tham vọng của ngôn từ muốn chứa đựng cho được nhiều ý hơn, pha trộn với nhiều nhạc hơn, mà ngôn ngữ thông thường không chứa đựng và không thể chứa đựng được" (Valéry) (13).

Âm thanh trong ngôn ngữ Việt chỉ chung các giọng dài, giọng ngắn của tiếng Việt. Tiếng Việt có nhiều dấu, phân thành hai loại. Tiếng bằng, giọng êm dịu, có thể kéo dài ra được, như những tiếng không có dấu và những tiếng có dấu huyền. Tiếng trắc, giọng ngắn ngủn, không đọc dài ra được, như những tiếng có chữ c, ch, p, t đứng ở cuối tiếng và những tiếng có dấu sắc, nặng, hỏi, ngã. Trong những tiếng bằng và tiếng trắc, tiếng nào cũng có thứ tiếng bổng và tiếng chìm. Tiếng bổng trong tiếng bằng là những tiếng thượng bình thanh, không có dấu; tiếng chìm trong tiếng bằng là tiếng hạ bình thanh, có dấu huyền. Tiếng bổng trong tiếng trắc là những tiếng có dấu sắc và dấu ngã, tiếng chìm là những tiếng có dấu hỏi và dấu nặng. Những tiếng bằng, trắc ở ca dao thường dùng để ngắt đoạn trong câu, nhấn mạnh vào các nhịp điệu.

Thể thơ là hậu quả của sự hòa nhập giữa nhịp điệu, âm thanh và âm vận. Chính cách ngắt câu, ngắt đoạn (nhịp điệu), cách đặt và đổi chỗ các tiếng trắc, tiếng bằng vào tiếng chót của mỗi

HUYỀN ÁI TÔNG

đoạn câu (âm thanh) và cách gieo vần hay cước vận vào những vị trí nào trong toàn bài (âm vận), đã quyết định cấu trúc của các "thể thơ" trong thi ca truyền khẩu dân ta. Các nhà văn học thường phân thi ca truyền khẩu ra thành ba thể: thể nói lối (những câu từ 2 đến 5, 6 tiếng), thể lục bát chính thức (cứ 1 câu lục 6 tiếng và một câu bát 8 tiếng đi cặp với nhau) và thể song thất lục bát chính thức (gồm có hai câu thất, mỗi câu 7 tiếng và hai câu lục bát). Luật thơ do các nhà Nho ngày xưa đã căn cứ vào những câu thơ lục bát hay song thất lục bát đã thành hình mà đặt ra luật thơ với nhiều qui lệ, song chính yếu ta nhận thấy có:

1. Tiết tấu (cách ngắt đoạn trong câu): mỗi câu có ba hay 4 đoạn, mỗi đoạn có 2 hay 3 tiếng, qui định như sau: câu thất 3/2/2, (khác với các câu thất trong thơ Tàu 2/2/3); câu lục 2/2/2, câu bát 2/2/2/2. Trong mỗi câu, những tiếng chót các đoạn phải lần lượt trắc rồi bằng, hay bằng rồi trắc, một qui luật mà Hoài Thanh gọi là "luật đổi thanh" (Thi nhân Việt Nam, 1942) theo biểu đồ sau đây:

Thể lục bát

Câu lục 0 B / 0 T / 0 B
Câu bát 0 B / 0 T / 0 B1 / 0 B2
Thể song thất lục bát
Câu thất 1 0 0 T / 0 B / 0 T
Câu thất 2 0 0 B / 0 T / 0 B
Câu lục 0 B / 0 T / 0 B
Câu bát 0 B / 0 T / 0 B1 / 0 B2

Chú thích: 0 = tiếng không buộc trắc hay bằng; 0 B1 / 0 B2 = hễ B1 thanh bằng bổng, không có dấu, thì B2 thanh bằng chìm, có dấu huyền, và ngược lại.

Xin lưu ý : "Luật đổi thanh" ấy cũng không khỏi có một vài biến dạng, ngoại lệ:

a. Biến dạng: đoạn cuối các câu bát, theo đúng "luật đổi thanh" phải là 0 B, nhưng lại là 0 B1 / 0 B2. Vì sao? Theo thiên ý chúng tôi, thì hai đoạn 0 B1 / 0 B2 này có thể coi như là một đoạn có tiếng chót thanh bằng 0 B, nhưng tiếng chót thanh bằng B ấy được kéo dài ra để chấm dứt câu và chấm dứt theo hai 'thuật kết câu' như sau:

Hoặc ngân kết, kéo dài thanh bằng ra qua một (vài) tiếng thanh bằng khác, để kết câu theo công thức (B b B), ví dụ:

*Người khôn, ai chẳng nâng niu
Hoa thơm, ai chẳng chặt chiu (B) trên (b) cành (B)
... Hát câu đẹp côm, tươi hồng,
Hát câu nên vợ, nên chồng (B)*

Hoặc láy kết, đưa giọng lên cao láy qua một tiếng trắc, rồi trở lại thanh bằng để kết câu theo công thức (B t B):

*Con cò trắng toát như bông
Muốn nghe hát đùm, mà không (B)
... Ước gì em biển nên chum,
Anh biển nên nước, ta đùm (B) láy (t) nhau (B).*

Ngân kết theo công thức (B b B): "chiu trên cành", "chồng cò ơi"; láy kết theo công thức (B t B): "không chịu vào", "đùm láy nhau", là những 'thuật kết câu', 'kết bài' thường dùng trong cổ nhạc, trong dân ca chúng ta. Như thế, các tiếng chót ở hai đoạn cuối các câu bát, nếu tiếng trước thanh bằng (B1) không dấu (bằng bổng), thì bắt buộc tiếng sau (B2) phải thanh bằng có dấu huyền (bằng chìm), và ngược lại. Đó cũng là một hình thức "đổi thanh", song mức độ nhẹ hơn: vẫn ở trong thanh bằng, mà

HUYỀN ÁI TÔNG

kéo dài từ thanh bằng bổng xuống thanh bằng chìm, hay ngược lại từ thanh bằng chìm lên thanh bằng bổng.

b. Ngoại lệ: Tiếng chót của đoạn đầu câu thất (trong song thất lục bát), theo "luật đối thanh" phải là tiếng trắc, nhưng nếu hai câu bảy đặt thành 2 câu sóng nhau, (hoặc đối, hoặc không đối), thì có thể là một tiếng thanh bằng, như ở các bài dưới đây:

*Của của trời (B) ai chăm (B) thì được (T)
Việc việc đời (B) ai trước (T) thì hơn (B)
Cứ gì (B) ăn trắng (T) mặc trơn (B)
Làm người (B) gánh vác (T) giang sơn (B1) mới là (B2).
... Trái lòn bon (B) trong tròn (B) ngoài méo (T)
Anh nhớ em (B) ruột héo (T) gan xàu (B)
Đó đây (B) cách trở (T) vì đâu (B)
Trách sao (B) con tạo (T) cơ cầu (B1) đa đoan (B2).*

2. Cách gieo vần trong thi ca truyền khẩu ta theo như trong các biểu đồ dưới đây:

Thể lục bát

Câu lục 0 B 0 T 0 B (cvb)
Câu bát 0 B 0 T 0 B1 (yvb) 0 B2 (cvb)
Thể song thất lục bát
Câu thất 1 0 0 T 0 B 0 T (cvt)
Câu thất 2 0 0 B 0 T (yvt) 0 B (cvb)
Câu lục 0 B 0 T 0 B (cvb)
Câu bát 0 B 0 T 0 B1 (yvb) 0 B2 (cvb)

Chú thích: (cvb) = cước vận bằng; (cvt) = cước vận trắc; (yvb) = yêu vận bằng; (yvt) = yêu vận trắc.

Bài ca dao hay dân ca nào cấu trúc đúng y như trên thì gọi là "lục bát chính thức" hay "song thất lục bát chính thức". Còn

bài nào tuy cách ngắt đoạn trong câu và cách gieo vần đúng luật, nhưng số tiếng trong mỗi đoạn không đúng với số tiếng luật thơ qui định, thì gọi là "lục bát biến thức", như:

*Nói lời / anh chẳng / giữ lấy lời
Nay anh đang tâm / phụ bạc / để tiếng đời / cười chê. (11
tiếng)*

(Câu lục đáng lẽ 6 tiếng thì lại 7 tiếng, câu bát đáng lẽ 8 tiếng thì lại 11 tiếng)

Hay gọi là "song thất lục bát biến thức", như:

*Ởi anh ơi / có xa / thì xa cho mắt
Có lại gần / thì thành thất / thành gia
Em khuyên anh lại lại / qua qua
Một mai em biết / đánh la / tội tình. (10 tiếng)*

(Đáng lẽ 7 tiếng, mà câu thất một lại 9 tiếng, câu thất hai lại 8 tiếng, câu lục đáng lẽ 6 tiếng thì lại 8 tiếng, câu bát đáng lẽ 8 tiếng thì lại 10 tiếng).

Bùi Kỷ, trong Quốc Văn Cự Thể, có nhận xét rằng: "Lục bát là lối văn riêng của ta mà Tàu không có. Phát nguyên bởi những câu ca dao, phương ngôn, ngạn ngữ đời cổ, kỳ thủy mỗi câu hoặc 4 chữ, hoặc 5, hoặc 6...chữ, không nhất định, dần dần dựa vào êm tai, đọc ra thuận miệng, thành ra một thứ âm điệu... cứ câu 6 tiếng tiếp theo luôn câu 8 tiếng, cho nên gọi là lục bát". (14) Theo chủ trương này (các câu thể "nói lối" nguyên thủy đã theo thời gian chuyển hóa dần dần thành ra các thể "lục bát" và thể "song thất lục bát"), chúng tôi xin đưa ra một giả thiết về lai lịch của ca dao, theo một quá trình chuyển hóa tưởng tượng, như sau:

HUYỀN ÁI TÔNG

a. Chuyển hóa từ "nói lời" thành ra "lục bát" : Lấy một bài ca dao thể "nói lời" 4 câu dưới đây:

1. *Bâng khuâng, bát ngát,*
2. *Em hát hữu tình.*
3. *Căn duyên trời định,*
4. *Hai đứa mình gặp nhau.*

Nếu ghép câu 1 với câu 2 lại với nhau và bỏ hai tiếng "bát ngát", ta có một "câu lục", ghép câu 3 và câu 4 lại, ta có một "câu bát", cả hai câu lục và bát hợp lại thành một cặp "lục bát biến thể":

*Bâng khuâng em hát hữu tình,
Căn duyên trời định hai đứa mình gặp nhau.*

b. Chuyển hóa từ "nói lời" thành ra "song thất lục bát" : Lấy một bài ca dao gồm có sáu câu (4 câu nói lời và 2 câu lục bát) sau đây:

1. *Gió hiu hiu,*
2. *Chín chiều ruột thắt,*
3. *Nhìn sao bên bắc,*
4. *Nước mắt chảy bên đông*
5. *Ai xuôi chi vợ vợ, chồng chồng,*
6. *Không biết đây với đó, giây tơ hồng có xe?*

Nếu ghép câu 1 và câu 2 với nhau, ta có câu thất thứ nhất, ghép câu 3 và câu 4 với nhau, ta có câu thất thứ nhì. Hợp lại với câu 5 và câu 6 là hai câu "lục bát", ta sẽ có bài "song thất lục bát biến thể":

*Gió hiu hiu, chín chiều ruột thắt,
Nhìn sao bên bắc, nước mắt chảy bên đông.*

*Ai xuôi chi vợ vợ, chồng chồng,
Không biết đây với đó, giây tơ hồng có xe?*

Hoặc từ bài ca dao 6 câu sau đây:

1. *Dãy dọc tòa ngang,*
2. *Giàu sang có số.*
3. *Kim Long Nam Phổ,*
4. *Nước đổ về Sinh*
5. *Như đôi lúa mình chút nghĩa ba sinh,*
6. *Có làm răng đi nữa cũng không dứt tình bỏ nhau!*

Nếu ghép câu 1 với câu 2 thành câu thất thứ nhất, ghép câu 3 với câu 4 thành câu thất thứ nhì, hợp lại với câu 5 và câu 6, ta có bài thể "song thất lục bát biến thức":

*Dãy dọc tòa ngang, giàu sang có số.
Kim Long Nam Phổ, nước đổ về Sinh.
Như đôi lúa mình chút nghĩa ba sinh,
Có làm răng đi nữa cũng không dứt tình bỏ nhau!*

c. Chuyển hóa từ "nói lời" thành ra thể "thất thất bát". Trong khi tham khảo một số sách sưu tập về ca dao như Văn nghệ dân gian Quảng Nam Đà Nẵng của Nguyễn Văn Bốn, Tục ngữ Ca dao của Lê Gia, Dân ca Kiên Giang của Lưu Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang, Việt Nam văn học bình dân của Nguyễn Trúc Phương... chúng tôi thấy có trên 100 bài ca dao, mỗi bài gồm có hai câu thất (7 tiếng) và một câu bát (8 tiếng) mà chúng tôi gọi là "thất thất bát", theo cấu trúc bài sau đây:

*Thiếp xa chàng, hái dâu quên gió, (7 tiếng)
Chàng xa thiếp, cắt cỏ quên liềm, (7 tiếng)
Xuống sông gánh nước hũ chìm gióng trôi. (8 tiếng)*

Cũng theo giả thiết trên, lấy bài thể "nói lời" 6 câu sau đây:

HUYỀN ÁI TÔNG

1. Canh hãy còn khuya,
2. Đường về thăm thăm.
3. Đôi ta xứng lắm,
4. Như kếp với đào.
5. Hát chơi cho giải muộn,
6. Lẽ nào làm nợ.

Nếu ghép câu 1 và 2, thành câu thất thứ nhất, ghép hai câu 3 và 4, thành câu thất thứ nhì, rồi ghép hai câu 5 và 6 thành câu bát, ta sẽ có một bài thể "thất thất bát" biến thức như sau:

*Canh hãy còn khuya, đường về thăm thăm,
Đôi ta xứng lắm như kếp với đào.
Hát chơi cho giải muộn, lẽ nào làm nợ.*

Và dưới đây, chúng tôi xin trích một số câu ca dao thể "thất thất bát" biến thức trích từ các sách sưu tập về ca dao kể trên, để quý vị độc giả rộng đường nhận xét:

1. Tôi đi ngang nhà má,
2. Cái tay tôi xá, cái cẳng tôi quì.
3. Lòng thương con má, sá gì thân tôi !

...

1. Thương chi mà bạn thương vô có,
2. Nhớ chi mà bạn nhớ bao đồng.
3. Trai đà có vợ, gái đã có chồng mà bạn thương.

...

1. Két phứt đi, đây duyên, đó nợ,
2. Két phứt đi, đây vợ, đó chồng.
3. Dù ông Trời chưa định, ông Tư Hồng cũng chưa xe.

...

1. Xa làm chi mà xa quanh, xa quất,
2. Xa làm chi mà xa tối, xa tức, xa vội, xa vàng,
3. Không cho thiếp thờ chàng than đôi lời.

...

1. *Khô chi p hận em, cha chả là cam phận khổ,*
2. *Lên non đốn củi, đụng chỗ đốn rồi,*
3. *Xuống sông gánh nước, đụng chỗ cát bồi khe khô.*

Trước đây, trong khi sưu tầm, cũng có lần gặp một vài bài ca dao gồm có 3 câu như thế, chúng tôi cứ tưởng là người biên soạn chép sai, hay nhà in sắp chữ xuống hàng không đúng. Về sau vì nhận thấy số ca dao "thất thất bát" gặp được cũng khá nhiều, và do những nhà văn học biên soạn khác nhau, nên chúng tôi đặt thành vấn đề, mà sưu tầm sâu rộng hơn, và tự hỏi có phải đây là một thể trung gian giữa thể "lục bát" và thể "song thất lục bát" chăng? Và vì sao những sách sưu tầm cũ hơn, như Tục ngữ - Phong dao của Nguyễn Văn Ngọc, Thanh Hóa quan phong của Vương Duy Trinh chẳng hạn, hay ở một số sách tham khảo về thi ca bình dân gần đây, không thấy ghi các câu ca dao thể "thất thất bát" này?

Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ vì ngày trước, ca dao miền Bắc đã tiến đến mức độ cao hơn miền Nam rất nhiều, truyện Kiều được phổ biến sâu rộng trong đám bình dân, phong trào dân ca trong các hội hè được thịnh hành đã lâu, nên những câu ca dao "thất thất bát" đã phải nhường chỗ cho những câu ca dao thể "lục bát" và "song thất lục bát" bác học hoá, là các thể được coi như mẫu mực phải theo. Còn các nhà biên soạn gần đây, có lẽ cho những câu thể "thất thất bát" này không đúng mẫu mực, không vào luật thơ nào cả, nên không tuyển trích lại chăng?

Cũng xin lưu ý rằng những câu ca dao "thất thất bát" mà chúng tôi đã sưu tầm được cho đến nay, hầu hết đều xuất xứ ở miền Trung và miền Nam, cho nên khi bỏ vần, các nhà thơ dân gian không chú trọng đến phụ âm cuối tiếng, như "vàng" vần với tiếng "than", hay lẫn lộn các âm căn bản cuối tiếng, như "liềm" vần với "chìm", v. v... Các nhà Nho đã căn cứ vào các bài "lục bát" và "song thất lục bát" đã có giá trị nghệ thuật mức độ cao, để làm ra các "luật thơ" như vừa thấy trên đây, mà hiện nay

HUỶNH ÁI TÔNG

đang còn được giảng dạy ở các lớp văn khoa. Nhưng khi nhìn lại một cách bao quát các thể thơ truyền khẩu, từ thể gọi là biến thức đến thể gọi là chính thức, chúng tôi tự hỏi có thể có được một "luật thơ" nào khác đơn giản hơn các luật thơ do các nhà Nho làm ra, để chi phối chung tất cả các bài thi ca truyền khẩu của ta không?

Năm 1942, trong Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh và Hoài Chân đã nhận thấy có một luật thơ mà các tác giả gọi là "luật đối thanh": "Luật đối thanh rất tự nhiên trong thơ Việt vẫn chi phối hết thảy các thể thơ". Với lời ký chú thêm: "Hễ câu thơ chia làm hai, ba hay bốn đoạn, những chữ cuối các đoạn phải lần lượt bằng rồi trắc, hay trắc rồi bằng". (15) Từ đó, chúng tôi để tâm kiểm chứng thì thấy phần lớn các bài "thơ mới" (mà chúng tôi đã có dịp đọc qua) đã cấu trúc đúng theo luật ấy. Chẳng hạn như mấy câu ở bài Lời Kỳ nữ của Xuân Diệu:

*Khách ngồi lại (T) cùng em (B) trong chốc nữa (T),
Vội vàng chi (B) trắng sáng lắm (T) khách ơi (B)!
Đêm nay rằm (B) yến tiệc (T) sáng trên trời (B),
Khách không ở (T) lòng em (B) cô độc quá (T).
Khách ngồi lại (T) cùng em (B) đây gối lá (T)
Tay em đây (B) mời khách (T) ngả đầu say (B)...*

Cũng như mấy câu ở bài Nhớ rừng của Thế Lữ:

*Gặm một mối (T) căm hờn (B) trong cũi sắt (T),
Ta nằm dài (B), trông ngày tháng (T) dần qua (B).
Khinh lũ người kia (B) ngạo mạn (T), ngán ngơ (B),
Giương mắt bé (T) giễu oai linh (B) rừng thẳm (T).*

Mấy câu ở bài Tiếng thu của Lưu Trọng Lư:

*Em không nghe mùa thu
dưới trăng mờ (B) thôn thức (T)*

Em không nghe (B) rạo rục (T)
Hình ảnh (T) kẻ chinh phu (B)
Trong lòng (B) người cô phụ (T)
Em không nghe rùng thu
Lá thu kêu (B) xào xạc (T)
Con nai vàng (B) ngơ ngác (T)
Đạp trên lá (T) vàng khô (B).

Chúng tôi cũng có dịp kiểm chứng thêm các bài hát nói thời xưa, như mấy câu của Nguyễn Công Trứ:

Vòng trời đất (T) dọc ngang (B) ngang dọc (T)
Nợ tang bồng (B) vay trả (T) trả vay (B)
Chí làm trai (B) nam bắc (T) đông tây (B)
Cho phi sức (T) vẫy vùng (B) trong bốn bể (T)...

Cũng như mấy câu của Cao Bá Quát:
Ba vạn (T) sáu nghìn ngày (B) là mấy (T)
Cảnh phù du (B) trông thấy (T) cũng nực cười (B)
Thôi công đâu (B) chuốc lấy (T) sự đời (B)
Tiêu khiển (B) một vài chung (B) lếu láo (T)...

Nhất là, chúng tôi cố ý tìm xem "luật đối thanh" này có chi phối thi ca truyền khẩu không? Từ mấy câu thể "nói lối" của đồng dao:

Chập (T) chằm vông (B)
Chị có chồng (B) em ở góa (T)
Chị ăn cá (T) em mút xương (B)
Chị nằm giường (B) em nằm đất (T)
Chị ăn mật (T) em liếm ve (B)
Chị ăn chè (B) em liếm bát (T)
Chị coi hát (T) em vỗ tay (B)
Chị ăn mỳ (B) em xách bị (T)
Chị làm đĩ (T) em thu tiền (B)...

HUỶNH ÁI TÔNG

Đến mấy câu ca dao "lục bát biến thể":

*Nhiều nơi (B) phú quý (T) em cũng chẳng màng (B)
Em quyết chờ (B) cho được (T) nghĩa đá vàng (B1) sánh
đôi (B2)*

Mấy câu thể "song thất lục bát biến thể":

*Trúc phải (T) xa mai (B) thì hoài trúc lú (T)
Trúc hỏi mai rằng (B) đã có nơi mô nương tựa (T) hay
chưa (B)
Có nơi mô (B) nương tựa (T) khi nắng khi mưa (B),
Hay còn ôm duyên (B) để đó (T), đi sớm về trưa (B1) một
mình (B2)*

Cho đến mấy câu thể "thất thất bát" :

*Niên kỷ (T) cũng đồng (B) niên kỷ (T)
Phu thê (B) cũng phi (T) phu thê (B)
Muốn gá duyên (B) chồng vợ (T) chỉ sợ em chê (B1) anh
nghèo (B2).*

Chúng tôi nhận thấy rằng trừ một vài ngoại lệ, nhìn chung "luật đổi thanh" cũng chỉ phối phần lớn các bài thơ truyền khẩu của dân ta. Riêng về các thể gọi là "biến thức", lối ngắt đoạn trong câu đòi hỏi phải phù hợp với ý nghĩa, với tình tự của dân gian, nên có đoạn dài, đoạn ngắn khác nhau, tùy theo sự cảm xúc của nhà thơ, nhờ đó thi phẩm được sống động, tình ý được bùng tung, lời thơ được hồn nhiên hơn.

* C. Hình tượng và văn ảnh

Hình tượng và văn ảnh là thành tố không kém phần quan trọng trong cấu trúc thi ca truyền khẩu. Ngôn ngữ Việt Nam lại là một ngôn ngữ vận dụng rất nhiều hình tượng và văn ảnh trong

các câu chuyện thường ngày giữa dân gian với nhau, như: theo đòi "bút nghiên", tình "chăn gối", tay "dao búa", bọn "đầu trâu mặt ngựa", thân "bồ liễu", kiếp "giang hồ", nợ "núi sông", lời "trăng hoa", cuộc "bê dâu", đời "mưa gió", "sửa túi nâng khăn", "cò bay thẳng cánh", "treo đầu heo bán thịt chó", "ăn cháo đá bát", "gậy đàn lố tai trâu"...

Hình tượng và văn ảnh tạo ra những xúc cảm mãnh liệt tới đa, để những cảm giác ấy sẽ dẫn khởi tâm tư người nghe đến những vấn đề cao rộng hơn, những vấn đề liên hệ đến thân phận của con người, đến hoài vọng nghìn năm của cả một dân tộc. Ngôn ngữ Việt đã đưa vào thơ truyền khẩu rất nhiều hình tượng, văn ảnh, kể từ lối tỉ dụ, hoán dụ thông thường nhất, lấy sự vật này so sánh hay thay thế cho sự vật khác (tỉ: so sánh; hoán: đổi, thế), như ở câu:

*Khi nên, tay kiếm, tay cờ,
Không nên thì cũng chẳng nhờ cậy ai!*

"Tay" là một bộ phận thay thế cho toàn thể là "con người".
"Tay kiếm, tay cờ" thay thế cho "con người có uy quyền, chức phận".

*Cha còn gót đỏ như son,
Cha chết gót mẹ, gót con đen sì.*

"Gót đỏ, gót đen" là lấy hậu quả của cuộc đời sung sướng, cuộc đời khổ sở.

Cho đến lối ẩn dụ là một tỉ dụ khó nhận thấy (ẩn: che đậy) dùng cách ghép các hình tượng so sánh để hội nhập lại thành một văn ảnh.

HUỶNH ÁI TÔNG

*Mua kim đi chọn lưỡi câu,
Mua bí chọn bầu, có đáng không anh ?*

Mua lưỡi câu để may, mua giống bầu để trồng bí! Qua ẩn dụ này, người nghe ngầm hiểu rằng người con gái dụng ý chê người con trai đã lâm lẩn trong khi đi chọn lựa lựa đôi. Có phần khác với "hình tượng", "văn ảnh", theo André Breton, là một sáng tạo của trí óc thuần túy. Văn ảnh không thể phát sinh từ một sự so sánh giữa hai sự vật tương tự, mà từ một sự đưa hai thực tại xa cách nhau đến gần sát lại với nhau. Mỗi liên hệ giữa hai thực tại càng xa cách, càng chính xác, thì văn ảnh càng mãnh liệt... càng có nhiều cường lực xúc cảm, càng có nhiều thực chất thi vị hơn " (16). Chẳng hạn như ở bài ca dao sau đây:

*Rú rừng thì có hươu mang,
Khe suối thì có măng giang,
Đò dọc thì có đò ngang,
Chợ búa thì có mụ bán hàng.
Bao giờ anh gặp được nàng,
Rú rừng trả lại cho hươu mang,
Khe suối trả lại cho măng giang,
Đò dọc trả lại cho đò ngang,
Chợ búa trả lại cho mụ bán hàng.
Ai mô rồi trả nấy,
Thiếp với chàng duyên lại xe duyên.*

Sự vật chính muốn trình bày không thấy nói rõ ra. Người nghe, người đọc phải suy đoán để hiểu. Nhưng mỗi người có thể suy đoán một cách khác nhau. Riêng phần chúng tôi, thì xin hiểu những câu này như sau: Trước khi gặp nhau, trong sinh hoạt mưu sinh hằng ngày, trai cũng như gái đã có bao nhiêu dịp được gặp gỡ nhau trong rừng, dưới suối, trên một chuyến đò, giữa một phiên chợ..., và đã có bao nhiêu mối tình ngắn ngủi, thoáng qua. Những hình ảnh song đôi "hươu mang, măng

giang", "đò dọc, đò ngang", "chợ búa, mù bán hàng" và các môi trường "rừng rú, khe suối, đò đưa, chợ búa", hội nhập lại thành bao nhiêu hình tượng nói lên các cuộc đan dứu ngăn ngừa ấy. Nhưng hôm nay, chàng trai và cô gái gặp nhau được, quyết tình xây dựng lâu dài, thì "ai mô rồi trả nầy", chấm dứt với những mối tình bốc đồng, thoáng qua ngày xưa. Các hình ảnh "hươu mang trả lại cho rú rừng, măng giang trả lại cho khe suối", đò giọc trả lại đò ngang, chợ búa trả lại mù bán hàng, hai tiếng trả lại được lặp tới lặp lui để nhấn mạnh vào ý định muốn thanh toán tình cảm với quá khứ một cách sòng phẳng và dứt khoát. Toàn bài là một văn ảnh giúp cho chàng trai hay cô gái kia có thể trình bày với nhau một cách kín đáo về điều kiện tiên quyết trước khi lấy nhau là "cả đôi bên phải đoạn tuyệt với tất cả các mối tình nhặng nhít của mình trong dĩ vãng". Đó là điều, mà ở thời xưa, giữa trai gái mới quen nhau, khó mà có thể nói trắng trợn ra được.

Và ta có thể hiểu thế nào qua mấy câu dưới đây ?

*Đố ai biết lúa mấy cây,
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy tầng?
Đố ai quét sạch là rừng,
Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây?*

Sự liên hệ giữa các thực tại trong mấy câu này vừa phức tạp vừa xa cách nhau làm cho người nghe, mỗi người có thể hiểu một cách, như: "Trời sinh ra gió thì phải thổi, cũng như Trời sinh ra con người thì phải yêu thương. Lá rụng là hậu quả của gió thổi, cũng như đau khổ, mất mát là hậu quả của tình yêu! Khuyên được loài người đừng yêu thương, cũng giống như đếm số cây lúa, đếm khúc sông, đếm tầng mây, quét sạch lá trong rừng, là những điều không thể làm được. Mà đố ai làm được, thì tôi sẽ bảo những kẻ yêu thương ở đời này đừng đau khổ nữa!"

Nhưng cũng có người hiểu câu ca dao này một cách khác hơn: "Gió thổi làm cho lá phải rụng cũng như miệng tiếng người đời đã làm cho bao nhiêu tình yêu phải bị lung lay. Đố ai ngăn chặn được miệng tiếng người đời! Đó là việc khó làm được (cũng như như đếm lúa, đếm khúc sông, đếm tầng mây, hay quét sạch lá rừng). Miệng tiếng người đời tất nhiên không ngăn chặn được... vậy cứ mặc cho gió rung gió thổi, làm sao xuyên, lung lay... song (hiểu ngầm rằng) "rung sao cho chuyển lòng anh với nàng!" -- một bài ca dao khác mà nhiều người đã biết:

*Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng.
Bao giờ anh cưới được nàng,
Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây.
Xây dọc rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.
Có rửa thì rửa chân tay,
Đừng rửa lông mày, chết cá ao anh.*

Về hai câu chót, người nghe có thể suy đoán khác nhau: Có người cho rằng "lông mày cô gái sắc lăm có thể đâm chết cá của mình, cho nên chàng trai mới bảo cô gái đừng rửa ở hồ ấy". Nói như thế để ngụ ý khen mắt cô gái đẹp, sắc bén, tình tứ lăm...

Mà cũng có người cho rằng hình ảnh cô gái rửa lông mày cho phép ta nghĩ là cô ấy khóc. Khóc, nước mắt ràn rụa, nên đến rửa lông mày tại hồ này. Vì sao mới lấy chồng mà khóc? Nếu khóc vì nhớ cha mẹ, nhớ gia đình, thì chàng trai đến an ủi, nựng dỗ, sao lại cấm đoán? Có phải là cô ta khóc vì nhớ ai khác không? Nói trắng ra, chàng trai mượn hình ảnh này để nói với cô gái rằng: "Anh cưới em về nung niu như thế, thì em đừng nhớ thương những tình cũ nghĩa xưa mà than lén khóc thầm, làm cho chết cả lòng anh", (chết cá ao anh).

Thật ra, một thi phẩm không bao giờ chỉ có một ý nghĩa đơn độc, mà thường có nhiều ngụ ý ẩn dụ khác nhau. Văn hào Pháp, Paul Valéry, đã từng cảnh cáo rằng: "Đây là một sai lầm phản lại tính chất của thơ, đến có thể giết chết thơ đi, khi ta khẳng định rằng mỗi một thi phẩm chỉ tương ứng với một ý nghĩa đúng thật, độc nhất và phù hợp hay đồng nhất với một ý tưởng của tác giả mà thôi". (17)

"Ẩn dụ" là một đặc tính cố hữu của dân tộc ta. Ngày xưa, dân gian ít khi nói rõ ràng (trắng trợn) tình cảm, ý nghĩ của mình ra, trái gái tỏ tình với nhau cũng chỉ nói gần, nói xa, dùng những hình ảnh so sánh, hoán dụ, nhất là "ẩn dụ" mà thôi. Nói như thế, ai muốn hiểu thế nào thì hiểu. Tôn trọng sự tự do suy luận của người nghe. Nếu hiểu đúng với tâm sự mình thì đó thật là "tri âm tri kỷ", như Bá Nha và Chung Tử Kỳ ngày xưa! Còn không, thì cũng chỉ vì không có duyên nợ với nhau thôi, có tiếc cho lắm cũng chẳng biết làm sao!

Tóm lại, ở đây tính chất thi ca của ca dao và dân ca Việt chỉ được phơi bày dưới một khía cạnh nhỏ của ngôn ngữ học, khía cạnh của một "ngôn ngữ-ký ức". Chỉ dưới một khía cạnh nhỏ ấy thôi, cũng đủ cho chúng ta nhận chân được gia tài "giàu sang" mà ông cha chúng đã lưu lại cho con cháu: một kho vô tận của những tiếng kép đôi, với ngữ thuật xen kẽ kép đôi thành những câu thơ cân đối nhịp nhàng, hội nhập với bao nhiêu âm vận, âm thanh dồi dào, quyến rũ, đầy nhạc tính, bản thể cố hữu của thi ca. Cũng đủ cho ta thấy ông cha ta từ xưa đã biết vận dụng những "câu húng", những câu khai mào, rao bản, những "câu thơ vô nghĩa" mà một số nhà thơ Tây phương, trước thực tại bế tắc trong thi đàn hiện nay của họ, đã phải lên tiếng thú nhận rằng: " Sự vô-nghĩa đã trở thành một trong những phương sách cứu vãn ưu tiên cho thi ca hiện đại" (18). Và cũng đủ cho chúng ta nhận chân điểm đặc sắc của ngôn ngữ Việt là rất "giàu sang" không những về hình tượng, mà còn về văn ảnh, mà theo một nhà phê bình Pháp, "văn ảnh có khuynh

hương trở thành một dấu hiệu đặc trưng của thi ca hiện đại." (19) Nếu cho rằng thi ca truyền khẩu Việt Nam vốn có bản chất thơ và ít nhiều tính chất hiện đại, tưởng không phải là một khẳng định thậm xưng.

Sở dĩ thi ca truyền khẩu của ta có được giá trị gì nghệ thuật, văn hóa đáng kể, phần nào cũng nhờ tập quán "hát, hò" cố hữu của dân tộc Việt Nam để bày tỏ tình ý của mình mà ứng xử trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống hằng ngày trong gia đình, cũng như ngoài xã hội. Ông cha chúng ta ngồi buồn cũng hát, ru con cũng hát, dỗ con chơi cũng hát, trai gái chọc ghẹo nhau cũng hát, tỏ tình giao duyên với nhau cũng hát, thương yêu nhau cũng hát, nhớ nhung, giận dỗi, buồn rầu, thất vọng... cũng hát, làm ruộng cũng hát, giả gạo cũng hát, chèo đò cũng hát, cúng lễ, lên đồng cũng hát, đánh bài (chòi) cũng hát, cuối cùng đưa đám ma ra nghĩa địa cũng hát. Thậm chí, (cũng vào thời xưa), thiên hạ chửi rủa mắng mỏ nhau, cũng thành câu có vần có điệu như là hát. Cho nên thói quen hò hát, các ý thức vần điệu nhịp nhàng đã thành như một bản tính tự nhiên của con người Việt nam từ ngàn xưa:

*Đó ai nằm võng không đưa,
Ru em không hát âu ơ đôi lời ?*

Chú Thích:

(1) Paul Valéry, *Propos sur la Poésie*, 1927, (repris dans *Variété*) cité par Jean-Louis Joubert, dans *La poésie*, Armand Colin, Paris, 1992, trang 53: (Le langage dont je viens de me servir, qui vient d'exprimer mon dessein, mon désir, mon commandement, mon opinion, ma demande ou ma réponse, ce langage qui a rempli son office, s'évanouit à peine arrivé. Je l'ai émis pour qu'il périsse, pour qu'il se transforme irrévocablement en vous.... Si vous avez compris mes paroles,

mes paroles mêmes ne vous sont plus rien; elles ont disparu de vos esprits, cependant que vous possédez leur contre-partie, vous possédez, sous forme d'idées et de relations, de quoi restituer la signification de ces propos, sous une forme qui peut être différente.).

(2) Paul Zumthor, Introduction à la poésie orale , Paris, Seuil, 1983, trang 59 (On peut douter qu'il exista jamais dans l'histoire une culture dépourvue de poésie orale.).

(3) Jean-Louis Joubert, La poésie , Paris, Armand Colin, 1992, trang 13: (Quand l'écriture n'existe pas, on a recours à la poésie pour fixer et pérenniser ce que disent ou pensent les hommes... L'oralité conserve aussi bien, parfois mieux que l'écriture... Etant un langage-mémoire, elle suscite une forme qui protège, conserve et transmet.).

(4) Paul Zumthor, Introduction à la poésie orale, s.đ.d., trang 80 (Le fonctionnement de la mémoire collective détermine le mode de structuration poétique. Le poème y apparaît "relecture" plutôt que "création").).

(5) Nguyễn Trúc Phương, Việt Nam Văn Học Bình Dân, Khai Trí, Saigon 1970, Xuân Thu tái bản, California, Hoa Kỳ, năm?, trang 101.

(6) Jean-Louis Joubert, La poésie, s.đ.d., Inspiration, trang 29.

(7) Paul Verlaine, Jadis et naguère "Pantoum négligé", 1884: "Trois petits pâtés, ma chemise brûle./ Monsieur le curé n'aime pas les os./ Ma cousine est blonde, elle a nom Ursule./ Que n'émignons-nous vers les Palaiseaux!".

(8) Paul Valéry, Poésie et pensée abstraite, 1939, repris dans Variété, cité par J.-L. Joubert dans La poésie, s.đ.d., trang 54 (Un poète... n'a pas pour fonction de ressentir l'état poétique: ceci est une affaire privée. Il a pour fonction de le créer chez les autres.).

(9) Paul Zumthor, Introduction à la poésie orale , s.đ.d., trang 80-81 (Pour cette raison même, la poésie orale comporte généralement plus de règles, et plus complexe, que l'écrite: dans les sociétés à forte prédominance orale, elle constitue souvent un art beaucoup plus élaboré que la plupart des produits de notre écriture.).

(10) Jean-Louis Joubert, La poésie, s.đ.d., trang 14: (La composition se calque sur les rythmes du corps; la scansion épouse la respiration. Des procédés simples où le gestuel et le linguistique se superposent - séries de balancements et de contre-balancements, de répétitions et d'antithèses, de symétries et d'inversions, de parallélismes et d'assonances, etc... - facilitent le travail de la mémorisation et assurent la connivence de l'auditoire, en même temps qu'ils permettent la création par le jeu de variations à l'infini. Cette inscription de la poésie dans les gestes et le corps perdure même lorsqu'on s'éloigne de l'oralité. C'est elle qui fonde le rythme, par quoi la poésie se distingue d'autres formes de langage.).

(11) Jean-Louis Joubert, La poésie, s.đ.d., trang 110: (Le parallélisme est une notion récente qui n'intéresse guère la rhétorique classique. Quand Malherbe traduit les Psaumes, il semble ne pas voir que la poésie biblique se fonde sur parallélismes et il ne cherche guère à les restituer en français.).

(12) Bình-Nguyên Lộc, Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam, Xuân Thu, Saigon, 1971, tái bản California, Hoa kỳ, năm?, Chi Âu, chi Lạc, trang 307-319.

(13) Paul Valéry, Passage de Verlaine, 1921, in Variété (La poésie est l'ambition d'un discours qui soit chargé de plus de sens et mêlé de plus de musique que le langage ordinaire n'en porte et n'en peut porter.).

(14) Bùi Kỳ, Quốc văn cụ thể, Hà Nội, năm 1932, trang 25.

(15) Hoài Thanh, Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam, 1942, Nhà xb Hà Nội tái bản, 1988, trang 41, bị chú số 1 cùng trang.

(16) Jean-Louis Joubert, La poésie, s.đ.d., trang 45, 46: (C'est dans le Premier manifeste qu'André Breton propose une définition de l'image, reprise d'ailleurs de Pierre Reverdy: "L'image est une création pure de l'esprit. Elle ne peut naître d'une comparaison mais du rapprochement de deux réalités éloignées. Plus le rapport de deux réalités seront lointaines et justes, plus l'image sera forte..., plus elle aura de puissance émotive et de réalité poétique.).

(17) Paul Valéry, Commentaire des "Charmes", 1929 (repris dans Variété). cité par Jean-Louis Joubert, La poésie, s.đ.d., trang 52: (C'est une erreur contraire à la nature de la poésie, et qui lui serait même mortelle, que de prétendre qu'à tout poème correspond un sens véritable unique, et conforme ou identique à quelque pensée de l'auteur.).

(18) Jean-Louis Joubert, *La poésie*, s.đ.d., Poésie et révolution, trang 58 (Le non-sens est devenu l'un des recours privilégiés de la poésie contemporaine.).

(19) Jean-Louis Joubert, *La poésie*, s.đ.d., trang 45 (L'image tend à devenir signe distinctif de la poésie moderne.).

Võ Phước Hiếu, Chủ biên tạp san Việt Pháp Văn Hóa (France Vietnam Culture) tại Pháp đã có nhận xét về sự nghiệp văn chương của nhà văn Võ Thu Tịnh trong bài viết *Chút Tình Tương Nhớ Anh Võ Thu Tịnh* như sau:

Anh viết hầu hết các thể loại và viết rất sâu sắc, lý luận hàm súc vững vàng, tài liệu dẫn chứng chọn lọc xác thực, văn phong lại bình dị trong sáng, nhưt là ý hướng khiêm tốn và chân thành. Anh quán triệt cả chữ Hán lẫn chữ Nôm, chưa kể phần Anh ngữ và Pháp ngữ đã đưa Anh lên địa vị một tác giả có tiếng vùng Pháp thoại, qua nhiều tác phẩm đã trình làng. Chúng tôi có thể kể đại khái như 'A la Découverte du Bouddhisme' (Présence Indochinoise, Paris 1987), 'La Littérature Orale et Populaire du Vietnam' (Sudestasie, Paris 1993), 'Les Origines du Laos' (Sudestasie, Paris 1993), 'Au Pays Des Sedang' (Présence Indochinoise, Paris 1998)...

Từ những bài phê bình nghiên cứu công phu về những giai đoạn lịch sử nước nhà chưa được sáng tỏ, về những giá trị tinh thần ở lãnh vực tôn giáo, nhưt là Phật giáo, Tam giáo... đến những bài viết triển khai về ngôn ngữ bình dân: tục ngữ, ca dao, di ngôn, truyền thuyết, cả phong tục tập quán, sinh hoạt truyền thống dân gian của xã hội ngày xưa... đều được Anh đề cập một cách trang trọng. Dĩ nhiên phần ngôn ngữ bác học, chữ nho chữ nôm, xuyên qua những tấm gương ngang tàng khí khái

của những danh thần hay thi nhân tiền bối đều được Anh ghé mắt thăm hoa không sót một lãnh vực nào. Anh cũng không quên nhắc nhở rất nhiều lần những tánh hư tật xấu, những tiếng khóc nụ cười của dân gian đã đánh dấu nền văn hóa nhân bản của dân tộc mà Anh vừa trịnh trọng, vừa hóm hỉnh trang trải trên giấy trắng mực đen với cả một tấm lòng thương nước thương nhà vô bờ bến.

Nếu kể ra đây những bài viết và những đề tài vừa đa dạng vừa phức tạp, dù có được chọn lọc đến đâu cũng không giấy mực nào kể cho xiết. Chúng tôi chỉ xin tóm lược qua đại ý là những bài viết ấy của anh rất xác thực rõ ràng, giúp người đọc có được cơ hội hấp thụ thêm kiến thức vừa quý hiếm vừa bổ ích, nhằm củng cố cho mình hướng nhìn xán lạn về tương lai, một tương lai rực rỡ của đất nước, của dân tộc, dù cho quê hương yêu quý của Anh hiện nay đang bị một lớp mây mù che phủ. Tất cả được Anh trình bày tài tình qua kho tàng tài liệu dồi dào, lời lẽ lại hồn nhiên, diễn đạt một cách thích thú, tình ý chân thành thiết tha, thể hiện nỗi lòng thương cảm bao la, rộng lớn ôm ấp trọn vẹn thân phận của con người, của một kiếp nhân thế lắm đau thương nhưng ngăn ngắc niềm tin và hy vọng.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Thu Tịnh Web: vothutinh.net
- Võ Thu Tịnh Web: tvvn.org
- Võ Thu Tịnh Web: namkyluctinh.org

2) Đỗ Tôn



Đỗ Tôn Đỗ Đình Tôn (1923-1973)

Đỗ Tôn tên thật là Đỗ Đình Tôn sinh năm 1923, quê ở Vĩnh Yên, học tiểu học và trung học tại các trường: Thầy Dòng, Saint Pierre, Thăng Long ở Hà Nội.

Tác phẩm *Hoa Vông Vang* của ông gồm 8 truyện ngắn, do nhà nhà xuất bản Đời Nay của Tự Lực Văn Đoàn ấn hành năm 1942, Nhất Linh viết lời tựa, đã giới thiệu với độc giả: *Đỗ Tôn làm tôi ngạc nhiên một cách vui sướng từ khi mới xem xong vài ba truyện trong cuốn “Hoa Vông Vang”. Người bạn trẻ của tôi đã có những nhận xét tinh vi về đời sống, về những hành động tâm tình của đời tôi ...*

Ông tham gia cách mạng, bị Pháp khủng bố nên chạy sang Trung Quốc trốn tránh.

Năm 1954, ông vào Nam, trước tiên cộng tác với Mùa Lúa Mới của Võ Thu Tịnh ở Huế, sau thỉnh thoảng đăng truyện ngắn trên Tân Phong, Chi Đạo.

Ông là Sĩ quan trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, làm việc tại Nha Địa Dư Đà Lạt, qua đời ngày 22 tháng 10 năm 1973 tại Sài Gòn vì đứt mạch máu não, thọ 50 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hoa Vông Vang* (Đời Nay, 1942)
- *Á Hậu*
- *Hai quả mận*

Trích văn:

Hoa vông vang

*Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa
Yêu một người ta dâng cả tình thương*
H.C

Ngày ấy Đỗ là một chàng trai mười tám, lòng đang tung bùng mới nở, trông ai cũng đẹp. Suốt ngày vui cười, sẵn sàng yêu đương, chàng thấy tương lai toàn màu rực rỡ. Đang đây tin tưởng, một hôm chàng gặp Phụng Trinh, một nữ học sinh tóc còn cặp sau gáy. Tuy không biết nàng bao nhiêu tuổi nhưng Đỗ cứ cho là mười sáu; và chàng nhủ thầm: "Chỉ mười sáu mới có thể có được đôi mắt sáng thế".

Lúc ấy là một buổi trưa mùa đông; dưới gió qua vòm cây, Phụng Trinh đang cười trong ánh nắng rung rinh cùng mấy chị em bạn học. Đỗ mong ước gì đâu mà sao khi vừa gặp chàng vội ngậy người đứng ngấm rồi kêu khê: "Người trong mộng của ta đây rồi". Tay xách cặp, chân đi đôi guốc phi mã gót cao, lúc ấy Trinh mặc chiếc áo màu xanh gió thổi tung bay

thấp thoáng ánh mặt trời. Thế là lòng chàng trai mới mẻ vội chọn nàng giữa trăm bông thắm; Đỡ đi xa xa theo Trinh... thì ra Trinh đi qua nhà chàng, nàng ở phố gần đấy.

Từ đây mỗi ngày hai buổi tan học, Đỡ vội vàng đạp xe thật nhanh về để ngắm Trinh qua và những chiều nào được nghỉ sớm thì chàng đi bộ lên gần trường Trinh học đứng đợi nàng về để lẳng lẳng đi theo sau. Song vì yêu quá chàng đâm rút rút nên chỉ dám nhìn thôi và lại sợ Phượng Trinh cho lẫn mình vào con nhà phường phố bậy bạ nên chàng chỉ theo xa xa. Theo đến gần nhà mình thì Đỡ đi sang bờ hè bên kia rào bước về cửa nhà đứng đợi. Bao giờ chàng cũng nhìn Trinh đi ngang qua với đôi mắt si ngây... và cũng nhiều lần chàng theo đến tận nhà. Cứ như thế mãi, dần dần Trinh cũng hiểu, vì đã có nhiều bạn Đỡ thấy Trinh vào trong nhà, rồi vừa đóng cổng vừa đưa lên mắt ngập ngừng trông trộm chàng. Phượng Trinh cũng đã để ý tới chàng trai si mê mình. Mỗi chiều đi học về thường thường nàng hay đi thật chậm vui chuyện ríu rít cùng hai chị em bạn về cùng đường, có bạn Đỡ thấy Trinh đứng lại vui thú cười rũ rượi để rơi cả cặp sách như một con chim non say nắng mới, Trinh luôn luôn ríu rít cười nói rả rích làm vui cả lòng Đỡ đứng nhìn.

Từ ngày gặp đôi mắt nhung huyền ảo tươi sáng của Phượng Trinh lòng Đỡ đã mang một nỗi yêu thương không cùng. Chàng đi hỏi dò các bạn quanh vùng về người mơ ước thì biết Trinh theo đạo Gia tô ngoan ngoãn. Gia đình Đỡ cũng theo đạo Gia tô nhưng là con trai nghịch ngợm, chàng không bao giờ đi lễ ở nhà thờ và cũng chẳng cần biết đức Chúa Trời là ai. Tuy thế từ ngày biết là sáng chủ nhật nào Trinh cũng đi lễ ở nhà thờ thì mặc dầu trời có rét mướt, Đỡ cũng dậy sớm đi lễ rất ngoan

chứ không ngủ trưa như trước nữa. Hôm nào được trông thấy Trinh, hôm nào được luông mắt đen của nàng nhìn lại, dù là bất ngờ, Đỗ ra về cũng sung sướng hát nghêu ngao râm cả nhà. Và tối tối chàng thường đi qua nhà Trinh để được trông thấy cây dừa trúc đào trong sân trước cửa, chỉ thế thôi cũng đủ cho Đỗ trở về ngủ những giấc mê yên lành mà luôn luôn Trinh hiện ra tươi cười.

Tuổi trẻ có một lần và chỉ có một lần mới mê nhất Đỗ yêu không có tận cùng bờ bến. Sách học của chàng chỉ những những tên Phụng Trinh viết đủ các kiểu.

Sau những ngày đi nhà thờ, Đỗ mới biết là có nhiều chàng trai khác cũng đi nhà thờ ngắm Trinh như chàng... nhưng chưa có ai được lọt vào mắt đen! Riêng Đỗ được nàng để ý. Đỗ cũng cho một phần là do gia đình chàng mà Trinh đã biết, tỏ ra chàng không phải là con nhà bậy bạ, tình chàng là tình chân thật. Mỗi lần sáng chủ nhật đi nhà thờ, hễ Đỗ thấy dưới luông mắt của mình Trinh e lệ luống cuống bước mau nép vào bên chị dâu là chàng cũng đủ thấy vui sướng cả ngày, mấy ngày.

Hoa mai nở!... Mùa đông qua: Tết đến! Bên bát thủy tiên hương thơm vãn vít, lòng trai run run lần đầu Đỗ cầm bút viết mấy lời chúc mừng năm mới, anh viết cho Trinh.

Rồi một buổi đầu xuân, Đỗ hỏi Tân, một cô bạn học của Phụng Trinh, thì Đỗ mới biết Trinh là tên gọi ở nhà, chứ ở trường chỉ gọi nàng là Phụng thôi. Tân nói lại cho Đỗ biết là các bạn ở lớp đã biết chuyện Đỗ theo Phụng và trêu chế Phụng nhiều lắm... nhưng Phụng không hề cãi lại mà chỉ đỏ mặt cười chạy trước những dịp cười của các bạn...

- "Phượng yêu Đỗ rồi đấy"...

Tân nói thế làm Đỗ sung sướng ngay cả người rồi hỏi:

- Thật à?... Thế thì tôi chết mất!

Chàng trai mới có mười chín, mỗi khi sung sướng quá là chỉ kêu chết.

Từ đấy Đỗ là người sung sướng. Có khi chàng đứng nói chuyện một mình với bờ thang là thường; có bận người chú vui tính của Đỗ bắt gặp cười bảo:

- Đứng cười một mình thế thì chó nó cũng biết.

Thế là hai chú cháu nhìn nhau hể hả... và lòng Đỗ vui tung bùng, bình tĩnh mất hết. Có lúc chàng ôm lấy thằng nhỏ hét:

- Tao yêu mày lắm.

Rồi Đỗ viết một lá thư mà chàng đã tốn bao công nắn nót gọt rũa. Những ngày ấy là những ngày sung sướng hồi hộp mà bao cảnh mộng xôn xao trong lòng! Tới một hôm Đỗ dùng xe đạp ở bên đường đợi xe Trinh đi học về qua. Từ xa Đỗ đã nhận được một chiếc xe; đến lúc trông rõ Trinh, Đỗ ngượng nghịu cố mỉm cười làm Trinh cũng phải buồn cười luống cuống thẹn ngoảnh đi. Đỗ đạp xe theo, nhưng mãi cũng không dám đi gần, chàng cảm động quá. Được nửa phố, Đỗ lấy hết can đảm liền đạp xe đi kèm cạnh xe Trinh. Giọng nói đã lạc cả tự nhiên; Đỗ ngập ngừng:

- Chào Trinh.

Trình cũng cảm động và thẹn, nàng chỉ đỏ mặt mỉm cười đưa chiếc mùi xoa lên miệng bên lên cần thoáng nhìn lại Đổ rồi lại nhìn đi ngay, mắt long lanh rộn ràng bao lời êm ái. Trời, luồng mắt làm Đổ choáng váng ngây ngất muốn nói mà chẳng nên lời. Đổ thò tay thả phong thư vào trong xe Trình. Như sự tình, Trình vẫn mỉm cười cầm phong thư đưa trả lại miệng kêu khẽ giọng rất thanh:

- Ấy chết!...

Nhưng Đổ đã hãm xe lùi lại phía sau.

Hồi hộp đợi mấy hôm cũng không thấy Phượng Trình giả nhời, Đổ suốt ngày băn khoăn trông ngóng người đưa thư! Rồi có một buổi kia Đổ gặp Tân, nàng nói:

- Đổ bỏ một lá thư vào xe Phượng phải không? Phượng nhờ tôi nói với Đổ từ rày đừng làm thế nữa người ngoài người ta trông thấy thì người ta coi Phượng vào hạng người gì... có muốn nói gì cứ nói thì hơn...

Nghe xong Đổ tươi tỉnh đưa tay lên gãi gáy bưng bưng sung sướng rồi đáp:

- Lúc ấy còn nói thế khi gì được mà nói!

Không biết Phượng Trình có hiểu cho anh như thế? Chỉ biết sau đó Đổ luôn luôn viết thư nhờ Tân đưa thì Trình nhận. Nhưng mê say chàng đòi hỏi quá nhiều! Đôi lúc Trình cũng đáp lại nhưng nói sao được tấm lòng thành thực si mê của chàng trai mười chín, kể sao được hết nỗi bông bột! Tuy Trình có trả lại nhưng ít lắm, chẳng đủ lấp một chút không gian to tát của lòng Đổ! Trình đã trả lại ít hay chính Đổ đòi mong quá

nhieu!... Nhưng lấp sao được lòng anh thuở ấy, lấp sao được biển cả đương lúc sóng tình dồn dập!

Chàng trai yêu đắm đuối buổi ban đầu thì còn đâu là bờ bến! Đỡ không cần, không nghĩ gì ngoài "Phượng Trinh của anh" ra. Hôm nào được Trinh đi học về đã vào đến trong nhà mà còn ngó lại một cái là chàng đủ sung sướng âm ỹ. Những hôm ấy có ai tra hỏi gì đâu mà Đỡ cứ vui mừng kể cho chị nghe nào Trinh mặc màu áo gì, Trinh nhìn lại thế nào... Và có lần Đỡ khoe: "Chị ạ, hôm nay rét, cô Trinh mặc một cái áo măng tô hơi ngắn hơn áo trong một tí, nhưng em trông lại càng thấy đẹp chị ạ, một vẻ đẹp riêng".

Dần dần chị dâu của Trinh cũng biết Đỡ yêu Trinh (có lẽ Trinh nói). Vì nhiều lần gặp Đỡ, chị nhìn chàng trai rồi nhìn cô em chồng cười tinh ranh làm Trinh xấu hổ bám nép vào tay chị cười.

Những lúc đó Đỡ sung sướng đứng nhìn bộ tóc cặp xõa xuống lưng rung rinh vui thú.

Có một hôm chủ nhật Đỡ cùng cha đi săn bắn về mệt nên hôm sau Đỡ nằm nghỉ ở nhà rồi viết một lá thư cho Tân. Trong thư chàng nói: "Thế nào, Tân đã xin hộ Trinh cho tôi một tấm ảnh chưa, cố vào nhá, trăm sự nhờ Tân đấy! à, hôm qua tôi vừa đi săn về, mệt và mệt, phải nằm nhà nghỉ... nhưng nhớ Trinh lắm...". Vài hôm sau Tân nói nàng có cho Phượng xem mảnh thư ấy, và mặc dầu nó nguệch ngoạc nhỏ bé, Phượng cũng đã xin lấy cả thư đó. Và Đỡ sung sướng đến ngạt thở khi Tân bảo:

- Thư nào của Đỡ, Phượng cũng giữ cất đi cả...

Thôi, hôn Đỗ phơi phơi như lên tới trời xanh!... Và những lúc ấy, những lúc quá tin tưởng ấy, anh đã tưởng đời anh sẽ theo một con đường nhất định. Nhưng tính Đỗ cũng rất trẻ con, trong thư luôn luôn chàng viết những câu không đâu, chẳng hạn: "Cái mũi Trinh trông ngon như viên kẹo đũa-giê ấy" hoặc "tôi thích bắt Trinh mang thả trên đồi cỏ để xem Trinh ca hát chạy nhảy như một con sơn ca". Tuy thế Trinh cũng trả lời: "Thư Đỗ viết vớ vẩn lắm"... nhưng Trinh sung sướng.

Một hôm Đỗ đang đứng ngóng đợi xe Trinh thì có một nữ học sinh đi qua tươi cười nhìn chàng. Lòng trai đang đầy nhựa mạnh sẵn sàng yêu đương, không cưỡng được trước nụ cười cùng đôi mắt đưa tình của cô học sinh tinh nghịch Đỗ nhận ngay mối tình dễ dãi... tuy trong lòng chàng, Phượng Trinh vẫn là vị chúa có một ngai riêng cao quý mà không ai chạm tới được; lúc nào Trinh chẳng là hoa thơm cỏ quý của lòng anh; nhưng trong một lúc, chỉ trong một lúc thôi Trinh thoáng có ý tưởng rằng Đỗ cũng chỉ như một chim trời thấy rừng xanh thì sà xuống để mai một lại bay đi!... Trinh buồn!... nàng hơi ngờ! Một hôm Đỗ viết thư cho Trinh, trong có câu "thời gian trôi chảy, tuổi trẻ qua mau... Trinh còn đợi đến bao giờ mới đáp lại tiếng gọi của lòng tôi" thì nàng giả nhời: "đã có người đáp lại rồi còn gì!" Chàng trai chết đứng người, chàng nguyên rủa chàng, rồi chàng buồn lo hối hận vật vã thâu đêm.

Làm thế nào Trinh hiểu được bây giờ, làm thế nào...

Song mặc thế, tình giữa hai người vẫn bền chặt nhưng cũng vẫn mơ hồ.

Đã mấy tháng giờ theo đuổi mà vẫn chưa lần nào Đỗ được Trinh hẹn hò cho gặp riêng một lần. Người thiếu nữ ngoan

ngoãn vẫn tin ở tình chàng trai, nhưng chỉ sẵn lòng đợi chàng đến hỏi làm vợ. Tình yêu mà nàng hiểu là thành thực chỉ có thể đưa tới cuộc hôn nhân... mà Đổ cũng thực muốn thế. Song mới có mười chín tuổi chàng đã tính đến chuyện vợ con sao được. Và lại chưa được cùng nhau hẹn hò một câu, chàng trai chưa dám chắc gì mà dạn hỏi... tuy đã bao lần trong mắt Phượng Trinh chàng tưởng được thấy hạnh phúc, chàng đọc thấy, nhận thấy một vẻ dịu dàng xô đẩy lòng chàng.

"Hay đó chỉ là một hạnh phúc đơn sơ khó kiếm" Đổ vẫn băn khoăn tự hỏi thế những lúc không hiểu.

Sao không hẹn với nhau một câu, sao không thả hết tình yêu? Nhưng duyên số...

Rồi một ngày chủ nhật mà gió đã nóng, Đổ lang thang ở phố thì nghe thấy một giọng nói vui vẻ bay đến tai:

- Phượng đâu? Sao lại đi chơi một mình thế? Không đi với Phượng à?...

... Tiếp theo một dịp cười - Đổ ngo ngác nhìn lên thì ra Tuyết, cô bạn học cùng lớp với Phượng Trinh đang đứng trên bao lơn tươi cười nói xuống. Đổ mỉm cười cảm ơn. Độ năm phút sau bất ngờ Đổ gặp Phượng Trinh thật. Nàng mặc áo màu tím, đang đi mua hàng may áo nức cùng hai chị. Gặp Đổ, Trinh bẽn lẽn không dám nhìn, nhưng có một lần Đổ bắt gặp mắt Trinh ghé qua gáy chị nhìn trộm mình làm chàng sung sướng run cả người. Hôm sau Đổ vội nhờ Tân đưa cho Trinh một lá thư, trong có đoạn:

"Hôm qua đi phố chơi, tôi đang lang thang thì nghe thấy một giọng nói từ trên trời bay xuống hỏi: "Phượng đâu? Sao lại đi chơi một mình thế, không đi với Phượng à? Tôi nhìn lên thì Tuyết, Trinh ạ - Đây, đối với tất cả thì Phượng là của tôi đấy, thế mà tôi cứ chưa dám chắc! Trinh thử hỏi hộ cô Phượng, cô Phượng có cái mũi xinh xinh ấy mà, xem Phượng có phải là của tôi không?".

Tuy thế Trinh cũng chỉ trả lời Đỗ: "Thu Đỗ viết vớ vẩn lắm".

Thời gian qua mau! Hoa cánh phượng đã phai sắc đỏ rực rỡ dưới nắng vàng gay gắt. Thế là mùa hè đã tới mà hai người vẫn chưa có một lời hò hẹn tuy trong lòng họ thành thực yêu nhau! Người thiếu nữ nèn nếp giữ gìn theo luân lý cổ truyền đã đưa chàng trai vào chỗ rùng rậm của tâm tình. Đỗ cảm thấy Trinh yêu chàng đấy, nhưng không hiểu được tại sao nàng lại không cho gặp riêng. Mùa hè đã vô tình chia rẽ mối tình thơ ngây; không còn ai đưa hộ thư của Đỗ đến tay Trinh nữa.

Song tuy xa cách, Đỗ vẫn một lòng tin vào duyên số, tin vào tình yêu, tin vào Trinh chàng vẫn còn nhớ rõ những lúc Trinh từ trong nhà e lệ nhìn ra, những nụ cười, những gót chân luống cuống bước mau, những đôi mắt ngượng ngùng bắt gặp... đôi mắt tươi sáng như trăng nước thu trong đã bao lần làm chàng ngây ngất. Đỗ đã vẫn bảo: "Thật anh chưa từng thấy một đôi mắt đẹp hơn trong đời, mà anh có nói thì chắc em lại chớp mau e thẹn". Đỗ tự an ủi trong những ngày xa cách Đỗ chỉ biết nhớ lại.

Nghỉ hè xong thì Tân ở quê, không ra đi học nữa. Trinh theo học một trường khác. Thế là không còn ai đưa thư hộ Đỗ nữa, chàng chỉ biết đứng nhìn theo xe Phượng Trinh. Sao Đỗ không

HUỖNH ÁI TÔNG

đến tận bên nàng mà tỏ lộ nỗi lòng? Có lẽ chàng e ngại! Chàng trai mới mười chín tuổi ấy mà! ở đâu thì chàng hung hăng lắm, nhưng khi trước mắt người yêu thì chàng ngoan ngoãn như một con hươu non. Và lại Đổ vẫn tin là Trinh yêu mình, hơn nữa chàng sợ nhờ đến bên làm Trinh phật ý thì sao. Năm ấy hai người ít gặp nhau lắm. Một hôm sắp tới mùa hè, Đổ đi qua nhà Phụng Trinh... Nhìn vào, chàng thấy Trinh đang bế một đứa cháu nhỏ, con của người anh nàng; Trinh yêu trẻ con lắm. Đổ đã thấy nhiều chiều vừa đi học về, là nàng vút cặp chạy vội vào giành lấy đứa bé ở trong tay u nó. Hôm nay Trinh cũng đang tươi cười bế cháu, nhưng lúc nhìn ra thấy Đổ đang ngắm mình, nàng liền nghiêng đầu hôn đứa nhỏ, mắt đắm đuối vẫn không rời chàng trai.

Đổ ra về sung sướng đến đau khổ, chàng biết là chiếc hôn đó riêng tặng chàng. Bữa nay cũng như đã bao lần đôi mắt ướt của Phụng Trinh làm lòng chàng xao xuyến ngây ngất... Nhưng càng thấy Phụng Trinh cũng yêu mình mà không được tỏ lộ nỗi lòng, Đổ càng đau khổ bứt rứt. Dần dần thời gian qua, không làm sao được, Đổ đành lẳng lặng buồn rầu trông mỗi tình xa cách, không phương gì nói lại. Tuy biết là chia rẽ nhưng chẳng hiểu tại sao tự đáy lòng sâu, Đổ vẫn có một tia tin vu vơ, cái tin vô lý của lòng trai chưa hề biết thất vọng.

*

**

Những giấc mộng đẹp sao hay ngắn ngủi, tuổi trẻ vô tình qua mau như đàn mòng khoang vun vút bay qua cánh đồng rộng để vội vã biến vào cảnh trời mùa đông u ám. Nghi hè năm sau đã lại tới, rồi tới mùa thu! Một hôm đang ở rừng quê thì Đổ được

bạn viết thư cho biết tin Trinh đi lấy chồng. "Cưới chạy tang, bố chết... trông Trinh chẳng vui gì sớt cả v.v...".

Như những vết thương đứt quá mạnh làm ta tê đi không thấy đau, mấy ngày đầu Đỗ không thấy buồn, nhưng sau, nhiều lúc tự nhiên chàng thấy như mất một mục đích trong đời, chàng cảm thấy trong lòng chán nản. Tuy thế chàng vẫn yêu Trinh như trước và vẫn mang máng tin là Trinh yêu mình. Đỗ vẫn nói một mình: "Cứ để mặc anh tin em nhá".

Chẳng nữa trở lại ngay chốn cũ, lấy cớ vì năng thức đêm đọc sách nên tâm thần suy nhược, nay cần tĩnh dưỡng, Đỗ ở tịt lại nơi đồi quê tĩnh mịch. Lang thang giữa chốn núi sông điệp điệp, bạn cùng cây cỏ xanh tốt, chàng mong sẽ thấy lại nỗi yên vui... nhưng ngày tháng qua, biết mấy lần trăng rằm đã mọc sau đồi cỏ mà cũng chỉ đủ rọi thêm choáng váng vào cõi lòng tĩnh thức băng khuâng.

Chàng trai muốn quên mau. Song những ngày buồn nản qua không vội vã nên có lúc dừng ngựa mơ màng ngắm lá vàng bay giữa rừng vắng anh lại đau thương nhẩn hỏi:

- Gió ơi, sao làm tình chóng đứt?...

Hoa tình rụng rời, bình tĩnh cũng dần dần trở lại, nhưng trong lòng Đỗ đã bớt tin tưởng!

Với gió đông về, cuộc đời học sinh lại nối tiếp... giữa chốn bạn bè náo nức vui tươi nơi nhà trường, lòng trai đã nhanh bước mau trở lại yêu đời. Rồi một bữa đến, một bữa đông lạnh mà ánh mặt trời chợt bùng sáng chan hòa giữa gió lạnh vang vang đê mê đứng ngẩn trông theo tà áo tươi màu đang phấp phới đi

vào trong nắng gió, Đỗ lại thấy lòng bỗng rộn đập tung bùng. Cứ thế mà qua mãi, người đời tha hồ bảo yêu có một lần. Đỗ chẳng tin; hoa thì tàn nhưng lòng luôn luôn nở lại, cũng vì thế sau Phượng Trinh biết mấy chuyện tình thơ ngây đã tan vỡ! Kể sao cho thấu những nỗi vô lý chôn tình trường; chỉ vì lòng trai quá bỗng - bột - si - mê nên tình chẳng bền đâu! Tuy thế nhiều hôm bất ngờ tình cũ lại vẫn lên trong lòng, Đỗ lại mang ảnh Phượng Trinh ra ngắm rồi rầu rầu nói sẽ: "Nhưng chưa có mối tình nào đẹp như tình em... Trinh ạ".

Khá lớn lên, chàng trai sớm vội đua theo các bạn vào cuộc đời chơi bời phóng dăng; dần dần chàng đã trở thành khôn khéo; quen ra vào nơi tửu điếm nên chàng nói dối đã không ngưng lời, mắt đầy gian trá, nhưng lúc ấy thì người đời lại tin chàng. Từ một đứa trẻ Đỗ đã thành một người, và những mối tình dễ dãi ở mọi chốn chơi bời: cứ tiếp tục mà qua mãi. Giữa cái cuộc vui nhả nhớt, chàng đắm say tươi cười; thật lòng chàng trai quên sầu cũng dễ như yêu, nhưng lòng anh đã kém trong sạch, bây giờ khó tìm đâu cho thấy được vẻ sợ sệt rút rút si mê ngây thơ thuở mười tám: một ít vẻ đẹp đã mất.

Đỗ đã yêu khắp nơi đến nấc cùng, đâu chàng cũng yêu đến si dại, tuy thế vị ngọt hoa tàn của chuyện qua vẫn mang máng ủ ấp lòng Đỗ một nỗi nhớ thương nhẹ nhàng như làn gió thoảng qua của một buổi sớm nào êm dịu xa xôi. Đỗ vẫn chẳng thể quên được người xưa, luôn luôn lòng chàng như nhớ tiếc mối tình ngây thơ cũ, như thiếu nắng dịu, thiếu vẻ nồng nàn mà mắt Trinh chiếu lại. Đã bao lần yêu, đã bao lần sóng gió trong lòng, mà khi lắng hết chỉ riêng hình Trinh còn lại như vẫn còn sau cơn bão táp một cây cổ thụ. Chuyện qua đã ăn rễ sâu vào tận thớ tim Đỗ.

Sau đấy ít lâu Đỗi thôi học và về ấp ở với cha mẹ. Hồn Đỗi phức tạp, chàng yêu đồng nũi quê hương nhưng chàng cũng không quên làn không khí say sưa của cuộc đời chơi bời; từ nơi ấy Đỗi luôn luôn trở về thủ đô. Một hôm gặp Tuyết nàng nói cho Đỗi biết:

- "Phượng khen Đỗi bây giờ ngoan lắm, về quê làm ăn rồi, lần nào đến nhà tôi chơi, Phượng cũng nhắc đến Đỗi..."

Ngây cả người, Đỗi không hiểu sao Phượng Trinh lại biết mình về quê làm ăn, mà mình có làm ăn gì đâu!... Nhưng Tuyết đã nhìn chàng nói nhỏ:

- Phượng vẫn yêu Đỗi lắm...

Trời, Đỗi muốn khóc lên được! Thấy Đỗi ngây đờ yên lặng, Tuyết mỉm cười nói tiếp:

- Lần nào gặp tôi Phượng cũng nhắc đến Đỗi, cũng như Đỗi gặp tôi cứ hỏi chuyện Phượng ấy mà... Sao hai người không lấy nhau nhỉ...

... Rồi Tuyết kể:

- Ngày sắp cưới Phượng ấy, Phượng có chạy đến tôi nói chuyện. Tôi có hỏi sao không lấy Đỗi có hơn không thì Phượng nói: "Tại Đỗi không đến hỏi... mà đợi thì biết đến ngày nào!" Với lại Phượng cũng không biết Đỗi có ý định lấy Phượng không mà đợi cơ!... Phượng bảo:

"Chả nhẽ em lại mang giàu cau đến hỏi Đỗi à?..."

Nghe xong, Đỗi đau đớn hỏi trách:

- "Sao Tuyết không nói cho tôi biết ngay từ ngày ấy"... thì Tuyết giả nhời:

- Ngày ấy tôi cũng có ý tìm Đổ, nhưng hình như Đổ ít khi có mặt ở Hà Nội thì phải...

Khẽ gật đầu, Đổ yên lặng băng khuâng.

Từ đấy chàng chỉ biết mang câu duyên số ra để tự an ủi và từ đấy chàng càng tin chắc rằng chẳng bao giờ nữa Phượng Trinh quên mình, chàng vẫn nhủ thầm:

- Ai quên được những ngày đẹp đẽ trong đời...

Chuyện qua Đổ vẫn giữ quý như một kho vàng. Lắm lúc băng khuâng nghĩ lại, Đổ vẫn thường cau có tự hỏi: "Sao lại cứ nhớ, sao không quên đi cho tâm hồn được thư thái"... nhưng rồi chàng lại nói ngay: "Không, đừng bắt ta quên, ta muốn nhớ cho đến lúc mãn chiêu... ở đời có những vết thương êm ái. Như ta lúc này ai dám bảo nhẹ buồn khổ là khi đó dư âm của một thời rạo rực, trở về vang lại trong hồn". Và những khi ở Hà Nội, Đổ vẫn hay đi nhà thờ, nhưng nay không phải vì ai nữa mà tin tưởng ở đạo giáo. Và lại xuân đầu chỉ có một lần, chàng không muốn bỏ một cái gì của những ngày tuổi trẻ tươi thắm đã qua.

Một hôm vô tình Đổ đi xe ngang qua nhà chồng Trinh. Nhìn vào, chàng thấy Trinh đang đứng trong căn vườn nhỏ như mơ màng. Có thể thôi mà về tới nhà chàng cũng sung sướng mãi và cả ngày nhắc nhở": Có lẽ phút này Trinh đang nghĩ đến ta, có lẽ... có lẽ!". Rồi trên quyền sở tay biên trăm thức lật vạt, chàng viết mấy dòng: "Có lẽ như ngày nào đôi mày hơi đưa lên, em nhìn vào nơi nào không định. Nghĩ gì thế em? Thôi,

ngĩ hạnh phúc quá mơ hồ, cuộc đời éo le bất trắc. Em, trông gì ở nơi xa ấy, có phải là anh? Em, sao chẳng đáp lại tiếng gọi của lòng anh?"

Viết thế, Đỗ lại nhớ tới câu mà trước kia Trinh trả lời "Đã có người đáp lại rồi còn gì" thế là chàng lại đấm vào má vò đầu rút tóc hối hận. Trinh bây giờ đã hiểu lòng chàng mà sao Trinh ngày ấy lại trả lời chàng thế, Phượng Trinh có hiểu đâu lòng trai thuở ấy đương thời mới ở say sưa cảnh đẹp yêu mến cỏ hoa, mê giọng chim, tiếng hát, khao khát tình yêu... như một con hươu non xông vào rừng thẳm để tìm cỏ quý, nhưng anh đã ăn cả cỏ dại lá lạ ở dọc đường! Hoa đẹp nhiều quá, lòng đang mới mẻ, anh giữ sao được không hái một hai bông gần. Đôi lúc nghĩ lại, Đỗ vẫn bực tức kêu lên:

- Họ bảo thế là bạc tình! Thật họ không hiểu, nhưng ta nói làm sao được! Ta không bao giờ bạc tình mà chỉ nhiều tình quá...

Ngày tháng qua đi, càng lớn lên càng bận công việc nhiều; ngoài những giấc mơ ngắn ngủi, chả mấy khi Đỗ còn được gặp Trinh như xưa mà cũng chẳng chả mấy khi Đỗ còn được gặp Tuyết để nàng kể cho nghe ít chuyện về người cũ. Nhưng cứ tết đến, mỗi lần gửi lại hương thủy tiên nhắc nhở xa khơi, mỗi lần thấy xuân về nở trên cành đào Đỗ lại thấy hoa tình cũ cũng nở lại trong lòng mình, vì thế năm nào chàng cũng vẫn gửi lời chúc mừng năm mới đến người xưa. Tuy chỉ vài dòng ngắn ngủi Trinh cũng hốt hoảng đọc vội đoạn cảm ép lên ngực nhìn trời chớp mau. Những lúc đó đôi mắt đen trong sáng lại mờ ánh lệ.

Họa hoằn có một đôi khi bất ngờ gặp lại trên đường từ xa Đỗ thường đứng lại bên vỉa hè vờ vĩnh đợi ai để ngắm Trinh qua...

và cặp mắt nhưng điểm lệ lại mở to xao động ánh tươi vui khi vô tình đặt tới người cũ,... rồi thôi, cả hai đều băng khuâng không cười nói với bạn nữa, mà chỉ yên lặng để nghe tiếng thỏ thẻ xôn xao.

Ngắm Trinh qua một buổi rất gần, Đỗ thấy đôi mắt của nàng đã kém vẻ tươi cười như thắm bảo "Em không được sung sướng". Đỗ biết Trinh đã hiểu lòng mình, nhưng còn đâu nữa! Lúc hai người biết được tình sẽ bền chặt mãi mãi thì ai hay chả đã quá muộn rồi. Tuy thế Đỗ vẫn sung sướng với mối tình lỡ làng, mà chàng biết sẽ là nguồn an ủi cho chàng suốt đời, sẽ là của cải vô giá của tuổi trẻ mà chàng còn giữ lại được. Đỗ nhận thấy vẻ trong sáng của đôi mắt người yêu sẽ mãi mãi là ánh sáng của đời chàng. Tình yêu xui Đỗ đôi khi có những mộng tưởng không ngờ, cũng như lắm lúc chàng tin rồi ra sẽ có ngày giọng Trinh nói khẽ bên tai: "Ước gì đôi ta cùng bé lại".

Bất ngờ một hôm Đỗ gặp lại Tuyết, hai người vui vẻ trò chuyện xa gần, nhưng rồi cũng nhắc đến Phượng Trinh... Đỗ hỏi:

- Vừa rồi mới gặp, tôi trông Trinh có vẻ buồn ấy... gia đình Trinh có chuyện gì không vui không?

Tuyết cười đáp:

- Sao Đỗ lại hỏi thế. Phượng Trinh ngoan lắm. Chồng Phượng không trách Phượng điều gì cả...

Bố mẹ chồng cũng thế...

Đến lúc Đỗ nhú đôi mày vui vẻ bản khoăn mỉm cười nói:

- Không biết tại sao tôi trông Phượng như không được vui. Phượng có được sung sướng không? thì Tuyết thoáng cười buồn:

- Đỡ cũng biết tính Phượng trẻ con vui đùa là thế, mà chồng thì tính nết như ông cụ ấy...

Tuyết ngừng lại, mắt chớp băng khuôn rồi mỉm cười nhìn Đỗ nói tiếp:

- Lấy Đỗ thì có nhiên là vui hơn... à ngày xưa ấy mà, độ Phượng chưa đi lấy chồng ấy, một lần Phượng thấy trong sách ảnh của tôi có tấm ảnh của Đỗ chụp ngồi ở đồng rơm, thế rồi Phượng cứ lấy, làm tôi phải đòi mãi...

Đỗ đứng yên lặng bùi ngùi trong sung sướng! Thấy bạn có vẻ buồn tiếc, Tuyết hạ giọng:

- Thôi chả cần Đỗ ạ, hình Đỗ ở trong tim Phượng cũng đủ rồi.

Từ đây mỗi lần gặp người yêu cũ là Đỗ thấy như mình đang sống lại thời say mê thuở mười tám. Trong mắt Phượng Trinh chàng thấy lại một ít tuổi nhỏ, một chút nắng sưởi ấm cho lòng chàng ấm dịu, chút nắng thừa của một thời xa xôi. Nhưng lúc đó Đỗ chỉ biết đứng nhìn theo cho tới nẻo đường đã khuất mà tà áo Trinh còn phấp phới bay rồi chàng bàng hoàng ngẩn ngơ nói một mình:

- Trời ơi, đôi mắt đen quá, sáng quá, phải chăng là những tấm gương phản chiếu màu tươi sắc thắm của những ngày rực rỡ...

Đến một hôm chẳng hẹn trước, Tuyết rủ Đỗ đến nhà Phượng Trinh chơi. Gặp lại bao nỗi ngượng ngùng, Trinh càng sung

sương. Xong bẽn lẽn cũng ruộm hồng đôi má; còn Đỗ thì ngày ngày cảm động ngắm bạn lòng cũ. Trước mặt chàng trai giọng Trinh nói chuyện với Tuyết mát cả tự nhiên; Đỗ ngồi nhìn trong lòng lâng lâng sung sướng, có một lúc Trinh quay sang mỉm cười e thẹn hỏi Đỗ:

- Độ này không hay gặp ông đi lễ.

Phượng Trinh gọi Đỗ bằng "ông"! Nhưng làm thế nào, nàng đã có chồng! Nghe Trinh gọi mình như thế, Đỗ thấy nhói vào tim, nhưng hiểu tình thế mới, chàng vội trả lời:

- Độ này tôi ở nhà quê luôn... thỉnh thoảng mới về Hà Nội, thành ra Trinh không gặp...

Ngừng một tí, Đỗ mỉm cười nói tiếp :

- Máy lại ngày xưa tôi có đi lễ bao giờ đâu,... từ ngày biết Trinh tôi mới đi nhà thờ đấy chứ. Trinh đã cứu vớt một linh hồn mà Trinh không biết...

Răng trên khế cắn lên môi dưới e thẹn, Trinh mỉm cười đỏ hồng cả mặt, rồi đưa ngón tay cong cong lên miệng cắn cắn cảm động, đoạn nàng nhìn Tuyết cười ngượng nghịu cất tiếng bảo:

- Đi lễ thế thì chaaa... được phúc.

Nhưng mắt nàng sáng ngời, phải chăng vì duyên cũ! ánh sáng ấy cũng đủ khêu lại lòng Đỗ ngọn lửa đã gần tàn; và trông Trinh cười đăm say. Đỗ thấy nụ cười tươi thắm ấy như đưa chàng vào một vườn nắng nhẹ gió vừa. Đỗ ra về với ít hoa nở lại trong lòng với ít tin tưởng rằng sẽ chẳng bao giờ hương tình

cũ đến nổi tan bay hết. Đồi còn tươi đẹp và tươi lại vườn tình đang úa. Đỗ sung sướng trở lại nơi đồi núi quê hương và mang theo trong tim đôi mắt tươi cười của Trinh, đôi mắt trong sáng như trắng làn nước trong đã bao lần làm anh ngây ngất khi buổi đầu dịu dàng nhìn lại...

Vài hôm sau, một chiều vừa cười ngượng đi chơi núi về thì Đỗ nhận được một phong thư, trong Tuyệt viết: "Hôm qua Phượng lại đặng tôi chơi và bảo: "Hôm nọ, lúc vào tới phòng tiếp khách thoát trông thấy Đỗ, Phượng choáng váng ngạc nhiên đứng dừng lại..."

Thôi thế cũng đủ làm Đỗ sung sướng đến rung rung nước mắt. Tay vẫn cầm tờ giấy lơ đãng chàng lững thững đưa bước ra phía đồi sau nhà. Trời mát tóc thoảng nhẹ bay phất phơ trên trán... băng khuâng vô tình đứng trông những bông vông-vang phất phơ trên bụi cỏ đang kín đáo cúp lại trong gió chiều êm đềm, Đỗ lại thấy lòng bỗng tràn đầy tin tưởng như buổi mới... và man mác hy vọng, chàng như khẽ:

- Hoa còn có loài chiều hôm cúp vào để sớm mai nở lại em ạ, thì tình ta sao chả có lúc nổi theo...

So sánh Thạch Lam với Đỗ Tôn, Nhất Linh viết : *"Tôi thấy hai nhà văn này có nhiều chỗ giống nhau và tôi tin Đỗ Tôn sẽ là một Thạch Lam thứ hai trong văn giới nước ta."*

Trong **Tuyển Tập Truyện Ngắn Việt Nam** do Văn Hóa Á Châu xuất bản năm 1963, có nhận định về Đỗ Tôn như sau:

HUỶNH ÁI TÔNG

Cuộc sống trong tác phẩm của Đỗ Tôn rất phong phú, nhưng bao giờ cũng được thể hiện bằng một lối viết điều độ, bình tĩnh.

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Tôn Web: gocnhin.net
- Đỗ Tôn Web: t-van.net
- *Tuyển Tập Truyện Ngắn Việt Nam* (Văn Hữu Á Châu, 1963)

3) Nguyễn Văn Xuân



Nguyễn Văn Xuân (1921-2007)

Ông Nguyễn Văn Xuân là người làng Thanh Chiêm, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Lúc nhỏ, ông học ở quê, sau ra học ở Huế. Năm 16 tuổi, ông bắt đầu tự học và tập viết văn.

VĂN HỌC MIỀN NAM 1954-1975

Năm 1939, truyện ngắn đầu tay của ông có tên là *Bóng tối và ánh sáng* được chọn đăng trên tạp chí *Thế giới* (Hà Nội) và được trao giải nhất. Sau đó, ông lần lượt cộng tác với các báo, như: *Bạn dân* (Hà Nội), *Thế giới* (Hà Nội), *Mời* (Sài Gòn), *Văn Lang* (tạp chí, Sài Gòn), *Tiểu thuyết thứ Bảy* (tạp chí, Hà Nội)...

Từ năm 1945 đến năm 1954, ông tham gia phong trào cách mạng ở quê nhà, từng làm Ủy viên kịch nghệ thuộc Hội Văn nghệ Quảng Nam, Ủy viên kịch nghệ thuộc Hội Văn nghệ liên khu V.

Sau năm 1954, ông ở lại Quảng Nam dạy giờ tại các trường tư và tiếp tục sáng tác.

Năm 1955, ông tham gia viết bài đăng trên tạp chí *Mùa Lúa Mới* do Võ Thu Tịnh chủ trương, sau đó ông bị bắt giam ở nhà lao Thừa phủ (Huế), vì tham gia phong trào đấu tranh đòi thống nhất đất nước.

Ngoài công việc viết văn, ông còn dạy học tại các trường trung học tư thực Đà Nẵng, Đại học Văn khoa Huế, ...và sau này dạy thêm ở Đại Học Đà Nẵng (thành lập năm 1974).

Ông qua đời ngày 4 tháng 7 năm 2007 tại Đà Nẵng, thọ 86 tuổi.

Tác phẩm:

- *Ngày giỗ cha* (tập truyện ngắn, 1943)
- *Ngày cuối năm trên đảo* (tập truyện ngắn, 1945)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Bão rừng* (tiểu thuyết, 1957)
- *Dịch cát* (tập truyện ngắn, 1966)
- *Khi những lưu dân trở lại* (khảo luận, 1967)
- *Hương máu* (tập truyện ngắn, 1969)
- *Phong trào Duy Tân* (biên khảo, 1969)
- *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* (khảo lục, 1971)
- *Kỳ nữ họ Tống* (truyện lịch sử, 2002)
- *Nguyễn Văn Xuân-Một người Quảng Nam* (27 bài báo, 2010)

Trích văn:

Trước khi vào truyện

“ Những chuyện chết tôi trình bày ở đây chỉ là mấy cái chết khiêm tốn của những con người ở miền xương xẩu của đất nước Việt Nam. Tôi chọn nhân vật của tỉnh Quảng Nam (nay chia thêm Quảng Tín) này không phải do óc tự hào địa phương, cái địa phương vốn là một trong những nguồn cung cấp những con người ưu tú để hiến dâng đất nước và niềm hứng khởi lớn lao cho bản hùng ca của tranh đấu sử. Tôi chọn nó chỉ vì những tình cảm tự nhiên qua những ngày lang thang trong xóm làng hay trôi theo dòng tản cư vĩ đại...Tôi đã nghe biết bao lần và biết bao người kể về cái chết của các anh hùng, liệt nữ, cũng như của bọn đầu trộm đuôi cướp; có những cái chết đáng lưu lại mà cũng có những cái chết đáng được quên đi. Nhưng tất cả các cái chết ấy đã kích thích óc tò mò bắt tôi suy nghĩ và tôi cho đều đáng ghi lại một nét ý chí, một sắc thái địa phương và hiển nhiên cũng là của dân tộc. Nói khác đi, đây không có con mắt đạo đức, sử học hay giáo dục. Đây chỉ là một lối nhìn của một đứa trẻ con quá lớn trong tâm hồn tôi: đứa trẻ ấy vừa thực tế, vừa mơ mộng lại hiếu kỳ mà nghệ sĩ. Đứa trẻ ấy với tâm hồn còn ngân vang tình cảm thuở ban đầu,

không muốn dùng sự xác thật để sửa chữa những điều tai nghe mắt thấy. Và nó chỉ muốn vẽ lại trung thành cái nhìn lịch sử bằng con mắt của dân chúng, của những diễn viên hoặc khán giả của chính lịch sử ấy, mà tự họ đã để thực tế, sự kiện lùi dần nhường chỗ cho huyền thoại lan ra.

Tôi không muốn kể lại chuyện ông Hoàng Diệu trước khi chết phải làm cái gì khác hơn là đá mâm cháo gà và ném gươm toan giết viên đội hầu trung thành. Tôi không muốn kể lại ông Nguyễn Hiệu không bao liệt như thế. Tôi không muốn thấy bà vợ Thái Phiên quần máu hồng trong tóc và chết kinh khủng như thế. Tôi không muốn tả lại cái thời Pháp thuộc mà tử tội về làm lễ ở dinh Chúa và thông dong đi qua đám dân làng bái vọng...Tôi không muốn nhiều chuyện lắm. Ví hoặc nó quá đúng một cách thô thiển, hoặc nó quá sai vì giàu tưởng tượng và nhất là nó không mấy vinh dự cho các danh nhân được nhiều ngưỡng mộ. Nhưng chính các bô lão khi kể cho tôi nghe thì họ kể một cách hăng hái nhiệt thành cho đến độ tôi tưởng nếu không phải như thế mới là không thật không hùng mà tôi đã nghe, đã yêu, đã gìn giữ trong tâm khảm qua nhiều năm tháng. Qua nhiều năm tháng, tôi tưởng như tiếng bà bác tôi còn văng vẳng: “Ông đã hát mâm cháo gà rồi đi tuốt ra Võ Miếu, viên đội hầu liền chạy theo...” hay một cụ hai mắt đã mờ, chỉ nhìn rõ vào nội tâm hơn ngoại giới, nói bằng giọng nhợt nhạt: “Chúng tôi đưa ông qua chùa, qua dinh để bái lạy. Bà con trong làng đã đặt bàn, thắp hương...” , hay một cụ khác, gầy guộc, loắt choắt hình như đã từng cộng sự với Thái Phiên và đã có thái độ vừa kính tởm vì mùi hôi tanh vọng qua thời gian, vừa xót xa thương tiếc người bạc mệnh...

Những nhân vật lịch sử này cũng phát xuất từ làng tôi hoặc ở các làng chung quanh, có người ở sát vách, có người năm mươi cây số, thành thử chuyện của họ thường hoà bát nước chè đậm Tiên Phước, tô mì Phú Chiêm hay buổi cày bừa, lúc hò khoan hát hố... Do đó, mỗi khi suy tư về họ, tôi mừng

tượng thấy cả dòng nước xanh của nhánh sông Thu Bồn êm ái chảy qua đầu làng Thanh Chiêm nghèo nàn tuy lúa, rau xanh nghìn nghít, nơi đã từng mọc lên một cách hiên ngang những thành quách vững chãi của các chúa Nguyễn trên đường mở sinh lộ ở phương nam.

Tôi mong sẽ có nhiều cơ hội biết và giai hòa tình cảm tôi với nhiều địa phương khác để viết vì nơi nào chẳng là Đất Mẹ, đáng cho ta mến yêu và khai thác. Tôi cũng hy vọng sẽ viết được nhiều những đề tài khác, tuy tôi vẫn tin chắc chuyện chết không bao giờ hết là nguồn cảm hứng cao cả, sâu xa. Vì chết cho biết chết sẽ chỉ dành cho những ai sống một đời đáng sống. Mà tất cả chúng ta ai ai và bao giờ cũng sống đời đáng sống hay không”

.....

Rồi Máu Lên Hương

... “ Giữa lúc ấy, một buổi sáng, tôi bỗng ngạc nhiên nhận thấy trước gian nhà dùng làm Ty của ông Phan được đóng cọc, dựng lều. Người ta đem hương án kê về phía Bắc, trên hương án có bộ ngũ sự bằng đồng sáng bóng, có hoa tươi trong độc bình. Trước án trải mấy dãy chiếu hoa cap điều còn mới. Trên các cây cột có treo sẵn đèn đuốc. Tôi nhớ lại từ mấy đêm nay, ông Phan không ngủ, mãi dọn dẹp giấy tờ trong văn phòng cùng ông Hường rồi đem đốt trong một cái chậu kiếng. Chúng tôi cũng được tự do đi chơi, không phải làm việc gì mà cũng không cần có mặt ở Ty. Ông có vẻ trầm tĩnh như thường ngày nhưng không dấu được vẻ buồn chột thoáng qua trong cái nhìn khoan dung. Tôi chỉ là một viên chức quá nhỏ nên không thể biết được những việc quan trọng nên việc gì cũng nhờ ông Bốn, giữ chức Chủ sự cùng ở chung nhà cho biết. Nhưng lần này, tôi cố gắng hỏi nhiều lần mà ông Bốn đều đánh trống lảng cá. Ông cũng bận tíu tít, chỉ gặp tôi trong bữa ăn rồi quày quả

trở lại Ty ngay. Tôi nhận thấy trong ngày ấy có nhiều quan chức địa phương cũng có mặt và buổi chiều sang họp kín ở nhà ông Hoàng. Ai nấy đều có vẻ nghiêm trọng và dăm chiêu. Quân lính cũng lần lượt về mấy đội, mặc quân phục. Buổi tối, đèn đuốc thấp sáng tưởng như đây là ngày lễ Hưng quốc. lát sau, một đội lính có bịt khăn ché, cầm đuốc tre, tiến sang đứng hai bên để soi đường cho đám người từ nhà ông Hoàng dẫn sang. Ông Bón phát cho chúng tôi mỗi người một chiếc khăn trắng bảo đội lên đầu và chia nhau đứng cùng với các thân hào trong vùng. lát sau, đám người ấy tiến tới do ông Hoàng và ông Phan dẫn đầu. Mỗi ông đều mặc đại trào, có ủng, có đai, bào nhung nhưng bịt khăn trắng và ngoài áo gấm lại có áo khoác, áo ché. Các quan đi sau cùng đều mang khăn tang cả. Tôi thâm đoán là vua Hàm Nghi chết. Bệnh tật hay bị giết? Tôi thương hại ông vua mà tôi phụng sự song chưa biết mặt, lòng hết sức buồn ngủi. Ở lều trại, lễ sinh cũng bận trào phục, có chiêng trống nhưng không có nhã nhạc, mời các quan tuần tự đứng theo phẩm trật mình. Ông Hoàng ở chiếu giữa, ông Phan ở chiếu bên hữu cùng các quan văn. Chiếu bên tả dành cho các võ quan. Tôi đứng vào hàng sau cùng trước các thân hào. Lính tráng cầm đuốc bọc quanh gian lều. Dân chúng nhiều người tò mò đến xem, ban đầu đứng ngoài xa, sau tiến lần vào gần. Đại lễ bắt đầu. Chuông trống nổi lên. Lễ sinh đọc các câu nghi thức thường lệ. Hôm nay có điều đặc biệt không bao giờ xảy ra là ông Hoàng lạy xong trước hương án thì đứng sang một bên, nhường chỗ cho ông Phan. Ông Phan đến lạy năm lạy rồi quỳ xuống cùng ông Hoàng song song chấp tay lên trán khăn vái. Các quan cũng đều quỳ sấn và cùng khăn vái như thế cả.

Khi lễ xong, ông Hoàng ra hiệu cho tất cả mọi người lại gần. Tất cả chúng tôi đều tiến lần lên, ban đầu còn hơi xa, rồi càng lúc càng nhích tới gần. Ông Hoàng không dùng cái giọng đánh thếp ra lệnh hàng ngày mà dùng một thứ giọng rất trầm buồn song vẫn đầy cương nghị. Ông ngỏ lời trước với các quan lại, tướng sĩ, sau với thuộc hạ, quân lính. Đại ý, ông cho biết một

quyết định hết sức lạ lùng, một quyết định thật bất ngờ ở ngoài tất cả dự đoán non nớt của tôi, và ba mươi năm sau, bốn mươi năm sau, mỗi lần nhớ đến, tôi vẫn còn ngỡ ngàng tưởng mình đang chiêm bao. Ông cho biết là từ thất bại này sang thất bại khác, đại cuộc đã hồng, không hy vọng nào kéo dài thêm nữa. Vì càng kéo dài thì chỉ càng hao người, tốn của, không còn lối thoát nào ngoài sự tiêu diệt đến con người cuối cùng. Vậy cần bảo toàn sinh lực, ý chí của Hội để chờ thời cơ thuận lợi sẽ hoạt động trở lại. Cuộc đấu tranh trường kỳ để thủ hồi độc lập không cốt ở một đôi nơi, một đôi lúc mà cốt ở bất kỳ nơi nào, lúc nào ‘ trong vĩnh cửu, bằng vĩnh kiếp thực hiện theo một cách vĩnh cửu ’. Vậy mỗi hội viên, quan lại, mỗi chức việc, quân binh phải tự nhiệm cái trách vụ đi tìm những người đồng tư tưởng, đồng chí khí kết giao với họ để hưng lại cái nghiệp cứu quốc gia ta bị lỡ dở, học thêm cái phương pháp mới, rèn luyện khí cụ mới để công cuộc chiến đấu có hiệu quả chắc chắn hơn trong thời buổi khoa học mới mẻ này. Ngày nay, để giữ bí mật cho sự hoạt động của các đảng nhân, để khỏi may mắn tiết lộ các chân tướng của những người cộng sự với Hội ta thì người thủ xướng tức là Phan đại nhân và tôi sẽ chịu chết. Phan đại nhân là người giữ tất cả giấy tờ giao thiệp với đảng nhân ba tỉnh, là cái hồn của công cuộc tổ chức Nghĩa Hội ở ba tỉnh, sẽ đốt hết giấy tờ quan hệ tại đây và cùng chết ngay tại đây, để cho ai nấy tin chắc là mọi sự bí mật của Hội, mọi hoạt động của hội chỉ có trời đất biết. Dẫu ai có muốn tố cáo, muốn phanh phui gì cũng không có bằng chứng nào để vin vào mà di hại đảng nhân của ta nữa. Còn tôi, tôi sẽ đi chết ở một nơi khác. Ở nơi khác đó, tôi sẽ tự nhận tất cả tội đã bắt buộc mọi người phải qui phục và như thế không quyền lực nào còn vin vào đâu để sát hại, bắt bớ đảng nhân ta nữa. Như thế linh hồn của Hội ta còn, mà hễ ‘ tồn ngô đảng, tha nhật hữu thành ngô chí giả, ngô sanh giả ’

Ông nói xong, quay về phía ông Phan. Ông Phan cũng tiếp lời căn dặn chúng tôi phải tận trung với nước, với vua, nhưng

cũng phải rút bài học tranh đấu của Nghĩa Hội, phải nhớ câu: ‘nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân’ để theo kịp thời đại mà chiến đấu cho hiệu quả. Ông quay sang ông Hường, lạy ông hai lạy và ông Hường lạy lại bốn lạy. Các quan cũng lạy ông, ông cũng đáp lạy lại. Tất cả mọi người đều quỳ lạy và chờ đợi trong một sự yên lặng tưởng nghe được rõ tiếng sột soạt của xấp giấy ông rút ra từ ngục. Đó là danh sách hội viên Nghĩa Hội. Ông đưa lên ngọn lửa, cầm chức xuống cho cháy đều rồi đặt vào trong một cái bát cổ rất lớn.

Tiếp theo, ông rút ra một chiếc xấp da bọc nhỏ. Từ xấp da, ông lấy ra một cái gói bọc bằng giấy hồng đơn đã cũ mềm, đường xấp gần rách mà hình như ông mang theo từ lâu lắm, có lẽ từ thời quyết định đứng lên theo hịch Cần Vương. Ông thông thả mở gói, đổ chất thuốc đen vào một chén nước lạnh đã đặt sẵn trên cái án thư kê trước mặt rồi lấy ngón tay khuấy cho tan đều. Khi cả chén nước đều đen ngầu, ông sửa lại khăn áo, bung lên trên hai tay đầy vẻ kính cẩn rồi quỳ xuống mà nói:

-Kẻ chịu mệnh Hoàng Thượng mà không làm tròn mệnh, xin chỉ lấy cái chết để tạ Hoàng Thượng.

Và ông quay đầu lại ông Hường, ông nói một câu giản dị:

-Ông hãy gắng sức, tôi xin đi trước

Ông quay một vòng:

-Xin giã biệt các quan và bà con.

Ông đưa chén thuốc lên môi, thông thả nuốt từng ngụm một. Uống xong, ông đặt chén ung dung nâng cái hốt ngà lên, đầu cúi xuống cho được trang nghiêm. Tất cả mọi người đều đã quỳ xuống. Nhiều người không ngăn được mối xúc động mãnh

HUYỀN ÁI TÔNG

liệt, phải nhét vạt áo vào họng sợ e cất lên tiếng khóc sẽ làm giảm mất không khí thiêng liêng...

....

Lát sau, khi những cái rùng mình mạnh làm ông lão đảo thì ông Hùng đỡ ông cho ngay ngắn rồi các quan đều lạy. Một tiếng nấc phía trước tôi, một tiếng nấc ở phía sau. Tiếng khóc nổi lên đồng loạt. Một người còn trẻ mà tôi nhớ chính là ông Nguyễn Thành, hét lên trong cơn xúc động dồn dập:

“Phan đại nhân ! Tôi nguyện sẽ giết hết, giết hết chúng nó để trả thù cho ông !...”

(Trích tập truyện *Hương Máu*)

Đọc Nguyễn Văn Xuân từ truyện ngắn cho đến những sách như Phong Trào Duy Tân, Khi Lưu Dân Trở Lại, Chinh Phụ Ngâm Diễm Âm Tân khúc, chúng ta thấy văn ông giản dị, đôn hậu, có tấm lòng với đất nước, nghiên cứu nghiêm túc, để lại bài học cho người sau.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Xuân Web: vi.wikipedia.org
- Nguyễn Văn Xuân Web: luanhoan.net

Hiền PHẬT HỌC
2012